<u>BẠN</u> CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH

Ê-SAI:

NHÂN CHỨNG CỰU ƯỚC RÕ RÀNG NHẤT CHO MỘT KẾ HOẠCH CỨU CHUỘC TOÀN CẦU VÀ ĐỜI ĐỜI CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

VỊ TIÊN TRI VÀ NHỮNG PHÂN ĐOẠN VỀ TƯƠNG LAI ĐOẠN 40-66

BOB UTLEY
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH
(GIẢI NGHĨA KINH THÁNH)

TUYỂN TẬP HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU
GIẢI KINH CỰU ƯỚC, TẬP. 11B

NHỮNG BÀI HỌC KINH THÁNH QUỐC TẾ: MARSHALL, TEXAS 2011

MỤC LỤC

Giải thích vắn tắt về các tài liệu chuyên môn dùng trong bộ giải kinh Cựu Ước này 4
Những định nghĩa vắn tắt về những dạng động từ tiếng Hê-bơ-rơ tác động đến việc giải kinh 5
Những chữ viết tắt được dùng trong tập giải kinh này 10
Lời chia sẻ của Tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn? 12
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả : Sự nghiên cứu Cá nhân cho Lẽ thật được kiểm chứng 14
Phần Giải Kinh
Dẫn nhập vào sách Ê-sai 21
Ê-sai 40 30
Ê-sai 41 43
Ê-sai 42 55
Ê-sai 43 66
Ê-sai 44 75
Ê-sai 45 82
Ê-sai 46 96
Ê-sai 47 101
Ê-sai 48 108
Ê-sai 49 116
Ê-sai 50 126
Ê-sai 51 131
Ê-sai 52 141
Ê-sai 53 147
Ê-sai 54 157
Ê-sai 55 164
Ê-sai 56 171
Ê-sai 57 176
Ê-sai 58 184
Ê-sai 59 190
Ê-sai 60 197
Ê-sai 61 205
Ê-sai 62 211
Ê-sai 63 217
Ê-sai 64 223
Ê-sai 65 228
Ê-sai 66 238

Phụ lục Một: Giới Thiệu về Văn Học Hê-bơ-rơ.....246

Phụ Lục Hai: Giới thiệu về Các sách Tiên Tri Cựu Ước 249

Phụ Lục Ba: Lược khảo vắn tắt lịch sử 253

Phụ Lục Bốn: Các Biểu Đồ
1. Biểu Đồ Thời Gian Cựu Ước.....260
2. Các Vua và Những Sự Kiện Các Đế Chế Ba-by-lôn, Ba Tư, và Hy Lạp.....262
3. Các Vua Trong Thời Kỳ Vương Quốc Phân Đôi.....267

Phụ Lục Năm: Lập Trường về Tín Lý.....270

GIẢI THÍCH VẮN TẮT VỀ CÁC TÀI LIỆU CHUYÊN MÔN ĐƯỢC DÙNG TRONG BỘ GIẢI KINH CỰU ƯỚC NÀY.

I. Từ vựng

Có vài quyển từ điển chuyên sâu về tiếng Hê-bơ-rơ cổ rất hữu ích.

A. *Hebrew and English Lexicon of Old Testament* của Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs. Quyển này dựa theo quyển tự điển bằng tiếng Đức của William Gesenius và được viết tắt là BDB.

B. *Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của Ludwig Koehler và Walter Baumgartner, do M. E. J. Richardson dịch. Chữ viết tắt của nó là KB.

C. *A Concise Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của William L. Holladay dựa theo quyển tự điển bằng tiếng Đức đã đề cập ở trên.

D. Một bộ mới năm quyển nghiên cứu từ vựng thần học được đặt tên *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, do Willem A. Van Gemeren biên tập. Chữ viết tắt của nó là NIDOTTE.

Những chỗ nào có khác biệt quan trọng về từ vựng thì tôi trưng ra một số bản dịch tiếng Anh (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB) theo cách dịch "từng chữ" và cách dịch "tương đương trong cách dùng (chức năng)" (xem Gordon Fee & Douglas Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 28-44).

II. Về ngữ pháp

Muốn hiểu được ngữ pháp thì thường dựa vào bộ *Analytical Key to Old Testament* với bốn quyển của John Giô-sép Owens. Tài liệu trên được đối chiếu với quyển *Analytical Hebrew and Chaldee Lexicon of Old Testament* của Benjamin Davidson.

Tài liệu hữu ích khác về những đặc điểm ngữ pháp và cú pháp được dùng trong hầu hết những tập giải kinh Cựu Ước của bộ "Bạn có thể hiểu Kinh Thánh" là bộ "Những trợ giúp cho dịch giả" của Thánh Kinh Hội Quốc Tế (United Kinh Thánh Societies). Chúng được đặt tên là "Cẩm nang cho_____".

III. Bản văn

Tôi công nhận sự linh cảm của bản văn phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ (không có những dấu nguyên âm và chú thích của Masoretic). Cũng giống như mọi bản văn cổ chép tay đều có một vài đoạn văn còn trong vòng nghi vấn. Đây là điều thông thường là do những điều như sau:

A. *hapax legomenon* (là chữ được dùng chỉ có một lần trong tiếng Hê-bơ-rơ của Cựu Ước)

B. Những cụm từ thành ngữ (những chữ và cụm từ đã mất nghĩa đen nguyên thủy)

C. Không có chắc chắn về lịch sử (chúng ta thiếu thông tin về thế giới cổ đại)

D. Ngữ nghĩa của những nhóm khác trong ngôn ngữ semitic lại có trong số từ vựng giới hạn của tiếng Hê-bơ-rơ

E. Các nan đề liên hệ tới các nhà chép kinh về sau, chép tay những bản văn tiếng Hê-bơ-rơ cổ

F. Các nhà chép kinh Do thái được đào tạo (học) tại Ai-cập cảm thấy được phép cập nhật hóa bản văn nên khi chép họ bổ sung cho chúng được đầy đủ để người sống trong thời đại của họ có thể hiểu được (NIDOTTE trang 52-54).

Có vài tài liệu gồm từ ngữ và bản văn tiếng Hê-bơ-rơ bên ngoài Bản văn truyền thống Masoretic.

1. Bộ Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri
2. Các cuộn Biển Chết
3. Một vài đồng xu sau nầy, những lá thư, và ostraca (những mảnh vỡ của gốm chưa nung dùng để viết).

Nhưng hầu như Cựu Ước không có những dòng họ (trường phái) bản chép tay giống như trong các bản chép tay Tân Ước tiếng Hy lạp. Để tìm một bài viết hay về tính đáng tin cậy về văn mạch của bản văn Masoretic (có khoảng năm 900 sau Chúa) xem bài viết "The Reliability of the Old Testament Text" của Bruce K. Waltke trong NIDOTTE, quyển 1, trang 51-67.

Bản văn Hê-bơ-rơ được dùng là từ *Biblia Hebraica Stuttgartensia* từ Hội Kinh Thánh Đức, 1997, được dựa trên Leningrad Codex (năm 1009 sau Chúa). Thỉnh thoảng, những phiên bản cổ xưa (Septuagint tiếng Hy lạp, bản Targums tiếng A-ram, Syriac Peshitta, và Latin Vulgate) được tham khảo nếu tiếng Hê-bơ-rơ tối nghĩa hay là có lầm lẫn cách rõ ràng.

NHỮNG ĐỊNH NGHĨA VẮN TẮT CỦA NHỮNG DẠNG ĐỘNG TỪ TIẾNG HÊ-BƠ-RƠ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC GIẢI KINH

I. Tóm tắt lịch sử phát triển của tiếng Hê-bơ-rơ

Tiếng Hê-bơ-rơ là thành phần trong nhóm ngôn ngữ Shemitic (Semitic) ở tây nam Châu Á. Tên gọi này (do những học giả hiện đại đặt) theo tên Sem, con của Nô-ê (xem Sáng thế Ký 5:32; 6:10). Những con cháu của Sem được liệt kê trong Sáng thế Ký 10:21-31 như Ả-rập, Hê-bơ-rơ, Sy-ri, A-ram, và A-sy-ri. Trong thực tế một vài ngôn ngữ Semitic được các quốc gia thuộc dòng dõi của Cham sử dụng (xem Sáng thế Ký 10:6-14) như Ca-na-an, Phê-ni-xi, và Ê-thi-ô-pi.

Hê-bơ-rơ thuộc trong nhóm tây bắc của ngôn ngữ Semitic. Những học giả hiện đại có những mẫu tiêu biểu của nhóm ngôn ngữ cổ nầy từ:

A. Dân A-mô-rít (những bảng *Mari Tablets* từ thế kỷ 18 trước Chúa trong tiếng Akkadian)
B. Dân Ca-na-an (những bảng *Ras Shamra Tablets* từ thế kỷ 15 trong tiếng U-ga-rít)
C. Dân Ca-na-an (những lá thư *Amarna Letters* từ thế kỷ 14 trong tiếng Ca-na-an Akkadian)
D. Dân Phê-ni-xi (tiếng Hê-bơ-rơ sử dụng mẫu tự tiếng Phê-ni-xi)
E. Dân Mô-áp (bảng đá Mesha, năm 840 trước Chúa)
F. Tiếng A-ram (ngôn ngữ chính thức của đế quốc Ba-tư dùng trong Sáng thế Ký 31:47 [2 chữ]; Giê-rê-mi 10:11; Đa-ni-ên 2:4-6; 7:28; Ê-xơ-ra 4:8-6:18; 7:12-26 và người Do thái trong thế kỷ thứ nhất xứ Palestine sử dụng)
   1. Lịch Gezer, năm 925 trước Chúa (một học sinh viết)
   2. Bia đá Siloam, năm 705 trước Chúa (những ghi chép trong đường hầm)
   3. Những miếng gốm tiếng Sa-ma-ri (Samaritan Ostrada), năm 770 trước Chúa (những hồ sơ thuế ghi trên những mảnh vỡ bằng gốm)
   4. Những lá thư Lachish, năm 587 trước Chúa (truyền tin chiến cuộc)
   5. Những đồng xu và những con dấu Mác-ca-bê
   6. Một vài bản văn trong các Cuộn Biển Chết
   7. Nhiều bia khắc (xem "Các ngôn ngữ [tiếng Hê-bơ-rơ]," ABD 4:203ff)

Cũng giống như tất cả các ngôn ngữ Semitic, nó có đặc điểm là chữ của nó được tạo nên do ba phụ âm (ba phụ âm gốc). Nó là một ngôn ngữ linh động (không cố định). Ba phụ âm gốc chứa đựng ý nghĩa cơ bản của từ, trong khi đó tiền tố, hậu tố, hay là những chi tiết bổ sung bên trong trình bày về chức năng cú pháp (sau đó là những nguyên âm, xem *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew*, của Sue Green, trang 46-49).

Từ vựng tiếng Hê-bơ-rơ biểu lộ ra sự khác biệt giữa văn xuôi và thơ. Những ý nghĩa của chữ được gắn kết với những từ nguyên trong dân gian (không có nguồn gốc ngôn ngữ học). Những cách chơi chữ và cách dùng âm rất thông dụng (*paronomasia*).

II. Những khía cạnh của vị ngữ

A. NHỮNG ĐỘNG TỪ

Thứ tự từ ngữ thông thường là ĐỘNG TỪ, ĐẠI TỪ, CHỦ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa), BỔ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa). ĐỘNG TỪ cơ bản không dấu là Qal, ở dạng HOÀN THÀNH (PERFECT), GIỐNG ĐỰC (MASCULINE), SỐ ÍT (SINGULAR). Đó là cách sắp xếp của những tự điển tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng A-ram.

Những ĐỘNG TỪ (VERB) biến cách cho thấy:
1. Số—số ít, số nhiều, cả hai
2. Giống—giống đực và giống cái (không có trung tính)
3. Cách—chỉ định, cầu khẩn, mệnh lệnh (mối liên hệ với hành động thực tế)
4. Thì (aspect)
   a. HOÀN THÀNH (PERFECT), có nghĩa đã hoàn tất, theo nghĩa có khởi đầu, tiếp diễn, và kết thúc của một hành động. Dạng nầy thường được dùng cho hành động quá khứ, sự việc đã xảy ra. J. Wash Watts trong *A Survey of Syntax in Hebrew Old Testament* nói:

"Từng cái toàn thể được diễn tả bởi thì hoàn thành cũng được xem như chắc chắn. Thì chưa hoàn thành có thể diễn tả một tình trạng như là có thể hay là ước mong hoặc là trông chờ, còn thì hoàn thành thì xem nó như là thực sự, có thật và chắc chắn" (p. 36).

S. R. Driver trong quyển "*A Treatise on the Use of the Tenses in Hebrew*" mô tả nó như sau:

"Thì hoàn thành được sử dụng để chỉ hành động hoàn tất ở tương lai, nhưng vì được coi là phụ thuộc vào quyết định không dời đổi của ý chí nên nó có thể được nói đến như thể việc có thật đang xảy ra: do đó một quyết nghị, lời hứa, chiếu chỉ (sắc lệnh) đặc biệt là của thần linh thường được công bố bằng thì hoàn thành" (trang 17, ví dụ về thì hoàn thành của thể loại tiên tri).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition*, định nghĩa dạng động từ này như sau:

"nhìn xem một tình huống từ bên ngoài, như một toàn thể. Như vậy nó trình bày một sự việc đơn giản, cho dù đó là một hành động hoặc trạng thái (bao gồm cả tình trạng tâm trí). Khi được dùng để chỉ các hành động, nó thường xem hành động là hoàn thành từ quan điểm thuyết phục của người nói hoặc người kể (cho dù trong thực tế có hoàn thành hay không thì không phải là điều quan trọng). Thì hoàn thành có thể gắn liền với những hành động, trạng thái trong quá khứ, hiện tại hoặc trong tương lai. Như đã nói ở trên, cơ cấu thời gian ảnh hưởng đến việc một người dịch thì hoàn thành sang những ngôn ngữ chú trọng vào các thì giống như Anh ngữ và cơ cấu đó cần phải được xác định dựa vào bối cảnh" (trang 86).

b. THÌ CHƯA HOÀN THÀNH, diễn tả một hành động đang diễn tiến (chưa chấm dứt, lặp đi lặp lại, tiếp tục hoặc không chắc chắn), thường hướng tới một mục tiêu. Thông thường hình thức này được sử dụng cho một hành động trong hiện tại và tương lai.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* nói

"Tất cả các thì CHƯA HOÀN THÀNH diễn tả các tình trạng không hoàn tất. Chúng thường lặp đi lặp lại, tiếp tục khai triển hoặc có bất ngờ (không chắc chắn). Nói cách khác, có phần tiếp tục phát triển hoặc có phần được xác định. Trong mọi trường hợp, theo một số nghĩa thì chúng chỉ là từng thành phần, tức là vẫn chưa đầy đủ" (trang 55).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition* nói

"Thật là khó để tóm gọn bản chất của thì chưa hoàn thành vào một khái niệm đơn giản, vì nó gồm chứa cả thì (aspect) và cách (mood). Đôi khi thì chưa hoàn thành được sử dụng theo cách thức chỉ định và thực hiện một tuyên bố khách quan. Trong những trường hợp khác, nó nhìn xem một hành động theo cách chủ quan hơn, cũng như giả thuyết, bất ngờ, có thể và vân vân..." (trang 89).

c. Chữ "waw" được thêm vào để liên kết ĐỘNG TỪ với hành động của ĐỘNG TỪ trước đó.

d. MỆNH LỆNH, căn cứ theo ý muốn của người nói và hành động có thể thực hiện của người nghe.

e. Trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ, chỉ có những bối cảnh tổng quát mới có thể xác định được việc định hướng thời gian theo ý định của tác giả.

B. Bảy hình thức biến cách chính và ý nghĩa cơ bản của chúng. Trong thực tế những hình thức này tạo sự kết nối lẫn nhau trong mạch văn và không thể bị tách biệt.

1. Qal (Kal) là phổ biến nhất và cơ bản của tất cả các dạng thức. Nó biểu thị một hành động đơn giản hoặc một tình trạng hiện có. Nó không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
2. Niphal, hình thức phổ biến thứ hai. Nó thường là THỤ ĐỘNG, nhưng hình thức này cũng có chức năng phản thân (reflexive) và hỗ tương với nhau (reciprocal) . Nó cũng không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
3. Piel, hình thức này là chủ động và trình bày về việc tạo ra một hành động dẫn tới tình trạng hiện có. Ý nghĩa cơ bản là của gốc (stem) Qal và được phát triển hoặc mở rộng thành một tình trạng hiện có.
4. Pual, đây là dạng THỤ ĐỘNG đối ứng lại với dạng Piel. Nó thường được thể hiện bằng một ĐỘNG TÍNH TỪ.

5. Hithpael là loại (stem, gốc) phản thân hoặc hỗ tương với nhau. Nó diễn tả hành động lặp lại hay kéo dài thuộc gốc Piel. Dạng THỤ ĐỘNG hiếm gặp này được gọi là Hothpael.
6. Hiphil, hình thức chủ động của loại (stem) gây ra nguyên nhân và đối lập với Piel. Nó có thể có khía cạnh cho phép, nhưng thường đề cập đến nguyên nhân gây ra của một sự kiện. Ernst Jenni, một nhà ngữ pháp tiếng Hê-bơ-rơ, tin rằng Piel chứng tỏ một điều gì đó tiến đến tình trạng hiện có, trong khi Hiphil cho thấy nó đã xảy ra như thế nào.
7. Hophal, dạng THỤ ĐỘNG đối ứng với Hiphil. Hai dạng từ gốc cuối cùng ít được sử dụng nhất trong bảy loại từ gốc.

Phần lớn thông tin này đến từ quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke và M. O'Connor, trang 343-452.

Biểu đồ tác động và hệ quả. Một điểm quan trọng để hiểu biết hệ thống ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ là xem nó như là một mô hình của các mối liên hệ theo các THỂ (VOICE). Một số từ gốc thì đối lập với những từ gốc khác (ví dụ, Qal - Niphal; Piel - Hiphil)

Biểu đồ dưới đây cố gắng để hình dung các chức năng cơ bản của các gốc ĐỘNG TỪ theo hệ quả. (*** chú thích người dịch: vì không có chữ tiếng Việt tương đương nên không thể dịch một vài thuật ngữ/khái niệm ngữ pháp trong bản dưới đây ***)

CÁCH/THỂ hay CHỦ NGỮ	**No Secondary Agency**	**An Active Secondary Agency**	**A Passive Secondary Agency**
CHỦ ĐỘNG	*Qal*	*Hiphil*	*Piel*
THỤ ĐỘNG TRUNG CẤP	*Niphal*	*Hophal*	*Pual*
PHẢN THÂN/ HỖ TƯƠNG	*Niphal*	*Hiphil*	*Hithpael*

Biểu đồ này được lấy từ bài phân tích xuất sắc hệ thống ĐỘNG TỪ dựa theo kết quả nghiên cứu mới về tiếng Akkadian (xem quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke, M. O'Conner, trang 354-359.

R. H. Kennett, trong quyển *A Short Account of the Hebrew Tenses*, đã cung cấp một cảnh báo cần thiết.

"Trong khi dạy học tôi thường thấy khó khăn chính của sinh viên với các động từ tiếng Hê-bơ-rơ là nắm bắt cho được những ý nghĩa mà động từ truyền tải đến tâm tư suy nghĩ của chính người Do Thái. Điều đó cho thấy là có xu hướng xem mỗi thì (tense) của tiếng Hê-bơ-rơ tương đương với một số nào đó của các dạng thức (ngữ pháp) trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh, bởi đó mà loại thì đặc thù (particular Tense) lại được dịch theo cách thông thường. Kết quả là thất bại trong việc thấu hiểu rất nhiều những sắc thái tinh tế của ý nghĩa mà nó đã đem lại sự sống và sinh lực cho ngôn ngữ của Cựu Ước.

Khi sử dụng các động từ tiếng Hê-bơ-rơ thì điều khó khăn duy nhất là nằm trong quan điểm để từ đó người Hê-bơ-rơ xem xét một hành động vì vậy nó hoàn toàn khác với quan điểm của chúng ta. Đối với chúng ta thời điểm là điều xem xét đầu tiên được bày tỏ qua chữ tense (thời điểm căng thẳng) , nhưng đối với họ (người Do Thái) đó là một việc thứ yếu. Do đó điều cần thiết là một sinh viên không được sử dụng quá nhiều các hình thức trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh để dịch các thì trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng tốt hơn là nên nắm bắt rõ ràng khía cạnh của mỗi hành động mà nó tự phô bày trong tâm trí của người Do Thái.

Chữ "thì"(tense) áp dụng cho các động từ tiếng Hê-bơ-rơ khiến hiểu nhầm. Cái gọi là "thì" trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt thời gian nhưng chỉ là trạng thái của một hành động. Thật vậy để không bị nhầm lẫn nên nêu lên sự áp dụng thuật ngữ "trạng thái" cho cả danh từ và động từ, chữ "các trạng thái" sẽ xác định rõ hơn nhiều hơn so với chữ "các thì." Cần phải luôn luôn ghi nhớ rằng không thể dịch một động từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Anh mà không cần sử dụng một giới hạn (xác định thời gian) đây là điều hoàn toàn không có trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do Thái cổ đại không bao giờ nghĩ về một hành động theo (ý nghĩa) quá khứ, hiện tại hay tương lai, mà chỉ đơn giản là HOÀN THÀNH, tức là chấm dứt, hoặc KHÔNG HOÀN THÀNH, nghĩa là đang còn tiếp diễn. Khi chúng ta nói rằng một số thì trong tiếng Hê-bơ-rơ tương ứng với thì HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI trong tiếng Anh, chúng ta không có ý nói rằng người Do Thái nghĩ về nó như là HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI, nhưng chỉ đơn giản là chúng phải được dịch sang

tiếng Anh như vậy. Thời gian của một hành động trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt bằng bất kỳ một dạng thức động từ nào" (trong lời mở đầu và trang 1).

Một cảnh báo thứ hai của Sue Groom trong quyển *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew* nhắc chúng ta rằng:

"Không có cách nào để phân biệt được giữa (1) Quá trình thiết lập lại lĩnh vực ngữ nghĩa và các liên hệ ý nghĩa của một ngôn ngữ chết cổ đại của các học giả hiện đại chỉ là sự phản ánh trực giác của chính riêng họ hoặc của ngôn ngữ mẹ đẻ của họ với (2) Các lĩnh vực đó đã hiện hữu (đúng y như) trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ" (trang 128).

C. CÁCH (Moods, Modes)

1. Nó đã xảy ra, đang xảy ra (CHỈ ĐỊNH CÁCH), thường sử dụng thì HOÀN THÀNH hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) (tất cả các ĐỘNG TÍNH TỪ đều là dạng CHỈ ĐỊNH).
2. Nó sẽ xảy ra, có thể xảy ra (BÀNG THÁI CÁCH, (subjunctive) GIẢ ĐỊNH, CẦU KHẨN)
   a. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có đánh dấu
      (1) DẠNG KHÍCH LỆ (thêm h), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ nhất, thường bày tỏ một mong muốn, yêu cầu hoặc tự khuyến khích (hành động theo ý muốn của người nói)
      (2) DẠNG MỆNH LỆNH (thay đổi bên trong), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ ba (có thể là ngôi thứ hai trong câu phủ định) thường trình bày một yêu cầu, sự cho phép, một lời nhắc nhở, hoặc một lời khuyên
   b. sử dụng THÌ HOÀN THÀNH với lu hoặc lule
      Những cấu trúc này tương tự với các câu ĐIỀU KIỆN BẬC HAI trong tiếng Hy Lạp Koine. Một phát biểu sai (protasis) dẫn đến một kết luận sai (apodosis).
   c. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH và lu
      Mạch văn và lu, cũng như hướng về tương lai, tạo nên cách dùng đặc biệt cách CẦU KHẨN, GIẢ ĐỊNH này. Một số ví dụ từ quyển A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament của J. Wash Watts là Sáng thế Ký 13:16; Phục truyền Luật lệ Ký 1:12; I Các vua 13:8; Thi thiên 24:3; Ê-sai 1:18 (xem trang 76-77).

D. *Waw* - chuyển đổi, liên tục, liên kết. Đặc tính cú pháp độc nhất này của tiếng Hê-bơ-rơ (ngôn ngữ của người vùng Ca-na-an) đã gây ra sự nhầm lẫn lớn trong những năm qua. Nó được sử dụng theo nhiều cách thường là dựa theo thể loại. Lý do của sự nhầm lẫn là các học giả đầu tiên là người Châu Âu và họ đã cố gắng giải thích theo ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Khi phương cách trên gặp trở ngại, thì họ đổ lỗi rằng tiếng Hê-bơ-rơ là một ngôn ngữ cổ giả định. Những ngôn ngữ Châu Âu là những ĐỘNG TỪ được căn cứ theo THÌ (tense). Một số các hàm chứa đa dạng và ngữ pháp được xác định bởi chữ WAW được thêm vào gốc ĐỘNG TỪ ở THÌ HOÀN THÀNH VÀ CHƯA HOÀN THÀNH. Điều này làm thay đổi cách xem xét hành động.

1. Trong thể loại tường thuật truyện tích lịch sử, những ĐỘNG TỪ được liên kết với nhau trong một chuỗi theo một khuôn mẫu tiêu chuẩn.
2. Tiền tố waw cho thấy một mối quan hệ cụ thể với những ĐỘNG TỪ trước đó.
3. Mạch văn rộng hơn luôn luôn là chìa khóa để hiểu được chuỗi ĐỘNG TỪ. Các ĐỘNG TỪ của ngôn ngữ Semitic không thể phân tích cách riêng rẽ, cô lập.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* có nhận xét về sự khác biệt của tiếng Hê-bơ-rơ trong cách dùng chữ waw trước THÌ HOÀN THÀNH VÀ THÌ CHƯA HOÀN THÀNH (trang 52-53). Khi ý tưởng cơ bản của THÌ HOÀN THÀNH là quá khứ mà thêm chữ waw vào thì nó đẩy ý nghĩa theo hướng thời gian trong tương lai. Cũng xảy ra y như thế với THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có ý tưởng cơ bản là hiện tại hoặc tương lai, nhưng khi thêm chữ waw vào thì đặt ý tưởng đó vào quá khứ. Sự thay đổi thời gian lạ thường này giải thích việc thêm vào chữ waw, chứ không giải thích sự thay đổi theo ý nghĩa cơ bản của THÌ ĐỘNG TỪ. THÌ HOÀN THÀNH kèm theo chữ waw thích hợp với thể loại tiên tri, trong khi các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH kết hợp với chữ waw thích hợp với thể loại truyện kể, tường thuật (trang 54, 68).

Watts tiếp tục định nghĩa của ông

"Về sự khác biệt giữa chữ waw liên từ và chữ waw tiếp nối, thì có những giải thích như sau:

1. Waw liên từ luôn luôn xuất hiện để chỉ ra cái tương đương, song song.
2. Waw tiếp nối luôn luôn xuất hiện để chỉ ra một trình tự. Chỉ có môt hình thức duy nhất chữ waw được dùng với những THÌ CHƯA HOÀN THÀNH tiếp nối. Sự quan hệ giữa các THÌ CHƯA

HOÀN THÀNH được liên kết bởi chữ waw có thể là theo trình tự thời gian, kết quả lý luận, nguyên nhân thuộc lý luận hoặc sự tương phản trong lý luận. Trong tất cả các trường hợp thì đều theo một trình tự" (trang 103).

E. NGUYÊN MẪU - Có hai loại NGUYÊN MẪU

1. NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE), là "những diễn tả mạnh mẽ, độc lập, nổi bật được sử dụng để đạt được hiệu quả ấn tượng...giống như một chủ ngữ, nó thường không có động từ, dĩ nhiên động từ 'thì,là' được hiểu ngầm, nhưng chữ đó đứng riêng rẽ một mình cách ấn tượng" J. Wash Watts, *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* (trang 92) .
2. NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (INFINITIVE CONSTRUCT). Về mặt ngữ pháp nó "liên kết với câu phát biểu bằng những giới từ, đại từ sở hữu và mối liên hệ từ ghép" (trang 91).
   J. Weingreen trong quyển *A Practical Grammar for Classical Hebrew*, mô tả cấu trúc từ ghép là:
   "Khi hai chữ (hoặc nhiều hơn) kết hợp với nhau rất chặt chẽ, chúng tạo thành một ý tưởng hỗn hợp thì những chữ phụ được gọi là ở trong cấu trúc từ ghép" (trang 44).

F. NHỮNG TỪ NGHI VẤN (INTERROGATIVES)
1. Chúng luôn luôn xuất hiện đầu câu.
2. Ý nghĩa dành cho giải thích
   a. *ha* - không mong đợi một sự trả lời
   b. *halo'* - tác giả mong đợi một câu trả lời "có"

NHỮNG TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVES)
1. Chúng luôn luôn xuất hiện trước những chữ mà chúng phủ nhận.
2. Từ phủ định thông thường nhất là *lo'*.
3. Chữ *'al* có một hàm ý bất ngờ và được sử dụng với DẠNG KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) và DẠNG MỆNH LỆNH (JUSSIVE).
4. Chữ *lebhilit*, có nghĩa là "vì đó nên...không" được sử dụng với DẠNG NGUYÊN MẪU (INFINITIVE).
5. Chữ *'en* được sử dụng với các ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE).

G. CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE)
1. Có bốn loại câu điều kiện về cơ bản chúng tương tự với tiếng Hy Lạp Koine.
   a. Một cái gì đó được giả định là sắp xảy ra hoặc được nghĩ đến như thể đã hoàn tất (câu điều kiện loại một trong tiếng Hy lạp)
   b. Một điều gì đó trái với thực tế mà sự hoàn tất là không thể (câu điều kiện loại hai)
   c. Một cái gì đó có thể, có lẽ đúng (câu điều kiện loại ba)
   d. Một cái gì đó ít khi xảy ra, do đó sự hoàn thành là đáng nghi ngờ (câu điều kiện loại bốn)
2. NHỮNG GHI CHÚ VỀ NGỮ PHÁP
   a. Các giả định trở thành tình trạng đúng với sự thật, có thật thì luôn luôn sử dụng THÌ HOÀN THÀNH của CHỈ ĐỊNH CÁCH (INDICATIVE PERFECT) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) và mệnh đề điều kiện (protasis) thường được khởi đầu bằng:
      (1) 'im
      (2) *ki* (hoặc *'asher*)
      (3) *hin* hoặc *hinneh*
   b. Trường hợp trái với tình trạng có thật thì luôn luôn sử dụng một ĐỘNG TỪ (VERB) theo khía cạnh (thì) HOÀN THÀNH (PERFECT) hoặc một ĐỘNG TÍNH TỪ với các tiền tố mở đầu (introductory PARTICLES) *lu* hoặc *lule*
   c. Tình trạng có thể xảy ra nhiều hơn thì luôn luôn sử dụng ĐỘNG TỪ CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT VERB) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) trong mệnh đề điều kiện (protasis), thường là *'im* hoặc *ki* được sử dụng như là các TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLES)
   d. Tình trạng ít có khả năng xảy ra thì dùng GIẢ ĐỊNH THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT SUBJUNCTIVES) trong mệnh đề điều kiện (protasis) và luôn luôn sử dụng *'im* như là một TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLE)

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT DÙNG TRONG TẬP GIẢI KINH NÀY

AB	*Anchor Bible Commentaries*, ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	*Anchor Bible Dictionary* (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	*Analytical Key to the Old Testament*, John Giô-sép Owens
ANET	*Ancient Near Eastern Texts*, James B. Pritchard
BDB	*A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament*, F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
BHS	*Bblia Hebraica Stuttgartensia, GBS*, 1997
DSS	*Dead Sea Scrolls*
IDB	*The Interpreter's Dictionary of the Bible* (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	*International Standard Bible Encyclopedia* (5 vols.), ed. James Orr
JB	*Jerusalem Bible*
JPSOA	*The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation* (The Jewish Publication Society of America)
KB Baumgartner	*The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament*, Ludwig Koehler and Walter
LAM	*The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts* (the Peshitta), George M. Lamsa
LXX	*Septuagint* (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	*A New Translation of the Bible* by James Moffatt
MT	*Masoretic Hebrew Text*
NAB	New American Bible Text
NASB	*New American Standard Bible*
NEB	*New English Bible*
NET	*NET Bible: New English Translation*, Second Beta Edition
NRSV	*New Revised Standard Bible*
NIDOTTE	*New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis* (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren
NIV	*New International Version*
NJB	*New Jerusalem Bible*

OTPG	*Old Testament Passing Guide*, Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	*Revised English Bible*
RSV	*Revised Standard Version*
SEPT	*The Septuagint* (Greek-English), Zondervan, 1970
TEV	*Today's English Version* from United Bible Societies
YLT	*Young's Literal Translation of the Holy Bible*, Robert Young
ZPBE	*Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia* (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney
NIDOTTE	*New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis* (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren
NIV	*New International Version*
NJB	*New Jerusalem Bible*

OTPG	*Old Testament Passing Guide*, Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	*Revised English Bible*
RSV	*Revised Standard Version*
SEPT	*The Septuagint* (Greek-English), Zondervan, 1970
TEV	*Today's English Version* from United Bible Societies
YLT	*Young's Literal Translation of the Holy Bible*, Robert Young
ZPBE	*Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia* (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney

LỜI CỦA TÁC GIẢ:
TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả (hoặc khi nó được biên tập lại). Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch.

1. Bản Hy lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS4). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.

2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS4 và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Nguyên tắc thứ tư

Nguyên tắc thứ tư là cần chú ý về thể loại văn học. Tác giả nguyên thủy được thần cảm chọn lựa để ghi chép sứ điệp của họ trong các thể loại khác nhau (ví dụ., tường thuật lịch sử, kịch nghệ lịch sử, thơ, tiên tri, phúc âm [dụ ngôn], thư tín, khải thị). Những thể loại khác nhau này có những chìa khóa đặc biệt để giải nghĩa (xem Gordon Fee và Doug Stuart, *Làm thế nào để Đọc Kinh Thánh với tất cả Giá trị của Lời Chúa* (*How to Read the Bible for All Its Worth),* D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr., *Phá vỡ những Mật Mã trong Cựu Ước (Cracking Old Testament Codes),* hoặc Robert Stein, *Chơi với những nguyên tắc*(*Playing by the Rules*)).

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley
Trường Đại học East Texas Baptist University
Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIỂM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kình chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!
Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

I. Các giả định

A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.

D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
   1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
   2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
   3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
   4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
   5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
   6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp
   7. Những đoạn tương tự nhau

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rốt lại cần phải tránh:

II. Các phương pháp không thích hợp

A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là "dò bản văn" (proof-texting).
B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.
D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thính giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là "theo phản ứng của độc giả" (lối giải nghĩa "bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi").

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:

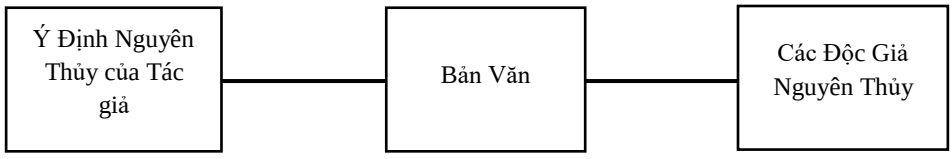

Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:

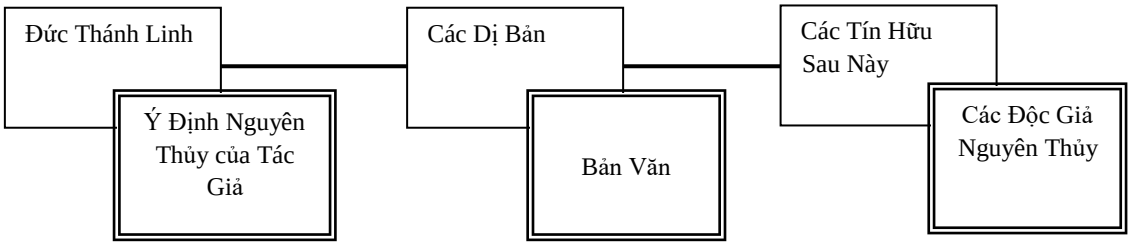

Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa "theo phản ứng độc giả" (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chặng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các Phương Pháp Tiếp Cận Đến Việc Đọc Kinh Thánh Hiệu Quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan và cuốn *Cracking Old Testament Codes* của D. Brent Sandy and Ronald L. Giese, Jr., Xuất bản bởi Broadman and Holman.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: "Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn." Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khẩn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Các yếu tố về tác giả nguyên thủy
   a. Bối cảnh lịch sử
   b. Bối cảnh văn chương
2. Sự lựa chọn của tác giả nguyên thủy
   a. Cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)
   b. Cách sử dụng từ đương thời
   c. thể loại
3. Cách hiểu phù hợp của chúng ta
   a. Các phân đoạn song song có liên quan

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bất đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.
Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
   1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
      a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
      b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)

c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)

2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.

3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.

4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu

a. Các sách Cựu Ước

(1) Văn tường thuật Hy bá lai

(2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)

(3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)

(4) Các luật lệ

b. Các sách Tân Ước

(1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)

(2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)

(3) Thư tín

(4) Khải thị

B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính

2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn

3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác

C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này

2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc

a. Tác giả

b. Thời điểm

c. Người nhận

d. Lý do cụ thể viết sách này

e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này

f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện

3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.

4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác

D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư

1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác

a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)

b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)

c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)

2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương

a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13

b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31

c. Các khái niệm tương phản

3. Liệt kê những mục sau đây

a. Các từ ngữ quan trọng

b. Các từ ngữ bất thường

c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng

d. Các từ ngữ, vế câu, hay câu văn khó hiểu

4. Tìm các phân đoạn song song tương đương

a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu

(1) Các sách "thần học hệ thống"

(2) Các Kinh thánh đối chiếu

(3) Kinh thánh phù dẫn

b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì

toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sứ điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.

c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.

5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện

a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
c. Các sách nhập môn Kinh thánh
d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là "nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta."

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, "Đức Chúa Trời có phán như vầy," chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là 'của chúng ta,' mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:
B. "Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những

người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyển sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được."

C. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. "Để đọc Kinh thánh *như là Lời Đức Chúa Trời* một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cẩu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời."

D. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:
"Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh.Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này."

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Này

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện "chu kỳ đọc thứ ba" bạn nên kiểm tra lại thông tin này.

B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.

C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
1. Bản United Bible Society, bản Hy lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS^4)
2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
3. Bản New King James Version (NKJV)
4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
5. Bản Today's English Version (TEV)
6. Bản the New Jerusalem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là "câu chủ đề" hay "ý tưởng trọng tâm của bản văn." Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgích về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
1. Bối cảnh ngữ văn

2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
3. Các thông tin ngữ pháp
4. Các nghiên cứu theo từ
5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng

E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
   1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
   2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
   3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
   4. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.

F. Đối với những người không biết tiếng Hy lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
   1. Các dị bản
   2. Cách sử dụng từ
   3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
   4. Các bản văn không rõ ý
   5. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

DẪN NHẬP VÀO Ê-SAI

I. NHỮNG THÔNG ĐIỆP MỞ ĐẦU

A. Ê-sai được trích một cách thường xuyên trong Tân Ước nhiều hơn bất cứ tiên tri nào khác (hơn 411 lần). Thông điệp của ông là một thông điệp của tư tưởng độc thần then chốt mang tính toàn cầu và của một kế hoạch cứu chuộc cho toàn thể mọi tạo vật.
1. duy một Đức Chúa Trời
2. một thế giới
3. một đức tin

B. Ê-sai mang tính chất bày tỏ về Đấng Mê-si đầy tuyệt diệu.
1. những con cái đặc biệt của Thời Kỳ Mới, những đoạn 7-14
2. Những Bài Ca Tôi Tớ, 41:1-4; 42:1-9; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12 (có thể là 61:1-3)
3. Vương Quốc tương lai của Đấng Mê-si (Thời Kỳ Mới), những đoạn 56-66. Sự sa ngã trong Sáng Thế Ký 3 đã không phải là thế giới sau cùng!

C. E. J. Young, trong quyển *An Introduction to the OT*, đề cập rằng:
1. "Sách Ê-sai được xem xét một cách đúng mực chính là sách tiên tri vĩ đại nhất giữa những sách tiên tri Cựu Ước," ở trang 168.
2. "Giữa tất cả những tiên tri của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai đã hiểu một cách toàn vẹn nhất về suy nghĩ của Đức Chúa Trời và kế hoạch của Ngài dành cho tất cả các thời đại," ở trang 171.
3. "Về sự thấu hiểu thuộc linh Ê-sai đã không thể bị vượt qua trong toàn thể Cựu Ước," ở trang 172.

II. TÊN SÁCH

A. Sách được đặt tên theo nhà phát ngôn sứ điệp tiên tri của nó.

B. Danh xưng này có nghĩa là "sự cứu rỗi của YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)" hoặc "YHWH cứu giúp." Những tên riêng Hê-bơ-rơ kết thúc với "iah" là một tiếp vĩ ngữ của YHWH, cũng như nhiều tên riêng khác trong tiếng Anh bắt đầu với chữ "j" và một nguyên âm, ví dụ như Giô-suê và Giô-ên (Joshua và Joel).

III. TÍNH KINH ĐIỂN

A. Đây chính là cuộn sách đầu tiên trong bốn cuộn sách của Những Sách Hậu Tiên Tri.
1. Ê-sai
2. Giê-rê-mi
3. Ê-xê-chi-ên
4. Bộ Mười Hai Sách (những sách tiểu tiên tri)

B. Sách này được chấp nhận một cách hoàn toàn từ rất sớm vào giữa những tác phẩm văn học thánh của người Y-sơ-ra-ên.

IV. THỂ LOẠI VĂN HỌC

A. Kỹ năng văn chương của Ê-sai vượt trội hơn tất cả những tiên tri Cựu Ước. Những cách chơi chữ và những áng thơ thật tráng lệ và làm say đắm lòng người. Phần lớn sách thuộc thể loại văn thơ Hê-bơ-rơ (hãy xem Phụ Lục Một).

B. Thật khó để có thể ngồi xuống và đọc cả sách Ê-sai trong cả một lần đọc. Sách cũng khó để có thể để

chỉ ra dàn ý (những nét chính) của sách. Điều này có nguyên nhân bởi vì Ê-sai chính là một nhà giảng dạy, chứ không chỉ là một tác giả viết sách hoặc một nhà biên tập. Sách của ông ghi chép lại tất cả những sứ điệp được phát ngôn xuyên suốt trong một quãng thời gian dài. Chúng đều được kết nối với nhau, nhiều lúc

1. bởi chủ đề
2. bởi niên đại thời gian
3. bởi những sự kiện mang lại ảnh hưởng trên Y-sơ-ra-ên
4. bởi những quy phạm (tiêu chuẩn) văn hóa của khu vực Cận Đông Cổ Đại, vốn rất khác biệt với chúng ta
5. và phần lớn bởi những từ khóa then chốt và những sự chơi chữ

V. QUYỀN TÁC GIẢ

A. Những góc nhìn về quyền tác giả của người Do Thái

1. Trong Kinh Talmud, sách *Baba Bathra* 15a cho biết Vua Ê-xê-chia và những người của ông đã viết nên (biên tập hoặc biên soạn) Ê-sai, Châm Ngôn, Truyền Đạo, và Nhã Ca.
2. Ben Sirah, trong sách *Huấn Ca (Ecclesiasticus)* 49:17-25, được viết vào khoảng năm 185 T.C, cho rằng, "Ê-sai, con trai của A-mốt," đã viết sách (1:1; 12:1; 13:1).
3. II Sử Ký 32:32 chứng thực cho khải tượng của Ê-sai, cũng như phần song hành trong Các Vua (II Các Vua 18:19-20:19 nói với chúng ta về chính ông).
   a. Ông xuất thân từ một gia đình danh giá giàu có tại Giê-ru-sa-lem, ngay cả có khả năng rằng ông là một người anh em họ của Vua Ô-xia.
      (1) một vài bằng chứng rằng "iah" (trong phần cuối của các tên), vốn là một tiếp vĩ ngữ của YHWH, được sử dụng hầu hết chỉ dành riêng nội bộ trong hoàng gia Giu-đa mà thôi
      (2) Khả năng tiếp cận của Ê-sai với Vua Ô-xia cũng đưa ra sự ủng hộ cho khả năng liên hệ thân cận gia đình của ông
      (3) Hãy xem Kinh Talmud, "Meg." 10b
   b. Ông đã cưới một nữ tiên tri (8:3).
      (1) người con trai đầu lòng, "Sê-a-Gia-rúp," có nghĩa là "một dân sót sẽ quay trở về"
      (2) người con trai thứ hai, "Ma-he-Sa-la-Hát-Bát" (8:3), vốn có nghĩa là "sự cướp mau tới, của cướp kíp đến"
   c. Ê-sai đã có một chức vụ tiên tri dài nhất hơn tất cả những tiên tri Cựu Ước khác. Ông đã là người phát ngôn của Đức Chúa Trời trong thời kỳ trị vì của Vua Giô-tham (742-735 T.C) cho đến Vua Ê-xê-chia (715-687 T.C) với khả năng có thể kéo dài đến thời kỳ trị vì của Vua Ma-na-se (687-642 T.C); Vua Ma-na-se có khả năng đã cùng cai trị từ năm 696 T.C
   d. Nếu như II Sử Ký 26:22 chỉ về Ê-sai, thì ông chính là người chép sử chính thức và là người giữ những bộ sử ký hoàng gia của nhà vua.
   e. Truyền thống để lại cho biết ông đã bị cưa làm hai bên trong một thân cây (*Assumption of Isaiah*) trong thời kỳ cai trị của Vua Ma-na-se (hãy xem Hê-bơ-rơ 11:37).
4. Moses ben Sa-mu-ên Ibn Gekatilla, vào khoảng năm 110 S.C, cho rằng những đoạn 1-39 được viết bởi Ê-sai, nhưng những đoạn từ 40-66 đã được viết trong thời kỳ Đền Thờ Thứ Hai (Thời Kỳ Đế Chế Ba Tư, 538-430 T.C).
5. Ibn Ê-xơ-ra (1092-1167 T.C) ủng hộ sự hướng dẫn của Gekatilla và chối bỏ, hoặc ít nhất là nghi vấn về những đoạn 40-66 đã được viết vào thế kỷ thứ 8 bởi Ê-sai.

B. Những quan điểm học thuật hiện đại về tác quyền

1. Một sự tổng kết lịch sử hay được tìm thấy trong quyển *Introduction to the OT,* được viết bởi R. K. Harrison's, Eerdmans, xuất bản năm 1969.
2. Một sự thảo luận hay về những lý do học thuật cho sự khẳng định về hai tác giả khác nhau có thể được tìm thấy trong quyển *Introduction to the Literature of the OT,* được viết bởi S.R. Drivers, tái xuất bản năm 1972.
3. Không có bất cứ bản chép tiếng Hê-bơ-rơ hoặc Hy Lạp (LXX) nào đã xuất hiện sự phân chia giữa những đoạn 1-39 và những đoạn 40-66.

a. Có hai khoảng cách dòng nằm tại cuối đoạn 33 trong những Cuộn Biển Chết. Điều này hàm ý rằng có một phần chia chính tại đoạn này, không phải ở đoạn 39

b. Có vẻ như tồn tại một cấu trúc song hành giữa đoạn 1-33 và 34-66. Cấu trúc đôi này dựa trên thời đại của chính tác giả và vì vậy, trong tương lai, đã trở nên phổ biến trong những sách tiên tri Hê-bơ-rơ (Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri).

4. Các học giả hiện đại không có sự nhất trí hoàn hoàn về việc có bao nhiêu tác giả của sách và những chỗ phân chia của sách.

C. Một vài nguyên nhân cho sự thống nhất của sách Ê-sai

1. Hai-mươi-lăm thuật ngữ được tìm thấy trong cả hai phần của sách Ê-sai không thể được tìm thấy ở bất kỳ chỗ nào khác trong Cựu Ước (trong quyển NIV, Intro. to Isaiah, trang 1014).
2. Danh xưng "Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên" được dùng 13 lần trong những đoạn 1-39 và 14 lần trong những đoạn 40-66 và chỉ có 6 lần trong toàn bộ những sách Cựu Ước khác.
3. Chúa Giê-xu, trong sách Giăng 12:38,40, đã trích trong Ê-sai 53:1 và trong 6:10 và đều cho biết cả hai phần của sách là của Ê-sai.
4. Những phần từ Ê-sai 40-66 được quy cho Ê-sai trong Ma-thi-ơ 3:3; 8:17; 12:17; Lu-ca 3:4; 4:17; Giăng 1:23; Công vụ 8:28; và Rô-ma 10:16-20.
5. Không có bất kỳ bằng chứng bản thảo ghi chép nào về một sự phân chia của sách tại đoạn 39 (MT, DSS, hoặc LXX).
6. Không có bất kỳ sự đề cập lịch sử nào về một tiên tri vĩ đại (Ê-sai thứ hai(Deutro-Isaiah)) trong khoảng thế kỷ thứ sáu T.C

R. K. Harrison, trong quyển *Introduction to the OT,* đã bình luận về vấn đề này,

> "Những tranh luận nảy sinh từ phong cách văn chương đã vô cùng được ưa chuộng vào cuối thế kỷ mười chín, tuy nhiên trong ánh sáng của sự am hiểu rộng hơn về những ngôn ngữ Cận Đông cổ đại thì giờ đây chúng có vẻ có một vai trò kém quan trọng hơn rất nhiều. Chính sự chủ quan về sự xem xét về phong cách đã đem lại một yêu cầu khẩn khoản cần xem lại đối với những người ủng hộ thuyết nghị luận văn học Graf-Wellhausen, là những người không nhìn thấy bất cứ sự không nhất quán nào trong việc xem xét kỹ những văn bản được quy cho một tác giả Kinh Thánh, và sau đó đã chối bỏ những phần của chính văn bản đó với chính tác giả chỉ bởi vì thể loại văn chương và từ ngữ trong mỗi đoạn không giống hệt nhau. Dường như những sự tranh luận này đã không chợt nảy ra với những người thẩm định thời kỳ trước, rằng khả năng duy nhất để tìm ra nguồn gốc những ý tưởng về phong cách của một tác giả cổ xưa phải là kết quả của một sự nghiên cứu cẩn thận về tất cả những tài liệu được quy cho tác giả đó, và rằng sự chối bỏ tiếp theo về một phần hoặc toàn bộ văn bản chỉ có thể có hiệu lực dựa trên nền tảng một vài sự kiểm soát khách quan cách nghiêm ngặt" (trang 776).

D. Những nguyên nhân cho nhiều tác giả sách Ê-sai.

1. Trong những đoạn 40-66 tên "Ê-sai" không được đề cập.
2. Những đoạn 40-66 không phù hợp với bối cảnh lịch sử thời kỳ Ê-sai.
3. Có vẻ như có một sự pha trộn về sự đề cập của Ê-sai đến:
   a. Sự xâm lược của A-si-ri, sự lưu đày, và sự đoán phạt
   b. Sự xâm lược của Ba-by-lôn, sự lưu đày, và sự đoán phạt
4. Có một vài nguyên nhân cho việc đưa ra thuyết nhiều tác giả.
   a. sự thay đổi về bối cảnh lịch sử
      (1) thời kỳ tiền-xâm-lược Giu-đa, 1-39
      (2) thời kỳ lưu-đày, 40-55
      (3) thời kỳ hậu-lưu-đày Giu-đa, 56-66
      (4) trong Ê-sai 1-39, Đền Thờ sẽ không bao giờ sụp đổ, trong khi trong những đoạn 40-66 dường như đã sụp đổ. Tác giả dường như ở trong cuộc lưu đày.
   b. sự thay đổi thuật ngữ dành cho người được chọn của Đức Chúa Trời
      (1) Con trẻ Mê-si
      (2) Tôi Tớ Chịu Khổ
      (3) Y-sơ-ra-ên như là
         (a) người vợ, 50:1
         (b) những tôi tớ của YHWH, 54:17

5. Những học giả bảo thủ hiện đại
    a. Bình luận của E. J. Young về những đoạn 56-66 rất có ích, "có một khả năng khác chính là nhà biên tập được dẫn-dắt-bởi-Đức-Thánh-Linh đã tập hợp những lời tiên tri theo tư tưởng trường phái Ê-sai xung quanh những chủ đề căn bản trong phần Kinh Thánh này," (trang 188).
    b. Bình luận của R. K. Harrison, "Học giả hiện nay nắm lấy quan điểm rằng Ê-sai, cũng như đa phần những tác phẩm ghi chép tiên tri hiện còn lại đều trình bày một tuyển tập những sự bày tỏ được đưa ra ở những thời điểm khác nhau, và rằng mỗi công việc như vậy xứng đáng được đối xử không chút khác biệt trong sự thống nhất với đa phần những lời tiên tri Cựu Ước khác. Trong mối liên hệ đó, rất quan trọng phải ghi nhớ rằng những sự tranh luận dựa trên những sự khác biệt về phong cách hoặc sự diễn đạt văn học sẽ ngay lập tức vô hiệu bởi cách tiếp cận này, bởi vì bộ tuyển tập có thể được thực hiện khá rõ rệt như là sự trình bày về phong cách chung của tác giả xuyên suốt qua những giai đoạn khác nhau của những sự sáng tạo linh hoạt của chính ông. Sự làm rõ việc thực hiện một bộ sưu tập, trong nghĩa tốt nhất của từ đó, được cung cấp chính bởi câu mở đầu của lời tiên tri, vốn tuyên bố về chủ đề của công trình, và nói lên cách cụ thể về những tài liệu bày tỏ rằng Ê-sai, con của A-mốt đã nhận được những khải tượng về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong thời đại của các Vua Ô-xia, Giô-tham, A-cha, và Vua Ê-xê-chia. Như tất cả những tuyển tập khác, có bằng chứng rõ ràng rằng sách bao gồm chỉ một sự sự lựa chọn của những lời sấm tuyên phán và những bài giảng phù hợp, và có khả năng cao rằng Ê-sai đã viết nhiều hơn cách đáng kể những gì còn sót lại trong sách. Bản chất của sách tiên tri như một một tuyển tập được chỉ đến sâu sắc hơn nữa bởi sự hiện diện của những lời tựa ghi chú tại Ê-sai 2:1 và 13:1, có thể đã trình bày, hoặc chỉ đến một sự hiện diện của một bộ tuyển tập trước đó của những sứ điệp tiên tri," (trang 780).
6. Thể loại văn học của những đoạn 40-66 thì khác biệt với những đoạn từ 1-39.

E. Những bình luận nang tính kết luận về quyền tác giả
1. Những học giả tin kính tiếp tục không đồng ý về cách làm thế nào sách Cựu Ước Ê-sai của chúng ta đã đến trong định dạng hiện nay (bản DSS và MT). Sự nhấn mạnh chính phải được đặt để trong chính sự thần cảm của nó và sự đáng tin cậy trong sự mặc khải về đặc tính và mục đích của YHWH.
2. Chúng ta phải chối bỏ những sự giả định mà chối bỏ sự mặc khải thành tín của Đức Chúa Trời thông qua sách Ê-sai. Điều này cũng bao gồm sự chối bỏ trước tiên của một sự điệp tiên tri báo trước và việc hạ thấp Cựu Ước trở thành một công trình thuần túy của con người, chỉ mang tính đương thời và lịch sử.

VI. THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

A. Ê-sai là một trong những tiên tri trong thế kỷ thứ tám.
1. Giô-na, A-mốt, và Ô-sê ở Vương Quốc Phía Bắc (Y-sơ-ra-ên), trong thời kỳ cai trị của Vua Giê-rô-bô-am II (786-640 T.C)
2. Ê-sai và Mi-chê ở Vương Quốc Phía Nam (Giu-đa)

B. Ông ra đời vào giữa những năm những 760 T.C và được kêu gọi vào chức vụ tiên tri vào khoảng năm 742 T.C vào năm Vua Ô-xia qua đời (6:1). Ô-xia cũng được gọi là A-xa-ria (783-742 T.C).

C. Ê-sai đã có một chức vụ lâu dài từ những năm kết thúc đời Vua Ô-xia (783-742 T.C) xuyên suốt qua đời Vua Giô-tham (742-735 T.C), A-cha (735-715 T.C), Ê-xê-chia (715-687 T.C), và bước vào trong thời kỳ cai trị của Vua Ma-na-se (687-642 T.C) do Ê-sai đã tiên đoán /ghi chép lại về cái chết của San-chê-ríp trong 37:38 (681 T.C).

D. R. K Harrison cho rằng sách chính là một tuyển tập những tác phẩm viết và những bài giảng của nhà tiên tri xuyên suốt qua nhiều năm và nhiều đời vua Giu-đa. Cuối cùng nó được tuyển lựa và biên tập lại sau khi nhà tiên tri qua đời, vào khoảng năm 630 T.C

VII. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA THẾ KỶ THỨ TÁM

A. Những nhu liệu Kinh Thánh được tìm thấy trong
   1. II Các Vua 14:3-17:6
   2. II Sử Ký 25-28
   3. A-mốt
   4. Giô-na
   5. Ô-sê
   6. Ê-sai
   7. Mi-chê

B. Sự tóm lược đơn giản lại của tình trạng thờ hình tượng giữa dân sự của Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy trong sách Ô-sê.
   1. 2:16, "sẽ không gọi ta là: Chủ tôi nữa"
   2. 4:12-14, " ... con gái các ngươi hành dâm..."
   3. 4:17, "Ép-ra-im sa mê thần tượng, hãy để mặc nó"
   4. 13:2 "kẻ dâng của lễ hôn bò con!" (nghi lễ tập tục)

C. Bối cảnh xã hội
   1. Đây là một thời kỳ của sự thịnh vượng kinh tế và sự mở rộng quân sự cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Tuy nhiên, sự thịnh vượng này chỉ đem lại lợi ích cho tầng lớp giàu có mà thôi. Người nghèo khổ bị hà hiếp và bóc lột. Có vẻ, gần như "đồng tiền và súng đạn" đã trở thành những thần tượng thờ phượng!
   2. Sự vững bền xã hội và sự thạnh vượng của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đã dẫn đến một số kết quả.
      a. sự cai trị lâu dài và thịnh vượng của Vua Giê-rô-bô-am II (786-746 T.C) ở tại Phía Bắc và Vua Ô-xia (783-742 T.C) ở tại Phía Nam
      b. Sự đánh bại Sy-ri của người A-si-ri bởi Vua Adad-Nirari III vào năm 802 T.C
      c. Sự thiếu vắng những sự xung đột giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
      d. Sưu thuế và sự bóc lột của những tuyến đường thương mại từ phía bắc xuống phía nam xuyên qua vùng đất cầu nối Palestine tạo nên một sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, thậm chí cực độ dành cho tầng lớp giàu có
   3. Những "Mảnh gốm Sa-ma-ri (Ostraca of Samaria)," vốn được quy vào thời kỳ cai trị cuả Vua Giê-rô-bô-am II, dường như chỉ ra một cấu trúc tổ chức quản trị hành chính giống như Sa-lô-môn. Điều này có vẻ xác nhận sự mở rộng khoảng cách giữa những người "có tài sản" và "vô sản."
   4. Sự bất chính của những người giàu có được khắc họa rõ ràng trong sách A-mốt, người được gọi là "vị tiên tri của sự công chính xã hội." Sự hối lộ hệ thống quan án và việc làm giả những quả cân thương mại là hai ví dụ rõ ràng cho sự hà hiếp, bóc lột dường như đã trở nên phổ biến trong cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

D. Bối Cảnh Tôn Giáo
   1. Thời kỳ này đã có rất nhiều hoạt động thờ phượng bề ngoài, nhưng có rất ít đức tin thực sự. Các tôn giáo thờ phượng phồn thực Ca-na-an (sự sinh sản và màu mỡ của đất đai) đã bị pha trộn vào trong đời sống tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Dân sự trở nên những kẻ thờ hình tượng nhưng họ gọi những hoạt động đó là sự thờ phượng YHWH (YHWHism). Khuynh hướng hướng về những đồng minh chính trị của tuyển dân của Đức Chúa Trời đã ảnh hưởng họ trong những tập tục và sự thờ phượng ngoại bang của họ.
   2. Sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên liệt kê rõ ràng trong II Các Vua 17:7-18.
      a. Trong câu 8 họ đi theo những tập tục thờ hình tượng của người Ca-na-an.
         (1) sự thờ hình tượng phồn thực (Lê-vi-ký 18:22-23)
            (a) những nơi cao, trong những câu 9, 10, 11
            (b) những trụ thờ (Ba-anh), trong những câu 10, 16
            (c) A-sê-ra, câu 16, đây là những biểu tượng bằng gỗ của nữ thần là vợ của Ba-anh. Chúng có thể cả là những cọc gỗ được chạm khắc hoặc là những cây sống.
         (2) sự tà thuật bói toán, câu 17. Đây là điều được định tội trong Lê-vi Ký 19-20 và Phục Truyền 18.
      b. Trong câu 16 họ tiếp tục việc thờ phượng hai còn bò vàng, biểu tượng cho YHWH, vốn được

thiết lập tại Đan và Bê-tên bởi Giê-rô-bô-am I (I Các Vua 12:28-29).

c. Trong câu 16 họ thờ phượng những thần tượng trên bầu trời của người Ba-by-lôn: mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, và những chòm sao.

d. Trong câu 18 họ thờ phượng vị thần lửa Phê-ni-xi của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai, *Mô-lóc*, bằng cách hiến tế con cái của họ (Lê-vi-ký 18:21; 20:2-5). Tập tục này được gọi là *mô-lóc (molech)*; không phải là tên của vị thần.

3. Tôn giáo thờ Ba-anh (Quyển *Archaeology and the Religion of Israel*, được viết bởi W. F. Albright, từ trang 82)

a. Nguồn tài liệu khảo cổ tốt nhất của chúng ta là "Ba'al Epic from Ugarit."

(1) Nó mô tả Ba-anh như là một vị thần chết đi và sống lại theo mùa. Ông ta bị đánh bại bởi Mot và bị giam hãm tại cõi âm. Tất cả sự sống sẽ bị dần ngừng lại. Nhưng, được sự giúp đỡ của vị nữ thần (*Anat*), ông ta lại sống lại và đánh bại *Mot* trong mỗi mùa xuân. Ông ta chính là một vị thần của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai là nhân vật được thờ phượng bởi những ma thuật mô phỏng bắt chước.

(2) Vị thần này cũng được biết với tên gọi là Hadad.

b. *El* là vị thần chính trong chế độ đa thần của người Ca-na-an, nhưng sự phổ biến của Ba-anh đã chiếm mất vị trí của El.

c. Y-sơ-ra-ên phần lớn bị ảnh hưởng bởi sự thờ phượng Ba-anh của người Ty-rơ bởi Giê-sa-bên vốn là con gái của Vua Ty-rơ. Bà được chọn bởi Ôm-ri cho con mình, A-háp.

d. Trong Y-sơ-ra-ên, Ba-anh được thờ phượng ở tại một nơi cao tại địa phương. Ông ta được biểu tượng như là một tảng đá dựng đứng. Vợ của ông ta, A-sê-ra, được biểu tượng bởi một cây cọc chạm khắc tượng trưng cho cây sự sống.

4. Một vài nguồn gốc và phương cách thờ phượng hình tượng được đề cập.

a. Những con bò vàng tại Bê-tên và Đan được thiết lập bởi Vua Giê-rô-bô-am I để thờ phượng YHWH.

b. Sự thờ phượng vị thần Ty-rơ của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai tại những nơi cao

c. Sự cần thiết của sự tham dự thờ hình tượng trong những liên minh chính trị của thời kỳ đó

E. Sự tóm lược ngắn gọn của cuộc xâm lược của A-si-ri và Ba-by-lôn vào thế kỷ thứ tám đã ảnh hưởng đến Palestine.

1. Bốn vị tiên tri thế-kỷ-thứ-tám đã hoạt động trong thời kỳ nổi lên của đế quốc khu vực Tigris-Euphrates A-si-ri. Đức Chúa Trời sử dụng một dân tộc tàn bạo để đoán phạt dân sự của Ngài, đặc biệt là Y-sơ-ra-ên.

a. Những sự xô xát cụ thể đã hình thành nên những liên minh quân sự phía bên kia sông Giô-đanh được biết đến với tên gọi là "Liên Minh Syro-Ephramatic" (735 T.C). Sy-ri và Y-sơ-ra-ên đã cố cưỡng ép Giu-đa để tham gia với họ để chống lại A-si-ri. Thay vì vậy, A-cha lại gửi thư cho người A-si-ri để nhờ cậy sự giúp đỡ. Và vị vua hùng mạnh với tư tưởng đế quốc người A-si-ri, Tiglath-Pileser III (745- 727 T.C), đã đáp trả lại với sự thách thức quân sự và đã xâm lược Sy-ri.

b. Sau đó, Vị vua bù nhìn của người A-si-ri, Ô-sê (732-722 T.C), trong Y-sơ-ra-ên cũng đã nổi loạn, kêu cầu sự giúp đỡ của Ai Cập. Sanh-ma-na-sa V (727-722 T.C) đã xâm lược Y-sơ-ra-ên một lần nữa. Ông chết trước khi Y-sơ-ra-ên bị khuất phục, nhưng người kế vị ông, vua Sa-gôn II (722-705 T.C), đã đánh chiếm kinh đô Sa-ma-ri của Y-sơ-ra-ên vào năm 722 T.C A-si-ri đã lưu đày trên 27.000 người Y-sơ-ra-ên trong lần này cũng giống như Tiếc-la-Phi-lê-se đã đem hàng ngàn người đi lưu đày trước đó vào năm 732 T.C

2. Sau cái chết của Vua A-cha (735-715 T.C) một liên minh quân sự đã được hình thành bởi những quốc gia phía bên kia sông Giô-đanh và Ai Cập chống lại A-si-ri (714-711 T.C). Nó được biết với tên gọi là "Cuộc Nổi Loạn Ách-đốt (Ashdod Rebellion)." Nhiều thành phố Giu-đa đã bị phá hủy khi A-si-ri xâm lược một lần nữa. Đầu tiên Vua Ê-xê-chia ủng hộ liên minh quân sự này, nhưng sau đó rút lại sự ủng hộ này.

3. Tuy nhiên, một lần nữa liên minh này cố gắng lợi dụng cái chết của vị vua A-si-ri hùng mạnh, Sa-gôn II, vào năm 705 T.C, cùng với nhiều cuộc nổi loạn khắp xảy ra trên khắp đế quốc A-si-ri.

a. Ê-xê-chia tham dự hoàn toàn vào cuộc nổi loạn này. Bởi sự thách thức đó, Vua San-chê-ríp (705-681 T.C) đã xâm lược (701 T.C) Palestine và đóng quân gần thành Giê-ru-sa-lem (II Các Vua 18-19; Ê-sai 36-39), nhưng quân đội của ông đã bị hủy diệt một cách phi thường bởi Đức Chúa Trời.

b. Có những thắc mắc giữa các học giả về việc San-chê-ríp đã xâm lược Palestine bao nhiêu lần (John Bright cho rằng có một cuộc xâm lược vào năm 701 T.C và một lần khác vào năm 688 T.C, trong quyển *The History of Israel*, trang 270).

c. Ê-xê-chia đã được buông tha khỏi cuộc xâm chiếm của người A-si-ri, nhưng bởi do ông đã phô bày những của cải của Giu-đa một cách đầy kiêu ngạo cho đoàn sứ giả Ba-by-lôn, Ê-sai đã tiên đoán về sự sụp đổ của Giu-đa vào tay người Ba-by-lôn (39:1-8). Giê-ru-sa-lem đã rơi vào tay Nê-bu-cát-nết-xa vào năm 587-586 T.C

4. Ê-sai tiên đoán cách cụ thể về sự phục hồi của dân sự của Đức Chúa Trời đưới sự cai trị của vị Vua người Mê-đô-Ba Tư, Si-ru II (41:2-4; 44:28; 45:1; 56:11). Ni-ni-ve (kinh đô của A-si-ri) đã sụp đổ vào năm 612 T.C vào tay người Ba-by-lôn, nhưng thành Ba-by-lôn cũng đã sụp đổ vào năm 539 T.C bởi quân đội của Vua Si-ru. Vào năm 538 T.C Si-ru ban hành một sắc lệnh cho phép tất cả các dân bị lưu đày, bao gồm cả người Do Thái, có thể quay về quê hương. Ông thậm chí còn chu cấp tài chính từ kho tàng của mình để tái xây dựng lại những đền thờ của các quốc gia. Ông là một người mê tín và mong muốn tất cả các vị thần đều yêu thích ông.

VIII. NHỮNG ĐƠN VỊ VĂN HỌC

A. Dàn Ý Vắn Tắt
   1. Những đoạn từ 1-39, vị tiên tri và thời đại của ông
   2. Những đoạn từ 40-66 (và có thể là 40-55 và 56-66), thời kỳ mới

B. Những đoạn từ 1-39, bối cảnh lịch sử chính là thời đại của Ê-sai (tiền-lưu-đày)
   1. Những đoạn từ 1-6, dưới thời của các Vua Ô-xia và Giô-tham
   2. Những đoạn từ 7-14, dưới thời của Vua A-cha
   3. Những đoạn từ 15-39, dưới thời của Vua Ê-xê-chia (những đoạn 36-39 song hành với II Các Vua 18:13- 20:19)

C. Những đoạn từ 40-66, thời kỳ lưu đày và hậu lưu đày, cũng là những hình bóng của một vương quốc tương lai
   1. Cũng như những đoạn từ 1-39 phản ánh trong bài giảng của Ê-sai và rõ ràng là những sự trình bày bằng lời nói, những đoạn từ 40-55 phản chiếu một cấu trúc mới. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đã đến và giờ đây sự phục hồi chính là chủ đề chính. Đây cũng chính là sự gợi ý về phong cách rằng những đoạn này không truyền thông bằng lời nhiều như là được viết xuống.
   2. Những đoạn từ 1-39 rõ ràng là hình bóng liên hệ với mối đe dọa A-si-ri và Ba-by-lôn, cụ thể ở những đoạn từ 13-14, 21 và 39. Những đoạn 40-55 liên hệ với thời kỳ Ba Tư và sự phục hồi của dân sự của Đức Chúa Trời được quay trở về với Đất Hứa.
   3. Những đoạn cuối cùng của sách Ê-sai, 56-66, mang tính lai thế học, sử dụng những phép tu từ theo nghĩa bóng lịch sử của khu vực Cận Đông để nói trước về một thế giới độc thần thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH) trên toàn cầu.

D. Sự khó khăn trở ngại của việc phác thảo dàn ý của sách Ê-sai
   1. Hầu hết những học giả hiện đại đều phân chia sách thành ít nhất hai phần chính: những đoạn từ 1-39 và từ đoạn 40-66. R. K. Harrison cho rằng hai phần chính là những đoạn từ 1-33 và từ đoạn 34-66 bởi vì phần trống giữa hai phần trong bản chép DSS. Phần chia rõ ràng trong bản DSS giữa hai đoạn 33 và 34 đã dấy lên đề nghị rằng sách Ê-sai đã được thực hiện bởi những người theo ông thành hai tập. W. H. Brownlee đã đề nghị rằng hai tập đã phản chiếu lẫn nhau trong cấu trúc của chúng.

Tập 1		**Tập 2**
đoạn 1-5	sự đổ nát và phục hồi	đoạn 34-35
đoạn 6-8	những tài liệu về tiểu sử	đoạn 36-40
đoạn 9-12	những sứ giả của những phước hạnh và sự đoán phạt thiên thượng	đoạn 41-45
đoạn 13-23	những lời tuyên án chống lại những	

	cường quốc ngoại bang	đoạn 46-48
đoạn 24-27	sự cứu chuộc toàn cầu và sự giải cứu trên Y-sơ-ra-ên	đoạn 49-55
đoạn 28-31	những bài giảng dành cho dân sự	đoạn 56-59
đoạn 32-33	sự phục hồi dân tộc	đoạn 60-66

2. Một vài nét chính tập chú vào bối cảnh lịch sử, trong khi những điểm khác tập chú vào nội dung về Đấng Mê-si

	NIV	**Leupold**
đoạn 7-12	"Những lời tiên tri nhân dịp mối đe dọa chống lại Giu-đa của A-ram và Y-sơ-ra-ên"	"Quyển sách Em-ma-nu-ên"
đoạn 28-33	"Sáu Lời Khốn Thay: Năm Lời trên kẻ không trung tín trong Y-sơ-ra-ên và Một Lời trên A-si-ri"	"Quyển sách Si-ôn" (Đá Góc Nhà)

3. Một vài ví dụ về những đơn vị văn học không chắc chắn (những đoạn 1-12)
   a. Dàn ý của những đoạn 1-12 bởi E. Y. Young, ở trang 211-214
      (1) 1:1-12:6 Những lời tiên tri liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
         (a) 1:1-31 Lời buộc tội nghiêm trọng
         (b) 2:1-4:6 Sự cai trị và phán xét của Đấng Mê-si trên dân sự
         (c) 5:1-30 Những sự vi phạm thường xuyên của Giu-đa
         (d) 6:1-13 Khải tượng từ Đức Chúa Trời của Ê-sai
         (e) 7:1-12:6 Những lời tiên tri được ứng nghiệm trong thời của vua A-cha
   b. Dàn ý những đoạn 1-12 bởi R. K. Harrison, trang 764
      (1) Những lời tiên tri về sự sụp đổ và phục hồi của Giu-đa, đoạn 1-5
      (2) Sự kêu gọi Ê-sai; những tài liệu về tiểu sử, đoạn 6-8
      (3) Những đế quốc thế giới đương thời và chức năng của chúng, đoạn 9-12
   c. Dàn ý của những đoạn 1-12 bởi The NIV Study Bible, trang 1016
      (1) đoạn 1-6
         (a) Phần giới thiệu: những lời cáo buộc chống lại Giu-đa bởi vì sự phá vỡ Giao Ước, đoạn 1
         (b) Sự kỷ luật và vinh quang trong tương lai của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, đoạn 2-4
            i Những phước hạnh trong tương lai của Giê-ru-sa-lem
            ii Sự kỷ luật của Chúa trên Giu-đa (2:6-4:1)
            iii Sự phục hồi Si-ôn (4:2-6)
         (c) Sự phán xét dân tộc và sự lưu đày (đoạn 5)
         (d) Sự ủy thác độc nhất dành cho Ê-sai (đoạn 6)
      (2) đoạn 7-12
         (a) A-cha bị cảnh báo không được sợ hãi liên minh của người A-ram và Y-sơ-ra-ên (đoạn 7)
         (b) Con trai của Ê-sai và con trai Vua Đa-vít (8:1-9:7)
         (c) Sự phán xét chống lại Y-sơ-ra-ên (9:8-10:4)
         (d) Đế chế A-si-ri và Vương Quốc Đa-vít (10:5-12:6)
            i Sự hủy diệt của A-si-ri (10:5-34)
            ii Sự thiết lập Vua Đa-vít và Vương Quốc của ông (đoạn 11)
            iii Bài ca vui mừng của sự giải cứu (đoạn 12)

IX. NHỮNG LẼ THẬT CHÍNH

A. Ê-sai giữ chặt Giu-đa với sự trung thành dành cho Giao ước Đa-vít (II Sa-mu-ên 7), nhưng ông cũng quay lại với mục đích nguyên thủy của giao ước Áp-ra-ham (Sáng 12:1-3), vốn chính là sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời để Ngài có thể chọn cả thế giới (Xuất 19:5-6). Thật đáng kinh ngạc về sự tể trị toàn cầu của YHWH phải được thiết lập. Đức Chúa Trời không phục hồi chỉ Y-sơ-ra-ên, nhưng sẽ mở rộng kết hoạch cứu chuộc của Ngài ra toàn thể thế giới!

B. Ê-sai tiên tri cách cụ thể về những sự vận động giữa những biến cố của thế giới trong thời đại của ông và trong tương lai, dẫn đến sự phục hồi của Vương Quốc Đa-vít thông qua Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời (Mi-chê cũng vậy). Vương quốc này là thánh khiết và toàn cầu (Mi-chê cũng vậy). Cả hai đều là những khía cạnh của một Đấng Thánh độc thần, thánh khiết và cứu chuộc.

C. Ê-sai chỉ ra một cách rõ ràng về sự hư không, vô ích khi dân sự của Đức Chúa Trời đã đặt sự tin cậy vào những nguồn lực con người, thế gian, hư mất. Sự giải cứu sẽ đến từ chỉ YHWH mà thôi!

D. Ê-sai bày tỏ ba đặc tính đầy quyền năng của kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời.
   1. Đấng Mê-si sẽ đến
   2. Đấng Mê-si như là Tôi Tớ Chịu Khổ
   3. Sự cai trị toàn vũ trụ của Đấng Mê-si

Ê-SAI 40

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

(Những dấu ngoặc kép chỉ về thể loại thơ ca)

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Vĩ Đại của Đức Chúa Trời	Dân Sự của Đức Chúa Trời được Yên Ủi	Nhà Tiên Tri Được Gọi để Công Bố Sự Đến Của Đức Chúa Trời	Lời Hy Vọng	Lời Tiên Tri về Sự Giải Cứu
40:1-2 (1-2)	40:1-2 (1-2)	40:1-2 (1-2)	40:1-2 (1-2)	40:1-2 (1-2)
40:3-8 (3-8)	40:3-5 (3-5)	40:3-5 (3-5)	40:3-5 (3-5)	40:3-5 (3-5)
	40:6-8 (6-8)	40:6-11 (6-11)	40:6-8 (6-8)	40:6-8 (6-8)
40:9-11 (9-11)	40:9-11 (9-11)		40:9 (9)	40:9 (9)
			40:10-11 (10-11)	40:10-11 (10-11)
		Đấng Sáng Tạo của Toàn Cõi Vũ Trụ	Đức Chúa Trời Không Ai Sánh Bằng của Y-sơ-ra-ên	Sự Vĩ Đại của Đức Chúa Trời
40:12-17 (12-17)	40:12-17 (12-14)	40:12-17 (12-17)	40:12-14 (12-14)	40:12 (12)
				40:13-18 (13-18)
	(15-17)		40:15-17 (15-17)	
40:18-20 (18-20)	40:18-20 (18-20)	40:18-20 (18-20)	40:18-20 (18-20)	
				40:19-24 (19-24)
40:21-26 (21-26)	40:21-24 (21-23)	40:21-23 (21-23)	40:21-22 (21-22)	
			40:23-26 (23-26)	
[1]	(24)	40:24 (24)		
	40:25-26 (25-26)	40:25-26 (25-26)		40:25-31 (25-31)
40:27-31 (27-31)	40:27-31 (27-31)	40:27-31 (27-31)	40:27-31 (27-31)	

[1] * Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. . Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm-những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ.

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh ")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Ê-sai sống vào thế kỷ thứ 8 T.C., nhưng Ê-sai 40-66 lại phù hợp với bối cảnh lịch sử của sự trở lại từ cõi lưu đày của những phu tù tại Ba-by-lôn dưới thời Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua trong Ê-xơ-ra 1-6, theo sắc lệnh của Vua Si-ru II vào năm 538 T.C. (thế kỷ thứ 6 T.C.).

B. Sách Ê-sai là một sự thống nhất (hãy xem phần dẫn nhập). Đức Chúa Trời bày tỏ về kế hoạch tương lai của Ngài đối với sứ giả trung tín của Ngài. Tôi chối bỏ thuyết về hai hoặc ba tác giả khác nhau của Ê-sai. Tôi tin rằng sách đã được biên tập hoặc hiệu đính.

C. Đức Chúa Trời đã không quên những lời hứa giao ước của, nhưng Ngài đã thiết lập một giao ước mới qua sự lưu đày (Giê-rê-mi 31:31-34). Giao ước mới này cuối cùng được định nghĩa trong cuộc đời, chức vụ và sự sống lại của Chúa Jesus. Chủ Đề Đặc Biệt: Những Giao Ước Lời Hứa dành cho Các Tổ Phụ (Special Topic: Covenant Promises to the Patriarchs)

D. Sự trở về lịch sử từ Ba-by-lôn không làm cạn kiệt lời tiên tri này. Sự tập chú cao nhất của những đoạn từ 40-66 chính là lần đến thứ nhất và thứ hai của Đấng Mê-si.
Đoạn 40 hình thành một sự giới thiệu về những đoạn Kinh Thánh về Đấng Mê-si độc được biết dưới tên gọi "Những Bài Ca về Tôi Tớ " (Ê-sai 42:1-9; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12).

E. Cũng như Ê-sai 1-39 nói với với những phu tù người A-si-ri và Ba-by-lôn, thì Ê-sai 40-66 nói với những ai đang trở về với Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Vị trí địa lý của khán giả đã thay đổi!

F. Ê-sai 40:1-11 phục vụ như một phần giới thiệu và tổng hợp lại toàn bộ phần này. Một ngày mới đã đến!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:1-2

[1] Đức Chúa Trời của các ngươi phán:
"Hãy an ủi, hãy an ủi dân Ta.
[2] Hãy nói cho thấu lòng Giê-ru-sa-lem,
Và rao rằng cuộc chiến của nó đã kết thúc,
Tội lỗi nó đã được tha;
Nó đã chịu gấp đôi từ tay Đức Giê-hô-va
Về mọi tội lỗi của mình."

40:1 " Hãy an ủi, hãy an ủi" Từ này (BDB 636, KB 688, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH, SỐ NHIỀU) được sử dụng trong những đoạn 1-39 chỉ ba lần, nhưng trong những đoạn 40-66 đến mười bốn lần (phần lớn ở dạng *Piel*). Nó có thể được xem là tựa đề dành cho phần này của sách Ê-sai. Nó chỉ về sự quan tâm và chăm sóc đầy thương xót của

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 12:1). Từ này có vẻ được phát triển từ sự thở hổn hển cách nặng nhọc của những con ngựa.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA than khóc rằng Ngài đã phải đoán phạt dân sự Ngài. Hình phạt đã qua. Không rõ điều này xảy ra bởi vì

1. Họ đã ăn năn (ví dụ, Ê-xê-chi-ên 18; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Yên Ủi (Special Topic: Comfort) và Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn trong Cựu Ước (Special Topic: Repentance in the OT))
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chọn để hành động thay cho họ ngay cả khi họ đã không có khả năng để hướng đến sự ăn năn (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Một ngày mới (giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34) đã bừng sáng! Nó đã dựa trên đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, chứ không phải hành vi biểu hiện của dân sự Ngài (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3); và khả năng của Ngài, chứ không phải của họ; kế hoạch cứu chuộc đời đời của Ngài mà họ chính là một bộ phận trong kế hoạch đó.

Giờ đây là một điểm lưu ý nữa trong đoạn văn mở đầu này. Các ĐỘNG TỪ ở SỐ NHIỀU. Như vậy, ai là người được ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đề cập đến như là người phát ngôn của Ngài?

1. Nhiều vị tiên tri (Ê-sai 52:8)
   a. những tiên tri riêng lẻ
   b. một "lớp học" (những môn đồ) của Ê-sai
2. những thiên sứ của một phiên tòa thiên đàng (ví dụ, từ "Chúng ta" trong Ê-sai 6:8 và 41:22-23)
3. bản LXX thêm vào, "hãy phán, hỡi ngươi, những thầy tế lễ, giữa Giê-ru-sa-lem"

Chú ý sự chơi chữ xen kẽ giữa NHỮNG ĐỘNG TỪ SỐ ÍT ("một tiếng phán" trong Ê-sai 40:3 và 6), và SỐ NHIỀU.

Có mười hai THỂ MỆNH LỆNH trong Ê-sai 40:1-11. Ê-sai 1:1-11 được mô tả bằng những THỂ MỆNH LỆNH, trong khi Ê-sai 40:12-17 được mô tả bằng những câu hỏi được trông đợi một câu trả lời "không".

Sự nhân đôi của THỂ MỆNH LỆNH đem lại một sự nhấn mạnh cho hành động. Đây là kỹ thuật văn học của phần này của sách Ê-sai (Ê-sai 51:9,17; 52:1,11; 57:14; 62:10).

Chủ Đề Đặc Biệt: Kỷ Nguyên của Đấng Mê-si (Special Topic: Messianic Era)

▣ **"dân Ta. . . Đức Chúa Trời của các ngươi "** Có hai từ ngữ giao ước (Sáng Thế Ký 12, 15; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giao Ước (Special Topic: Covenant)). Những người Do Thái trong thời kỳ hậu lưu đày tự hỏi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có còn là Đức Chúa Trời giao ước của họ hay không.

Danh xưng cho Đấng Thánh ở đây là *Elohim* (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần C (Special Topic: Names for Deity, C.).) và thường được sử dụng cho Đức Chúa Trời như là Đấng sáng tạo, chu cấp và duy trì mọi nguồn sự sống trên hành tinh này. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:2a) chính là danh xưng thường kết hợp với Đức Chúa Trời như là Đấng thiết lập giao ước (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh, D.(Special Topic: Names for Deity, D)),Đấng cứu rỗi và cứu chuộc.

▣ **"nói"** Có một vài ĐỘNG TỪ (một vài người nói khác nhau) được sử dụng trong đoạn này liên hệ với sự công bố thông điệp mới của Đức Chúa Trời.

1. nói – BDB 180, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 40:2
2. rao rằng – BDB 894, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 40:2,6
3. kêu lên – BDB 894, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH DẠNG CHỦ ĐỘNG, Ê-sai 40:3
4. cất tiếng lên – BDB 926, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 40:9
5. bảo – BDB 55, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 40:9

Điều này có chức năng như là một sự kêu gọi thứ hai của Ê-sai (đoạn 6). Câu "chúng sẽ chẳng nghe. . ." giờ đây được đổi thành "hãy phán với chúng."

40:2

NASB, REB	**"tử tế"**
NKJV, Peshitta	**"yên ủi"**
NRSV, JPSOA	**"cách dịu dàng"**
NJB, LXX	**"vào lòng"**

Từ này là לבב, một "từ chỉ tình yêu " đến từ từ gốc "tấm lòng" (לב, BDB 523, KB 516, Sáng Thế Ký 34:3; 50:21; Các Quan Xét 19:3; Ru-tơ 2:13; Ô-sê 2:14). Kinh Thánh sử dụng những mối quan hệ gần gũi, mật thiết

của con người để mô tả tình yêu và mối quan hệ của Đức Chúa Trời với nhân loại. Đây là một dạng điều chỉnh cho phù hợp với ngôn ngữ của con người.

NASB, NKJV	**"cuộc chiến"**
NRSV	**"đã thỏa mãn giai đoạn của nó "**
'TEV	**"đã chịu đau khổ đủ dài"**
NJB	**"giai đoạn phục dịch "**
JPSOA	**"thời gian phục dịch"**
REB	**"giai đoạn xiềng xích đã được thỏa mãn"**
LXX	**"sự sỉ nhục"**

DANH TỪ này (BDB 838, ở đây là GIỐNG CÁI, nhưng thông thường là GIỐNG ĐỰC) có thể có nghĩa là

1. chiến tranh
2. chiến trận (Đa-ni-ên 10:1)
3. sự phục vụ của những người Lê-vi (ví dụ, Dân Số Ký 4:3,23,30,35,39,43)
4. một sự phục dịch nặng nhọc (Giốp 7:1; 14:14; Ê-sai 40:2)

Y-sơ-ra-ên lẽ ra đã phải trở thành một "vương quốc của những thầy tế lễ (Xuất 19:5-6), nhưng sự bội nghịch của họ đã biến "sự phục vụ" đối với Đức Chúa Trời thành "sự phục dịch nặng nhọc" của việc gánh chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (sự phu tù nô lệ cho A-si-ri và Ba-by-lôn).

▣ **"Tội lỗi nó đã được tha (cất bỏ)"** Câu này có nghĩa là "hình phạt của tội lỗi họ đã được chấp nhận rằng đã được trả dứt (BDB 953, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, Lê-vi Ký 1:4; NASB marginal note; TEV).

▣ **"từ tay ĐỨC-GIÊ-HÔ-VA "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giáng trên Y-sơ-ra-ên một sự đoán phạt đầy đủ và trọn vẹn. Sự xâm lược và lưu đày đã không phải bởi quyền lực của A-si-ri (ví dụ, Ê-sai 8:7; 10:5) cũng như Ba-by-lôn nhưng đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. THế giới quan cận đông cổ đại tin rằng những quốc gia khi ra trận, các vị thần của họ chiến đấu và vị thần hùng mạnh nhất sẽ chiến thắng, nhưng đây không phải là sự thật. Y-sơ-ra-ên đã bị đánh bại và lưu đày bởi vì tội lỗi của họ đã chống nghịch lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài đã đem đến sự đoán phạt.

Từ "tay" là một thành ngữ Sê-mít cho sự trung gian. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tay (Special Topic: Hand)

▣ **"chịu gấp đôi… về mọi tội lỗi mình "** Đây không phải toán học nhưng thơ ca chỉ về một lượng đầy đủ và trọn vẹn (Giê-rê-mi 16:18; 17:18; Khải Huyền 18:6; dùng cho một ý nghĩa tích cực, hãy xem Ê-sai 61:7; Xa-cha-ri 9:12). Sự thương xót đến sau một sự đoán phạt trọn vẹn (ví dụ, Lê-vi Ký 26:40-45).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:3-8

[3] Có tiếng kêu lên trong hoang mạc:
"Hãy mở một con đường cho Đức Giê-hô-va;
Hãy dọn thẳng đường cái trong đồng hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta!
[4] Mọi thung lũng sẽ được nâng lên,
Mọi núi đồi sẽ bị hạ xuống;
Các nơi gập ghềnh sẽ được làm cho phẳng,
Các chỗ gồ ghề sẽ trở nên đồng bằng.
[5] Bấy giờ, vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ hiển hiện,
Và mọi người đều sẽ xem thấy,
Vì chính Đức Giê-hô-va đã phán vậy."
[6] Có tiếng nói: "Hãy kêu lên!"
Và có tiếng đáp: "Tôi phải kêu thế nào?"
"Loài người giống như cỏ,
Mọi vẻ đẹp của nó như cỏ hoa đồng nội.
[7] Cỏ khô, hoa rụng,
Vì hơi thở của Đức Giê-hô-va thổi qua.
Thật vậy, loài người chỉ là cỏ:
[8] Cỏ khô, hoa rụng,
Nhưng lời của Đức Chúa Trời chúng ta đứng vững đời đời!"

40:3 "dọn thẳng đường cái" ĐỘNG TỪ này (BDB 815, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH) căn bản có nghĩa là "quay," nhưng ở đây được sử dụng trong một nghĩa chuyên biệt của việc "dọn khỏi một lối đi những vật (ngăn trở)" (Ê-sai 40:3; 42:16; 49:11; 57:14; 62:10; Ma-la-chi 3:1).

Khái niệm của "một con đường của sự thánh khiết" mà trên đó dân sự của Đức Chúa Trời (những kẻ lưu đày trở về) đến với Ngài (đền thờ của Ngài) là một chủ đề lặp đi lặp lại trong Ê-sai (Ê-sai 11:16; 26:7; 35:8; 40:3; 42:16).

Trong văn mạch này chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng quay trở lại với dân sự Ngài. Họ đang chuẩn bị một con đường, vốn chỉ về một sự chuẩn bị thuộc linh/ thuộc thể.

Câu này đã là một sự tự định nghĩa, xác nhận về chính mình của Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 3:3; Mác 1:3; Lu-ca 3:4-6). Phần này được phản chiếu trong Xa-cha-ri 14:10, nơi mà địa hình vật lý dẫn về Giê-ru-sa-lem được sử dụng như là một ẩn dụ cho việc tiến đến với Đức Chúa Trời (Ma-la-chi 3:1; 4:5,6). Nó cũng có thể được mô tả như là "chuẩn bị con đường" (chú ý những dòng song hành).

▣ **"CHÚA (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)"** Đây là một sự chỉ đến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

▣ **"trong hoang mạc"** Ê-xê-chi-ên đã nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời rời khỏi Đền Thờ Giê-ru-sa-lem và đi chuyển về phía đông (Ê-xê-chi-ên 10:18-19; 11:22-23; 43:1-3). Đức Chúa Trời đã đi với những kẻ lưu đày và câu này chỉ về việc Ngài cũng quay Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

40:4 Văn mạch này chỉ về một sự chuẩn bị bởi dân sự của Ngài cho sự trở lại của Ngài Giê-ru-sa-lem. Ngài sẽ được đồng hành bởi những kẻ lưu đày trở. Ngài sẽ bảo vệ, chu cấp và chăm sóc cho (Ê-sai 40:9-11). Đây là một sự mô tả và mở rộng của việc mở một con đường trong đồng. Nó là một sự ẩn dụ cho việc dân sự có thể đến với Chúa cách thật dễ dàng và tự do. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một con đường mới (giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34). Đây là cách mới để mô tả về một cuộc xuất hành mới

1. ở đây chính là từ sự lưu đày thuộc thể
2. cách ẩn dụ để chỉ về thời kỳ cuối rốt

40:5 " vinh quang (CHÚA) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA " Sự vinh quang của Chúa chính là một sự liên hệ đến Ê-sai 6 (Ê-sai 40:3). Đoạn 40 đang thực hiện chức năng như là một lời kêu gọi thứ hai dành cho Ê-sai. Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 40:25.

Đây là một sự ẩn ý chỉ về "đám mây vinh hiển" vốn đã hiện ra trong cuộc xuất hành và trong thời kỳ lang thanh trong hoang mạc như là một biểu tượng của sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời. Các ra-bi Do Thái gọi nó là *Shekinah*, từ trong từ gốc Hê-bơ-rơ "ngự (ở)." Sự trở về của người Giu-da cần một sự đảm bảo của sự hiện diện liên tục của Đức Chúa Trời (Xuất 13:21-22; 14:19). Một cuộc xuất hành mới đã đến!

Để biết về "sự vinh hiển" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự vinh hiển (*kabod*, OT)(Special Topic: Glory (*kabod*, OT)).

▣ **"mọi người (xác thịt) đều sẽ xem thấy "** "Xác thịt" (BDB 142) có nghĩa là loài người (Ê-sai 40:7). Đây chính là một yếu tố chỉ toàn nhân loại (ví dụ, Ê-sai 49:6; 51:4-5; 52:10) đây chính là đặc điểm của sách Ê-sai.

▣ **" chính (miệng của) Đức Giê-hô-va đã phán vậy "** Đây chính là một thành ngữ Hê-bơ-rơ sử dụng cho quyền năng của lời phán ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:8; Sáng Thế Ký 1:3,6,9,11,14,20,26 and Ê-sai 55:11).

40:6 "Hãy kêu lên" Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 40:1.

NASB	**"Ngài trả lời "**
NKJV	**"Ngài phán"**
NRSV, NJB, LXX	**"Tôi nói"**
TEV, REB, DSS	**"tôi hỏi"**

Chú ý có hai giọng nói có liên quan. Dự án The UBS Text Project,đã cho lựa chọn "Ngài phán" một sự đánh giá "điểm C" (sự nghi ngờ đáng kể) trong trang 99.

Theo bản DSS, LXX nó có thể là một thiên sứ/ một linh nói với Ê-sai hoặc chính Ê-sai đang nói (NRSV, NJB, LXX).

▣ **" Loài người (mọi loài xác thịt) giống như cỏ "** Đây là một ẩn dụ lặp đi lặp lại chỉ về sự mỏng manh yếu đuối và ngắn ngủ của sự tồn tại trong thể xác của con người trong sự so sánh với sự đời đời của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 6:3; Gióp 10:4; 14:1-2; Thi Thiên 78:39; 90:5-6; 103:15-18; 1 Phi-e-rơ 1:24-25).

Giọng nói đang phán với ai ở đây?

1. Tất cả nhân loại
2. Những cường quốc của con người

Nó có vẻ là thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho những chính quyền loài người. Chúng có thể hùng mạnh cách tạm thời, nhưng chỉ trong một thời gian nhất định và trong lẽ thật thực sự (trong ánh sáng của năng quyền của Đức Chúa Trời) chúng không hề hùng mạnh!!

▣ **"vẻ đẹp"** Từ này được dịch từ từ Hê-bơ-rơ *hesed* (BDB 338, I, #4). Từ này thường được dùng để chỉ về giao ước yêu thương và thành tín của Đức Chúa Trời.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tử tế yêu thương *(hesed)* (Special Topic: Lovingkindness *(hesed))*

40:7-8 Tất cả những ĐỘNG TỪ ở THỂ HOÀN THÀNH (một hành động được hoàn tất) ngoại trừ thông điệp tóm lại " lời của Đức Chúa Trời chúng ta đứng vững đời đời " (THỂ CHƯA HOÀN THÀNH).

Đây đã là lẽ thật mà những kẻ lưu đày trở về đang cần. Có vẻ rằng lời của sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời đã thất bại!

Tuy nhiên, nan đề thật sự ở đây không phải là lời của Đức Chúa Trời, nhưng là dân sự tội lỗi của Ngài!

40:7

NASB, NKJV, NRSV, NJB, JPSOA, LXX	**"hơi thở"**
REB	**"luồng gió"**
LXX	**"lời"**

Từ Hê-bơ-rơ này *ruah* (BDB 924) có thể có ý nghĩa là "gió," "hơi thở," hoặc "linh."

Chủ Đề Đặc Biệt: Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)

40:8 "lời của Đức Chúa Trời chúng ta đứng vững đời đời " Những lời hứa của Đức Chúa Trời là chắc chắn, ngay cả khi ở giữa sự sửa phạt thiên thượng (Thi Thiên 103:17-18; Ê-sai 55:8-11; 59:21; Giê-rê-mi 29:10; Ma-thi-ơ 5:17-20; 24:35). Thông điệp này chính là sự hy vọng/ đảm bảo trong đức tin tin quyết chắc chắn của tất cả mọi tín hữu. Cụm từ này (BDB 182 GHÉP VỚI BDB 43) song hành với hơi thở của CHÚA (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) trong câu 7.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:9-11

9 Ai rao tin lành cho Si-ôn,
Hãy lên trên núi cao!
Ai rao tin lành cho Giê-ru-sa-lem,
Hãy ra sức cất tiếng lên!
Hãy cất tiếng lên, đừng sợ!
Hãy bảo các thành của Giu-đa rằng:
"Đây là Đức Chúa Trời của các ngươi!"
10 Nầy, Chúa Giê-hô-va sẽ đến trong quyền năng,
Ngài dùng cánh tay Ngài mà cai trị.
Nầy, sự ban thưởng Ngài ở với Ngài,
Sự báo trả Ngài ở trước mặt Ngài.
11 Ngài sẽ chăn bầy mình như người chăn chiên;
Tập họp các chiên con trong cánh tay mình
Và ẵm chúng vào lòng;
Nhẹ nhàng dẫn các chiên cái đang cho bú.

40:9 " trên núi cao…cho Si-ôn. . .cho Giê-ru-sa-lem" Cả hai cụm từ này chỉ về Giê-ru-sa-lem. Đền Thờ được dựng trên Ngọn Mô-ri-a nhưng từ "Si-ôn" (một ngọn đồi khác trong thành phố nơi Đa-vít xây cung điện cho mình) chính là một thành ngữ để chỉ về cả thành phố.

Ai là người được những sự nhân hóa này chỉ về?

1. Những tiên tri của Đức Chúa Trời
2. Những người giảng dạy Lê-vi của Đức Chúa Trời
3. Sứ giả của thời đại mới (Giăng Báp-tít)

Có phải điều này chỉ về

1. Sự quay về từ sự lưu đày ở Ba-by-lôn (ví dụ, Ê-sai 52:7-9; 62:10-12)
2. Những chiến thắng trong thời Mác-ca-bê
3. Lần đến thứ nhất của Chúa Jesus (Ê-sai 62:11 được trích trong Ma-thi-ơ 21:5)
4. Lần đến thứ hai của Chúa Jesus (Ê-sai 40:10; 62:11, ngụ ý chỉ đến trong Khải Huyền 22:12)

Có một sự tuôn chảy giữa (1) lời hứa của Đức Chúa Trời về một sự phục hồi dành cho Y-sơ-ra-ên và (2) thời đại mới trong Đấng Christ. Đây là chỗ mà sự tường thuật vĩ mô phải bao gồm Tân Ước. Chúa Jesus đã ứng nghiệm những niềm hy vọng ở đây, nhưng hai lần đến của Đấng Christ (Đấng Cứu Thế, Vị Vua về sau) đã gây ra một sự ứng nghiệm đôi (hai lớp). Những lời tiên tri về sự cuối cùng này vẫn nằm ở tương lai. Chúng chắc chắn không được ứng nghiệm trong lần quay trở về của Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua vào năm 539 T.C. và cũng không phải trong cuộc đời của Chúa Jesus người Na-xa-rét.

Thêm một điều, đoạn văn này, Ê-sai 40:9-11, là một sự công bố của một "người lính canh" của một thành phố về một nhóm/người/quân đội đang tiến đến. Tuy nhiên, hãy chú ý một Đấng hùng mạnh (Đức Chúa Trời) tiến đến, không phải là một kẻ xâm lược nhưng là một Đấng Chăn thương xót. Ngài đến để giải cứu, bảo vệ, và chu cấp. Đấng Chăn Chiên của Y-sơ-ra-ên (Psalm 23) đã trở lại trên vùng đất/ dân sự mà Ngài đã bỏ rơi trong Ê-xê-chi-ên 8-10!

Chủ Đề Đặc Biệt: Vì sao các sự kiện Lai Thế lại quá gây tranh cãi? (Special Topic: Why Are the End-time Events So Controversial?)

▣ **"tin lành"** Đây chính là ĐỘNG TỪ בָּשַׂר (BDB 142, KB 163; *Piel* PHÂN TỪ) vốn có nghĩa là "mang những tin tức vui mừng." Ở đây nó chỉ về thông điệp thương xót của sự cứu chuộc và chấp nhận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:9 [hai lần]; 41:27; 52:7 [hai lần]; Na-hum 1:15). Phao-lô trích Ê-sai 52:7 trong Rô-ma 10:15 và liên hệ nó với Đấng Christ (Rô-ma 10:16 trích lại Ê-sai 53:1). Phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ được mô tả như là "những tin tức tốt lành" trong Tân Ước.

Chủ Đề Đặc Biệt: Phúc Âm (Special Topic: The Gospel)

▣ **"đừng sợ"** ĐỘNG TỪ này (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) là một THỂ MỆNH LỆNH theo ý nghĩa chỉ về Giê-ru-sa-lem (dân sự của Đức Chúa Trời). Tội lỗi gây nên sự sợ hãi! Đức Chúa Trời đã phán điều này thường xuyên với dân sự của Ngài như thế nào! (Ê-sai 41:10,13.14; 43:1,5; 44:2,8 [những từ khác nhau]; 51:7,12; 54:4,14).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự sợ hãi (Cựu Ước) (Special Topic: Fear (OT))

▣ **"Hãy bảo các thành của Giu-đa"** Những người giữ quan điểm về một tác giả sau này, trong thời kỳ hậu lưu đày thay vì chính Ê-sai (là tác giả) đã gặp nan đề để giải thích phần trích dẫn này bởi vì tất cả mọi thành phố đã bị hủy diệt bởi Nê-bu-cát-nết-xa II vào năm 586 T.C.

▣ **"Đây là Đức Chúa Trời của các ngươi"** Đức Chúa Trời ở cùng với dân sự Ngài! Sự chờ đợi đã kết thúc (Ê-sai 25:9; 26:8; 33:2; 40:31; 49:23; 51:5; 60:9)!

40:10 "Chúa Giê-hô-va" Theo nguyên văn cụm từ này là "*Adonai* ĐỨC GIÊ-HÔ-VA," vốn được dịch nguyên văn là "Chúa, CHÚA (GIÊ-HÔ-VA)" Thi Thiên 110:1). "Chúa" ở đây là từ Hê-bơ-rơ *adon*, vốn chỉ về chủ nhân, chủ, chồng, chúa.

▣ **"dùng cánh tay Ngài mà cai trị"** Đây là một thành ngữ nhân hình (anthropomorphic) Sê-mít được dùng chỉ về hành động và năng quyền của Đấng Thánh. Từ Ê-sai 9:6-7; 11:1-5; và Mi-chê 5:2-5a, chúng ta biết điều này chỉ về sự đại diện trung bảo của Đấng Mê-si (Psalm 110).

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người(Special Topic: Problems and Limitations of Human Language)

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si (Special Topic: Messiah)

▣ **" sự ban thưởng Ngài ở với Ngài,**
Sự báo trả Ngài ở trước mặt Ngài"

Cụm từ này được tìm thấy trong chính xác trong Ê-sai 62:11 và ngụ ý đến trong Khải Huyền 22:12. Câu 10 nói về sự hiện diện cá nhân của Đấng Thánh (41:10a). Đấng Em-ma-nu-ên đã đến (Ê-sai 7:14)!

40:11 "như người chăn chiên" ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Đấng quyền năng (Ê-sai 40:10), cũng chính là Đấng Chăn Chiên (Thi 23; 80:1; Giê-rê-mi 31:10; Ê-xê-chi-ên 34:11-16). Chú ý rằng trong Ê-xê-chi-ên 34:23-24, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bổ nhiệm His Đấng Mê-si để đại diện cho chính mình Ngài! Chúa Jesus chính là Người Chăn hiền lành (Giăng 10). Ngài chính là người chăn "bị thương tích" trong Xa-cha-ri 11-12 và Ê-sai 52:13-53:12.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:12-17

[12] Ai đã lấy lòng bàn tay mà lường biển cả,
Lấy gang tay mà đo các tầng trời?
Ai đã lấy đấu mà đong bụi đất?
Ai đã dùng cân mà cân núi
Và dùng cân bàn mà cân đồi?
[13] Ai lường được Thần của Đức Chúa Trời,
Và ai làm cố vấn cho Ngài để dạy Ngài điều gì?
[14] Ngài đã hỏi ý kiến ai để được thông hiểu?
Ai đã dạy cho Ngài đường công lý?
Ai đã dạy Ngài tri thức
Và chỉ cho Ngài phương cách nhận thức?
[15] Kìa, các nước giống như một giọt nước nhỏ trong thùng,
Giống như là một hạt bụi rơi trên cân;
Nầy, Ngài nhấc các hải đảo lên như nhấc một vật nhỏ.
[16] Rừng Li-ban không đủ củi đốt lửa,
Những thú vật ở đó chẳng đủ làm tế lễ thiêu.
[17] Trước mặt Ngài, mọi nước đều không là gì cả,
Ngài xem chúng như trống không và hư vô.

40:12-17 Cũng như những câu 9-11 mô tả về thông điệp của sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng Cứu Chuộc, những câu 12-17 mô tả về Ngài là Đấng Tạo Hóa

1. Đo lường biển cả (các vùng nước) (sự kiểm soát và điều khiển các vùng nước nguyên thủy của sự hỗn độn), Ê-sai 40:12
2. Định ra bầu không khí của hành tinh này, Ê-sai 40:12
3. Điều khiển các vùng đất khô ("đong bụi đất " và "cân núi… đồi " [phép song hành trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ]"), Ê-sai 40:12
4. Hướng dẫn Thần Linh như là sứ giả (của Ngài), không cần sự cố vấn, Ê-sai 40:13-14
5. Trong sự so sánh với năng lực và sự khôn ngoan sáng tạo của Đức Chúa Trời, con người không là gì cả (Ê-sai 40:6-8, phần này tương tự với Gióp 38-41), Ê-sai 40:15-17

40:12 " Ai đã… lường biển cả (các vùng nước) " Tất cả những ĐỘNG TỪ của Ê-sai 40:12 đều ở THỂ HOÀN THÀNH (một hành động được hoàn tất). Đây là một chuỗi câu hỏi vốn trông đợi một câu trả lời "không". Nó tương tự với sách Gióp 38-41, nơi mà Đức Chúa Trời trả lời những câu hỏi cảu Gióp bằng cách khẳng định thẩm quyền và quyền năng của Ngài. Câu 12 rất giống với 41:26.

Chú ý phép song hành.

1. Sự đo lường – BDB 551, KB 547]
2. Đánh dấu– BDB 1067, KB 1733

3. Đong tính – BDB 465, KB 463
4. cân – BDB 1053, KB 1642

Đây là những hành động ẩn dụ của Đấng Tạo Hóa. Câu chuyện sáng tạo trong Sáng Thế Ký 1 cũng là một hình ảnh của sự kiểm soát tể trị, điều khiển và duy trì cả vũ trụ này của Đức Chúa Trời. Hai quyển sách mới rất hay của John H. Walton, *The Lost World of Genesis One* và *Genesis 1 As Ancient Cosmology*.

▣ **"gang tay"** Để xem về những bộ phận cơ thể của con người được dùng để đo lường hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cu-bít (Special Topic: Cubit).

40:13-14 "Ai" của những câu kinh thánh này có thể liên hệ ngược về những (THỂ) SỐ NHIỀU trong Ê-sai 40:1-3. Nếu như vậy, chúng liên hệ với một hội đồng thiên đàng. Những tôi tớ là thiên sứ này có thể thấy trong

1. những đoạn dùng từ "Chúng ta" trong Sáng Thế Ký 1và 6
2. 1 Các Vua 22:19-23
3. Gióp 1:6-12; 2:1-6,7
4. Đa-ni-ên 7:10,26

40:13 " Ai lường (hướng dẫn) được Thần của Đức Chúa Trời " Câu 13 và 14 song hành với nhau. Đây không phải là một đoạn Kinh Thánh nói về Ba Ngôi Đức Chúa Trời nhưng là một đoạn Kinh Thánh Cựu Ước, rất giống với Sáng Thế Ký 1:2, vốn nói về "Thần Linh" như là một sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)).

40:14 " Ai đã dạy cho Ngài đường công lý " Chú ý phép song hành. "Con đường (lối đi) " chính là một nền tảng Cựu Ước cho ý tưởng Tân Ước "Đường Đi (đạo) " vốn được sử dụng trong hội thánh đầu tiên trong Công Vụ. Điều này nói về một đức tin theo Kinh Thánh cũng như là một lối sống tương giao với Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Phán xử, Phán Xét, và Công Lý (טפת) trong Ê-sai (Special Topic: Judge, Judgment, and Justice (טפת) in Isaiah). Câu này về căn bản rõ ràng đang khẳng định niềm tin độc thần.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism).

40:15-17 " Kìa, các nước giống như một giọt nước nhỏ trong thùng,
Giống như là một hạt bụi rơi trên cân;
…Trước mặt Ngài, mọi nước đều không là gì cả,"

Đây là một sự nhấn mạnh vào vào năng quyền của Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 10:10), chứ không phải sự thiếu vắng sự quan tâm hoặc thương xót của Ngài cho các nước. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã ban Chúa Jesus cho một sự cứu chuộc dành cho cả nhân loại. Tuy vậy, những dân tộc bội nghịch sẽ bị đoán phạt (Ê-sai 17:13; 29:5,7).

Chủ Đề Đặc Biệt: Kế hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

40:16 Điểm chính trong câu này chính là: ngay cả một địa điểm (Li-ban) vốn được che phủ bởi rừng rậm và đầy những thú hoang vốn cũng không thể cung cấp đủ của lễ cho sự vĩ đại của Đức Chúa Trời giao ước của Y-sơ-ra-ên. Để xem một sự cố gắng vượt trội tương tự để dâng một của lễ thích đáng hãy xem 1 Các Vua 8:63.

40:17

NASB	**"vô nghĩa"**
NKJV	**"vô giá trị"**
NRSV, NJB	**"sự trống không"**
JPSOA, REB	**"vô ích"**
LXX, Peshitta	**"hư không"**

Từ này, תהו (BDB 1062), được sử dụng cho mặt đất không có hình dạng trong Sáng Thế Ký 1:2 (Ê-sai 34:11; 45:18; Giê-rê-mi 4:23). Nó cũng được sử dụng cho sự không có thật của các thần tượng (1 Sa-mu-ên 12:21; Ê-sai 41:29; 44:9).

Ê-sai sử dụng nó trong cùng một đoạn cho sự hư không của những kẻ chuyên quyền con người (ví dụ, Ai Cập, A-si-ri, Ba-by-lôn, Ba Tư, và mọi kẻ thù của dân sự của Đức Chúa Trời). Các tổ chức và quyền lực con người không thể nào so sánh được với quyền năng và kế hoạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:18-20

[18] Vậy, các ngươi có thể ví Đức Chúa Trời với ai,
Lấy hình ảnh nào so sánh với Ngài được?
[19] Khi người thợ đúc tượng
Thì thợ bạc lấy vàng bọc nó,
Và đúc những dây chuyền bằng bạc cho nó.
[20] Người nghèo không lo nổi tượng đúc
Thì chọn gỗ không mục,
Và tìm thợ lành nghề
Để dựng một tượng thật vững chắc.

40:18-20 Phần này nói về sự ngu dốt của sự thờ hình tượng tương tự với Ê-sai 44:9-20 và 46:1-7.

▣ **" các ngươi có thể ví Đức Chúa Trời với ai "** Sự mô tả này (Ê-sai 40:25; 46:5; Xuất 8:10; 15:11; 1 Sa-mu-ên 2:2; Mi-chê 7:18) của một sự khẳng định thần học chính yếu của người Do Thái mà chúng ta gọi là đức tin độc thần (Phục Truyền 6:4-5).Tư tưởng (đức tin) độc thần
Chủ Đề Đặc Biệt: Tư tưởng (Đức Tin) Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

40:19

NASB	**"*tạo kiểu*"**
NKJV, NRSV, NJB	**"đúc"**
TEV	**"thiết lập"**
REB	**"làm cho vừa vặn"**
JPSOA	**"rèn"**
LXX, Peshitta	**"làm"**

ĐỘNG TỪ này (BDB 864,, KB 1057) được sử dụng hai lần và chỉ về việc cho kim loại nóng chảy vào một khuôn đặc biệt (Ê-sai 41:7; 46:6). NIDOTTE, tập 2, trang 1000 nghiêng về "rèn đập" hơn là cách dịch phổ biến "đúc ," bởi vì phép song hành đồng nghĩa trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ,

Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ ca Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Poetry)

40:20 "một cây (gỗ)" Từ này (BDB 781) được sử dụng để chỉ về một loại gỗ mà các hình tượng được làm từ nó (Ê-sai 44:19; 45:20; Ô-sê 4:12). Nó có thể là một loại gỗ rất cứng nhưng thời gian trôi qua nó sẽ mục nát!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:21-26

[21] Các ngươi không biết sao?
Các ngươi chưa nghe sao?
Chẳng phải điều đó đã được dạy cho các ngươi từ ban đầu sao?
Chẳng phải các ngươi đã hiểu quả đất được đặt nền móng sao?
[22] Chính Ngài là Đấng ngự trên vòm che quả đất,
Và các cư dân trên đất giống như cào cào.
Ngài là Đấng giương các tầng trời ra như cái màn
Và căng chúng ra như trại để ở.
[23] Ngài làm cho các quan chức cao cấp ra như con số không,
Và làm cho các thẩm phán trên đất ra hư không.
[24] Họ vừa mới được trồng, vừa mới được gieo,
Cây vừa mới châm rễ trong đất,
Thì Đức Giê-hô-va thổi hơi qua, và họ liền khô héo;
Nầy, một cơn gió lốc đùa họ đi như rơm rác.
[25] Đấng Thánh phán:
"Các con so sánh Ta với ai?
Ai sẽ ngang bằng với Ta?"
[26] Hãy ngước mắt lên cao mà xem:
Ai đã sáng tạo những vật nầy?

Ngài là Đấng khiến các thiên thể ra theo số lượng và đội ngũ,
Ngài gọi đích danh tất cả chúng,
Không bỏ sót một thiên thể nào,
Vì sức mạnh vĩ đại
Và quyền năng vô biên của Ngài.

40:21-26 Khổ thơ này liên hệ về mặt thần học với Ê-sai 40:12-17. Cả hai đều mô tả về Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo, tất cả đều nhỏ bé và tầm thường trong sự so sánh với Ngài. Ngài là hiện thực duy nhất, là chân lý duy nhất, là Đấng sống duy nhất! Các hình tượng không hề tồn tại và con người hiện hữu chỉ duy bởi ý muốn của Ngài! Nhưng đáng kinh ngạc thay Ngài muốn biết chúng ta, tha thứ cho chúng ta và có mối quan hệ với chúng ta! Thật là một Đức Chúa Trời tuyệt vời, ai sẽ giống như Ngài?

40:21 " Các ngươi không biết sao " Chuỗi câu hỏi này, cũng giống như Ê-sai 40:28, có mục đích nhắc người Do Thái về những sự mặc khải của Đức Chúa Trời trước đó với họ.

▣ **" quả đất được đặt nền móng "** Trong văn mạch đây là một sự ngụ ý khác về sự sáng tạo. Thật thú vị, một cụm từ tương tự được lặp lại năm lần trong Tân Ước để chỉ về những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trước cả sự sáng tạo.

1. Ma-thi-ơ 25:34 – " thừa hưởng vương quốc thiên đàng đã được chuẩn bị sẵn cho các con từ khi tạo dựng trời đất "
2. Giăng 17:24 – " vì Cha đã yêu thương Con từ trước khi sáng thế. "
3. Ê-phê-sô 1:4 – " Ngay cả trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ "
4. 1 Phi-e-rơ 1:19-20 – bởi huyết báu của Đấng Christ …đã được định sẵn trước khi tạo dựng vũ trụ "
5. Khải Huyền 13:8 (những đối tượng có thể)
   a. " những người không có tên ghi trong sách sự sống …từ buổi sáng thế "
   b. " Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế "

Đức Chúa Trời đã sống động từ trước, trong và sau sự sáng tạo vật chất. Ngài đã sống động trong A-đam, Nô-ê, Áp-ra-ham, Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên, và Đấng Christ cho sự cứu chuộc dành cho toàn bộ nhân loại (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan))!

40:22 " Chính Ngài là Đấng ngự trên vòm che quả đất. . .cái màn. . .trại" Đây là một tư tưởng Trung Đông Cổ Đại rất phổ biến (Ê-sai 42:5; Gióp 9:8; Thi Thiên 104:2; Giê-rê-mi 10:12; 51:15; Xa-cha-ri 12:1). In Trong quyển sách của người Ai Cập *Book of the Dead*, thiên đàng được mô tả như một "bầu da." Thiên đàng Thiên Đàng trong Kinh Vệ Đà được mô tả như "được giương lên như một nơi ẩn náu." Đây đơn giản là một cách nói bóng bẩy của một khung vòm thiên đàng (bầu khí quyển của trái đất). Nó là một ngôn ngữ ẩn dụ theo nghĩa bóng. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thiên Đàng (Special Topic: Heaven) và Chủ Đề Đặc Biệt: Vòng Trái Đất (Special Topic: Circle of the Earth)

Thuật ngữ "cái màn" (BDB 201) được sử dụng với nghĩa này duy nhất ở đây. Từ này có nghĩa là "nghiền nát" (Ê-sai 40:15, "bụi đất"). Hiển nhiên nó có thể được sử dụng để chỉ về một thứ gì "mỏng" (KB 229, ví dụ, cái vòm bao phủ trái đất). Cần nhớ những người giải kinh cần xem

1. Văn mạch
2. Gốc từ Hê-bơ-rơ khác
3. Các ngôn ngữ khác cùng họ

Nhưng điểm #1 luôn phải được ưu tiên 1!

40:25 "Đấng Thánh" Hãy xem bài ghi chép đầy đủ trong Ê-sai 6:3 (Ê-sai 1-39, trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org). Tựa này được đặt như là một sự kết nối cố ý giữa lần kêu gọi Ê-sai thứ nhất. Khi ông được phán rằng Y-sơ-ra-ên sẽ không lắng nghe cho đến khi bị tiêu diệt (Ê-sai 6:9-11) và lần kêu gọi thứ hai này, khi ông được phán rằng "hãy nói một cách dịu dàng" với nó. Giờ đây, họ sẽ lắng nghe!

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

40:26 " Hãy ngước mắt lên cao mà xem " Cả hai đều là những *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. Chú ý những dòng song hành của Ê-sai 40:26 a,b.

▣ **" Ngài là Đấng khiến các thiên thể. . . Ngài gọi đích danh tất cả chúng . . Không bỏ sót một thiên thể nào"** Đây là một chi tiết rất quan trọng trong ánh sáng của sự thờ phượng các vầng sáng trên trời của người Ba-by-lôn mà Đức Chúa Trời được môt tả như là Đấng Sáng tạo, duy trì, điều khiển những thực thể trên bầu trời (Sáng Thế Ký 1:16; Thi Thiên 8:3; Giê-rê-mi 31:35).

Thuật ngữ "sáng tạo" trong Ê-sai 40:26 là từ trong tiếng Hê-bơ-rơ *Bara*. Nó được sử dụng trong Sáng Thế Ký 1 về sự tạo dựng của Đức Chúa Trời. Nó không bao giờ được dùng cho bất cứ điều gì hoặc bất cứ ai ngoại trừ sự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Nó xuất hiện khoảng 20 lần trong Ê-sai 40-66 (Ê-sai 40:26,28; 41:20; 42:5; 43:1,7,15; 45:7[hai lần],8,12,18[hai lần]; 48:7; 54:16[hai lần]; 57:19; 65:17,18[hai lần]).

▣ **" Không bỏ sót một thiên thể nào "** Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ vốn có nghĩa là "không có bất cứ một thiên thể nào thất bại không thể trình diện để hội họp." Đức Chúa Trời kiểm soát các ngôi sao và hành tinh. Chúng không phải là các vị thần. Cũng như các tai vạ trong Xuất Ê-díp-tô Ký làm sụp đổ giá trị của các vị thần của người Ai Cập, thì cũng vậy, Sáng Thế Ký 1 làm sụp đổ giá trị của các vị thần thiên thể trên bầu trời của Khu vực Cận Đông Cổ Đại.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 40:27-31

[27] Vậy hỡi Gia-cốp, sao con nói;
Hỡi Y-sơ-ra-ên, sao con than thở:
"Đường lối tôi đã bị che khuất khỏi Đức Giê-hô-va,
Đức Chúa Trời tôi không còn quan tâm đến quyền lợi của tôi"?
[28] Con không biết sao?
Con chưa nghe sao?
Giê-hô-va là Đức Chúa Trời đời đời,
Đấng đã sáng tạo toàn cõi đất,
Chẳng mỏi mệt, chẳng yếu sức;
Sự hiểu biết của Ngài không thể dò được.
[29] Ngài ban năng lực cho người mệt mỏi,
Thêm sức mạnh cho kẻ chẳng có sức.
[30] Các thanh niên cũng phải mòn mỏi mệt nhọc,
Người trai tráng cũng phải vấp ngã.
[31] Nhưng ai trông đợi Đức Giê-hô-va chắc chắn được sức mới,
Cất cánh bay cao như chim ưng,
Chạy mà không mệt nhọc,
Đi mà không mòn mỏi.

40:27 " Đường lối tôi đã bị che khuất khỏi Đức Giê-hô-va,
Đức Chúa Trời tôi không còn quan tâm đến quyền lợi của tôi"

Người Do Thái ("Hỡi Gia-cốp. . .Hỡi Y-sơ-ra-ên") cảm thấy rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã bỏ rơi họ (Ê-sai 49:14). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giấu mặt Ngài khỏi họ trong một khoảng thời gian (Ê-sai 1:15; 8:17; 54:8; Rô-ma 9-11).

40:28 Chú ý những danh xưng dùng cho Đức Chúa Trời.

1. Đức Chúa Trời Đời Đời – Sáng Thế Ký 21:33 và cũng chú ý Xuất 15:18; Phục Truyền 32:40; Thi Thiên 90:2; Giê-rê-mi 10:10; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Đời Đời (*'olam*) (Special Topic: Forever (*'olam*))
2. CHÚA – ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D))
3. Đấng Sáng Tạo– (đây là ý tưởng then chốt mạnh mẽ của đoạn 40)
4. Cũng được gọi là "Đấng Thánh" trong Ê-sai 40:25 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One))

Đức Chúa Trời của lời hứa giờ đây một lần nữa chính là Đức Chúa Trời của sự hiện diện!

▣ **" Chẳng mỏi mệt, chẳng yếu sức "** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ vốn có nghĩa là "Ngài không mất kiên nhẫn."

Có một sự chơi chữ liên quan đến " sự mệt mỏi," "sự kiệt sức" trong Ê-sai 40:28-31.

1. Ê-sai 40:28 – kiệt sức, BDB 419, KB 421, mệt mỏi, BDB 388, KB 386
2. Ê-sai 40:30 – kiệt sức (mòn mỏi), BDB 419, KB 421, mệt nhọc, BDB 388, KB 386
3. Ê-sai 40:30 – vấp ngã, ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU và THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 505, KB 502)
4. Ê-sai 40:31 – mệt mỏi, BDB 388, KB 386 5. Kiệt sức, BDB 419, KB 421

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mang đến sức mạnh và sự bền bỉ dành cho những ai chờ đợi và tin cậy! Sức sống của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã được chuyển giao cho dân sự Ngài (Ê-sai 40:29-31). Họ đầy năng lực bởi vì Ngài là Đấng Mạnh mẽ!

NASB	**"không dò được"**
NKJV, JPSOA	**"không tìm được sự hiểu biết của Ngài "**
NRSV	**"không dò tìm được"**
NJB	**"vượt xa sự thăm dò"**
JPSOA, REB, Peshitta	**"không thể thăm dò được"**

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 350) căn bản có nghĩa không thể tìm được. Tại đây nó ở DẠNG PHỦ ĐỊNH (Gióp 5:9; 9:10; 36:26; Thi Thiên 145:3).

Phao-lô mô tả cùng một lẽ thật trong Rô-ma 11:33 và trích Ê-sai 40:13-14.

Đức Chúa Trời vẫn đang kiểm soát! Đường lối Ngài là chắc chắn và ý tưởng Ngài là thông suốt. Sẽ không có sự ngạc nhiên nào, không có bất cứ lỗi lầm nào! Ngài yêu thương chúng ta, Ngài hiện diện với chúng ta, Ngài ở đó cho chúng ta. (Ê-sai 40:29-31)!

40:29 " Ngài ban năng lực cho người mệt mỏi " ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yên ủi những kẻ Ngài đã đoán phạt (Ê-sai 41:10; Thi Thiên 107:9; Giê-rê-mi 31:25).

Điều này rất giống với thông điệp của Chúa Jesus " Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được yên nghỉ." trong Ma-thi-ơ 11:28-30.

40:30 " Người trai tráng (người trẻ đầy sinh lực)"Cụm từ này chỉ về những người nam trẻ được chọn lọc để tham gia nghĩa vụ trong quân đội.

▣ **" phải vấp ngã (cách nặng nề)"** Đây là một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI và một *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ (BDB 505, KB 502), vốn để làm tăng nặng ý nghĩa của ý tưởng.

40:31 "trông đợi" Đây là một từ Hê-bơ-rơ (BDB 875, KB 1082, *Qal* PHÂN TỪ) nói về một sự trông đợi chủ động. Nó được sử dụng cho sự chờ đợi vụ mùa của những người nông dân (Ê-sai 5:4,7). Nó cũng được sử dụng cho những kẻ cướp chờ đợi để phục kích (Thi Thiên 56:6; 119:95). Dân sự của Đức Chúa Trời trông đợi Ngài (Ê-sai 8:17; 25:9; 30:18; 33:2).

▣ **" chắc chắn được sức mới "** ĐỘNG TỪ này (BDB 322, KB 321, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là

1. Trao đổi – Lê-vi Ký 27:10
2. Thay đổi – Sáng Thế Ký 31:7,41; 35:2
3. Dẫn đến thành công – Ê-sai 40:31

▣ **"như chim ưng"** The Jewish Study Bible (trang 864) cho biết có một niềm tin phổ biến rằng chim ưng khi đã thay lông chúng nhận được sức mới (Thi Thiên 103:5).

Ê-SAI 41

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Y-sơ-ra-ên Được Khích Lệ	Y-sơ-ra-ên Đảm Bảo Được Đức Chúa Trời Giúp Đỡ	Sự Thử Thách Trên Các Dân Tộc	Sự Đảm Bảo Đức Chúa Trời Ban Cho Y-sơ-ra-ên	Si-ru, Công Cụ của Đức Giê-hô-va
		(41:1-42:4)		
41:1-4 (1-4)	41:1 (1)	41:1 (1)	41:1 (1)	41:1-7 (1-7)
	41:2-4 (2-4)	41:2-10 (2-10)	41:2-4 (2-4)	
41:5-16 (5-16)	41:5-7 (5-7)		41:5-7 (5-7)	Y-sơ-ra-ên Được Chọn Lựa và Bảo Vệ Bởi Đức Giê-hô-va
	41:8-10 (8-10)		41:8-10 (8-10)	41:8-20 (8-20)
	41:11-13 (11-13)	41:11-13 (11-13)	41:11-13 (11-13)	
	41:14-16 (14-16)	41:14-16 (14-16)	41:14-16 (14-16)	
41:17-20 (17-20)	41:17-20 (17-20)	41:17-20 (17-20)	41:17-20 (17-20)	
	Sự Hư Không của Các Hình Tượng		Đức Giê-hô-va Thách Thức các Hình Tượng Giả Dối	Sự Đần Độn của Các Hình Tượng
41:21-24 (21-24)	41:21-24 (21-24)	41:21-24 (21-24)	41:21-24 (21-24)	41:21-29 (21-29)
41:25-29 (25-29)	41:25-29 (25-29)	41:25-29 (25-29)	41:25-29 (25-29)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Trong đoạn này ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ quyền năng và sự tể trị vĩ đại của Ngài qua việc gọi Si-ru II (Vua Ba Tư, Ê-sai 41:2,25) để tiếp quản quyền cai trị của khu vực bình nguyên Màu Mỡ Hình Trăng Lưỡi Liềm. Việc thay đổi sự cai trị sẽ bày tỏ
   1. Kế hoạch giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho dân sự của Ngài (quay trở về từ sự lưu đày)
   2. Sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên những hình tượng của các dân tộc là những kẻ không thể nghe, nhìn hay hành động

B. Đoạn 41 đã có một số của những mạng lệnh nối dài được dùng như là một công cụ văn học câu hỏi tu từ.
   1. Sự hướng dẫn dành cho những " các hải đảo," Ê-sai 41:1
      a. "hãy lắng nghe ta (hãy im lặng trước mặt Ta)" – BDB 361, KB 357, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
      b. " Hãy để các dân tộc nhận lấy sức mới " – BDB 322, KB 321, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
      c. " Hãy để chúng đến gần " – BDB 620, KB 670, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
      d. " Hãy để chúng lên tiếng " – BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
      e. " Chúng ta hãy đến gần nhau để phán đoán " – BDB 897, KB 1132, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYẾN BẢO
   2. Sự hướng dẫn dành cho " một người nổi lên từ phương đông " (Si-ru II), Ê-sai 41:2 – BDB 921, KB 1190, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
   3. Các hải đảo nói với nhau, "hãy mạnh mẽ (can đảm lên)" Ê-sai 41:6 – BDB 304, KB 302, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
   4. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán với dân sự của Ngài
      a. "đừng sợ" Ê-sai 41:10 – BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (cũng hãy chú ý Ê-sai 41:13, 14)
      b. "đừng lo nhìn cách lo lắng về chính ngươi " Ê-sai 41:10 – BDB 1043, KB 1609, *Hithpael* THỂ MỆNH LỆNH
   5. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (và một hội đồng thiên đàng) trong vai trò của Thẩm Phán gọi những hình tượng ra trước phiên tòa (Ê-sai 41:21-24)
      a. " Hãy trình bày vụ kiện của các ngươi " – BDB 897, KB 1132, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH
      b. " Hãy đưa ra *lý lẽ* của các ngươi " – BDB 620, KB 670, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
      c. " Hãy để chúng đến gần " – BDB 620, KB 670, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
      d. " Hãy để chúng … nói cho chúng ta biết " – BDB 616, KB 665, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
      e. " Hãy nói cho chúng ta những *điều* đã có *từ trước*" – BDB 616, KB 665, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
      f. " Để chúng ta suy nghiệm " – BDB 962, KB 1321, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO
      g. "để chúng ta…biết kết cuộc của chúng nó " – BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO
      h. " nói cho chúng ta biết những gì sắp xảy đến " – BDB 1033, KB 1570, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

i. " Hãy nói những việc sẽ xảy đến sau nầy " – BDB 616, KB 665, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

j. " Để chúng ta biết các ngươi là thần " – BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO

k. " hãy ban phước (làm điều tốt)" – BDB 405, KB 408, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

l. " hoặc giáng họa (làm điều xấu xa) " – BDB 949, KB 1269, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

m. " Để chúng ta cùng nhau thấy " – BDB 1043, KB 1609, *Hithpael* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO

n. "và cùng sợ (kinh ngạc)" – BDB 431, KB 432 (or BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO), *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

6. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA công bố sự tuyên án của Ngài dành cho các thần tượng trong Ê-sai 41:25-29

a. " Ai đã rao ra từ trước " – BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO

b. " để chúng ta nói: "Người ấy đúng"? " – BDB 55, KB 65, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng trong nghĩa của một THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO

c. " Nhưng chẳng ai rao, chẳng ai báo cả " – BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

C. Có một phiên tòa hình bóng nơi mà các dân tộc bị gọi ra để tự biện hộ (Ê-sai 41:1,21) bởi thay vì sự ăn năn trước mặt, sự hiện diện, quyền năng và lời tiên tri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, họ lại làm thêm nhiều hình tượng mới.

D. Chú ý số lần từ "Ta" được sử dụng. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chọn lựa để hành động. Điều này giống với Ê-xê-chi-ên 36:27-38.

E. Cuộc xuất hành mới khỏi sự lưu đày được mô tả trong những thuật ngữ nông nghiệp như nó đã xảy ra trong Ê-sai 35. Những lời hứa trong Phục Truyền 27-29 giờ đây đã được nhận ra.

F. Y-sơ-ra-ên đã được phục hồi quay trở lại tình trạng giao ước bởi sự thương xót và quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 41:1-4

[1] Hỡi các hải đảo, hãy im lặng trước mặt Ta!
Hãy để các dân tộc nhận lấy sức mới;
Hãy để chúng đến gần và lên tiếng!
Chúng ta hãy đến gần nhau để phán đoán!
[2] Ai đã khiến một người nổi lên từ phương đông,
Lấy sự công chính gọi người đến bên chân mình?
Ngài phó các nước trước mặt người,
Khiến người chinh phục các vua;
Ngài phó họ cho lưỡi gươm của người như bụi đất,
Và phó họ cho cây cung của người như rơm rác bị gió đùa đi.
[3] Người truy đuổi họ
Và vượt qua con đường người chưa hề đặt chân đến
Mà vẫn bình an.
[4] Ai đã thực hiện và hoàn thành việc đó?
Ai đã kêu gọi các thế hệ từ ban đầu?
Ấy chính là Ta, Đức Giê-hô-va,
Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng.

41:1 Câu 1 là một kỹ thuật văn học được sử dụng khá thường xuyên trong Cựu Ước (ví dụ, bối cảnh một phiên tòa, Ê-sai 1:18-20; 43:26; 50:8; Ô-sê 4; Mi-chê 6). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mang các quốc gia, và trong Ê-sai 41:21, những thần tượng của họ ra trước chiếc ghế phán xử của Ngài.

NASB, NKJV, NRSV, JPSOA	**"các vùng duyên hải"**
TEV	**"các vùng đất xa xôi"**
NJB, REB	**"các vùng duyên hải và hải đảo "**
LXX	**"Hỡi các đảo"**
Peshitta	**"Hỡi ngươi các dảo "**

Từ này (BDB 15) có nghĩa là "các đảo" hoặc "khu vực." Ê-sai sử dụng nó khá thường xuyên để chỉ đến những Dân Ngoại ở khu vực Địa Trung Hải (Ê-sai 11:11; 24:15; 41:1,5; 42:4,10,12; 49:1; 51:5; 59:18; 60:9; 66:19).

Nó song hành với "các dân" (BDB 522, Ê-sai 49:1). Có vẻ rằng dân Ê-đôm được sử dụng như một biểu tượng cho mọi "dân tộc phản nghịch" (ví dụ, 34:5-17; 63:1-6; Giê-rê-mi 49:7-22; Ca Thương 4:21-22; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; 35:1-15; Áp-đia, Ma-la-chi 1:2-4). Trong Ê-sai, từ này thay mặt cho các dân tộc Ngoại Bang, như dân Phi-li-tin và Phê-ni-xi (Ê-sai 23:2-6).

▣ **"hãy im lặng"** Đây là một thuật ngữ khác liên hệ đến bối cảnh của một phiên tòa (Ha-ba-cúc 2:20; Xa-cha-ri 2:13). Không có bất kỳ điều gì có thể mở miệng trước sự hiện diện và quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **" nhận lấy sức mới"** Thật ngạc nhiên rằng cùng một ĐỘNG TỪ (BDB 322, KB 321, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng cho dân sự của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 40:31 giờ đây được sử dụng cho "các dân tộc" (ví dụ, Các Dân Ngoại Bang).

▣ **"hãy để chúng đến gần"** ĐỘNG TỪ này, "hãy đến gần" (BDB 620, KB 670, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH) có thể được dùng cho các thầy tế lễ đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong việc dâng sinh tế và thờ phượng, nhưng ở đây là chỉ về việc tiếp cận với quan án để biện hộ (Ê-sai 34:1; 48:16).

41:2

NASB, NRSV, JPSOA, LXX	**"khuấy động"**
NKJV, REB	**"dấy lên"**
TEV	**"mang lên"**
NJB	**"dấy "**
Peshitta	**"khuấy lên"**

Bản MT sử dụng ĐỘNG TỪ (BDB 734, KB 802, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH), nó mô tả hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong lịch sử.

1. Được dùng cho chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – Phục Truyền 32:11; Ê-sai 42:13; 51:5
2. Được dùng cho A-si-ri – 1 Sử Ký 5:26
3. Được dùng cho các kẻ thù của Ba-by-lôn – Giê-rê-mi 50:9; 51:1
4. Dùng cho Mê-đô Ba Tư – Ê-xơ-ra 1:1; Ê-sai 13:17; 41:25; 45:13; Đa-ni-ên 11:2
5. các dân khác
    a. Phi-li-tin – 2 Sử Ký 21:16
    b. Chống nghịch với Giu-đa – Ê-xê-chi-ên 23:22, đứng về phía Giu-đa – A-ghê 1:14

▣ **" một người nổi lên từ phương đông "** Cụm từ này chỉ về Vua Si-ru II ("một kẻ đến từ phương bắc," Ê-sai 41:25). Ông được đề cập đến rất đặc biệt bởi tên riêng trong Ê-sai 44:28; 45:1. Si-ru II, được biết đến với tên Si-ru Đại Đế

1. Đã trở thành Vua của Anshan vào năm 558 T.C.
2. Nắm được quyền cai trị trên Mê-đi vào năm 550 T.C.
3. Kiểm soát Lydia vào năm 546 T.C.
4. Kiểm soát Ba-by-lôn vào năm 539 T.C.

5. Lập một sắc lệnh vào năm 538 T.C. rằng tất cả các nhóm dân bị lưu dày bởi A-si-ri và Ba-by-lôn có thể quay trở về quê hương, bao gồm cả người Do Thái

▣ **" Lấy sự công chính gọi người đến "** JPSOA dịch cụm từ này bằng cách hợp nhất nó với ý tưởng của dòng 1 và 2, "là Đấng đã dấy lên một kẻ chiến thắng đến từ phương đông."

The Jewish Study Bible (864) đề cập rằng Kinh Targums dịch cụm từ này như vậy để qua đó chỉ đến Áp-ra-ham là người được ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gọi ra khỏi U-rơ của người Canh-đê. Phần nói về quân sự trong Ê-sai 41:2 sẽ chỉ đến Sáng Thế Ký 14, Áp-ra-ham đánh bại các vua. Sự công chính

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự công chính (Special Topic: Righteousness)

▣ **"bên chân Ngài"** Cần phải nhớ rằng Hòm giao ước đã đượcc xem như là bệ chân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và, vì vậy, (được xem như) sự hiện diện của Ngài. Đây là một cụm từ nhân hình (anthropomorphic).

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (phép tu từ nhân hình) (Special Topic: God Described As Human (anthropomorphism))

▣ **"Ngài"** Hãy chú ý tất cả mọi đều mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm cho Si-ru II.

1. Dấy lên từ phương đông
2. Gọi trong sự công chính
3. Phó các nước trước mặt ông
4. Chinh phục các vị vua
   a. Như bụi đất
   b. Như rơm rác

Câu 3 mô tả sự mau lẹ của những chiến thắng của những chiến thắng của ông. Câu 4 mô tả rằng chính Đức Giê-hô-va chính là Đấng đã hoàn tất những chiến thắng đó cho những mục đích cứu chuộc của và phục hồi chính Ngài cho dân sự của Ngài.

NASB	**"đánh bại"**
NKJV	**"cai trị trên"**
NRSV, JPSOA	**"giẫm đạp"**
TEV	**"chiến thắng"**
NJB	**"chinh phục"**
REB	**"lật đổ"**
Peshitta	**"san bằng"**

Nan đề ở đây chính là ĐỘNG TỪ hiếm (BDB 921, KB 1190, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH). Nó căn bản có ý nghĩa "thống trị trên" hoặc "cai trị" (NKJV). Điều này có vẻ không phù hợp với văn mạch, vì vậy có nhiều sự lựa chọn khác nhau.

ĐỘNG TỪ chắc chắn phải chỉ đến Si-ru.

41:3

NASB	**"băng ngang qua bằng chân người"**
NKJV	**"người đã không đi bằng chân "**
NRSV, NJB	**"chân người hầu như không chạm đến mặt đất "**
REB	**"mau chóng hơn bất cứ người bộ hành nào "**
JPSOA	**"không có bất kỳ xiềng xích nào trên chân người "**

Cụm từ trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa rất mơ hồ. Các bản dịch cổ đã không hiểu được nó.

1. LXX – "con đường của chân người sẽ dẫn đến hòa bình "
2. Peshitta – "người sẽ không băng qua đường đó trên chân mình "
3. DSS – "họ không phân biệt được con đường của chân người "

Phần lớn các bản dịch tiếng Anh xem đây là một ẩn dụ của tốc độ. Tuy vậy JPSOA (trang 864) dịch từ "con đường" (BDB 73) là "cùm chân" từ một từ gốc A-ram Cổ.

Nó có thể chỉ đến một lãnh thổ mới (NET Bible).

41:4 " kêu gọi các thế hệ từ ban đầu " Đây là một thành ngữ về sự tể trị trên thời gian và lịch sử ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:21; 41:26; 44:7; 45:21). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA điều khiển sự sáng tạo, sự kêu gọi Áp-ra-ham, và hậu tự của ông cho những mục đích của Ngài. Những lời tiên tri Cựu Ước mang tính chất tiên đoán trước về tương lai chính là nền tảng minh chứng mạnh mẽ nhất về sự thần cảm của Kinh Thánh!

Chủ Đề Đặc Biệt: Kinh Thánh (Sự Độc Nhất và Thần Cảm)(Special Topic: The Bible (its uniqueness and inspiration))

- Để xem về từ "từ ban đầu" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đầu (Special Topic: Head).
- **" Ta, Đức Giê-hô-va,Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng"** Có một chuỗi những từ ngữ và hình thái từ trong tiếng Hê-bơ-rơ được sử dụng ở đây để mô tả Đức Chúa Trời.
    1. "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA" đến từ ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:14, hãy xem: Chủ Đề Đặc Biệt:
    2. Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D.)
    3. " đầu tiên và cuối cùng " (Ê-sai 44:6)
    4. "Ấy chính là Ta" phản chiếu thuật ngữ "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA" (Ê-sai 43:10; 46:4; Giăng 8:57-58; 13:19) Đức Tin Độc Thần

Tóm lại, những từ trên phản chiếu rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời hằng sống duy nhất, Đức Chúa Trời sống đời đời (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)). Hình ảnh được sử dụng để chỉ về Chúa Jesus, Đấng Mê-si của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, trong Khải Huyền 1:8,17! 22:13. (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si (Special Topic: Messiah))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 41:5-16

[5] Các hải đảo thấy và khiếp sợ,
Các nơi tận cùng cõi đất đều run rẩy.
Chúng đều lại gần và tiến đến.
[6] Ai nấy giúp đỡ người lân cận
Và bảo anh em mình: "Hãy can đảm lên!"
[7] Thợ chạm khuyến khích thợ bạc,
Thợ gò khuyến khích thợ rèn;
Họ nói về mối hàn rằng: "Thế là tốt!",
Rồi dùng đinh đóng để tượng khỏi lung lay.
[8] Nhưng hỡi Y-sơ-ra-ên, con là đầy tớ Ta,
Hỡi Gia-cốp là kẻ Ta đã chọn,
Các con là dòng dõi của Áp-ra-ham, bạn Ta.
[9] Ta đã nắm lấy con từ tận cùng cõi đất,
Gọi con từ các miền xa xăm
Và bảo con rằng: "Con là đầy tớ Ta,
Ta đã chọn con, không từ bỏ con."
[10] Đừng sợ vì Ta ở với con,
Chớ kinh khiếp vì Ta là Đức Chúa Trời của con!
Ta sẽ làm cho con mạnh mẽ; phải, Ta sẽ giúp đỡ con,
Dùng tay phải công chính của Ta mà nắm giữ con.
[11] Nầy, mọi kẻ nổi giận cùng con
Sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục.
Những kẻ nổi lên chống nghịch con
Sẽ trở nên hư không và bị diệt vong.
[12] Con sẽ tìm những kẻ gây hấn với con,
Nhưng không tìm thấy chúng;
Những kẻ tranh chiến với con
Sẽ bị diệt sạch và không còn gì cả.
[13] Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con,
Đấng nắm giữ tay phải con
Và phán với con rằng: "Đừng sợ,
Chính Ta sẽ giúp đỡ con."

[14] Hỡi sâu bọ Gia-cốp, đừng sợ!
Hỡi những người Y-sơ-ra-ên,
Chính Ta sẽ giúp đỡ con, Đức Giê-hô-va phán vậy;
Đấng cứu chuộc con là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
[15] Nầy, Ta sẽ khiến con làm dụng cụ đập lúa
Vừa mới vừa sắc bén và có nhiều răng.
Con sẽ giày đạp và nghiền nát các núi,
Làm cho các đồi trở nên như rơm rác.
[16] Con sẽ rê chúng, và gió sẽ đùa chúng đi,
Một cơn gió lốc sẽ làm chúng tan tác.
Nhưng con sẽ vui mừng trong Đức Giê-hô-va,
Và sẽ tự hào trong Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.

41:5 " Các nơi tận cùng cõi đất " Dòng thứ hai này song hành với "các hải đảo," hãy xem ghi chú tại Ê-sai 41:1. Cả hai đều chỉ đến cả khu vực Địa Trung Hải và thế giới Cận Đông "đã biết".

41:6-7 ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ "hãy can đảm (mạnh mẽ)" (BDB 304, KB 302) được sử dụng ba lần trong những câu này.

1. *Qal* THỂ MỆNH LỆNH – hãy can đảm lên, Ê-sai 41:6
2. *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw* – khuyến khích, Ê-sai 41:7
3. *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw* – hãy tập trung, Ê-sai 41:7

Các dân tộc trông đợi vào các thần linh của nhau để tìm sự giúp đỡ, nhưng vô ích, bởi vì các thần tượng của họ không thể thấy, nghe hay hành động! Ôi, thật là một bi kịch của sự mê tín và ảo tưởng của con người

41:8 " Nhưng hỡi Y-sơ-ra-ên, con là đầy tớ Ta " Có rất nhiều sự thảo luận trên thuật ngữ này "đầy tớ Ta." Có vẻ nó được sử dụng trong ba cách khác nhau trong Cựu Ước:

1. Cho một cá nhân, ví dụ như một vị vua hoặc một tiên tri (Dân Số Ký 12:7)
2. Cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 42:19; 44:21)
3. Và cao nhất cho một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng, Đấng Mê-si (Ê-sai 52:13-53:12)

Trong sách Ê-sai, lựa chọn thứ hai và thứ ba thường được hợp nhất với nhau.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tôi tớ ta (Special Topic: My Servant)

▣ **" Ta đã chọn "** ĐỘNG TỪ này (BDB 103, KB 119, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) là một sự nhấn mạnh vào sự chọn lựa của Đức Chúa Trời (Ê-sai 41:9; 43:10; 44:1,2; 49:7; Phục Truyền 7:6; 14:2). Sự chọn lựa trong Cưu Ước cho một sự phục vụ (Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:5-6), trong khi sự chọn lựa trong Tân Ước cho sự cứu rỗi vốn sẽ dẫn đến sự phục vụ.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngài đã Chọn Chúng Ta (Special Topic: He Chose Us)

▣ **" dòng dõi của Áp-ra-ham, bạn Ta "** Hãy chú ý sự kêu gọi và lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Sáng Thế Ký 12,15,22. Giao ước Tổ Phụ mang tính nền tảng này được nhấn mạnh bởi Phao-lô trong Rô-ma 4 và Ga-la-ti 3. Áp-ra-ham cũng được gọi là bạn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 2 Sử Ký 20:7; Gia-cơ 2:23. Họ đã nói chuyện mặt đối mặt với nhau trong Sáng Thế Ký 18.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Lời Hứa Giao Ước dành cho Các Tổ Phụ (Special Topic: Covenant Promises to the Patriarchs)

41:9 " Ta đã nắm lấy con…gọi con" Cả hai ĐỘNG TỪ là những THỂ HOÀN THÀNH (ví dụ, hành động được hoàn tất).

1. Nắm – BDB 304, KB 302, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH

2. Gọi – BDB 894, KB 1128, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Được Kêu Gọi Special Topic: Called)

Cũng hãy chú ý phép song hành đồng nghĩa giữa

1. Từ tận cùng cõi đất
2. từ các miền xa xăm

Trong văn mạch điều này chỉ về các địa điểm mà người A-si-ri đã tái định cư (lưu đày) người Y-sơ-ra-ên (722 $_{T.C.}$) và Ba-by-lôn tái định cư đối với người Giu-đa (605, 597, 586, 582 $_{T.C.}$).

▣ **" Ta đã chọn con, không từ bỏ con "** Giu-đa cảm thấy rằng Đức Chúa Trời đã chối bỏ họ bởi vì sự lưu đày và sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ.

ĐỘNG TỪ "từ bỏ" (BDB 549, KB 540, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, DẠNG PHỦ ĐỊNH) được sử dụng trong Lê-vi Ký 26:44, nơi những lời hứa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rằng Ngài sẽ không cắt bỏ dân sự Ngài cách hoàn toàn bởi vì tội lỗi của họ và sự phá vỡ giao ước. Câu hỏi đặt ra là, lời hứa này được ảnh hưởng bởi Tân Ước như thế nào? Đối với tôi có vẻ có 2 lựa chọn chính.

1. Y-sơ-ra-ên vẫn là một địa điểm rất thiết yếu trong những sự kiện lai thế học (ví dụ, Xa-cha-ri 12:10; Rô-ma 9-11).
2. Dân sự của Đức Chúa Trời luôn luôn là những ai tin cậy nơi Ngài và sống cho Ngài. Trong Cựu Ước, điều này chỉ về dòng dõi của Áp-ra-ham, nhưng cũng chỉ đến
   a. Mên-chi-xê-đéc (Sáng Thế Ký 14)
   b. Gióp (Gióp 1)
   c. Giê-trô (Xuất Ê-díp-tô Ký)
   d. Ca-lép (Giô-suê)
   e. U-ri (2 Sa-mu-ên 11)
   f. Và nhiều người khác không phải là người Y-sơ-ra-ên
   g. Trong Tân Ước điều này được mở rộng ra cho tất cả các Người Ngoại tin Chúa (ví dụ, Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 3).

41:10 "Đừng sợ " Đây là một thông điệp rất phổ biến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho dân sự Ngài (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, DẠNG PHỦ ĐỊNH, Ê-sai 41:13,14; 43:1,5; 44:2,8;
51:7,12; 54:4,14). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Sợ Hãi (Special Topic: Fear)

Hãy chú ý vì sao họ không nên sợ hãi.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ở cùng với họ cách cá nhân
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đức Chúa Trời giao ước của họ
3. Ngài sẽ thêm sức cho họ
4. Ngài sẽ giúp đỡ họ (Ê-sai 41:10,14)
5. Ngài sẽ nâng đỡ họ (Ê-sai 41:10,13)
6. Tất cả những kẻ chống nghịch họ sẽ
   a. hổ thẹn
   b. bị sỉ nhục
   c. sẽ trở nên hư không (Ê-sai 41:11-12)
   d. bị diệt vong
   e.

▣ **"vì Ta ở với con"** Không có bất cứ một ĐỘNG TỪ được xác định nào trong cụm từ này (hãy xem NKJV). Đây rõ ràng là một sự chơi chữ cố ý (Ê-sai 41:13) giữa ý nghĩa của ĐỘNG TỪ cần thiết (Ta là) và danh xưng của Đức Chúa Trời, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ta là Đấng Ta Là (Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, Xuất 3:14). Không hề có một lời hứa nào vĩ đại hơn trong cả Kinh Thánh (Ma-thi-ơ 28:20; Công Vụ 18:10).

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

NASB	**"Đừng nhìn vào chính mình cách lo lắng "**
NKJV, Peshitta	**"đừng cảm thấy nản lòng "**
NRSV, REB	**"đừng sợ hãi"**

TEV	**"chớ để bất cứ điều gì khiến ngươi kinh hoàng "**
NJB	**"đừng cảm thấy nguy cấp"**
LXX	**"đừng đi thơ thẩn"**
JPSOA	**"Đừng kinh hoàng "**

ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ (תשעה, BDB 1043, KB 1609) trong thể *Hithpael*, có nghĩa là "nhìn chăm chăm về (trong sự lo lắng)."

Có thể rằng ĐỘNG TỪ có nguồn gốc từ một từ gốc khác (שתע), vốn được tìm thấy trong tiếng U-ga-rít, có nghĩa là "sợ hãi" (NET Bible, trang 1250, #21).

41:11 "mọi kẻ. . . kẻ nổi lên chống nghịch con " Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời đã hứa rằng phước hạnh sẽ dành cho tất cả những ai chúc phước dân sự Ngài và rủa sả dành cho tất cả những người rủa sả họ (Sáng Thế Ký 12:3). Cần phải nhớ rằng sức lực, sự tin cậy và niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên đã ở nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải nơi chính mình họ.

Chú ý cách tất cả những kẻ thù nghịch của người Y-sơ-ra-ên trở về được mô tả.

1. mọi kẻ nổi giận cùng con, Ê-sai 41:11
2. kẻ nổi lên chống nghịch con, Ê-sai 41:11
3. những kẻ gây hấn với con, Ê-sai 41:12
4. Những kẻ tranh chiến với con, Ê-sai 41:12

Cũng hãy chú ý số phận của họ.

1. Sẽ hổ thẹn, Ê-sai 41:11
2. Sẽ…bị sỉ nhục, Ê-sai 41:11
3. Sẽ trở nên hư không, Ê-sai 41:11
4. Sẽ…bị diệt vong, Ê-sai 41:11
5. Sẽ không tìm thấy chúng, Ê-sai 41:12
6. Sẽ bị diệt sạch, Ê-sai 41:12
7. sẽ không còn gì cả, Ê-sai 41:12

41:14 " sâu bọ Gia-cốp " Phần đề cập đến Gia-cốp như sâu bọ này không phải là một từ hạ thấp, xúc phạm, nhưng có vẻ là một sự ẩn dụ chỉ đến tình trạng không được giúp đỡ vô vọng của ông (Gióp 25:6; Thi Thiên 22:6) mà không có sự trợ giúp của Đức Chúa Trời, tương tự với hình ảnh của Ê-xê-chi-ên 16:6.

NRSV	**"côn trùng"**
NJB	**"một nhóm nhỏ"**
REB	**"con dòi"**
NASB, NKJV	**"những người nam"**
NET footnote	**"con rận" hoặc "con mọt"**

Bản MT chép là "những người nam" (BDB 607) nhưng những bản dịch hiện đại xem nó là một từ gốc Akkadian (NRSV,REB, NET Bible, trang 1250, #28).

▣ **" Đấng cứu chuộc con "** PHÂN TỪ danh xưng, Ê-sai 43:14) này phản ánh từ Hê-bơ-rơ *Go'el* (BDB 145, KB 169). Từ Hê-bơ-rơ này chỉ về "người bà con có quyền chuộc" hoặc "kẻ báo trả." Nó được sử dụng cho một người là kẻ mua lại một người họ hàng gần khỏi tình trạng nô lệ hoặc tù đày chiến tranh (một ví dụ là Bô-ô trong Ru-tơ đoạn 4 từ câu 1 trở đi).

Chủ Đề Đặc Biệt: Giá chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem)

▣ **"Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên"** Đây là danh xưng yêu thích dùng cho Đức Chúa Trời trong Ê-sai (Ê-sai 1:4; 5:19; 10:17,20; 12:6; 17:7; 29:19,23; 30:11,12,15; 31:1; 37:23; cũng vậy, trong phần thứ hai của Ê-sai, 40:25; 41:14,16,20; 43:3,14, 15; 45:11; 47:4; 48:17; 49:7; 54:5; 55:5; 60:9,14). Bởi vì Ngài là "thánh khiết," Dân sự Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi Ký 19:2; Ma-thi-ơ 5:48; 1 Phi-e-rơ 1:16).

Danh xưng này, trong một nghĩa, bày tỏ sự mâu thuẫn không thể thực hiện được giữa dân tộc sa ngã, tội lỗi phải tuân theo một chuẩn mực thánh khiết. Giao Ước Môi-se đã không thể giữ được (Công Vụ 15; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ). Giao ước cũ là một cách để bày tỏ về sự bất khả của con ngươi để tuân theo chuẩn mực của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn ở với họ, ủng hộ họ, chuẩn bị cho họ một câu trả lời của Ngài cho tình trạng sa ngã của họ.

Ngài đã không hạ thấp tiêu chuẩn của Ngài, nhưng cung cấp cho họ Đấng Mê-si của Ngài. Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) là một giao ước của đức tin và sự ăn năn, chứ không phải hành động của con người, mặc dù nó hình thành trong sự trở nên giống như Đấng Christ (Gia-cơ 2:14-26). Đức Chúa Trời muốn một dân phản chiếu đặc tính của Ngài cho các dân tộc (Ma-thi-ơ 5:48).

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh (Special Topic: Sanctification)

41:15-16 Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được mô tả như "những ngọn núi" (BDB 249) và "những ngọn đồi" (BDB 148) vốn sẽ bị "đập nát," vốn là một từ trong nông nghiệp dùng cho mùa vụ (Mi-chê 4:13; Ha-ba-cúc 3:12). Đây là ngôn ngữ thơ ca Hê-bơ-rơ, hãy cẩn thận việc quá tập chú vào câu chữ!
Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ ca Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Poetry)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 41:17-20

17 Những người nghèo nàn và thiếu thốn tìm nước uống
Mà không được,
Lưỡi họ khô vì khát.
Nhưng Ta là Đức Giê-hô-va sẽ nhậm lời họ;
Ta là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ không từ bỏ họ.
18 Ta sẽ khiến sông chảy ra trên các đồi trọc,
Và suối trào lên giữa các thung lũng.
Ta sẽ biến hoang mạc thành ao hồ,
Và đất khô thành các nguồn nước.
19 Ta sẽ đặt trong hoang mạc cây bá hương,
Cây keo, cây sim và cây ô-liu;
Ta sẽ trồng nơi đồng hoang cây tùng,
Cây sam, và cây hoàng dương chung với nhau.
20 Để mọi người xem thấy và biết,
Cùng nhau suy ngẫm và hiểu rằng
Tay Đức Giê-hô-va đã làm điều ấy,
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đã dựng nên nó.

41:17-20 Những câu trên phản ánh sự hiện diện và ban phước của Đức Chúa Trời đã mang đến sự dư dật trên thiên nhiên (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 27).

41:19 Để xem một nguồn tài liệu tốt để nhận ra những loài thảo mộc và muông thú, hãy xem UBS *Fauna and Flora of the Bible.*

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 41:21-24

21 Đức Giê-hô-va phán: "Hãy trình bày vụ kiện của các ngươi;"
Vua của Gia-cốp phán: "Hãy đưa ra lý lẽ của các ngươi."
22 Hãy để chúng đến gần và nói cho chúng ta biết
Điều sẽ xảy đến!
Hãy nói cho chúng ta những điều đã có từ trước,
Để chúng ta suy nghiệm
Và biết kết cuộc của nó;
Hoặc nói cho chúng ta biết những gì sắp xảy đến.
23 Hãy nói những việc sẽ xảy đến sau nầy,
Để chúng ta biết các ngươi là thần;
Cũng hãy ban phước hoặc giáng họa,

Để chúng ta cùng nhau thấy và kinh ngạc.
[24] Nầy, các ngươi chẳng ra gì,
Việc các ngươi làm cũng là vô ích;
Kẻ chọn các ngươi thật đáng ghê tởm!

41:21 Đây là bối cảnh một phiên tòa (Ê-sai 41:1).

▣ **"Vua của Gia-cốp phán"** Đây là danh xưng được thấy duy nhất ở chỗ này. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã là một vị vua lý tưởng của tuyển dân Giao Ước (Ê-sai 44:6; 1 Sa-mu-ên 8:7). Tên của Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) đại diện cho toàn bộ tuyển dân Giao Ước, tất cả mười ba chi phái (Ê-sai 45:4).

41:22-24 Phần này chỉ đến các thần của các quốc gia. Đức Chúa Trời kêu gọi chúng hành động hoặc nói tiên tri hoặc làm bất kỳ điều gì, nhưng chúng đã không thể làm được bởi vì chúng đều là hư không và vô giá trị (Ê-sai 41:24,28-29).

41:23 Câu này là một trong những chỗ mà những người biên tập của bản MT đã nhận ra biến thể tiếng Hê-bơ-rơ và đề nghị một sự thay đổi.

Bản MT chép là "xem," 23c (*Qere*, ונראה, BDB 906, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, NKJV, Leupold), nhưng họ đề nghị từ "sợ hãi" (*ketiv*, ונרא, BDB 431, *Qa*l THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, NASB). The UBS Text Project, trang 104, đánh giá từ "xem" một điểm B (đáng ngờ).

41:24b

NASB	**"rốt cuộc chẳng có gì"**
NKJV	**"là không có gì"**
NRSV	**"là không có bất cứ gì"**
NJB	**"kém hơn cả không có gì"**
REB	**"không tồn tại"**
JPSOA	**"kém hơn cả sự vô hiệu"**
Peshitta	**"thối nát"**

DANH TỪ này (BDB 67, KB 79) được tìm thấy duy nhất ở đây. Hầu hết các bản dịch khác xem nó như là sự song hành với "hư không" (BDB 34 II) trong dòng một.

KB đưa ra một số sự suy đoán

1. một thú gì đó vô giá trị
2. hỗn độn
3. trống rỗng
4. ảo tưởng

Dự án UBS Text Project, trang 105, liệt kê hai từ gốc Hê-bơ-rơ có khả năng.

1. מאפע
2. מאפס (câu 29b)

Nó đưa ra lựa chọn #1 chỉ một điểm "C" (khá đáng ngờ). Hãy luôn ghi nhớ, ngay cả chúng ta không chắc chắn về ý nghĩa của một từ

1. văn mạch rộng hơn
2. sự song hành thơ ca Hê-bơ-rơ vẫn đem lại một thông điệp được thần cảm!

41:24c "đáng ghê tởm" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ghê Tởm (Special Topic: Abomination)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 41:25-29
[25] Ta khiến một người từ phương bắc nổi lên, và người đã đến;
Người kêu cầu danh Ta từ phía mặt trời mọc.
Người sẽ giẫm lên những kẻ cai trị như giẫm trên bùn đất,

Như thợ gốm nhồi đất sét dưới chân.
[26] Ai đã nói cho chúng ta biết điều đó từ ban đầu?
Ai đã rao ra từ trước để chúng ta nói: "Người ấy đúng"?
Nhưng chẳng ai rao, chẳng ai báo cả,
Cũng chẳng ai đã từng nghe tiếng các ngươi.
[27] Chính Ta là Đấng đầu tiên đã phán với Si-ôn: "Nầy, chúng đây!"
Và Ta sẽ sai một sứ giả báo tin lành đến Giê-ru-sa-lem.
[28] Ta nhìn xem nhưng chẳng có ai cả;
Trong số họ, không có một cố vấn
Để khi Ta hỏi, họ có thể đáp một lời.
[29] Nầy, tất cả họ chỉ là hư ảo;
Công việc của họ là vô giá trị;
Tượng đúc của họ là hư không như làn gió thoảng.

41:25 " khiến một người từ phương bắc nổi lên " Cụm từ này một lần nữa chỉ đến Si-ru II (Ê-sai 41:2; 44:28; 45:1). Hướng duy nhất cho một người có thể đến xứ Palestine từ khu vực Fertile Crescent (bình nguyên Trăng Lưỡi Liềm Màu Mỡ) là từ phương bắc bởi vì hoang mạc đã ở ngay đối diện về hướng đông ("từ phía mặt trời mọc ").

▣ " Người kêu cầu danh Ta " Câu này có thể chỉ về 2 Sử Ký 36:22-23 hoặc Ê-xơ-ra 1:1-2.

Chủ Đề Đặc Biệt: Kêu Cầu Danh Chúa (Special Topic: Call On His Name)

NASB	**"Người sẽ đến trên những kẻ cai trị"**
NKJV	**"người sẽ đến chống lại những vương tử"**
NRSV, TEV, NJB	**"người sẽ giẫm đạp trên những kẻ cai trị"**
REB	**"người sẽ bước trên những kẻ cai trị"**
JPSOA	**"người sẽ đạp trên những kẻ cai trị"**

Bản MT có một ĐỘNG TỪ rất phổ biến"đến" (בוא, BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được một số bản dịch cho rằng bởi văn mạch, có nghĩa là "bước trên." The UBS Textual Project, trang 106, đề nghị một từ gốc có khả năng.

1. ויבא – người sẽ đến (MT)
2. ויבס – người sẽ bước trên

Tuy nhiên, the UBs Text Project cho lựa chọn #1 trong văn bản nhưng lại đánh giá một điểm "C" cho nó (khá đáng ngờ). The NET Bible thích lựa chọn #2 hơn (trang 1251 #18).

41:26 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ sự hiện diện và năng lực của Ngài bởi những hành động mang tính chất tiên tri trong lịch sử (Ê-sai 43:9; 45:21).

41:27 "nầy, chúng đây " Đây có vẻ chỉ đến những tiên tri thật sự, cũng như Ê-sai 41:28 và 29 chỉ đến những tiên tri giả dối và bi kịch của dân sự xoay đến những hình tượng không thể giúp đỡ này.

Ê-SAI 42

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Hứa của Đức Chúa Trời về Tôi Tớ Ngài	Tôi Tớ của Đức Giê-hô-va	Bài Ca Về Tôi Tớ Đầu Tiên	Tôi Tớ của Đức Giê-hô-va	Bài Ca Về Tôi Tớ Đầu Tiên
42:1-4 (1-4)	42:1-4 (1-4)	42:1-4 (1-4)	42:1-4 (1-4)	42:1-9 (1-9)
		Chiến Thắng Vinh Hiển Của Đức Chúa Trời		
42:5-9 (5-9)	42:5-9 (5-9)	42:5-9 (5-9)	42:5-7 (5-7)	
	Ngợi Khen Đức Giê-hô-va		42:8-9 (8-9)	
			Một Bài Ca Ngợi Khen	Bài Ca Chiến Thắng
42:10-13 (10-13)	42:10-13 (10-13)	42:10-13 (10-13)	42:10-13 (10-13)	42:10-17 (10-17)
Sự Mù Lòa của Dân Sự	Lời Hứa về Sự Giúp Đỡ Của Đức Giê-hô-va		Đức Chúa Trời Hứa sẽ Giúp Đỡ Dân Sự của Ngài	
42:14-17 (14-17)	42:14-17 (14-17)	42:14-17 (14-17)	42:14-15 (14-15)	
		Y-sơ-ra-ên, Tôi Tớ Mù Lòa và Tai Điếc (42:18-43:7)	42:16-17 (16-17)	
			Sự Thất Bại của Y-sơ-ra-ên để Học Hỏi	Sự Mù Lòa của Y-sơ-ra-ên
42:18-22 (18-22)	42:18-20 (18-20)	42:18-25 (18-25)	42:18-20 (18-20)	42:18-25 (18-25)
	Sự Bội Nghịch Ngoan Cố của Y-sơ-ra-ên 42:21-22 (21-22)		42:21-22 (21-22)	
42:23-25 (23-25)	42:23-25 (23-25)		42:23-25 (23-25)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Đây là bài thơ đầu trong những bài thơ đặc biệt đề cập đến Tôi Tớ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.
   1. Ê-sai 42:1-4 hoặc 42:1-7 hoặc 42:1-9
   2. Ê-sai 49:1-6 hoặc 49:1-7 hoặc 49:1-13
   3. Ê-sai 50:4-9 hoặc 50:4-11
   4. Ê-sai 52:13-53:12

   Chính xác ba khổ thơ đầu kết thúc ở đâu vẫn gây tranh cãi.

B. Kẻ Tôi Tớ có cả ý nghĩa chỉ về một cộng đồng (Y-sơ-ra-ên) và cá nhân (Đấng Mê-si). Chỉ có văn mạch và/hoặc sự mô tả về những hành động của Tôi Tớ mới có thể phân biệt hai ý nghĩa này. Trong một nghĩa thần học về Đấng Mê-si chính là "người Y-sơ-ra-ên lý tưởng" hoặc "Thầy Tế Lễ" của một vương quốc của những thầy tế lễ (hãy xem sách Hê-bơ-rơ trong Tân Ước).

C. Những bản dịch và sách giải kinh tiếng A-ram được gọi là Targums cho rằng Tôi Tớ chính là Đấng Mê-si. Ngài sẽ là một cá nhân người Y-sơ-ra-ên đã hoàn tất ý định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho dân sự và toàn bộ nhân loại. Cũng như việc Si-ru II đã là một công cụ trong tay của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho một cuộc xuất hành/ sự giải cứu mới (ví dụ, quay về từ sự lưu đày), thì càng hơn nữa, Đấng Mê-si sẽ mang một cuộc xuất hành thuộc linh hoặc quay về từ sự xa cách của Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3). Ngài sẽ phục hồi hình ảnh đã bị tổn hại của Đức Chúa Trời nơi nhân loại và cho phép mối liên hệ mật thiết của vườn Ê-đen sẽ được phục hồi!

   Đấng Mê-si (Lu-ca 2:32) sẽ là một ngọn đèn cho thế giới mà Y-sơ-ra-ên lẽ ra đã phải là (Ê-sai 42:6; 51:4; 60:1,3). Ngọn đèn là một ẩn dụ cho sự giải cứu thuộc linh (Ê-sai 49:6).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:1-4

[1] Đây là đầy tớ Ta, Người mà Ta nâng đỡ,
Là Người mà Ta đã chọn, và linh hồn Ta hài lòng.
Ta đã đặt Thần Ta trên Người,
Và Người sẽ bày tỏ công lý cho các nước.
[2] Người sẽ chẳng kêu la, cũng chẳng lên tiếng,
Chẳng để ngoài đường phố nghe tiếng mình.
[3] Người sẽ không bẻ cây sậy đã giập,
Và chẳng tắt tim đèn gần tàn.
Người sẽ lấy đức thành tín bày tỏ công lý.
[4] Người sẽ không mòn mỏi, không ngã lòng
Cho đến khi thiết lập xong công lý trên mặt đất;
Các hải đảo sẽ trông đợi luật pháp Người.

42:1 "Hãy chú ý (đây là)" Có hai lần "hãy chú ý" (BDB 243, Ê-sai 41:29 và 42:1) sự tương phản giữa những thần tượng không có sự sống của các dân tộc với những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, và giữa sự lựa chọn của Đức Chúa Trời với sự luwaja chon của dân sự (Ê-sai 41:29).
Cũng giống như đoạn 40, câu hỏi giải nghĩa ở đây là, " ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang phán với ai?" Có thể là với

1. Nhà tiên tri
2. Một hội đồng thiên đàng
3. Chỉ là một kỹ thuật trong văn học dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để bày tỏ những ý tưởng của Ngài đối với dân sự giao ước của Ngài

▣ **"Tôi Tớ Ta"** Đây là danh xưng của sự tôn trọng và được kêu gọi (BDB 713).

1. Nó được sử dụng trong một nghĩa tập thể
   a. Các Tổ Phụ như một nhóm – Phục Truyền 9:27
   b. Những nhà tiên tri – 2 Các Vua 9:7; 17:13; Ê-xơ-ra 9:11; Giê-rê-mi 7:25; 26:5; 29:19; 35:15; 44:4
   c. Y-sơ-ra-ên – Thi Thiên 105:6; 136:22; Ê-sai 41:8-9; 42:18-19; 44:1,2,21; 45:4; 48:20; 49:3; Giê-rê-mi 30:10; 46:27,28
   d. Bản Bảy Mươi (Septuagint) thêm một cụm từ vào Ê-sai 42:1, vốn khiến nó chỉ đến dân Y-sơ-ra-ên ("Gia-cốp là tôi tớ ta, Ta sẽ giúp đỡ nó; Y-sơ-ra-ên là kẻ được ta lựa chọn")
2. Nó được sử dụng trong nghĩa của một cá nhân
   a. Áp-ra-ham – Sáng Thế Ký 26:24; Thi Thiên 105:6
   b. Gióp – Gióp 1:8; 2:3; 42:7,8
   c. I-sác – Sáng Thế Ký 24:14
   d. Gia-cốp – 1 Sử Ký 16:13; Thi Thiên 105:6; Ê-xê-chi-ên 28:25
   e. Môi-se – Xuất 14:31; Dân Số Ký 12:7-8; Phục Truyền 34:5; Giô-suê 1:1-2,7,13,15
   f. Giô-suê – Giô-suê 24:29; Các Quan Xét 2:8
   g. Ca-lép – Dân Số Ký 14:24
   h. Đa-vít – Ê-xê-chi-ên 37:25
   i. Xô-rô-ba-bên – A-ghê 2:23
   j. Sa-lô-môn – 1 Các Vua 3:8
   k. Ê-sai – Ê-sai 20:3; 44:26
   l. Chúa Jesus – Ma-thi-ơ 12:15-21 trích trong Ê-sai 42:1-4

▣ **"người mà Ta"** Chú ý những điều mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm và sẽ làm cho tôi tớ đặc biệt của Ngài.

1. Người mà ta nâng đỡ, Ê-sai 42:1
2. Là người mà… linh hồn Ta hài lòng, Ê-sai 42:1
3. Ta đã đặt Thần Ta trên Người, Ê-sai 42:1

▣ **"Người sẽ. . ."** Chú ý những việc tôi tớ sẽ làm (chuỗi của mười một ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH).

1. Bày tỏ công lý cho các nước (một hàm ý cho toàn thế giới, Ê-sai 42:1; 4b,c)
2. Sẽ chẳng kêu la, Ê-sai 42:2
3. Cũng chẳng lên tiếng, Ê-sai 42:2
4. Chẳng để ngoài đường phố nghe tiếng mình, Ê-sai 42:2
5. sẽ không bẻ cây sậy đã giập, Ê-sai 42:3
6. chẳng tắt tim đèn gần tàn, Ê-sai 42:3
7. sẽ lấy đức thành tín bày tỏ, Ê-sai 42:3
8. sẽ không mòn mỏi, Ê-sai 42:4
9. không ngã lòng, Ê-sai 42:4

10. thiết lập xong công lý trên mặt đất, Ê-sai 42:4

▣ **" Người mà Ta đã chọn "** Từ này (BDB 103, KB 119) chỉ về sự lựa chọn trên một dân tộc, nơi chốn, những nhóm người để thờ phượng Ngài của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Những sự lựa chọn tập thể
    a. Dòng dõi của Các Tổ Phụ – Phục Truyền 4:37; 10:15
    b. Y-sơ-ra-ên – Phục Truyền 7:7; Thi Thiên 135:4; Ê-sai 44:1; Ê-xê-chi-ên 20:5
    c. Dân sự – 1 Các Vua 3:8
    d. Chi phái Giu-đa – 1 Sử Ký 28:4; Thi Thiên 78:68
    e. Người Lê-vi – 1 Sử Ký 15:2; 2 Sử Ký 29:11
2. Các cá nhân
    a. Áp-ra-ham – Nê-hê-mi 9:7
    b. Gia-cốp – Thi Thiên 135:4
    c. A-rôn – Dân Số Ký 16:5; 17:5; Thi Thiên 105:26
    d. Đa-vít – 1 Sa-mu-ên 10:24; 16:8,9,10; Thi Thiên 78:70
    e. Sa-lô-môn – 1 Sử Ký 29:1
    f. Xô-rô-ba-bên – A-ghê 2:23
3. Các nơi chốn (ví dụ, đền thờ) – Phục Truyền 12:5,11,14,18,21,26; 14:23,24,25

▣ **" linh hồn Ta hài lòng "** Câu này tương tự với danh xưng được sử dụng bởi Đức Chúa Cha dành cho Chúa Jesus, "Con Yêu Dấu Của Ta" (Ma-thi-ơ 3:17; 17:5).

▣ **" Ta đã đặt Thần Ta trên Người "** Câu này chỉ về Tôi Tớ được xức dầu và trang bị cho một nhiệm vụ (Ê-sai 11:2; 59:21; 61:1).

Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)

Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Đức Thánh Linh (Special Topic: The Personhood of the Spirit)

▣ **"Người sẽ bày tỏ công lý"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Phán Xử, Sự Đoán Phạt, Công Lý (Special Topic: Judge, Judgment, Justice).

▣ **"cho các nước"** chú ý những sự ngụ ý toàn cầu trong cụm từ này và trong Ê-sai 42:4b và c, 6c và d, 10-12! Trong tất cả các tiên tri của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai chính là người đã nhìn thấy sự bao gộp Dân Ngoại vào trong vương quốc tương lai của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rõ ràng nhất!

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

42:2 "Người sẽ chẳng kêu la, cũng chẳng lên tiếng" Điều này chỉ cả về

1. Liên hệ với Ê-sai 53:7, vốn chỉ về xét xử Chúa Jesus trước phiên tòa (Tòa Công Luận)
2. Một sự mô tả về phong cách yên lặng của chức vụ Ngài
3. Một sự đề cập đến một lời cầu nguyện kêu xin sự giúp đỡ mà Tôi Tớ không cần (Ê-sai 65:14)

Từ nguyên học của thuật ngữ này ủng hộ cách mạnh mẽ lựa chọn thứ #3.

42:3 "Cây sậy đã dập. . .tim đèn gần tàn " Câu này mô tả một chức vụ của sự thương xót, thông hiểu, và kiên nhẫn với những kẻ nào bởi một cách nào đó đã bị tổn thương và chèn ép (Ê-sai 57:15).

NASB, NRSV, NJB "cách trung tín"

NKJV, LXX	**"lẽ thật"**
JPSOA	**"con đường chân thật"**
REB	**"không thể thất bại"**
Peshitta	**"thật sự "**

Đây là một từ gốc Hê-bơ-rơ, אמת (BDB 52, KB 68). The UBS Text Project đánh giá một điểm "A" cho cụm từ "cho lẽ thật" chứ không phải "cho các dân tộc" (bản NEB). Cả "lẽ thật" và "trung tín" chính là trường nghĩa rộng của ý nghĩa của từ gốc.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tin, Sự Tin Cậy, Đức Tin và Sự Thành Tín trong Cựu Ước (Special Topic: Believe, Trust, Faith, and Faithfulness in the OT)

42:4 ". . .cho đến. . ." Điều này có vẻ như để ngụ ý rằng một sự "làm tổn thương" (Ê-sai 52:13-53:12) sẽ xảy ra nhưng vào một thời điểm đã được chỉ định trước.

▣ **"trên mặt đất. . .các hải đảo "** Đây là mối quan hệ song hành và, vì vậy, khuyết danh. Điều này một lần nữa chỉ về những Dân Ngoại. Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 41:1,5.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:5-9

[5] Giê-hô-va Đức Chúa Trời,
Đấng đã dựng nên và giương các tầng trời ra,
Đã trải rộng mặt đất, cùng với mọi vật ra từ nó,
Đấng ban hơi sống cho dân trên đất,
Và ban thần linh cho người bước đi trên đó; Ngài phán:
[6] "Ta là Đức Giê-hô-va, Ta đã gọi ngươi trong sự công chính,
Ta sẽ nắm tay ngươi và gìn giữ ngươi.
Ta sẽ lập ngươi làm giao ước của dân,
Làm ánh sáng cho các nước,
[7] Để mở mắt cho người mù,
Đem tù nhân ra khỏi ngục,
Kẻ ngồi trong chốn tối tăm ra khỏi nhà giam.
[8] Ta là Đức Giê-hô-va, đó chính là danh Ta.
Ta không nhường vinh quang Ta cho ai khác,
Cũng không nhường sự ca ngợi Ta cho các tượng thần!
[9] Nầy, những việc trước đây đã xảy ra,
Nay Ta lại báo cho các ngươi những việc mới;
Ta cho các ngươi biết
Trước khi nó xảy ra."

42:5-9 Phần này rất giống với Ê-sai 40:12-17, vốn nhấn mạnh về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng Tạo Hóa và Đấng Quyền Năng của sự sáng tạo vật chất.

42:5 " Giê-hô-va Đức Chúa Trời " Có hai danh xưng dùng cho Đấng Thánh.

1. *El* – danh xưng chung dùng cho Đấng Thánh trong cả khu vực Cận Đông Cổ Đại (BDB 42). Ở đây nó có MẠO TỪ XÁC ĐỊNH; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần A (Special Topic: Names for Deity, A).
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – danh xưng giao ước dành cho Đấng Thánh có gốc từ ĐỘNG TỪ "là" (BDB 217); hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

▣ **"đã dựng nên"** ĐỘNG TỪ này (BDB 135, KB 153, *Qal* PHÂN TỪ CHỦ ĐỘNG) được sử dụng cách độc nhất để chỉ về sự sáng tạo của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 1:1).

▣ **"các tầng trời"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thiên Đàng (Special Topic: Heaven)

NASB	**"dòng dõi"**
NKJV, NRSV	**"tất cả những gì ra từ nó"**
TEV	**"tất cả những kẻ sống ở đó"**
NJB	**"những gì ra từ nó "**
JPSOA	**"những gì nó mang đến"**
REB	**"tất cả những gì sinh ra trên nó"**
LXX, Peshitta	**"tất cả những gì trên nó"**

Từ này (KB 993) có hai khuynh hướng.

1. Thực vật – Job 31:8; Ê-sai 34:1; 42:5
2. Con người (ẩn dụ của dòng dõi, hậu tự) – Gióp 5:25; 21:8; 27:14; Ê-sai 22:24; 44:3; 48:19; 61:9; 65:23

Cũng hãy chú ý chuỗi của "Ai"

1. Đã dựng nên các tầng trời
2. Đã giương chúng lên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Vòm của Trái Đất (Special Topic: The Circle of the Earth))
3. Trải rộng mặt đất
4. Trải rộng những điều được sinh ra từ nó
5. ban "hơi thở" (*nephesh*, BDB 675) cho dân cư trên nó
6. ban "thần linh" (*ruah*, BDB 924) cho những kẻ bước trên nó (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Thánh Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible))

Nếu chúng có nghĩa là thiết lập một chuỗi giống như trong Sáng Thế Ký 1, thì các loài cây cối thực vật có lẽ là ý nghĩa phù hợp. Nếu chúng là một dạng của sự song hành đồng nghĩa thì dân cư là điểm tập chú. Sự sống, chứ không chỉ vật chất, đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng sống duy nhất!

42:6-7 Những câu trên mô tả về những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang làm cho tuyển dân giao ước của Ngài. Ngài chọn họ cho một mục đích.

1. đã gọi (BDB 894, KB 1128, *Qal* PHÂN TỪ) họ trong sự công chính
2. nắm giữ họ bởi tay Ngài (BDB 304, KB 302,trong dạng *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH nhưng thực hiện chức năng như một THỂ CHƯA HOÀN THÀNH khác)
3. gìn giữ họ (BDB 665, KB 718, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
4. lập họ làm dân giao ước (BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
    a. như ánh sáng cho các nước (hãy xem ghi chú đầy đủ tại Ê-sai 45:22)
    b. để mở mắt cho người mù (đây có lẽ là một thành ngữ song hành với những kẻ tù được giải phóng khỏi ngục tối (Ê-sai 61:1)
    c. để mang tù nhân ra khỏi ngục

Dòng dõi của Áp-ra-ham chính là cả

1. một vương quốc của những thầy tế lễ
2. Một Vua/Thầy Tế Lễ (Đấng Mê-si, Thi Thiên 110) Đấng đã đến để giải phóng thế gian khỏi sự tối tăm và tù ngục của tội lỗi (Sáng Thế Ký 3).

Có một vài sự hoài nghi về từ gốc Hê-bơ-rơ của mục #3

1. bảo vệ (נצר BDB 665) – NASB, NKJV, NRSV
2. Thiết lập (יצר BDB 427) – NJB, JPSOA, REB

Chú ý những gì Đấng Mê-si/Tôi Tớ sẽ hoàn thành.

1. Chính quyền của sự công chính (Ê-sai 9:6-7; 11:3-4)
2. Sự cai trị rộng rãi trên toàn cầu (Ê-sai 45:22; 49:6; 52:10; Mi-chê 5:4)
3. Mở mắt kẻ mù (Ê-sai 29:18; 32:3; 35:5)
4. Giải phóng những tù nhân (Ê-sai 61:1)

42:8 " Ta là Đức Giê-hô-va, đó chính là danh Ta " Đây chính là danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời.

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D)

Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH)

▣ **"Vinh quang ta"** *Kabod* là một thuật ngữ khó (BDB 458) để định nghĩa. Trong Ê-sai 6:3 nó đầy dẫy khắp cả mặt đất. Trong Ê-sai 40:5 nó sẽ được bày tỏ cho cả trái đất. Trong một nghĩa nó đại diện cho sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Trong Tân Ước sự vinh quang của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được bày tỏ cách trọn vẹn qua thân vị của Đấng Mê-si, Chúa Jesus (Giăng 1:14; 11:4,40; 17:4). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Hiển (*kabod*) (Special Topic: Glory (*kabod*))

▣ **" Ta không nhường vinh quang Ta cho ai khác "** Hã xem Ê-sai 40:18-26, vốn nói về sự thực tại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và những thần tượng không có thật.

42:9-10 "những việc mới. . .bài ca mới" Từ "mới" (BDB 294) là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong Ê-sai 43:19; 48:6; 62:2; 65:17; 66:22 và cũng được lặp lại trong sách Tân Ước Khải Huyền. Hãy xem ghi chú đầy đủ trong Ê-sai 62:2.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những điều cũ. . . Những điều mới (Special Topic: Old Things. . . New Things)

42:9 " Ta cho các ngươi biết trước khi nó xảy ra" Câu này cũng quay lại với 40:18-26, nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yêu cầu các thần tượng hãy bày tỏ sự tồn tại thật và chúng đã không thể, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:10-13

[10] Hãy hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới,
Bài hát ca ngợi Ngài từ nơi tận cùng cõi đất!
Hỡi những người đi biển cùng mọi vật trong biển,
Các hải đảo cùng cư dân của nó,
Hãy gầm thét lên.
[11] Hoang mạc cùng các thành trong nó hãy cất tiếng lên;
Các làng Kê-đa sinh sống cũng vậy;
Cư dân Sê-la hãy vui mừng ca hát,
Hãy reo hò từ trên các đỉnh núi.
[12] Hãy dâng vinh quang cho Đức Giê-hô-va,
Và loan báo sự ca ngợi Chúa nơi các hải đảo.
[13] Đức Giê-hô-va sẽ đi ra như một dũng sĩ,
Như một chiến binh lòng đầy nhiệt huyết;
Ngài thét lớn, hô to xung trận,
Và Ngài sẽ đánh bại các kẻ thù mình.

42:10-13 Những câu song hành nhấn mạnh cách toàn cầu vào "các hải đảo" trong Ê-sai 41:1. Các Dân Ngoại nôn nả trông đợi đợi sự sáng (ví dụ, Ê-sai 2:2-4; 40:4,5,6; 49:6).

Đối với những ai tìm kiếm sự sáng, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là một nơi ẩn náu và giúp đỡ (Ê-sai 42:6-7), nhưng đối với những kẻ bám chặt lấy những hình tượng Ngài chính là chiến binh (chống lại kẻ thù Ngài (Ê-sai 42:13))!

▣ Có một vài mạng lệnh trong câu những này.

1. "hãy hát" – BDB 1010, KB 1479, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:10
2. "cất cao giọng" – BDB 669, KB 724, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:11
3. "hãy hát lớn" – BDB 943, KB 1247, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:11
4. "hãy reo hò vì sự vui mừng" – BDB 846, KB 1011, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:11
5. "dâng vinh quang" – BDB 962, KB 1321, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:12

6. "công bố" – BDB 619, KB 665, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 42:12

42:10 Hai dòng cuối của Ê-sai 42:10 chỉ về cùng một nhóm người "hải đảo" của Ê-sai 41:1 (Ê-sai 42:12b).

1. ngươi là những kẻ đi biển
2. ngươi các hải đảo

42:11 "Kê-đa" Từ này (BDB 871) có lẽ chỉ đến các dân Ả-rập. Từ gốc Hê-bơ-rơ có thể chỉ đến

1. những bộ tộc du mục Ả-rập – Ê-sai 21:16; 42:11; 60:7; Giê-rê-mi 2:10; 49:28; Ê-xê-chi-ên 27:21
2. dòng dõi của Ích-ma-ên – Sáng Thế Ký 25:13; 1 Sử Ký 1:29

▣ **"Sê-la"** Từ này có nghĩa là "Đá" (BDB 709). Có lẽ nó chỉ đến Pê-tra, kinh đô của Ê-đôm (BDB 701, Ê-sai 16:1).

▣ **"hãy hát lớn. . .reo hò vui mừng"** Họ vui mừng vì điều gì? Sự vinh hiển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã đến với họ (Ê-sai 42:12a). Ánh sáng đã đến trên các dân tộc (Ê-sai 42:6d). Ánh sáng đó chính là tuyển dân giao ước và tri thức của họ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

42:13 Câu này mô tả trong những từ ngữ quân sự về việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tấn công những dân tộc thờ hình tượng chống đối lại ý muốn Ngài và sự trở về của tuyển dân của Ngài.

1. Ngài sẽ đi ra như một dũng sĩ
2. Ngài sẽ dấy lên lòng nhiệt huyết Ngài như một chiến binh
3. Ngài sẽ thét lớn
4. Ngài sẽ hô to xung trận
5. Ngài sẽ đánh bại các kẻ thù của Ngài (những kẻ thờ hình tượng, Ê-sai 42:17)

Từ "nhiệt huyết" (BDB 888) cũng được sử dụng trong Ê-sai 9:7; 26:11; 37:32; 59:17 để bày tỏ về những hành động cố ý của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đảm bảo sự chiến thắng!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:14-17

[14] Ta giữ yên lặng đã lâu,
Ta đã nín lặng, Ta đã tự kiềm chế.
Nhưng bây giờ, Ta rên la, nói hổn hển, thở chẳng ra hơi
Như đàn bà sinh đẻ.
[15] Ta sẽ tàn phá núi đồi,
Làm cho mọi cỏ cây đều khô héo;
Ta sẽ biến sông ngòi thành hải đảo,
Làm cho các ao hồ đều khô cạn.
[16] Ta sẽ dẫn người mù đi trên đường chưa quen,
Dắt họ trên các nẻo chưa biết.
Ta sẽ biến bóng tối trước mặt họ thành ra ánh sáng,
Những chỗ gồ ghề trở thành bằng phẳng.
Thật, Ta sẽ làm những điều nầy,
Và sẽ không từ bỏ họ.
[17] Còn những kẻ tin cậy các tượng thần,
Nói với các tượng đúc: "Các ngài là thần chúng tôi,"
Đều sẽ quay lưng lại và hoàn toàn xấu hổ!

42:14 Câu này có lẽ chỉ về giai đoạn lưu đày. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chịu đựng sự lưu đày của tuyển dân giao ước của Ngài với những cảm xúc sâu nặng.

1. Ta giữ yên lặng đã lâu
2. Ta đã nín lặng, Ta đã tự kiềm chế

3. Ta đã chờ đợi trong đau đớn như đàn bà sinh đẻ
    a. Rên la (BDB 821, KB 949)
    b. nói hổn hển (BDB 983, KB 1375)
    c. Thở hắt (BDB 675, KB 730)

42:15-16 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả sự trợ giúp của Ngài trên sự trở về của tuyển dân giao ước.

1. câu 15 là một sự ẩn dụ của việc chuẩn bị một con đường bằng phẳng và trơn tru cho việc trở về (cũng như Ê-sai 42:16d)
2. câu 16a-c mô tả sự chăm sóc cho những kẻ trở về
3. câu 16e-f mô tả sự kết ước chắc chắn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rằng Ngài sẽ hành động (hai *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)

42:15

NASB, NKJV	**"những vùng duyên hải"**
NRSV, JPSOA, LXX, Peshitta	**"các hải đảo"**
TEV, JPSOA emendation	**"những hoang mạc"**
NJB	**"những nền rắn chắc"**
REB	**"những sa mạc hoang vu"**

Bản MT chép là "những vùng duyên hải" (BDB 15 I, Ê-sai 11:11; 24:15; 41:1,15; 42:4,10,15; 49:1; 51:5; 59:18; 60:9; 66:19; Giê-rê-mi 31:10), đôi lúc được dịch là "các hải đảo" (ví dụ, Ê-sai 40:15). Nó là một thành ngữ cho những Dân Ngoại (Sô-phô-ni 2:11). Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 42:4.

Ở đây, nó chỉ về việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dẫn dắt dân sự Ngài quay trở về Ca-na-an bằng cách hủy diệt tất cả các nước chống nghịch Ngài (câu 13-17).

42:17 Câu này tiếp tục nói về sự chối bỏ và định tội sự thờ hình tượng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 1:28-31; 44:911; 45:16).

- **"xấu hổ"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:18-22

18 "Hỡi những kẻ điếc, hãy lắng nghe;
Hỡi những kẻ mù, hãy nhìn và thấy!
19 Ai là người mù, nếu không phải là đầy tớ Ta?
Ai là người điếc như sứ giả mà Ta đã sai đi?
Ai là người mù như một người tận hiến của Ta,
Hoặc mù như đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
20 Ngươi thấy nhiều điều mà chẳng lưu tâm;
Ngươi có tai mở ra mà không nghe gì cả."
21 Đức Giê-hô-va vui lòng vì sự công chính Ngài,
Làm cho luật pháp được tôn trọng và vinh quang.
22 Nhưng ấy là một dân bị cướp giật và tước đoạt;
Tất cả đều mắc bẫy trong hang,
Và bị giam trong ngục;

42:18-22 Khổ thơ này mô tả về tuyển dân giao ước. Thật kinh ngạc rằng họ cũng đã trở thành những kẻ thờ hình tượng! Rằng họ đã thậm chí phải chịu trách nhiệm nhiều hơn cho tình trạng thuộc linh của chính mình bởi vì họ đã có

1. Các Tổ Phụ
2. Những giao ước
3. Những lời hứa (Rô-ma 9:4-5)

Những kẻ lẽ ra phải mang ánh sáng đến cho các dân tộc ở trong sự tối tăm chính họ đã trở nên sự tối tăm! Họ đã trở thành hình ảnh thu nhỏ lại của Ê-sai 6:9-10, nhưng đã có niềm hy vọng trong Ê-sai 35:5!

42:18 Hãy chú ý hai THỂ MỆNH LỆNH

1. Hãy nghe – BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. Hãy xem – BDB 613, KB 661, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

▣ **"kẻ điếc. . .người mù"** Những từ này xuất hiện một vài lần trong văn mạch này và ngụ ý chỉ đến Ê-sai 6:9-10.

42:19 Chú ý sự song hành giữ những danh hiệu (1) "Tôi Tớ Ta," dòng 1; (2) "sứ giả Ta," dòng 2; và (3) "tôi tớ của Đức Giê-hô-va" trong dòng 4. Cũng hãy chú ý sự lặp lại ba lớp của "người mù" (BDB 734).Thật hài hước rằng kẻ "mù"được mô tả là

NASB "người ở trong sự bình an cùng Ta "

NKJV "*người là* kẻ trọn vẹn "

NRSV "kẻ tận hiến của ta"

JPSOA "kẻ được chọn"

REB "kẻ có sự tin cậy"

ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ שׁלם (BDB 1023, KB 1532, *Pual* PHÂN TỪ) không rõ nghĩa. Có một vài giả thuyết. Nó có vẻ là

1. Sự song hành với những danh hiệu khác dùng cho Y-sơ-ra-ên (hãy xem ở phía trên)
2. Là một danh xưng chỉ về việc Y-sơ-ra-ên đã đi xa đến dường nào khỏi sự kêu gọi và bản chất chân thật của mình

▣ **"Tôi Tớ Ta"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant).

42:20 Có một sự song hành rõ ràng giữa hai phần của dòng 1 (liên hệ đến tầm nhìn) và dòng 2 (liên hệ đến việc nghe). Những câu 19-20 mô tả Giu-đa trong sự mù lòa thuộc linh của họ (Ê-sai 6:9-10).

42:21 Nan đề với Y-sơ-ra-ên không phải là luật pháp của Đức Chúa Trời nhưng là Y-sơ-ra-ên không có khả năng để thực hiện nó! Sự sa ngã đã ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại (Ê-sai 42:22; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên đã có những hậu quả! Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 có mục đích để trả lời cho sự bất cả của nhân loại (Ê-sai 42:23-25)

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall)

42:22

NASB, NJB	**"trong hang động"**
NKJV, NRSV, REB, JPSOA	**"trong các hang lỗ"**
LXX	**"trong các căn phòng bí mật"**

Bản MT cho là "những trai trẻ" (BDB 104, Peshitta), nhưng văn mạch ngụ ý về một hình thái tương tự "trong các lỗ" (BDB 359).

1. בחורים – những trai trẻ
2. בהורים – trong các lỗ

Văn mạch, văn mạch, văn mạch là then chốt! Phép song hành Hê-bơ-rơ trong thơ ca là quan trọng thiết yếu trong giải kinh!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 42:23-25

[23] Ai trong các ngươi là người lắng nghe điều nầy,
Ai sẽ chú ý để hiểu những việc xảy ra về sau?
[24] Ai đã phó Gia-cốp cho sự cướp bóc,
Và phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ tước đoạt?

Chẳng phải là Đức Giê-hô-va, Đấng mà chúng ta phạm tội nghịch cùng Ngài sao?
Vì không ai muốn đi theo đường lối Ngài,
Chẳng tuân giữ luật pháp Ngài.
25 Thế nên, Chúa đã trút cơn giận phừng phừng
Và chiến tranh khốc liệt trên nó;
Lửa cháy chung quanh mà nó không hiểu,
Lửa thiêu đốt nó mà nó chẳng quan tâm.

42:24 "đi theo" Từ này được dùng trong Kinh Thánh để chỉ về đức tin theo Kinh Thánh như là một lối sống kết ước, chứ không phải chỉ về mỗi mình thần học mà thôi. Đây có thể là một nguồn gốc của danh hiệu của Cơ Đốc Giáo trong Công Vụ, "Đạo (Con Đường)"
(Công Vụ 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:14,22; và Giăng 14:6).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao Y-sơ-ra-ên và Giu-đa lại quá cần thông điệp này? (Ê-sai 40:27)
2. Tại sao quyền năng của Đức Chúa Trời được nhấn mạnh?
3. Danh xưng "Tôi Tớ ta" chỉ đến Người Do Thái hay là Đấng Mê-si?
4. Tại sao vô số những sự chỉ đến sự bao gộp Các Dân Ngoại lại rất quan trọng trong đoạn Kinh Thánh này?
5. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn người Do Thái?

Ê-SAI 43

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Y-sơ-ra-ên Được Cứu Chuộc	Đấng Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên	Y-sơ-ra-ên, Kẻ Mù và Điếc (42:18-43:7)	Lời Hứa Giải Cứu Dân Sự Ngài của Đức Chúa Trời	Đức Chúa Trời, Đấng Bảo Vệ và Giải Phóng Y-sơ-ra-ên
43:1-7 (1-7)	43:1-7 (1-7)	43:1-7 (1-7)	43:1-5a (1-5a)	43:1-7 (1-7)
			43:5b-7 (5b-7)	
Y-sơ-ra-ên là nhân chứng của Đức Chúa Trời		Kẻ Tôi Tớ Y-sơ-ra-ên là Nhân Chứng của Đức Giê-hô-va	Y-sơ-ra-ên là Nhân Chứng của Đức Giê-hô-va	Chỉ Riêng Minh Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời
43:8-13 (8-13)	43:8-13 (8-13)	43:8-13 (8-13)	43:8-9 (8-9)	43:8-12a (8-12a)
			43:10 (10)	
			43:11-13 (11-13)	
				43:12b-13 (12b-13)
Ba-by-lôn Sẽ Bị Tiêu Diệt		Sự Cứu Chuộc và Phục Hồi Trên Y-sơ-ra-ên (43:14-44:5)	Cuộc Trốn Thoát Khỏi Ba-by-lôn	Lời Chống Lại Ba-by-lôn
43:14-21 (14-21)	43:14-15 (14-15)	43:14-21 (14-21)	43:14-15 (14-15)	43:14-15 (14-15)
				Những Phép Lạ của Một Cuộc Xuất Hành Mới
	43:16-21 (16-21)		43:16-17 (16-17)	43:16-21 (16-21)
			43:18-21 (18-21)	
Những khiếm khuyết của Y-sơ-ra-ên	Sự Kêu Cầu Dành Cho Y-sơ-ra-ên Không Trung Tín		Những Tội Lỗi của Y-sơ-ra-ên	Sự Vô Ơn của Y-sơ-ra-ên
43:22-24 (22-24)	43:22-24 (22-24)	43:22-24 (22-24)	43:22-25 (22-25)	43:22-28 (22-28)
43:25-28 (25-28)	43:25-28 (25-28)	43:25-28 (25-28)		
			43:26-28 (26-28)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Vị trí độc nhất của Y-sơ-ra-ên là tuyển dân giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được bày tỏ cách rõ ràng trong Ê-sai 43:1-7.
   1. Ngài đã dựng nên họ, Ê-sai 43:1,7
   2. Ngài đã cứu chuộc họ, Ê-sai 43:1
   3. Ngài đã goi họ bởi danh Ngài, Ê-sai 43:1,7
   4. Ngài đã bảo vệ họ, Ê-sai 43:2
   5. Ngài là Đức Chúa Trời giao ước của họ, Ê-sai 43:3
   6. Họ là quý báu trong mắt Ngài, Ê-sai 43:4
   7. Ngài ban vinh dự cho họ, Ê-sai 43:4
   8. Ngài đã yêu họ, Ê-sai 43:4
   9. Ngài ở với họ, Ê-sai 43:5

B. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn sử dụng họ để bày tỏ về chính mình Ngài cho các nước, Ê-sai 43:8-10 (đặc biệt trong Ê-sai 43:10c).

C. Những câu 10d-f - 13 chính là sự khẳng định thần học về sự độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

D. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ mang dân sự của Ngài trở về từ sự lưu đày (Ê-sai 43:5-6,14,16,19-20)
   1. Bởi Si-ru II
   2. Cuối cùng bởi Đấng Mê-si

E. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên ngay cả khi họ không xứng đáng với sự cứu chuộc đó (Ê-sai 43:22-24).

F. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng Cứu Chuộc trên Y-sơ-ra-ên chính là điểm tập chú của đoạn Kinh Thánh này (Ê-sai 43:1,3,11,14,25-26). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hành động bởi vì cớ Ngài là ai và bởi cớ những mục đích của riêng Ngài. Y-sơ-ra-ên là một công cụ quý báu trong tay của Đức Chúa Trời cho một kế hoạch cứu chuộc toàn cầu.

G. Những danh xưng dành cho Đức Chúa Trời được sử dụng trong đoạn 43
   1. **"CHÚA (bản tiếng Anh)"** (Ê-sai 43:1,3,11,14) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – Danh xưng giao ước dùng cho Đức Chúa Trời (Xuất 3:14), "Ta Là," xuất phát từ ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ "là" (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).)
   2. **"Đức Chúa Trời"** (Ê-sai 43:3; *"El* trong Ê-sai 43:13) *Elohim* - Ở đây là một từ SỐ NHIỀU. Các ra-bi Do Thái cho biết ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là danh xưng của Đức Chúa Trời cho sự thương xót, trong khi *Elohim* liên hệ với thế giới trong một cách chung (ví dụ, Đấng sáng tạo, duy trì). Hai danh xưng dành cho Đức Chúa Trời này là những danh xưng phổ biến nhất trong cả Cựu Ước (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần C (Special Topic: Names for Deity, C.).)
   3. **"Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên"** (Ê-sai 43:3,15) – Danh xưng này mô tả về sự tinh sạch và siêu việt của Đức Chúa Trời (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)).

4. **"Đấng Cứu Rỗi"** (Ê-sai 43:3,11,12) *Yasha* – Danh xưng này đến từ cùng một gốc từ với Giô-suê và Chúa Jesus. Ý nghĩa nền tảng chính là "trở nên rộng rãi" hoặc "rộng rãi (về không gian)" (Ê-sai 19:20; 45:15,21; 49:26; 60:16; 63:8).
5. **"Đấng Cứu Chuộc"** (Ê-sai 43:14) – Danh xưng này đến từ cùng một gốc từ với từ *Go'el*, người thân nhất trong vòng họ hàng có quyền chuộc (khả thục Thân nhân- Kinsman Redeemer) hoặc kẻ báo trả (Ru-tơ 4:4,6). Thuật ngữ này mô tả về Đức Chúa Trời như là Đấng có liên hệ họ hàng để cứu chuộc của chúng ta (Ê-sai 41:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16). Đây là một ví dụ khác về mối liên hệ cá nhân của Đức Chúa Trời với chúng ta. Những ví dụ khác chính là Đức Chúa Trời như là cha mẹ hoặc chồng.
6. **"Đấng Sáng Tạo"** (Ê-sai 43:15) - ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Đấng sáng tạo (Ê-sai 40:28) cũng là Đức Chúa Trời giao ước đặc biệt của Y-sơ-ra-ên. Từ này (ĐỘNG TỪ *bara,* Ê-sai 43:1) cũng là một chủ đề rất phổ biến (Ê-sai 40-66).
7. **"Vua"** (Ê-sai 43:15) - Đức Chúa Trời chính là vị Vua thực sự của Y-sơ-ra-ên. Vị Vua trên đất này đơn thuần chỉ là người đại diện của Ngài (1 Sa-mu-ên 8).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 43:1-7

[1] Bây giờ Đức Giê-hô-va phán:
Hỡi Gia-cốp! Đấng đã dựng nên con,
Hỡi Y-sơ-ra-ên! Đấng đã tạo thành con, phán:
"Đừng sợ, vì Ta đã cứu chuộc con.
Ta đã gọi đích danh con và con thuộc về Ta.
[2] Khi con vượt qua các dòng nước, Ta sẽ ở cùng;
Khi con lội qua sông, sẽ chẳng bị nước cuốn.
Khi con bước qua lửa, sẽ chẳng bị cháy,
Ngọn lửa sẽ chẳng thiêu đốt con.
[3] Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con,
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Cứu Chúa của con.
Ta ban Ai Cập làm giá chuộc con,
Cút và Sê-ba để thay thế con.
[4] Vì Ta xem con là quý báu và đáng chuộng.
Chính Ta đã yêu con,
Nên Ta sẽ ban người thế con,
Và ban các dân tộc thay mạng sống con.
[5] Đừng sợ, vì Ta ở với con,
Ta sẽ đem dòng dõi con đến từ phương đông,
Và quy tụ con từ phương tây.
[6] Ta sẽ bảo phương bắc rằng: 'Hãy buông tha!'
Và bảo phương nam rằng: 'Đừng cầm giữ lại!'
Hãy đem các con trai Ta về từ nơi xa xăm,
Đem các con gái Ta về từ nơi tận cùng cõi đất;
[7] Tức là tất cả những người được gọi bằng danh Ta,
Ta đã dựng nên họ vì vinh quang Ta,
Ta đã tạo thành và đã làm nên họ."

43:1 "CHÚA (bản NASB)" Đây chính là từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Trong Xuất 3:14 từ này được dịch là "Ta Là (bản NASB) Tự Hữu Hằng Hữu." Hình thái từ này có gốc từ ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ "là." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

▣ **"Đấng đã dựng nên con "** Đây là một PHÂN TỪ *Qal* (BDB 135, KB 153). Đây là một chủ đề phổ biến xuyên suốt trong Những Bài Ca về Tôi Tớ.
Ở đây nó chỉ về sự hình thành của quốc gia (Sáng Thế Ký 12; 15; 22).

Dòng thứ hai của đoạn 43 có một ĐỘNG TỪ song hành "dựng nên" (BDB 427, KB 428, *Qal* PHÂN TỪ, Ê-sai 43:21; 44:2,21,24). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã không phải là Đấng Sáng Tạo không chỉ toàn bộ thế giới vật chất nhưng còn là Đấng thiết lập nên tuyển dân giao ước (Sáng Thế Ký 12,15,18,22).

▣ **"Hỡi Gia-cốp. . .Hỡi Y-sơ-ra-ên"** Cả hai CÁCH XƯNG HÔ đều chỉ đến tập thể tuyển dân giao ước, hậu tự của Áp-ra-ham.

Chủ Đề Đặc Biệt: Y-sơ-ra-ên (danh xưng) (Special Topic: Israel (the name))

▣ **"Đừng sợ "** Đây là một mạng lệnh (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH). Thật thường xuyên, đây là lời mà Đức Chúa Trời dành cho dân sự của Ngài, đặc biệt sau sự lưu đày và sự sụp đổ Giê-ru-sa-lem và đền thờ (Ê-sai 40:9; 41:10,13,14; 44:2; 54:4).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Sợ hãi (Cựu Ước) (Special Topic: Fear (OT))

▣ **"đã cứu chuộc"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Của Chuộc/Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem).

▣ **" Ta đã gọi đích danh con "** Cả hai từ ("đã cứu chuộc" và "đã gọi" là những *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) đều chỉ đến sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời (Ê-sai 43:7; 45:3-4). Đây là một sự kêu gọi đặc biệt bởi Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 12,15,18,22).
Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh Xưng" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH)

▣ **"con thuộc về Ta"** hãy xem ghi chú tại Ê-sai 43:21 và Xuất 19:5-6. Y-sơ-ra-ên là dân sự độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

43:2 "qua các dòng nước. . .qua lửa. . .ngọn lửa" Đây thật sự là một lời tuyệt diệu! Chúng được sử dụng như là những ẩn dụ của những nan đề, những sự sợ hãi và các kẻ thù!

▣ **"Ta sẽ ở cùng "** Đây chính là lời hứa vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời (ví dụ, Sự hiện diện cá nhân của Ngài, Ê-sai 43:5; Phục Truyền 31:6,8; Thi Thiên 23:4; Ma-thi-ơ 28:20).

▣ **" Ngọn lửa sẽ chẳng thiêu đốt con "** Để xem một ví dụ hãy xem Đa-ni-ên 3.

43:3 "Cứu Chúa" Từ gốc có nghĩa cơ bản có thể dịch là "trở nên rộng rãi (về không gian)" (BDB 446, KB 448). Các tên Giô-suê và Chúa Jesus có nền tảng trên từ gốc này.

▣ **"giá chuộc"** Từ này nói về giá cao của sự chuộc lại (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem)). Đối tượng của câu này có vẻ như là những cuộc chinh phục của Vua Si-ru II.

43:4 Có một sự song hành rõ ràng giữa

1. Ê-sai 43:3 – một của chuộc liên hệ với Ai Cập, Cút, và Sê-ba thay cho Y-sơ-ra-ên
2. Ê-sai 43:4 – một của chuộc liên hệ với
    a. Những người khác
    b. Các dân tộc khác

The UBS Text Project (trang 111) cho một lựa chọn khác (ví dụ, A-si-ri. . .Ê-đôm), vốn được tìm thấy trong bản REB. Lựa chọn này là có thể mà không cần thay đổi những phụ âm. Tuy nhiên, UBS Text Project đánh giá lựa chọn #1 với một điểm A (có khả năng rất cao).

Những câu 3 và 4 là một cách viết khác để bày tỏ tình yêu vĩ đại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên và sự bằng lòng của Ngài về những chiến thắng quân sự của Si-ru để đảm bảo chắc chắn cho sự trở về Palestine của Y-sơ-ra-ên.

43: 5-7 Phần này phản ánh sự trở về của những phu tù Ba-by-lôn được cho phép bởi sắc lệnh của của Vua Si-ru II.

43:7 "được gọi. . .đã dựng. . .đã tạo thành. . .đã làm nên" Đức Chúa Trời đã có một mục đích cho Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 43:10; Sáng Thế Ký 12:1-3; Xuất 19:5-6).

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 43:8-13

[8] Hãy đem dân nầy ra, là dân có mắt mà mù,
Là dân có tai mà điếc!
[9] Tất cả các nước hãy tập hợp lại với nhau,
Các dân hãy quy tụ lại.
Ai trong họ có thể rao truyền điều nầy,
Và nói cho chúng ta biết những điều từ trước?
Họ hãy đem nhân chứng ra để chứng minh họ là đúng,
Và cho người ta nghe mà nói rằng: "Ấy là thật!"
[10] Đức Giê-hô-va phán: "Các con là nhân chứng của Ta,
Và là đầy tớ Ta đã chọn,
Để các con được biết và tin Ta,
Và hiểu rằng Ta là Đấng ấy.
Chẳng có thần nào được tạo thành trước Ta,
Và cũng chẳng có thần nào sau Ta nữa.
[11] Ta, chính Ta là Đức Giê-hô-va,
Ngoài Ta, không có Cứu Chúa nào khác.
[12] Chính Ta đã rao truyền, đã cứu rỗi và đã chỉ bảo,
Chẳng có thần lạ nào giữa các con."
Đức Giê-hô-va phán: "Các con là nhân chứng của Ta,
Và Ta là Đức Chúa Trời.
[13] Phải, từ thuở xa xưa Ta là Đức Chúa Trời;(d)
Chẳng ai có thể thoát khỏi tay Ta.
Khi Ta hành động, ai có thể ngăn cản Ta được?"

43:8 "dân có mắt mà mù " Lý do bởi vì họ đã sự vô tín và bất tuân giao ước cách liên tục (Ê-sai 6:910 và 42:18-22).

43:9 Ở đây có một chuỗi những *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng như là NHỮNG THỂ MỆNH LỆNH (Bản NRSV và NJB dịch là, "hãy. . .").

1. Hãy đem nhân chứng ra (BDB 678, KB 733)
2. Hãy để chúng chứng minh mình là đúng (BDB 842, KB 1003)
3. Hãy để chúng nghe (BDB 1033, KB 1570)
4. Hãy để chúng nói (BDB 55, KB 65)

Các dân tộc, cũng giống như những thần tượng trong Ê-sai 40, không biết về tương lai. Duy chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nắm giữ thời gian và lịch sử trong bàn tay của Ngài. Ngài sẽ sử dụng Y-sơ-ra-ên để bày tỏ chính mình Ngài và trên hết Ngài sẽ sử dụng Đấng Mê-si, Tôi Tớ đặc biệt của Ngài.

43:10-13 Hãy lưu ý nhiều cách bày tỏ về sự độc nhất, quyền năng, và đời đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả.

1. Ngài muốn con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài, phải
   a. biết (BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
   b. tin (BDB 52, KB 63, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
   c. thấu hiểu (BDB 106, KB 122, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
2. Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất
   a. Ta là Đấng Ấy, Ê-sai 43:10,11,12,13
   b. Chẳng có thần nào được tạo thành trước Ta, Ê-sai 43:10
   c. cũng chẳng có thần nào sau Ta nữa, Ê-sai 43:10
   d. Ngoài Ta, không có Cứu Chúa nào khác, Ê-sai 43:11
3. Những hành động của Ngài (tất cả là những *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH)
   a. Ngài đã phán (BDB 616, KB 665)

b. Ngài đã giải cứu (BDB 446, KB 448)
c. Ngài đã công bố (BDB 1033, KB 1570)

4. từ thuở xa xưa (cõi đời đời) Ngài là Đức Chúa Trời, Ê-sai 43:13a
5. Quyền năng Ngài, Ê-sai 43:13b,c

Những lẽ thật này là những điều mà các nước cần biết và tin quyết, Ê-sai 43:9.

43:10 "Các con là nhân chứng của Ta " Đây là một ẩn dụ của khung cảnh một phiên tòa (Ê-sai 43:12; 1:18; 41:21; 44:8; Rô-ma 8:31-39), nơi mà mọi nước được tập hợp lại (Ê-sai 43:9).

▣ **"Tôi tớ Ta"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

▣ **"là kẻ mà ta đã chọn "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ngài Chọn Chúng Ta (Special Topic: He Chose Us)

▣ **" Chẳng có thần nào được tạo thành trước Ta "** Câu này chỉ về một đức tin độc thần (Ê-sai 43:10-13). Điều này được phản ánh trong Xuất 20:5.
Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

43:13 " cõi đời đời (từ thuở xa xưa)" Từ này đi theo cách dịch của Bản Bảy Mươi (Septuagint). Bản MT chép là "từ những ngày."

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 43:14-21

14 Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc các con,
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên phán thế nầy:
"Vì các con, Ta đã sai đánh Ba-by-lôn,
Đuổi tất cả bọn chúng, tức là những người Canh-đê,
Như là những kẻ chạy trốn,
Xuống các tàu mà chúng đã từng reo hò vang dội.
15 Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của các con,
Đấng sáng tạo Y-sơ-ra-ên, là Vua của các con."
16 Đức Giê-hô-va, Đấng đã mở đường trong biển,
Và vạch lối qua dòng nước mạnh;
17 Đấng khiến chiến xa và chiến mã,
Quân binh và dũng sĩ
Cùng nhau nằm xuống, không dậy được nữa;
Họ bị dập đi, như người ta dập tắt tim đèn; Đấng ấy phán:
18 "Đừng nhớ lại những việc đã qua,
Cũng đừng nghĩ đến chuyện thuở trước.
19 Nầy, Ta sắp làm một việc mới!
Bây giờ nó đang hiện ra mà các con không biết sao?
Ấy là Ta sẽ vạch một con đường trong hoang mạc,
Và khiến những dòng sông chảy nơi đất khô cằn.
20 Loài dã thú, chó rừng và đà điểu
Sẽ tôn vinh Ta,
Vì Ta cho các dòng nước chảy trong hoang mạc,
Và cho các sông chảy nơi đất khô cằn,
Để dân mà Ta đã chọn được uống.
21 Ta đã tạo nên dân nầy cho Ta,
Họ sẽ hát ca ngợi Ta.

43:14 "sẽ hạ tất cả bọn chúng xuống như những kẻ bỏ trốn (đuổi tất cả bọn chúng)" Câu này chỉ về sự tiêu diệt Ba-by-lôn bởi Vua Si-ru II. Đó không phải là bởi quyền lực của Si-ru mà Neo-Ba-by-lôn bị đánh bại nhưng quyền năng và mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ("bởi cớ các ngươi"). Có một cách phát âm khác khả năng dùng cho các phụ âm Hê-bơ-rơ (BDB 138).

1. "kẻ bỏ trốn" (מברחים, NASB, NKJV, NET Bible, chỉ xuất hiện duy nhất trong Ê-xê-chi-ên 17:21, nhưng cũng có thể Ê-sai 15:5)
2. "những thanh chắn" (אריחים, JPSOA, NRSV, NJB, TEV, Ê-sai 45:2; Ê-xê-chi-ên 38:11)

The UBS Text Project, trang 112-113, đánh giá "những kẻ bỏ trốn" một điểm "B" (với sự nghi ngờ) bởi vì văn mạch của câu 14.

▣ **"người Canh-đê"** Herodotus (450 $_{T.C.}$), trong quyển *Hist*. I, đã sử dụng từ này để chỉ đến một nhóm tộc người (2 Các Vua 24:1-4; Đa-ni-ên 5:30) cũng như là một tầng lớp tế lễ (Đa-ni-ên 2:2; 3:8; 4:7; 5:7,11) là những người mà chức năng của họ quay lại với Si-ru II. Ngay cả trước giai đoạn này những ghi chép của người A-si-ri cũng sử dụng từ này (BDB 505) trong nghĩa chỉ về một tộc người (theo R. K. Harrison, trong quyển *Introduction to the Old Testament*, trang 1113). Cũng hãy đọc một thảo luận hay về những sự rối rắm về ngữ nghĩa giữa những từ tương tự nhau (ví dụ, *Kal-du* và *Kasdu*) trong quyển *The Expositors Bible Commentary*, tập 7, trang 14-15 hoặc bộ *Studies in the Book of Daniel*, tập 1 được viết bởi Robert Dick Wilson.

Bởi vì Sáng Thế Ký 11:28 cho biết vùng đất U-rơ của người Canh-đê đã là quê hương của Tha-rê và gia đình của ông, Canh-đê có thể đã là dân Sê-mít về mặt tộc người (cùng một nhóm sắc dân như người Hê-bơ-rơ).

Chủ Đề Đặc Biệt: Người Canh-đê (Special Topic: Chaldeans)

▣ Có những cách đọc khác nhau của những phụ âm Hê-bơ-rơ.

1. Trong những con tàu (NASB, NKJV)
2. Trong bài ca thương (JPSOA, NRSV, NJB, TEV, REB, NET Bible)
3. Bản LXX dịch là "lên những con tàu "

Có thể rằng Ê-sai 43:14 cần phải xem trong suy nghĩ của những người Ba-by-lôn rằng họ có thể trốn thoát khỏi quân đội của người Ba Tư bằng cách đi thuyền trôi dọc theo dòng sông về phía hạ lưu (dòng Ơ-phơ-rát).

43:15 "Vua của các con" Đây có thể là một sự liên hệ với 2 Sa-mu-ên 7.

43:16 Câu này sử dụng

1. Cuộc Xuất hành khỏi Ai Cập (Ê-sai 43:17; Xuất Ai Cập Ký 14-15) như là một ví dụ về sự trở về từ Ba-by-lôn
2. Sự tể tri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên các dòng nước của sự hỗn độn (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những nguồn nước (Special Topic: Waters))

43:19 "Ta sắp làm những việc mới" Hãy xem ghi chú đầy đủ tại Ê-sai 62:2

▣ **"Ta sẽ vạch một con đường trong hoang mạc "** Đây là một chủ đề Kinh Thánh rất thông dụng (Ê-sai 40:1-4).

NASB, NKJV, NRSV, NJB, JPSOA, LXX, Peshitta "Các dòng sông"
REB, DSS "những lối đi"

The UBS Text Project, trang 113, không thể quyết định giữa hai bản dịch MT, "những dòng sông/ những dòng nước," và DSS, "những lối đi."

1. נהרות – BDB 625, "những dòng sông"
2. נתיבות – BDB 677, "những lối đi"

Tôi nghĩ rằng lựa chon #2 là một sự song hành thơ ca tốt hơn với dòng trên của bài thơ (chú ý từ lối đi, BDB 677, trong câu 16, cũng như là "con đường," BDB 202.

Tuy vậy, câu 20 không liên hệ với việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ban nước (những dòng sông, BDB 677) trong hoang mạc

43:20 Thay vì những sự rủa sả (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 27-29) những dã thú cũng trở nên phục tùng. Sự ra hoa kết trái trong ánh sáng của sự hiện diện và ban phước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 43:22-24

[22] Nhưng hỡi Gia-cốp, con chẳng từng kêu cầu Ta!
Hỡi Y-sơ-ra-ên, con đã chán Ta!
[23] Con đã không dâng chiên làm tế lễ thiêu cho Ta,

Không dâng sinh tế để tôn kính Ta.
Ta không đặt gánh nặng cho con với các lễ vật phải dâng,
Cũng chẳng làm nhọc con vì phải xông hương.
[24] Con không lấy tiền mua xương bồ cho Ta,
Và chẳng lấy mỡ của sinh tế làm cho Ta thỏa lòng.
Nhưng lại lấy tội lỗi mình làm cho Ta phiền lòng,
Và lấy sự gian ác làm cho Ta mệt mỏi.

43:22-24 Đây không phải là một sự định tội đối với việc dâng sinh tế cách tổng quát nhưng trong những động cơ sai trật (Giê-rê-mi 7). Tất cả những ĐỘNG TỪ đều là NHỮNG THỂ HOÀN THÀNH vốn chỉ về một sự thái độ phản nghịch xác định không thể thay đổi.

43:24 "xương bồ" Từ này chỉ về (BDB 889) dầu xức thánh (Xuất 30:23; Giê-rê-mi 6:20).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 43:25-28
[25] Ta, chính Ta là Đấng vì chính mình
Mà xóa các sự vi phạm của con,
Ta sẽ không nhớ đến tội lỗi của con nữa.
[26] Hãy nhắc lại cho Ta nhớ,
Chúng ta hãy tranh luận với nhau;
Hãy đưa ra lý lẽ để chứng tỏ con đúng.
[27] Thủy tổ của con đã phạm tội,
Các nhà lãnh đạo của con nổi lên chống lại Ta.
[28] Vì vậy, Ta làm nhục các chức sắc của nơi thánh;
Ta phó Gia-cốp cho sự hủy diệt,
Và phó Y-sơ-ra-ên cho sự phỉ báng."

43:25 " Ta, chính Ta là Đấng vì chính mình mà xóa các sự vi phạm của con " Sự tha thứ của Đức Chúa Trời là một hành động duy chỉ của ân điển, không phải bởi sự xứng đáng (Ê-sai 37:35; 48:9,11; Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

▣ **" Ta sẽ không nhớ đến tội lỗi của con nữa "** Khi Đức Chúa Trời tha thứ, Đức Chúa Trời cũng quên đi (Ê-sai 1:18; 38:17; 44:22; Thi Thiên 103:12; Mi-chê 7:19).

Thật là một lẽ thật cần thiết trong ánh sáng về sự định tội không ngừng nghỉ của Sa-tan! Ôi sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời!

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Lời của Sự Tha Thứ

43:26 " Chúng ta hãy tranh luận với nhau " Câu này phản ánh một ẩn dụ về luật pháp của khung cảnh một phiên tòa (Ê-sai 1:18; 41:21; Rô-ma 8:31-39). Câu này là một chuỗi những mạng lệnh bởi quan tòa.

1. Hãy nhắc lại cho ta nhớ – BDB 269, KB 269, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
2. Hãy tranh luận với nhau – BDB 1047, KB 1627, *Niphal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO
3. Hãy đưa ra lý lẽ của các con – BDB 707, KB 765, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH

43:27 " Thủy tổ (tổ phụ) của con đã phạm tội " Nguyên văn từ này là "cha." Nó có thể chỉ đến A-đam hoặc Gia-cốp hoặc bất kỳ tổ phụ Do Thái nào. Nó chỉ ra rằng sự không xứng đáng với tình yêu của Đức Chúa Trời. Cựu Ước không dừng lại ở nguồn gốc của tội lỗi nhưng ghi nhận sự hiện hữu và lan tỏa khắp nơi của nó. Một vài ra-bi Do Thái, như Phao-lô, nhấn mạnh vào Sáng Thế Ký 3, nhưng những người khác lại nhấn mạnh vào Sáng Thế Ký 6. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall).

▣ **"người phát ngôn (nhà lãnh đạo)"** Từ này có thể chỉ đến cả

1. Các tiên tri
2. Những thầy tế lễ
3. Những lãnh đạo chính trị

43:28 "Ta làm nhục các chức sắc của nơi thánh" ĐỘNG TỪ "làm nhục" (BDB 320 III, KB 319, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có thể có nghĩa "làm ô nhiễm," ô uế," hoặc "báng bổ." Bản NEB và REB thay đổi một chút những phụ âm Hê-bơ-rơ trở thành "những chức sắc của ngươi làm ô uế nơi thánh," vốn đi theo cách dịch của bản LXX.

Không rõ hai ĐỘNG TỪ Ê-sai 43:28 chỉ đến quá khứ hay tương lai. Bản Kinh Thánh Hê-bơ-rơ liên kết câu 27 và 28. Câu 28 rõ ràng liên hệ đến quá khứ. Cả đoạn 43 nói về sự giải cứu hiện tại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên khỏi sự lưu đày.

Các THÌ (của ĐỘNG TỪ) Hê-bơ-rơ không cho thông tin về thời gian, chỉ hành động; thời gian phải được xác định từ văn mạch.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngữ pháp Ngôn Ngữ Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Grammar)

▣ **"nơi thánh"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy).

▣ **"sự hủy diệt"** Từ này xuất phát từ từ gốc *herem* (BDB 356; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Rủa sả (Cựu Ước) (Special Topic: Curse (OT)). Nhiều điều đã là "thánh khiết," đã không còn dùng được bởi sự sa ngã của nhân loại, vì thế, nó phải bị hủy diệt. Một ví dụ chính là thành Giê-ri-cô (Giô-suê 6).

Ê-SAI 44:1-23

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Phước Hạnh của Y-sơ-ra-ên	Sự ban phước của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên	Giê-su-run	Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời Duy Nhất	Kho Ơn Phước Dành cho Y-sơ-ra-ên
44:1-5 (2-5)	44:1-5 (2-5)	44:1-5 (1-5)	44:1-5 (1-5)	44:1-5 (1-5)
	Không có Bất Kỳ Đức Chúa Trời Nào Khác	Sự Độc Nhất của Đức Chúa Trời		Chỉ Có Duy Nhất Một Đức Chúa Trời
44:6-8 (6-8)	44:6-8 (6-8)	44:6-8 (6-8)	44:6-8 (6-8)	44:6-8 (6-8)
Sự Ngu Ngốc Của Việc Thờ Hình Tượng`	Sự Thờ Hình Tượng Là Ngu Ngốc	Lời Chế Nhạo Nghịch Cùng Các Hình Tượng	Các Hình Tượng Bị Chế Nhạo	Sự Đần Độn Của Các Hình Tượng
44:9-17	44:9-11 (9-11)	44:9-11	44:9-11	44:9-11
	44:12 (12)	44:12-17	44:12	44:12
	44:13-14 (13-14)		44:13-17	44:13-17
	44:15-17 (15-17)			
44:18-20	44:18-20 (18-20)	44:18-20	44:18-19	44:18-19
			44:20	44:20
Đức Chúa Trời Tha Thứ và Cứu Chuộc	Y-sơ-ra-ên Sẽ Không Bị Bỏ Quên	Y-sơ-ra-ên Được Tha Thứ Và Cứu Chuộc	Đức Giê-hô-va, Đấng Tạo Hóa Và Cứu Rỗi	Sự Trung Thành Với Đức Giê-hô-va
44:21-23 (21-23)	44:21-22 (21-22)	44:21-22 (21-22)	44:21-22 (21-22)	44:21-23 (21-23)
	44:23 (23)	44:23 (23)	44:23 (23)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:1-5

[1] "Bây giờ hỡi Gia-cốp, đầy tớ Ta,
Hỡi Y-sơ-ra-ên mà Ta đã chọn, hãy nghe!
[2] Đức Giê-hô-va là Đấng đã tạo nên con,
Đã hình thành con từ trong lòng mẹ, và sẽ giúp đỡ con; Ngài phán:
Hỡi Gia-cốp, đầy tớ Ta,
Và Giê-su-run mà Ta đã chọn, đừng sợ!
[3] Vì Ta sẽ rót nước trên người khát khao,
Cho suối chảy nơi đất khô hạn.
Ta sẽ đổ Thần Ta trên dòng dõi con
Và ban phước lành trên hậu tự con.
[4] Chúng sẽ nẩy nở giữa đám cỏ,
Như cây liễu bên dòng nước.
[5] Người nầy sẽ nói rằng: 'Tôi thuộc về Đức Giê-hô-va;'
Người kia xưng mình bằng danh của Gia-cốp,
Kẻ khác nữa viết trên tay mình rằng: 'Tôi thuộc về Đức Giê-hô-va'
Và xưng mình bằng danh Y-sơ-ra-ên."

44:1 "hãy nghe" Đây là một THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1033, KB 1570) mô tả nhiều lời sấm tuyên phán trong Ê-sai (Ê-sai 1:2,10;6:8,9,10; 7:13; 28:14; 32:9; 33:13; 34:1; 36:13; 39:5; 42:18; 46:3,12; 47:8; 48:1, 12, 14, 16; 51:1,7,21; 55:2,3; 59:1; 66:5).

Từ này có nghĩa là "lắng nghe để thực hiện." Nó trở thành tên của một bài cầu nguyện Do Thái nổi tiếng (*Shema*) trong Phục Truyền 6:4-5.

▣ **"Hỡi Gia-cốp, Tôi tớ Ta"** Chú ý sự song hành giữa dòng 1 và 2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang đề cập đến tập thể Y-sơ-ra-ên. Hầu hết những bài thơ về "Tôi Tớ" có nghĩa chỉ về tập thể nhưng Ê-sai 52:13-53:12 lại có nghĩa cá nhân (một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng).

▣ **"kẻ mà ta đã chọn "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

1. Chọn Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 44:1,2
2. Tạo nên Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 44:2
3. Hình thành nên Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 44:2
4. Giúp đỡ Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 44:2

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngài Chọn Chúng Ta (Special Topic: He Chose Us)

44:2 Chú ý sự song hành giữa dòng 1 và 2..

1. "tạo nên ngươi " – BDB 793, KB 889, *Qal* PHÂN TỪ, dòng 1
2. "hình thành ngươi " – BDB 427, KB 428, *Qal* PHÂN TỪ, dòng 2

Có vài từ Hê-bơ-rơ được sử dụng để mô tả những hành động tạo hóa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

44:3 "Đừng sợ hãi " Cụm từ này (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH) thường được sử dụng trong đoạn 40-66
(Ê-sai 40:9; 41:10,13,14; 43:1,5; 44:3; 51:7; 54:4,14; 57:11). Họ đã không cần phải sợ bởi vì

1. Họ là dân sự của Đức Chúa Trời
2. Ngài ở với họ
3. Hình phạt đã trôi qua
4. Ngài sẽ chu cấp tất cả những gì họ cần

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Sợ hãi (Cựu Ước) (Special Topic: Fear (OT))

▣ **"Giê-su-run"** Từ này (BDB 449) là một danh xưng hiếm dành cho Y-sơ-ra- Một lần cho Thần Linh ([1] 32:15, một từ khác [BDB 788]; [2] Giô-ên 2:28, từ khác [BDB 1049]). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là nguồn ơn phước và đối những dân cư sa mạc nguồn nước chính ên có nghĩa là "kẻ ngay thẳng" (Phục Truyền 32:15; 33:5,26). Nó song hành với "Hỡi Gia-cốp Tôi tớ Ta."

44:3 "Ta sẽ đổ" ĐỘNG TỪ này (BDB 427, KB 428, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) thường được sử dụng trong sự kết nối với sự xức dầu và dâng của tế lễ. Trong câu này nó được lặp lại hai lần.

1. Một lần cho phép lạ dồi dào nguồn nước diệu kỳ là biểu tượng cho sự sống và sự giàu có dư dật (Ê-sai 44:4).
2. Một lần được dùng để chỉ về Đức Thánh Linh ([1] 32:15, một từ khác [BDB 788]; [2] Giô-ên 2:28, một từ khác [BDB 1049])

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là cội nguồn của những phước hạnh và đối với những dân tộc sống ở khu vực hoang mạc nước chính là biểu tượng của sự sống và sự dư dật (Ê-sai 44:4).

▣ **"trên dòng dõi con"** Những phước hạnh,cũng như sự rủa sả, cũng được lan truyền trong các gia đình (Phục Truyền 5:9-10; 7:9).

Những thế hệ tương lai sẽ biết rằng họ là ai trong ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và hân hoan vui mừng trong sự nhận biết ấy (Ê-sai 44:5).

▣ **"phước lành Ta"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Phước Hạnh (Cựu Ước) (Special Topic: Blessing (OT)).

44:5 Câu hỏi theo văn mạch chính là: câu này chỉ về ai.

1. Những hậu tự kiêu hãnh của Áp-ra-ham
2. Những dân ngoại là kẻ thỉnh cầu và ca ngợi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 56:3-6)

ĐỘNG TỪ "gọi" (BDB 894, KB 1128, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được dịch là

1. THỂ BỊ ĐỘNG trong bản Targums tiếng A-ram, "sẽ được gọi"
2. ĐỘNG TỪ PHẢN THÂN (*Niphal*) trong bản LXX và the Peshitta, "sẽ gọi người "
3. THỂ CHỦ ĐỘNG trong bản tiếng Hê-bơ-rơ, "sẽ kêu gọi" (hành động của sự thờ phượng)

Có vẻ đối với tôi trong văn mạch của sự song hành của dòng 2 và 3 thì câu này đang nói về những dân ngoại (hãy xem UBS Text Project, trang 116). Nếu vậy, thì câu này là một trong những phần Kinh Thánh đảm bảo cho những ai không phải là người Do Thái có thể đến gần với một Đức Chúa Trời chân thật! Không chỉ là tôi tớ, là ngọn đèn cho các dân tộc, nhưng là một Đấng cứu rỗi cho các dân tộc! Sáng Thế Ký 3:15 đã được ứng nghiệm, cũng như (Sáng) 12:3!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:6-8

[6] Đức Giê-hô-va là Vua và Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên,
Là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán:
"Ta là đầu tiên và cuối cùng;
Ngoài Ta không có Đức Chúa Trời nào khác.
[7] Ai giống như Ta? Hãy để người ấy lên tiếng,
Loan báo và trình bày cho Ta
Điều gì xảy ra từ khi Ta lập dân tộc cổ xưa nầy.
Hãy để chúng loan báo những điều đang xảy ra
Và những điều sắp xảy đến cho chúng.
[8] Chớ kinh hãi, cũng đừng bối rối.
Chẳng phải Ta đã nói cho các ngươi biết từ xưa rồi sao?
Các ngươi làm chứng cho Ta.
Ngoài Ta, có Đức Chúa Trời nào khác không?

Thật, chẳng có Vầng Đá nào khác; Ta biết chẳng có ai cả."

44:6 Chú ý những danh xưng được dùng cho Đức Chúa Trời trong văn mạch này (tương tự với 43:3,15).

1. CHÚA (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).)
2. Vua Của Y-sơ-ra-ên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Vương Quốc Đức Chúa Trời (Special Topic: Kingdom of God))
3. Đấng Cứu Chuộc (BDB 145 I, Ê-sai 41:14; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem))
4. Đức Giê-hô-va Vạn Quân (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Giê-hô-va Vạn Quân (Special Topic: Lord of Hosts))
5. Ta Là Đầu Tiên và Cuối Cùng (Ê-sai 41:4; 43:10; 48:12; Khải Huyền 1:8,17; 22:13)
6. Đức Chúa Trời (*Elohim*; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần C (Special Topic: Names for Deity, C.))
7. Hòn Đá, Ê-sai 44:8 (Ê-sai 17:10; 26:4; 30:29; Thi Thiên 18:2)

Những danh xưng này nhấn mạnh về một sự độc nhất, đời đời, trung tín và quyền năng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

▣ **" Ngoài Ta không có Đức Chúa Trời nào khác "** Đây là một đảm bảo của sự độc nhất và đức tin độc thần. Đây là chủ đề lặp đi lặp lại trong Ê-sai.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism).

44:7 "Hãy để người ấy lên tiếng và loan báo" Đây là một sự ngụ ý đến khung cảnh một phiên tòa một lần nữa. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang thách thức các thần tượng hãy chứng minh sự hiện diện và quyền năng của chúng nhưng chúng không thể (Ê-sai 41:21-24). Chúng không thể tiên đoán được tương lai.

Hãy chú ý số các mạng lệnh được đề cập đến các thần tượng giả dối (các hình tượng của cá dân tộc).

1. trình bày– BDB 894, KB 1128, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
2. loan báo – BDB 616, KB 615, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
3. lên tiếng – BDB 789, KB 884, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
4. loan báo – giống mục #2

44:8 Trong ánh sáng của sự bất lực của các thần giả dối của các dân tộc, Y-sơ-ra-ên không cần phải

1. run rẩy (kinh hãi)– BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
2. sợ hãi (bối rối) – BDB 923, KB 437 (רהה), *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (DẠNG PHỦ ĐỊNH) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (một từ gốc khác với Ê-sai 44:2 [ירה]
   BDB 431, KB 432)

▣ **" Các ngươi làm chứng cho Ta "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một mục đích mặc khải đặc biệt cho tôi tớ/ những tôi tớ của Ngài.

▣ **" Ta biết chẳng có ai cả "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trả lơi chính câu hỏi của Ngài. ĐỘNG TỪ là *Qal* THỂ HOÀN THÀNH; không có bất kỳ Đức Chúa Trời hoặc các thần nào khác, chỉ duy nhất chính Ngài mà thôi.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:9-11
[9] Tất cả các thợ tạc tượng đều là hư ảo, những điều họ yêu thích chẳng có ích gì. Các nhân chứng của họ không thấy cũng không biết, nên họ phải mang xấu hổ. [10] Ai là kẻ tạo một vị thần và đúc một tượng mà

không có ích gì cả? [11] Nầy, mọi kẻ tham dự vào việc đó sẽ bị xấu hổ; những thợ ấy chẳng qua là loài người. Hãy để tất cả họ tụ họp lại và đứng lên! Họ đều kinh hãi và xấu hổ.

44:9-20 Đây là một đoạn văn xuôi giải quyết với sự ngu dốt của việc thờ hình tượng (Giê-rê-mi 10:2-16).

44:9

NASB	**"vô dụng"**
NKJV	**"vô ích"**
NRSV	**"hư không"**
TEV	**"vô giá trị"**
NJB	**"đầy hư không"**
REB	**"thấp kém hơn cả sự hư không"**
JPSOA	**"không có mục đích nào cả"**
LXX, Peshitta	**"vô ích, hư không"**

Từ này (BDB 1062) song hành với "vô ích" (BDB 996). Nó cũng được sử dụng trong Ê-sai khá thường xuyên.

1. Isa 24:10 – những thành phố bị phá hủy
2. Ê-sai 29:21 – những lời làm chứng giả dối/ vô ích
3. Ê-sai 34:11 – sự hoang tàn/hỗn độn
4. Ê-sai 40:17 – vô giá trị
5. Ê-sai 40:23 – trống rỗng/ /không có gì
6. Ê-sai 41:29 – sự hỗn độn gây ra bởi các thần tượng
7. Ê-sai 44:9 – các thần tượng là hư không
8. Ê-sai 45:18 – mặt đất không có hình dạng; Sáng Thế Ký 1:2; Giê-rê-mi 4:23
9. Ê-sai 45:19 – nơi hoang tàn
10. Ê-sai 49:4 – về sự bất tuân vô ích của Giu-đa là hư không
11. Ê-sai 59:4 – những lời tranh cãi trống rỗng

Đây là những thành ngữ của các dân tộc về sự không hiện hữu, hư không và những điều vô giá trị!

▣ **"sự xấu hổ"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame)

▣ Những câu hỏi mỉa mai châm biếm!

44:11 Có một chuỗi những NHỮNG THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng như các THỂ MỆNH LỆNH mô tả những kẻ dựng và thờ phượng hình tượng.

1. Hãy để họ tụ họp– BDB 867, KB 1062, *Hithpael* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
2. Hãy để chúng đứng lên– BDB 763, KB 840, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
3. Hãy khiến chúng run rẩy– BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
4. Hãy khiến chúng xấu hổ– BDB 101, KB 116, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:12-17
[12] Thợ rèn lấy một thỏi sắt nướng trên than lửa, rồi dùng búa để tạo hình; anh ta dùng cánh tay mạnh mẽ mà làm việc. Dù đói và kiệt sức, anh ta không uống nước và mệt lả. [13] Thợ mộc căng dây mực, dùng phấn vẽ kiểu, đẽo bằng cái chàng, dùng com-pa phác họa hình dạng con người, và làm nên tượng người đẹp đẽ, đặt trong nhà. [14] Anh ta đi đốn cây bá hương; hoặc chọn cây bách, cây sồi, và để nó lớn lên giữa các thứ

cây trên rừng. Anh ta trồng cây thông, rồi mưa xuống làm cho nó lớn lên. [15] Người ta sẽ dùng gỗ của các cây ấy làm củi đốt; một phần dùng để sưởi, một phần dùng để nhóm lửa nướng bánh, rồi cũng lấy một phần để làm một vị thần mà thờ lạy, một tượng chạm để quỳ lạy trước mặt nó. [16] Người ta lấy một nửa đem chụm lửa, nướng thịt trên đó để ăn cho no, hoặc sưởi cho ấm, và nói rằng: "A, ta sưởi ấm quá, lại được nhìn ngọn lửa!" [17] Phần gỗ còn lại, người ta làm một vị thần, tức là một tượng chạm cho mình, rồi cúi xuống trước mặt nó mà thờ lạy và cầu khẩn với nó rằng: "Xin giải cứu tôi, vì ngài là thần của tôi!"

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame

44:14-20 Đoạn này nói về sự ngu ngốc của sự thờ hình tượng (Giê-rê-mi 10:2-16).

1. Trông một cây
2. Đốn nó để
   a. Sưởi ấm
   b. Nấu nướng
   c. Dựng nên một vị thần
3. Quỳ xuống để thờ phượng trước một thần tượng không có khả năng giúp đỡ, vốn vẫn là một khúc gỗ bị chặt mà thôi. Anh ta kêu xin khúc gỗ giúp mình, giải cứu mình
4. Người làm ra nó đã quên mất những sự chuẩn bị này bởi vì ông đã tự lừa dối chính mình (Ê-sai 44:20)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:18-20
[18] Những người ấy không biết và không suy xét; vì mắt họ nhắm lại để không thấy, lòng họ đóng lại để không hiểu. [19] Không ai chịu suy nghĩ lại, chẳng ai dùng trí khôn mà nhận thức rằng: "Ta đã lấy một nửa chụm lửa, đã nướng bánh trên lửa than, đã nướng thịt và ăn; rồi phần còn lại, ta dùng làm một vật đáng ghê tởm sao? Ta lại đi cúi lạy một khúc gỗ sao?" [20] Người ấy nuôi mình bằng tro bụi, lòng mê muội đã làm cho lầm đường, chẳng thể cứu linh hồn mình. Người không bao giờ tự hỏi: "Chẳng phải trong tay phải ta là đồ giả dối sao?"

44:18 Có phải chăng sự vô tín và mê tín là một kết quả của

1. Sự Sa Ngã (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall))
2. bàn tay của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA?

Cựu Ước liên hệ mọi nhân quả với Đức Chúa Trời (ví dụ, Pha-ra-ôn, cũng hãy chú ý 6:9-10; 29:10), nhưng con người vẫn phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình.
Đây vẫn là sự bí ẩn của sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người (ví dụ, hành động cần có của con người cho sự tha thứ của, Ê-sai
55:7). Có thể Thi Thiên 81:12 đã tóm lại cách tốt nhất (Rô-ma 1:24,26,28).

44:19 "một vật đáng ghê tởm" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự gớm ghiếc (Cựu Ước) (Special Topic: Abomination (OT))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:21-23
[21] Hỡi Gia-cốp, hãy nhớ các điều nầy!
Hỡi Y-sơ-ra-ên, vì con là đầy tớ Ta.
Ta đã tạo nên con, con là đầy tớ Ta;
Hỡi Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ không quên con!
[22] Ta đã xóa sự vi phạm của con như mây dày đặc,
Và tội lỗi con như đám mây.
Hãy trở lại cùng Ta, vì Ta đã chuộc con.
[23] Hỡi các tầng trời, hãy ca hát vui mừng,
Vì Đức Giê-hô-va đã hành động!
Hỡi các nơi thấp dưới đất, hãy reo hò!
Hỡi các núi, hỡi rừng cùng mọi cây cối trên rừng,
Hãy trỗi tiếng hát ca!
Vì Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc Gia-cốp,
Và sẽ bày tỏ vinh quang Ngài trong Y-sơ-ra-ên.

44:21-23 Trong ánh sáng của sự làm chứng dối của sự thờ hình tượng, sự làm chứng chân thật của dân sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là quan trọng thiết yếu! Họ được mạng lệnh phải

1. Nhớ, Ê-sai 44:21 - BDB 269, KB 269, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. Trở lại, Ê-sai 44:22 - BDB 996, KB 1427, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Sự sáng tạo của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cũng làm chứng

1. Hỡi các tầng trời, hãy ca hát vui mừng, Ê-sai 44:23 - BDB 943, KB 1247, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. Hỡi các nơi thấp dưới đất, hãy reo hò Ê-sai 44:23 - BDB 929, KB 1206, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
3. Hỡi các núi, hỡi rừng cùng mọi cây cối trên rừng, hãy trỗi tiếng hát ca, Ê-sai 44:23 – BDB 822 KB 953, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Thật là mỉa mai rằng những người làm nên hình tượng đốt và chạm khắc các cây cối, nhưng cây cối lại reo vui bởi sự cứu chuộc và sự làm chứng của Y-sơ-ra-ên cho sự vinh hiển Ngài.

44:21 "Tôi tớ Ta" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

NASB, NKJV, NRSV "ta sẽ không quên con"
REB, LXX, Peshitta, JPSOA "đừng quên ta"

Câu hỏi giải nghĩa là dòng thơ này phù hợp với câu 21a, "Hãy nhớ" (*Qal* THỂ MỆNH LỆNH) hay nó chỉ đến trí nhớ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA? Bản MT sử dụng một *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 674, KB 728) ĐỘNG TỪ, vốn được xem cách thông thường là ở THỂ BỊ ĐỘNG (NASB).
Hầu hết các bản cổ đều xem nó là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn song hành với sự kêu gọi của câu 1 dành cho Giu-đa hãy nhớ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.
Về mặt thần học mà nói, cả hai đều quan trọng thiết yếu đối với một mối quan hệ giao ước.
The UBS Text Project, trang 121, đánh giá THỂ BỊ ĐỘNG (của bản NASB) một điểm "C" (khá đáng ngờ).

44:22 Đây là một lời hứa vĩ đại khác về một sự tha thứ hoàn toàn. ĐỘNG TỪ "quét sạch" (BDB 562, KB 567, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) cũng được sử dụng trong Ê-sai 43:25; Thi Thiên 51:1,2,9. Khi Đức Chúa Trời tha thứ, Ngài quên đi (Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Mi-chê 7:19). Nền tảng cho sự xóa sạch những sự vi phạm này của chúng ta là

1. Sự cứu chuộc đầy thương xót của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. Sự ăn năn của một tín hữu

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Characteristics of Israel's God)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn trong Cựu Ước (Special Topic: Repentance in the OT)

44:23
NASB, NKJV "những nơi thấp của đất "
NKJV, JPSOA "sự sâu thẳm của đất"
TEV "những nơi sâu của đất "
NJB "âm phủ"
LXX, Peshitta "những nền của đất "
Đây rõ ràng chỉ về *Sheol* (BDB 982). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Người Chết Ở Đâu? (Special Topic: Where Are the Dead?) Phần I. B.

Ê-SAI 44:24-45:25

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Giu-đa Sẽ Được Phục Hồi	Nhiệm Vụ Của Si-ru (44:24-45:13)		Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của Thế Giới và Chúa của Lịch Sử
44:24-28 (24-28)	44:24-28 (24-28)	44:24-28 (24-28)	44:24-28 (24-28)	44:24-28 (24-28)
Đức Chúa Trời Sử Dụng Si-ru	Si-ru, Công Cụ của Đức Chúa Trời		Đức Chúa Trời Bổ Nhiệm Si-ru	Si-ru, Công Cụ của Đức Chúa Trời
45:1-7 (1-7)	45:1-7 (1-7)	45:1-4 (1-4)	45:1-4 (1-4)	45:1-7 (1-7)
Quyền Năng Chí Cao Của Đức Chúa Trời		45:5-7 (5-7)	45:5-8 (5-8)	Prayer
45:8 (8)	45:8 (8)	45:8 (8)		45:8 (8)
			Chúa của Tạo Hóa và Lịch Sử	Quyền Năng Chí Cao Của Đức Giê-hô-va
45:9-10 (9-10)	45:9-10 (9-10)	45:9-13	45:9-13 (9-13)	45:9-13 (9-13)
45:11-13 (11-13)	45:11-13 (11-13)			
	Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Rỗi Duy Nhất	Sự Trở Lại Của Các Dân Tộc		Sự Trở Lại của Các Dân Tộc
45:14-17 (14-17)	45:14 (14)	45:14-17 (14-17)	45:14-17 (14-17)	45:14-19 (14-19)
	45:15-17 (15-17)			
45:18-19 (19)	45:18-19 (18-19)	45:18-19 (18-19)	45:18-19 (18-19)	
			Chúa Của Thế Giới Và Các Thần Tượng của Ba-by-lôn	Đức Chúa Trời, Chúa của Hoàn Vũ
45:20-25 (20-25)	45:20-21 (20-21)	45:20-21 (20-21)	45:20-21 (20-21)	45:20-25 (20-25)
	45:22-25 (22-25)	45:22-23 (22-23)	45:22-23 (22-23)	
		45:24-25 (24-25)	45:24-25 (24-25)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH CỦA Ê-SAI 44:24-45:25

A. Đây là một lời tiên tri rất cụ thể. Si-ru II, cũng được biết đến dưới tên gọi Si-ru Đại Đế, được gọi đến bởi tên trong Ê-sai 44:28 và 45:1. Đối với những ai chối bỏ khả năng của những lời tiên tri mang tính chất nói về tương lai (nó là bằng chứng chính yếu trong Ê-sai 41:22-23; 44:7,26), đây chính là sự thúc đẩy chính của thuyết nhiều tác giả khác nhau của sách Ê-sai. Tôi tin rằng Ê-sai được viết bởi một tác giả duy nhất và rằng Đức Chúa Trời không chỉ mặc khải tương lai của Đế Chế A-si-ri, nhưng còn là của người Ba-by-lôn và Ba Tư thông qua vị tiên tri của thế kỷ thứ 8 T.C. này.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ê-sai (tác quyền và sự thống nhất của cả sách)(Special Topic: Isaiah (authorship and unity))

B. Phần cụ thể này chỉ đến việc Vua Si-ru phải thực hiện qua sắc lệnh của ông vào năm 538 T.C. để cho phép dân lưu đày trở về những vùng đất quê hương của họ và tái xây dựng lại những đền thờ với sự trợ giúp từ ngân khố của người Ba Tư. Để xem phần trưng dẫn cụ thể về cuộc trở về của người Do Thái, hãy xem Ê-xơ-ra 1:2-4; 6:3-5. Động cơ đầu tiên của Si-ru cho việc này là để tất cả các dân tộc sẽ cầu nguyện với thần của riêng dân tộc họ thay mặt cho Ba Tư và những người kế vị của ông (Ê-xơ-ra 6:10; 7:23).

C. Tôi nghĩ rằng Ê-sai 45:6 thật vô cùng quan trọng. Nó chỉ ra một lần nữa, không chỉ mục đích của việc Đức Chúa Trời lựa chọn Y-sơ-ra-ên, nhưng cả (mục đích của) việc Đức Chúa Trời lựa chọn Si-ru. Đức Chúa Trời lựa chọn Áp-ra-ham để lựa chọn cả thế giới và Ngài đã chọn Si-ru cũng với cùng một mục đích như vậy.

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

D. Chú ý số lần các từ khác nhau dùng cho sự sáng tạo được sử dụng.

1. BDB 427, KB 428 – tạo, dựng, Ê-sai 44:24; 45:7,9 (hai lần), 18 (hai lần)
2. BDB 793, KB 889 – làm, làm ra, Ê-sai 44:24; 45:7,9,11,18
3. BDB 135, KB 153 – tạo nên, Ê-sai 45:7 (hai lần), 8,12,18 (hai lần)

Những sự nhấn mạnh thần học của phần "kỷ nguyên mới" này chính là

1. Duy mình ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tạo dựng nên muôn vật
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hình thành nên Y-sơ-ra-ên
3. Chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA một mình và duy nhất (đức tin độc thần)
4. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chứng minh sự tồn tại của Ngài bằng
   a. Lời tiên tri nói trước về tương lai
   b. Sự tồn tại của Y-sơ-ra-ên

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 44:24-28

[24] Đức Giê-hô-va là Đấng Cứu Chuộc con,
Đấng đã tạo nên con từ trong lòng mẹ, phán thế nầy:
"Ta là Đức Giê-hô-va đã làm nên mọi vật,
Một mình Ta đã giương các tầng trời

Và trải đất ra — Nào có ai ở với Ta? —
[25] Ta là Đấng làm hỏng các điềm dối của kẻ tiên tri giả,
Khiến thầy bói trở nên ngu dại,
Làm cho người khôn ngoan phải thất bại,
Biến tri thức của họ ra dại khờ.
[26] Chúa chứng thực lời của đầy tớ Ngài,
Thực hiện lời của các sứ giả Ngài
Nói về thành Giê-ru-sa-lem rằng: 'Nó sẽ có người ở'
Và về các thành của Giu-đa rằng: 'Nó sẽ được xây dựng lại,
Ta sẽ dựng lại các nơi đổ nát của nó.'
[27] Chúa phán với vực nước sâu rằng: 'Hãy khô đi,
Ta sẽ làm cạn các sông của ngươi.'
[28] Ngài là Đấng đã phán rằng: 'Si-ru là người chăn chiên của Ta,
Người sẽ thực hiện mọi điều Ta muốn;'
Là người nói về Giê-ru-sa-lem rằng: 'Nó sẽ được xây lại,'
Và về đền thờ rằng: 'Nó sẽ được đặt nền móng lại.'"

44:24-28 Đây là một câu trong Hê-bơ-rơ. Nó là một chuỗi của các mệnh đề liên hệ với nhau được dịch trong bản NIV là "ai. . ." Thật đáng chú ý rằng đây là một đơn vị cấu trúc, bởi vì tiêu điểm được tìm thấy ở việc đề cập đến Si-ru bằng tên trong Ê-sai 45:28. Một cách nền tảng, nó là một đơn vị nói về việc "Đức Chúa Trời Đấng có khả năng" trái ngược với các thần tượng không hề có. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA công bố trước những gì sẽ xảy ra để chứng minh sự hiện diện và quyền năng của Ngài (Ê-sai 41:22-23; 44:7,26).

Hãy chú ý danh sách "ai. . ." trong bản NIV (ví dụ, Những PHÂN TỪ *Qal*).

1. Ai đã dựng nên ngươi trong lòng mẹ, Ê-sai 44:24
2. Ai đã tạo nên tất cả mọi điều, Ê-sai 44:24
3. Ai một mình giương lên các tầng trời, Ê-sai 44:24
4. Ai trải ra mặt đất bởi chính mình Ta, Ê-sai 44:24
5. Ai làm cho lầm lạc những dấu lạ của các tiên tri giả dối, Ê-sai 44:25
6. Ai lật đổ những sự học hành của những kẻ khôn ngoan, Ê-sai 44:25
7. ai làm ứng nghiệm những lời của các tôi tớ Ngài, Ê-sai 44:26
8. ai phán với Giê-ru-sa-lem rằng, "ngươi sẽ có dân cư ở tại đó," Ê-sai 44:26
9. Ai phán với những vùng nước sâu rằng, "Hãy khô cạn," Ê-sai 44:27
10. Ai phán với Si-ru rằng, "Nó sẽ là người chăn chiên của ta," Ê-sai 44:28

44:24 Đấng Cứu Chuộc" Đây là từ *Go'el*, vốn có cùng định nghĩa với "giá chuộc" với sự thêm vào ý tưởng của một người bà con gần của người đó như một đại diện cho họ. Nó cũng thường là một danh xưng được dùng cho Đức Chúa Trời; nó cũng sử dụng nghĩa riêng này để bày tỏ về đặc tính của Đức Chúa Trời. Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem)

▣ **" Đấng đã tạo nên con từ trong lòng mẹ"** Câu này đầu tiên chỉ về sự hình thành của dân tộc Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 45:2). Nó được sử dụng cách độc nhất để chỉ về kinh nghiệm của Cuộc Xuất Hành. Khái niệm của sự sinh nở được vay mượn ý nghĩa của khái niệm dân sự của Đức Chúa Trời chính là con cái của Ngài.

▣ **"Ta, Đức Giê-hô-va, là . . ."** Nguyên văn của cụm từ này là, "Ta là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA," vốn là cụm từ khóa của Cựu Ước. Đây là một cách chơi chữ dựa trên danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, có nguồn gốc từ ĐỘNG TỪ "là" (Xuất 3:14). Nó có nghĩa nền tảng là "Ta là Đức Chúa Trời hiện diện đời đời (hằng hữu), hiện diện duy nhất (tự hữu)."

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

▣ **" (Đấng) đã làm nên mọi vật "** Đây là sự nhấn mạnh về Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc về cả hai phương diện (Ê-sai 45:12,18).

▣ **" Một mình Ta đã giương các tầng trời "** Ở đây một lần nữa Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo. Cách dùng từ này cũng được sử dụng trong Ê-sai 40:22; 42:5; 45:12,18; 51:13.Các Tầng Trời và Tầng Trời Thứ Ba

Chủ Đề Đặc Biệt: Các Tầng Trời và Tầng Trời Thứ Ba (Special Topic: The Heavens and the Third Heaven)

NASB	**"tất cả chỉ một mình "**
NKJV, NRSV, Peshitta, *Qere*	**"bởi Chính Mình Ta "**
TEV	**"không có ai giúp đỡ ta "**
NJB	**"ai đã ở với ta?"**
REB	**"một mình"**
JPSOA	**"không có trợ giúp"**

Bản MT chép là "ai đã ở với ta?" vốn song hành với "một mình" (BDB 94 II) trong dòng trước đó. Không có ai đưa lời tư vấn hoặc đề nghị cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khi Ngài tạo dựng nên trái đất (Gióp 38:từ câu 4 trở đi).

44:25 "những điềm. . .những thầy bói. . .những kẻ khôn ngoan" Câu này là một câu làm lộ ra những sự thực hành ma thuật huyền bí của các dân tộc xung quanh, đặc biệt là người Ba-by-lôn. Nó là một sự lầm lạc để rồi từ đó Đức Chúa Trời thảo luận về những tiên tri chân thật của Ngài trong Ê-sai 45:26. Theo nguyên tắc Kinh Thánh, cách phân biệt một tiên tri thật được tìm thấy trong Phục Truyền 13:1-3; 18:22. Những tiên tri giả và tiên tri thật sẽ trở nên trái ngược nhau để bày tỏ ra rằng Đức Chúa Trời mới thật sự là Đức Chúa Trời duy nhất.

Có khả năng rằng "kẻ khoác lác" có thể có nghĩa

1. Kẻ dối trá, kẻ nói điều trống rỗng (BDB 95 III)
2. Thầy bói, từ một từ gốc trong tiếng Akkad (AB, tập 20, trang 72), vốn sẽ khiến cho nó song hành với "tiên tri, đồng cốt" (dòng 2). Chú ý sự tương tự trong những từ Hê-bơ-rơ này.

   #1 בדים với #2 ברים

Sự lẫn lộn phổ biến giữa "r" – "d".

Các tư tế Barim của người Ba-by-lôn vốn rất nổi tiếng với những lời tiên đoán về tương lai của họ (Leupold, trang 133).

▣ **" Biến…ra dại khờ "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những kẻ ngu dốt (Special Topic: Foolish People)

44:26 " chứng thực lời của đầy tớ Ngài " Đức Chúa Trời tể trị trên lịch sử. Sự báo trước những sự kiện tương lai là một cách để chứng minh với toàn thể nhân loại rằng Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa duy nhất, Đức Chúa Trời Đấng Cứu Chuộc (Ê-sai 41:22-23; 45:7,26). Xuyên suốt qua phần của lời tiên tri này của Ê-sai được dùng như là một công cụ để Đức Chúa Trời bày tỏ khả năng của Ngài nghịch lại sự bất khả của những sự thực hành thuật huyền bí để xác định những sự kiện trong tương lai.

Những từ "tôi tớ" (BDB 712) và "sứ giả" (BDB 521) song hành với nhau. Từ đầu ở dạng SỐ ÍT và từ thứ hai ở SỐ NHIỀU.

Nó có thể để chỉ về

1. Tôi Tớ (MT, LXX, Peshitta)
2. Các tiên tri (NEB, REB) hoặc cả hai có thể hiểu là tiên tri? Do vậy, "tôi tớ có thể là một cách để mô tả tất cả các tiên tri."

Câu này có thể là một ngụ ý chỉ đến Ê-sai 2:2-4 hoặc Mi-chê 4:1-4.

▣ **" (Chính ta là Đấng) nói về Giê-ru-sa-lem rằng: 'Nó sẽ được xây lại (nó sẽ có người ở),"** Đây là một lời tiên tri rất cụ thể không chỉ về sự phục hồi của Giê-ru-sa-lem nhưng còn là các thành phố của Giu-đa (Ê-sai 2:2-4; Mi-chê 4:1-3).

44:27 Có rất nhiều cuộc thảo luận về ý nghĩa của câu Kinh Thánh này. Những giả thuyết đó là:

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA kiểm soát các vực nước lớn của sự hỗn độn (Sáng Thế Ký 1; Thi Thiên 74:12-17; Ê-sai 51:10; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Vùng Nước (Special Topic: Waters)).
2. Nó là một sự chỉ đến sự rẽ đôi Biển Đỏ và Sông Giô-đanh và, vì vậy, là một sự chỉ đến cuộc Xuất Hành.
3. Nó chỉ ra rằng Đức Chúa Trời có thể vượt qua bất kỳ rào cản nào và được sử dụng trong ý nghĩa của việc Đức Chúa Trời làm cạn khô hoặc vượt qua Dòng Sông Ơ-phơ-rát (hãy xem Ê-sai 11:15-16) để Si-ru có thể đánh bại Ba-by-lôn.
4. Điều này được sử dụng trong một nghĩa rằng Đức Chúa Trời là Đấng kiểm soát độ ẩm để rồi chứng minh rằng Ngài là Đức Chúa Trời của sự sinh sản (của đất đai, thiên nhiên) chứ không phải Ba-anh.

44:28 " (Chính ta) là Đấng đã phán rằng: 'Si-ru là người chăn chiên của Ta " Si-ru được nhắc đến bởi tên riêng lần thứ nhất trong văn mạch này. Ông cũng được nhắc đến bằng tên trong Ê-sai 45:1. Josephus, trong quyển sách của mình, *Antiquities of the Jews*, 11.1.2, nói rằng truyền thống Do Thái tin rằng những lời tiên tri đã được trình bày cho Si-ru và rằng ông đã cho phép người Do Thái trở về Giu-đa. Chúng ta cũng biết rằng Si-ru cũng đã rất ấn tượng với những lời tiên tri trong 2 Sử Ký 36:22-23.

Chủ Đề Đặc Biệt: Khảo Sát Đế Chế Mê-đô Ba Tư về Sự Dấy Lên của Si-ru II (Special Topic: Medo-Persian Empire Survey of the Rise of Cyrus II)

▣ **"Nó là người chăn chiên của Ta "** Từ này ban đầu nói về một lãnh đạo hoặc một người cầm quyền. Có hai từ vương quyền rất mạnh được sử dụng ở đây, "người chăn chiên" (BDB 944 I) trong Ê-sai 44:28 và "kẻ được xức dầu" (BDB 603) trong Ê-sai 45:1. Cả hai từ đều chỉ ra rằng Đức Chúa Trời sẽ sử dụng Si-ru để hoàn tất những mục đích của Ngài. Điều này không ngụ ý rằng Si-ru đã trở thành một tín đồ (Ê-sai 45:5c), nhưng rằng Đức Chúa Trời sử dụng những công cụ là con người với mục tiêu hoàn thành những mục đích của Ngài (ví dụ, Xuất 3:7-10).

▣ **"Nền của ngươi sẽ được lập lại "** Sự ứng nghiệm của lời tiên tri này, liên hệ với cả thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ, được tìm thấy trong các sách Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi và A-ghê.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:1-7

[1] Đức Giê-hô-va phán về Si-ru, người được xức dầu của Ngài, như thế nầy:
Ta đã nắm lấy tay phải của người,
Để người chinh phục các nước trước mặt mình;
Ta sẽ mở thắt lưng các vua,
Mở các cửa thành trước mặt người
Và khiến các cổng không còn bị đóng kín nữa.
[2] "Chính Ta sẽ đi trước mặt ngươi,
San phẳng các đường gập ghềnh;
Phá vỡ các cửa bằng đồng,
Bẻ gãy then cài bằng sắt.
[3] Ta sẽ ban cho ngươi các kho báu bí ẩn,
Của cải chứa trong những nơi kín đáo,
Để ngươi biết rằng chính Ta là Đức Giê-hô-va,
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,
Đấng đã gọi đích danh ngươi.
[4] Vì Gia-cốp, đầy tớ Ta,
Và vì Y-sơ-ra-ên, người mà Ta đã chọn,
Nên Ta đã gọi đích danh ngươi,
Ta đã ban cho ngươi một tước hiệu, dù ngươi không biết Ta.
[5] Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác,
Ngoài Ta, không có Đức Chúa Trời nào khác.
Dù ngươi không biết Ta,
Ta sẽ thắt lưng ngươi,
[6] Để từ đông sang tây, người ta được biết rằng,
Ngoài Ta, không có Đấng nào khác.
Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác.
[7] Ta là Đấng tạo ra ánh sáng và dựng nên bóng tối,
Làm ra bình an và dựng nên tai họa;
Chính Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng làm mọi điều nầy.

45:1 "được xức dầu" Đây là một danh xưng Cựu Ước được dùng cho một vài đối tượng khác nhau (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Xức Dầu Trong Kinh Thánh (Special Topic: Anointing in the Bible)).

1. Dùng cho Vua Sau-lơ, 1 Sa-mu-ên 12:3; 24:6

2. Dung cho dân sự của Đức Chúa Trời, Ha-ba-cúc 3:13
3. Dùng cho các Tổ Phụ, Thi Thiên 105:15
4. Dùng cho các thầy tế lễ, Lê-vi Ký 4:3,5,16
5. Dùng cho "Đấng Sẽ Đến," Đa-ni-ên 9:25; Thi Thiên 2:2

Nó được sử dụng như là một danh xưng Mê-si được phát triển trong thời kỳ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước. Từ "Đấng Mê-si" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si (Special Topic: Messiah)) đến từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ "Đấng Được Xức Dầu." Si-ru được gọi bằng danh xưng này để chỉ ra sự tuyển chọn trong Cựu Ước trước tiên cho sự phục vụ, chứ không phải sự cứu rỗi.

▣ **"bởi tay phải của người"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tay (Special Topic: Hand).

▣ **" mở thắt lưng các vua "** Câu này chỉ về sự tháo lỏng khăn thắt lưng, vốn cũng ngụ ý về trang phục của một người nam bị trượt xuống tự do làm cho di chuyển trở nên khó khăn, hoặc là khăn thắt lưng có thể giữ các vũ khí, và vì vậy, chúng sẽ rơi xuống đất (Ê-sai 45:5).

45:2

NASB	**"những chỗ cong quẹo bằng phẳng "**
NKJV	**"bằng phẳng những chỗ quanh co "**
NRSV, TEV, LXX	**"san bằng các núi "**
NJB	**"mở các cổng"**
REB, Peshitta	**"san bằng những ngọn đồi nhô lên"**
JPSOA	**"san bằng những ngọn đồi to lớn "**

Bản NRSV theo nguyên văn (Ê-sai 49:11). Nó cũng được thấy trong bản DSS và LXX. Có thể là một ẩn dụ của những nan đề và sự sợ hãi (Ê-sai 40:4; 41:15; 42:15).

▣ **" Phá vỡ các cửa bằng đồng, bẻ gãy then cài bằng sắt"** Tất cả đều là những ẩn dụ để chỉ ra rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến cho Si-ru thành công trong cuộc chinh phục những thành phố được bao bọc bằng tường thành kiên cố của Mê-sô-bô-ta-mi và Palestine. Thật thú vị rằng nhà sử gia, Herodotus, 1:179, đề cập rằng thành Ba-by-lôn có hơn 100 cổng bằng đồng.

45:3 " các kho báu bí ẩn " Những của cải bí mật của các đế chế của Khu Vực Mê-sô-bô-ta-mi và Cận Đông.

45:4 " Vì Gia-cốp, đầy tớ Ta,
Và vì Y-sơ-ra-ên, người mà Ta đã chọn " Ở đây chúng ta có hai lý do đầu tiên vì sao Đức Chúa Trời lại sử dụng Si-ru:

1. Sự phục hồi của tuyển dân được lựa chọn của Ngài
2. Ngài muốn dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên ánh sáng cho thế gian, Ê-sai 45:6.

Y-sơ-ra-ên đã không phải là ánh sáng vì vậy Đức Chúa Trời đã sử dụng Si-ru (Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

▣ **" Dù ngươi không biết Ta "** Đức Chúa Trời sử dụng Si-ru ngay cả khi ông không biết Ngài. Có một sự chơi chữ trên từ "biết" trong Ê-sai 45:4,5,6. Trong từ Hê-bơ-rơ "biết" nói về một mối liên hệ mật thiết cách cá nhân (Sáng Thế Ký 4:1), chứ không chỉ là kiến thức dựa trên sự hiểu biết. Không có sự xứng đáng về phía của Si-ru rằng Đức Chúa Trời nên chọn ông, nhưng Đức Chúa Trời sử dụng ông cho những mục đích thiên thượng của Ngài.

Chủ Đề Đặc Biệt: Biết (được sử dụng chủ yếu trong sách Phục Truyền như một hình mẫu) (Special Topic: Know (using mostly Deuteronomy as a paradigm))

45:5 " Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác " Đây là một sự khẳng định của đức tin độc thần (Ê-sai 44:24; 45:6-7,14,18,21,22.)

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ và Ma Quỷ (Special Topic: Angels and Demons)

▣ **" Ngoài Ta, không có Đức Chúa Trời nào khác "** Đây là một cách khác để chỉ về niềm tin độc thần (Ê-sai 44:6,8; 43:11).

▣ **" Ta sẽ thắt lưng ngươi "** Từ này có nghĩa là "trang bị vũ khí cho ngươi." Những vũ khí được đeo nơi thắt lưng (Ê-sai 45:1). Câu này trái ngược với Ê-sai 45:1d.

45:6 " Để từ đông sang tây, người ta được biết rằng,
Ngoài Ta, không có Đấng nào khác"

Ở đây một lần nữa là một lời tiên tri đáng kinh ngạc rằng Đức Chúa Trời đã chọn Si-ru với cùng một mục đích khi Ngài chọn Y-sơ-ra-ên, vốn để bày tỏ Chính Mình Ngài cho cả thế giới để rồi cả thế giới sẽ đến để biết Ngài.

45:7 Câu này gây rất nhiều sự khiếp đảm giữa các nhà giải kinh bởi vì nó có vẻ khiến Đức Chúa Trời trở nên Đấng tạo nên điều ác (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Làm Cứng Lòng (Special Topic: God Hardened). Căn bản, những gì được thấy ở đây là một sự chối bỏ của một thuyết nhị nguyên trong vũ trụ. Điều này có thể phản ánh sự ảnh hưởng Ba Tư của Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism), nhưng chúng ta không chắc về mối quan hệ của Vua Si-ru với thuyết nhị nguyên đã phát triển này. Câu này căn bản nói rằng chỉ có một nhân quả duy nhất trong vũ trụ (2 Sử Ký 20:6; Truyền Đạo 7:14; Ê-sai 14:24-27; 43:13; 45:7; 54:16; Giê-rê-mi/ 18:11; Ca Thương 3:33-35; A-mốt 3:6b). Đức Chúa Trời tể trị trên tất cả mọi sự. Ngài sử dụng những sự xấu xa cho mục đích của Ngài! Đây là một cách khác để khẳng định đức tin độc thần (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)).

Câu 7 là một chuỗi những *Qal* PHÂN TỪ liên hệ với những hoạt động sáng tạo của Đức Chúa Trời được đặt theo những cặp tương phản.

1. Dựng nên – BDB 427, KB 428
2. Tạo nên – BDB 135, KB 153
3. Gây ra– BDB 793, KB 889
4. Tạo nên – BDB 135, KB 153
5. Làm nên – BDB 793, KB 889

Hãy cẩn thận khi rút một câu ra khỏi văn mạch thơ ca và sử dụng nó làm nền tảng cho một thông điệp giáo lý. Thể loại và văn mạch là quan trọng thiết yếu trong việc giải nghĩa Kinh Thánh cách thích đáng!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:8

[8] Hỡi các tầng trời, từ trên cao hãy tuôn sương móc,
Hãy để mây đổ mưa công chính xuống;
Đất hãy mở ra để sinh bông trái cứu rỗi,
Đồng thời sự công chính cũng nẩy mầm.
Ta là Đức Giê-hô-va, chính Ta đã dựng nên điều đó."

45:8 Vị tiên tri đang sử dụng sự khủng hoảng của thời đại của ông để báo trước về một vương quốc tương lai của Đức Chúa Trời. Trong văn mạch, câu này bị ảnh hưởng bởi Ê-sai 45:6, vốn có nghĩa rằng đây là một tương lại lý tưởng khi mà tất cả nhân loại sẽ biết và thờ phượng Đức Chúa Trời, vốn là mục đích của thế giới tạo vật nguyên thủy ban đầu (Sáng Thế Ký 3:8).

▣ Câu 8 là một chuỗi những mạng lệnh (những lời cầu nguyện) trực tiếp đến với trật tự được thiết lập nên bởi Đức Chúa Trời.

1. Giọt xuống– BDB 950, KB 1271, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
2. Đổ – BDB 633, KB 683, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
3. Mở – BDB 834, KB 986, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
4. Sinh bông trái– BDB 826, KB 963, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

5. Nảy mầm– BDB 855, KB 1033, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA kết thúc đoạn văn/ câu với thông điệp tóm lại của Ngài về quyền năng sáng tạo của Ngài (BDB 135, KB 153, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)! Sự nhấn mạnh vào thông điệp Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo dẫn nhập vào phần còn lại của cả đoạn Kinh Thánh (đặc biệt là Ê-sai 45:18). Cũng như việc Ngài đã dựng nên trái đất, thì cũng vậy, đối với Y-sơ-ra-ên. Cả Tạo Hóa có một mục đích liên hệ với nhau.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:9-10

[9] Khốn cho kẻ tranh cãi với Đấng tạo nên mình!
Nó chỉ là một bình trong các bình bằng đất!
Đất sét có thể nào hỏi thợ gốm, là người nặn ra nó rằng:
"Ông đang nặn ra hình gì?"
Hoặc nói: "Sản phẩm tay ông làm ra không được khéo"?
[10] Khốn cho kẻ dám hỏi cha mình: "Ông sinh ra cái gì?"
Hoặc hỏi mẹ: "Bà mang nặng đẻ đau làm gì?"

45:9 " Khốn cho kẻ tranh cãi với Đấng tạo nên mình —" Chúng ta đã xem một vài sự ngụ ý chỉ về một bối cảnh văn học kiểu mẫu phiên tòa trong Ê-sai 40-45. Giờ đây "khốn thay" nhận diện một kiểu mẫu văn học tiên tri khác, "bài ai ca đám tang." Nó đã là một lời cảnh cáo "huyệt mộ" dành cho những người (Người Do Thái hay Dân Ngoại) là những kẻ đã chất vấn ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Trong văn mạch, khổ thơ này có thể chỉ về một cảm giác kinh ngạc của Người Do Thái về việc bao gộp của Người Ngoại!

Điều này chỉ về sự hiện diện của những người Do Thái phản ứng cách tiêu cực đối với cách thực hiện sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời (Ê-sai 45:11). Họ đã nổi giận rằng Đức Chúa Trời đã sử dụng một kẻ cai trị không tin kính như Si-ru (Ê-sai 45:13). Điều này rất giống với những suy nghĩ ngờ vực của tiên tri Ha-ba-cúc về việc Đức Chúa Trời sử dụng Ba-by-lôn.

▣ **" Đất sét có thể nào hỏi thợ gốm "** Ý tưởng con người như đất sét và Đức Chúa Trời là thợ gốm rất phổ biến trong Kinh Thánh, có lẽ bởi vì

1. Con người được dựng nên từ bụi và đất sét và sẽ trở lại là bụi đất (Sáng Thế Ký 2:7; 3:19; Ê-sai 29:16; Giê-rê-mi 18:1; Rô-ma 9:20-21)
2. nó làm nổi bật sự tự do của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể làm bất kỳ điều gì theo mục đích và ý muốn của Ngài đối với tạo vật của Ngài

NASB, NKJV	**"Ông ta không có tay "**
NRSV, JPSOA	**"Công trình của ông không dùng được "**
REV, REB	**"ông không có kỹ năng "**
NJB	**"công trình của ông không có tay "**
Peshitta	**"tôi không phải là công việc của tay ông"**
NAB	**"cái ông đang làm không có tay "**
LXX	**"con người không có tay "**

Câu này có thể có nghĩa là

1. Những hình tượng không có tay
2. Người thợ không có kỹ năng
3. Chiếc bình không có tay

Đây là cơ hội tốt để nhận ra sự mơ hồ và từ đó nhìn vào những dòng khác của Ê-sai 45:9 và Ê-sai 45:10 để biết một ý nghĩa văn mạch chung. Rằng dù thứ gì được tạo ra cũng không có quyền được chất vấn người tạo ra nó!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:11-13

[11] Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
Là Đấng đã làm ra Y-sơ-ra-ên, phán thế nầy:
"Hãy hỏi Ta về những việc sẽ đến;
Hãy bảo Ta về các con cái Ta
Và về công việc của tay Ta.
[12] Chính Ta đã làm ra quả đất,
Và sáng tạo loài người trên đó.

Chính tay Ta đã giương các tầng trời ra,
Và truyền lệnh cho các thiên thể.
[13] Chính Ta đã khiến người nầy nổi lên trong sự công chính,
Và làm cho mọi đường lối người bằng phẳng.
Người sẽ xây dựng lại thành của Ta,
Và phóng thích kẻ bị lưu đày của Ta
Mà không đòi giá chuộc, cũng không cần quà cáp,"
Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

45:11 Câu này bắt đầu với một vài Danh Xưng Đức Chúa Trời.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).)
2. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One))
3. Đấng Dựng Nên Y-sơ-ra-ên (BDB 427, KB 428, *Qal* PHÂN TỪ)

Nó sau đó tiếp theo sự nhấn mạnh vào ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là Đấng báo trước về những sự kiện tương lai (ví dụ, cuộc chinh phục của Si-ru).
The UBS Text Project (trang 125) đề nghị, "hãy hỏi Ta về những gì sẽ xảy ra, (nhưng) cũng như những con trai Ta và công việc của tay ta, hãy để Ta lo liệu chúng!"
45:12 " Và truyền lệnh cho các thiên thể " Ở đây một lần nữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang phóng lớn vị trí độc nhất của Ngài là Đấng Tạo Dựng nên trời và đất. Người Ba-by-lôn thờ phượng các ngôi sao và các hành tinh. Đây là một thông điệp mạnh mẽ rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã ra lệnh (BDB 845, KB 1010, *Piel* NHỮNG THỂ HOÀN THÀNH) cho các cơ binh (thiên thể) (Ê-sai 40:26). Điều này nhấn mạnh rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng sáng tạo và điều khiển các thực thể trên bầu trời (ví dụ, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, các hành tinh, sao chổi) thực hiện chức năng của chúng giống như trong Sáng Thế Ký 1 trong việc bày tỏ sự ngu ngốc của sự thờ phượng các thiên thể (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Giê-hô-va vạn quân (Special Topic: Lord of Hosts)).

Trong Ê-sai 24:21-22 từ "cơ binh" được sử dụng cho các thế lực thiên sứ đứng phía sau các dân tộc (bản LXX của Phục Truyền 32:8 và Đa-ni-ên 10). Dù cho chúng là các thiên sứ hoặc các hành tinh, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cũng vẫn đang kiểm soát tất cả các thần nhỏ hơn trong vũ trụ được gọi là *elohim*.
Không có bất cứ Đức Chúa Trời nào khác ngoài ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng vẫn có các thế lực thuộc linh.

Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ và Ma Quỷ (Special Topic: Angels and Demons)

45:13 " Chính Ta đã khiến người nầy nổi lên trong sự công chính " Bản NIV dịch từ "người" là Si-ru. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dấy lên Si-ru để thực hiện ý định của Ngài. Điều này chỉ về

1. Những cuộc chinh phục nhanh chóng và hoàn toàn bởi Si-ru
2. Sắc lệnh của Si-ru cho phép tất cả các nhóm dân tộc lưu đày được về quê hương và xây dựng lại những đền thờ của dân tộc họ.
   Sắc lệnh này được ban ra vào năm 538 T.C., một năm sau sự sụp đổ của Ba-by-lôn.

▣ **"Thành của ta"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hai "Thành" trong Ê-sai (Special Topic: The Two "Cities" of Isaiah)

▣ **" Mà không đòi giá chuộc, cũng không cần quà cáp "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ ban cho Si-ru II chiến thắng và ông sẽ đáp lại bằng cách cho phép Y-sơ-ra-ên trở về Giu-đa mà không cần của hối lộ hoặc trả giá (TEV).
The Jewish Study Bible (trang 876) cho rằng Ê-sai 45:14 chỉ về phần thưởng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ban cho Si-ru.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:14-17
[14] Đức Giê-hô-va phán thế nầy:
"Tài sản của Ai Cập, nguồn lợi của Cút
Và người Sa-bê, người có vóc dáng cao lớn,
Đều sẽ về tay ngươi và thuộc về ngươi;
Họ sẽ bước theo ngươi, mang xiềng mà đến,
Họ sẽ quỵ lụy trước mặt ngươi, nài nỉ và nói:

'Thật, Đức Chúa Trời ở với ông;
Ngoài Ngài, không có Đấng nào khác,
Không có Đức Chúa Trời nào khác!'"
[15] Lạy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Cứu Chúa,
Ngài thật là Đức Chúa Trời ẩn mình!
[16] Tất cả những người làm hình tượng phải bị xấu hổ, sỉ nhục;
Họ cùng nhau rút lui trong sự hổ thẹn.
[17] Còn Y-sơ-ra-ên được Đức Giê-hô-va giải cứu,
Với sự cứu rỗi đời đời;
Cho đến đời đời vô cùng,
Các ngươi không còn bị xấu hổ, sỉ nhục nữa!

45:14 Không rõ Ê-sai 45:14-17 có bao gồm một đơn vị văn học hay không. Rõ ràng Ê-sai 45:15-17 chỉ về Y-sơ-ra-ên. Có lẽ rằng Ê-sai 45:14 có thể chỉ đến Ba Tư (Ê-sai 43:3) chứ không phải Giu-đa. Tuy vậy, những quốc gia cùng nhau được trao như của chuộc cho dân sự của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 43:3. Tất cả thế giới đã phải đến với Đức Chúa Trời trong Ê-sai 45:20-22. Vì vậy, Giu-đa có thể là đối tượng trong Ê-sai 45:14. Điều này rất giống với những lời tiên tri tương tự dành cho các quốc gia sẽ hướng về Si-ôn được phục hồi (Ê-sai 2:2-4; 60:từ câu 1 trở đi; Thi Thiên 72:8-11).

Dòng tổng kết lại của Ê-sai 45:14, "Chẳng có Đức Chúa Trời nào khác," dẫn đến với Ê-sai 45:16 (ví dụ, "họ"). Cả các thần tượng và kẻ thờ phượng chúng đều bị

1. Xấu hổ – BDB 101, KB 116, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
2. Sỉ nhục – BDB 487, KB 480, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH

Nhưng Y-sơ-ra-ên thì không (Ê-sai 45:17)!

NASB, NKJV, Peshitta	**"những người tầm vóc"**
NRSV, NJB	**"tầm vóc cao lớn"**
TEV	**"những người cao lớn"**
REB, JPSOA footnote	**"mang của cống nạp"**
JPSOA	**"tay chân rất dài"**
LXX	**"những kẻ cao ngạo"**

Bản MT "những kẻ tầm vóc." JPSOA footnote đề cập đến Ê-xơ-ra 4:20; 8:6; và Nê-hê-mi 5:4 như những bằng chứng lịch sử chứng thực cho sự hiệu đính.

1. "những người nam của" – אבשי (BDB 60)
2. "của cống nạp" – רכשׁא (NIDOTTE, tập 1, trang 552)

Lựa chọn #2 phù hợp với văn mạch nhất, nhưng không có bất kỳ ví dụ theo từ ngữ nào.

45:15 Chú ý những danh xưng được dùng cho Đức Chúa Trời

1. Đức Chúa Trời (*El,* BDB 42)
2. (*Elh,* BDB 43) của Y-sơ-ra-ên
3. Đấng Cứu Rỗi (BDB 446)

Đấng Cứu Rỗi Y-sơ-ra-ên đã giấu chính mình khỏi dân sự của Ngài trong một thời gian bởi vì tội lỗi và sự phản nghịch của họ (Ê-sai 1:15; 8:17; 54:8; 57:17; Thi Thiên 44:24; 88:14, và cũng hãy chú ý Giốp 13:24). Nhưng giai đoạn của sự đoán phạt này đã trôi qua (Ê-sai 40:2) và giờ đây sự trở về và phục hồi đã được bắt đầu qua Si-ru.

The AB, tập 20, trang 82, đề nghị rằng sự ẩn giấu là bởi vì Y-sơ-ra-ên đã là một dân tộc quá nhỏ bé và không quan trọng trong thời gian này.

45:16 Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 45:14. Câu 16 là một sự song hành thần học với Ê-sai 44:11.

▣ **"phải bị xấu hổ"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame).

45:17 Đây là một lời hứa tuyệt diệu nhưng người đọc cần phải nhớ rằng nó là điều kiện trên sự vâng lời giao ước của Y-sơ-ra-ên. Chỉ đọc điều này và quên đi rằng Y-sơ-ra-ên đã lại bị đánh bại và tiêu diệt bởi cả Hy Lạp và Rô-ma chỉ ra giới hạn của việc dò văn bản.

Nan đề không phải nơi tình yêu và những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng bởi Y-sơ-ra-ên không có khả năng giữ mạng lệnh Ngài.

Những từ Hê-bơ-rơ "đời đời" (BDB 761) và "mãi mãi" (BDB 761) từ cùng một gốc từ Hê-bơ-rơ có một phạm vi rất rộng về ngữ nghĩa (trường nghĩa).

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời (*'olam*) (Special Topic: Forever (*'olam*))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:18-19

[18] Vì Đức Giê-hô-va là Đấng đã sáng tạo các tầng trời,
Là Đức Chúa Trời đã tạo nên quả đất,
Ngài làm ra và lập vững nó,
Chẳng phải sáng tạo để bỏ hoang
Nhưng làm nên để con người ở.
Đấng ấy phán thế nầy:
"Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác!
[19] Ta không nói một cách bí ẩn,
Chẳng phán trong vùng đất tối tăm.
Ta chẳng từng phán với dòng dõi Gia-cốp rằng:
'Các ngươi tìm Ta là vô ích' sao?
Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng phán điều công chính,
Truyền dạy điều chân thật."

45:18 " Ngài làm ra và lập vững nó, chẳng phải sáng tạo để bỏ hoang " Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Sáng Thế Ký 1:2. Nó có thể được dịch là "không có hình dạng" (BDB 1062). Đức Chúa Trời luôn luôn có một mục tiêu cho sự sáng tạo. Mục tiêu đó là nó sẽ có người ở.Có một sự phát triển trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Điều này không chứng minh những sự hủy diệt ở giữa Sáng Thế Ký 1:1 và 1:2 (ví dụ, Thuyết Khoảng Cách). Hãy xem ghi chú đầy đủ trực tuyến về Sáng Thế Ký 1:1-2.

▣ **"Nhưng làm nên để con người ở"** Câu này được sử dụng bởi các ra-bi Do Thái để nhấn mạnh rằng tất cả mọi người đều nên lập gia đình (Sáng Thế Ký 1:28; 9:1,7).

45:19 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã khẳng định hết lần này đến lần khác trong phần này của Ê-sai rằng Ngài là Đức Chúa Trời Đấng nghe và Hành động, là Đấng biết về tương lai và định ra các giai đoạn của nó! Sự khẳng định thần học này là một bằng chứng trước tiên cho sự thực hữu của Ngài! Bằng chứng khác là sự tồn tại của Y-sơ-ra-ên và sự trở về của họ trên Đất Hứa.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 45:20-25

[20] Hỡi những người lánh nạn của các nước,
Hãy tập hợp lại và đến, hãy cùng nhau đến gần!
Những kẻ khiêng tượng gỗ,
Khấn vái với thần không cứu được ai,
Thật chúng không hiểu biết gì cả!
[21] Vậy hãy loan báo, và hãy bảo chúng đến gần;
Hãy bàn luận với nhau!
Ai đã nói cho biết điều nầy từ trước?
Ai đã tiên báo từ nghìn xưa?
Chẳng phải chính Ta là Đức Giê-hô-va sao?
Ngoài Ta, chẳng có Đức Chúa Trời nào khác,
Là Đức Chúa Trời công chính và là Cứu Chúa;
Ngoài Ta, không có Đấng nào khác.
[22] Hỡi tất cả những ai ở các nơi tận cùng cõi đất,

Hãy quay về với Ta và được cứu rỗi!
Vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác.
[23] Ta đã nhân danh chính Ta mà thề,
Lời công chính ra từ miệng Ta
Sẽ không bao giờ trở lại;
Mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ta,
Và mọi lưỡi sẽ nhân danh Ta mà thề.
[24] Người ta sẽ nói về Ta rằng:
"Chỉ ở trong Đức Giê-hô-va mới có sự công chính và sức mạnh;"
Và người ta sẽ đến với Ngài.
Mọi kẻ nổi giận cùng Ngài sẽ bị hổ thẹn.
[25] Nhưng trong Đức Giê-hô-va, tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên
Sẽ được xưng công chính và được vinh quang.

45:20 " Hỡi những người lánh nạn của các nước,
Hãy tập hợp lại và đến, hãy cùng nhau đến gần!
Thật chúng không hiểu biết gì cả!"

Một số người cho rằng câu này chỉ về những người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, tản lạc quay trở về quê hương (ví dụ,"ngươi những người lánh nạn của các nước," cũng hãy chú ý Ê-sai 45:25), trong khi những người khác tin rằng đây là một lời mời gọi chung dành cho các Dân Ngoại, cũng như Ê-sai 45:6,22,23 (Rô-ma 14:11; Phi-líp 2:10). Cả hai đều có khả năng trong văn mạch trên

Có một chuỗi những mạng lệnh trong Ê-sai 45:20-22 liên hệ với cách làm thế nào để con người có thể tiếp cận đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và đáp ứng mới sự mời gọi của sự sẵn sàng

1. Hãy tập họp– BDB 867, KB 1062, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 45:20
2. Hãy đến – BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 45:20
3. Hãy tiến lại gần – BDB 620, KB 670, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 45:20
4. Hãy quay lại với Ta – BDB 815, KB 937, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 45:22
5. hãy được cứu – BDB 446, KB 448, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 45:22

Tân Ước dùng Ê-sai 45:23 trong hai sự trích dẫn đến chỉ về toàn bộ nhân loại (Rô-ma 14:11 và đặc biệt là Phi-líp 2:10)! Thật là một lời mời gọi tuyệt vời và là sự ứng nghiệm của Sáng Thế Ký 3:15 và 12:3.

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan))

▣ **" Những kẻ khiêng tượng gỗ "** Câu này kêu gọi các dân tộc hãy chối bỏ những thần tượng không thể hành động của họ, và đến với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên Đấng có thể hành đồng và Đấng sẽ giải cứu họ.

45:21 Đây là hình ảnh của cảnh tượng một phiên tòa. Nó báo trước

1. Si-ru và sự thành công của ông
2. Sự trở về của Y-sơ-ra-ên như một công cụ truyền giáo để mang cả thế giới đến với Đức Chúa Trời

Ở đây, Đức Chúa Trời được gọi là "Đấng Cứu Rỗi" và trong văn mạch ngụ ý không chỉ cho riêng người Do Thái nhưng toàn bộ thế giới (Ê-sai 45:22). Sự ngụ ý rõ ràng của một đức tin độc thần (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-sai 40:14) rằng Đức Chúa Trời Duy Nhất yêu thương toàn bộ nhân loại đã được tạo dựng lên trong hình ảnh của Ngài (Sáng Thế Ký 1:26-27).

45:22 "Hãy trở lại với ta" Đây là từ Hê-bơ-rơ được dùng cho sự thờ phượng (BDB 815, KB 937). Cũng như dân sự quay trở lại với Đức Chúa Trời họ lìa bỏ sự thờ hình tượng và tội lỗi (Ê-sai 55:7).

Con người có một sự lựa chọn Họ có thể trở lại với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và được cứu hoặc xoay sang các hình tượng (Lê-vi Ký 19:4,31; 20:6; Phục Truyền 31:18,20) và không có bất cứ sự hy vọng nào!

▣ **" Hỡi tất cả những ai ở các nơi tận cùng cõi đất….và được cứu rỗi "** Đây là sự chỉ đến một sự cứu chuộc toàn cầu được mời gọi dành cho toàn bộ nhân loại là những ai ăn năn và tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì không có bất kỳ Đức Chúa Trời nào khác (Ê-sai 45:21). Lời mời gọi toàn cầu này thật sự là đặc điểm của Ê-sai (

Ê-sai 2:2-4; 12:4-5; 25:6-9; 42:6-12; 49:5-6; 51:4-5; 60:1-3; 66:23). Từ này có thể được dịch là "cứu chính họ" (*Niphal* THỂ MỆNH LỆNH), vốn là một sự chơi chữ trên Sáng Thế Ký 12:3.

45:23 " Ta đã nhân danh chính Ta mà thề " Không có một lời thề nào có thể cao hơn!

▣ **" Lời công chính ra từ miệng Ta**
Sẽ không bao giờ trở lại "

Đây là niềm tin từ cổ xưa vào quyền năng của lời nói (Sáng Thế Ký 1; Ê-sai 24:3; 25:8; 40:8; 55:10-11). Đức Chúa Trời đã phán; Ngài muốn cả thế giới được cứu rỗi (ví dụ, Giăng 3:16)!

▣ **" Mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ta,Và mọi lưỡi sẽ nhân danh Ta mà thề "** Câu này được sử dụng trong văn mạch về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Tuy vậy, trong Phil. 2:10 nó được sử dụng cho mọi tạo vật có lý trí sẽ xưng nhận Đức Chúa Jesus Christ là Chúa. Văn mạch một lần nữa lại chỉ ra rằng Đức Chúa Trời muốn cả thế giới đến với Ngài và sau này sự mặc khải sẽ bày tỏ đó chính là bởi Đấng Mê-si của Ngài, Đức Chúa Jesus Christ, rằng sự mời gọi toàn cầu này đã được hoàn tất (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21).

Vấn đề thần học này rất rõ ràng. Nếu Tân Ước là sự mặc khải, thì những lời hứa Cựu Ước dành cho dân Y-sơ-ra-ên đã được mở rộng.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tại sao những Lời Hứa Giao Ước trong Cựu Ước lại quá khác biệt với Những Lời Hứa Giao Ước Trong Tân Ước? (Special Topic: Why are OT Covenant Promises so Different from NT Covenant Promises?)

45:24

NASB, NRSV	**"sẽ đến với Người"**
NKJV	**"những Người Nam sẽ đến với Người "**
TEV	**"tất cả những kẻ ghét ta "**
NJB	**"những kẻ đã từng nổi thịnh nộ trên người"**
REB	**"tất cả những kẻ bất chấp, coi thường người "**
NET	**"tất cả những kẻ giận dữ với người "**
JPSOA	**"hãy tin cậy nơi người "**

Bản MT chép là "sẽ đến và bị xấu hổ" (Hai *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH). Câu hỏi là, cụm từ "sẽ đến với Người" chỉ về ai?

1. Những kẻ nhìn nhận ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 23d, JPSOA)
2. Những kẻ giận dữ (câu 24c, TEV, NJB, NET, REB)

▣ **" Mọi kẻ nổi giận cùng Ngài sẽ bị hổ thẹn "** Câu này chỉ ra rằng một ngày tất cả các dân tộc, dù họ có tin nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hay không, cũng đều nhìn nhận Ngài là Chúa (Phi-líp 2). Một số người đã nhìn nhận Ngài trước kia và được cứu, nhưng một số người sẽ chỉ nhìn nhận Ngài ngay trước sự đoán phạt và phân rẽ (Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải Huyền 20:11-15). Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê những đặc tính của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong Ê-sai 44:24-28. (có chín mệnh đề liên hệ với những đặc tính này)
2. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn Si-ru?
3. Sự quan trọng của từ Hê-bơ-rơ "biết" (Ê-sai 45:4-6) là gì?
4. Tại sao Ê-sai 45:6 lại cực kỳ quan trọng?
5. Liệt kê số lần và những cách khác nhau mà giáo lý về niềm tin độc thần được nhắc đến trong đoạn này.
6. Ê-sai 45:8 chỉ đến những người lưu đày trở về hay vương quốc của Đấng Mê-si? Tại sao?

7. Tầm quan trọng của Ê-sai 45:22 là gì?
8. Ê-sai 45:23 được sử dụng trong Tân Ước như thế nào và điều gì quan trọng trong câu đó cho cả đoạn văn?

Ê-SAI 46

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Hình Tượng Ba-by-lôn và Đức Chúa Trời Chân Thật	Những Hình Tượng Chết và Đức Chúa Trời Hằng Sống	Đức Giê-hô-va Trợ Giúp Y-sơ-ra-ên	Chúa của Thế Giới và Các Hình Tượng của Ba-by-lôn (45:20-46:13)	Sự Sụp Đổ của Ba-by-lôn
46:1-2 (1-2)	46:1-2 (1-2)	46:1-2 (1-2)	46:1-2 (1-2)	46:1-13 (1-13)
46:3-4 (3-4)	46:3-4 (3-4)	46:3-4 (3-4)	46:3-4 (3-4)	
46:5-7 (5-7)	46:5-7 (5-7)	46:5-7 (5-7)	46:5-7 (5-7)	
46:8-11 (8-11)	46:8-11 (8-11)	46:8-11 (8-11)	46:8-11 (8-11)	
46:12-13 (12-13)	46:12-13 (12-13)	46:12-13 (12-13)	46:12-13 (12-13)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Leupold, trong tập giải kinh sách Ê-sai của ông, trang 147, đã gợi nhắc với tôi rằng
   1. trong Ê-sai 14 vương quốc Ba-by-lôn bị đoán phạt
   2. trong Ê-sai 46 các hình tượng của Ba-by-lôn bị đoán phạt
   3. trong Ê-sai 47 dân tộc (Ba-by-lôn), được nhân hóa như một nữ vương, bị đoán phạt

B. Ba-by-lôn, trong Kinh Thánh, trong một ẩn dụ cho tất cả xã hội được thiết lập của con người và hoạt động xa cách khỏi Đức Chúa Trời. Nỗ lực của con người cố gắng để đạt được nhu cầu của họ bằng những nguồn lực của chính mình. Ba-by-lôn được nhân hóa như là đại kỹ nữ trong Khải Huyền 18.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 46:1-2

[1] Thần Bên gục xuống, thần Nê-bô ngã quỵ,

Tượng của chúng phải chở trên loài thú và súc vật.
Những tượng các ngươi thường khiêng
Trở thành gánh nặng đè trên những con vật mệt nhọc.
[2] Chúng cùng ngã quỵ và gục xuống,
Không thể cứu gánh nặng trên lưng,
Và chính chúng cũng bị lưu đày.

46:1 "Bên" *Bel* (BDB128, KB 132, từ trong tiếng được dùng cho "chúa tể") là một danh xưng tương tự với danh xưng trong tiếng Ca-na-an *Ba'al* (Ba-anh). Đây là một sự chỉ đến vì thần chính trong hệ thống bách thần của người Akkad (*Enlil*, kẻ được gọi là "chúa tể"). Khi Ba-by-lôn trở thành một thế lực, vị thần chính của họ đã được đổi tên thành Ma-đốc (*Marduk*) (BDB 597, Giê-rê-mi 50:2).

▣ **"Nê-bô"** Đây là con trai của thần Ma-đốc (*Marduk)* (được gọi tên duy nhất ở đây trong Cựu Ước) và là vị thần của sự học thức và ghi chép (BDB 612).
Bên và Nê-bô có thể thấy giữa nhiều danh xưng Ba-by-lôn của giai đoạn này (Nê-bu-cát-nết-xa [Đa-ni-ên 1:1]; Nê-bu-xa-a-đan [Giê-rê-mi 39:13]; Nê-bu-xa-a-đan [Giê-rê-mi 39:9]; Nabopolassar [vị vua đầu tiên của Neo-Ba-by-lôn, và cũng là cha của Nê-bu-cát-nết-xa]; Nabonidus [cha của vua Bên-xát-xa, vị vua cuối cùng của Neo-Ba-by-lôn]; Bên-tơ-xát-xa [Đa-ni-ên 1:7]; Bên-xát-xa [Đa-ni-ên 5:1]). Đây đã là hai vị thần chính của hệ thống bách thần của người Ba-by-lôn.

▣ **"gục xuống. . .ngã quỵ"** Đây là một sự chơi chữ trên khái niệm "hạ mình" (BDB 505, KB 499). Nó liên hệ với 45:23, khi các thần của Ba-by-lôn quỳ xuống trước ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Đấng Tạo Hóa.

▣ **"ngươi thường khiêng . . .đè. . .gánh nặng"** Đây là một sự chơi chữ của từ "khiêng (mang)" trong Ê-sai 46:1-2 và 3-4. Trước tiên các tượng thần của Ba-by-lôn phải bị thồ cách nặng nhọc trên những con vật để cố gắng trốn thoát khỏi người Ba Tư hoặc trong những cuộc diễu hành tôn giáo trên đường ở những thành phố lớn. Đức Chúa Trời bồng ẵm (mang) các con cái của Ngài, cả trong một cách ẩn dụ trong lòng mẹ và sau này, suốt cả cuộc đời của họ (Ê-sai 46:4). Các thần của người Ba-by-lôn thật sự là không thể có khả năng để nghe, nghề hành động, trong sự trái ngược với sự chăm sóc, chu cấp và những hành động ân điển của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và với những điều đó, các thần tượng thật sự tương phản với Ê-sai 46:1-4.

46:2 "Và chính chúng cũng bị lưu đày" Ở đây, những thần tượng Ba-by-lôn này được nhân hóa như chúng cũng đi lưu đày cũng như dân sự của chúng.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 46:3-4
[3] "Hỡi nhà Gia-cốp và tất cả dân sót của nhà Y-sơ-ra-ên,
Hãy nghe Ta!
Ta đã mang nặng các ngươi từ khi còn trong lòng mẹ,
Bồng ẵm các ngươi từ lúc mới sinh;
[4] Cho đến khi các ngươi già cả, đầu râu tóc bạc,
Ta chính là Đấng luôn gánh vác các ngươi.
Ta đã tạo nên thì sẽ còn bồng ẵm các ngươi.
Ta sẽ gánh vác và giải cứu các ngươi.

46:3 "Hãy nghe" Từ này, cũng giống như Ê-sai 46:12, là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1033, KB 1570). Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 44:1.

▣ **"dân sót"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Dân Sót, Ba Ý Nghĩa (Special Topic: The Remnant, Three Senses)

▣ **"Ta đã mang nặng các ngươi từ khi còn trong lòng mẹ"** Câu này trước tiên là một sự chỉ đến Đức Chúa Trời như cha mẹ và Y-sơ-ra-ên là con cái. Tuy nhiên, nó cũng chỉ đến sự hình thành của quốc gia Y-sơ-ra-ên bắt đầu từ cuộc Xuất Hành (Phục Truyền 1:31; Ê-sai 63:9).

46:4 "Cho đến khi các ngươi già cả " Đức Chúa Trời không chỉ tạo nên Y-sơ-ra-ên nhưng còn trợ giúp cho nó (ví dụ, "bồng ẵm" hoặc "mang vác" họ, Xuất 19:4; Phục Truyền 1:31; 32:11).

▣ **"Ta chính là (ta vẫn như cũ)"** Từ này (nguyên văn Ta *Là* Đấng Ấy, NKJV) chính là khái niệm về việc Đức Chúa Trời không thay đổi (NJB, Ma-la-chi 3:6; Gia-cơ 1:17). Ngay cả khi Y-sơ-ra-ên không trung tín với giao ước, Đức Chúa Trời vẫn luôn thành tín. Ngài chính là Đức Chúa Trời của sự trung thành với giao ước. Ngài vẫn y nguyên ngày hôm qua, hôm nay và cho đến đời đời!

▣ **" Ta sẽ gánh vác và giải cứu các ngươi "** Đây là một sự chỉ đến dân Y-sơ-ra-ên, nhưng nó được cá nhân hóa và cũng dành cho tất cả các tín đồ (ĐỘNG TỪ SỐ ÍT). Hãy chú ý các ĐỘNG TỪ trong Ê-sai 46:4.

1. Đức Chúa Trời đã tạo nên Y-sơ-ra-ên (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 793, KB 889)
2. Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục chu cấp và bảo vệ
   a. Bồng ẵm ngươi – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 687, KB 741 (hai lần)
   b. Gánh vác ngươi – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 669, KB 724 (hai lần)
   c. Giải cứu ngươi – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 572, KB 589

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 46:5-7

5 Các ngươi so sánh Ta với ai và kể Ta bằng ai?
Các ngươi đối chiếu Ta với ai để thấy chúng ta giống nhau?
6 Người ta lấy vàng trong túi ra,
Và lấy cân mà cân bạc;
Họ thuê thợ bạc đúc một thần,
Rồi cúi xuống thờ lạy.
7 Họ vác tượng ấy trên vai, và đem đi,
Đặt tượng vào chỗ nó, và nó cứ đứng đó;
Tượng không thể dời khỏi chỗ nó.
Nếu có ai kêu cầu thì nó chẳng trả lời,
Và không thể cứu họ khỏi tai họa."

46:5 " Các ngươi so sánh Ta với ai " Đây là một sự nhấn mạnh rằng không ai có thể so sánh với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 43:11; 44:6,8; 45:6). Đây là một sự so sánh giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và các thần tượng của các dân tộc (Ê-sai 40:18-20; 44:9-20).

Hãy chú ý sự song hành.

1. xem ai giống như ta– *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 197, KB 225)
2. kể ta bằng ai – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 1000, KB 1436)
3. và so sánh ta – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 605, KB 647)
4. để thấy chúng ta giống nhau – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 197, KB 225)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là độc nhất ! Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng sống duy nhất, một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)). Cũng hãy chú ý ý tưởng thần học Tân Ước về Ba Ngôi Đức Chúa Trời, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Special Topic: The Trinity)

46:6-7 Hai câu này là một sự tương phản giữa một Đức Chúa Trời Chân Thần của Ê-sai 46:5 và những hình tượng của các dân tộc.

1. những kẻ trả tiền để làm những hình tượng và sau đó hạ mình xuống và thờ phượng chúng (Ê-sai 46:6)
2. họ sau đó mang chúng đến chỗ này và chỗ kia nhưng chúng không thể tự mình di chuyển; các hình tượng không thể giải cứu (Ê-sai 46:7)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 46:8-11

8 "Hãy ghi nhớ điều nầy, và hãy suy xét;
Hỡi những kẻ phạm tội, hãy nghĩ lại!

[9] Hãy nhớ lại những việc trước đây, từ thời xa xưa;
Vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác;
Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như Ta.
[10] Từ ban đầu, Ta đã báo trước việc cuối cùng,
Và đã nói từ thuở xưa những việc chưa thực hiện.
Ta đã phán: 'Kế hoạch của Ta sẽ thành tựu,
Và Ta sẽ thực hiện mọi điều Ta muốn.'
[11] Từ phương đông, Ta đã gọi một con chim săn mồi;
Từ xứ xa xăm, Ta gọi người thực hiện kế hoạch của Ta đến.
Điều Ta đã phán, Ta sẽ hoàn thành;
Điều Ta đã hoạch định, Ta sẽ thực hiện.

46:8 "Hãy ghi nhớ" Câu này và dòng đầu của Ê-sai 46:9 bao gồm một chuỗi của những THỂ MỆNH LỆNH.

1. Hãy ghi nhớ, Ê-sai 46:8 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 269, KB 269)
2. Hãy suy xét, Ê-sai 46:8 – *Hithpoel* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 84, KB 100)
3. Hãy nghĩ lại, Ê-sai 46:8 – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 996, KB 1427)
4. Hãy nhớ lại, Ê-sai 46:9 – giống với điểm #1

Điểm 2 ở một thể hiếm, chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây ở trong cả Cựu Ước. Bộ Targums trong tiếng A-ram dịch chỗ này là "hãy can đảm," có lẽ bởi vì mối liên hệ với một từ gốc tiếng Ả-rập (Leupold, trang 145).

▣ **"ngươi những kẻ phạm tội"** Điều này chỉ ra rằng nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vẫn còn những nghi ngờ về đường lối của Đức Chúa Trời để thực hiện công việc cứu chuộc của Ngài (Ê-sai 45:9-11, sách Ha-ba-cúc). Cùng một nhóm người được chỉ đến trong 46:12 là "những kẻ cứng lòng" giữa vòng người Do Thái.

46:9 "những việc trước đây, từ thời xa xưa" Điều này có thể chỉ đến Sự Đời Đời

1. Giao ước từ thời xa xưa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với Áp-ra-ham (Ê-sai 43:18; 65:17; Giê-rê-mi 16:14; 23:7; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi ('olam) (Special Topic: Forever ('olam))
2. Những hành động sinh nở họ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Cuộc Xuất Hành)
3. Lời hứa cổ xưa của Y-sơ-ra-ên sẽ trung thành và ở trong giao ước (Phục Truyền 32:7)
4. Bằng chứng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về sự thực hữu của Ngài bằng việc báo trước về tương lai (Ê-sai 46:10,11; 42:9)

▣ **"Bởi vì Ta là Đức Chúa Trời"** Câu này sử dụng hai danh xưng dùng cho "Đức Chúa Trời."

1. *El* – BDB 42, Ê-sai 40:18; 42:5; 43:10; 44:10,15,17; 45:14,15,20,21,22; 46:6
2. *Elohim* – BDB 43, Ê-sai 40:1,3,8,9,27,28; 41:10,13,17; 43:3; 44:6; 45:3,5,14,15,18,21

Điều này, giống như câu 5, là một sự nhấn mạnh liên tục vào đức tin độc thần.

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần A, và C (Special Topic: Names for Deity, A, and C).

▣ **"chẳng có Chúa nào khác"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism) và Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ và Ma Quỷ (Special Topic: Angels and Demons).

46:10-11 Một lần nữa, Đức Chúa Trời đang sử dụng ví dụ của lời tiên tri báo trước về tương lai để bày tỏ rằng Ngài vẫn đang tể trị kiểm soát ở trên lịch sử. Sự nhấn mạnh vào những mục đích của Ngài, được đề cập đến khá thường xuyên trong Ê-sai 46:10-11, để chỉ ra rằng lịch sử không hề là ngẫu nhiên nhưng có một mục đích thiên thượng (thần học mục đích luận; Ê-sai 14:24,26; 25:1). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đế Chế Mê-đô Ba Tư: Khảo sát về Sự Nổi Lên của Si-ru (Special Topic: Medo-Persian Empire: Survey of the Rise of Cyrus).

Theo nguyên văn là

1. Mọi ý kiến của ta (BDB 420) sẽ đứng vững – BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. Mọi mục đích của ta (BDB 481 GHÉP VỚI 343), Ta sẽ hoàn thành – BDB 793 I, KB 889, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Đây là sự đảm bảo của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về sự ứng nghiệm Kế Hoạch Thiên Thượng của Ngài cũng được thấy trong Ê-sai 14:24; 25:1; 40:8; 55:11 (hãy xem quyển, *Christian Theology Theology*, được viết bởi Millard Erickson, lần xuất bản thứ 2, từ trang 371-390)

Cụm từ này trong câu 10a chính là sự song hành thần học với Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là "Đấng hiện diện" từ "ngay" thời điểm ban đầu cho đến "tận" lúc cuối cùng (đầu tiên và cuối cùng)!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 46:12-13

[12] Hỡi những kẻ cứng lòng,
Hỡi những kẻ xa cách sự công chính,
Hãy nghe Ta.
[13] Ta đem sự công chính Ta đến gần, nó chẳng ở xa,
Và sự cứu rỗi của Ta sẽ không trì hoãn.
Ta sẽ đặt sự cứu rỗi trong Si-ôn
Cho Y-sơ-ra-ên là vinh quang của Ta."

46:12-13 Đây là một đoạn rất quan trọng và chỉ ra rằng Đức Chúa Trời sẽ thương xót ngay cả trên Y-sơ-ra-ên vô tín. Điều này chỉ ra rằng dân Do Thái đã không xứng đáng với tình yêu và sự thương xót của Ngài. Nhiều người trong số học vẫn rất ngoan cố và cứng cổ (Ê-sai 48:4; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ngoan Cố,Cứng Lòng (Special Topic: Stubbornness), nhưng Đức Chúa Trời đã mang sự cứu rỗi đến với họ bởi vì Ngài Là Ai và không phải bởi vì họ là ai (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Đây là mô hình của Giao Ước Mới (Giê-rê-mi 31:31-34).

▣ **"những kẻ xa cách "** Sự mô tả này dành cho tuyển dân giao ước của Đức Chúa Trời thật tương phản với sự gần gũi ("nó chẳng xa đâu," Ê-sai 46:13b) của sự giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

1. Bởi Vua Si-ru II (đương thời)
2. Bởi Đấng Mê-si (thời kỳ cuối rốt)

46:12

NASB, NKJV, LXX, Peshitta	**"sự công chính"**
NKJV	**"sự giải cứu"**
TEV, JPSOA, NJB	**"sự đắc thắng"**
NJB	**"công lý giải cứu. . .công lý"**

Từ Hê-bơ-rơ được sử dụng hai lần là "sự công chính" (BDB 842; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Công Chính (Special Topic: Righteousness)). BDB cho rằng nó được sử dụng cho sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời (#6a), Ê-sai 45:8; 46:13; 51:6.

Từ Hê-bơ-rơ "sự giải cứu" (BDB 448; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term)) song hành với Ê-sai 46:13b.

Ê-SAI 47

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Bài Ai Ca Dành Cho Ba-by-lôn	Sự Sỉ Nhục của Ba-by-lôn	Bài Ai Ca cho Ba-by-lôn	Sự Đoán Phạt Trên Ba-by-lôn	Bài Ai Ca cho Ba-by-lôn
47:1-7 (1-7)	47:1-3 (1-3)	47:1-4 (1-4)	47:1-3 (1-3)	47:1-3 (1-3)
	47:4 (4)		47:4 (4)	47:4-7 (4-7)
	47:5-7 (5-7)	47:5-7 (5-7)	47:5-7 (5-7)	
47:8-11 (8-11)	47:8-9 (8-9)	47:8-9 (8-9)	47:8-9 (8-9)	47:8-15 (8-15)
	47:10-11 (10-11)	47:10-13 (10-13)	47:10-13 (10-13)	
47:12-15 (12-15)	47:12-15 (12-15)			
		47:14-15 (14-15)	47:14-15 (14-15)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Nếu đoạn 46 nhấn mạnh vào sự sụp đổ của những hình tượng Ba-by-lôn, thì đoạn 47 mô tả về sự sụp đổ của chính đế chế đó (thành Ba-by-lôn) cùng với tất cả những tiên tri và thầy tế lễ huyền thuật của nó.

B. Những câu 1-7 có một chuỗi những THỂ MỆNH LỆNH được truyền cho Ba-by-lôn, được mô tả như một kỹ nữ/ nữ vương.

1. Hãy xuống, Ê-sai 47:1 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 432, KB 434)
2. Và ngồi trong bụi đất, Ê-sai 47:1 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 442, KB 444)
3. Hãy ngồi dưới đất, Ê-sai 47:1 – cũng như trong #2 (chú ý số lần của từ này được sử dụng trong Ê-sai 47:1 [hai lần], 5, 8 [hai lần])

4. Hãy lấy, Ê-sai 47:2 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 542, KB 534)
5. xay, Ê-sai 47:2 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 377, KB 374)
6. bỏ lúp che mặt ngươi, Ê-sai 47:2 – *Piel* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 162, KB 191)
7. vén vạt áo (lột váy), Ê-sai 47:2 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 362, KB 359)
8. để phơi trần ống chân, Ê-sai 47:2 – *Piel* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 162, KB 191)
9. lội qua sông, Ê-sai 47:2 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 716, KB 778)
10. (để) sự lõa lồ của ngươi phải bị phơi bày, Ê-sai 47:3 - *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 162, KB 191)
11. hãy ngồi yên lặng, Ê-sai 47:5 – same as #3,4
12. và rút vào trong bóng tối, Ê-sai 47:5 – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 97, KB 112)

C. Hình thái văn học tiên tri của đoạn này là một "bài ai ca đám tang." Nó được nhận ra bởi điệu/nhịp độc nhất của nó trong tiếng Hê-bơ-rơ (nhịp 3, 2, giống như những bài thơ trong sách Ca Thương). Nó là một bài than khóc trong đám tang nhưng trong một nghĩa đầy châm biếm (Bài Ca Mắng Nhiếc, Chế Nhạo).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 47:1-7

[1] Hỡi trinh nữ Ba-by-lôn,
Hãy xuống và ngồi trong bụi đất!
Hỡi con gái Canh-đê,
Hãy ngồi dưới đất, chẳng còn ở trên ngai!
Vì ngươi sẽ không còn được xưng
Là dịu dàng thanh tú nữa.
[2] Hãy lấy cối xay và xay bột;
Hãy bỏ lúp che mặt,
Và vén vạt áo để phơi trần ống chân
Mà lội qua sông.
[3] Sự lõa lồ của ngươi phải bị phơi bày,
Sự sỉ nhục ngươi phải lộ ra.
Ta sẽ báo thù,
Không chừa một ai.
[4] Đấng Cứu Chuộc chúng ta
Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên;
Danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân.
[5] Hỡi con gái Canh-đê,
Hãy ngồi yên lặng, và rút vào bóng tối!
Vì ngươi sẽ không còn được gọi
Là nữ hoàng của các vương quốc.
[6] Ta đã nổi giận cùng dân Ta,
Làm hoen ố cơ nghiệp Ta
Và phó chúng vào tay ngươi.
Nhưng ngươi không tỏ ra thương xót chúng;
Ngươi đã đặt trên người già cả
Một cái ách thật nặng
[7] Ngươi nghĩ rằng: "Mãi mãi ta sẽ là nữ hoàng."
Ngươi không để tâm đến những điều nầy,
Cũng chẳng nghĩ đến cuối cùng của nó.

47:1 "Hãy xuống" Một bài ai ca đám tang là một trong ba hình mẫu văn học được sử dụng bởi các sách tiên tri Hê-bơ-rơ để truyền thông về thông điệp thiên thượng của họ.

1. Bài ai ca đám tang
2. Bối cảnh phiên tòa
3. Lời hứa tuyên phán

▣ **" Hỡi trinh nữ Ba-by-lôn "** Đây là một thành ngữ Sê-mít của sự an ninh và sự quý báu trong những ẩn dụ về gia đình. Cô ấy (Đế Chế Tân Ba-by-lôn) là kẻ đã được an toàn và được bảo vệ, giờ đây trở nên rất dễ bị tấn công, tổn thương.

▣ **" ngồi trong bụi đất. . . ngồi dưới đất, chẳng còn ở trên ngai "** Từ này nguyên văn là "ngồi" (BDB 442, Ê-sai 47:1 [hai lần], 5, 8 [hai lần]). Nó đã từng là những dấu hiệu cơ thể cho sự than khóc.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tập Tục Than Khóc (Special Topic: Grieving Rites)

▣ **"Canh-đê"** Đây là từ song hành với "Ba-by-lôn," hãy xem ghi chú tại Ê-sai 43:14.

Chủ Đề Đặc Biệt: Canh-đê (Special Topic: Chaldeans)

▣ **" sẽ không còn được xưng là dịu dàng thanh tú nữa "** Hai từ này (BDB 940 and 772) được sử dụng trong Phục Truyền 28:56 cho lối sống xa hoa, phung phí. Câu này trái ngược với Ê-sai 47:2-3, vị trí cô ta đang ở trong hiện tại

1. Một kẻ nô lệ
2. Một kỹ nữ

47:2-3 Đây là một chuỗi những mệnh đề được sử dụng cho nữ vương của các dân tộc (Ê-sai 47:5,7) giờ đây là một nô lệ.

1. Cô xay bữa ăn của mình, Ê-sai 47:2
2. Cô cởi bỏ mạng che mặt, Ê-sai 47:2
3. Cô phải chuẩn bị trang phục cho việc lao động nặng nhọc, Ê-sai 47:2
4. Cô tự mình phải băng qua sông và không được chuyên chở (có lẽ vào trong sự lưu đày), Ê-sai 47:2
5. Sự lõa lồ không được che đậy, Ê-sai 47:3
   a. Như một hình phạt cho tội lỗi (Ê-sai 20:4)
   b. Thường là số phận của nhiều nô lệ là những người phải ăn mặc cách nghèo nàn và dễ bị tấn công về mặt tình dục

47:3

NASB "và sẽ không tha cho một người nam nào "
NKJV "Ta sẽ không phân xử với một người nam "
NRSV "Ta sẽ không tha cho bất kỳ ai"
TEV "không ai có thể dừng Ta lại "
NJB "không ai có thể đứng trên đường lối của Ta "
REB "không bày tỏ sự khoan dung cho bất kỳ ai "
JPSOA "không để cho bất cứ người nào cầu thay "

Câu này trong một cách nào đó rất mơ hồ, nhưng từ này (BDB 803) có một mối liên hệ về từ nguyên với sự cầu nguyện cầu thay (Ê-sai 53:12; 59:16; Giê-rê-mi 36:25). Nó có vẻ để bày tỏ rằng không có bất cứ ai có khả năng cầu thay cho Ba-by-lôn hoặc rằng không có bất cứ người nào có đủ sức mạnh trong sự cầu nguyện để có thể dừng lại kế hoạch về sự đoán phạt cô ta đã được định trước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

47:4 Đây là một lời kêu lên của tác giả bỗng xen vào trong dòng chảy của bài thơ. Ba danh xưng rất đẹp được dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được xem ở đây như là vị tiên tri đang ngợi khen Đức Chúa Trời bởi có Ngài là ai. Những danh xưng đó là

1. Đấng Cứu Chuộc – một sự nhấn mạnh vào Đức Chúa Trời chính là Đấng Cứu Rỗi; Ngài chính là Đấng đã chuộc mua dân sự trở về từ trong cõi nô lệ
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân – một danh xưng Ba Tư vốn tập chú vào một trong hai lĩnh vực

a. Hội đồng thiên sứ, Ê-sai 24:21-22
b. Những thần linh của bầu trời (thiên thể) của người Ba-by-lôn, Ê-sai 40:26

3. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên – danh xưng dùng cho Đức Chúa Trời là Đấng đã làm cho ứng nghiệm điều này thay mặt cho dân sự của Ngài

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

47:5 "Hãy ngồi yên lặng, và rút vào bóng tối" Thế lực hùng mạnh chính yếu của thế giới này giờ đã trở thành một tá điền. Câu này phán với cô ta hãy tìm kiếm bóng tối và trở nên câm lặng (hai THỂ MỆNH LỆNH). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sheol (Special Topic: Sheol), I. B.

▣ **"Nữ hoàng của các vương quốc"** Đây chính là một thành ngữ của cách nhìn của Đế Chế Neo-Ba-by-lôn về chính họ và quyền lực của họ (Ê-sai 47:7). Nữ hoàng đã trở thành một nô lệ tình dục (Ê-sai 47:2-3,8a). Những gì cô ta đã làm cho những người bị lưu đày giờ đây đã xảy ra với chính cô ta (ví dụ, sự đảo ngược vai trò bởi căn nguyên thiên thượng).

Có thể rằng thành ngữ này liên hệ với việc Nabonidus đã dẫn Neo-Ba-by-lôn rời xa khỏi thần Ma-đốc *(Marduk)* qua sự thờ phượng nữ thần mặt trăng vốn được gọi với tên "Nữ Hoàng của thiên đàng." Bà ta được gọi là *Sin* (của người Akkad) và *Nanna* (của người Summer).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thờ Phượng Thần Mặt Trăng (Special Topic: Moon Worship)

47:6 "Ta đã nổi giận cùng dân Ta " Câu này giải thích vì sao người Do Thái bị mang đi lưu đày. Trong thế giới cổ đại vị thần của quốc gia bảo vệ họ. Thực tế là Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều bị mang đi làm nô lệ đã bị thế giới (lúc đó) xem như là các vị thần của khu vực Trăng Lưỡi Liềm Màu Mỡ (Fertile Crescent) hùng mạnh hơn là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng đây không phải là sự thật. Đức Chúa Trời đã dùng những thế lực hùng mạnh của khu vực Trăng Lưỡi Liềm Màu Mỡ để đoán phạt dân sự Ngài bởi tội lỗi của họ (Ê-sai 42:24).

▣ **" Nhưng ngươi không tỏ ra thương xót chúng "** Mặc dù Đức Chúa Trời đã phó dân sự Ngài cho A-si-ri và Ba-by-lôn với mục đích hình phạt họ, nhưng họ đã đi quá xa và giờ đây họ sẽ bị phán xét bởi sự thiếu thương xót của mình.

47:7 "Ngươi không để tâm đến những điều nầy,
Cũng chẳng nghĩ đến cuối cùng của nó "

Hai ĐỘNG TỪ này là những *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, vốn chỉ về một thái độ đã quyết định chắc chắn.

1. Không chịu suy xét, nguyên văn "không đặt điều này trong lòng"
2. Không nhớ về sự cuối cùng của họ. Chú ý cách Ê-sai 47:8 đi tiếp mạch ý tưởng.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 47:8-11

[8] Bây giờ hãy nghe đây hỡi kẻ hưởng lạc,
Là kẻ sống yên ổn,
Bụng bảo dạ rằng:
"Ta đây, ngoài ta chẳng còn ai;
Ta sẽ không ở góa,
Cũng chẳng biết mất con là gì."
[9] Trong phút chốc, trong cùng một ngày,
Cả hai tai họa ấy là cảnh mất con và góa bụa
Sẽ xảy đến cho ngươi.
Hai tai họa ấy cùng ập xuống ngươi,
Dù ngươi có nhiều ma thuật
Và có lắm quyền lực của phù chú!
[10] Ngươi cậy sự gian ác của mình
Và nói rằng: "Chẳng ai thấy ta."
Sự khôn ngoan và tri thức của ngươi
Đã dẫn ngươi đi sai lạc,
Và ngươi tự nói trong lòng rằng:

"Ta đây, ngoài ta chẳng còn ai!"
[11] Vì thế, tai họa sẽ ập đến trên ngươi
Mà ngươi chẳng biết từ đâu;
Hoạn nạn sẽ giáng trên ngươi
Mà ngươi không thể ngăn cản được;
Sự hủy diệt thình lình xảy đến cho ngươi,
Mà ngươi không thể lường trước.

47:8-9 " Là kẻ sống yên ổn. . . trong phút chốc, trong cùng một ngày, cả hai tai họa ấy…sẽ xảy đến cho ngươi" Có vẻ rằng, theo thông tin từ Đa-ni-ên 5 và Herodotus, người Ba-by-lôn đã cười nhạo vào sự tiến đánh của quân đội Ba Tư. Tuy nhiên, quân đội Ba Tư đã thay đổi những dòng chảy của Dòng Ơ-phơ-rát, và đi luồn xuống phía dưới của những bức tường của thành phố tráng lệ này, và trong một ngày thành này đã bị sụp đổ (Đa-ni-ên 5). Dân Ba-by-lôn cũng nhìn người Ba Tư như những người giải phóng bởi vì Bên-xát-xa và cha ông, Nabonidus, đã bắt đầu một sự thờ phượng vị nữ thần mặt trăng khác lạ có tên là *Sin* (*Nanna,* hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thờ Phượng Mặt Trăng (Special Topic: Moon Worship)) và Si-ru đã cho phép họ trở về thờ phượng những vị thần truyền thống của họ-*Bên, Ma-đốc* và *Nê-bô*.

47:8 " Ta đây, ngoài ta chẳng còn ai " Đây rõ ràng là một sự thách thức với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 47:10). Ai là Đấng đã giải phóng dân sự của Ngài? Ai mới là Đức Chúa Trời chân thật và độc nhất

47:9 "cảnh mất con " Hãy xem Ê-sai 13:16,18. Những gì cô ta đã làm với người khác giờ đây xảy ra với cô!

▣ **" phù chú và vô số ma thuật (có sức mạnh vĩ đại)"** Sự tập chú trên những sự thực hành thuật huyền bí, được nhấn mạnh đặc biệt ở đây trong Ê-sai 47:9, được tiếp tục trong Ê-sai 47:11-13. Những sự thực hành này bị định tội trong Phục Truyền 18:9 trở đi. Bởi vì tất cả các ma thuật huyền bí Ba-by-lôn cũng không thể giúp bảo vệ chính cô ta vốn chỉ về sự bại hoại và không hề có hiệu quả của những sự thực hành các thuật huyền bí này (sự yếu đuối của những vị thần của cô ta).

47:10 "cậy sự gian ác của mình " Bản Cuộn Biển Chết đã đổi từ "sự gian ác" (BDB 949) bằng cách đổi một chữ "d" trở thành "r," vốn khiến cho nó có nghĩa là "kiến thức" (BDB 395, dòng c). Cả hai từ này đều phù hợp với văn mạch.

▣ **" ngoài ta chẳng còn ai (chẳng ai thấy ta)"** Câu này ngụ ý rằng họ biết rằng những gì họ đang làm là xấu xa và cố gắng để che giấu chính mình (Ê-sai 29:15).

47:11

NASB, NRSV, NJB, JPSOA, NET	**"bỏ bùa cho nó rời đi"**
NKJV	**"từ nơi nó dấy lên "**
TEV	**"không có bất kỳ ma thuật nào của ngươi có thể ngừng nó lại"**
REB	**"làm thế nào phù phép nó biến đi "**
Peshitta	**"sự hé rạng của cô ta"**

Bản MT có một DANH TỪ IBDB 1007) có nghĩa là "sự hé rạng" (MT, NKJV). Có một vài đề nghị (về ý nghĩa của từ này).

1. "tìm ra căn nguyên của nó" (Peshitta, NKJV)
2. "làm thế nào để mua đứt nó " (NASB)
3. "trở nên đen tối"
4. "người bỏ bùa, người thực hành ma thuật, người phù phép" (TEV, REB)
5. Sự hiệu đính của bản JPSOA footnote – "hối lộ" (BDB 1005)

Hãy xem những lựa chọn trong KB 1465-1469. Sự phỏng đoán tốt nhất chính là một vài cách song hành nào đó với câu 11d.

▣ **"chuộc tội"** Đây chính là từ Hê-bơ-rơ dùng cho "che đậy" và nó được sử dụng cho ý tưởng Cựu Ước cho sự chuộc tội bởi sự che phủ bởi huyết nơi nắp thi ân (ngai thi ân (mercy seat)) (Lê-vi Ký 16).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 47:12-15

[12] Hãy đứng lên, dùng phù chú và vô số ma thuật
Mà ngươi đã tập luyện từ khi còn trẻ.
Có lẽ sẽ giúp ích cho ngươi,
Có lẽ nhờ đó ngươi sẽ trở nên đáng sợ chăng!
[13] Ngươi đã nhọc sức vì lắm lời bàn.
Những kẻ nhìn trời, xem sao, xem trăng mới
Mà đoán việc tương lai;
Bây giờ, hãy đứng lên và cứu ngươi
Khỏi những việc sẽ xảy đến trên ngươi.
[14] Kìa, họ sẽ trở nên như rơm rạ
Bị lửa thiêu đốt;
Họ không thể cứu mạng mình
Khỏi quyền ngọn lửa;
Lửa ấy chẳng phải là than hồng để sưởi,
Hoặc lửa để ngồi kề bên.
[15] Những gì mà ngươi làm khó nhọc thì đã trở nên như thế;
Những kẻ buôn bán với ngươi từ thời trẻ
Thì lang thang mỗi người một ngã,
Chẳng ai đến cứu ngươi được!

47:12 " Có lẽ nhờ đó ngươi sẽ trở nên đáng sợ chăng " Leupold thêm vào từ "Ta" để chỉ ra khả năng rằng Đức Chúa Trời đang nói với họ hãy xem nếu bùa chú của họ sẽ khiến Ngài sợ hãi hoặc gây cho Ngài run rẩy. Điều này có vẻ trở nên ý nghĩa của cả đoạn. Nó cũng có thể, tuy nhiên, chỉ về quân đội Ba Tư (NJB).

47:13 Không chỉ các vị thần của người Ba-by-lôn (Ê-sai 47:1-3,5), nhưng cả những tiên tri và kẻ cố vấn/ phù phép của cô ta (Ê-sai 47:14) cũng bị sỉ nhục và không có khả năng giúp đỡ.

NASB, NKJV, LXX	**"sự tư vấn"**
NRSV, NJB	**"những sự tham vấn"**
TEV	**"lời khuyên"**

Đây là cùng một từ Hê-bơ-rơ (BDB 420) mà nó được dịch là "mục đích" trong Ê-sai 46:10,11. Đây có thể là một sự tương phản giữa những kế hoạch/ những mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vốn sẽ hoàn thành những kế hoạch/ mục đích sai lầm, yếu ớt, và không hiệu quả của giai cấp tôn giáo thượng lưu Ba-by-lôn!

Không ai có thể "tư vấn" cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:13). Ngài luôn luôn làm ứng nghiệm những kế hoạch của Ngài (Ê-sai 44:26; 46:10,11).

NASB, NKJV, TEV, NJB, LXX	**"những nhà chiêm tinh"**
NRSV	**"những kẻ học về các tầng trời "**
JPSOA	**"những kẻ khảo sát về các tầng trời"**
Peshitta	**"người Canh-đê"**
Emphasized Bible	**"những người phân chia các tầng trời "**

Bản MT dùng một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH of BDB 211, KB 237 (*ketiv*), vốn có nghĩa là "phân chia" từ một gốc từ trong tiếng Ả-rập. Những học giả Masoretic đề nghị rằng từ này là một *Qal* PHÂN TỪ của cùng một gốc từ có thể đọc (*qere*). Nếu điều này là chính xác thì nó song hành với những kẻ nói tiên tri bằng những ngôi sao" (những nhà chiêm tinh).

47:14 Câu 14 có một chủ đề thống nhất (ví dụ, sự đoán phạt bằng lửa) hoặc ba dòng đầu nói về sự đoán phạt nhưng hai câu cuối có thể liên hệ với những nhà chiêm tinh, những tiên tri giả thầy bùa phép phải kiếm tìm một nơi trú ẩn khỏi khí hậu lạnh giá.

Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa (Special Topic: Fire)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Cách chơi chữ giữa Ê-sai 45:23 và 46:1-2 là gì?
2. Cách chơi chữ giữa Ê-sai 46:1-2 và 46:3-4 là gì?
3. Hãy liệt kê những cách nhấn mạnh vào đức tin thần học trong Ê-sai 46 và 47.
4. Điểm chung giống nhau giữa 46:8 với Ê-sai 46:12 là gì?
5. Làm thế nào để có thể dung hòa ý tưởng về một Đức Chúa Trời kiểm soát trên lịch sử và ý chí tự do của con người?
6. Tại sao Ê-sai 46:12-13 lại quá quan trọng với khái niệm xưng công bình bởi đức tin của chúng ta?
7. Hãy liệt kê những cách mà Ba-by-lôn đã sụp đổ từ sự xa hoa để trở thành nô lệ.
8. Hãy liệt kê các loại thực hành huyền thuật được tìm thấy trong Ê-sai 47:9-13.

Ê-SAI 48

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Bướng Bỉnh Của Y-sơ-ra-ên	Y-sơ-ra-ên Được Tinh Luyện cho Sự Vinh Hiển của Đức Chúa Trời	Nghe và Thấy	Đức Chúa Trời là Chúa Của Tương Lai	Đức Giê-hô-va Đã Báo Trước Mọi Điều
48:1-11 (1-11)	48:1-2 (1-2)	48:1-2 (1-2)	48:1-2 (1-2)	48:1-11 (1-11)
	48:3-5 (3-5)	48:3-5 (3-5)	48:3-5 (3-5)	
	48:6-8 (6-8)	48:6-8 (6-8)	48:6-8 (6-8)	
	48:9-11 (9-11)	48:9-11 (9-11)	48:9-11 (9-11)	
Lời Hứa Giải Cứu	Kế Hoạch Cổ Xưa của Đức Chúa Trời Để Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên		Si-ru, Lãnh Đạo Được Lựa Chọn Của Đức Giê-hô-va	Đức Giê-hô-va đã chọn Si-ru
48:12-16 (12-16)	48:12-13 (12-13)	48:12-13 (12-13)	48:12-13 (12-13)	48:12-15 (12-15)
	48:14-16 (14-16)	48:14-16 (14-16)	48:14-15 (14-15)	Vận Mệnh của Y-sơ-ra-ên
			48:16 (16a)	48:16-19 (16-19)
			Kế Hoạch của Đức Giê-hô-va dành cho Dân Sự của Ngài	
48:17-19 (17-19)	48:17-19 (17-19)	48:17-19 (17-19)	48:17 (17)	
			48:18-19 (18-19)	Kết Thúc của Sự Lưu Đày
48:20-22 (20-22)	48:20-21 (20-21)	48:20-22 (20-22)	48:20-22 (20-22)	48:20-22 (20-22)
	48:22 (22)			

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Cũng như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã đề cập đến Ba-by-lôn trong Ê-sai 46 và 47, Ngài giờ đây nhắc đến dân sự Ngài, những người trở về thuộc về ngài, dân sót trung tín của Ngài.

B. Chú ý những cách mà người Y-sơ-ra-ên được nhắc đến.

1. Hỡi nhà Gia-cốp, Ê-sai 48:1
2. là những người được xưng bằng danh Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 48:1
3. ra từ nguồn Giu-đa, Ê-sai 48:1
4. là những người nhân danh Đức Giê-hô-va mà thề, Ê-sai 48:1
5. (là những người) kêu cầu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 48:1
6. ngươi cứng đầu, Ê-sai 48:4
7. (ngươi) được gọi là kẻ phản loạn từ trong lòng mẹ, Ê-sai 48:8
8. Hỡi Gia-cốp, Ê-sai 48:12,20

C. Hãy chú ý những danh xưng và sự mô tả khác nhau về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

1. Danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 48:1
2. Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 48:1,2
3. Ta là Đấng ấy, Ê-sai 48:12
4. Ta là đầu tiên và là cuối cùng, Ê-sai 48:12
5. CHÚA (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Ê-sai 48:14,17,20,22
6. CHÚA ĐỨC CHÚA TRỜI (*Adon* ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Ê-sai 48:16
7. Đấng Cứu Chuộc, Ê-sai 48:17
8. Đấng Thánh, Ê-sai 48:17
9. Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, Ê-sai 48:17

D. Có một vài câu rất đáng chú ý và rất quan trọng về mặt thần học trong phần này của Ê-sai đã được phát triển trong Tân Ước.

1. Ê-sai 45:23
2. Ê-sai 46:8-11
3. Ê-sai 48:8-11
4. Ê-sai 48:16

E. Leupold đã đặt lại tên cho đoạn này là "Một Lời Quở Trách Gay Gắt và một sự Thách Thức Nhân Từ" (trang 158). Sự thay đổi thất thường này giữa sự đoán phạt và thương xót khắc họa thể loại văn học tiên tri và nó được trình bày sát với nhau với rất ít hoặc không có bất cứ mốc từ ngữ chuyển giao nào.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 48:1-11

[1] Hãy nghe đây, hỡi nhà Gia-cốp,
Là những người được xưng bằng danh Y-sơ-ra-ên,
Ra từ nguồn Giu-đa,
Là những người nhân danh Đức Giê-hô-va mà thề,
Và kêu cầu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,
Nhưng không có lòng chân thật và công chính.
[2] Vì họ xưng mình là người xuất thân từ thành thánh,

Và nương cậy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên;
Danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân:
3 "Ta đã báo trước từ xưa những việc qua rồi;
Những việc ấy ra từ miệng Ta, và Ta đã nói cho chúng biết;
Thình lình, Ta thực hiện,
Và những việc ấy xảy ra.
4 Vì Ta biết ngươi cứng đầu,
Cổ ngươi có gân sắt,
Trán ngươi cứng như đồng,
5 Nên Ta đã báo cho ngươi những điều ấy từ xưa,
Ta đã cho ngươi biết trước khi nó xảy ra,
Kẻo ngươi nói: 'Tượng thần của tôi đã làm những điều ấy,
Tượng chạm, tượng đúc của tôi đã truyền như thế.'
6 Ngươi đã nghe rồi, hãy xem mọi điều ấy.
Chẳng phải các ngươi sẽ thuật lại sao?
Từ nay, Ta sẽ cho ngươi biết những việc mới,
Là những việc bí mật mà các ngươi chưa biết.
7 Bây giờ, những việc đó mới được dựng nên, chưa từng có trước đây;
Trước ngày nầy, các ngươi chưa bao giờ nghe,
Kẻo ngươi nói rằng: 'Nầy, tôi đã biết rồi!'
8 Ngươi chưa từng nghe, cũng chưa từng biết,
Từ trước, tai ngươi chưa mở ra.
Vì Ta biết rằng ngươi hay phản bội,
Đáng được gọi là kẻ phản loạn từ trong lòng mẹ.
9 Vì danh Ta mà Ta trì hoãn cơn giận;
Vì vinh quang Ta mà Ta kiềm chế sự tức giận đối với ngươi,
Để không hủy diệt ngươi.
10 Nầy, Ta luyện ngươi nhưng không phải như luyện bạc;
Ta đã thử nghiệm ngươi trong lò hoạn nạn.
11 Đó là vì Ta, vì chính Ta mà Ta sẽ làm điều đó,
Lẽ nào Ta để danh Ta bị lăng nhục sao?
Ta không nhường vinh quang Ta cho thần nào khác.

48:1 "Hãy nghe đây" Đây là một THỂ MỆNH LỆNH rất phổ biến (BDB 1033, KB 1570) trong Ê-sai, cũng như trong Phục Truyền, Các Vua, Gióp, Thi Thiên, và A-mốt, để bắt đầu một phần mới (của sách) (Ê-sai 1:2,10; 7:13; 28:23; 36:13; 37:17; 47:8; 46:3,12; 47:8; 48:1,14,16; 49:1; 51:1,7; 55:2; 66:5). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn thông điệp của Ngài được "lắng nghe" và "sống bày tỏ ra." Sự mặc khải yêu cầu sự vâng lời! Lẽ thật không chỉ ở trong tâm trí nhưng là những sự lựu chọn trong lối sống!

NASB, NRSV, Peshitta	**"từ thắt lưng của Giu-đa"**
NKJV	**"từ suối nguồn của Giu-đa"**
TEV	**"ngươi là những kẻ hậu tự ra từ Giu-đa"**
NJB, JPSOA	**"được thiết lập từ nguồn nước của Giu-đa"**
REB	**"từ dòng dõi của Giu-đa"**
LXX	**"ra từ Giu-đa"**

Có ba từ Hê-bơ-rơ (có thể) trong nỗ lực để giải thích cụm từ này.

1. Những dòng nước," וממי (the UBS Text Project, trang 128, đánh giá một điểm "B" – BDB 565
2. "thắt lưng (cơ quan sinh dục)," וממעי (NASB, NRSV, AB) – BDB588
3. "dòng dõi," ומזרע (REB) – BDB 281

Mọi từ Hê-bơ-rơ này đều là những ẩn dụ của dòng dõi theo những ý nghĩa tự nhiên của nhóm người, tộc người, gia đình.

Chú ý mọi dòng dõi đều được gọi tên bởi

1. Gia-cốp
2. Y-sơ-ra-ên

3. Giu-đa

Điều này ngụ ý chỉ về những người quay trở về (hầu hết từ ba chi phái ở phía nam được gọi với tên Giu-đa) từ cõi lưu đày. Y-sơ-ra-ên giờ đây chỉ về tất cả hậu tự của Áp-ra-ham, cũng như nó đã là từng trước thời kỳ Hoàng Gia Thống Nhất bị phân đôi vào năm 922 T.C.

▣ **"Những người …thề. . .kêu cầu"** Cả hai ĐỘNG TỪ này đều chỉ đến những hành động thờ phượng.

1. nhân danh (BDB 989, KB 1396, *Niphal* PHÂN TỪ, Ê-sai 19:18; 65:16; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kêu Cầu bằng Tên (Special Topic: Call On the Name))
2. Cầu khẩn (theo nghĩa đen "nhắc để nhớ," BDB 269, KB 269, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 12:4; 26:13; 62:6)

NASB, NKJV, LXX	**"*nhưng* không ở trong lẽ thật cũng như sự công chính"**
NRSV	**"nhưng không ở trong lẽ thật và lẽ phải"**
TEV	**"Nhưng ngươi không có ý định những lời ngươi nói ra"**
NJB	**"dù không ở trong đức tin đúng đắn và sự ngay thẳng "**
JPSOA	**"dù không ở trong lẽ thật và sự chân thành "**
REB	**"Nhưng không bằng sự trung thực và chân thành "**

Ôi chao, thật là một sự lượng giá định tội trên sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên! Từ "lẽ thật," אמת (BDB 54), có nghĩa là "sự trung tín." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tin, Sự Tin Cậy, Đức Tin và Sự Thành Tín trong Cựu Ước (Special Topic: Believe, Trust, Faith, and Faithfulness in the OT).

Đối với từ thứ hai, צדקה (BDB 842) hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự công chính (Special Topic: Righteousness)

48:2 Hai dòng đầu gợi nhắc cho tôi "Bài Giảng Đền Thờ" của Giê-rê-mi trong Giê-rê-mi 7, nơi mà người Y-sơ-ra-ên đặt lòng tin cậy nơi đền thờ nhưng không phải nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. họ xưng mình là người xuất thân từ thành thánh (BDB 894, KB 1128, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, Ê-sai 48:1; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy))
2. nương cậy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (BDB 701, KB 759, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH)

Sự thờ phượng của họ có vẻ như rất chính thống và sùng đạo nhưng nó lại sai trật và hướng đến một nguồn sai trật.

48:3 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA một lần nữa phán (hãy chú ý số lần của từ "Ta") về sự tể trị trên thời gian và lịch sử của Ngài. Ngài sử dụng lời tiên tri báo trước về tương lai để bày tỏ cho dân sự của Ngài về sự thực hữu và quyền năng của Ngài.

48:4 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả về dân sự Ngài là

1. cứng đầu (Ê-xê-chi-ên 2:4; 3:7; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bướng Bỉnh (OT)(Special Topic: Stubbornness (OT))
2. cổ ngươi có gân sắt
3. trán ngươi cứng như đồng

▣ **"biết"** Từ này (BDB 393, KB 390) được sử dụng một vài lần trong đoạn này (Ê-sai 48:4,6,7,8 [hai lần]), nơi mà nó có nghĩa là "kiến thức về," nhưng nó có thể có nghĩa là "mối liên hệ mật thiết với."
Chủ Đề Đặc Biệt: Biết (Special Topic: Know)

48:6 Có một vài câu hỏi về cách dịch của những ĐỘNG TỪ của hai dòng đầu. Tôi thích các dịch của bản NJB, "Ngươi đã nghe và thấy tất cả những điều này, tại sao ngươi lại không xưng nhận nó?"

Từ "nó" chỉ đến những sự báo trước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 48:5). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chứng minh sự thực hữu của Ngài bởi những sự thông biết và kiểm soát những sự kiện trong tương lai ảnh hưởng trên mọi dân tộc chứ không chỉ trên Y-sơ-ra-ên/Giu-đa.

Để xem về "những việc mới", hãy xem bài viết đầy đủ này tại Ê-sai 62:2.

48:8 "hành xử rất phản bội" Đây là một dạng ngữ pháp tăng nặng, đó là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH đi cùng với một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI của cùng một gốc từ (BDB 93, KB 108).

▣ **"kẻ phản loạn từ trong lòng mẹ "** Hãy xem Phục Truyền 9:7. Ngay cả trong sự rời khỏi Ai Cập, Y-sơ-ra-ên đã rất phản nghịch (ví dụ, Ê-xê-chi-ên 20:8,13; A-mốt 5:2526).

48:9 Đây là một phần tóm lược rất hay về nan đề của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với dòng dõi của Áp-ra-ham. Ngài muốn sử dụng họ để rồi cả thế giới sẽ biết Ngài và muốn đến với Ngài (Sáng Thế Ký 12:3, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-sai 40:15). Nhưng họ đã không trung tín. Ngài đã công bố, "linh hồn nào phạm tội sẽ chết" (Sáng Thế Ký 2:16,17; Ê-xê-chi-ên 18:4,20). Giờ đây lời Đức Chúa Trời và ý định của Đức Chúa Trời sẽ rơi vào trong sự mâu thuẫn.

Ngài sẽ chọn để hành động cho một sự tốt lành tuyệt vời hơn (sự cứu rỗi cho toàn nhân loại, 1 Sa-mu-ên 12:22; Thi Thiên 106:8; Giê-rê-mi 14:7; Ê-xê-chi-ên 20:89,14,17). Phần Kinh Thánh mô tả điều này một cách quá tuyệt vời chính là Ê-xê-chi-ên 36:22-36! Những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên để phục vụ cho mục đích vĩ đại hơn của Ngài! Lẽ nào đây không phải là những gì Ê-sai 48:11 đang khẳng định? Đây chính là sứ điệp tuyệt vời của Ê-sai.

48:10

NASB, NKJV, JPSOA	**"thử"**
NRSV, Peshitta	**"tinh luyện"**
NJB	**"chọn lựa"**
REB	**"tinh lọc"**
LXX	**"giải cứu"**

Bản MT dùng ĐỘNG TỪ "chọn" (בחר, BDB 103, KB 119, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, NJB), nhưng cuộn DSS sách Ê-sai có một ĐỘNG TỪ tương tự, "thử rèn" (בחן, BDB 103, KB 119), vốn phù hợp với văn mạch tốt hơn.

48:11 Câu này tương tự với văn mạch của Ê-xê-chi-ên 36:22-36. Dòng cuối được phản ánh trong Ê-sai 42:8.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 48:12-16

[12] Hỡi Gia-cốp tức là Y-sơ-ra-ên mà Ta đã gọi,
Hãy nghe Ta!
Ta là Đấng ấy;
Ta là đầu tiên và là cuối cùng.
[13] Tay Ta đã đặt nền móng quả đất,
Tay phải của Ta đã giương các tầng trời;
Khi Ta gọi,
Trời và đất đều đứng lên.
[14] Tất cả các ngươi hãy tập hợp lại và lắng nghe!
Ai trong số họ đã rao báo những điều nầy?
Người mà Đức Giê-hô-va yêu
Sẽ làm hài lòng Ngài trong việc chống lại Ba-by-lôn,
Cánh tay người sẽ chống lại người Canh-đê.
[15] Ta, chính Ta đã phán và đã gọi người,
Ta đã đem người đến, và người sẽ thành công trong đường lối mình.
[16] Hãy đến gần Ta và nghe điều nầy:
Từ ban đầu, Ta chưa từng nói cách bí mật.
Ta đã ở đó từ lúc điều ấy xảy ra.
Bây giờ, Chúa là Đức Giê-hô-va sai Ta đến
Cùng với Thần của Ngài."

48:12 "Ta là Đấng ấy ; Ta là đầu tiên và là cuối cùng." Đây là một thành ngữ được lặp đi lặp lại theo chu kỳ trong Ê-sai (Ê-sai 41:4; 44:6) và trở nên một sự định danh cho Đấng Christ trong Khải Huyền 1:8,17; 22:13! Nó chứng tỏ về Đức Chúa Trời tạo hóa (Ê-sai 48:13) và đời đời. Quá khứ đời đời, tương lai đời đời. Đức Chúa Trời duy nhất chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

48:14 " Tất cả các ngươi hãy tập hợp lại " Mạng lệnh tập hợp này (BDB 867, KB 1062, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH) chỉ về " Hỡi Gia-cốp tức là Y-sơ-ra-ên " của câu 12.

▣ **" Ai trong số họ đã rao báo những điều nầy "** Từ "ai" có vẻ, trong văn mạch, chỉ về những nhà chiêm tinh học, tiên tri giả dối và, những thầy bùa trong Ê-sai 47:11. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ hiện thực về chính Ngài bằng những sự báo trước tương lai và những hành động của Ngài, vốn sẽ gây kinh ngạc cho những người nghe.

Những điều được công bố sẽ phải xảy ra với sự đoán phạt của Ngài trên Ba-by-lôn bởi Vua Si-ru II (Ba Tư), câu 16.

48:15 Cụm từ đầu ("Ta, chính Ta đã phán" BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) là một cách thừa nhận quyền năng của lời phán của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 55:11). Những mục đích của Ngài không thể bị cản trở!

Chủ Đề Đặc Biệt: Đế Chế Mê-đô Ba Tư: Khảo Sát về Sự Nổi Lên của Vua Si-ru II (Special Topic: Medo-Persian Empire: Survey of the Rise of Cyrus II)

48:16

NASB	**"Giờ đây Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã sai ta, và Thần Linh của Ngài "**
NKJV	**"và giờ đây Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Thần Linh Ngài đã sai ta "**
NRSV	**"và giờ đây Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã sai ta và thần Ngài"**
TEV	**"Giờ đây Đức Giê-hô-va Toàn Năng đã ban cho ta năng lực Ngài và sai ta "**
NJB	**"và giờ đây Chúa Giê-hô-va đã sai ta với thần của Ngài "**
JPSOA	**"và giờ đây Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã sai ta, và phó cho ta với Thần Linh của Ngài "**
LXX	**"và giờ đây Đức Giê-hô-va đã sai ta với thần Ngài "**

Ôi ! Có bao nhiêu nhân vật và ai là những nhân vật được nhắc đến? Ai là người nói? Rõ ràng chỉ có thể là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Thần Linh Ngài rõ ràng giống với Sáng Thế Ký 1:2; Ê-sai 11:2; 42:1; 61:1. Nhưng ai là "ta"?

1. từ "Ta" của dòng thứ 3, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. tiên tri Ê-sai
3. Đấng Mê-si (hoặc Tôi Tớ)
4. Si-ru II (như là người đang nói), từ câu 14-15

Các Cơ Đốc Nhân có thể nhìn thấy dễ dàng Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong phần Kinh Thánh này (hãy xem Ba Ngôi Đức Chúa Trời). Cùng ba thân vị như trên được nhắc đến trong Ê-sai 61:1.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Đức Thánh Linh (Special Topic: The Personhood of the Spirit) và Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 48:17-19

17 Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc ngươi,
Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên phán thế nầy:
"Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,
Là Đấng dạy dỗ ngươi để ngươi được ích lợi,
Và dẫn ngươi vào con đường ngươi phải đi.
18 Ước gì ngươi đã chú ý đến các điều răn của Ta,
Thì sự bình an của ngươi sẽ như dòng sông,
Và sự công chính của ngươi như sóng biển;
19 Dòng dõi ngươi sẽ đông như cát,
Con cháu ngươi nhiều như cát bụi.
Danh của chúng sẽ không bị diệt,
Cũng chẳng bị xóa bỏ trước mặt Ta."

48:17 " Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc ngươi, Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên " Đây là một danh xưng được lặp đi lặp lai trong phần này của sách Ê-sai (Ê-sai 41:14; 43:14; 49:7,26; 54:5,8). Nó được mô tả khác biệt nhẹ nhưng trong một cách song hành với Ê-sai 49:26, " Đức Giê-hô-va, Cứu Chúa của con, Là Đấng Cứu Chuộc con, Đấng Toàn Năng của Gia-cốp."

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh (Special Topic: Names for Deity)

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

▣ **"Đấng dạy dỗ ngươi để ngươi được ích lợi "** Đây chính là từ "lợi ích" (BDB 418 I, *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP) trong nghĩa của cơ hội, mối lợi (Job 21:15; 35:3; Giê-rê-mi 12:13; Ê-sai 47:12). Thường nó được sử dụng cho điều mà những hình tượng không thể đem lại cho những kẻ thờ phượng chúng (Ê-sai 44:9,10; 57:12; 1 Sa-mu-ên 12:21; Giê-rê-mi 2:8; 7:8,11; 23:32; Ha-ba-cúc 2:18).

▣ **" Và dẫn ngươi vào con đường ngươi phải đi "** Đây là một thành ngữ Sê-mít của một đời sống công chính giống như là một "con đường đúng đắn" (Thi Thiên 32:8; 119:105). Ở nó chỉ đến sự hiện diện và chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên đường quay trở về quê hương từ sự lưu đày (Ê-sai 48:20; 49:9-10).

48:18-19 Đây chính là một cụm từ "ước gì (nếu như). . ." bày tỏ sự phước hạnh và rủa sả giao ước của Lê-vi Ký 26 và Phục Truyền 27:29. Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và gặt lấy những hậu quả kinh khiếp. Cô ấy (Y-sơ-ra-ên) đã được dựng nên cho sự công bình và sự mặc khải, nhưng sự không vâng lời và sự thờ hình tượng đã dẫn cô ta vào trong sự tối tăm và hỗn loạn|.

48:19 "như cát" Đây là sự sử dụng ba ẩn dụ của Cựu Ước dùng cho dòng dõi đông đúc của Y-sơ-ra-ên (hãy xem bài viết đầy đủ trong Sáng Thế Ký 15:5).

1. Bụi đất
2. Những ngôi sao
3. cát

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 48:20-22

[20] Hãy ra khỏi Ba-by-lôn! Hãy trốn xa người Canh-đê!
Hãy vui vẻ reo hò mà loan báo và công bố tin nầy,
Hãy truyền ra cho đến tận cùng cõi đất!
Hãy nói: "Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc Gia-cốp, là đầy tớ Ngài!"
[21] Khi Ngài dẫn họ qua sa mạc thì họ không khát;
Vì Ngài đã khiến nước từ vầng đá chảy ra cho họ,
Ngài chẻ vầng đá thì nước tuôn ra.
[22] Nhưng Đức Giê-hô-va phán:
"Những kẻ ác chẳng bao giờ được bình an."

48:20 Đây là một chuỗi những mệnh lệnh dành cho những người Do Thái lưu đày trở về.

1. Hãy ra khỏi Ba-by-lôn – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 422, KB 425)
2. Hãy trốn xa khỏi người Canh-đê– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 137, KB 156)
3. Hãy vui vẻ reo hò mà loan báo – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 616, KB 665)
4. Hãy công bố tin nầy – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1033, KB 1570)
5. Hãy truyền ra cho đến tận cùng cõi đất – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 422, KB 425)
6. Hãy nói. . . - *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 55, KB 65)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA công bố cho dân sự Ngài để họ rời khỏi cõi lưu đày và trở về quê hương. Đối với thế giới, Ngài công bố mục đích của Ngài (Ê-sai 62:11; Giê-rê-mi 31:10; 50:2) và rằng Ngài đã hoàn tất kế hoạch ấy! Ngài muốn thế giới biết điều này để họ sẽ đến và biết Ngài (Ê-sai 2:2-4; 42:6; 45:22-23; 51:4-5; 60:1,3; Công Vụ 13:46-49)!

48:21 Sự trở về từ sự lưu đày bởi người A-si-ri và Ba-by-lôn (Ê-sai 35:6; 49:10) đã được xem như là một cuộc xuất hành và lang thang trong hoang mạc mới (Xuất 17:6; Phục Truyền 8:15). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chu cấp cho mọi nhu cầu của họ. Ngài sẽ ở với họ cũng như Ngài đã từng ở với dân Y-sơ-ra-ên trong suốt cuộc xuất hành.

48:22 Đây là một thông điệp tổng kết liên hệ với những kẻ vô tín, những người thờ hình tượng (Ê-sai 57:21; 59:8). Bất kỳ con đường nào không có ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là con đường của sự hủy diệt và thất bại. Tiến trình

đưa ra quyết định này được biết trong Cựu Ước như là "hai con đường" (Phục Truyền 30:15; Thi Thiên 1:1; Châm 4:10-19; Giê-rê-mi 21:8; Ma-thi-ơ 7:13-14).

Ê-SAI 49

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Cứu Rỗi Vươn Đến Tận Cùng Trái Đất	Tôi Tớ, Ánh Sáng Cho Các Dân Ngoại	Bài Ca Thứ Hai về Tôi Tớ	Y-sơ-ra-ên, Một Ánh Sáng Cho Các Dân Tộc	Bài Ca Thứ Hai về Tôi Tớ
49:1-4 (1-4)	49:1-2 (1-2)	49:1-4 (1-4)	49:1-3 (1-3)	49:1-7 (1-7)
	49:3-4 (3-4)		49:4-5 (4-5)	
49:5-7 (5-7)	49:5-6 (5-6)	49:5-6 (5-6)		
		Sự Quay Về và Sự Phục Hồi	49:6 (6)	
	49:7 (7)	49:7 (7)	49:7a (7a)	
			49:7b (7b)	
			Sự Phục Hồi trên Giê-ru-sa-lem	Sự Trở Về Quê Hương Đầy Vui Mừng
49:8-13 (8-13)	49:8-9a (8-9a)	49:8-12 (8-12)	49:8-10 (8-10)	49:8-12 (8-12)
	49:9b-12 (9b-12)			
			49:11-16 (11-16)	
	49:13 (13)	49:13 (13)		49:13-17 (13-17)
Những Lời Hứa dành Cho Si-ôn	Đức Chúa Trời Sẽ Ghi Nhớ Si-ôn			
49:14-21 (14-21)	49:14-18 (14-18	49:14-18 (14-18)		
			49:17-18 (17-18)	
				49:18-22 (18-22)
	49:19-21 (19-21)	49:19-21 (19-21)	49:19-21 (19-21)	
49:22-23 (22-23)	49:22-23 (22-23)	49:22-23 (22-23)	49:22-23 (22-23)	
				49:23-26 (23-26)
49:24-26 (24-26)	49:24 (24)	49:24-26 (24-26)	49:24 (24)	
	49:25-26 (25-26)		49:25-26 (25-26)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Đơn vị văn học của Ê-sai 40-66 tập chú vào sự phục hồi của Đức Chúa Trời trên dân sự Ngài thông qua công việc của"Tôi Tớ Ngài" (Ê-sai 49-57). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant).

B. Đoạn này được biết như là Bài Ca Tôi Tớ thứ hai. Hãy xem danh sách đầy đủ của những Bài Hát/ Bài Ca tại Phần Giới Thiệu vào Ê-sai 42, phần A.

C. Đoạn này có một vài lẽ thật quan trọng.
   1. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một Đấng Cứu Rỗi/ Tôi Tớ đặc biệt
   2. Tôi Tớ đặc biệt này sẽ mang tất cả dân sự đến với Đức Chúa Trời
   3. Đức Chúa Trời đã không quên dân sự Tôi Tớ Ngài, Y-sơ-ra-ên

D. Chú ý những chủ đề và hình ảnh song hành giữa Ê-sai 40 và 49.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:1-4

[1] Hỡi các hải đảo, hãy nghe tôi!
Hỡi các dân xa xăm, hãy chú ý:
Đức Giê-hô-va đã gọi tôi từ trong bụng mẹ,
Ngài nhắc đến tên tôi khi tôi còn trong lòng mẹ.
[2] Ngài khiến miệng tôi giống như thanh gươm sắc bén,
Che tôi dưới bóng tay Ngài.
Ngài làm cho tôi như mũi tên nhọn,
Và cất tôi trong ống tên của Ngài.
[3] Ngài phán với tôi: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, con là đầy tớ Ta,
Ta sẽ được tôn vinh bởi con."
[4] Còn tôi, tôi nói: "Tôi đã làm việc luống công,
Đã tốn sức vô ích và không kết quả."
Nhưng Đức Giê-hô-va xét công minh cho tôi,
Đức Chúa Trời ban phần thưởng cho tôi.

49:1 "Hãy nghe" Hãy xem bài viết đầy đủ về THỂ MỆNH LỆNH mang tính dẫn nhập tại Ê-sai 48:1.

Có hai THỂ MỆNH LỆNH để dẫn nhập vào một đơn vị văn học mới.

1. Hãy nghe – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1033, KB 1570)
2. Hãy chú ý – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 904, KB 1151)

Sự mặc khải của Đức Chúa Trời về chính mình Ngài và những mục đích của Ngài vốn để lắng nghe, hiểu và hành động!

▣ **"Hỡi các hải đảo. . .các dân xa xăm "** Những cụm từ song hành này bày tỏ một sự ngụ ý toàn cầu về công việc của tôi tớ (Ê-sai 42:6-7). Tình yêu của Đức Chúa Trời

1. Nhắc lại giao ước với dòng dõi của Áp-ra-ham (Ê-sai 49:5-6b)
2. Nhắc lại giao ước với cả nhân loại, Sáng Thế Ký 3:15; 12:3 (Ê-sai 49:6c)

Có một khía cạnh hai mặt đối với thông điệp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

1. Dành cho dân lưu đày Do Thái trở về dưới thời Vua Si-ru
2. Đối với các dân quay trở về dưới Tôi Tớ/Đấng Mê-si

Trong sách Ê-sai luôn có tầm nhìn vào thời điểm hiện tại (A-si-ri); tương lai gần (Ba-by-lôn, Ba Tư), và tương lai xa (thời đại phúc âm). Sự khao khát của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Y-sơ-ra-ên về

1. Sự công chính
2. Sự mặc khải dành cho các dân tộc

đã chưa bao giờ được hoàn thành. Sự ủy nhiệm truyền giáo (phúc âm) (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-sai 40:15) đã được truyền lại cho dân sự của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8).

Chủ Đề Đặc Biệt: Tại sao những Lời Hứa Giao Ước Cựu Ước Dường Như Quá Khác Biệt với Những Lời Hứa Tân Ước? (Special Topic: Why Do OT Covenant Promises Seem So Different from NT Covenant Promises?)

▣ **"Đức Giê-hô-va đã gọi tôi từ trong bụng mẹ"** Bản NASB có những DANH TỪ được viết hoa để chỉ về Đấng Mê-si, Tôi Tớ mang tính cá nhân. Sự kêu gọi đặc biệt của Đức Chúa Trời được mô tả trong phần kêu gọi từ trong khi còn trong bào thai (cũng như trường hợp của Giê-rê-mi, Giê-rê-mi 1:5). Đây rõ ràng là một sự căng thẳng (mâu thuẫn) trong những đoạn Kinh Thánh về "Tôi Tớ" giữa những khía cạnh cá nhân và tập thể của Tôi Tớ. Rất rõ rằng từ 41:8-9; 42:19; 43:10; 49:3 đây là danh xưng được sử dụng cho tập thể Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, sự tập chú cá nhân của những DANH TỪ SỐ ÍT của đoạn 49 và công việc của một cá nhân trong Ê-sai 52:13-53:12 cho thấy rằng những đoạn Kinh Thánh này có hai sự tập chú song song. Sự tập chú song song này có thể thấy trong đoạn 42. Những câu từ 1-4 liên hệ với Đấng Mê-si, trong khi Ê-sai 49:19-21 rõ ràng là tập thể Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên được gọi trở thành những thầy tế lễ để mang thế giới đến với Đức Chúa Trời, Sáng Thế Ký 12:1-3; Xuất 19:4-6. Họ đã thất bại bởi vì họ đã không và không thể giữ giao ước. Đức Chúa Trời hoàn thành công việc của sự cứu chuộc toàn cầu của Ngài thông qua một người Y-sơ-ra-ên trung tín -Chúa Jesus! Cùng một sự căng thẳng (mâu thuẫn) giữa tính cá nhân và tập thể có thể thấy trong 49:6 được trích trong Lu-ca 2:32 để chỉ về chức vụ của Chúa Jesus và trong Công Vụ 13:46-49 chỉ về chức vụ của Phao-lô và Ba-na-ba.

▣ **"khi tôi còn trong lòng mẹ"** Từ "lòng (cơ thể)" nguyên văn là "những bộ phận bên trong" (BDB 588). Câu này nói về sự tạo thành và phát triển của một em bé (Thi Thiên 139:13). Cùng một từ được sử dụng trong Ê-sai 48:19 dùng cho "hậu tự" (cũng hãy xem Sáng Thế Ký 15:4).

▣ **"Ngài nhắc đến tên tôi "** Tôi Tớ được gọi và đặt tên bởi. Ngài chính là Đấng đại diện đặc biệt Ngài.

Những sự song hành này mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm cho Y-sơ-ra-ên trong Ê-sai 43:1. Có một sự lưu thông thực sự và tiếp diễn giữa hình ảnh tập thể và cá nhân liên hệ với Tôi Tớ!

49:2 "Ngài khiến miệng tôi giống như thanh gươm sắc bén" Đây là một ẩn dụ mô tả về một người phát ngôn đầy uy quyền, ở đây và trong Ê-phê-sô 6:17; Hê-bơ-rơ 4:12 nó bày tỏ về một sự mặc khải. Nó cũng được sử dụng để mô tả về Đấng Christ được vinh hiển như Đấng Phán Xét trong Ê-sai 11:4; Khải Huyền 1:16; 2:12-16; 19:15,21.

▣ **"Che tôi dưới bóng tay Ngài"** Câu này có hai ẩn dụ về sự bảo vệ và chỗ ẩn náu (Ê-sai 51:16; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bóng (Special Topic: Shadow)) cho đến đúng thời điểm. Nhiệm vụ của Tôi Tớ được chuyên biệt hóa và rất đặc biệt. Mặc dù suy nghĩ này được được đóng khung bởi cụm từ lặp đi lặp lại theo chủ đề trong Tân Ước "khi kỳ hạn đã được trọn" (Mác 1:15; Gal. 4:4; Ê-phê-sô 1:10; 1 Ti-mô-thê 2:6; Tít 1:3).

49:3-4 Sự tập chú của những câu Kinh Thánh này chính là Tôi Tớ là tập thể Y-sơ-ra-ên, nhưng Tôi Tớ tập thể này đã thất bại đối với nhiệm vụ được giao! Y-sơ-ra-ên đã là công cụ được chọn của Đức Chúa Trời cho sự cứu chuộc của thế gian., Ê-sai 49:6c,d, nhưng giờ đây chính cô ta phải được cứu chuộc (Ê-sai 49:5-6a,b; 53:8d). Câu 5-6 nói về một cá nhân người Y-sơ-ra-ên được sai đi bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

49:3 "Tôi tớ Ta" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

49:4 Có một câu hỏi theo văn mạch rằng những câu này liên hệ đến sự thất bại của Y-sơ-ra-ên hay là sự chịu khổ của Đấng Mê-si. Mọi ĐỘNG TỪ đều ở THỂ HOÀN THÀNH. Sự mơ hồ về ngữ nghĩa có thể là cố ý!

Hai dòng cuối kết lại của Ê-sai 49:4 mô tả một sự tin cậy cuối cùng nơi công lý và phần thưởng của Đức Chúa Trời (Ê-sai 49:5c).

▣ **" Đức Chúa Trời ban phần thưởng cho tôi "** Tôi nghĩ rằng điều này liên hệ với 53:10-11. Phần thưởng ở đây sẽ được cứu chuộc trên một quy mô toàn cầu!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:5-7

[5] Bây giờ, Đức Giê-hô-va,
Đấng đã lập tôi làm đầy tớ Ngài từ trong bụng mẹ,
Để tôi dẫn Gia-cốp trở về cùng Ngài
Và tập hợp Y-sơ-ra-ên cho Ngài;
Vì tôi được tôn trọng dưới mắt Đức Giê-hô-va,
Và Đức Chúa Trời tôi là sức mạnh của tôi;
[6] Ngài phán với tôi rằng:
"Việc con làm đầy tớ Ta để lập lại các bộ tộc của Gia-cốp,
Và đưa những người Y-sơ-ra-ên được bảo vệ trở về
Chỉ là việc nhỏ;
Ta sẽ khiến con làm ánh sáng cho các nước,
Để đem sự cứu rỗi của Ta đến tận cùng trái đất."
[7] Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc và Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
Phán cùng người bị người ta khinh thường,
Bị dân nầy ghê tởm, là đầy tớ của kẻ có quyền thế:
"Các vua sẽ thấy và đứng lên;
Các thủ lĩnh sẽ quỳ lạy
Vì Đức Giê-hô-va là Đấng thành tín,
Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã chọn con."

49:5 "Để mang Gia-cốp trở về với Ngài " Câu này và Ê-sai 49:6b chỉ ra rằng Tôi Tớ phải phục hồi Y-sơ-ra-ên, và vì thế, Tôi tớ không thể là Y-sơ-ra-ên.

▣ **"(Ta sẽ khiến con làm ánh sáng cho các nước,**
Để đem sự cứu rỗi của Ta đến tận cùng trái đất)"
Đây là một bình luận từ Tôi Tớ. Nó có thể là một cách khích lệ Tôi Tớ ở giữa những sự thất vọng và chống đối của Ngài sẽ phải đối diện trong chức vụ của Ngài (Ê-sai 53:1-12).

49:6 "to restore the preserved ones of Y-sơ-ra-ên" This phrase refers to the faithful remnant of the Chosen People, the chosen instrument of revelation. The hope of a restored, believing Y-sơ-ra-ên is seen in Xa-cha-ri 12:10 and Rô-ma 9-11 (hãy xem những bộ giải kinh về các sách này www.freebiblecommentary.org).

▣ **" Ta sẽ khiến con làm ánh sáng cho các nước,**
Để đem sự cứu rỗi của Ta đến tận cùng trái đất "
Chú ý Tôi Tớ/Đấng Mê-si có hai mục đích. Nếu Ê-sai 49:5 phản ánh sự tập chú vào chức vụ của Phúc âm trên Y-sơ-ra-ên, thì Ê-sai 49:6 giới thiệu về một sự mở rộng tren toàn cầu của hội thánh đầu tiên. Sự lan rộng trên toàn cầu là một chủ đề được lặp lại cách thường xuyên trong Ê-sai (Ê-sai 2:2-4; 42:6-12; 45:22-23; 51:4-5; 60:1,3; 66:23; Công Vụ 13:46-49).

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

49:7 " Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc và Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên " Chuỗi của những danh xưng này (hãy xem bài viết tại Ê-sai 48:17) chỉ cho chúng ta sự căng thẳng (mâu thuẫn) giữa

1. Đức Chúa Trời siêu việt (nằm ngoài giới hạn của thế giới vật chất) và nội tại (vô cùng lớn)
2. Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi và Đức Chúa Trời là Đấng Phán Xét
3. Đức Chúa Trời là bạn và Đức Chúa Trời là chủ

Chúng ta cần phải nắm giữ sự xưng công chính và sự nên thánh cùng với nhau. Chúng hình thành cùng một mục đích! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn một dân bày tỏ đặc tính của Ngài.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh (Special Topic: Sanctification)

▣ **" Phán cùng người bị người ta khinh thường,**
Bị dân nầy ghê tởm, là đầy tớ của kẻ có quyền thế "

Câu này hàm ý về sự hạ thấp của Tôi Tớ, ngay cả sự chối bỏ Tôi Tớ (Ê-sai 50:4-11; 52:14-53:6; Thi 22). Nhưng cuối cùng tất cả mọi thẩm quyền trên toàn trái đất sẽ đều nhìn nhận Ngài (Phi-líp 2:6-11, vốn được ngụ ý chỉ đến Ê-sai 45:22-23).

Thật mỉa mai rằng kẻ bị khinh ghét và ghê tởm bởi các dân tộc (Thi 2) chính là Đấng sẽ mang sự cứu rỗi đến cho các dân tộc!

▣ **" Vì Đức Giê-hô-va là Đấng thành tín, Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã chọn con "** Ở đây chính là chìa khóa của niềm hy vọng của chúng ta, sự thành tín của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Niềm hy vọng của chúng ta chính là đặc tính của Đấng đã được gọi, hứa và cứu chuộc!

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Cựu Ước) (Special Topic: Characteristics of Israel's God)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:8-13

[8] Đức Giê-hô-va phán thế nầy:
"Ta đã nhậm lời con trong thì thuận tiện,
Ta đã phù hộ con trong ngày cứu rỗi.
Ta sẽ gìn giữ con,
Đặt con làm giao ước của dân,
Để xây dựng lại xứ sở,
Và chia đất bị bỏ hoang làm cơ nghiệp;
[9] Để bảo kẻ bị tù: 'Hãy đi ra,'
Bảo kẻ ở trong bóng tối: 'Hãy ra ngoài ánh sáng!'
Họ sẽ chăn bầy trên đường đi,
Và đồng cỏ họ sẽ ở trên mọi đồi trọc.
[10] Họ sẽ không đói cũng không khát,
Hơi nắng và mặt trời chẳng còn hành hạ họ,
Vì Đấng thương xót họ sẽ dẫn dắt họ,
Đem họ đến gần các suối nước.
[11] Ta sẽ khiến mọi núi của Ta trở thành đường đi,
Và các đường cái của Ta sẽ được bồi đắp.
[12] Kìa, những người nầy sẽ đến từ nơi xa,
Những người kia sẽ đến từ phương bắc, và từ phương tây,
Và những người khác đến từ đất Si-nim.
[13] Hỡi các tầng trời, hãy reo hò! Hỡi đất, hãy vui mừng!
Hỡi các núi, hãy cất tiếng hát ca!
Vì Đức Giê-hô-va đã an ủi dân Ngài,
Và thương xót những kẻ khốn khổ của Ngài."

49:8 Chú ý rằng "trong thì thuận tiện" và "trong ngày cứu rỗi" song hành với nhau. Phần Kinh Thánh này được trích trong 2 Cô-rinh-tô 6:2. Nó được sử dụng trong Thi Thiên 69:13-15 cho một ngày của sự giải cứu. Nó có thể chỉ ra một sự giải cứu/cứu rỗi thuộc thể hoặc thuộc linh. Năm Hoan Hỷ (Lê-vi Ký 25:10) biểu tượng cho sự tha thứ các món nợ cách triệt để này. Trong văn mạch này chúng nói về sự trở về Palestine, vốn bắt đầu từ sắc lệnh của Si-ru vào năm 538 T.C. và được hoàn tất trong một vài đợt khác nhau.

1. Xết-ba-xa – Ê-xơ-ra 1
2. Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua – Ê-xơ-ra 2
3. Nê-hê-mi – Nê-hê-mi 1
4. Ê-xơ-ra – Nê-hê-mi 8

Chú ý những ĐỘNG TỪ trong Ê-sai 49:8 mô tả những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Ta đã nhậm lời con – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 772, KB 851)
2. Ta đã phù hộ (giúp đỡ) con – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 740, KB 810)
3. Ta sẽ gìn giữ con – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 665, KB 718)
4. (Ta sẽ) đặt con – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 678, KB 733)
    a. Để xây dựng lại xứ sở – *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 877, KB 1086)
    b. Và chia đất bị bỏ hoang làm cơ nghiệp – *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB635, KB 686)

▣ **". . . Đặt con làm giao ước của dân "** Cụm từ này được sử dụng trước đó trong Ê-sai 42:6 nơi mà những chủ đề Ê-sai 49:6,8 trùng khớp với nhau. Giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Áp-ra-ham và hậu tự của Ngài có một định hướng rộng hơn là chỉ Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 12:3; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)). Cụm từ này cũng được dùng cho toàn bộ thế giới (các dân). Đây là một sự ngụ ý thần học hợp lý của một Đức Chúa Trời độc thần duy nhất (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)), toàn bộ nhân loại được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 1:26-27), và một lời hứa cứu chuộc cả nhân loại trong Sáng Thế Ký 3:15, rất lâu trước khi có một dân tộc Y-sơ-ra-ên.

49:8d-12 Những câu này là những ẩn dụ của việc nuôi chiên trong những đồng cỏ dư dật. Chúng phản ánh phước hạnh giao ước của Phục Truyền 27-28. Dân sự của Đức Chúa Trời đã được phục hồi trở lại Đất Hứa! Phao-lô sử dụng phần Kinh Thánh này cho Thời Kỳ Mới trong 2 Cô-rinh-tô 6:2. Câu 10 cũng được sử dụng trong Khải Huyền 7:16, vốn chỉ về một sự bao gộp Những Dân Ngoại.

49:9 Dân Y-sơ-ra-ên được mô tả như đang ở trong ngục tối (ví dụ, kẻ bị tù, BDB 63, Ê-sai 42:7; 61:1).

1. Với những người đang bị xiềng xích
2. Với những người đang bị xiềng xích

Họ được bảo

1. Hãy đi ra– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 422, KB 425)
2. Hãy ra ngoài (trình diện) – *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH (nguyên văn "hãy tiết lộ (mở ra) chính mình," BDB162, KB 191)

49:10 " Đấng thương xót họ sẽ dẫn dắt họ " Có một vài danh xưng mô tả được dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Đấng thương xót họ – *Piel* PHÂN TỪ (BDB 933, KB 1216)
2. Đấng sẽ dẫn dắt họ– *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 624, KB 675)
3. Đấng sẽ đem họ – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 624, KB 675)

▣ Những ẩn dụ trong nông nghiệp về sự chu cấp từ Ê-sai 49:9 được tiếp tục.

1. Không còn đói
2. Không còn khát
3. Không còn hơi nóng (được sử dụng duy nhất ở đây và trong Ê-sai 35:7)

Sự quay trở về quê hương sẽ dễ dàng, được bảo vệ và với sự chu cấp dư dật. Cùng một hình ảnh này được sử dụng trong Khải Huyền 7:16 về một thời kỳ của Đấng Mê-si. Đấng Mê-si của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng chăn chiên của họ (Thi Thiên 121:5-6).

49:11 Sự tiến đến Giê-ru-sa-lem được đảm bảo cách ẩn dụ qua sự loại bỏ tất cả các chướng ngại vật và sự chu cấp của một sự sửa chữa và thậm chí dựng lên một con đường (Ê-sai 11:16; 19:23; 62:10).

Có nhiều luồng di chuyển tuôn chảy tự do giữa các quốc gia với mục đích thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Các dân tộc đã đến!

Thật thú vị rằng biết bao nhiêu lần Ê-sai đã sử dụng hình ảnh của một con đường

1. Một con đường cho những người Do Thái lưu đày trở về, Ê-sai 11:16; 57:14
2. Một con đường cho những kẻ thờ phượng Dân Ngoại để đến, Ê-sai 19:23
3. Một con đường thánh, Ê-sai 26:7; 35:8; 43:19; 49:11; 51:10
4. Một con đường của Đấng Mê-si, Ê-sai 40:3; 42:16

49:12 ". . . Và những người khác đến từ đất Si-nim " Địa điểm chính xác là không rõ. Sự nhấn mạnh của lời Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời sẽ đem toàn bộ dân sự của Ngài trở về nhà, ngay cả từ vùng đất xa xôi nhất.

1. NASB, NKJV, JPSOA, Peshitta – "Si-nim"
2. MT, NRSV, REB – "Syene" (BDB 696)
3. TEV, NIV, NJB – "Aswan"
4. DSS – " Người Syene "
5. LXX – "Vùng đất của những người Ba Tư"

Tất cả đều là những cách phát âm khác nhau (ngoại trừ bản LXX) của những thành phố cổ đại và hiện đại ở phía nam Ai Cập vốn có một cộng đồng dân cư lớn người Do Thái (Ê-xê-chi-ên 30:6).

49:13 "Hỡi các tầng trời. . .hỡi đất. . .hỡi các núi" Những tạo vật này đã phục vụ như những nhân chứng cho sự đoán phạt của Đức Chúa Trời chống lại dân sự Ngài (48:từ câu 1 trở đi). Giờ đây chúng phục vụ như là những nhân chứng vui mừng cho sự thành tín của Đức Chúa Trời (Ê-sai 44:23)!

Chú ý chuỗi của những THỂ MỆNH LỆNH.

1. Hãy reo hò – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 943, KB 1247)
2. Hãy vui mừng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 162, KB 189)
3. Hãy cất tiếng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 822, KB 953)

▣ **"an ủi"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự An Ủi (Special Topic: Comfort).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:14-21

14 Nhưng Si-ôn từng nói rằng: "Đức Giê-hô-va đã từ bỏ tôi;
Chúa tôi đã quên tôi."
15 "Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú,
Hoặc không thương đến con ruột của mình chăng?
Dù người mẹ quên con mình,
Ta vẫn không bao giờ quên con.
16 Nầy, Ta đã chạm con trong lòng bàn tay Ta;
Các tường thành của con luôn ở trước mặt Ta.
17 Con cái của con nhanh chóng trở về;
Kẻ phá hại, hủy diệt con sẽ rời khỏi con.
18 Hãy ngước mắt nhìn chung quanh;
Tất cả chúng đều tập trung lại và đến với con!"
Đức Giê-hô-va phán: "Thật như Ta hằng sống,
Con sẽ đeo tất cả chúng như đồ trang sức,
Và mang chúng như thắt lưng của cô dâu!
19 Thật, các nơi đổ nát hoang vu,
Và đất bị tàn phá của con,
Nay trở nên quá chật hẹp cho dân chúng ở.
Những kẻ ăn nuốt con sẽ lánh xa con.
20 Con cái mà con sinh trong thời gian mất người thân
Sẽ nói vào tai con:
'Đất đai chật hẹp quá cho con,
Hãy dọn chỗ cho con ở.'
21 Chắc con sẽ nói trong lòng:
'Ai đã sinh cho tôi những đứa con nầy?
Tôi đã mất hết con cái;
Tôi đã bị lưu đày không con, và tản lạc!

Vậy thì ai đã nuôi những đứa trẻ nầy?
Kìa, tôi đã bị bỏ lại một mình;
Vậy, những đứa trẻ nầy từ đâu ra?'"

49:14-21 Những câu này là những lời của sự an ủi bởi Đức Chúa Trời dành cho một Giê-ru-sa-lem (Si-ôn) sờn lòng và không có khả năng sinh sôi. Chú ý số lần của từ "quên' (BDB 1013, KB 1489) được dùng.

1. " Chúa tôi đã quên tôi " – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
2. " Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú " – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. " Dù người mẹ quên con mình " – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
4. " Ta vẫn không bao giờ quên con " – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Đức Chúa Trời sử dụng ngôn ngữ nhân hình (anthropomorphic language) để mô tả sự bảo vệ yêu thương và thành tín của Ngài dành cho những kẻ trở về qua phương tiện một ẩn dụ GIỐNG CÁI (hãy nghe bài giảng trực tuyến tai www.freebiblecommentary.org ở mục "Difficult and Controversial Texts," số 111, "Thuộc Tính Giống Cái (về mặt ngữ pháp) của Đức Chúa Trời."

49:15 Đây là một ẩn dụ đầy sức mạnh của một tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời (Ê-sai 66:9-13). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả với những từ ngữ của một người mẹ cho con bú. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề Và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: The Problems and Limitations of Human Language).

49:16-17 Đây là một ẩn dụ đầy mạnh mẽ khác của sự ghi nhớ không dời đổi của giao ước Ngài đối với dòng dõi của Áp-ra-ham. Ngay cả khi Giê-ru-sa-lem bị hủy phá, dân sự của Đức Chúa Trời vẫn hình dung ra một ngày mới của sự phục hồi!

49:17

NASB **"Hãy nhanh chóng hỡi ngươi những kẻ xây dựng"**
NKJV **"các con ngươi hãy làm cách gấp rút"**
NJB **"ngươi những kẻ xây dựng đang vội vã"**
JPSOA **"các con ngươi đang đến cách nhanh chóng"**

The UBS Text Project (trang 134-135) đánh giá hai lựa chọn.

1. Các con ngươi, בניך – MT, DSS
2. Những kẻ xây dựng của ngươi, בוניך – mà UBS gọi là "Sự phát âm kiểu Ba-by-lôn "

The UBS Text Project, trang 134-135, đánh giá lựa chọn #2 một điểm C (nghi ngờ đáng kể).

Dòng thứ hai cũng ở trong nghi vấn.

1. REV – "Những kẻ xây dựng của ngươi sẽ bỏ xa những kẻ hủy diệt ngươi"
2. NEB – "Những kẻ tái xây dựng ngươi sẽ làm với một tốc độ nhanh hơn những kẻ kéo ngươi xuống" Sự khác biệt này liên quan đến một sự phát âm của các phụ âm Hê-bơ-rơ (UBS Text Project, trang 135).

49:18 Giê-ru-sa-lem đã bị hủy diệt! Cô ta đã được mô tả bằng hình ảnh của một người mẹ không có con cái (Ê-sai 49:20-21). Chồng của cô ta, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, giờ đã phục hồi cô và chu cấp cho cô rất nhiều con cái như vương miện của cô ta trong những ngày già cả!

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thách thức những kẻ trở về hãy

1. Ngước mắt lên – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 669, KB 724)
2. Nhìn chung quanh– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 906, KB 1157)

49:21-22 Những người trở về với Giê-ru-sa-lem, vốn biểu tượng cho những người thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (đền thờ), sẽ trở nên quá đông đúc đến nỗi thành phố này sẽ không thể nào chứa nổi về mặt thuộc thể!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:22-23
[22] Chúa là Đức Giê-hô-va phán:
"Nầy, Ta sẽ giá tay trên các nước,
Dựng ngọn cờ cho muôn dân.
Bấy giờ, chúng sẽ bồng các con trai của con trong lòng,

Vác các con gái của con trên vai mà đến.
[23] Các vua sẽ làm cha nuôi của con,
Các hoàng hậu sẽ làm vú của con.
Họ sẽ cúi sát đất trước mặt con,
Liếm bụi đất dưới chân con.
Rồi con sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va;
Và những người trông cậy Ta sẽ chẳng hổ thẹn.

49:22-23 Trong Ê-sai 49:7 các lãnh đạo của các nước Dân Ngoại chối bỏ và nổi dậy chống lại Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời (Thi 2). Họ giờ đây đến Giê-ru-sa-lem cách ăn năn mang theo tuyển dân giao ước của Đức Chúa Trời, người Do Thái, với họ. Câu này không phải để tán dương Cựu Ước, nhưng là Đức Chúa Trời Đấng lập nên giao ước! Sự tôn kính mà Dân Ngoại dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ được nhìn thấy trong sự tôn trọng dân sự của Ngài (Ê-sai 45:14).

49:22 "Dựng ngọn cờ cho muôn dân " Cụm từ này song hành với " giá tay trên các nước." Tôi Tớ sẽ trở thành một dấu hiệu/ ngọn cờ cho các dân tộc (ví dụ, Người Ngoại) để họ tập hợp lại (Ê-sai 11:10,12). Mục đích cao nhất của một sự phục hồi cuối cùng của tuyển dân giao ước chính là sự phục hồi của toàn bộ nhân loại!

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

49:23 "Rồi con sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va " Y-sơ-ra-ên đã phải trở nên một nhân chứng cho các dân tộc. Giờ đây các dân tộc trở nên nhân chứng cho Y-sơ-ra-ên. Cũng như những Dân Ngoại tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và được thay đổi trở nên tín đồ trong một số lượng lớn, đây là một dấu hiệu cho Y-sơ-ra-ên rằng Đức Chúa Trời ở với họ nhưng họ cũng phải có đức tin (Rô-ma 9-11).

▣ **" những người trông cậy Ta sẽ chẳng hổ thẹn "** Khái niệm "chờ đợi (trông cậy)" được thấy trong Ê-sai khá thường xuyên: 25:9; 26:8; 40:31 (Thi Thiên 37:9). Đây là một sự tương đồng với những ai "tin cậy" nơi Tôi Tớ!

Cụm từ "làm hổ thẹn" là một chủ đề khác của Cựu Ước (Ê-sai 45:17; Thi Thiên 25:3; Giô-ên 2:27). Những ai trông đợi/ tin cậy sẽ không bị hổ thẹn/ thất vọng!

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự xấu hổ (Special Topic: Shame)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 49:24-26
[24] Có thể nào giật lại chiến lợi phẩm từ tay kẻ mạnh không?
Người công chính bị cầm tù có được giải cứu chăng?"
[25] Nhưng Đức Giê-hô-va phán:
"Thật, những kẻ bị người mạnh bạo bắt lấy sẽ được cứu thoát,
Chiến lợi phẩm của kẻ bạo ngược sẽ được giành lại.
Vì Ta sẽ chống cự kẻ đối địch con,
Và chính Ta sẽ giải cứu con cái của con.
[26] Ta sẽ làm cho kẻ áp bức con tự ăn thịt mình,
Say máu mình như say rượu mới.

49:24-26 Những câu này theo nghĩa bóng của kinh nghiệm một cuộc xuất hành thứ hai. Đức Chúa Trời đang giải phóng dân sự của Ngài một lần nữa khỏi những đế chế hùng mạnh của đời này. Thật quan trọng rằng mục đích của Đức Chúa Trời trong sự giải cứu lần này, cũng như trong lần giải cứu đầu tiên, không chỉ là để dân sự giao ước của Ngài có thể tự do ra đi nhưng còn là tất cả các dân tộc có thể biết Ngài (Ê-sai 49:26c; 45:6; Ma-la-chi 1:11).

49:24b

NASB, NRSV, NJB	**"một bạo chúa"**
NKJV	**"kẻ công chính"**
REB	**"kẻ nhẫn tâm"**
JPSOA	**"kẻ chiến thắng"**

Peshitta **"những kẻ khổng lồ"**
DSS **"kẻ hung bạo"**

Cách dịch này được đi theo bởi bản dịch NKJV được tìm thấy trong bản MT (TÍNH TỪ, BDB 843), nhưng những cách khác đi theo bản DSS, Syriac,và bản Vulgate.

1. công chính – צדיק (MT)
2. bạo chúa – עריץ (BDB 792)

The UBS Text Project, trang 136, đánh giá lựa chọn #2 một điểm "C" (nghi ngờ đáng kể).

49:25 "Vì Ta sẽ chống cự" Đây là hình ảnh của "bối cảnh một phiên tòa". Có lẽ cách sử dụng nó trong Giê-rê-mi 50:34 chiếu ánh sáng vào câu này.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA/Tôi Tớ đã thay đổi vai trò từ Đấng Buộc Tội thành Đấng Biện Hộ!

49:26d Chú ý một lần nữa rằng những danh xưng đầy mạnh mẽ được dùng cho Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16).

Ê-SAI 50

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức Chúa Trời Giúp Đỡ Tôi Tớ Ngài	Tôi Tớ, Niềm Hy Vọng Của Y-sơ-ra-ên	Giao Ước, Sự Thành Tín, và Sự Đoán Phạt		Hình Phạt dành cho Y-sơ-ra-ên
50:1-3 (1-3)	50:1-3 (1-3)	50:1-3 (1-3)	50:1 (1)	50:1-3 (1-3)
			50:2-3 (2-3)	
			Sự Vâng Lời của Tôi Tớ của Đức Giê-hô-va	Bài Ca Thứ Ba về Tôi Tớ
50:4-11 (4-11)	50:4-6 (4-6)	50:4-6 (4-6)	50:4-6 (4-6)	50:4-11 (4-11)
	50:7-9 (7-9)	50:7-9 (7-9)	50:7-9 (7-9)	
	50:10-11 (10-11)	50:10-11 (10-11)	50:10-11 (10-11)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Đây là Bài Ca về Tôi Tớ thứ ba (Ê-sai 50:4-11).

B. Trong Ê-sai 49:25d khung cảnh phiên tòa được sử dụng với Tôi Tớ trong vai trò của một Đấng biện hộ bảo vệ. Ở đây khung cảnh phiên tòa được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như hình ảnh của một cuộc ly hôn tuyển dân giao ước của Ngài bởi sự không chung thủy của họ. Thật là một ẩn dụ đáng kinh ngạc!

C. Trong sự tương phản với sự không chung thủy của tuyển dân giao ước, sự trung tín của Tôi Tớ, một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng, được nhấn mạnh. Ngài sẽ hoàn tất công việc mà dân Y-sơ-ra-ên đã không thể hoàn thành!

D. Hãy chú ý rằng phần lớn các bản dịch tiếng Anh nhìn thấy ba đoạn văn này trong Ê-sai 50:4-11, qua đó chúng nhấn mạnh ba lẽ thật chính.

1. Ê-sai 50:4-6
2. Ê-sai 50:7-9
3. Ê-sai 50:10-11

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 50:1-3

[1] Đức Giê-hô-va phán:
"Giấy ly hôn của mẹ ngươi
Mà Ta đã ly dị ở đâu?
Hoặc trong số các chủ nợ của Ta,
Ta đã bán các ngươi cho ai?
Nầy, các ngươi bị bán là vì tội lỗi mình;
Mẹ các ngươi bị ly dị là vì sự vi phạm của các ngươi.
[2] Tại sao khi Ta đến, chẳng có một ai?
Khi Ta gọi, không ai đáp lại?
Có phải tay Ta quá ngắn, không cứu chuộc được chăng?
Hay Ta không đủ sức để giải cứu chăng?
Nầy, Ta chỉ quở trách một tiếng, biển liền khô cạn.
Ta biến sông trở thành hoang mạc;
Cá dưới sông vì không có nước phải chết khát
Và hóa ra hôi thối.
[3] Ta lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời,
Và khoác cho chúng tấm vải sô."

50:1 Có hai tình huống mang tính luật pháp cổ xưa được sử dụng để nhấn mạnh về tình thế về luật pháp mà người Y-sơ-ra-ên đang đứng.

1. Sự ly dị một người vợ không chung thủy (Ê-sai 54:6-7; Giê-rê-mi 3:1,8; Ô-sê 2:4)
2. Việc bán một ai đó trở thành nô lệ để trừ nợ (Phục Truyền 32:30; 2 Các Vua 4:1; Neh. 5:5)

Bởi vì Y-sơ-ra-ên"những tội lỗi" và "sự vi phạm" cô ta đã bị đoán phạt và lưu đày. Nó không phải bởi vì sự yếu đuối của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng là do sự phản nghịch của dân sự Ngài (Ê-sai 59:2).

50:2 Câu này bắt đầu với một chuỗi những câu hỏi tu từ, cũng như trong Ê-sai 50:1 xảy ra hai lần. Hai lần đầu tiên hướng về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, sự ngạc nhiên của Ngài vào sự thiếu vắng sự cầu thay và sự đáp ứng của đức tin.

Ngài hỏi rằng có phải chăng Y-sơ-ra-ên đã thực sự đánh mất sự tự tin nơi khả năng cứu giúp của Ngài!

▣ **" Có phải tay Ta quá ngắn "** Đây là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH và một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI của cùng một từ gốc (BDB 894, KB 1126), vốn nhấn mạnh một khái niệm, ở đây là một câu hỏi.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (Special Topic: God Described As Human)

▣ **"cứu chuộc"** Từ này song hành với "giải cứu." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 50:4-11

[4] Chúa là Đức Giê-hô-va đã ban cho Ta
Cái lưỡi của người được dạy dỗ,
Để Ta biết dùng lời nói
Nâng đỡ kẻ mệt mỏi.
Ngài đánh thức Ta mỗi buổi sáng,
Ngài đánh thức tai Ta
Để lắng nghe như người học trò vậy.

[5] Chúa là Giê-hô-va đã mở tai Ta,
Còn Ta, Ta không chống lại,
Cũng không thối lui.
[6] Ta đã đưa lưng cho kẻ đánh Ta,
Và đưa má cho kẻ nhổ râu Ta;
Ta không che mặt
Khi bị sỉ vả hoặc bị nhổ nước bọt vào mặt.
[7] Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ Ta
Nên Ta không bị xấu hổ;
Vì vậy, Ta làm cho mặt Ta cứng như đá,
Vì biết rằng mình chẳng có điều gì phải hổ thẹn.
[8] Đấng xưng công chính cho Ta đã đến gần.
Ai tranh tụng với Ta?
Hãy cùng Ta đứng lên!
Ai là kẻ đối địch với Ta?
Hãy lại gần Ta!
[9] Thật, Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ Ta;
Ai định tội Ta được?
Nầy, tất cả chúng sẽ cũ mòn như chiếc áo
Và bị mối ăn.
[10] Trong các ngươi, ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va,
Nghe theo tiếng của đầy tớ Ngài?
Người nào đi trong bóng tối
Và không có sự sáng
Thì hãy tin cậy danh Đức Giê-hô-va
Và nương tựa nơi Đức Chúa Trời mình.
[11] Nầy, tất cả các ngươi là kẻ đốt lửa
Và thắp đuốc,
Hãy đi giữa ngọn lửa
Và đuốc mình đã đốt!
Đây là điều tay Ta đã làm cho các ngươi:
Các ngươi sẽ nằm xuống trong đau khổ!

50:4-6 Những câu này mô tả những khía cạnh khác nhau của chức vụ của Tôi Tớ (trong lời của chính mình Ngài).

1. Có ơn lắng nghe
2. Có ơn khích lệ, Ê-sai 50:4a
3. Ngài lắng nghe
   a. Những kẻ tổn thương và mệt mỏi (Giê-rê-mi 31:25), Ê-sai 50:4b
   b. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 50:4c,d,5a
4. Ngài đã không có thái độ bất thuận phục, Ê-sai 50:5b
5. Ngài đã không quay lưng, Ê-sai 50:5c
6. Ngài đã tự nộp chính Mình để bị hành hạ bởi các lãnh đạo (Ma-thi-ơ 26:67; 27:30; Mác 15:19)
   a. Lưng Ngài bị đánh bằng roi
   b. Bị hổ râu khỏi má Ngài
   c. Bị nhổ nước bọt vao mặt Ngài

Nhưng khả năng chia sẻ bằng lời của Tôi Tớ sẽ dẫn đến một sự chối bỏ thông điệp của Ngài và chính mình Ngài bởi những kẻ đã từ chối lắng nghe (Ê-sai 50:11).

50:4a "người học trò (môn đồ)" đây là một từ hiếm (BDB 541), được thấy duy nhất ở đây (hai lần) và trong 8:16 theo nghĩa này. Thường nó được dịch là "được dạy dỗ" (54:13).

50:4b
NASB, NRSV "cứu sống kẻ kiệt sức "
NKJV "nói lời trong thời điểm dành cho một người kiệt sức "

TEV **"thêm sức cho kẻ mệt mỏi "**
NJB **"ban lời của sự yên ủi cho kẻ mệt mỏi"**
JPSOA **"nói những lời kịp lúc cho kẻ kiệt sức "**
REB **"yên ủi kẻ kiệt sức"**

Bản MT dùng một DẠNG ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ hiếm (BDB 736, KB 804, *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP), vốn chỉ xuất hiện duy nhất ở đây trong dạng này.

BDB đề nghị rằng từ được sử dụng ở đây đã bị sai lạc đi và có thể đã được đọc trong nguyên gốc là "soi sáng."

1. עֶרֶת – BDB, "giúp đỡ"
2. מַרְעֶרֶת – BDB, KB, "soi sáng"

Hãy nhớ, trong những trường hợp của những từ nguyên hoặc từ gốc, văn mạch, đặc biệt là sự song hành, giúp đỡ để đưa ra gợi ý về ý nghĩa.

Lẽ thật trung tâm của khổ thơ này là một vấn đề rất quan trọng trong việc giải nghĩa.

50:4c,d Ở đây có một *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được lặp đi lặp lại (BDB 734, KB 802), "đánh thức." Trong thể *Hiphil* nó được sử dụng cho hành động dấy lên hoặc khuấy lên.

1. Ê-sai 13:17 – người Mê-đi (Giê-rê-mi 51:11)
2. Ê-sai 41:2,25 – Si-ru II
3. Ê-sai 45:13 – Si-ru II
4. ở đây – Tôi Tớ
5. Đa-ni-ên 11:2 – kẻ cai trị trong thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn đang tể trị trên lịch sử của thế giới và sự cứu chuộc thế giới!

50:6 Sự đối xử cách đặc biệt dành cho Tôi Tớ của sự vâng phục chính là một hình bóng chỉ đến sự đối xử dành cho Chúa Jesus. Điều này giới thiệu về Bài Ca về Tôi Tớ thứ tư trong Ê-sai 52:13-53:12, đặc biệt là Ê-sai 50:3,4-5,7-9. Tôi Tớ sẽ trả một giá cao cho sự trung thành, tin cậy và vâng phục của Ngài nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Thi Thiên 2; 22). Có một mục đích trong sự chịu khổ dành cho Ngài (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21; sách Hê-bơ-rơ).

50:7-9 Câu đầu của khổ thơ được lặp đi lặp lại trong Ê-sai 50:9a, "Chúa (*Adon*) (là) ĐỨC CHÚA TRỜI (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) sẽ giúp đỡ tôi."

Bởi vì điều này Tôi Tớ sẽ

1. Không bị xấu hổ
2. (làm cho) mặt Ngài cứng như đá (Ê-xê-chi-ên 3:8-9; Lu-ca 9:51)
3. Chẳng có gì phải hổ thẹn

Tại sao, bởi vì hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thay mặt cho Ngài, được giới thiệu bởi một chuỗi những câu hỏi (Ê-sai 50:8-9). Cấu trúc ngữ pháp ("ai. . .?") xuất hiện xuyên suốt trong Ê-sai 50:10.

50:8

NASB, NRSV **"thanh minh"**
NKJV, LXX, Peshitta **"xưng công bình"**
TEV **"chứng tỏ ta vô tội"**
NJB **"bảo vệ công lý"**
JPSOA **"Đấng thanh minh cho ta "**
REB **"sẽ tẩy sạch danh của ta "**

Cũng như Ê-sai 50:6-7 mô tả về một phiên tòa không có công lý, thì Ê-sai 50:8 mô tả về một phiên tòa của công lý. THỂ ĐỘNG TỪ (BDB 842, KB 1003) là một *Hiphil* PHÂN TỪ có nghĩa là "công bố sự công chính " (Xuất 23:7; Phục Truyền 25:1; 1 Các Vua 8:32; Châm Ngôn 17:15). Nó dược sử dụng trong một văn mạch tiêu cực trong Ê-sai 5:23. Nó mô tả

1. Đức Chúa Trời trong văn mạch này
2. Tôi Tớ trong Ê-sai 53:11

▣ **" cho Ta đã đến gần "** Đây là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH. ĐỘNG TỪ (BDB 620, KB 670) cho một sự tiến đến của một quan tòa nơi phiên tòa. Chú ý rằng ở đây Tôi Tớ ở đây chính là Quan Án.

50:10-11 Bản AB đã lấy hai câu này như là một sự đáp ứng dành cho Tôi Tớ (trang 116), có vẻ như từ nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Leupold, trang 196). Có một sự tương phản giữa hai loại "ánh sáng."

1. Sự tối tăm (SỐ NHIỀU dùng để nhấn mạnh, tăng cường ý nghĩa) của những kẻ có đức tin nơi Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si của Ngài nhưng không thể hiểu được trọn nghĩa
(Ê-sai 50:10)
    a. Hãy để người tin cậy nơi danh của Đức Giê-hô-va – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 105, KB 120) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
    b. Hãy để người nương dựa nơi Đức Chúa Trời người – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 1043, KB 1612) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
2. Những kẻ tạo ra ánh sáng của chính họ (lửa, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa (Special Topic: Fire)) và bước đi trong ánh sáng đó (*Qal* THỂ MỆNH LỆNH) cuối cùng cũng sẽ thiêu nuốt họ (ví dụ, nằm trong sự đau đớn (buồn bực), Ê-sai 50:11)

Ê-SAI 51

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Y-sơ-ra-ên Bị Quở Trách	Đức Giê-hô-va Yên Ủi Si-ôn	Sự Cứu Chuộc Dành Cho Con Cái Áp-ra-ham	Những Lời An Ủi dành cho Giê-ru-sa-lem	Những Phước Hành trong Kho dành cho Tuyển Dân Được Chọn lựa
51:1-3 (1-3)	51:1-2 (1-2)	51:1-3 (1-3)	51:1-2 (1-2)	51:1-3 (1-3)
	51:3 (3)		51:3 (3)	
51:4-8 (4-8)	51:4-6 (4-6)	51:4-8 (4-8)	51:4-6 (4-6)	51:4-8 (4-8)
	51:7-8 (7-8)		51:7-8 (7-8)	
				Sự Thức Giấc của Đức Giê-hô-va
51:9-11 (9-11)	51:9 (9)	51:9-11 (9-11)	51:9-11 (9-11)	51:9-11 (9-11)
	51:10-11 (10-11)			Đức Giê-hô-va,Đấng Mưu Luận
51:12-16 (12-16)	51:12-16 (12-16)	51:12-16 (12-16)	51:12-16 (12-16)	51:12-16 (12-16)
	Cơn Giận của Đức Chúa Trời Bị Cất Bỏ	Vương Quyền của Đức Chúa Trời (51:17-52:12)	Kết Thúc của Sự Đau Khổ của Giê-ru-sa-lem	Sự Đánh Thức của Giê-ru-sa-lem
51:17-20 (17-20)	51:17-20 (17-20)	51:17-20 (17-20)	51:17-20 (17-20)	51:17-23 (17-23)
51:21-23 (21-23)	51:21-23 (21-23)	51:21-23 (21-23)	51:21-23 (21-23)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Có một chuỗi những THỂ MỆNH LỆNH để kêu gọi dân sự giao ước của Đức Chúa Trời hãy thức tỉnh về mặt thuộc linh và đáp ứng một cách thích đáng.

1. Hãy lắng nghe, chú ý, Ê-sai 51:1,4,7,21
2. Thức tỉnh, Ê-sai 51:9 [ba lần], 17 [hai lần]
3. Hãy xem, hãy ngước mắt lên, Ê-sai 51:1-2,6

Sự nhấn mạnh này được tiếp tục trong Ê-sai 52.

B. Chủ đề này rất quan trong trong văn mạch được tác động bởi một chuỗi những câu hỏi tu từ:Ê-sai 51:9-10,12-14; 52:5

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:1-3

[1] "Hỡi những người đeo đuổi sự công chính,
Là người tìm kiếm Đức Giê-hô-va, hãy nghe Ta!
Hãy nhìn xem vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra,
Và hầm đá mà từ đó các ngươi được đào lên!
[2] Hãy nhìn xem tổ phụ các ngươi là Áp-ra-ham
Và Sa-ra, là người đã sinh ra các ngươi;
Ta đã gọi Áp-ra-ham khi người chỉ có một mình,
Nhưng Ta đã ban phước cho người,
Và làm cho người trở nên đông đảo.
[3] Vì Đức Giê-hô-va an ủi Si-ôn;
Ngài an ủi mọi nơi đổ nát của nó.
Ngài khiến hoang mạc trở nên vườn Ê-đen,
Đồng hoang trở nên vườn của Đức Giê-hô-va;
Giữa vườn ấy sẽ có sự vui vẻ, mừng rỡ,
Lời tạ ơn và tiếng hát ca.

51:1 "Hãy nghe" Đây là từ Hê-bơ-rơ *Shema* (BDB 1033, KB 1570). Nó có nghĩa "lắng nghe và làm theo như vậy." THỂ MỆNH LỆNH này là một sự lặp đi lặp lại trong Ê-sai! Cùng một từ này bắt đầu với lời cầu nguyện theo đức tin độc thần nổi tiếng của Phục Truyền 6:4-6.

▣ **"ngươi những người. . ."** Cụm từ này chỉ về dân sự giao ước trung tín (Ê-sai 50:10). Có ba cụm từ mô tả.

1. Ngươi kẻ đeo đuổi sự công chính, Ê-sai 51:1
2. Ngươi kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va, Ê-sai 51:1
3. Ngươi kẻ có luật pháp ở trong lòng mình, Ê-sai 51:7

Có lẽ rằng "sự giải cứu" (BDB 841, "sự công chính") là song hành với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong dòng 2, và vì vậy, nó có lẽ là một danh xưng, "Đấng Công chính." Phần "ngươi những người. . ." sẽ nói về những người trung tín là kẻ

1. Đeo đuổi Đức Chúa Trời, dòng 1
2. Tìm kiếm Đức Chúa Trời, dòng 2

▣ **"vầng đá. . .hầm đá"** Câu này chỉ về Áp-ra-ham và Sa-ra (Ê-sai 51:2) Địa điểm địa lý của sự kêu gọi của Áp-ra-ham (ví dụ, U-rơ của người Canh-đê) cũng là cùng một địa điểm của những kẻ phu tù Ba-by-lôn (Kênh Kê-ba). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa ban phước cho Áp-ra-ham và hậu tự của người (Sáng Thế Ký 12:1-3; 15:1-11; 18:18; 22:16-18).

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Lời Hứa Giao Ước dành cho Các Tổ Phụ (Special Topic: Covenant Promises to the Patriarchs)

51:2 " là người đã sinh ra các ngươi (trong đau đớn)" Điều này chỉ về sự sinh nở bình thường (Sáng Thế Ký 3:16).

▣ **" Ta đã ban phước cho người, và làm cho người trở nên đông đảo "** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa hai điều:

1. Sẽ ban phước cho Áp-ra-ham – BDB 138, KB 159, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. Sẽ làm cho dòng dõi ông đông đúc – BDB 915, KB 1176, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham một xứ và một dòng dõi. Ông được phán rằng dòng dõi ông sẽ đông đúc giống như

1. bụi của đất (Sáng Thế Ký 13:16; 28:14; Dân Số Ký 23:10)
2. sao trên trời (Sáng Thế Ký 15:5; 22:17; 26:4)
3. cát trên bãi biển (Sáng Thế Ký 22:17; 32:12

Từ Ê-sai và Mi-chê chúng ta biết được rằng gia đình của Áp-ra-ham thậm chí sẽ lớn hơn tất cả bất cứ người nào có thể mơ mộng. Nó sẽ được bao gộp cả những "Dân Ngoại và Giu-đa (Do Thái)" tin kính (Rô-ma 2:28-29; 3:21-31; 4:1-25; Ga-la-ti 3:1-29; 6:16).

51:3 "Đức Giê-hô-va sẽ yên ủi Si-ôn " ĐỘNG TỪ "yên ủi" (BDB 636, KB 688, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự An Ủi (Special Topic: Comfort) xuất hiện hai lần trong dòng 1 và dòng 2. Đây là một chủ đề lặp đi lặp lại của phần này của sách Ê-sai (Ê-sai 40:1 [hai lần]; 49:13; 51:3 [hai lần],12,19; 52:9; 54:11; 61:2; 66:13 [ba lần]). Nó căn bản có nghĩa trong thể *Piel* là "yên ủi," dành cho "sự đau khổ." Điều này có nghĩa là chấm dứt sự lưu đày và phục hồi họ trở về Đất Hứa màu mỡ (Ê-sai 40:1). Đây là một sự tái xác lập bởi Đức Chúa Trời của giao ước Phục Truyền 27-28.

▣ **"nơi đổ nát. . .hoang mạc. . .đồng hoang trở nên vườn của Đức Giê-hô-va "** Vẻ đẹp và sự kết quả về vật chất chính là một dấu hiệu của sự ban phước của Đức Chúa Trời (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 27-29). Sự đề cập đến vườn Ê-đen không chỉ ngụ ý về một sự dư dật nhưng còn là một mối liên hệ với một Đức Chúa Trời hiện diện! Ê-đen đã là nơi thánh của Đức Chúa Trời (theo quyển *ANE Thought and the OT*, được viết bởi John H. Walton, trang 124).

Chủ Đề Đặc Biệt: Vườn Ê-đen (Special Topic: Eden)

▣ **"sự vui vẻ, mừng rỡ. . Lời tạ ơn và tiếng hát ca"** Câu này phản ánh một đời sống xã hội hạnh phúc, vốn cũng là một dấu chỉ của ơn phước của Đức Chúa Trời.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:4-8

[4] Hỡi dân Ta, hãy chú ý nghe Ta;
Hỡi nước Ta, hãy lắng nghe Ta!
Vì luật pháp sẽ ra từ Ta,
Và công lý của Ta sẽ là ánh sáng cho muôn dân.
[5] Sự công chính của Ta đã gần kề,
Ơn cứu rỗi của Ta sắp hiện ra,
Cánh tay của Ta sẽ cai trị các dân.
Các hải đảo sẽ trông đợi Ta,
Và chúng hi vọng nơi cánh tay Ta.
[6] Hãy ngước mắt lên các tầng trời,

Và cúi nhìn dưới đất;
Vì các tầng trời sẽ tan ra như khói,
Đất sẽ cũ mòn như chiếc áo,
Cư dân trên đất sẽ chết như ruồi.
Nhưng sự cứu rỗi của Ta còn đời đời,
Sự công chính của Ta không bao giờ chấm dứt.
[7] Hỡi những người hiểu biết công lý, hãy nghe Ta!
Các ngươi là những người ghi khắc luật pháp Ta trong lòng;
Đừng sợ người ta đả kích,
Cũng đừng kinh hãi vì những lời sỉ vả của họ.
[8] Vì mối sẽ cắn nuốt họ như cắn áo,
Mọt sẽ ăn họ như ăn lông chiên.
Nhưng sự công chính của Ta sẽ còn mãi mãi,
Ơn cứu rỗi của Ta còn từ đời nầy sang đời kia."

51:4-8 Chú ý số lần trong bản tiếng Anh mà những ĐẠI TỪ CHỈ NGÔI xuất hiện (ví dụ "Ta (chủ ngữ)," "của ta," "Ta (tân ngữ)").

51:4 Chú ý sự song hành của những dòng 1 và 2. Những THỂ MỆNH LỆNH:

1. hãy chú ý – BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
2. hãy lắng nghe– BDB 24, KB 27, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

Dòng 3 và 4 cũng song hành. Chú ý một lần nữa những sự dạy dỗ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Torah, BDB 435) có mục đích để ban phước cho:

1. Y-sơ-ra-ên
2. Thế giới (Ê-sai 42:6; 49:6; 60:1,3); chú ý ở thể SỐ NHIỀU "các dân" trong Ê-sai 51:5b và "các hải đảo" trong Ê-sai 51:5c; họ đã chờ Tôi Tớ của Đức Giê-hô-va trong sự trông đợi

Có vài bản Hê-bơ-rơ MSS dùng "Hỡi các dân. . .hỡi các nước." Thể SỐ NHIỀU sẽ tái nhấn mạnh SỐ NHIỀU của câu 4d và câu 5b,c. Lời Đức Chúa Trời dành cho cả thế giới.

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

▣ **"luật pháp. . .công lý"** Hai DANH TỪ này cũng song hành cùng với nhau. Chúng bày tỏ về lẽ thật và ý định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho nhân loại vẫn sẵn sàng cho tất cả mọi người (ví dụ, Lời Chúa, sự mặc khải).

51:5 " Sự công chính của Ta đã gần kề, Ơn cứu rỗi của Ta sắp hiện ra " ĐỘNG TỪ (BDB 422, KB 425) là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH. Dòng thơ này song hành với Ê-sai 46:13. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã sẵn sàng để hoạt động qua Tôi Tớ Ngài.

Câu 5 đề cập đến sự đói khát thuộc linh của các Dân Ngoại. Y-sơ-ra-ên phải bị cảnh cáo về sự tự mãn. Nhiều người Giu-đa quay trở về Palestine tin cậy nơi Đức Chúa Trời nhưng nhiều người đã không làm điều đó! Những kẻ đói khát Đức Chúa Trời sẽ tìm được Ngài sẵn sàng với họ. Những kẻ không khao khát sẽ tìm thấy Ngài là một Quan Án Đoán Phạt!

▣ **"Cánh tay của Ta"** Ngôn ngữ nhân hình ở đây giống như Ê-sai 51:9; 52:10. Đức Chúa Trời đã không có một cơ thể thật sự. Đây là một ẩn dụ của sự hành động của Đức Chúa Trời ở trong lịch sử.
Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (phép tu từ nhân hình) (Special Topic: God Described As Human (anthropomorphism))

▣ **"các dân"** Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-sai 45:22.

51:6 "các tầng trời sẽ tan ra như khói" Bầu trời và mặt đất chính là những nhân chứng từ ngàn xưa nhưng ngay cả chúng cũng sẽ trôi qua (Ê-sai 34:1; 65:17; 66:22; Ma-thi-ơ 24:35; 2 Phi-e-rơ 3:10).

NASB, Peshitta "trong một cách nào đó"
NASB (footnote), NKJV, NRSV "muỗi mòng (ruồi)"

Đây là một cụm từ rất khó. Từ này (BDB 485 I) trong thể SỐ NHIỀU thường được dịch là "muỗi mòng" (BDB 485 I).

▣ **"Sự cứu chuộc ra sẽ là mãi mãi "** Hai dòng cuối song hành với nhau. Sự đời đời của Đức Chúa Trời được so sánh với sự hữu hạn của con người và thế giới của họ (Ê-sai 51:12; 40:6-8; Job 14:1-2; Thi Thiên 90:56; 103:15-18; Ma-thi-ơ 24:35; Hê-bơ-rơ 1:10-12; 1 Phi-e-rơ 1:24-25).

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

51:7 "Hãy nghe" Đây là sự kêu gọi tập chú một lần nữa (Ê-sai 51:1).

▣ **"ngươi là kẻ. . ."** Hãy chú ý cách mà dân sự của Đức Chúa Trời được mô tả.

1. Ngươi kẻ biết sự công chính, Ê-sai 51:7a
2. Một dân mà luật pháp ta được ghi khắc trong lòng, Ê-sai 51:7b (Giê-rê-mi 31:31-34)

▣**NASB (footnote),**
NKJV, NRSV "muỗi mắt"
TEV, REB "ruồi"
NJB "chấy rận"
JPSOA "cũng vậy"
LXX "cũng như những điều đó"

Trong ánh sáng của kiến thức đó họ

1. Không sợ hãi– Ê-sai 51:7c, BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sự dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNHe
2. không mất tinh thần– Ê-sai 51:7d, BDB 369, KB 365, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

▣ **" những người ghi khắc luật pháp Ta trong lòng "** Trong những sách Môi-se viết, thành ngữ này chỉ về lẽ thật mật thiết và liên tục luôn khả dụng sẵn sàng được sử dụng (Phục Truyền 6:6). Nó cũng xuất hiện trong thể loại văn học Khôn Ngoan (Châm 3:3; 7:3; Thi Thiên 37:31; 40:8), cũng như trong thể loại Văn Học Tiên Tri (Ê-sai 51:7; Giê-rê-mi 17:1).

▣ **"Đừng sợ hãi"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Sợ hãi (Cựu Ước) (Special Topic: Fear (OT))

51:8 "mối. . .mọt" Một vài loài vật được nhắc đến trong văn mạch này (Ê-sai 51:6 [NASB footnote], "muỗi mòng"). Trong Ê-sai 14:11 và 66:24 "sâu bọ, côn trùng" được sử dụng như là một dấu hiệu cho sự chết và sự hủy diệt. Thiên nhiên đã lấy đi thay vì ban cho!

▣ **"Sự công chính của ta. . .ơn cứu rỗi của ta"** Những từ này cũng song hành với nhau trong Ê-sai 51:5. Ở đó chúng hiện ra nhưng ở đây chúng còn cho đến đời đời. Thật là một sự tương phản giữa số phận của những kẻ vô tín và những tín hữu!

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))
Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Công Chính (Special Topic: Righteousness)
Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:9-11

9 Hỡi cánh tay Đức Giê-hô-va
Hãy thức dậy, hãy thức dậy mặc lấy sức mạnh!
Hãy thức dậy như ngày xưa,
Như các thời cổ đại!

Chẳng phải chính Ngài đã phanh thây Ra-háp,
Đã đâm quái vật biển đó sao?
[10] Chẳng phải chính Ngài đã làm cạn biển,
Tắt các nguồn nước của vực lớn;
Làm một con đường dưới biển sâu
Để dân được cứu chuộc đi qua đó sao?
[11] Dân mà Đức Giê-hô-va đã chuộc sẽ trở về,
Họ sẽ đến Si-ôn trong tiếng hò reo.
Niềm vui bất tận sẽ đội trên đầu họ,
Họ sẽ được vui vẻ mừng rỡ;
Còn sự buồn bã than vãn sẽ biến mất.

51:9 "Hãy thức dậy, hãy thức dậy" THỂ MỆNH LỆNH được lặp đi lặp lại liên tục ba lần này (BDB 734, KB 802, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) kêu gọi cho sự hành động:

1. sự hành động về phía Đức Chúa Trời, Ê-sai 51:9
2. hành động về phần của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 51:17 (Ê-sai 52:1,11)

▣ **"hãy thức dậy như ngày xưa "** Đây là một sự ngụ ý chỉ về hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong cuộc Xuất Hành (Xuất 6:6; Phục Truyền 4:34; 5:15; 26:8).

▣ **"Ra-háp...con rồng"** Từ này (KB 1193) có ba cách sử dụng (hãy xem bài ghi chép đầy đủ tại Ê-sai 27:1).

1. Con quái vật biển trong huyền thoại – Ê-sai 51:9; Gióp 9:13; 26:12; Thi Thiên 74:13; 89:10; 148:7
2. ẩn dụ chỉ về Ai Cập dựa trên sự uốn lượn của dòng Sông Nin – Ê-sai 30:7; Thi Thiên 87:4; Ê-xê-chi-ên 29:3
3. "những kẻ kiêu ngạo" (NASB, BDB 923) hoặc là kẻ thù của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – Thi Thiên 40:4

Điểm 1 cũng được định nghĩa bằng từ "con rồng" (BDB 49) trong Gióp 7:12.

Chủ Đề Đặc Biệt: Con Rồng Đỏ Khổng Lồ (Special Topic: A Great Red Dragon)

Chủ Đề Đặc Biệt: Lê-vi-a-than (Special Topic: Leviathan)

51:10 "dưới biển sâu" Đây là một thuật ngữ thần thoại được sử dụng dựa trên câu chuyện về sự sáng tạo của người Sumer và người Ba-by-lôn. Nó không phải là một vị thần (Sáng Thế Ký 1:2) nhưng là một vực nước sâu — *tiamat* (BDB 1062, 63:13).

Chủ Đề Đặc Biệt: Các vực nước (Special Topic: Waters)

▣ **" Làm một con đường dưới biển sâu để dân được cứu chuộc đi qua "** Đây là một sự ngụ ý khá rõ ràng cho việc phân đôi Biển Đỏ trong suốt Cuộc Xuất Hành khỏi (Xuất 14,15).

51:11 Cũng như việc Đức Chúa Trời đã giải phóng dân sự của Ngài khỏi sự xiềng xích Ai Cập, thì cũng vậy, Ngài đã giải phóng dân sự Ngài khỏi sự lưu đàycủa người A-si-ri và Ba-by-lôn! Những hậu tự của Áp-ra-ham sẽ quay trở về với Đất Hứa.

▣ **"niềm vui bất tận "** Từ "bất tận" chính là *'olam* (BDB 761). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam)). Ê-sai sử dụng từ này khá thường xuyên để mô tả về thời đại mới.

1. Giao ước đời đợi, Ê-sai 24:5; 55:3; 61:8
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hòn đá đời đời, Ê-sai 26:4
3. Niềm vui bất tận, Ê-sai 35:10; 51:11; 61:7
4. Đức Chúa Trời đời đời, Ê-sai 40:28
5. Một sự cứu chuộc dời đợi, Ê-sai 45:17

6. Một sự tử tế yêu thương (*Hesed*) đời đời, Ê-sai 54:8
7. Một dấu chỉ đời đời, Ê-sai 55:13
8. Một danh đời đời, Ê-sai 56:5; 63:12,16
9. Một ánh sáng đời đời, Ê-sai 60:19,20

Một sự sử dụng theo khuynh hướng tiêu cực được liên hệ với sự hình phạt đời đời cho những kẻ gian ác được thấy trong Ê-sai 33:14, "một sự thiêu đốt đời đời." Ê-sai thường sử dụng "lửa để mô tả về cơn giận của Đức Chúa Trời (Ê-sai 9:18,19; 10:16; 47:14), nhưng chỉ trong Ê-sai 33:14 nó được mô tả là "đời đời."

▣ **"Còn sự buồn bã than vãn sẽ biến mất"** Thật là một lời hứa tuyệt vời đảm bảo về tình trạng tương lai của sự phước hạnh của các tín hữu. Mối liên hệ của vườn Ê-đen cần phải được phục hồi ((Ê-sai 25:8; 35:10; 60:20; 65:19; Khải Huyền 7:17; 21:1,4).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:12-13

12 "Ta, chính Ta là Đấng an ủi các ngươi.
Ngươi là ai mà sợ loài người là loài hay chết,
Sợ con cái loài người là kẻ sẽ trở nên như cỏ?
13 Ngươi lại quên Đức Giê-hô-va, Đấng đã tạo nên ngươi,
Đã giương các tầng trời
Và đặt nền móng quả đất,
Để suốt ngày ngươi cứ run sợ
Vì cơn giận của kẻ áp bức,
Khi nó định hủy diệt ngươi sao?
Nhưng bây giờ, cơn giận của kẻ áp bức ấy ở đâu?

51:12 "loài người. . .con cái loài người" Đây là một cách nói của Người Hê-bơ-rơ để chỉ về nhân loại (Thi Thiên 8:4; Ê-xê-chi-ên 2:1). Sau này nó trở thành một danh xưng cho Chúa Jesus bởi vì nó đã khẳng định nhân tánh của Ngài và và bởi vì Đa-ni-ên 7:13, Thần Tánh của Ngài.

Chủ Đề Đặc Biệt: Con Loài Người (Special Topic: The Son of Man)

▣ **"ngươi chết. . .như cỏ"** Sự song hành nhấn mạnh về sự mỏng mah dễ vỡ và cuộc đời giới hạnh của con người (Ê-sai 40:6,7; Gióp 14:1-2; Thi Thiên 90:5-6; 103:15; 1 Phi-e-rơ 1:24). Trong văn mạch này, giống như 1 Phi-e-rơ 1:24-25, tương phản giữa quyền năng và sự đời đời của Đức Chúa Trời với những tạo vật của Ngài (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng sáng tạo trong Ê-sai 51:13).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:14-16

14 Kẻ bị bắt đem đi sẽ nhanh chóng được thả ra;
Sẽ không chết trong ngục tối,
Và cũng không thiếu lương thực.
15 Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,
Là Đấng làm cho biển động, và sóng vỗ ầm ầm.
Danh Ta là Đức Giê-hô-va vạn quân.
16 Ta đã đặt lời Ta trong miệng ngươi,
Và cho ngươi núp dưới bóng bàn tay Ta,
Trong khi dựng các tầng trời,
Đặt nền móng quả đất,
Và nói với Si-ôn rằng: 'Ngươi là dân Ta.'"

51:14 Có những sự mô tả về những người trong ngục sẽ được giải phóng, mặc dù từ "ngục tối" ("hố" BDB 1001, KB 1472) có thể chỉ về

1. Huyệt mộ hay *Sheol* – Gióp 33:22,24,28; Thi Thiên 16:10; 49:9
2. Tại chỗ này phép song hành gợi ý nghĩa là "tù ngục"

51:15 Cũng giống như Ê-sai 51:9-11 câu này là một sự ngụ ý chỉ đến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giải phóng dân sự Ngài khỏi Ai Cập. Cũng vậy, giống như Ê-sai 51:9,10, có một sự ngụ ý bí ẩn chỉ đến Sáng Thế Ký 1, nơi mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phân chia và kiểm soát các vực nước. Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-sai 51:10.

▣ **"(Danh Ta là Đức Giê-hô-va vạn quân)"** Từ "vạn quân" có thể sử dụng trong hai cách:

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng sáng tạo và kiểm soát các ngôi sao và hành tinh
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nư là tướng đạo binh quân đội các thiên sứ

Trong một nghĩa thì cả hai khả năng đều là sự đáp ứng lại với sự thờ phượng các thiên thể trăng sao và biến những cơ binh trên thiên đàng thành các vị thần. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Vạn Quân

Chủ Đề Đặc Biệt: ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Vạn Quân (Special Topic: Lord of Hosts)

51:16 Có ba *Qal* NGUYÊN MẪU trong câu này.

1. Đặt (BDB 642, KB 694)
2. Dựng hay đặt (BDB 413, KB 417)
3. Nói (BDB 55, KB 65)

Trong văn mạch câu này phải được liên hệ với những sự trở về của Y-sơ-ra-ên được chuộc. Tuy nhiên, những NGUYÊN MẪU lại quá mạnh mẽ, vĩ đại để con người có thể hoàn thành. Vì vậy, nó phải chỉ đến "Tôi Tớ," người Y-sơ-ra-ên toàn hảo của Đức Chúa Trời, là Đấng hoàn thành những gì mà Y-sơ-ra-ên đã không có khả năng. Có một sự chuyển dịch trong những đoạn 40-53 của danh xưng "Tôi Tớ" từ quốc gia Y-sơ-ra-ên, Ê-sai 41:8-9; 42:1,19; 43:10, sang một "cá nhân," Ê-sai 49:1-7 và Ê-sai 52:13-53:12.

Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

▣ **" cho ngươi núp dưới bóng bàn tay Ta "**

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bóng (Special Topic: Shadow).

51:16b

NASB, LXX	**"thiết lập"**
NKJV, JPSOA, DSS, Vulgate	**"trồng" (נטע)**
NRSV, TEV, Peshitta	**"căng ra " (נטה)**
NJB	**"trải ra"**
REB	**"vừa với chỗ của nó "**

Bản MT dùng từ "cây" (BDB 642, KB 694, *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP). The UBS Text Project, trang 138, đánh giá từ từ này một điểm "A". Có ba *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP.

1. Cây cối
2. Thiết lập (BDB 413, KB 417)
3. nói (BDB 55, KB 65

Hình ảnh "cây" có thể chỉ đến Xuất 15-17, nơi mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thiết lập dân sự giao ước của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:17-20

17 Hỡi Giê-ru-sa-lem,
Hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên!
Ngươi đã uống chén thịnh nộ
Từ tay Đức Giê-hô-va,
Đã uống cạn
Chén làm cho loạng choạng.
18 Trong số các con trai mà Giê-ru-sa-lem đã sinh ra,
Không một đứa nào dắt nó;
Trong số các con trai mà nó đã nuôi,

Chẳng một đứa nào đến cầm lấy tay nó.
[19] Hai tai họa nầy đã xảy đến cho ngươi,
Tức là tàn phá và hủy diệt, đói kém và gươm đao;
Ai là người cảm thương ngươi?
Ta sẽ lấy gì an ủi ngươi?
[20] Con cái ngươi đều ngất xỉu,
Nằm ngổn ngang khắp đường phố,
Như sơn dương mắc lưới,
Chúng ở dưới cơn giận của Đức Giê-hô-va
Và sự quở trách của Đức Chúa Trời ngươi!

51:17-20 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang khích lệ dân sự Ngài để rũ bỏ hết sự đoán phạt đã kết thúc của Ngài và chuẩn bị quay trở lại Giê-ru-sa-lem!

51:17 " Hỡi Giê-ru-sa-lem, Hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên " Đây là ba THỂ MỆNH LỆNH trong cùng một hàng để bày tỏ sự nhấn mạnh.

1. Đánh thức – *Hithpolel* or *Hithpael* (BDB 734, KB 802)
2. lặp lại #1
3. dấy lên – *Qal* (BDB 877, KB 1086)

▣ **"cốc. .chén"** Hai từ này song hành và chỉ đến thành ngữ của sự đoán phạt cũng như là một cốc rượu mạnh khiến cho một người loạng choạng và gục ngã (Ê-sai 29:9; 63:6; Job 21:20; Thi Thiên 60:3; 75:8; Giê-rê-mi 25:15-16; Ca Thương 4:21; Ê-xê-chi-ên 23:32-34). Cũng hãy xem ghi chú của cách sử dụng từ này trong Tân Ước.

1. về Chúa Jesus như là Đấng mang Tội lỗi – Ma-thi-ơ 20:22; 26:38-42; Mác 14:36; Lu-ca 22:42; Giăng 18:11
2. những kẻ thờ phượng con thú – Khải Huyền 14:10; 16:19; 19:15

51:19 Chú ý những gì đã xảy ra với tuyển dân giao ước và giờ đây đang xảy ra với Ba-by-lôn.

1. Sự tàn phá (BDB 994)
2. Sự hủy diệt (BDB 991)
3. Nạn đói (BDB 944)
4. Gươm đao (BDB 352)

Chẳng có ai an ủi Ba-by-lôn; chỉ có Đấng an ủi dòng dõi hậu tự của Áp-ra-ham mà thôi (Ê-sai 51:3,12; 40:1).

51:20 Khi A-si-ri và Ba-by-lôn xâm chiếm một thành phố, họ sẽ giết những người già, trẻ, và hùng mạnh tại một nơi nổi bật, dễ thấy của thành phố (ví dụ, "mỗi đầu đường phố"). Ở đây hành động tàn ác này được thực hiện dành cho chính họ.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 51:21-23

[21] Vậy hãy nghe đây, hỡi kẻ khốn khổ,
Là kẻ say nhưng không phải vì rượu:
[22] Chúa là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ngươi,
Là Đấng bênh vực dân Ngài, phán thế nầy:
"Kìa, Ta đã lấy lại từ tay ngươi chén làm cho loạng choạng,
Là chén của cơn thịnh nộ Ta;
Ngươi sẽ không còn uống nó nữa.
[23] Ta sẽ đặt chén ấy vào tay kẻ làm khổ ngươi,
Là những kẻ bảo ngươi rằng:
'Hãy nằm xuống cho ta bước qua!'
Rồi lưng ngươi như nền đất,
Như đường đi cho người ta qua lại."

51:21-23 Đức Chúa Trời đã hứa sẽ cất sự đi chiếc cốc đoán phạt của Ngài, vốn đã tàn phá Y-sơ-ra-ên và Giu-đa và giờ đây nó được trao cho những kẻ hành hạ họ. A-si-ri và Ba-by-lôn sẽ gặt chính xác những gì họ đã gieo (Ê-sai 17:10; 32:19; Gal. 6:7-10)! Đức Chúa Trời chịu trách nhiệm trên dòng thời gian và lịch sử!

51:23 "bước qua (ngươi) " Bước trên những kẻ chết bại trận được minh họa trên những tác phẩm vẽ trên những bức tường của Ai Cập (IVP Bible Background Commentary, trang 633).

1. "nằm xuống" – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1005, KB 1457)
2. "bước qua ngươi" – *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO (BDB 716, KB 778)

Ê-SAI 52:1-12

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Được chọn cho Si-ôn Kiệt Sức	Đức Chúa Trời Chuộc Mua Giê-ru-sa-lem	Vương Quyền của Đức Chúa Trời (51:17-52:12)	Đức Chúa Trời Sẽ Giải Cứu Giê-ru-sa-lem	Sự Phóng Thích Giê-ru-sa-lem
52:1-2 (1-2)	52:1-2 (1-2)	52:1-2 (1-2)	52:1-2 (1-2)	52:1-2 (1-2)
52:3-6	52:3 (3)	52:3-6	52:3-6	52:3-6 (3-6)
	52:4-6 (4-6)			
52:7-10 (7-10)	52:7-10 (7-10)	52 :7-10 (7-10)	52:7-8 (7-8)	52:7-12 (7-12)
			52:9-12 (9-12)	
52:11-12 (11-12)	52:11-12 (11-12)	52:11-12 (11-12)		
Tôi Tớ Được Tôn Cao	Bài Ca về Tôi Tớ Đấng Gánh Tội Lỗi	Bài Ca Thứ Tư về Tôi Tớ	Tôi Tớ Chịu Khổ	Bài Ca Thứ Tư về Tôi Tớ
	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)
52:13-15 (13-15)	52:13-15 (13-15)	52:13-15 (13-15)	52:13-15 (13-15)	52:13-15 (13-15)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Văn mạch của Ê-sai 51 đi xuyên suốt đến Ê-sai 52:12.

B. Chú ý sự những nhóm người khác nhau được những THỂ MỆNH LỆNH đề cập đến (Ê-sai 52:4-12).

1. Hỡi dân ta. . .Hỡi nước ta (Ê-sai 51:4-8)
   a. Hãy chú ý– *Hiphil* (BDB 904, KB 1151)
   b. Hãy lắng tai– *Hiphil* (BDB 24, KB 27)
   c. Hãy nhướng mắt– *Qal* (BDB 669, KB 724)
   d. Hãy xem – *Hiphil* (BDB 613, KB 661)
   e. Hãy nghe – *Qal* (BDB 1033, KB 1570)
2. Hỡi cánh tay của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 51:9-11)
   a. Hãy tỉnh dậy – *Qal* (BDB 734, KB 802)
   b. Hãy tỉnh dậy – giống như mục "a"
   c. Hãy mặc lấy– *Qal* (BDB 527, KB 519)
   d. Hãy tỉnh dậy – cũng giống như mục "a"
3. Hỡi Giê-ru-sa-lem (Ê-sai 51:17-23)
   a. Hãy tỉnh dậy – *Hithpolel* or *Hithpael* (BDB 734, KB 802)
   b. Hãy tỉnh dậy – giống mục "a"
   c. Hãy trỗi dậy – *Qal* (BDB 872, KB 1086)
4. Hỡi Si-ôn, hỡi Giê-ru-sa-lem (Ê-sai 52:1)
   a. Hãy thức dậy – *Qal* (BDB 734, KB 802)
   b. Hãy thức dậy – giống mục "a"
   c. Hãy mặc lấy– *Qal* (BDB 527, KB 519)
   d. Hãy mặc lấy – giống mục"c"
5. Hỡi những kẻ tù (Ê-sai 52:2)
   a. Hãy rũ bỏ – *Hithpael* (BDB 654, KB 707)
   b. Hãy dấy lên – *Qal* (BDB 877, KB 1086)
   c. Hãy cởi trói – *Hithpael* (BDB 605, KB 647 [bản MT dùng thể GIỐNG ĐỰC nhưng thể *qere* là GIỐNG CÁI])
6. Không xác định được (Ê-sai 52:9-10, fits #1,3,4, or 5)
   a. vươn ra – *Qal* (BDB 822, KB 953)
   b. ca hát vui mừng – *Piel* (BDB 943, KB 1247)
7. Không xác định được (Ê-sai 52:11-12, fits #1,3,4, or 5)
   a. Hãy khởi hành – *Qal* (BDB 693, KB 747)
   b. Hãy khởi hành – giống với mục "a"
   c. Hãy đi ra – *Qal* (BDB 422, KB 425)
   d. Đừng chạm vào vật gì – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (BDB 619, KB 668)
   e. Hãy đi ra – giống mục "c"
   f. hãy thanh tẩy chính mình – *Niphal* (BDB 140, KB 162)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 52:1-2

[1] Hỡi Si-ôn, hãy thức dậy,
Hãy thức dậy, hãy mặc lấy sức mạnh ngươi!
Hỡi Giê-ru-sa-lem, là thành thánh,

Hãy mặc trang phục lộng lẫy của ngươi!
Vì kẻ không cắt bì và kẻ ô uế
Sẽ không còn vào nơi ngươi nữa.
[2] Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy đứng dậy,
Giũ bụi bặm và ngồi trên ngôi;
Hỡi con gái Si-ôn, là kẻ tù đày,
Hãy tự cởi trói khỏi cổ ngươi.

52:1-2 "hãy thức dậy. . .mặc lấy. . .giũ. . .cởi trói" Đây là một chuỗi những THỂ MỆNH LỆNH (hãy xem Những ý tưởng theo văn mạch, B), giống với Ê-sai 51:9,17. Nhiều người so sánh điều này với tình trạng trái ngược của thành Ba-by-lôn trong Ê-sai 47:từ câu 1 trở đi.

52:1b "Hỡi Si-ôn. . .Hỡi Giê-ru-sa-lem, thành thánh" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thành (Hai thành trong Ê-sai)(Special Topic: Cities (the two cities in Isaiah)).

52:1e " Vì kẻ không cắt bì và kẻ ô uế
Sẽ không còn vào nơi ngươi nữa "

Câu này không thể chỉ đến việc loại trừ Dân Ngoại khỏi sự cứu chuộc, nhưng nói về chẳng có bất cứ dân tộc ngoại đạo nào có thể xâm chiếm Đất Hứa nữa. Đây có thể là nguồn gốc của hình ảnh của Giăng trong Khải Huyền 21:27.

52:2

NASB, NRSV, NJB, NET, REB	**"những kẻ tù"**
NKJV	**"hãy ngồi xuống"**
LXX, Vulgate, TEV, JPSOA	**"hãy ngự [trên ngôi của người]"**

Có một sự mơ hồ không rõ nghĩa đối với cụm từ, "Hỡi những kẻ phu tù Giê-ru-sa-lem." Nó có thể là

1. ĐỘNG TỪ "ngồi" (יׁשב, BDB 442, KB 444, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH GIỐNG CÁI SỐ ÍT) vốn chỉ đến Giê-ru-sa-lem được nhân hóa như đang trị vì
2. DANH TỪ "kẻ tù" (שׁבי BDB 985, sau đó là שׁביה trong câu 2)

The UBS Text Project đánh giá từ "ngồi" một điểm B (một vài nghi ngờ). Y-sơ-ra-ên phải dấy lên và ngồi trên ngai.

▣ **"cởi trói"** Đây là một chỗ mà bản MT dùng ở thể GIỐNG ĐỰC SỐ NHIỀU của *Hithpael* THỂ MỆNH LỆNH ("họ đã được mở"), nhưng các học giả Masoretic cho rằng (Q*ere*) ở thể GIỐNG CÁI SỐ ÍT, "ngươi hãy tự cởi. . ." The UBS Text Project, trang 140, đánh giá lựa chọn của bản MT một điểm "C" (khá đáng ngờ).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 52:3-6
[3] Vì Đức Giê-hô-va phán thế nầy: "Các ngươi đã bị bán mà không được trả tiền, thì cũng sẽ được chuộc lại mà không cần tiền bạc." [4] Chúa là Đức Giê-hô-va phán: "Trước kia, dân Ta đã xuống Ai Cập tạm trú tại đó. Nhưng về sau, người A-si-ri đã áp bức họ." [5] Đức Giê-hô-va phán: "Bây giờ Ta làm gì đây? Vì dân Ta đã vô cớ bị đày đi." Đức Giê-hô-va phán: "Những kẻ cai trị họ cất tiếng kêu la, và danh Ta thường xuyên bị xúc phạm, ngày nầy sang ngày khác. [6] Vậy, dân Ta sẽ biết danh Ta. Thật, trong ngày đó, họ sẽ biết rằng chính Ta là Đấng phán rằng: 'Ấy chính là Ta!'"

52:3 "được chuộc lại mà không cần tiền bạc" Câu này phải được xem trong ánh sáng của Ê-sai 45:13. Si-ru sẽ cho phép những người Do Thái trở về cách tự do miễn phí. Si-ru đã đảo ngược chính sách tái định cư của cả người A-si-ri và Ba-by-lôn. Ông đã cho phép những dân tộc bị chinh phục có thể trở về và tái xây dựng lại đền thờ của dân tộc họ. Đây là cách của ông để phục hồi trật tự trong đế chế của mình và bên cạnh đó, ông cũng là một người mê tín và muốn tất cả các nhóm dân tộc trở về cầu nguyện với các thần của họ cho chính ông và những người nối dõi của ông.

52:4-5 Câu 5 chỉ đến những người lưu đày bởi Ba-by-lôn dù Ba-by-lôn được nhắc bởi tên. Những câu này đang nhìn về sự áp bức trong quá khứ (Ai Cập và A-si-ri). Về mặt thần học Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lưu đày bởi vì tội lỗi của họ chống nghịch lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 43:22-24; 50:1).

52:4 "Ai Cập . .A-si-ri" Đây là hai kẻ thù trước kia của người Do Thái trước sự xuất hiện của người Ba-by-lôn (Ê-sai đoạn 10 từ câu 5 trở đi).

52:5 Có vài cách để hiểu phần văn bản Hê-bơ-rơ.

1. những người lãnh đạo ("những kẻ cai trị ," BDB 605, KB 647, *Qal* PHÂN TỪ)
    a. Những lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem là những người "khóc than" (BDB 410, KB 413, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) cho sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem
    b. Những kẻ cai trị của Ba-by-lôn "chế giễu" về sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem

▣ **" và danh Ta thường xuyên bị xúc phạm "** Đây là ĐỘNG TỪ (BDB 610, KB 658) rất hiếm ở thể *Hithpolel*. Danh của Đức Chúa Trời được liên hệ với tình trạng của Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời sẽ hành động, không phải bởi vì sự tốt lành của Y-sơ-ra-ên nhưng bởi cớ danh của Ngài (Ê-sai 48:11; Ê-xê-chi-ên 20:9,14,22,44; 36:19-20,22-23; Đa-ni-ên 9:17-19; Rô-ma 2:24).

52:6 Bởi sự giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dân sự Ngài sẽ biết rằng Ngài đã tái thiết lập giao ước.
Danh Ngài sẽ một lần nữa lại trở nên đầy ý nghĩa!

Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH)

▣ **"trong ngày đó"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trong ngày đó (Special Topic: That Day).

NASB, NJB, REB	**"Ta ở đây "**
NKJV	**"Hãy chú ý,ấy *chính là ta*"**
NRSV	**"Ta ở đây "**
JPSOA	**"Ở đây giờ đây ngay tại đây "**
LXX	**"Ta đang ở đây"**
Peshitta	**"Ấy là ta"**

Cụm từ này thường là một sự đáp ứng bởi đức tin từ một người đã được nhắc đến bởi Đức Chúa Trời (ví dụ, Sáng Thế Ký 22:1,11; Xuất 3:4; Ê-sai 6:8). Nó sẽ chỉ đến sự sẵn sàng của ý muốn của Đức Chúa Trời.

Chỉ trong Ê-sai cụm từ này được dùng cho Đức Chúa Trời và chỉ đến sự hiện diện, quyền năng, khả năng để thực hiện những gì Ngài đã hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 58:9; 65:1).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 52:7-10

[7] Những người rao truyền sự bình an,
Loan báo tin lành,
Công bố sự cứu rỗi,
Và nói với Si-ôn rằng: "Đức Chúa Trời ngươi trị vì;"
Bàn chân của những người ấy trên các núi
Xinh đẹp biết bao!
[8] Những kẻ canh gác của ngươi cất tiếng hát,
Họ cùng nhau reo mừng;
Vì họ sẽ tận mắt thấy
Đức Giê-hô-va trở lại Si-ôn.
[9] Hỡi những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem,
Hãy trỗi giọng hát mừng rập ràng.
Vì Đức Giê-hô-va đã an ủi dân Ngài,
Đã chuộc lại Giê-ru-sa-lem.
[10] Đức Giê-hô-va để trần cánh tay thánh của Ngài

Trước mắt mọi nước;
Mọi nơi tận cùng trái đất
Đều thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng ta!

52:7-9 Những câu này sử dụng ẩn dụ của (1) một sứ giả chính quyền mang đến tin tức tốt lành (Ê-sai 52:7) và (2) người đứng canh (Ê-sai 52:8) nơi cổng thành loan báo nó với toàn bộ thành phố. Thành phố ở đây chính là Si-ôn; tin tức tốt lành ở đây chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA lại một lần nữa cai trị trên dân sự được phục hồi của Ngài.

52:7 ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ "mang tin tức tốt lành " (BDB 142, KB 163, *Piel* PHÂN TỪ, hai lần) được ngụ ý chỉ đến trong Rô-ma 10:15 cho "tin tức tốt lành" của phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ (Ê-sai 52:13-53:12).

▣ Chú ý sự song hành giữa tin lành được công bố.

1. Sự bình an (BDB 1022; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Hòa Bình (Cựu Ước) (Special Topic: Peace (OT)))
2. Niềm hành phúc/tốt đẹp (BDB 373 I)
3. Sự cứu rỗi (BDB 447; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

▣ " **Đức Chúa Trời ngươi trị vì "** Cụm từ này (BDB 573, KB 590, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chính là sự ứng nghiệm của Ê-sai 24:23. Nó có thể phản chiếu về một nghi thức thờ phượng nổi tiếng của người Y-sơ-ra-ên (Thi Thiên 93:1; 96:10; 97:1; 99:1).

52:8	
NASB, TEV, NJB	**"họ sẽ thấy bằng chính mắt mình "**
NKJV	**"họ sẽ thấy mắt tận mắt "**
NRSV	**"họ sẽ thấy trong chính tầm nhìn "**
JPSOA	**"nầy mọi mắt sẽ thấy "**
NET Bible	**"họ sẽ nhìn bằng chính mắt mình "**

Bản MT dùng "mắt tận mắt." Leupold, trong quyển giải kinh của ông cho sách Ê-sai, đã đưa ra một điểm rất hay.

> "Cụm từ 'mắt tận mắt' ý nghĩa hoàn toàn khác trong Tiếng Anh so với tiếng Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Anh nó có ý nghĩa là một sự đồng ý hoàn toàn trong sự tiến đến và cách nhìn của một người khác. Trong tiếng Hê-bơ-rơ ý nghĩa là "gần trong tầm tay,' một điều giống như cần kề đến nỗi bạn có thể nhìn vào tròng trắng trong mắt của người đang tiến đến." (trang 219).

52:10 Y-sơ-ra-ên đã được thiết lập bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để trở thành một vương quốc của các thầy tế lễ (Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:4-6). Tuy nhiên, sự không chung thủy của cô ta đã đòi hỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, và vì thế, thế giới đã chưa bao giờ nhìn thấy đặc tính thật sự của Đức Chúa Trời. Bởi sự giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi sự tù đày của Đức Chúa Trời, đầu tiên khỏi Ai Cập, sau đó là A-si-ri, và giờ đây là Ba-by-lôn, mọi dân tộc trên thế giới giờ đây có thể nhìn thấy quyền năng, tình yêu, và sự ban phước của Đức Chúa Trời.

▣ **" để trần cánh tay thánh của Ngài "** ĐỘNG TỪ này (BDB 362, KB 359, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) là một ẩn dụ nhân hình (anthropomorphic metaphor) (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (Special Topic: God Described As Human) và Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy)) được dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẵn sàng để hành động/ giải cứu (Ê-xê-chi-ên 4:7).

Thường cụm từ "bởi cánh tay vươn dài" chỉ về cùng những hành động thánh (Xuất 6:6; Phục Truyền 4:34; 5:15; 26:8).

▣ **"trước mắt mọi nước"** Cụm từ này song hành với cụm từ kế tiếp, " Mọi nơi tận cùng trái đất đều thấy." Cụm từ này cũng song hành với "mọi loài xác thịt đều sẽ thấy" (Ê-sai 40:5; cũng hãy chú ý Giô-ên 2:28 để xem một hình ảnh mang tính toàn cầu khác).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 52:11-12

[11] Hãy đi ra, hãy đi ra, hãy ra khỏi chỗ đó!
Đừng đụng đến đồ ô uế, hãy ra khỏi nó.
Các ngươi là người mang vật dụng thờ phượng Đức Giê-hô-va,
Hãy thanh tẩy chính mình!
[12] Nhưng các ngươi ra đi không cần phải vội vàng,
Cũng không cần phải trốn tránh,
Vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước các ngươi,
Và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đi sau bảo vệ các ngươi.

52:11-12 Những câu này được sử dụng cho sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời dành cho các thầy tế lễ (Ê-sai 52:11d) như là một cách đảm bảo với toàn bộ tuyển dân giao ước rằng Đức Chúa Trời ở với họ và đứng về phía họ (Ê-sai 52:12). Đây là một lời cảnh báo ẩn ý phải rời bỏ tất cả sự thờ hình tượng của Mê-sô-bô-ta-mi lại phía sau!

Những người trở về sẽ nhận lấy những khí dụng trong đền thờ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cùng với họ (Ê-xơ-ra 1:5-11; 5:14; 6:8; cũng hãy đọc 2 Sử Ký 4 nơi điều này được mô tả). Họ rời khỏi Ba-by-lôn cũng như họ đã từng làm đối với Ai Cập (Xuất 11:2; 12:35-36) bằng việc nhận chiến lợi phẩm của vùng đất ra đi cùng với họ (một biểu tượng cho việc bị đánh bại của một đất nước và các thần của nó).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao Ê-sai lại sử dụng sự kêu gọi Áp-ra-ham như một sự khích lệ dành cho các phu tù Giu-đa?
2. Sự sáng tạo và sự Xuất Hành đã mang đến sự khích lệ trên người Y-sơ-ra-ên và Giu-đa lưu đày như thế nào?
3. Ê-sai 51:16 chỉ đến ai?
4. Đức Chúa Trời đã sử dụng Y-sơ-ra-ên để vươn đến Các Dân Ngoại như thế nào?

Ê-SAI 53 (52:13-53:12)

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tôi Tớ Chịu Khổ	Tôi Tớ Mang Gánh Tội Lỗi	Bài Ca Thứ Tư về Tôi Tớ	Tôi Tớ Chịu Khổ	Bài Ca Thứ Tư về Tôi Tớ
	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)	(52:13-53:12)
53:1-3 (1-3)	53:1-3 (1-3)	53:1-3 (1-3)	53:1-3 (1-3)	53:1-7 (1-7)
53:4-6 (4-6)	53:4-6 (4-6)	53:4-6 (4-6)	53:4-6 (4-6)	
53:7-9 (7-9)	53:7-9 (7-9)	53:7-9 (7-9)	53:7-9 (7-9)	
				53:8-9 (8-9)
53:10-12 (10-12)	53:10-12 (10-12)	53:10-12 (10-12)	53:10-12 (10-12)	
				53:10 (10)
				53:11 (11)
				53:12 (12)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Đây là một phần Kinh Thánh rất quan trọng then chốt cho những sự thông hiểu Tân Ước về chức vụ và sự định danh của Chúa Jesus là Tôi Tớ Chịu Khổ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Hãy chú ý những chỗ được trích dẫn và ngụ ý chỉ đến trong Tân Ước.

1. Ê-sai 52:15 – Rô-ma 15:21
2. Ê-sai 53:1 – Rô-ma 10:16; Giăng 12:38

   Ê-sai 53:3 – Lu-ca 18:31-33 (ngụ ý); Mác 10:33-34 (ngụ ý); Giăng 1:10-11(ngụ ý)
3. Ê-sai 53:4 – Ma-thi-ơ 8:17; 1 Phi-e-rơ 2:24 (ngụ ý)
4. Ê-sai 53:5 – Rô-ma 4:25 (ngụ ý); 1 Cô-rinh-tô 15:3 (ngụ ý); Hê-bơ-rơ 9:28 (ngụ ý); 1 Phi-e-rơ 2:24-25 (ngụ ý)
5. Ê-sai 53:6 – 1 Pet 2:25 (ngụ ý)
6. Ê-sai 53:78 – Ma-thi-ơ 26:63 (ngụ ý); Ma-thi-ơ 27:12-14 (ngụ ý); Mác 14:61 (ngụ ý); Mác 15:5 (ngụ ý); Lu-ca 23:9 (ngụ ý); Giăng 19:9 (ngụ ý); Công Vụ 8:32-33 (ngụ ý); 1 Phi-e-rơ 2:23 (ngụ ý)
7. Ê-sai 53:9 – Ma-thi-ơ 27:57-60 (ngụ ý); 1 Phi-e-rơ 2:22
8. Ê-sai 53:10 – Giăng 1:29 (ngụ ý); Mác 10:45 (ngụ ý)
9. Ê-sai 53:11 – Giăng 10:14-18 (ngụ ý); Rô-ma 5:18,19 (ngụ ý); 1 Phi-e-rơ 2:24 (ngụ ý)
10. Ê-sai 53:12 – Lu-ca 22:37; 2 Cô-rinh-tô 5:21 (ngụ ý); Phi-líp 2:6,7 (ngụ ý)

B. Tôi rất ngạc nhiên rằng những từ thay thế rất rõ ràng này đã không được trích dẫn trực tiếp nhiều hơn nữa trong Tân Ước. Sự thiên kiến của tôi là một Cơ Đốc Nhân nhấn mạnh vào Lời Đức Chúa Trời có thể thấy rõ trong văn mạch này. Đối với tôi Cựu Ước phải được giải nghĩa trong ánh sáng của chính những ngày đó (sự tập chú của chính tác giả) nhưng cũng phải sử dụng toàn bộ Kinh Thánh (2 Tim. 3:16), chúng ta phải đọc Cựu Ước qua sự mặc khải của Chúa Jesus và các Sứ Đồ.

C. Tôi nghĩ rằng một sự giúp đỡ rất tốt để có thể tiếp cận với những bài thơ/ bài ca trong Cựu Ước đầy mạnh mẽ, và trong một khía cạnh, độc nhất chúng ta cần

1. Nhận diện khổ thơ
2. Nhận diện tác giả (người nói)
3. Dàn ý của thông điệp

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 52:13-15

[13] Nầy, đầy tớ Ta sẽ hành động cách khôn ngoan,
Sẽ được tán dương, được tôn vinh,
Và tôn cao tột cùng.
[14] Nhưng nhiều người sẽ ngạc nhiên về Người;
Mặt mày Người tiều tụy hơn bất cứ người nào khác,
Hình dáng Người không giống con loài người.
[15] Cũng vậy, Người sẽ thanh tẩy nhiều dân tộc;
Các vua ngậm miệng lại vì Người,
Vì họ sẽ thấy điều chưa ai nói cho mình,
Và sẽ hiểu điều mình chưa từng nghe.

52:13 "sẽ thịnh vượng (hành động cách khôn ngoan) " ĐỘNG TỪ này (BDB 968, KB 1328, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có hai nghĩa rộng.

1. xem xét, chú ý vào, suy nghĩ, cân nhắc về– Ê-sai 41:20; 44:18; Phục Truyền 32:29; Thi Thiên 64:9
2. thịnh vượng, "đạt được thành công" – 1 Sa-mu-ên 18:15; Ê-sai 52:13; Giê-rê-mi 20:11; 23:5

Câu hỏi ở đây là lựa chọn nào phù hợp hơn với sự song hành của chuỗi những ĐỘNG TỪ "tán dương," "tôn vinh," và "tôn cao tột cùng." Tôi Tớ sẽ được

1. lắng nghe
2. tôn cao

Cả hai đều phù hợp với văn mạch của những đoạn 44-55.

▣ **" Người sẽ được tán dương, được tôn vinh,và tôn cao tột cùng"** Sự sử dụng ba lớp ĐỘNG TỪ với ý nghĩa tương tự nhau làm nhấn mạnh, gia tăng sự mãnh liệt của ý nghĩa.

1. Sẽ được tán dương– BDB 926, KB 1202, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 6:1; 57:15
2. Sẽ được tôn vinh – BDB 669, KB 724, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH (với *waw*), Ê-sai 6:1; 33:10; 57:15
3. Sẽ được tôn cao tột cùng – BDB 146, KB 170, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (với *waw*), Ê-sai 5:16

Chủ Đề Đặc Biệt: Được Tôn Cao (Special Topic: Lifted Up)

52:14

NASB, NKJV, LXX	**"đã kinh ngạc trước các ngươi "**
NRSV	**" đã kinh ngạc trước các người"**
NJB	**"đã kinh hãi trước người "**
JPSOA	**"đã thất kinh trước các người"**
REB	**"đã lùi lại trước tầm nhìn của người "**
Peshitta	**"đã ngạc nhiên trước các người "**
NET	**"đã kinh hoàng trước cái nhìn của các ngươi "**

Bản MT dùng từ "ngươi," עליך (also LXX), nhưng từ "người," עליו được đọc trong bản Targums và những bản trong tiếng Sy-ri. The UBS Text Project, trang 142, đánh giá từ ngươi "" một điểm B.

Có một sự trôi chảy giữa sự tập chú vào tập thể ("các ngươi") và cá nhân ("người") trong những bài hát về Tôi Tớ. Một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng đã phải trả cái giá cho tập thể Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 53:8) cũng như là tập thể của toàn bộ nhân loại (Sáng Thế Ký 3:15)!

▣ **"*dân Ta* "** Đây không phải là từ được dùng trong bản Masoretic tiếng Hê-bơ-rơ. Tôi Tớ đã không được nhấn mạnh với nghĩa của tập thể Y-sơ-ra-ên nhưng là một cá nhân, một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng (Đấng Mê-si.)

▣ **" Mặt mày Người tiều tụy hơn bất cứ người nào khác,**
Hình dáng Người không giống con loài người"

Từ "xây xát (tiều tụy)" (BDB 1008, KB 644) được tìm thấy duy nhất ở đây. BDB dịch là "sự méo mó biến dạng của khuôn mặt." KB dịch là "sự xấu xí trong hình dạng," từ một gốc từ trong tiếng Ả-rập .

Những phụ âm của cùng một gốc từ được sử dụng trong Lê-vi Ký 22:25 được dùng cho từ "bại hoại."

Những phụ âm của cùng từ gốc được dùng trong Ê-xê-chi-ên 9:1 cho "sự hủy phá."

Chúa Jesus đã bị đánh đập cách kinh khủng, đến nỗi gần như không thể nhận ra, đầu tiên bởi Tòa Công Luận, và sau đó bởi các quân lính La Mã. Những ra-bi sử dụng câu này để nói rằng Đấng Mê-si sẽ bị bệnh phung.

52:15

NASB, NKJV	**"rải trên"**
NRSV, JPSOA, NET	**"giật mình"**
NJB, LXX	**"kinh ngạc"**
Peshitta	**"thanh tẩy"**

Bản MT (NASB) đã sử dụng một từ của sự dâng sinh tế (BDB 633 I, KB 683, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Xuất 29:21: Lê-vi Ký 4:6,17; 5:8; 6:27; 8:11,30; 14:7,16,27,51; 16:14,15,19; Dân Số Ký 8:7; 19:4,18,19,21). Nó có thể có ý nghĩa "vung vãi" (Lê-vi Ký 6:27; 2 Các Vua 9:33; Ê-sai 63:3). Nhiều bản dịch

hiện đại dịch là "giật mình" (BDB 633 II, "gây nảy lên"), vốn có nguồn gốc từ một từ gốc tiếng Ả-rập. The UBS Text Project, trang 142, đánh giá cách dùng của bản MT một điểm "B" (một ít nghi ngờ).

Câu hỏi ở đây là "Các vua nghe và thấy gì?"

1. Một người nam xây xước (Ê-sai 52:14; 53:5)
2. Một người nam được tán dương, tôn vinh và tôn cao cách tột cùng (Ê-sai 52:13)

Có phải ĐỘNG TỪ trong Ê-sai 52:15a có nghĩa là:

1. giật nảy lên với sự vui mừng
2. giật mình bởi kinh ngạc
3. đổ ra như một của lễ (Ê-sai 53:4-5,10)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 53:1-3

[1] Ai tin điều đã được rao truyền cho chúng ta?
Và cánh tay Đức Giê-hô-va đã được bày tỏ cho ai?
[2] Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chồi,
Như cái rễ ra từ đất khô.
Người chẳng có vẻ đẹp cũng chẳng có sự uy nghi để chúng ta nhìn ngắm;
Không có gì trong diện mạo Người khiến chúng ta ưa thích được.
[3] Người đã bị người ta khinh rẻ và chối bỏ,
Từng trải sự đau khổ, biết sự đau ốm,
Bị khinh như kẻ mà người ta che mặt chẳng thèm xem;
Chúng ta cũng chẳng coi Người ra gì.

53:1 " Ai tin điều đã được rao truyền cho chúng ta " Người nói (SỐ NHIỀU) không xác định được, nhưng có lẽ là

1. dân sót Do Thái trung tín
2. các tiên tri

thật rõ ràng rằng có rất ít sự hiểu biết về khái niệm của Đấng Mê-si chịu khổ (Giăng 12:38; Rô-ma 10:16)! Tuy nhiên, vào một ngày kia các vua của trái đất sẽ hiểu được (Ê-sai 52:15 và Phi-líp 2:611)!

Để xem về từ "đã tin" (BDB 52, KB 63, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tin, Sự Tin Cậy, Đức Tin và Sự Thành Tín trong Cựu Ước (Special Topic: Believe, Trust, Faith, and Faithfulness in the OT).

▣ **"cánh tay Đức Giê-hô-va"** Đây là một cụm từ theo ngôn ngữ nhân hình (Ê-sai 51:9; 52:9,10; Phục Truyền 5:15) để chỉ về những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, ở đây liên hệ với chức vụ của Tôi Tớ.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề Và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: The Problems and Limitations of Human Language)

53:2 "như một cành non dịu dàng (cái chồi)" Từ này (BDB 413) chỉ về sự bắt đầu kín đáo của Ngài. Nó có một mối quan hệ về nghĩa với thuật ngữ chỉ về Đấng Mê-si "Cái Chồi" (BDB 666, Ê-sai 4:2; 11:1,10). Cả hai được sử dụng cùng nhau trong Ê-sai 11:1.

Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Jesus Người Na-xa-rét (Special Topic: Jesus the Nazarene)

▣ **" Người chẳng có vẻ đẹp cũng chẳng có sự uy nghi để chúng ta nhìn ngắm "**

Chúa Jesus đã không có được một hình dáng hấp dẫn hoặc khác thường. Ngài đã không nổi bật giữa đám đông trong bất kỳ cách nào (Ngài có thể hòa lẫn vào trong đám đông, Giăng 8:59; 12:36).

53:3 "Ngài đã bị khinh rẻ " ĐỘNG TỪ này (BDB 102, KB 117, *Niphal* PHÂN TỪ) được sử dụng như là một danh hiệu, "Đấng Bị Khinh Rẻ" trong Ê-sai 49:7. *Qal* PHÂN TỪ BỊ ĐỘNG này được sử dụng trong Thi Thiên 22:6,mà những tín đồ tin Chúa đã tin rằng nó mô tả về sự đóng đinh Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 27:35, 39,43,46; Mác 15:29,34; Lu-ca 23:34; Giăng 19:24; 20:25).

Quá nhiều phần Kinh Thánh trong phần này của sách Ê-sai được sử dụng trong Tân Ước. Ê-sai rõ ràng đã bày tỏ về kế hoạch cứu chuộc cho toàn thể nhân loại của Đức Chúa Trời.

▣ Hai dòng cuối của Ê-sai 53:3 đã được giải nghĩa trong một vài cách khác nhau.

1. Một vài ra-bi Do Thái đã cho rằng Đấng Mê-si sẽ bị bệnh phung (Ê-sai 53:11)
2. Một vài người liên hệ nó với 52:14 và xem nó như là sự chỉ đến việc đánh đập Chúa Jesus phải chịu bởi tay của quân lính của Hê-rốt và Phi-lát
3. Một vài người liên hệ hai dòng này với những lời của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 26:31; Mác 14:27 (từ Xa-cha-ri 13:7) hoặc Giăng 16:32

▣ **"sự đau khổ"** Từ này có thể (BDB 456) có ý nghĩa là

1. Sự đau đớn về thể xác – Xuất 3:7
2. Sự đau đớn về mặt cảm xúc – Thi Thiên 38:17-18; Giê-rê-mi 45:3

Nó được sử dụng trong văn mạch này (53:13-14) để chỉ về sự đau đớn của Tôi Tớ thay mặt cho Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 53:8) và toàn bộ nhân loại (Ê-sai 53:6).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 53:4-6

[4] Thật, Người đã mang sự đau ốm của chúng ta,
Đã gánh nỗi đau khổ của chúng ta
Mà chúng ta lại nghĩ rằng Người đã bị Đức Chúa Trời đánh, đập
Và làm cho khốn khổ.
[5] Nhưng Người đã vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết,
Vì gian ác của chúng ta mà bị thương.
Bởi sự trừng phạt Người chịu, chúng ta được bình an,
Bởi lằn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh.
[6] Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc,
Ai theo đường nấy;
Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của tất cả chúng ta
Đều chất trên Người.

53:4 "nỗi sầu khổ" Từ này nguyên văn là "sự đau ốm" (BDB 318, Phục Truyền 28:59,61), nhưng nó được sử dụng trong một nghĩa rộng hơn rất nhiều trong tiếng Hê-bơ-rơ (Ê-sai 1:6; 6:10). Từ này chỉ về công việc chịu thay thế của Chúa Jesus (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21).

Nhiều người đã cố gắng giải nghĩa khổ thơ này và Ê-sai 53:5d trong phần dạy dỗ rằng sự chết của Chúa Jesus đã giải quyết những tội lỗi và bệnh tật của các tín đồ, nhưng điều này là giải nghĩa sai lạc sự song hành (Thi Thiên 103:3).

"Sự đau ốm" là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho tội lỗi (Ê-sai 1:5-6; Thi Thiên 103:3). Tác giả đầy lôi cuốn và yêu thích của tôi, Gordon Fee, đã viết một quyển sách đầy uy quyền về chủ đề này có tựa đề là *The Disease of the Health and Wealth Gospels*.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Chữa Lành (Special Topic: Healing)

▣ **"mang. . .gánh"** Hai ĐỘNG TỪ này song hành với nhau.

1. mang – BDB 669, KB 724, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, được sử dụng cho việc mang một sự vi phạm của một người, Sáng Thế Ký 4:13; Lê-vi Ký 5:1,17; 7:18; Dân Số Ký 5:31; 14:34; Ê-xê-chi-ên 14:10; 44:12, một nhưng nó cũng được sử dụng chỉ về một người hoặc một con vật mang lấy sự vi phạm của kẻ khác, Lê-vi Ký 10:17; 16:22; Dân Số Ký 14:33; Ê-xê-chi-ên 4:4,5,6 và của chức vụ cứu chuộc của Tôi Tớ chịu khổ trong Ê-sai 53:4
2. gánh – BDB 687, KB 741, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH; từ này nguyên văn là "mang lấy một khối lượng nặng được chất lên," từ này cũng được sử dụng cho Tôi Tớ trong Ê-sai 53:4 và trong Ê-sai 53:11 (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)

Chú ý chuỗi của những ĐỘNG TỪ trong Ê-sai 53:4-6 về những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm đối với Tôi Tớ vì lợi ích cho toàn bộ nhân loại.

1. bị đánh bởi Đức Chúa Trời, Ê-sai 53:4 – BDB 645, KB 697, *Hophal* PHÂN TỪ

2. bị hành hạ (by Đức Chúa Trời), Ê-sai 53:4 – BDB 776, KB 853, *Pual* PHÂN TỪ
3. bị đâm bởi những sự vi phạm của chúng ta, Ê-sai 53:5 – BDB 319, KB 320, *Poal* PHÂN TỪ
4. bị nghiền ép bởi những tội lỗi của chúng ta , Ê-sai 53:5 – BDB 193, KB 221, *Pual* PHÂN TỪ
5. Bởi sự trừng phạt trên người, chúng ta được bình an (không có ĐỘNG TỪ), Ê-sai 53:5
6. Bởi lằn roi người chúng ta được lành bệnh, Ê-sai 53:5

Đây là nền tảng văn mạch của sự dạy dỗ về sự chuộc tội chịu thay, thay thế.

▣ **"bị đánh bởi Đức Chúa Trời"** Đây chính là ý muốn của Đức Chúa Trời rằng Chúa Jesus sẽ chết (Ê-sai 53:10; Giăng 3:16; Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Sự khổ nạn và sự chết của Chúa Jesus không phải là tai nạn hay lỗi lầm, nhưng là kế hoạch của Đức Chúa Trời (Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 1 Phi-e-rơ 1:20).

53:5 "đâm. . .làm bị thương" Cũng như "mang" và "gánh" trong Ê-sai 53:4 song hành với nhau, thì cũng vậy, (sự song hành của) hai ĐỘNG TỪ này .

1. Bị đâm – BDB 319, KB 320, *Poal* PHÂN TỪ thường là bởi gươm trong một trận chiến, nhưng không phải tại chỗ này.
   Cũng một gốc từ có nghĩa là "ô nhiễm" dành cho sự thanh tẩy và tha thứ của nhân loại.
2. Bị tổn thương – BDB 193, KB 221, *Pual* PHÂN TỪ; ĐỘNG TỪ này được sử dụng một vài lần trong Ê-sai
   a. Ê-sai 57:15 – *Niphal* PHÂN TỪ, "tấm lòng ăn ăn thống hối"
   b. Ê-sai 3:15 – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, "ép dân ta"
   c. Ê-sai 19:10; 53:5 – *Pual* PHÂN TỪ, "bị tổn thương"
   d. Ê-sai 53:10 – *Piel* NGUYÊN MẪU GHÉP, "làm tổn thương"

Nó chỉ về một Đấng khiêm nhường, bị hạ xuống. Trong văn mạch này với chính mình ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho một sự tốt lành hơn cho toàn bộ nhân loại.

53:6 Đây là một phần tương ứng Cựu Ước của Rô-ma 3:9-18,23; 5:12,15,18; 11:32; Gal. 3:22. Điều này chỉ ra sự phát triển tệ hại, kinh khủng của sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3 (Sáng Thế Ký 6:5,11-12; Thi Thiên 14:3; 143:2).

▣ **"tất cả tội lỗi của chúng ta đều chất trên Người"** Chúa Jesus đã chết thay cho tội lỗi của toàn bộ nhân loại. Mọi người đều có khả năng được chuộc bởi Đấng Christ (Giăng 1:29; 3:16-17; 12:47; Rô-ma 5:18; 1 Ti-mô-thê 4:10; Tít 2:11; Hê-bơ-rơ 2:9; 7:25; 1 Giăng 2:2; 4:14). Chỉ những sự cố ý không tin mới có thể ngăn cản bất kỳ người nào khỏi Đức Chúa Trời.

Một vài nhà giải kinh đã cố gắng tạo ra một sự phân biệt giới hạn giữa từ "tất cả" [hai lần] của Ê-sai 53:6 và "nhiều người" của Ê-sai 53:11d và 12e. Tuy nhiên, sự song hành của Rô-ma 5:18, "tất cả" và "nhiều" của Ê-sai 5:19, chỉ ra một cách rất rõ rằng chúng chỉ về cùng một nhóm người (nhân loại sa ngã đã được dựng nên bởi hình và ảnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Sáng Thế Ký 1:26-27).

Đức Chúa Trời khao khát cả nhân loại được cứu chuộc – Giăng 4:42, 1 Tim. 2:4; 4:10; 2 Phi-e-rơ 3:9).

53:6d

NASB, TEV	**"rơi xuống trên "**
NKJV, NRSV, REB, Peshitta	**"đặt trên"**
NJB	**"gánh trên"**
NET	**"tấn công "**
JPSOA	**"viếng thăm trên "**
LXX	**"nộp người cho "**

Bản MT sử dụng ĐỘNG TỪ (BDB 803, KB 910, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH), vốn có thể có nghĩa là

1. Chiếu sáng trên (ở đây)
2. Làm cho một ai đó phải rút lui (KB 910, *Hiphil*, #2)
3. Xen vào (Ê-sai 53:12, *Qal* PHÂN TỪ)

4. Tấn công dồn dập (NET, trang 1269, #10)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 53:7-9

[7] Người bị ngược đãi và khốn khổ,
Nhưng không hề mở miệng.
Như chiên con bị đem đi làm thịt,
Như chiên câm lặng trước mặt kẻ hớt lông,
Người không hề mở miệng.
[8] Người đã bị ức hiếp, xét xử và bị giết đi.
Trong những kẻ đồng thời với Người, có ai suy xét rằng
Người đã bị đánh phạt và cất khỏi đất người sống
Là vì tội lỗi của dân Ta?
[9] Người ta đã đặt mộ Người chung với những kẻ ác,
Nhưng khi chết, Người được chôn với kẻ giàu,
Dù Người không hề làm điều hung dữ,
Và chẳng có sự dối trá trong miệng.

53:7 "như chiên con " Sự ngụ ý về việc dâng sinh tế này thật đáng chú ý (Giăng 1:29 and 2 Cô-rinh-tô 5:21).

▣ **"Ngài đã không mở miệng "** Câu này mang ý nghĩa về việc Tôi Tớ đã không cố gắng để bảo vệ chính mình. Có vài sự ngụ ý về câu này trong sự xét xử của Chúa Jesus.

1. Phiên tòa trong đêm của Chúa Jesus trước Cai-phe – Ma-thi-ơ 26:63; Mác 14:61
2. Sự xét xử Chúa Jesus trước Phi-lát– Ma-thi-ơ 27:12-14; Mác 15:5; Giăng 19:9
3. Chúa Jesus trước Hê-rốt Chư Hầu– Lu-ca 23:9

53:8a Câu này có thể chỉ đến những phiên tòa bất công xét xử Chúa Jesus.
1. Trước Tòa Công Luận
2. Trước Phi-lát

Chủ Đề Đặc Biệt: Tòa Công Luận (Special Topic: The Sanhedrin)

Chủ Đề Đặc Biệt: Bôn-xơ Phi-lát (Special Topic: Pontius Pilate)

53:8d "Là vì tội lỗi của dân Ta " Cụm từ này chỉ về thuật ngữ "Tôi Tớ" trong văn mạch này không thể là dân Y-sơ-ra-ên. Tôi Tớ chết (Ê-sai 53:8c,d) thay cho dân Y-sơ-ra-ên.

Ở đây bản DSS dịch là "của dân Ngài."

Bài ca/bài thơ này có một vài THỂ ĐỘNG TỪ hiếm và bất thường.

1. Ê-sai 52:15, "điều chưa ai nói " – *Pual* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 707, KB 765)
2. Ê-sai 52:15, "họ sẽ hiểu " – *Hithpolel* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 106, KB 122)
3. Ê-sai 53:4, "đánh" – *Hophal* PHÂN TỪ (BDB 645, KB 697)
4. Ê-sai 53:4, "hành hạ" – *Pual* PHÂN TỪ (BDB 776, KB 853)
5. Ê-sai 53:5, "đâm" – *Poal* PHÂN TỪ (BDB 319, KB 320)
6. Ê-sai 53:5, "làm tổn thương" – *Pual* PHÂN TỪ (BDB 193, KB 221)
7. Ê-sai 53:7, "dẫn dắt" – *Hophal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 384, KB 383)
8. Ê-sai 53:8, "xem xét" – *Polel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 967, KB 1319)

53:9 Câu 9a và 9b có thể là phép song hành phản đề trên từ "giàu," trong văn mạch này chỉ về "kẻ ác." Tôi nghĩ rằng lựa chọn đầu tiên là tốt nhất. Câu này mô tả thật quá rõ ràng về sự chịu đóng đinh và chôn của Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 27:38-59), cũng như Thi Thiên 22.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 53:10-12

[10] Đức Giê-hô-va vui lòng để Người bị tổn thương,
Và chịu đau khổ.
Sau khi đã dâng mạng sống làm tế lễ chuộc tội,
Người sẽ thấy dòng dõi mình;
Các ngày của Người sẽ dài thêm,
Và ý muốn của Đức Giê-hô-va nhờ tay Người được thành tựu.
[11] Nhờ sự khốn khổ của linh hồn mình,
Người sẽ thấy kết quả và mãn nguyện.
Đầy tớ công chính của Ta sẽ lấy sự hiểu biết về mình
Làm cho nhiều người được xưng công chính,
Vì Người gánh lấy tội lỗi của họ.
[12] Vì thế, Ta sẽ chia phần cho Người đồng với những người lớn.
Người sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh;
Vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết,
Đã bị liệt vào hàng tội nhân,
Đã mang lấy tội lỗi nhiều người,
Và cầu thay cho những kẻ phạm tội.

53:10 " Đức Giê-hô-va vui lòng để Người bị tổn thương,
Và chịu đau khổ "

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã vui lòng (nguyên văn "đó đã là ý muốn của" – BDB 342, KB 339, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). ĐỘNG TỪ này có nghĩa là "lấy làm vui thích trong (việc)" (Ê-sai 58:2; 62:4) hoặc "khao khát" (55:11). Nó còn thậm chí được sử dụng cho sự hài lòng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khiến cho một ai đó phải chết trong 1 Sa-mu-ên 2:25. Thật đáng kinh ngạc khi sử dụng một ĐỘNG TỪ như từ này trong mối liên hệ với sự đối xử không công bằng, đầy đau đớn đối với Tôi Tớ công chính. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã có một kế hoạch cứu chuộc đời đời!
2. Ý định và mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là "làm tổn thương" (*Piel* NGUYÊN MẪU GHÉP, Ê-sai 53:5) và "đặt vào sự chịu khổ" (*Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 317, KB 311). ĐỘNG TỪ này nguyên văn là "làm cho bị bệnh" (JPSOA) hoạc "đau đớn bởi bị đánh." Có một giá rất đắt và rất cao đã phải trả cho sự cứu chuộc của nhân loại (2 Cô-rinh-tô 5:21)! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Tôi Tớ Chịu Khổ của Ngài đã trả một cách đầy đủ và miễn phí!

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

NASB	**"Như Ngài đã phó Chính Mình Ngài như của lễ chuộc tội "**
NKJV, NRSV	**"Khi Ngài khiến chính linh hồn mình trở nên của lễ cho tội lỗi "**
TEV	**"Sự chết của Ngài đã là một của lễ mang đến sự tha thứ "**
NJB	**"cũng như Ngài đã phó chính mạng sống mình như của lễ chuộc tội "**
JPSOA	**"cũng như Ngài đã phó chính bản thân như một của lễ chuộc tội "**
Peshitta	**"Ngài đã phó chính mạng sống mình trở nên của lễ cho tội lỗi "**
REB	**"là Đấng đã phó chính mình Ngài trở nên của lễ cho tội lỗi "**
LXX	**"Như ngươi dâng một của lễ chuộc tội "**

Cụm từ này quá đơn giản nhưng thật nền tảng. Nó liên hệ với

1. Ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. Ý muốn của Tôi Tớ
3. Những kẻ tội lỗi là người đã chọn để chấp nhận của lễ chuộc tội này (hàm ý)

Đây là một khái niệm thần học Hê-bơ-rơ "thân thể, tập thể." Nó được minh họa bởi

1. Hệ thống dâng sinh tế (Lê-vi Ký 1-7), nhưng đặc biệt là Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16)

2. Tội lỗi của A-can đã ảnh hưởng đến quân đội của Y-sơ-ra-ên (Giô-suê 7)
3. Sự giải nghĩa rõ hơn trong Rô-ma 5:12-21
4. Một ví dụ tuyệt vời khác trong 2 Cô-rinh-tô 5:21

Đấng vô tội đã trả giá để giải phóng tất cả những kẻ có tội!

▣ **" Các ngày của Người sẽ dài thêm "** Rõ ràng Tôi Tớ sẽ chết (Ê-sai 53:8,9,12). Vì vậy, câu này phải chỉ đến cõi sau cái chết!

Chú ý những điều mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm trên Ngài.

1. Ngài sẽ thấy dòng dõi Người (nguyên văn "hậu tự"), Ê-sai 53:10
2. Ngài sẽ làm cho những ngày của Người dài ra (điều này phải chỉ đến cõi sau của Người), Ê-sai 53:10
3. Sự khoái lạc của sự thành công của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong cánh tay Ngài (kê hoạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để phục hồi mối liên hệ với nhân loại), Ê-sai 53:10
4. Ngài sẽ thấy nó và được thỏa mãn, Ê-sai 53:11 (chỉ về sự hài lòng [ý muốn] tốt lành của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Ê-sai 53:10e
5. Ngài sẽ làm cho nhiều người được xưng công chính, Ê-sai 53:11
6. Ngài sẽ chia phần cho Người đồng với những người lớn, Ê-sai 53:12
7. Ngài sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh, Ê-sai 53:12

Thơ ca luôn luôn khó để giải nghĩa. Một vài mục phía trên đây là không thể xác định được!

53:11

NASB	**"Ngài sẽ thấy nó "**
NKJV, Peshitta	**"Ngài sẽ thấy sự khó nhọc của linh hồn Ngài "**
NRSV, NJB, REB	**"người sẽ thấy sự sáng"**
LXX, DSS	**"bày tỏ sự sáng của Ngài"**

Bản MT chép là "của sự khó nhọc của linh hồn người, người sẽ thấy." Chú ý rằng không hề có từ "nó" nhưng nó có vẻ chỉ về "sự thống khổ của linh hồn Người." The JPSOA footnote cho rằng từ "nó" chỉ về "cánh tay của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA" từ trong câu 1, vốn cũng là một DANH TỪ GIỐNG CÁI.

The UBS Text Project cho rằng "ánh sáng" có lẽ đã chiếu trên những lời Kinh Thánh và đánh giá một điểm "B" cho sự bao gộp này. Nhìn thấy ánh sáng chính là một thành ngữ được dùng cho "sống" (ví dụ, sự sống lại").

▣ **"Bởi sự hiểu biết "** bản NRSV dịch là "ngài sẽ tìm thấy sự thỏa lòng bởi sự hiểu biết của Ngài." Câu hỏi rằng "hiểu biết về điều gì" có lẽ liên hệ với

1. Sự nhìn thấy những hậu tự của Ngài (Ê-sai 53:10d)
2. Cuộc sống của Ngài được kéo dài (Ê-sai 53:10e)
3. Ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được thịnh vượng (Ê-sai 53:10f)
4. Kết quả của sự thống khổ của Ngài (Ê-sai 53:11a)

▣ **"Đấng Công Chính. . .xưng công chính"** Cả hai từ đều được hình thành từ cùng một gốc từ (BDB 842, 843). Tôi Tớ Đấng mang tội lỗi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 53:11e) sẽ hoàn thành sự công chính cho tất cả những ai tin và nhận Ngài (Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13).

▣ **"nhiều người"** Hãy xem bài viết về "tất cả" trong Ê-sai 53:6.

▣ **" Người gánh lấy tội lỗi của họ "** Cùng một ĐỘNG TỪ (BDB 687, KB 741, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) cũng được sử dụng cho Ê-sai 53:4. Hãy xem bài viết trong câu đó.

53:12a,b " Người sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh " Đây là một thành ngữ chiến tranh chỉ về sự chiến thắng. Nó không được dùng cho việc trích theo nghĩa đen, nhưng với nghĩa bóng của một sự chiến thắng thuộc linh (Ê-sai 52:13)!

▣ **" Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết "** ĐỘNG TỪ này (BDB 788, KB 881, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) có nguyên văn là"trần " hoặc "trơ trọi" hoặc "trống rỗng." Nó cũng được sử dụng trong sách Ê-sai trong một vài nghĩa khác nhau.

1. Để trần vũ khí, Ê-sai 22:6
2. Cho sự ban Thần Linh (đổ ra), Ê-sai 32:15
3. BDB gọi đây là một ẩn dụ trong câu này phản ánh sự sử dụng thể *Piel* của mục #3 (Thi Thiên 141:8)
4. KB gọi đây là "đổ ra," một ẩn dụ "vứt bỏ sự sống của một người nào đó cho đến chết "

▣ **" Đã bị liệt vào hàng tội nhân"** Lu-ca 22:37 trích câu nay để nói về việc chính Chúa Jesus đã nói khi các quân lính và lính canh gác đến để bắt Ngài.

Hãy chú ý cùng một từ (BDB 833) đã được sử dụng để nói về tôi lỗi của Y-sơ-ra-ên trong Ê-sai 53:8 và tội lỗi của toàn thể nhân loại trong Ê-sai 53:5.

▣ **" Đã mang lấy tội lỗi nhiều người "** Cụm từ này có nghĩa là sự chuộc tội thay thế, thay cho (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45; 14:24; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Ga-la-ti 1:4; 1 Ti-mô-thê 2:6; Tít 2:14; 1 Giăng 2:2). The UBS Text Project nghĩ rằng "tội lỗi" nên ở SỐ NHIỀU (điểm B).

▣ **" Và cầu thay cho những kẻ phạm tội "** Và Ngài vẫn đang làm điều đó (Rô-ma 8:27,34; Hê-bơ-rơ 7:25; 9:24; 1 Giăng 2:1)!

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải danh hiệu "Tôi tớ Ta" chỉ đến người Do Thái hay là Đấng Mê-si?
2. Tại sao lại có quá nhiều sự chỉ đến sự bao gộp của Các Dân Ngoại quan trọng thiết yếu trong đoạn này?
3. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn người Do Thái?
4. Tại sao Tôi Tớ chịu khổ?
5. Tại sao Đức Chúa Trời lại hài lòng để làm tổn thương Người?
6. Ê-sai 53:6 nói như thế nào về tội lỗi?
7. Tại sao đoạn này lại quá thuyết phục đối với hội thánh?

Ê-SAI 54

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Trù Phú của Si-ôn	Một Giao Ước Đời Đời của Sự Hòa Bình	Bài Ca của Sự Đảm Bảo dành cho Y-sơ-ra-ên	Tình Yêu của Đức Giê-hô-va dành cho Y-sơ-ra-ên	Giê-ru-sa-lem Được Phục Hồi Bởi Ân Huệ của Đức Giê-hô-va
54:1-3 (1-3)	54:1-3 (1-3)	54:1-3 (1-3)	54:1-3 (1-3)	54:1-10 (1-10)
54:4-8 (4-8)	54:4-8 (4-8)	54:4-8 (4-8)	54:4-5 (4-5)	
			54:6-10 (6-10)	
54:9-10 (9-10)	54:9-10 (9-10)	54:9-10 (9-10)	Giê-ru-sa-lem Trong Tương Lai	Giê-ru-sa-lem Mới
54:11-17 (11-17)	54:11-15 (11-15)	54:11-17 (11-17)	54:11-12 (11-12)	54:11-17 (11-17)
			54:13-15 (13-15)	
	54:16-17 (16-17)		54:16-17 (16-17)	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Có vài sự ngụ ý chỉ đến thời kỳ Các Tổ Phụ (Sáng Thế Ký 12-50) trong đoạn này.

1. Những người mẹ hiếm muộn
2. Sống trong lều
3. Việc sử dụng từ "dòng dõi" để chỉ về hậu tự

B. Có một sự ngụ ý chỉ về trận lụt hồng thủy trong thời Nô-ê (Sáng Thế Ký 6-9) trong Ê-sai 54:9.

C. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang làm mới lại những những lời hứa giao ước của sự giải cứu.

1. Từ Ai Cập

2. Từ Mê-sô-bô-ta-mi
3. Từ những kẻ thù trong thời kỳ cuối rốt

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 54:1-3

[1] "Hỡi người hiếm muộn, chưa sinh con, hãy ca hát;
Hỡi kẻ chưa từng đau đớn vì sinh nở,
Hãy trỗi tiếng reo mừng.
Vì con cái của phụ nữ bị bỏ
Sẽ đông hơn con cái của phụ nữ có chồng."
Đức Giê-hô-va phán vậy.
[2] Hãy mở rộng chỗ trại ngươi,
Giương màn chỗ ngươi đang ở, chớ để chật hẹp;
Hãy giăng dây cho dài,
Đóng cọc cho chắc!
[3] Vì ngươi sẽ lan rộng ra bên phải và bên trái;
Dòng dõi ngươi sẽ chiếm các nước làm cơ nghiệp,
Chúng sẽ làm cho các thành hoang vu trở nên đông dân.

54:1-3 Đây là khổ thơ đầu có một vài THỂ MỆNH LỆNH liên hệ với việc xây dựng lại Giu-đa/Giê-ru-sa-lem được phục hồi (Ê-sai 49:20).

1. Hãy ca hát vui mừng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 943, KB 1247
2. Hãy trỗi tiếng reo mừng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 822, KB 953
3. Hãy kêu lớn– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 843, KB 1007
4. hãy mở rộng chỗ trại ngươi – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 931, KB 1210
5. giương màn – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 639, KB 692, được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
6. chớ để chật hẹp– *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 362, KB 359, được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 58:1
7. giăng dây cho dài– *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 72, KB 88
8. đóng cọc cho chắc – *Piel* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 304, KB 302

Phao-lô sử dụng trích dẫn phần Kinh Thánh này trong sự trình bày hình mẫu về những con trai của Áp-ra-ham và hai loại giao ước trong Ga-la-ti 4:21-31.

Tôi luôn ngạc nhiên về cách những tín đồ hiện đại đã mang một câu Kinh Thánh giống với câu này ra khỏi văn mạch một cách hoàn toàn và sử dụng nó trong một bài chia sẻ về xây dựng một cơ sở mới của hội thánh! Nếu bạn cho phép một sự không quan tâm đến cấu trúc nguyên thủy hoặc mục đích của tác giả được thần cảm, bạn có thể sử dụng nó để hậu thuẫn cho bất cứ hoạt động nào. Có vẻ rằng những Cơ Đốc Nhân chú trọng vào Lời Chúa có nhu cầu về mặt tâm lý cho một câu Kinh Thánh để hỗ trợ cho mọi sự kiện hoặc dự án của họ. Hãy xem Hội Thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org (trong ô màu đỏ đầu tiên)

54:3 " Dòng dõi ngươi sẽ chiếm các nước làm cơ nghiệp " Cảm giác đầu tiên về cụm từ này có vẻ như đây là một phần Kinh Thánh toàn cầu nữa, nhưng hãy ghi chú sự song hành trong dòng tiếp theo. Đây là một sự chỉ đến việc chiếm lấy tất cả các khu vực của chi phái Giu-đa và Bên-gia-min. Nó chỉ đến sắc lệnh của Si-ru II về việc các hậu tự của Áp-ra-ham quay về xứ Palestine sau sự lưu đày của A-si-ri và Ba-by-lôn (Ê-sai 14:12).

54:4 "Đừng sợ" Dây là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 431, KB 432) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH. Đây là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong Ê-sai (Ê-sai 7:4; 8:12; 35:4; 41:10,13,14; 43:5; 44:2; 51:7; 54:4,14; 57:11).

Dòng dõi của Áp-ra-ham cần phải nhớ rằng họ là người tiếp nhận của

1. sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

3. mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Sợ hãi (Cựu Ước) (Special Topic: Fear (OT)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 54:4-8

4 "Đừng sợ, vì ngươi sẽ chẳng bị hổ thẹn.
Đừng nản, vì ngươi không còn xấu hổ nữa.
Ngươi sẽ quên điều sỉ nhục lúc còn trẻ,
Và không còn nhớ sự nhục nhã trong cảnh góa bụa.
5 Vì chồng ngươi là Đấng Tạo Hóa ngươi;
Danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân.
Đấng Cứu Chuộc ngươi là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Sẽ được xưng là Đức Chúa Trời của cả trái đất.
6 Đức Giê-hô-va đã gọi ngươi về
Như gọi vợ đã bị bỏ, và tâm thần sầu não,
Tức là vợ cưới lúc còn trẻ và đã bị từ bỏ."
Đức Chúa Trời ngươi phán:
7 "Ta đã bỏ ngươi trong một thời gian ngắn,
Nhưng Ta sẽ đón ngươi về với lòng thương xót vô hạn.
8 Trong cơn tức giận tột cùng,
Ta ngoảnh mặt khỏi ngươi một lúc,
Nhưng vì lòng nhân từ vô biên, Ta sẽ thương xót ngươi,"
Đấng Cứu Chuộc ngươi là Đức Giê-hô-va phán vậy.

▣ **" vì ngươi sẽ chẳng bị hổ thẹn.**
Đừng nản, vì ngươi không còn xấu hổ nữa "
Chú ý ba lời hứa được áp dụng cho dòng dõi Áp-ra-ham trở về.

1. hổ thẹn – DẠNG PHỦ ĐỊNH *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 101, KB 116 (trái ngược với Ê-sai 1:29; 20:5)
2. cảm thấy bị sỉ nhục – DẠNG PHỦ ĐỊNH *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 483, KB 480, Ê-sai 45:17; 50:7
3. xấu hổ – DẠNG PHỦ ĐỊNH *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 344, KB 340

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Xấu Hổ (Special Topic: Shame)

▣ **" Ngươi sẽ quên. . .ngươi sẽ không còn nhớ "** Chú ý phép song hành. Những người trở về được khích lệ với hai từ thuộc lĩnh vực gia đình.

1. Lúc còn trẻ
2. Cảnh góa bụa ngươi

Y-sơ-ra-ên đầy tội lỗi từ trong những ngày đầu tiên của cô ta (và nó lại tiếp diễn), vì vậy, cô ta đã bị mang đi lưu đày bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (sự góa bụa), nhưng giờ đây cả hai đều được lãng quên và tràn đầy hy vọng cho một ngày mới của đức tin và sự chung thủy (trung tín) bắt đầu!

54:5 Một lần nữa, cũng giống như Ê-sai 54:4, những ẩn dụ về gia đình được sử dụng. Chú ý những danh xưng khác nhau được sử dụng cho chồng của Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 54:6-8; Ô-sê 1-3).

1. Đấng Tạo Hóa Ngươi – ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là cả chồng và Đấng tạo hóa, Ê-sai 43:1,7; 44:2,21,24; Phục Truyền 32:18
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân – hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân (Special Topic: LORD of Hosts)
3. Đấng Cứu Chuộc ngươi – danh xưng lặp đi lặp lại trong Ê-sai (Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 63:16; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem))

4. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên – danh xưng lặp đi lặp lại trong Ê-sai (Ê-sai 1:4; 5:19,24; 10:20; 12:6; 17:7; 29:19,23; 30:11,12,15; 31:1; 37:23; 41:14,16,20; 43:3,14,15; 45:11; 48:17; 49:7; 54:5;55:5; 60:9,14 (cả trong hai phần của Ê-sai, 1-39 và 40-66; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One))
5. Đức Chúa Trời của toàn bộ trái đất – tư tưởng toàn cầu là một đặc tính của sách Ê-sai, ví dụ, 6:3; 11:9;45:6; 52:10

Những danh xưng này là một cách Hê-bơ-rơ nhấn mạnh những đặc tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên! Để xem những lời tuyệt vời về đặc tính của Đức Chúa Trời hãy xem Xuất 34:6; Dân Số Ký 14:18; Nê-hê-mi 9:17; Thi Thiên 86:15; 103:8; 145:8-9.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Characteristics of Israel's God)

54:6 Y-sơ-ra-ên được mô tả như một người vợ không chung thủy đã bị ly dị (Ê-sai 49:14-21; 50:1,2; 62:4) hoặc bỏ rơi (BDB 736, #2, b).

54:7 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ly dị người vợ không chung thủy của Ngài nhưng giờ đây lại tìm kiếm cô ấy một lần nữa (Ô-sê 1-3). Điều này thật đáng kinh ngạc trong ánh sáng của những sách được viết bởi Môi-se về việc không được tái hôn với cùng một người nữ (ví dụ, Phục Truyền 24:4).

▣ **" Ta đã bỏ ngươi trong một thời gian ngắn "** Hãy xem Ê-sai 26:20. Đức Chúa Trời có nổi giận nhưng nó đã qua đi (Thi Thiên 103:9-14).

▣ **" Ta sẽ đón ngươi về "** Từ này (*Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 867, KB 1062) là một cách chỉ đến sự đảo ngược của cuộc lưu đày, một cuộc xuất hành mới từ Mê-sô-bô-ta-mi (Ê-sai 11:12; 43:5; 49:18; 56:8; 60:4).

54:8 Trong Cựu Ước, những đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là yêu thương và nhân từ thì tương phản với Ngài như là Đức Chúa Trời của công lý và sự công chính. Y-sơ-ra-ên chính là đối tượng của cả tình yêu thương và sự nổi giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (nguyên văn "cơn giận tràn ngập," BDB 1009 GHÉPVỚI BDB 893, chỉ thấy duy nhất ở đây). Về mặt thần học đây chính là nơi mà công việc của Đấng Mê-si (52:13-53:12) là thật cần thiết. Tình yêu và công lý đã gặp nhau tại đồi Cái Sọ!

▣ **" Nhưng vì lòng nhân từ vô biên, Ta sẽ thương xót ngươi "** Ôi chao! Đây thật sự là những lời vô cùng mạnh mẽ của tình yêu và những lời hứa của Đức Chúa Trời.

1. "vô biên (đời đời)" – hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))
2. "lòng nhân từ" – hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nhân Từ, Tử Tế (*hesed*) (Special Topic: Lovingkindness (*hesed*))
3. "thương xót" – *Piel* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 933, KB 1216; từ này được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Ê-sai 14:1; 30:18; 49:10,13,15; 54:7,8,10; 55:7; 60:10; Mi-chê 7:19 (theo nghĩa tiêu cực trong Ê-sai 9:17; 27:11)

▣ **"CHÚA"** Nguyên văn là "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA"; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần D (Special Topic: Names for Deity, D).

▣ **"Đấng Cứu Chuộc"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 54:9-10
9 "Đối với Ta, điều nầy cũng giống như nước lụt thời Nô-ê,
Như Ta đã thề rằng nước lụt thời Nô-ê
Sẽ không bao giờ tràn ngập mặt đất nữa,
Thì Ta cũng thề rằng Ta sẽ không giận ngươi

Và cũng không trách phạt ngươi nữa.
[10] Dù núi dời,
Dù đồi chuyển,
Nhưng lòng nhân từ của Ta không dời khỏi ngươi,
Và giao ước bình an của Ta chẳng chuyển lay;"
Đức Giê-hô-va là Đấng thương xót ngươi phán vậy.

54:9-10 Hai câu Kinh Thánh này phải mô về "giao ước mới" trong Giê-rê-mi 31:31-34 (Ê-xê-chi-ên 36:22-38) bởi vì những người Y-sơ-ra-ên tiếp tục phạm tội (Ma-la-chi).

5:9

NASB, NRSV, REB, Peshitta, DSS	**"như những ngày thời Nô-ê. . .những dòng nước của Nô-ê"**
NKJV, JPSOA	**" như những dòng nước của Nô-ê. . . những dòng nước của Nô-ê**
TEV	**"Trong thời Nô-ê"**
NJB	**"như những ngày của Nô-ê. . .những dòng nước của Nô-ê"**
LXX	**"dòng nước trong thời Nô-ê. . .trong thời đó"**

Câu này là một sự ngụ ý trực tiếp chỉ đến Trận Hồng Thủy trong Sáng Thế Ký 6-9 (đặc biệt là Sáng Thế Ký 8:21; 9:11).

Bản MT chép là "những dòng nước" (BDB 565) hai lần.

1. Nước – מי
2. ngày– יום (BDB 398)

Nếu một GIỚI TỪ được thêm vào, bản MT có thể được xem là כימי, "như là những ngày của."

Việc đọc một từ thay vì hai từ trong bản MT được đi theo bởi bản dịch tiếng A-ram, Peshitta, và bản Vulgate.

54:10 "Giao ước bình an của Ta " Đây có lẽ là một cách khác chỉ đến "giao ước đời đời" (Ê-sai 55:3; 59:21; 61:8; Sáng Thế Ký 17:7; Thi Thiên 105:10; Giê-rê-mi 32:40; 50:5). Giai đoạn này được mô tả trong Ê-xê-chi-ên (Ê-xê-chi-ên 16:60; 20:37; 34:25; 37:26; để học thêm, hãy đọc phần giải kinh của tôi trong sách Ê-xê-chi-ên trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org). Nan đề rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã phá vỡ giao ước với hậu tự của Áp-ra-ham bởi sự hủy diệt và lưu đày của Giê-ru-sa-lem và sự bỏ rơi Đền Thờ (Ê-xê-chi-ên 8-10). Nan đề của chúng ta chính là từ Tiếng Anh "đời đời" hoặc "mãi mãi" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam)). Phần khác của nan đề của chúng ta là việc giải nghĩa lời Kinh Thánh giống như phần này có liên hệ với hai giao ước! Một vài điều rất quan trọng đã xảy ra trong Đấng Christ. Ngài chính là sự ứng nghiệm của tất cả mọi lời hứa trong Cựu Ước. Tân ước nói về Ngài và những kẻ nào tin Ngài, chứ không phải dân Y-sơ-ra-ên. Thật khó cho chúng ta có thể chấp nhận bởi vì tình yêu và đức tin của chúng ta vào Kinh Thánh và bản chất năng quyền của những phần Kinh Thánh này. Tuy nhiên, cả Chúa Jesus hoặc bất cứ tác giả Tân Ước nào đều không tái khẳng định lại lời hứa dành cho dân Y-sơ-ra-ên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tại sao Những Lời Hứa Giao Ước của Cựu Ước lại quá Khác Biệt so với Những Lời Hứa Giao Ước Tân Ước? (Special Topic: Why Are OT Covenant Promises so Different from NT Covenant Promises?)).

▣ **"lòng nhân từ Ta"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tử tế, lòng nhân từ (*hesed*) (Special Topic: Lovingkindness (*hesed*))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 54:11-17
[11] "Hỡi những người cùng khốn, bị bão tố dồi dập, mất sự an ủi,
Nầy, Ta sẽ lấy ngọc lam làm đá xây nhà của ngươi,
Và lát nền bằng ngọc bích.
[12] Ta sẽ lấy hồng ngọc làm tường có tháp canh của ngươi,
Lấy đá quý lấp lánh làm các cổng của ngươi;
Toàn bộ tường thành của ngươi đều làm bằng bửu thạch.
[13] Tất cả con cái ngươi sẽ được Đức Giê-hô-va dạy dỗ,

Và chúng sẽ được bình an vô cùng.
[14] Ngươi sẽ được lập vững trên sự công chính,
Ngươi sẽ thoát khỏi sự áp bức, chẳng sợ gì cả;
Và thoát khỏi sự kinh hãi, vì nó sẽ không đến gần ngươi.
[15] Nếu có ai tấn công ngươi,
Thì điều đó không phải đến từ Ta.
Ai tấn công ngươi,
Sẽ sụp đổ vì ngươi.
[16] Nầy, chính Ta đã dựng nên người thợ rèn,
Đốt than thổi lửa,
Sản xuất vũ khí để dùng;
Cũng chính Ta đã dựng nên kẻ hủy diệt
Để thực hiện việc tàn phá.
[17] Nhưng tất cả vũ khí được chế tạo để chống lại ngươi đều không thành công;
Ngươi sẽ định tội mọi lưỡi nổi lên kiện cáo ngươi.
Đó là cơ nghiệp của các đầy tớ Đức Giê-hô-va,
Và sự công chính của họ do Ta ban cho."

54:11-13 Chú ý số lượng ngọc quý được sử dụng như là một cách để bày tỏ về sự ân huệ của Đức Chúa Trời (Ê-xê-chi-ên 28:13).

1. Đá Antimony (một loại á kim) (BDB 806, KB 918) – là đá đen, 1 Sử Ký 29:2, hoặc vữa đen, Ê-sai 54:11
2. Ngọc bích (BDB 705, KB 764) – có thể là đá lapis-lazuli (ngọc Lưu Ly)
3. Hồng ngọc (BDB 461, KB 460)
4. Pha lê (BDB 869, KB 82, chỉ có ở đây) – có lẽ là (ngọc lục bảo)
5. Những loại đá quý khác, nhưng không được xác định riêng biệt là loại nào

Chỉ có một trong những loại đá quý này là (mục #2) được sử dụng trong tấm che ngực của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm (Xuất 28:17-19; 39:10-11).

Hình ảnh của những bức tường được khảm ngọc quý đã được dùng lại bởi Khải Huyền 21:18-21.

54:11 "Hỡi người cùng khốn" Cụm từ này song hành về mặt thơ ca với "Hỡi người hiếm muộn" trong Ê-sai 54:1. Cả hai đều chỉ đến những người trở về.

54:13 " Tất cả con cái ngươi sẽ được Đức Giê-hô-va dạy dỗ " Điều này nghe rất giống với Giê-rê-mi 31:34 ("giao ước mới"). Chúa Jesus đã trích câu Kinh Thánh này trong Giăng 6:45 liên hệ với việc Đức Chúa Cha sẽ kéo những tín hữu/ những môn đồ đến với Ngài thông qua Chúa Giê-xu Chúa Jesus.

Bản NEB đem lại một luồng gió mới vào bản MT và đổi cụm từ "và tất cả con cái ngươi" thành "những người thợ xây dựng," nhưng dự án The UBS Text Project, trang 148, đánh giá "và tất cả con cái ngươi" một điểm A (có khả năng rất cao).

54:14 Câu này mô tả về bốn điểm mà những người quay trở về sẽ kinh nghiệm về sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời.

1. Ngươi sẽ được lập vững trên sự công chính – *Hithpolel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 465, KB 464)
2. Ngươi sẽ thoát khỏi sự áp bức – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 934, KB 1221)
3. chẳng sợ gì cả; – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 431, KB 432)
4. sự kinh hãi sẽ không đến gần ngươi – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 897, KB 1132)

54:15-17 Phần này chắc chắn là một phần Kinh Thánh nói về sự tể trị quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Một điều tự hỏi rằng lẽ thật này liên hệ như thế nào với sự bắt bớ trong thời kỳ cuối rốt dành cho các tín hữu.

54:15 Câu này tương tự với ý nghĩa của Sáng Thế Ký 12:3b. Những kẻ trở về kinh nghiệm những nan đề nhưng chúng không đến từ Đức Chúa Trời và sẽ bị đoán phạt (Ê-sai 41:11-16). Có một *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI, một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, và một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH của cùng một từ gốc trong tiếng

Hê-bơ-rơ (BDB 158, KB 184). Cấu trúc ngữ pháp này nhấn mạnh vào những nan đề có thể xảy ra nhưng những hành động chắc chắn của Đức Chúa Trời đứng về phía họ.

54:16-17 Câu này, cũng giống như Giăng 6:45, nhấn mạnh vào sự tể trị quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để hoàn hành kế hoạch của Ngài thông qua dòng dõi của Áp-ra-ham (Y-sơ-ra-ên và Đấng Mê-si).

Chỉ có một quan hệ nhân quả duy nhất trong thần học Cựu Ước—ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (2 Sử Ký 20:6; Truyền Đạo 7:14; Ê-sai 14:2427; 43:13; 45:7; 54:10; Giê-rê-mi 18:11; Ca Thương 3:33-38; A-mốt 3:6b). Cựu Ước không bàn luận về những nhân quả thứ cấp.

1. sự cám dỗ mang tính thiên sứ
2. những sự lựa chọn của con người
3. những thảm họa tự nhiên
4. những loại dịch bệnh

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

54:17 "các đầy tớ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA" NASB Study Bible có một bài viết hay về cụm từ này (trang 1033).

"Sau đoạn 53 dạng SỐ ÍT của từ 'tôi tớ' không còn xuất hiện trong Ê-sai. Từ 'các tôi tớ' (hãy xem Ê-sai 63:17; 65:8-9,13-15; 66:14) là những tín hữu thật sự - cả người Do Thái và Người Ngoại (hãy xem Ê-sai 56:6-8) – là những kẻ trung tín với Đức Giê-hô-va. Họ, trong một nghĩa chính là 'dòng dõi' của tôi tớ (Ê-sai 53:10)."

▣ **" Và sự công chính của họ do Ta ban cho "** Không có ĐỘNG TỪ trong bản MT. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giải cứu dân sự của Ngài.

Ê-SAI 55

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Mời Gọi Miễn Phí của Sự Thương Xót	Một Lời Mời Gọi của Sự Sống Dư Dật	Một Bài Ca của Sự Vui Mừng và Đắc Thắng	Sự Mời Gọi Thương Xót của Đức Chúa Trời	Lời Mời Gọi Cuối Cùng
55:1-5 (1-5)	55:1-5 (1-5)	55:1-5 (1-5)	55:1-2 (1-2)	55:1-3a (1-3a)
			55:3-5 (3-5)	55:3b-5 (3b-5)
55:6-13 (6-13)	55:6-7 (6-7)	55:6-9 (6-9)	55:6-9 (6-9)	55:6-11 (6-11)
	55:8-9 (8-9)			Kết Luận
	55:10-11 (10-11)	55:10-11 (10-11)	55:10-11 (10-11)	
	55:12-13) (12-13)	55:12-13 (12-13)	55:12-13 (12-13)	55:12-13 (12-13)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG CÂU HỎI DẪN NHẬP

1. Đoạn Kinh Thánh này nói về ai? (Người Do Thái trong Cuộc Lưu Đày hay toàn bộ nhân loại)
2. Họ được đề nghị ban cho những gì: (sự phục hồi dành cho Đất Hứa hay một sự cứu rỗi thuộc linh [theo Ibn Ezra])
3. Đây chính là nơi hai sự xung đột của nguyên tắc giải kinh!
    a. Mọi đoạn Kinh Thánh cần phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định nguyên thủy được thần cảm của tác giả.

Cách đánh giá một sự giải nghĩa thích đáng chính là, "Những người độc giả nguyên thủy (độc giả được hướng đến) sẽ hiểu điều này như thế nào?" Mọi phần Kinh Thánh đều chỉ có một ý nghĩa duy nhất.

b. Tân Ước chính là sự ứng nghiệm và giải nghĩa thích đáng của Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:17-48). Chúa Jesus chính là mục tiêu và mục đích của những lời hứa Cựu Ước. Trong Ngài và duy chỉ trong Ngài mà Cựu Ước phải được giải nghĩa. Tân Ước nói về Chúa Jesus và kế hoạch cứu chuộc toàn cầu, chứ không phải là dân Y-sơ-ra-ên. Phao-lô sử dụng những phần Kinh Thánh như phần này để chỉ về Dân Ngoại (ví dụ, Rô-ma 9:24-26; Ê-phê-sô 2:13). Tân Ước cho chúng ta một sự hiểu biết thích đáng để hiểu những phần Kinh Thánh Cựu Ước. Tân Ước bày tỏ tâm trí của Thánh Linh, Đấng chính là tác giả thật của sự mặc khải.

4. Chú ý sự trở về từ sự lưu đày đã không được đề cập một cách cụ thể (ngoại trừ Ê-sai 55:12a,b) hoặc ngay cả ngụ ý nói đến. Lời mời gọi rất chung chung, và rộng hơn nhiều!

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Câu trúc này là cả về
   1. bữa tiệc của Đấng Mê-si, Ma-thi-ơ 25:6-8; Lu-ca 14:15-24; 22:16,18; Khải Huyền 19:9
   2. Nơi chợ búa của Giê-ru-sa-lem

B. Những Sách Tiên Tri Cựu Ước thường sử dụng những sự kiện lịch sử của thời đại của họ để nói trước về những sự kiện lai thế học.

C. Cũng giống như một Đại Mạng Lệnh dành cho các Cơ Đốc Nhân (ví dụ, Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8) là những người tin vào cách ưu tiên vào sự truyền giáo và môn đồ hóa, đoạn này đã chiếm giữ một phần rất gần gũi trong trái tim và chức vụ của tôi. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, thông qua vị tiên tri của Ngài, đã khẩn khoản mời gọi nhân loại sa ngã trở về với Ngài để Ngài có thể ban cho họ sự tha thứ miễn phí và trọn vẹn (Ê-sai 55:1-5). Đây chính là mục tiêu của Sáng Thế Ký 3:15!

   Tuy nhiên một sự đáp ứng giao ước là bắt buộc (Ê-sai 55:6-7). Con người phải ăn năn, tin cậy, vâng lời và bền chí.

   ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một kế hoạch cứu chuộc đời đời (Ê-sai 55:8-11). Sự mặc khải của Đức Chúa Trời thông qua hậu tự của Áp-ra-ham chính là một thông điệp dành cho toàn bộ thế giới. Dòng dõi của Áp-ra-ham giờ đây là toàn bộ những Cơ Đốc Nhân trong Đấng Christ (Rô-ma 2:28-29)!

   Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)!

D. Hãy chú ý người phát ngôn trong bài thơ chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (hoặc là Sự Khôn Ngoan Được Nhân Hóa trong Châm Ngôn 8:22-9:6).Chỉ có sự mời gọi trong Ê-sai 55:6-7 được tuyên bố bởi vị tiên tri là người đã quá choáng ngợp bởi sự thương xót của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 55:1-5

[1] "Hỡi tất cả những ai đang khát,
Hãy đến nguồn nước!
Người nào không có tiền bạc,
Hãy đến mua mà ăn!
Hãy đến mua rượu và sữa
Mà không cần tiền, không đòi giá.
[2] Sao các ngươi trả tiền để mua vật không phải là bánh?
Sao các ngươi đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?
Hãy chăm chú nghe Ta, hãy ăn vật ngon
Và cho linh hồn các ngươi vui thích trong của béo.
[3] Hãy nghiêng tai và đến với Ta;
Hãy nghe Ta thì linh hồn các ngươi được sống.

Ta sẽ lập với các ngươi một giao ước đời đời,
Tức là tình yêu vững bền của Ta dành cho Đa-vít.
[4] Nầy, Ta đã lập người làm nhân chứng cho các nước,
Làm nhà lãnh đạo để chỉ huy các dân."
[5] "Thật, ngươi sẽ kêu gọi nước mà ngươi chưa biết,
Và nước chưa biết ngươi sẽ chạy đến với ngươi,
Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
Là Đấng làm cho ngươi được vinh hiển."

55:1-3 Lời mời gọi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho nhân loại (ví dụ, " tất cả những ai đang khát," Ê-sai 55:1a) có rất nhiều những mạng lệnh mà phần lớn là những lời mời gọi thiên thượng được nhấn mạnh.

1. Hãy đến nguồn nước – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 229, KB 246)
2. (hãy) đến – giống như mục #1
3. (hãy) mua – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 991, KB 1404)
4. (hãy) ăn – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 37, KB 46)
5. (hãy) đến – giống như #1 và 2
6. (hãy) mua – giống như #3
7. (hãy) lắng nghe cách cẩn thận – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH và một NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI của cùng một từ gốc (BDB 1033, KB 1570) được dùng cho sự nhấn mạnh
8. (hãy) ăn– giống như #4
9. (hãy) vui sướng – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 772, KB 851) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
10. (hãy) nghiêng tai – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 639, KB 692)
11. (hãy) đến với ta– giống như #1,2,5; hãy chú ý yếu tố cá nhân
12. (hãy) nghe – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1033, KB 1570)
13. Rằng ngươi sẽ sống – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 310, KB 309)
14. Ta sẽ lập một giao ước đời đời với ngươi– *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO (BDB 503, KB 560

55:1 "Tất cả những ai" Cụm từ này nói về một lời mời gọi toàn nhân loại của Đức Chúa Trời (Ê-sai 55:4-5; Sáng Thế Ký 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6; Giăng 1:12; 3:16; 4:42; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:1-2; 4:14).

▣ **"khát"** Từ này có vẻ có nghĩa về một nhu cầu thuộc linh. Đây luôn là bước đầu tiên của nhân loại sa ngã phải nhận lấy (Ma-thi-ơ 5:6; Khải Huyền 22:17).

▣ **"nguồn nước"** Hội thánh đầu tiên giải nghĩa điều này chính là phép báp-têm. Đây là một ví dụ tốt của sự giải nghĩa Kinh Thánh bằng ý tưởng của cá nhân (đọc phần Kinh Thánh để phục vụ cho những gì chúng ta đã tin). Đối với những dân sống ở sa mạc đây chính là biểu tượng của sự sống và sự thịnh vượng (Ê-sai 41:17; 44:3).

Chủ Đề Đặc Biệt: Các Vùng Nước (Special Topic: Waters)

▣ **" Người nào không có tiền bạc. . . đổi lấy vật chẳng làm cho no (thỏa mãn)"** Phần Kinh Thánh này chỉ về một sự thiếu hụt những nguồn lực cá nhân. Ân điển, chứ không phải sự công trạng của nhân loại (Ê-phê-sô 2:8-9), là niềm hy vọng duy nhất của nhân loại, thậm chí của Y-sơ-ra-ên (Ê-xê-chi-ên 36:22-36).

▣ **"ăn"** Một bữa ăn là một hoạt động rất quan trọng tại khu vực Trung Đông. Những giao ước và mối quan hệ bạn bè được xác nhận bởi thức ăn.

▣ **"mua. . .không đòi giá"** Đây rõ ràng là một thông điệp nghịch lý có ý để nhấn mạnh sự tìm kiếm làm hòa với Đức Chúa Trời của nhân loại.

1. Nó không thể mua được nhưng có một cái giá bắt buộc phải trả
2. Con người cố gắng cách tuyệt vọng để tìm kiếm sự hòa bình và hạnh phúc, nhưng đã không hề có kết quả (Truyền Đạo 1-2)
3. Đức Chúa Trời đã chu cấp một con đường thông qua một "Đa-vít" mới để có thể đến với Ngài
4. Vẫn có một cái giá, nhưng giờ đây nó chính là sự ăn năn và nhận lãnh những gì Đức Chúa Trời đã ban tặng ở trong Đấng Mê-si từ dòng dõi của Đa-vít.

55:2 " Sao các ngươi đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no? " Câu này phản ánh sự tìm kiếm hạnh phúc tiếp diễn của nhân loại trong những sự vật, lạc thú hoặc quyền lực (sách Truyền Đạo).

▣ **" linh hồn các ngươi vui thích trong của béo "** Đức Chúa Trời muốn chúng ta hạnh phúc và thỏa lòng trong mối quan hệ với chính mình Ngài (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 27-28; Giăng 5:11). Trái đất và toàn bộ vẻ đẹp và sự dư dật của nó có mục đích dành cho sự vui hưởng của con người!

55:3 "hãy đến với Ta " Mối liên hệ riêng tư chính là chìa khóa cho một đức tin theo Kinh Thánh! ĐỨC Chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là mục tiêu, không chỉ những lẽ thật về Ngài!

Chủ Đề Đặc Biệt: Biết (Special Topic: Know)

▣ **"Nghe"** Từ này có nguồn gốc từ thuật ngữ *Shema* (Phục Truyền 6:4-5). Nó có nghĩa là "hãy lắng nghe và làm (theo như vậy)."

▣ **"một giao ước đời đời "** "Đời đời" (BDB 761, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam)) được sử dụng để mô tả về rất nhiều điều khác nhau trong Ê-sai 40-66. Đây là một cụm từ song hành với "giao ước mới" của Giê-rê-mi 31:31-34, được mô tả trong Ê-xê-chi-ên 36:22-36.

▣ **"tình yêu vững bền "** Cụm từ này có nguồn gốc từ thuật ngữ *hesed* (BDB 338). Nó có nghĩa là "sự trung thành với giao ước."

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tử Tế, Lòng Nhân Từ (*hesed*) (Special Topic: Lovingkindness (*hesed*))

▣ **"Đa-vít"** Đây là một ví dụ về tình yêu và sự chăm sóc dành cho cả những kẻ không xứng đáng của Đức Chúa Trời (Thi 32,51). Điều này cũng có hàm ý chỉ đến Đấng Mê-si (2 Sa-mu-ên 7; 1 Sử Ký 17), vốn có một khía cạnh đời đời.

55:4 ". . . Làm nhà lãnh đạo để chỉ huy các dân " Những điểm này vượt xa Đa-vít và dành cho Đấng Mê-si (2 Sa-mu-ên 7) bởi vì đối tượng ở đây là các dân ngoại (Ê-sai 55:4-5).

Bản MT và LXX dùng từ "người" chỉ chỉ về hậu tự của vua Đa-vít (ví dụ, Đấng Mê-si), nhưng vì một lý do nào đó, những bản dịch tiếng Sy-ri lại sử dụng từ "ngươi." Đây cùng là một vấn đề thần học giống như của phần Kinh Thánh về "Tôi Tớ Chịu Khổ" trong Ê-sai 52:13-53:12.

55:4-5 các dân. . .nước" Dân Ngoại được bao gộp (hãy chú ý những thể SỐ NHIỀU).

55:5 Các nước sẽ đến với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và vinh danh dân sự của Ngài (Ê-sai 45:14,22-25; 49:6,12,23; Xa-cha-ri 8:20-23). Câu hỏi còn lại là: Đây có phải là một sự chỉ đến một Y-sơ-ra-ên tin cậy đã được phục hồi (chứ không phải một thể chế thế tục của một nước Y-sơ-ra-ên hiện đại) hoặc điều này là một sự chỉ đến lai thế học về Đại Mạng Lệnh?

▣ Hãy chú ý những danh xưng dùng cho Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần C và D (Special Topic: Names for Deity, C and D.)

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

2. *Elohim* của ngươi
3. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 55:6-13

[6] Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi có thể gặp;
Hãy kêu cầu đang khi Ngài ở gần!
[7] Kẻ gian ác hãy lìa bỏ đường lối mình,
Người xấu xa hãy từ bỏ các ý tưởng mình;
Hãy trở lại cùng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ thương xót,
Hãy đến cùng Đức Chúa Trời chúng ta, vì Ngài tha thứ dồi dào.
[8] Đức Giê-hô-va phán: "Ý tưởng Ta không phải là ý tưởng các ngươi,
Đường lối các ngươi chẳng phải là đường lối Ta.
[9] Vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu,
Thì đường lối Ta cao hơn đường lối các ngươi,
Ý tưởng Ta cao hơn ý tưởng các ngươi cũng bấy nhiêu.
[10] Vì như mưa và tuyết từ trời rơi xuống
Và không trở về đó nữa mà tưới nhuần đất đai,
Làm cho đâm chồi nẩy lộc,
Để có hạt giống cho kẻ gieo, có bánh cho kẻ ăn,
[11] Thì lời của Ta cũng vậy,
Đã ra khỏi miệng Ta sẽ không trở về luống công,
Nhưng sẽ thực hiện ý Ta muốn,
Và hoàn thành việc Ta giao.
[12] Vì các ngươi sẽ đi ra trong niềm vui,
Được đưa đường trong sự bình an.
Trước mặt các ngươi, núi và đồi sẽ trỗi tiếng ca hát,
Mọi cây cối ngoài đồng sẽ vỗ tay.
[13] Cây tùng sẽ mọc lên thay cho bụi gai,
Và cây sim sẽ lớn lên thay cho gai góc;
Điều đó sẽ làm cho biết danh Đức Giê-hô-va
Và là một dấu hiệu đời đời, không hề bị tiêu diệt."

55:6 "Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi có thể gặp" "Tìm" là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 205, KB 233).
ĐỘNG TỪ này được sử dụng thường xuyên cho việc tìm kiếm Đức Chúa Trời trong một nghĩa cá nhân (Phục Truyền 4:29; Ê-sai 58:2; 65:10).
Sự tìm kiếm này được mô tả rất hay trong Phục Truyền 30:1-3,10 và Giê-rê-mi 29:13-14; A-mốt 5:14-15.

▣ **" trong khi có thể gặp (Ngài) "** Không ai có thể đến với Đức Chúa Trời ngoại trừ khi Ngài tiến đến với họ (Ê-sai 45:22; Giăng 6:44,65), nhưng khi Ngài tiến đến, con người khi đó cần phải đáp ứng lại. Đức Chúa Trời không bao giờ bỏ rơi thế giới tạo vật của Ngài (Thi Thiên 103:8-14), nhưng luôn có một khoảng thời gian để chọn lựa. Nếu thời gian đó đã trôi qua, một sự cứng lòng của con người sẽ phát triển thành sự không còn có khải năng để lắng nghe Đức Chúa Trời và đáp ứng với Ngài.

▣ **" Hãy kêu cầu đang khi Ngài ở gần "** "Kêu cầu" cũng là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 894, KB 1128). Dòng thơ này song hành với dòng ở phía trên. Ngôn ngữ này chỉ về bối cảnh của sự thờ phượng, cũng như của Rô-ma 10:9-13 và Giăng 1:12. Con người phải đáp ứng trong sự ăn năn và đức tin (Giê-rê-mi 3:12-13; 4:1-4; Giô-ên 2:12-13; A-mốt 5:4-7,14-15; Mác 1:15; Giăng 3:16; Công Vụ 20:21; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Được Gọi (Special Topic: Called)). Sự đáp ứng phù hợp giao ước là đúng cho Cựu Ước cũng như cả Tân Ước. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khao khát môt mối quan hệ, một dân tộc!
Chủ Đề Đặc Biệt: Kêu Cầu Danh Chúa (Special Topic: Call On His Name)

55:7 " Kẻ gian ác hãy lìa bỏ đường lối mình " Lối sống ăn năn là quan trọng thiết yếu.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn (Cựu Ước) (Special Topic: Repentance (OT))

▣ Chú ý phép song hành giữa hai dòng đầu. Điều ác được mô tả bằng hai cách.

1. Những hành động hàng ngày
2. Những ý tưởng của cuộc sống

Những ra-bi Do Thái có những ý tưởng rất có ích cho chúng ta về vấn đề này. Họ mô tả về ý tưởng về cuộc sống giống như một khu vườn đã sẵn sàng để gieo giống. Những gì chúng ta cho phép bước vào qua đôi mắt và đôi tai của chúng ta sẽ rơi xuống mảnh đất đã sẵn sàng đó. Nếu chúng ta chọn để sống trên nó thì chúng sẽ trở thành chính chúng ta. Tội lỗi bắt đầu từ những ý tưởng sống, nhưng theo thời gian, nó sẽ vươn đến đôi tay/ đôi chân/miệng của chúng ta! Hãy cầm giữ cách cẩn thận những ý tưởng sống của bạn!

Ba ĐỘNG TỪ đầu tiên của Ê-sai 55:7 là những THỂ MỆNH LỆNH.

1. Lìa bỏ – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 736, KB 806) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
2. Trở lại – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 996, KB 1427, Ê-sai 31:6; 44:22
3. Sẽ thương xót – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 933, KB 1216) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, 49:10,13; 54:8

▣ **" Ngài sẽ thương xót. . .tha thứ dồi dào "** Khi Đức Chúa Trời tha thứ, Ngài quên đi (Thi Thiên 103:12; Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Mi-chê 7:19). Thật là một lẽ thật tuyệt vời của tình yêu và sự tha thứ của Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Giăng 1:7). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẵn sàng, bằng lòng, và có khả năng để chấp nhận, tha thứ và phục hồi những tạo vật được dựng nên theo hình ảnh của Ngài!

▣ **"Ngài sẽ tha thứ dồi dào "** Chao ôi, tôi yêu quý đoạn Kinh Thánh này! Nó là một lời mời gọi tuyệt diệu dành cho những người đói khát thuộc linh là những kẻ đã được tìm kiếm cách mãnh liệt bởi một Đức Chúa Trời yêu thương, tha thứ và sáng tạo!

Hãy chú ý những thể ĐỘNG TỪ đầy mạnh mẽ.

1. "Ngài sẽ… dồi dào " – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. Tha thứ – *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tha Thứ Trong Cựu Ước (Special Topic: Forgiveness in the OT)

Những người đã kinh nghiệm tình yêu và sự tha thứ của Đức Chúa Trời sẽ có một thông điệp tuyệt vời để chia sẻ với một thế giới sợ hãi, bối rối, tổn thương, thất vọng và tội lỗi! Nền tảng của Khái Niệm Logos trong tiếng Hê-bơ-rơ và Hy Lạp

55:8-11 Những câu này có một chủ đề thống nhất, những mục đích cứu chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Những dòng song hành của Ê-sai 55:8 nói về sự độc nhất của đặc tính ân điển của Ngài. Loài người xứng đáng với sự chết nhưng Ngài đã ban sự sống, sự bình an, và sự hiện diện cá nhân của chính Ngài! Ngài hoàn toàn khác biệt với loài người, nhưng Ngài yêu mến loài người. Ngài đã tạo dựng nên họ giống như chính Ngài (Sáng Thế Ký 1:26-27) dành cho mối quan hệ (Sáng Thế Ký 3:8; Lê-vi Ký 26:12). Ngài sẽ không để chúng ta đi! Ngài sẽ đeo đuổi chúng ta trong sự thương xót và trong Đấng Christ!

55:11 "Lời của Ta . . . sẽ không trở về luống công " Đức Chúa Trời tể trị tuyệt đối (Ê-sai 40:8). Lời phán của Đức Chúa Trời có một quyền năng vĩ đại trong Cựu Ước (Sáng Thế Ký 1). Trong đoạn này lời đầy quyền năng và ý định của Ngài cho sự thương xót, tha thứ và mối quan hệ (Ê-sai 14:24; 25:1; 45:23; 46:10; 59:21; Ma-thi-ơ 24:35)!

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Đảm Bảo Dành cho Các Cơ Đốc Nhân (Special Topic: Christian Assurance)

Chủ Đề Đặc Biệt: Nền tảng của Khái Niệm Logos trong tiếng Hê-bơ-rơ và Hy Lạp (Special Topic: Hebrew and Greek Background of *Logos*)

55:12-13 Trong văn mạch Cựu Ước này dấu hiệu có thể thấy dành cho sự hiện diện và ban phước của Đức Chúa Trời chính là một sự dư dật (bội thu) trong nông nghiệp (ví dụ, Ê-sai 55:1-2; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Dấu (dấu

hiệu) (Cựu Ước)(Special Topic: Sign (OT))). Thế giới tạo vật luôn được nhân hóa như một sự vui mừng trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Mối liên hệ đồng quê bình dị của Vườn Ê-đen lại được phục hồi!

Một nhà giải kinh cần phải hỏi, có phải chăng điều này đã ứng nghiệm trong sự trở về dưới thời của Giê-ru-ba-bên, Giê-hô-sua, Ê-xơ-ra, và Nê-hê-mi? Câu trả lời rất rõ ràng rằng, không phải! Vì vậy, điều này bắt buộc phải được xem xét dưới bối cảnh lai thế học.

Ê-SAI 56

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Phần Thưởng Dành Cho Sự Vâng Phục Đức Chúa Trời	Sự Cứu Rỗi dành cho Những Dân Ngoại	Một Phước Hạnh Dành Cho Mọi Kẻ Giữ Ngày Sa-bát	Dân sự của Đức Chúa Trời sẽ Bao Gộp Mọi Dân Tộc	Những Lời Hứa Tha Thứ Dành Cho Các Dân Ngoại
56:1-5 (1-5)	56:1-2 (1-2)	56:1 (1)	56:1-2	56:1-7 (1-7)
		56:2 (2)		
			56:3a	
	56:3-5 (3-5)	56:3-5 (3-5)	56:3b-5	
56:6-8 (6-8)	56:6-8 (6-8)	56:6-8 (6-8)	56:6-7	
			56:8	56:8-9 (8-9)
	Lời Chống Lại Những Lãnh Đạo Vô Trách Nhiệm của Y-sơ-ra-ên	Lời Chống Lại Những Lãnh Đạo Tham Nhũng	Những Lãnh Đạo của Y-sơ-ra-ên Bị Định Tội	
56:9-12 (9-12)	56:9-12 (9-12)	56:9-12 (9-12)	56:9-12	Sự Không Xứng Đáng của Những Lãnh Đạo Quốc Gia
				56:10-57:2

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

Có một sự chuyển đổi thông điệp từ Ê-sai dành cho những người trở về tự sự lưu đày Mê-sô-bô-ta-mi (Ê-sai 40:55) sang một tuyển dân giao ước không trung tín tại Palestine (Ê-sai 56-66).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 56:1-5

[1] Đức Giê-hô-va phán: "Hãy giữ điều chính trực
Và thực hành lẽ công chính,
Vì sự cứu rỗi của Ta gần đến,
Sự công chính của Ta sắp được bày tỏ.
[2] Phước cho người làm điều nầy,
Và phước cho con loài người nắm giữ nó,
Tức là người giữ ngày sa-bát, không xúc phạm ngày ấy;
Và giữ tay mình khỏi mọi điều ác!"
[3] Dân ngoại trở về cùng Đức Giê-hô-va chớ nói rằng:
"Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ tách tôi ra khỏi dân Ngài."
Người bị hoạn cũng đừng nói:
"Nầy, tôi là một cây khô."
[4] Vì Đức Giê-hô-va phán thế nầy:
"Những người bị hoạn mà giữ các ngày Sa-bát Ta,
Chọn điều đẹp lòng Ta,
Giữ vững giao ước Ta,
[5] Thì Ta sẽ ban cho họ một chỗ trong nhà Ta,
Trong các tường thành của Ta,
Và cho họ một danh tốt hơn danh của con trai con gái;
Ta lại sẽ ban cho họ một danh đời đời,
Là danh chẳng hề mai một.

56:1 Đoạn Kinh Thánh này bắt đầu với hai mạng lệnh liên hệ với một đời sống thích đáng của đức tin (Ê-sai 55:7).

1. Giữ điều chính trực – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 1036, KB 1581, Ê-sai 1:17); để biết về "công lý, điều chính trực" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Phán Xử, Sự Đoán Phạt, Công Lý (Special Topic: Judge, Judgment, Justice)
2. hãy làm điều công chính – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 793, KB 889); để xem về "sự công chính," hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự công chính (Special Topic: Righteousness)

▣ Lý do của một đời sống đức tin chính là

1. Sự cứu rỗi của ta đã gần – *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 97, KB 112, Ê-sai 46:13; 51:5; Thi Thiên 85:9)
2. Sự công chính ta sẽ được bày tỏ – *Niphal* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 162, KB 191, hãy xem cùng hai phần trích dẫn Kinh Thánh giống như trong #1)

Những tín hữu Tân Ước phải sống mỗi ngày giông như Chúa Jesus sẽ trở lại ngay hôm nay! Thái độ và lối sống này giữ chúng ta gần gũi với Đức Chúa Trời (Thi Thiên 85:9), cũng như nó đã làm cho những người theo Chúa trung tín trong Cựu Ước.

56:2 Chú ý hai dòng đầu song hành với nhau. Cũng như "người được phước " (Thi Thiên 1:1-3; 112:1; 119:12; 128:1) song hành với kẻ vâng/giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

▣ Hai dòng thứ hai mô tả hai điều đặc biệt mà "người được phước " sẽ không làm.

1. Xúc phạm ngày sa-bát (Xuất 20:8-11)
2. Làm điều ác (cụm từ tổng kết lại)

ĐỘNG TỪ "giữ" (BDB 1036, KB 1581) xuất hiện bốn lần trong đoạn Kinh Thánh này (Ê-sai 56:2 [hai lần],4,6). Lối sống đức tin và vâng phục là những khía cạnh quan trọng thiết yếu và sống còn cho một mối quan hệ cá nhân với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.
Chủ Đề Đặc Biệt: Vâng Giữ (Special Topic: Keep)

56:3 Câu này đảm bảo cho những kẻ vốn bình thường bị loại khỏi dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời rằng họ sẽ được bao gộp.

1. Những người bị khuyết tật về mặt cơ thể (Ê-sai 56:6-8, Phục Truyền 23:1-8)
2. Những người thờ phượng không phải là người Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 56:4-5)

Từ " phán," được lặp lại hai lần (dân ngoại, người bị hoạn) là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 55, KB 65) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH.

▣ **"chắc chắn sẽ tách"** Đây là một *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI và một *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một từ gốc (BDB 95, KB 110) được sử dụng để nhấn mạnh. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh tuyệt đối rằng thông điệp này là không đúng!

▣ **"người bị hoạn"** Cụm từ này chỉ về một người

1. Tinh hoàn bị tổn hại
2. Một người bị thiến

Phần kinh thánh kể về hoạn quan Ê-thi-ô-pi trong Công Vụ 8 đã được chấp nhận một cách trọn vẹn vào trong dân sự của Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Jesus Christ, Tôi Tớ Chịu Khổ, chính là một ví dụ rất tốt về sự bao gộp của những nhóm người này!

56:5 Những người bị hoạn không thể có con cái cách tự nhiên vì vậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ ban cho những người bị hoạn trung tín một sự kỷ niệm trong nhà Ngài. Ngài sẽ ban cho họ một "danh đời đời" (một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho hậu tự).

NASB, REB	**"đài kỷ niệm"**
NRSV, LXX, Peshitta	**"một nơi"**
NJB, JPSOA	**"vật (đài) kỷ niệm"**

Từ Hê-bơ-rơ nguyên văn là "tay" (BDB 388, #4) nhưng nó được sử dụng theo phong cách bản ngữ cho từ bia (đài) kỷ niệm (1 Sa-mu-ên 15:12; 2 Sa-mu-ên 18:18).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 56:6-8

[6] Các dân ngoại trở về cùng Đức Giê-hô-va
Để phục vụ Ngài, yêu mến danh Đức Giê-hô-va,
Và trở nên đầy tớ Ngài,
Tức là mọi người giữ ngày Sa-bát, không xúc phạm ngày ấy,
Và giữ vững giao ước Ta,
[7] Thì Ta sẽ đem họ lên núi thánh của Ta,
Và khiến họ vui mừng trong nhà cầu nguyện của Ta.
Tế lễ thiêu và sinh tế mà họ dâng trên bàn thờ Ta
Sẽ được nhậm;
Vì nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện
Cho mọi dân tộc.
[8] Chúa là Đức Giê-hô-va,
Đấng tập hợp những người Y-sơ-ra-ên tan lạc, phán rằng:
'Ngoài những người đã được tập hợp rồi,
Ta sẽ còn tập hợp các dân khác về cùng nó nữa.'"

56:6 Chú ý cách những dân ngoại trung tín được mô tả.

1. Trở về cùng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – *Niphal* PHÂN TỪ (BDB 530, KB 522)
2. Phục vụ Ngài – *Piel* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 1058, KB 1661)
3. Yêu mến danh ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 12, KB 17)
4. Trở nên những đầy tớ Ngài – *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 224, KB 243)

5. Giữ mình khỏi việc xúc phạm ngày sa-bát – *Qal* PHÂN TỪ (BDB 1036, KB 1581, những câu 2,4) và một *Piel* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 320, KB 319)
6. Giữ vững giao ước Ta – *Hiphil* PHÂN TỪ (BDB 304, KB 302)

Những kẻ đi theo ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cách thật sự sẽ được nhận biết bởi lối sống đức tin của họ (Ma-thi-ơ 5-7, đặc biệt là Ma-thi-ơ 7:15-23,24-27).

56:7-8 Cũng như Ê-sai 56:6 đã mô tả về những hành động trung tín của những dân ngoại, thì trong Ê-sai 56:7-8 mô tả về sự thành tín Đức Chúa Trời sẽ thực hiện cho họ.

1. Ta sẽ đem họ lên núi thánh của Ta (đền thờ)
2. Ta sẽ khiến họ vui mừng trong nhà cầu nguyện của Ta
3. Ta sẽ Tế lễ thiêu và sinh tế mà họ dâng trên bàn thờ Ta
4. Ta sẽ còn tập hợp các dân khác về cùng nó nữa

56:7 " nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc." Câu này chính là tuyên ngôn mục đích của đền thờ Sa-lô-môn (1 Các Vua 8:41-43). Chúa Jesus trích câu Kinh Thánh này trong Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46 khi Ngài tẩy sạch đền thờ Hê-rốt khỏi tất cả những kẻ buôn bán súc vật và đổi tiền.

Để biết về một danh sách của tất cả các yếu tố toàn cầu trong Ê-sai, hãy xem tại 45:22.

56:8	
NASB	**"Còn *những kẻ khác nữa* Ta sẽ tập hợp lại với chúng nó "**
NKJV	**"Bên cạnh nó, Ta còn sẽ tập hợp với nó những kẻ khác nữa "**
NRSV, Peshitta	**"Ta sẽ tập hợp những kẻ khác cùng với chúng nó "**
TEV	**"đã hứa rằng Ngài sẽ còn mang những người khác tham gia cùng với họ "**
NJB	**"còn những kẻ khác mà ta sẽ tập hợp họ "**

Có hai khả năng.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ tập hợp thậm chí nhiều hơn nữa những dòng dõi lưu dày của Áp-ra-ham (JPSOA)
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ tập họp những kẻ bị ruồng bỏ khác nữa (ví dụ, những người ngoại bang, những người bị hoạn)

Chúa Jesus sử dụng phần Kinh Thánh này (Mác 11:17 theo cách viết của ban LXX) chỉ ra ý định nhìn xa rộng hơn rất nhiều của nó.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 56:9-12

[9] Hỡi loài thú đồng, hỡi loài thú rừng,
Tất cả hãy đến mà cắn nuốt.
[10] Tất cả những kẻ canh giữ của Y-sơ-ra-ên
Đều đui mù, không biết gì cả.
Tất cả chúng đều là chó câm,
Không biết sủa;
Chỉ mộng mơ, nằm dài
Và ham ngủ.
[11] Chúng là loài chó mê ăn,
Không biết no.
Ấy là những kẻ chăn chiên thiếu hiểu biết;
Tất cả chúng đều tẽ tách theo đường riêng,
Ai nấy lo tìm lợi lộc cho chính mình.
[12] Chúng rủ nhau: "Hãy đến, tôi sẽ lấy rượu,
Chúng ta sẽ say vì rượu mạnh;
Ngày mai cũng như hôm nay,
Và còn trọng thể hơn nữa."

56:9 Đây là một sự nhái lại một lời mời cho một bữa ăn Thiên Thượng (Ê-sai 56:12; 55:1-2), nhưng ở đây trong bối cảnh của sự đoán phạt (Ê-sai 56:10-12), nó là một mạng lệnh ("hãy đến" – *Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP). Đây là một bàn tiệc của sự đoán phạt!

Có một câu hỏi giải nghĩa liên hệ với Ê-sai 56:9-12, rằng khi nào điều này xảy ra.

1. Tiền lưu đày
2. Lưu đày
3. Hậu lưu đày

Nan đề ở đây là giai đoạn nào của lịch sử Y-sơ-ra-ên mà những câu này chỉ về? Có lẽ nó liên quan, chỉ đến một số người trong mỗi thế hệ. Luôn luôn có những lãnh đọa và dân sự không trung tín.

56:10-12 Những câu này ở trong một sự tương phản sắc sảo với những người bị ruồng bỏ nhưng trung tín trong Ê-sai 56:1-8. Chúng mô tả về tình trạng thuộc linh của Y-sơ-ra-ên (và hầu hết những lãnh đạo của cô ta).

1. Những người canh gác mù lòa
2. Tất cả họ đều chẳng biết gì cả
3. Tất cả họ đều là những con chó câm
4. Mộng mơ/mê sảng (từ từ gốc trong tiếng Ả-rập hoặc từ "thở hổn hển" [KB 243], chỉ đến "những con chó" của Ê-sai 56:10c)
5. Mê ngủ
6. Tham lam
7. Không bao giờ thỏa mãn
8. Những kẻ chăn chiên không có sự hiểu biết
9. Tất cả chúng đều rẽ tách theo đường riêng
10. Ai nấy đều tìm lấy lợi lộc (không công chính) riêng của mình

Ôi! Thật là một sự mô tả tệ hại dành cho tuyển dân giao ước. Những lãnh đạo của họ đều bại hoại và những lời châm ngôn về họ là chính xác, cũng giống như những lãnh đạo, là dân sự của họ! Sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đền thờ và những lãnh đạo tin kính của Ngài cũng không thể làm cho thay đổi khác biệt chút nào cả. Trái của họ là quá rõ ràng (chính họ)!

56:10 "Tất cả những kẻ canh giữ… đều đui mù" Những học giả MT viết về một nan đề của câu Kinh Thánh trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó đọc như một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 859, KB 1044), nhưng họ đề nghị là một *Qal* PHÂN TỪ. Cả hai đều không thay đổi ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

▣ **"Tất cả họ đều không biết gì cả"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Biết (Special Topic: Know)

56:12 "Hãy đến" THỂ MỆNH LỆNH này (*Qal*, BDB 87, KB 102) phù hợp với những người trong Ê-sai 56:9c! Nhân loại đến để say sưa và chối bỏ Đức Chúa Trời (Ê-sai 56:12b), và giờ đây những thú vật được mời gọi bởi Đức Chúa Trời để đến và xé xác dân sự giao ước của Ngài (Ê-sai 18:6; Giê-rê-mi 7:33; 12:9; 15:3; 34:20).

Ê-SAI 57

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Lãnh Đạo Gian Ác Bị Trách Phạt	Sự Thờ Hình Tượng Phù Phiếm của Y-sơ-ra-ên	Lời Chống Nghịch lại Sự Thờ Hình Tượng	Sự Thờ Hình Tượng của Y-sơ-ra-ên Bị Định Tội	Sự Không Xứng Đáng của Những Lãnh Đạo của Đất Nước
				(56:10-57:2)
57:1-10 (1-10)	57:1-2 (1-2)	57:1-10 (1-10)	57:1-2	
				Lời Chống Nghịch Lại Sự Thờ Hình Tượng
	57:3-6 (3-6)		57:3-10	57:3-13 (3-13)
	57:7-10 (7-10)			
57:11-13 (11-13)	57:11-13 (11-13)	57:11-13 (11-13)	57:11-13	
	Sự Chữa Lành Cho Những Kẻ Tái Phạm	Bài Thơ của Sự Yên Ủi	Những Lời Hứa của Sự Giúp Đỡ và Giải Cứu của Đức Chúa Trời	Sự Cứu Rỗi dành cho Kẻ Yếu Đuối
57:14-21 (14-21)	57:14 (14)	57:14-21 (14-21)	57:14	57:14-16 (14-16)
	57:15-18 (15-18)		57:15-17	
				57:17 (17)
			57:18-21	57:18-21 (18-21)
	57:19-20 (19-20)			
	57:21 (21)			

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất

2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Thật rõ ràng rằng văn mạch về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên vẫn tiếp tục từ Ê-sai 56.

B. Phần này mô tả về sự chọn lựa Cựu Ước của "hai con đường"; một của sự sống và bình an và con đường còn lại là tội lỗi và sự hủy diệt (Phục Truyền 30:1,15,19; Thi Thiên 1:1).

C. Leupold đã đưa ra một lời bình luận khác thú vị (trang 271) rằng Ê-sai 56 đã kết thúc với những lãnh đạo không có đức tin, thì Ê-sai 57 lại giải quyết với một dân sự không tin kính.

D. Bối cảnh của sự thờ hình tượng không phải là Mê-sô-bô-ta-mi nhưng là những tôn giáo thờ phượng thần sinh sản và sự màu mỡ của thiên nhiên của người Ca-na-an (*Ba-anh, A-sê-ra, và Mô-lóc* (*Ba'al, Asherah, Molech*)). Sự thờ hình tượng này vươn lên đỉnh điểm trong thời của Vua Ma-na-se.
Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Mô-lóc (Special Topic: Molech)
Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thờ Phượng Sự Sinh Sản của Thiên Nhiên Của Khu Vực Cận Đông Cổ Đại (Special Topic: Fertility Worship of the ANE)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 57:1-10

[1] Người công chính chết đi,
Chẳng ai lưu tâm đến;
Người nhân đức bị cất đi,
Nhưng không ai hiểu rằng:
Chính vì tai họa sắp đến,
Mà người công chính được cất đi;
[2] Người sẽ đi vào sự bình an.
Người nào sống ngay thẳng
Thì được an nghỉ trên giường mình.

Quở trách sự thờ hình tượng của dân Y-sơ-ra-ên

[3] Nhưng các ngươi là con cháu của phù thủy,
Dòng dõi của kẻ gian dâm và mại dâm kia,
Hãy lại gần đây!
[4] Các ngươi nhạo cười ai?
Các ngươi há miệng rộng
Và le lưỡi chống lại ai?
Chẳng phải các ngươi là con cái phản loạn,
Là dòng dõi dối trá sao?
[5] Các ngươi hành dâm với nhau bên cây cối,
Dưới mọi lùm cây xanh;
Các ngươi giết con cái làm sinh tế nơi thung lũng,
Trong những hốc đá!
[6] Những tảng đá bóng láng trong thung lũng là phần riêng của ngươi;
Thật, đó là tài sản của ngươi.
Ngươi đã làm lễ quán
Và dâng tế lễ chay cho chúng!
Ta có nguôi giận được vì những việc đó không?
[7] Ngươi đặt giường mình trên núi rất cao,
Và lên đó dâng sinh tế.
[8] Ngươi đặt các biểu tượng tà thần
Phía sau cánh cửa và các trụ cửa;

Vì ngươi lìa bỏ Ta nên đã mở giường ngươi ra rồi leo lên đó;
Và làm cho giường mình rộng thêm.
Ngươi lập giao ước với các tà thần,
Ưa thích giường của chúng,
Và ngắm nhìn sự lõa lồ của chúng.
[9] Ngươi đã đem dầu và thêm nhiều hương liệu
Đến dâng cho thần Mo-lóc;
Ngươi đã sai các sứ giả mình đi phương xa,
Hạ mình xuống tận âm phủ!
[10] Ngươi đã mệt nhọc vì đường dài,
Mà chưa bao giờ nói: "Ấy là vô ích!"
Ngươi đã tìm thấy sức mới cho mình
Nên ngươi không mòn mỏi.

57:1 Điều ác chiến thắng khi những người công bình bị bắt bớ và giết, khi có vẻ chẳng có ai quan tâm!

1. Chẳng có ai lưu tâm
2. Không ai hiểu

▣ **"người nhân đức"** Đây chính là DANH TỪ *hesed;* hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự nhân từ, tử tế (*hesed*) (Special Topic: Lovingkindness (*hesed*))

▣**"bị cất đi trong sự gian ác"** Cũng như là người xấu tìm kiếm sự ích kỷ và tội lỗi, người công chính được giải thoát khỏi sự ảnh hưởng kinh khiếp của Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3; 6:5,11-12).

Dòng cuối của câu 1 (NASB) có vẻ như mâu thuẫn với ý nghĩa của hai dòng đầu.

1. Bản JPSOA điều chỉnh lại điều này bằng cách dịch, "Rằng bởi vì sự gian ác, người công chính bị cất đi."
2. Bản TEV dịch là "Nhưng khi họ chết, chẳng có thảm họa nào còn có thể làm tổn thương họ."
3. Bản NJB dịch là "Phải, bởi vì những thời kỳ gian ác, người ngay thẳng sẽ bị cất đi."
4. Bản REB dịch là "Người công chính bị quét đi bởi sự tấn công mạnh mẽ của điều ác."

Tuy nhiên, câu 2 ngụ ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng cất họ đi đến một nơi của sự phước hạnh.

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall)

57:2 Câu này mô tả về tình trạng thuộc linh của người công chính.

1. Bước vào sự bình an (bởi vì Ê-sai 57:1 điều này phải xảy ra trong tâm trí)
2. Yên nghỉ trên giường mình (BDB 1012). Có một sự chơi chữ trên từ được dùng ở đây cho người công chính, nhưng trong Ê-sai 57:7,8, được dùng cho kẻ ác.
    a. Giường dùng để ngủ
    b. Giường sử dụng cho quan hệ tình dục
    c. Huyệt mộ
3. Bước đi trên con đường ngay thẳng của người (lối sống ngay thẳng)

57:3-4 Những câu nay mô tả về những kẻ gian ác được đề cập đến trong Ê-sai 57:1. Họ được mô tả như là

1. Con cháu của phù thủy (BDB 778 II)
2. Dòng dõi của kẻ gian dâm (BDB 610)
3. Dòng dõi của gái mại dâm (BDB 275)
   ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gọi họ đến gần (*Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 897, KB 1132) trong sự hiện diện của Ngài để đoán phạt.
4. Dòng dõi dối trá (BDB 833)
    a. Các ngươi chế nhạo ai
    b. Các ngươi há miệng rộng (Chống lại ai)
    c. (các ngươi) le lưỡi chống lại ai (những lời này mô tả về sự cáo buộc chống lại những người công chính của họ)
5. Con cái phản loạn (BDB 1055)

57:5-6 Sự thờ hình tượng được mô tả như

1. Hành dâm với nhau giữa những cây cối (*Niphal* PHÂN TỪ, BDB 328, KB 328, câu này chỉ về sự thờ phượng phồn thực (thần sinh sản) dành cho *Ba-anh* và *A-sê-ra*, ví dụ, Giê-rê-mi 2:23-27)
2. Giết con cái (*Qal* PHÂN TỪ, BDB 1006, KB 1458, điều này chỉ về sự thờ phượng thần Mô-lóc (*Molech)*; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Thần Mo-lóc)
3. Làm lễ quán (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BB 1049, KB 1629)
4. Dâng lễ chay (*Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 748, KB 828)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thờ Phượng Phồn Thực (Thờ Sự Sinh Sản) của Khu Vực Cận Đông (Special Topic: Fertility Worship of the ANE)

57:6a Trong dòng này điều được chỉ đến là không rõ.

1. Những cây được thờ cúng trong sự thờ phượng A-sê-ra, Ê-sai 57:5a,b
2. Những nơi hiến tế con cái (ví dụ, Trũng Hi-nôm), Ê-sai 57:5c
3. Đi cùng với "những hốc đá," Ê-sai 57:5d
4. Một chỗ khác của sự thờ phượng phồn thực (thờ phượng sự sinh sản) (dâng sinh tế, câu 7c)
   a. Của lễ quán, câu 6c
   b. Của lễ chay, câu 6d
5. Sự pha tạp của Ê-sai 57:7a,b
6. Rotherham's Emphasized Bible, trang 701, cho rằng ý nghĩa của nó là "một nơi trống ở thung lũng" mà sự thờ hình tượng bộc lộ ra chính con người họ (ví dụ, không hề có sự đức hạnh hoặc có đạo đức)

57:6e

NASB "Ta có nên mủi lòng về những điều này không "
NKJV "Ta có nhận sự yên ủi trong những điều này "
NRSV "Ta có nên nguôi giận về những điều này "
TEV "Ngươi nghĩ rằng ta có hài lòng với tất cả những điều này không "

Sự thờ phượng sinh sản của Y-sơ-ra-ên, ngay cả khi nó được thực hiện trong danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cũng không thể chấp nhận được! Ngài không có bất cứ sự lựa chọn nào nhưng chỉ có thể đoán phạt sự thờ hình tường này mà thôi

57:7 Chỉ đến những bàn thờ *Ba'al* (Ba-anh) và *Asherah* (A-sê-ra) vốn nằm trên đỉnh đồi (Phục Truyền 12:2; 2 Các Vua 17:10; Giê-rê-mi 3:6; 17:2; Ô-sê 4:13). Cụm từ "đặt giường mình " chỉ về những nghi lễ tôn giáo của hoạt động quan hệ tình dục được dâng lên cho sự thờ phượng sự sinh sản và màu mỡ của đất đai, bầy súc vật và dân số con người (Ê-sai 57:8b-d).

57:8 Hai dòng thơ đầu rất mơ hồ. Nó có thể chỉ về sự sắp xếp những hình tượng

1. Tại nhà họ
2. Trên tường làng
3. Trong chính đền thờ (Ê-xê-chi-ên 8-10)
4. Trong nơi bí mật, trái nghịch với câu 6, vốn chỉ về những nơi rộng mở

Một sự thắc mắc rằng phải chăng trong một cách nào đó, những điều này có liên hệ với những liên minh quân sự/chính trị của những dân tộc ngoại đạo là những kẻ đòi hỏi sự thờ phượng các thần tượng của họ (Ê-sai 57:8d-e, 9).

NASB, NKJV, NRSV "ngươi cởi bỏ chính mình "
TEV "cởi quần áo ngươi "
NJB "ngươi bộc lộ chính mình "
REB "ngươi đã lộ bỏ "
NET "rời khỏi ta "

Bản MT dùng thể *Piel* của ĐỘNG TỪ (BDB 162, KB 191), nhưng bản Kinh Thánh NET Bible, trang 1274, #16, cho rằng nó ở thể *Qal* có ý nghĩa là "khởi hành " thay vì nghĩa của thể *Piel*, "cởi bỏ."

Lựa chọn đầu liên hệ với cụm từ đầu của dòng "đã bị bỏ xa khỏi Ta "; lựa chọn thứ hai, "khởi hành," dường như liên hệ với phần còn lại của câu 8.

Có vẻ, đối với tôi, lựa chọn #2 phù hợp tốt hơn với văn mạch.

NASB	**"ngươi đã nhìn thấy sự nam tính của họ "**
NKJV	**"ngươi đã nhìn thấy tay chúng"**
TEV	**"tại đó ngươi thỏa mãn những dục vọng của ngươi "**
NJB	**"mắt ngươi ở trên những biểu tượng thiêng"**
JPSOA	**"mắt ngươi đã chọn lấy dục vọng"**
NRSV, NJV, Peshitta	**"nơi ngươi đã thấy sự lõa lồ của chúng"**
NET Bible	**"nhìn chăm chú cách thèm muốn vào cơ quan sinh dục của chúng "**

Nan đề là từ יד (BDB 388, KB 386) nguyên văn là "tay." Trong tiếng U-ga-rít ידד có nghĩa là "tình yêu"; trong tiếng Ả-rập ידו có nghĩa là "dương vật" (NIDOTTE, vol 2, trang 56). Nó có thể chỉ đến "sức mạnh" ở đây trong nghĩa của một sự thờ phượng hình tượng sự sinh sôi nảy nở và sinh sản. Trong câu này có một vài cách nói uyển trại (nói tránh) được sử dụng bởi các tác giả Hê-bơ-rơ để chỉ đến những cơ quan sinh dục (một ví dụ khác là "chân," BDB 919, Xuất 4:25; Phục Truyền 28:57; Các Quan Xét 3:24; Ru-tơ 3:8; 1 Sa-mu-ên 24:3; Ê-xê-chi-ên 16:25).

57:9-10 Những câu này có vẻ chỉ đến những nghi lễ chính trị để đảm bảo sự an toàn chống lại những sự xâm lược.

57:9 "vua" Từ này có thể hiểu về sự chỉ đến vị thần sinh sôi, nảy nở và sinh sản Thần *Molech* (Mo-lóc), là kẻ có tên có cùng cách phát âm của từ "vua" trong tiếng Hê-bơ-rơ. The UBS Text Project, trang 150, đánh giá từ "vua" một điểm B (một vài sự nghi ngờ), trang 150.

▣ **"âm phủ (Sheol)"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Người Chết Ở Đâu? (Special Topic: Where Are the Dead?), I., B.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 57:11-13

11 Ngươi kinh khiếp ai, và sợ hãi ai
Đến nỗi ngươi nói dối,
Ngươi không nhớ đến Ta,
Và không lưu tâm đến Ta?
Có phải vì lâu nay Ta im lặng
Nên ngươi không kính sợ Ta chăng?
12 Nầy, chính Ta sẽ phơi bày việc thực hành nếp sống công chính của ngươi,
Nhưng những việc ấy không giúp ích gì cho ngươi.
13 Khi ngươi kêu cứu, hãy để các thần mà ngươi đã tập hợp giải cứu ngươi!
Gió sẽ thổi các thần ấy đi,
Một hơi thở sẽ lùa chúng đi tất cả.
Nhưng ai ẩn náu nơi Ta sẽ hưởng đất nầy,
Và được núi thánh của Ta làm cơ nghiệptrang

57:11-13 Khổ thơ này bắt đầu bằng một chuỗi những câu hỏi từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho dân sự giao ước không chung thủy của Ngài. Bi kịch rằng họ đã rất "sùng đạo" (Ê-sai 57:12,13a) nhưng lại

1. Không nhớ (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 269, KB 269, DẠNG PHỦ ĐỊNH) Ngài
2. Suy nghĩ đến Ngài (nguyên gốc là "đặt để tấm lòng nơi Ta," *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 962, KB 1321, DẠNG PHỦ ĐỊNH)

Những lý do họ đã xao nhãng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã là bởi vì sự yên lặng của Ngài (Ê-sai 57:11d). Điều này có thể chỉ về những tiên tri thật là những người đã không được sai đi hoặc ít nhất là không được lắng nghe.

Những hình tượng là "hư không" và "trống rỗng." Gió sẽ mang chúng đi cùng với họ, là những kẻ đã tin cậy vào chúng.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Trống Rỗng, Hư Không, Sai Trật,Vô Nghĩa (Special Topic: Empty, Vain, False, Nothingness)

57:11

NASB, NJB	**"trong suốt một khoảng thời gian dài "**
NKJV	**"từ xa xưa"**
TEV	**"đã rất lâu"**
JPSOA	**"rất lâu"**
REB	**"quay đi"**
NAB	**"chẳng nhìn"**

The JPSOA đề cập đến một sự hiệu đính cho kết quả là "và nhắm mắt Ta lại" (trang 898), vốn được đi theo bởi bản dịch REB và NAB. Cùng những cách phụ âm Hê-bơ-rơ ומעלם có thể dịch là "và từ cõi đời "hoặc "đã bị che giấu " (hãy xem UBS Text Project, trang 151).

57:13a-b

NASB, NKJV, NRSV	**"sự tập họp những thần tượng "**
NJB	**"Hãy để chúng kéo đến đông đảo"**
Peshitta	**"hãy để chúng tụ tập xung quanh "**

Bản MT sử dụng một DANH TỪ (BDB 868) xuất hiện duy nhất ở đây. Nó được hình thành từ ĐỘNG TỪ (BDB 867) "tụ tập" hoặc "tập họp." Những cách dịch trên đây giải nghĩa nó trong hai cách.

1. Những hình tượng của Y-sơ-ra-ên (JPSOA)
2. Nhóm những kẻ thờ phượng

Trong văn mạch điểm #1 thích hợp tốt hơn.

57:13d-e Những số ít những người trung tín là những kẻ tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và tìm nơi "trú ẩn" (*Qal* PHÂN TỪ, BDB 340, KB 337; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nơi Trú Ẩn (Cựu Ước) (Special Topic: Refuge (OT)) trong Ngài sẽ được bảo tồn và ban thưởng bằng cách được ban cho

1. Đất Hứa
2. Sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (đền thờ)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (NASB UPDATED):57:14-21

[14] Có lời phán: "Hãy đắp đường, hãy đắp đường!
Hãy san phẳng! Hãy dẹp bỏ chướng ngại vật khỏi đường dân Ta!"
[15] Đấng cao cả, Đấng được tôn cao, ngự nơi đời đời vô cùng,
Danh Ngài là Thánh; Đấng ấy phán:
"Ta ngự trong nơi cao và thánh,
Nhưng cũng ở với người ăn năn đau đớn và tâm linh khiêm nhường,
Để làm tươi tỉnh tâm linh của người khiêm nhường,
Và làm tươi tỉnh tấm lòng người ăn năn đau đớn.
[16] Ta không kết tội luôn luôn,
Cũng chẳng tức giận mãi mãi;
Vì thần linh sẽ mòn mỏi trước mặt Ta,
Và các sinh linh mà Ta đã tạo nên cũng vậy.
[17] Vì tội tham lam của nó mà Ta nổi giận và đánh nó.
Trong cơn giận dữ, Ta đã ẩn mặt với nó,
Nhưng nó cứ trở lại con đường của lòng mình.
[18] Ta đã thấy đường lối nó, nhưng Ta sẽ chữa lành,
Dẫn dắt và ban sự an ủi cho nó,
Cùng với những kẻ than khóc của nó.
[19] Ta tạo nên lời ca ngợi trên môi miệng chúng:
'Bình an! Bình an cho kẻ ở xa và cho kẻ ở gần!'"
Đức Giê-hô-va phán:

"Ta sẽ chữa lành cho nó.
[20] Nhưng những kẻ ác giống như biển động,
Không yên tịnh được,
Nước động cuộn lên bùn lầy và cáu cặn."
[21] Đức Chúa Trời tôi phán:
"Những kẻ gian ác chẳng được hưởng bình an."

57:14 Có một chuỗi của những THỂ MỆNH LỆNH nơi mà những mạng lệnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rằng tất cả những sự chuẩn bị đã được thực hiện cho những kẻ trung tín của Ngài có thể trở về từ sự lưu đày (Ê-sai 40:3-4; 62:10).

1. Dựng lên (hai lần) – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 699, KB 757
2. Chuẩn bị một con đường – *Piel* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 815, KB 937
3. Loại bỏ *tất cả* những chướng ngại vật – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 926, KB 1202

57:15 Chú ý những danh xưng và những sự mô tả về Đức Chúa Trời.

1. Đấng cao cả– *Qal* PHÂN TỪ, BDB 926, KB 1202 (cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong Ê-sai 57:14 được dịch là "loại bỏ," tôn cao)
2. Đấng được tôn cao – *Niphal* PHÂN TỪ, BDB 669, KB 724 (cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong Ê-sai 57:7,13, nhưng theo những nghĩa khác nhau)
3. Đấng sống đời đời – *Qal* PHÂN TỪ, BDB 1014, KB 1496, (nguyên văn là "Đấng sống trong cõi đời đời"; the NET Bible [trang 1275] cho rằng trong văn mạch này cụm từ này nên được hiểu là "Đấng cai trị đời đời")
4. Danh ngài là Thánh (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy) và Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One))
5. Ngự trên nơi cao và thánh - *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 1014, KB 1496 (trong sự tương phản và trái ngược với các thần tượng của sự sinh sôi, nảy nở và sự sinh sản)
6. Với những tâm linh (BDB 924) ăn năn (BDB 194 I) và khiêm nhường (BDB 1050)
7. Để làm tươi tỉnh tấm lòng của kẻ ăn năn - *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP, BDB 310, KB 309, dược sử dụng hai lần
    a. Dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, #6
    b. Dùng cho những kẻ trung tín của Ngài

57:16a-b Câu này tiếp tục sự mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. "Ta sẽ không buộc tội luôn luôn" – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 936, KB 1224, Sáng Thế Ký 6:3
2. "cũng chẳng giữ lòng giận đến đời đời" – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 893, KB 1124, Thi Thiên 79:5; 85:5; 103:9; Mi-chê 7:18-19

Câu này không nên giải nghĩa như một khoảng thời gian được định bởi Đức Chúa Trời sau khi ân điển Ngài cạn kiệt, nhưng sự thật rằng con người đã chối bỏ và vi phạm Lời và ý muốn Ngài, giờ đây, có một hậu quả nghiêm trọng của sự chai cứng tấm lòng. Tấm lòng con người trở nên không thể lắng nghe và đáp ứng!

Thật thú vị rằng Cựu Ước bày tỏ sự tương phản của những cảm xúc con người của tình yêu và sự giận dữ để mô tả Đức Chúa Trời.

1. Tình yêu tồn tại lâu bền và chắc chắn - Phục Truyền 5:10; 7:9; Thi Thiên 30:5; Ê-sai 54:7-8; Giê-rê-mi 31:3
2. Cơn giận thì tồn tại cách ngắn ngủi - Phục Truyền 5:9; Thi Thiên 30:5; Ê-sai 26:20; 54:7-8; 57:16-19

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề Và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: The Problems and Limitations of Human Language)

57:16c-d ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ những lý do vì sao Ngài không tiếp tục trong sự giận dữ (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (Special Topic: God Described As Human)). Điều này rất giống với Thi Thiên 103:8-14.

1. Vì thần linh (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)) sẽ mòn mỏi trước mặt ta
2. Các hơi thở cũng sẽ mòn mỏi

Hãy lưu ý sự song hành của "thần linh" (BDB 924) và "hơi thở" (BDB 675) cũng như trong Ê-sai 42:5. Thể xác dễ vỡ mong manh và giờ đây tình trang tâm lý của nhân loại sa ngã cũng không thể chịu đựng sự im lặng (Ê-sai 57:11,17) và cơn giận (Ê-sai 57:16,17) của Đấng Tạo Hóa và Cứu Chuộc của Họ!

57:17 Sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tương tự với sự sửa phạt của cha mẹ (Ô-sê 11). Ngài đã thực hiện điều đó để con cái Ngài có thể học được bài học và rời bỏ khỏi nó, nhưng thật đáng buồn là nhiều người đã không và không thể (quay lại với Ngài) (Ê-sai 57:17c; 1:3,4).

57:18-21 Có một sự tương phản rõ ràng giữa cách ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đối xử với những người ăn năn và những kẻ bội nghịch.

1. Ăn năn – Ê-sai 57:15-16,18-19
2. Bội nghịch – Ê-sai 57:17,20-21

57:18-19 Hãy chú ý những điều ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm cho những người có thần linh khiêm nhường và ăn năn (Ê-sai 57:15), cả những kẻ ở gần và ở xa (Ê-sai 57:19).

1. Làm tươi tỉnh, Ê-sai 57:15 – *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP (BDB 310, KB 309)
2. Ta sẽ không buộc tội nữa, Ê-sai 57:16 – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 936, KB 1224)
3. Ta sẽ chẳng giận mãi mãi, Ê-sai 57:16 – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 893, KB 1124)
4. Ta sẽ chữa lành, Ê-sai 57:18 – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 950, KB 1272)
5. Ta sẽ dẫn dắt, Ê-sai 57:18 – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 634, KB 685)
6. Ta sẽ phục hồi sự yên ủi, Ê-sai 57:18 – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 1022, KB 1532)
7. Ta tạo nên lời ca ngợi của sự bình an của chúng, Ê-sai 57:19 *Qal* PHÂN TỪ (BDB 135, KB 153)
8. Ta sẽ chữa lành chúng, Ê-sai 57:19 *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 950, KB 1272)

57:20-21 Dân giao ước phản nghịch và vô tín được mô tả như

1. Biển động
2. Biển không yên tĩnh được
3. Biển động lên những rác rưởi
4. Biển động lên chỉ bùn
5. Chẳng có sự bình an

Ê-SAI 58

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Vâng Giữ sự Kiêng Ăn	Sự Kiêng Ăn làm Đẹp Lòng Đức Chúa Trời	Đức Giê-hô-va không Khao Khát Sự Kiêng Ăn, nhưng là sự Nhân Từ và Công Lý	Sự Kiêng Ăn Thật	Sự Kiêng Ăn làm Hài Lòng Đức Chúa Trời
58:1-12 (1-12)	58:1-3a (1-3a)	58:1-5 (1-5)	58:1-2	58:1-12 (1-12)
			58:3a	
	58:3b-5 (3b-5)		58:3b-5	
	58:6-9a (6-9a)	58:6-9a (6-9a)	58:6-7	
			58:8-9a	
	58:9b-12 (9b-12)	58:9b-12 (9b-12)	58:9b-12	
Giữ ngày Sa-bát			Phần Thưởng Giành Cho Những Người Giữ Ngày Sa-bát	Ngày Sa-bát
58:13-14 (13-14)	58:13-14 (13-14)	58:13-14 (13-14)	58:13-14	58:13-14 (13-14)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

BỐI CẢNH

A. Đoạn này là một sự định tội của những nghi lễ tôn giáo mà không có đức tin cá nhân (Ê-sai 29:13; Giê-rê-mi 7).

B. Đây là nan đề thuộc linh đã gây ra Sự Lưu Đày.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 58:1-12

[1] "Hãy kêu to lên, đừng kiềm chế!
Hãy cất tiếng lên như tiếng tù và!
Báo cho dân Ta biết sự phản loạn của họ,
Và báo cho nhà Gia-cốp biết tội lỗi của nhà ấy!
[2] Ngày lại ngày, họ tìm kiếm Ta,
Và muốn biết đường lối Ta,
Như thế một dân đã làm điều công chính
Và chưa từng bỏ luật lệ của Đức Chúa Trời mình!
Họ xin Ta sự xét xử công minh,
Và vui mừng đến gần Đức Chúa Trời.
[3] Họ hỏi: 'Chúng con kiêng ăn, sao Chúa không thấy?
Chúng con hạ mình, sao Chúa chẳng biết đến?'
Nầy, trong ngày kiêng ăn, các ngươi vẫn tìm điều mình ưa thích,
Và áp bức những kẻ làm công cho mình.
[4] Thật ra, các ngươi kiêng ăn để cãi cọ và tranh chấp,
Dùng nắm tay gian ác mà đánh đấm nhau.
Các ngươi đừng kiêng ăn như đã làm hôm nay,
Để tiếng kêu của các ngươi sẽ thấu đến nơi cao.
[5] Có phải đó là sự kiêng ăn mà Ta chọn lựa,
Là ngày mà người ta hạ mình xuống chăng?
Có phải cúi đầu xuống như cây sậy,
Nằm trên vải sô và tro bụi,
Mà các ngươi gọi đó là kiêng ăn,
Là ngày được Đức Giê-hô-va chấp nhận chăng?
[6] Chẳng phải sự kiêng ăn mà Ta chọn, đó là:
Tháo những xiềng gian ác,
Mở dây trói của ách,
Thả cho kẻ bị áp bức được tự do,
Và bẻ gãy mọi ách hay sao?
[7] Chẳng phải là chia sẻ thức ăn cho người đói,
Đem kẻ nghèo khổ, không nhà cửa về nhà mình,
Khi thấy người trần truồng thì mặc cho,
Và không ngoảnh mặt làm ngơ với anh em cốt nhục mình hay sao?"
[8] "Bấy giờ, ánh sáng ngươi sẽ bừng lên như rạng đông,
Vết thương ngươi sẽ nhanh chóng được chữa lành.
Sự công chính ngươi sẽ đi trước mặt ngươi,
Và vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ sau ngươi.
[9] Bấy giờ, ngươi cầu xin, Đức Giê-hô-va sẽ đáp lời;
Ngươi kêu cứu, Ngài sẽ phán: 'Có Ta đây!'
Nếu ngươi vứt bỏ cái ách khỏi ngươi,
Không xỉ vả và không nói lời độc ác;
[10] Nếu ngươi dốc lòng lo cho người đói,
Và đáp ứng nhu cầu kẻ khốn cùng,
Thì ánh sáng của ngươi sẽ chiếu ra trong bóng tối,
Và sự tối tăm của ngươi sẽ sáng ngời như giữa trưa.
[11] Đức Giê-hô-va sẽ cứ dắt đưa ngươi,
Làm cho ngươi no lòng giữa nơi khô hạn lớn;
Làm vững mạnh các xương cốt ngươi;
Ngươi sẽ như vườn năng tưới,
Như suối nước chẳng hề khô cạn.
[12] Dân ngươi sẽ xây lại những nơi đổ nát ngày xưa;
Ngươi sẽ dựng lại các nền móng của nhiều thế hệ trước.
Người ta sẽ gọi ngươi là Người tu bổ những lỗ hổng tường thành,
Và Người phục hồi phố xá cho dân cư ngụ.

58:1 Đoạn này, cũng giống như nhiều đoạn khác trong Ê-sai (ví dụ, một dạng dấu chỉ văn học điển hình cho một bài thơ mới), bắt đầu với một chuỗi những THỂ MỆNH LỆNH. Câu hỏi giải nghĩa là:

1. Ai là tác giả?
2. Ai là người nhận?

Ở đây có một danh sách những gì đã được ra lệnh (hãy chú ý sự song hành):

1. Hãy kêu to lên– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 894, KB 1128
2. Đừng kiềm chế – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 362, KB 359, được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
3. Hãy cất cao giọng – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 926. KB 1202
4. Công bố – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 616, KB 665

Đấng phát ngôn ở đây ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi Môi Miệng của Tôi Tớ Ngài và người nghe ở đây chính là:

1. Y-sơ-ra-ên Tiền lưu đày
2. Y-sơ-ra-ên Hậu lưu đày
3. Y-sơ-ra-ên trở về
4. Dân sự lai thế học của Đức Chúa Trời

▣ **"kèn (tù và)"** Đây là từ BDB 1051. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các loại sừng được sử dụng bởi Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Horns Used by Israel)

▣ **"sự phản loạn. . .tội lỗi của chúng"** Một nghi lễ hình thức đã thay cho sự công chính cá nhân. Họ đã rất tôn giáo nhưng lại xa cách khỏi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (2 Ti-mô-thê 3:5). Tôn giáo có thể trở thành rào cản cho một đức tin cá nhân thật sự!

58:2 Hãy chú ý đức tin sai trật được mô tả.

1. Chúng tìm kiếm Ta mỗi ngày.
2. Chúng vui vẻ trong sự nhận biết ta.
3. Một dân tộc… đã không bỏ quên những sự quy định của Đức Chúa Trời của họ.
4. Chúng cầu hỏi ta chỉ cho những quyết định.
5. Chúng vui sướng trong sự gần gũi với Đức Chúa Trời.

Tất cả những điều này có vẻ rất ấn tượng nhưng nó chỉ là một sự trình diễn, một sự ép buộc, một trò chơi tôn giáo, chỉ bằng lời chứ không có hành động (Ê-sai 29:13).

▣ **" Như thể một dân đã làm điều công chính "** Đây là một sự châm biếm.

▣ **"hỏi Ta cho những quyết định "** Cụm từ này chỉ về

1. Sử dụng U-rim và Thu-mim (ví dụ, Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Xuất 28:30; Dân Số Ký 27:23; Phục Truyền 33:8; Neh. 7:65 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: U-rim and Thu-mim (Special Topic: Urim and Thummim))
2. Các tiên tri
3. Những người Lê-vi ở địa phương

58:3 " kiêng ăn. . . Chúng con hạ mình " Từ "kiêng ăn" (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 847, KB 1012) song hành với "hạ mình" (*Piel* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 776, KB 853, Lê-vi Ký 16:29,31). Họ nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho những hành động tôn giáo của họ. Cựu Ước chỉ yêu cầu kiêng ăn 1 lần duy nhất cho một năm (Lê-vi Ký 16), Đại Lễ Chuộc Tội (Ê-sai 58:6a). Trong suốt thời kỳ Lưu Đày, người Do Thái đã nhân đó lên thành bốn ngày kiêng ăn để ghi nhớ về những sự kiện bi thảm của đời sống dân tộc họ (sự sụp đổ của thành, sự hủy diệt đền thờ,v.v…, Xa-cha-ri 7:3,5; 8:19).

▣ **" trong ngày kiêng ăn, các ngươi vẫn tìm điều mình ưa thích,**
Và áp bức những kẻ làm công cho mình"

Họ kiêng ăn bởi những lý do "tôn giáo" và không cho phép những người làm công cho họ tham gia! Sự tác động của Sự Sa Ngã vẫn tiếp tục!

58:4 Những ngày kiêng ăn chỉ tạo ra sự cáu giận chứ không phải đức tin.

NASB "đánh với nắm đấm gian ác "
AB "đánh người nghèo bằng nắm đấm "
LXX "đánh người khiêm nhường với những nắm đấm của các ngươi "

Bản MT dùng cụm từ "đánh những kẻ ác bằng nắm đấm," nhưng chú ý cách bản LXX đã sử dụng sự gợi ý của Ê-sai 58:3c-d.

▣ **" Để tiếng kêu của các ngươi sẽ thấu đến nơi cao "** Một mục tiêu của sự kiêng ăn chính là để giúp đỡ bằng lời cầu nguyện, nhưng nó lại gây ra tác dụng trái ngược (Ê-sai 1:15; 59:2).

58:5 Đây là danh sách của những dấu hiệu bên ngoài của sự than khóc, như là mặc áo vải gai và tro bụi, nhưng trên thực tế đây chỉ là một sự trình diễn (Ma-thi-ơ 6:5,16-18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tập Tục Than Khóc (Special Topic: Grieving Rites).

58:6-7 " Có phải đó là sự kiêng ăn mà Ta chọn lựa " Đức Chúa Trời liệt kê những gì Ngài thực sự mong muốn từ dân sự của Ngài (ví dụ, sự công chính hằng ngày trong xã hội, Xuất 21:2; Lê-vi Ký 25:39-41; Phục Truyền 15:12; và Giê-rê-mi 34:8-11, vốn chỉ về năm Hoan Hỷ; Tít 1:16).

1. Tháo những xiềng gian ác – *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI, BDB 834, KB 986
2. Mở dây trói của ách – *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI, BDB 684, KB 736
3. Thả cho kẻ bị áp bức được tự do – *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI, BDB 1018, KB 1511
4. bẻ gãy mọi ách e – *Piel* PHÂN TỪ BỊ ĐỘNG, BDB 954, KB 1285
5. chia sẻ thức ăn cho người đói – *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI, BDB 828, KB 969 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Đói Kém (Special Topic: Hunger))
6. Đem kẻ nghèo khổ, không nhà cửa về nhà mình – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 97, KB 112, Ma-thi-ơ 25:35; Rô-ma 12:13; 1 Ti-mô-thê 3:2; Tít 1:8; Hê-bơ-rơ 13:2; 1 Phi-e-rơ 4:9
7. Khi thấy người trần truồng thì mặc cho – *Piel* THỂ HOÀN THÀNH with *waw*, BDB 491, KB 487, Gia-cơ 2:14-18
8. không ngoảnh mặt làm ngơ với anh em cốt nhục mình – *Hithpael* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 761, KB 834, 1 Ti-mô-thê 5:8

Đây chính là nguồn gốc của tiêu chuẩn của Đấng Mê-si vinh hiển cho việc phân loại chiên (những tín hữu trung tín) với dê (những người vô tín là kẻ hành động cách ích kỷ) trong Ma-thi-ơ 25:31-46. Đây không phải là một sự-công-chính-bởi-việc-làm, nhưng là một lối sống bằng chứng rằng hậu quả của Sự Sa Ngã (sự ích kỷ) nay đã được đảo ngược (quan tâm đến người khác). Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall)

58:8-9b Đây là lời hứa phục hồi nếu họ ăn năn và bày tỏ lối sống đức tin. Chú ý những gì mà sự trung tín sẽ đem lại.

1. ánh sáng ngươi sẽ bừng lên như rạng đông
2. Vết thương ngươi sẽ nhanh chóng được chữa lành
3. Sự công chính ngươi sẽ đi trước mặt ngươi
4. vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ sau ngươi
5. ngươi cầu xin, Đức Giê-hô-va sẽ đáp lời
6. Ngươi kêu cứu, Ngài sẽ phán: 'Có Ta đây!' (Ê-sai 65:1)

Đây là những gì Đức Chúa Trời muốn làm đối với dân sự Ngài, nhưng tội lỗi và sự phản nghịch của họ đã gây nên sự đoán phạt và chia lìa!

▣ **" vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ sau ngươi "** Điều này chỉ về đám mây vinh hiển *Shekinah* trở nên sự bảo vệ cho họ trong suốt thời kỳ của cuộc Xuất Hành (Xuất 14:19 and Ê-sai 52:12).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Quang (Thuật ngữ Cựu Ước *kabod*) (Special Topic: Glory (OT *kabod*))

58:9c-10 "Nếu" Hai câu này (Ê-sai 58:9 and 10) chỉ về yếu tố điều kiện trong mối quan hệ giao ước hai chiều của Đức Chúa Trời với dân sự Ngài. Chú ý những điều kiện.

1. vứt bỏ cái ách khỏi ngươi
2. không chỉ ngón tay, Châm 6:13

3. không nói lời độc ác
4. dốc lòng lo cho người đói (*Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 807, KB 920)
5. đáp ứng nhu cầu của kẻ khốn cùng

58:9 "chỉ ngón tay " Câu này chỉ về những cử chỉ và lời nói độc ác (Châm 6:13)

58:10c-12 phần "thì" (phước hạnh) của giao ước điều kiện (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 28-29; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giao Ước (Special Topic: Covenant)) được đọc lên.

7. ánh sáng của ngươi sẽ chiếu ra trong bóng tối
8. sự tối tăm của ngươi sẽ sáng ngời như giữa trưa
9. Đức Giê-hô-va sẽ cứ dắt đưa ngươi
10. Đức Giê-hô-va sẽ làm thỏa mãn các sự khao khát ngươi
11. Làm vững mạnh các xương cốt ngươi
12. Ngươi sẽ như vườn năng tưới
13. Ngươi sẽ như vườn năng tưới,Như suối nước chẳng hề khô cạn
14. Dân ngươi sẽ xây lại những nơi đổ nát ngày xưa
15. Ngươi sẽ dựng lại các nền móng của nhiều thế hệ trước
16. Người ta sẽ gọi ngươi là Người tu bổ những lỗ hổng tường thành
17. Và Người phục hồi phố xá

Vị tiên tri sử dụng một vài nguồn hình ảnh khác nhau để bày tỏ sự hiện điện và ơn phước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Ánh sáng và bóng tối
2. Hình ảnh của người chăn chiên
3. Những phước hạnh trong nông nghiệp
4. Những hình ảnh tái xây dựng

58:11 Có hai vấn đề về ngữ nghĩa trong câu này.

1. Ê-sai 58:11b

NASB	**"thỏa mãn sự khao khát ngươi"**
NKJV	**"thỏa mãn các cơn khát ngươi trong cơn hạn hán"**
TEV	**"thỏa mãn ngươi với những điều tốt lành"**
NJB	**"sẽ thỏa mãn những nhu cầu ngươi trong vùng đất bị thiêu đốt"**
JPSOA	**"Người sẽ làm giảm đi cơn khát của ngươi trong những nơi khô nẻ"**
Peshitta	**"thỏa mãn linh hồn ngươi với những thức ăn dư dật"**
LXX	**"ngươi sẽ thỏa mãn chính xác bằng những gì linh hồn ngươi khao khát"**

Từ "khao khát" chính là từ *nephesh* (BDB 659), vốn có rất nhiều nghĩa rộng.

Từ "những nơi bị thiêu đốt " được tìm thấy duy nhất ở đây (BDB 850, KB 1019) và ý nghĩa của nó là không rõ ràng

2. Ê-sai 58:11e

NASB, NKJV "những dòng nước người sẽ chẳng hề khô (thất bại)

ĐỘNG TỪ (BDB 469, KB 467, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) của bản MT có nghĩa là "nói dối" hoặc "lừa dối." Ý nghĩa có vẻ là "những nguồn nước của Đức Chúa Trời chu cấp không bao giờ 'nói dối' hoặc 'lừa dối'" (luôn tuôn chảy [NJB])

58:12

NASB	**"những kẻ phục hồi những đường phố nơi sẽ ở tại đó "**
JPSOA	**"những kẻ phục hồi đường để cư trú"**
LXX	**"ngươi sẽ khiến những con đường ở giữa họ để nghỉ ngơi "**
Peshitta	**"người phục hồi những con đường để ở tại đó "**
REB	**"kẻ phục hồi những ngôi nhà bị đổ nát "**

Bản MT dùng từ "những lối đi" (BDB 677), có thể hiểu là "những con đường" bởi vì ĐỘNG TỪ "ở " (*Qal* NGUYÊN MẪU GHÉP, BDB 442, KB 444).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 58:13-14

[13] Nếu ngươi trở lại, giữ chân mình khỏi phạm ngày sa-bát,
Không làm theo ý mình trong ngày thánh của Ta;
Nếu ngươi xem ngày sa-bát là ngày vui thích,
Ngày thánh của Đức Giê-hô-va là đáng trọng;
Nếu ngươi tôn trọng ngày đó,
Không đi đường riêng, không làm theo ý riêng,
Và không nói những lời vô bổ;
[14] Thì bấy giờ, ngươi sẽ được vui thỏa trong Đức Giê-hô-va,
Ta sẽ cho ngươi cưỡi lên các đỉnh cao trên đất;
Ta sẽ nuôi ngươi bằng cơ nghiệp của Gia-cốp, tổ phụ ngươi."
Chính miệng Đức Giê-hô-va đã phán như vậy.

58:13-14 Khổ thơ này sử dụng sự vâng giữ yêu cầu của ngày Sa-bát như một cách để biết được thái độ và sự trung tín của một người.

1. giữ chân mình… không làm theo ý mình trong ngày thánh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 58:13)
2. xem ngày sa-bát là ngày vui thích, là đáng trọng (ĐỘNG TỪ כבד, BDB 457, KB 455, được sử dụng hai lần trong Ê-sai 58:13) Chú ý một lần nữa giao ước điều kiện ("nếu. . .thì"). Lợi ích được liệt kê ra trong Ê-sai 58:14b,c.

58:13 "ngày thánh" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy)

▣ **"ngày Sa-bát "** Hãy xem Xuất 20:8-11 và Ê-sai 56. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngày Sa-bát (Special Topic: Sabbath)

58:14 " Chính miệng Đức Giê-hô-va đã phán như vậy" Sự diễn tả về sự đáng tin cậy và năng quyền của những lời hứa của Đức Chúa Trời (Ê-sai 55:11)!
Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề và Sự Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: Problems and Limitations of Human Language)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Sự khác biệt giữa đức tin theo kinh thánh và chủ nghĩa tôn giáo là gì?
2. Đạo đức liên hệ với thần học như thế nào?
3. Mục đích của sự kiêng ăn là gì?
4. Mục đích của ngày Sa-bát là gì? Nó có còn có hiệu lực cho đến ngày hôm nay hay không?

Ê-SAI 59

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Chia Cắt Khỏi Đức Chúa Trời	Sự Chia Cắt Khỏi Đức Chúa Trời	Sự Kêu Gọi cho Một Sự Ăn Năn Toàn Quốc Gia	Vị Tiên Tri Định Tội của Toàn Dân Sự	Bài Thi Thiên Ăn Năn Thống Hối
59:1-8 (1-8)	59:1-3 (1-3)	59:1-8 (1-8)	59:1-3	59:1-4 (1-4)
	59:4-5 (4-5)		59:4-8	
				59:5-8 (5-8)
	59:6-8 (6-8)			
Sự Xưng Tội Lỗi Gian Ác	Tội Lỗi Được Xưng Nhận		Dân sự Xưng Nhận Tội Lỗi Họ	
59:9-15a (9-15a)	59:9-15a (9-15a)	59:9-15a (9-15a)	59:9-1	59:9-11 (9-11)
			59:12-15a	59:12-15a
	Đấng Cứu Chuộc của Si-ôn		Đức Giê-hô-va Chuẩn Bị để Giải Cứu Dân Sự Ngài	
59:15b-20 (15b-20)	59:15b-19 (15b-19)	59:15b-19 (15b-19)	59:15b-21	59:15b-20
	59:20 (20)	59:20 (20)		Lời Tiên Tri
59:21	59:21	59:21		59:21

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Rất khó để thấy cách những bài thơ riêng biệt (các đoạn) liên hệ với phần này của Ê-sai. Tôi đồng ý với R. K.Harrison rằng Ê-sai là một tuyển tập của sự giảng dạy/ dạy dỗ/ tác phẩm viết được tuyển lọc sau cái chết

của ông. Nó được sắp xếp trong một phong cách phương đông (theo chủ đề, những sự chơi chữ) chứ không phải theo cách trình tự của phương tây.

B. Một sự tự hỏi về những lời tiên tri này.
   1. Có phải chúng có sự ứng nghiệm nhiều lần (ví dụ, Ê-sai 7:14; và Đa-ni-ên 11:31; 12:11)?
   2. Chúng có bày tỏ tấm lòng và sự khao khát của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên, dù biết rằng với tất cả những ích lợi của giao ước (Rô-ma 9:4-5) họ cũng vẫn không thể giữ chúng?
   3. Chúng có phải là những bài thơ/ lời tiên tri từ những giai đoạn khác nhau trong chức vụ của Ê-sai, đề cập đến những giai đoạn lịch sử khác nhau của Y-sơ-ra-ên, nhưng giờ đây chúng được sắp xếp trong một cấu trúc mà những người hiện đại không thể thấu hiểu được?

C. Những nhà giải kinh hiện đại cần phải nhớ rằng
   1. Đây là thơ ca, không phải (thể loại văn học) tường thuật lịch sử
   2. Những bài thơ này được trình bày mà không có bối cảnh lịch sử cụ thể của chúng
   3. Nhiều từ được sử dụng duy nhất một lần trong cả Kinh Thánh hoặc những tác phẩm văn học Sê-mít đã được biết.
   4. Hãy cẩn thận về những sự khẳng định tín lý giáo điều từ những dòng thơ ca giới hạn. Hãy cố gắng để nhìn xem những sư song hành
      b. Sự song hành đặc biệt trong Ê-sai và Mi-chê
      c. Cách sử dụng những trích đoạn/ ý tưởng của Tân Ước (theo F. F. Bruce, trong quyển *Answers To Questions,* trang 87-88)

Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ ca Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Poetry)

D. The Jewish Study Bible (trang 901) xem đoạn này theo ba phần.
   1. Vị tiên tri nhắc đến tội lỗi của cả dân sự (về mặt tập thể)
   2. Những kẻ trung tín trong dân sự ghi nhận tội lỗi của họ (cá nhân)
   3. Vị tiên tri công bố lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
      a. Sự thương xót dành cho những kẻ trung tín là những người ăn năn (Ê-sai 59:20,21)
      b. Sự đoán phạt dành cho những kẻ cứng lòng
         (1) Người Do Thái
         (2) Các hải đảo (các Dân Ngoại)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (NASB UPDATED):59:1-8

[1] Nầy, tay Đức Giê-hô-va chẳng phải ngắn mà không cứu được;
Tai Ngài cũng chẳng phải nặng mà không nghe được đâu.
[2] Nhưng chính vì sự gian ác của các ngươi
Đã phân cách các ngươi với Đức Chúa Trời mình,
Và tội lỗi các ngươi đã che khuất Ngài khỏi các ngươi
Đến nỗi Ngài không nghe các ngươi nữa.
[3] Vì bàn tay các ngươi đã bị ô uế do vấy máu,
Ngón tay các ngươi bị ô uế vì tội ác,
Môi miệng các ngươi nói lời dối trá,
Lưỡi các ngươi thì thầm việc xấu xa.
[4] Không ai lấy lẽ công chính mà kiện cáo;
Chẳng ai lấy điều chân thật mà tranh tụng.
Người ta tin cậy vào điều hư không và lời dối trá,
Họ cưu mang điều ác và đẻ ra tội trọng.
[5] Họ ấp trứng rắn
Và dệt màng nhện;
Ai ăn trứng đó sẽ chết,
Và một cái trứng bị vỡ sẽ nở ra rắn độc.
[6] Màng của họ không dùng làm áo được,
Không thể mặc được hàng mà họ đã dệt ra;
Công việc của họ là công việc gian ác,

Đôi tay họ đầy những việc hung tàn.
7 Chân họ chạy đến điều ác,
Họ vội vã làm đổ máu vô tội;
Tư tưởng họ là tư tưởng gian tà,
Sự tàn phá và hủy diệt ở trên đường lối họ.
8 Họ chẳng bao giờ biết con đường bình an,
Không có sự chính trực trong đường lối họ.
Họ tự làm quanh quẹo các lối của mình,
Ai bước đi trong đó thì chẳng biết đến sự bình an!

59:1-2 Những cụm từ dẫn nhập bày tỏ rõ ràng nan đề với những lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên; nó không phải là lời Ngài, đặc tính hoặc quyền năng của Ngài nhưng chính là tội lỗi lặp đi, lặp lại và liên tục.
Câu 1 phản ánh phản ứng của vị tiên tri đối với sự chất vấn mà ông đã nghe từ dân Y-sơ-ra-ên trong thời đại của ông (ví dụ, những lời hứa của Đức Chúa Trời ở đâu?). Ê-sai ghi chép lại sự lằm bằm của dân sự một vài lần (ví dụ, 40:27; 49:4,14).
59:1 "tay" Đây thường là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho hành động (Ê-sai 51:9). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tay (Special Topic: Hand).

Chú ý những bộ phận cơ thể của con người được sử dụng để mô tả về Đấng Thánh (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Được Mô Tả như Con Người (phép tu từ nhân hình) (Special Topic: God Described As Human (anthropomorphism)).

1. tay
2. tai
3. mặt

Cũng hãy chú ý bao nhiêu bộ phận cơ thể con người được sử dụng để mô tả sự gian ác, tội lỗi của con người.

1. tay, Ê-sai 59:3
2. ngón tay, Ê-sai 59:3
3. môi, Ê-sai 59:3
4. lưỡi, Ê-sai 59:3
5. chân được ngụ ý chỉ về trong Ê-sai 59:7-8

▣ **"nghễnh ngãng (nặng)"** Từ này (BDB 457, KB 455, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là "trở nên nặng," "trở nên gánh nặng," hoặc "được tôn trọng." Trong văn mạch này nó chỉ về một sự không có khả năng để nghe. Nó được sử dụng trong cùng một cách dùng cho "mắt" trong Sáng Thế Ký 48:10 và cho "lòng" của Pha-ra-ôn trong Xuất 9:7.

▣ **"Đã phân cách các ngươi với Đức Chúa Trời mình"** ĐỘNG TỪ này (BDB 95, KB 110, *Hiphil* PHÂN TỪ) được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau.

1. Đức Chúa Trời phân tách ánh sáng khỏi bóng tối trong Sáng Thế Ký 1:4
2. Đức Chúa Trời lập Y-sơ-ra-ên tách biệt khỏi các dân tộc khác
3. Thiết lập sự phân biệt giữa tinh sạch và không tinh sạch
4. Phân chia thành những phần (ví dụ, những của lễ)
5. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Môi-se biệt riêng những người Lê-vi (đặc biệt là A-rôn, 1 Sử Ký 23:13)
6. Cắt bỏ một người khỏi Y-sơ-ra-ên (Phục Truyền 29:20)
7. Sự loại trừ những người ngoại bang (Nê-hê-mi 13:3)
8. Sự biệt riêng những người được sử dụng trong âm nhạc
9. Sự biệt riêng một ai đó khỏi những dân ngoại bang và ngoại đạo trong một xã hội nào đó (Ê-xơ-ra 6:21; 9:1; 10:11; Nê-hê-mi 9:2)
10. Sự biệt riêng một ai đó khỏi để trở nên một lãnh đạo (ví dụ, Đa-vít, 1 Sử Ký 12:8)

Trong văn mạch này nó được sử dụng trong một nghĩa độc nhất. Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên về mặt cảm xúc và thuộc linh đã ngăn cách dân sự giao ước khỏi Đức Chúa Trời giao ước cũng như sự hiện diện, những lời hứa, sự chu cấp và bảo vệ của Ngài!

Một cách để minh họa tình trạng thuộc linh tệ hại trong dòng song hành tiếp theo của bài thơ. Đức Chúa Trời đã giấu mặt Ngài khỏi họ (ví dụ, Ngài đã không lắng nghe lời cầu nguyện của họ)!

Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Hiệu Quả (Special Topic: Effective Prayer)

59:3-8 Những Câu Kinh Thánh này liệt kê ra một danh sách (trong những dòng song hành) những tội lỗi của Y-sơ-ra-ên mà chúng sẽ gây ra những sự chia cắt.

1. bàn tay các ngươi đã bị ô uế do vấy máu, Ê-sai 59:3
2. Môi miệng các ngươi nói lời dối trá, Ê-sai 59:3 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trống rỗng, Hư Không, Sai Trật, Vô Nghĩa (Special Topic: Empty, Vain, False, Nothingness))
3. Những phiên tòa thì bại hoại, Ê-sai 59:4 (hãy chú ý bốn NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI)
4. Những kế hoạch gian ác và tàn bạo của các ngươi, Ê-sai 59:5-7 (Gióp 8:14-15; 15:35; Châm 1:16; để biết về Ê-sai 59:7 hãy xem Rô-ma 3:15-17)
5. Họ không biết con đường bình an (Ê-sai 26:3,12; 57:20-21; Lu-ca 1:79) hoặc công lý, Ê-sai 59:8 (Hãy chú ý bốn ĐỘNG TỪ THỂ HOÀN THÀNH)

59:4 Câu 4, cũng giống như Ê-sai 59:13, sử dụng một chuỗi của những NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI để mô tả về hành vi tội lỗi gian ác của con người.

1. Họ tin vào điều hư không, *Qal*. BDB 105, KB 120, Sáng Thế Ký 1:2
2. Họ nói lời dối trá, *Piel*, BDB 180, KB 210
3. Họ mưu toan điều ác, *Qal*, BDB 247, KB 255 (Job 15:35)
4. Họ thực hiện tội ác, *Hiphil* BDB 408, KB 411

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (NASB UPDATED):59:9-20

9 Vì thế, công lý đã cách xa chúng ta,
Lẽ công chính cũng không bắt kịp chúng ta.
Chúng ta trông mong ánh sáng mà chỉ thấy bóng tối,
Trông mong sự chói sáng mà bước đi trong tối tăm.
10 Chúng ta mò mẫm dọc theo tường như người mù,
Mò mẫm như người không có mắt;
Giữa trưa mà vấp chân như chạng vạng;
Giữa những kẻ mạnh mẽ mà mình như người chết.
11 Chúng ta rên xiết như con gấu gầm gừ,
Và rên rỉ như tiếng gù của chim bồ câu;
Chúng ta trông đợi công lý mà nó không đến,
Trông đợi sự cứu thoát mà nó cách xa!
12 "Vì trước mặt Chúa, sự vi phạm của chúng con thật nhiều,
Tội lỗi chúng con làm chứng nghịch cùng chúng con.
Vì sự vi phạm của chúng con vẫn ở với chúng con
Và chúng con nhận biết sự gian ác mình.
13 Chúng con đã phản loạn và chối bỏ Đức Giê-hô-va,
Quay lưng không theo Đức Chúa Trời mình.
Chúng con nói điều bạo ngược và phản loạn,
Thốt ra những lời dối trá đã cưu mang trong lòng.
14 Vì thế, công lý bị đẩy lui,
Sự công chính đứng cách xa;
Vì chân lý vấp ngã giữa quảng trường,
Và sự ngay thẳng không thể vào được.
15 Chân lý đã không còn,
Ai lánh điều dữ thì bị cướp giật."
Đức Giê-hô-va đã thấy rằng
Dưới mắt Ngài, tất cả đều gian ác, bất công.
16 Ngài thấy không có người công chính nào cả,
Và ngạc nhiên vì không ai khẩn cầu.
Ngài dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến;
Với sự công chính của Ngài hỗ trợ.
17 Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính,
Đội mão cứu rỗi trên đầu;
Mặc áo bằng sự báo thù,
Khoác trên mình áo choàng của lòng sốt sắng.

18 Ngài báo trả cho mỗi người tùy việc họ làm:
Sự thịnh nộ cho kẻ đối địch với Ngài, và sự báo oán cho các kẻ thù;
Ngài sẽ báo trả các hải đảo.
19 Từ phương tây, người ta kính sợ danh Đức Giê-hô-va,
Từ phương đông, họ tôn kính vinh quang Ngài;
Vì Ngài sẽ đến như dòng sông chảy xiết,
Bởi hơi thở Đức Giê-hô-va đùa nó đi.
20 "Đấng Cứu Chuộc sẽ đến Si-ôn,
Đến cùng những người thuộc về Gia-cốp đã từ bỏ tội lỗi,"
Đức Giê-hô-va phán vậy.

59:9-11 Những câu này mô tả về hậu quả của những tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 59:3-8).

1. Công lý rời xa chúng ta
2. Sự công chính cũng không bắt kịp chúng ta
3. trông mong ánh sáng mà chỉ thấy bóng tối
4. Trông mong sự chói sáng mà bước đi trong tối tăm
5. mò mẫm dọc theo tường như người mù (BDB 178, KB 206, *Piel* THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO, hai lần, Phục Truyền 28:29; Giê-rê-mi 13:16; A-mốt 5:18,20)
6. rên xiết như con gấu
7. rên rỉ như tiếng gù của chim bồ câu (NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI và THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ của cùng một từ gốc)
8. trông đợi công lý mà nó không đến
9. Trông đợi sự cứu thoát mà nó cách xa (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

Điểm số 6 chính là một ẩn dụ, được tìm thấy duy nhất ở đây trong Cựu Ước. Bản TEV dịch (diễn giải lại) nó và dòng tiếp theo là "chúng ta đã kinh hoàng và cùng quẫn." The NASB Study Bible footnote mô tả nó là "mất bình tĩnh và quẫn trí."

Ẩn dụ trong điểm số 7 được thấy trong Ê-sai 38:14; Ê-xê-chi-ên 7:16; và Na-hum 2:7.

59:10

NASB, NRSV	**"giữa những kẻ tràn đầy sinh lực"**
NKJV, Rotherham	**"trong những nơi hoang vu"**
NJB	**"giữa những kẻ tráng kiện"**
REB	**"trong những nơi cõi âm hoang vu"**
JPSOA	**"giữa những người khỏe mạnh"**
JPSOA footnote	**"Giữa ban ngày"**
LXX, Peshitta	**"họ sẽ rên siết"**

Bản MT có một GIỚI TỪ và một DANH TỪ (BDB 1032, KB 96). Từ gốc này có thể có nghĩa là

1. Sức khỏe tráng kiện
2. Vùng đất màu mỡ
3. ở giữa những người cứng cáp (chỉ ở đây)
4. những nơi hoang vu (Ô-sê 14:1 ước đoán từ BDB 79), KB 96 đề nghị là "nghĩa địa." Rõ ràng từ trong tiếng Hê-bơ-rơ là rất mập mờ. JPSOA footnote hiệu đính là phù hợp nhất sự song hành với câu 10.

59:12 Câu 12 mô tả về tình trạng thuộc linh hiện tại.

1. Sự vi phạm của Y-sơ-ra-ên được nhân lên trước ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. Những tội lỗi của Y-sơ-ra-ên làm chứng chống lại họ
3. Những sự vi phạm của Y-sơ-ra-ên được trình ra cùng với họ
4. Y-sơ-ra-ên biết tội của cô ta

Hãy chú ý rằng Ê-sai, cũng giống như Ê-xơ-ra, đã xưng nhận tội lỗi của tập thể cùng với tuyển dân giao ước (Ê-xơ-ra 9:6-7). Đây cũng là những gì mà Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đã làm trong ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16). Có một gánh nặng tập thể kèm với những hậu quả, cũng như là những tội lỗi cá nhân và hậu quả của nó!

59:13 Câu 13 mô tả về những tội lỗi.

1. Vi phạm (phản loạn) – BDB 833, KB 981, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI
2. chối bỏ Đức Giê-hô-va – BDB 471, KB 469, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI
3. Quay lưng không theo Đức Chúa Trời – BDB 690, KB 744, *Niphal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI
4. nói điều bạo ngược và phản loạn – BDB 180, KB 210, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI
5. cưu mang trong lòng những lời dối trá – BDB 247, KB 255, *Poel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI
6. Thốt ra những lời dối trá đã cưu mang trong lòng – BDB 211, KB 237, *Poel* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI

Chú ý cách mà tác giả đã sử dụng một cách rất nghệ thuật những NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI trong Ê-sai 59:4 và 13! Những dòng dõi vô tín của Áp-ra-ham đã bày tỏ khuynh hướng thật của họ (ích kỷ, tập chú vào chính mình) bởi đời sống của họ (Tít 1:16). Họ nói về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nhưng sống cho chính mình (Ê-sai 6:9-10; 29:13).

59:14-15a Những hậu quả của tình trạng bội nghịch thuộc linh cách cố ý của họ là gì?

1. Công lý bị đẩy lui
2. Sự công chính đứng cách xa
3. chân lý vấp ngã giữa quảng trường
4. sự ngay thẳng không thể vào được
5. chân lý đã không còn

Chú ý sự nhân hóa! Kẻ cố gắng để trở nên công chính lại trở thành mục tiêu và con mồi cho những kẻ tội lỗi!

Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị và Sự Cai Trị của Em-ma-nu-ên (Special Topic: Immanuel's Person and Reign)

59:15b-16b Y-sơ-ra-ên, tuyển dân giao ước, đã là phương tiện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để bày tỏ chính mình Ngài cho thế giới. Họ đã thất bại một cách khốn khổ.

1. Những hành động và thái độ của họ đều không được hài lòng
2. Không có công lý
3. Không có người công chính nào cả
4. Chẳng có ai cầu thay (Ê-xê-chi-ên 22:30)

Bởi vì vậy, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phải chính mình Ngài hành động. Điều này tương tự về mặt thần học với Ê-xê-chi-ên 36:22-38, vốn mô tả về "giao ước mới" của Giê-rê-mi 31:31-34.
Chú ý rằng vị tiên tri nói về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Ê-sai 59:15b-20. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán cho chính Ngài trong Ê-sai 59:21.

59:16a-b Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Cầu Thay (Special Topic: Intercessory Prayer)

59:16c-d Trong ánh sáng của khả năng nhân loại sa ngã (ngay cả giao ước của con người) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chọn để hành động.

1. Cánh tay ngài mang sự cứu rỗi cho chính Người, Ê-sai 52:10; 63:5
2. Sự công chính của Ngài nâng dỡ Người

Ai là "Người"? Trong văn mạch ở đây có thể nó chính là Tôi Tớ Chịu Khổ (Đấng Mê-si) Hoặc tiên tri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai).

59:17 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả như một "chiến binh" chuẩn bị cho chiến trận. Câu Kinh Thánh này chính là nền tảng Cựu Ước được Phao-lô sử dụng hình ảnh quân sự này trong Ê-phê-sô 6:10-17.

1. Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính
2. Đội mão cứu rỗi trên đầu
3. Mặc áo bằng sự báo thù
4. Khoác trên mình áo choàng của lòng sốt sắng

59:18 "Ngài báo trả cho mỗi người tùy việc họ làm" Đây là một lẽ thật được nhắc đi nhắc lại trong Kinh Thánh.

1. Gióp 34:11
2. Thi Thiên 28:4; 62:12

3. Châm ngôn 24:12
4. Truyền Đạo 12:14
5. Giê-rê-mi 17:10; 32:19
6. Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46
7. Rô-ma 2:6; 14:12
8. 1 Cô-rinh-tô 3:8; 2 Cô-rinh-tô 5:10
9. Ga-la-ti 6:7-10
10. 2 Ti-mô-thê 4:14
11. 1 Phi-e-rơ 1:17
12. Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12

Toàn thể nhân loại gặt những gì họ đã gieo! Có những hậu quả cho sự chọn lựa và hành động mà chúng đi theo chúng ta xuyên suốt qua thời gian. Cảm tạ Đức Chúa Trời cho sự tha thứ thiên thượng và sự lãng quên của Ngài!

▣ **"các hải đảo"** Từ này (BDB 15 I) được sử dụng khá thường xuyên tron phần này của Ê-sai (Ê-sai 40:15; 41:1,5; 42:4,10,12,15; 49:1; 51:5; 59:18; 60:9; 66:19. Nó được sử dụng khá thường xuyên trong nghĩa của những dân tộc khác hoặc những dân Ngoại.

59:19-20 Mục đích của sự ban thưởng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 168) chính là cho sự cứu chuộc (ví dụ, sự kính sợ danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA). Một Đấng Cứu Chuộc (Ê-sai 41:14; 43:1; 44:22) xuất thân từ Y-sơ-ra-ên the Đấng Mê-si). Ngài đến cho tất cả ai những ai "quay lại" (BDB 996, KB1427, *Qal* PHÂN TỪ, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn trong Cựu Ước (Special Topic: Repentance in the OT)).

Trong Tân ước văn mạch gặp khó khăn với sự vô tín và sự bội nghịch của người Do Thái trong Rô-ma 9-11. Phao-lô sử dụng Ê-sai 59:20 và Ê-sai 11:26-27. Tôi tin rằng Rô-ma 3:21-31; 9-10; Ga-la-ti 3; và sách Hê-bơ-rơ là một trong những phần kinh thánh Tân Ước giúp có thể hiểu Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới đã phân tách và nhập lại cùng với nhau như thế nào!

59:19 "danh của Đức Giê-hô-va" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh Xưng" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (NASB UPDATED):59:21
[21] Đức Giê-hô-va phán: "Về phần Ta, đây là giao ước Ta lập với họ: 'Thần Ta ở trên các con, và những lời Ta đã đặt nơi miệng các con sẽ không rời khỏi miệng các con, miệng của dòng dõi các con, và miệng dòng dõi của dòng dõi các con, từ nay cho đến đời đời!'" Đức Giê-hô-va phán vậy.

59:21 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán ("về phần Ta") với Y-sơ-ra-ên (hoặc dòng dõi đức tin thuộc linh của Áp-ra-ham, Rô-ma 2:28-29; 9:6; Ga-la-ti 6:16). Ngài đã hứa ban

1. Thánh Linh của Ngài (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Thần Linh (Special Topic: Personhood of the Spirit))
2. Sự mặc khải của Ngài
3. Sự ảnh hưởng của Ngài trên các thế hệ

▣ **"từ nay cho đến đời đời"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi ('olam) (Special Topic: Forever ('olam)). Một trong những sách rất yêu thích của tôi về giải nghĩa các sách tiên tri chính là quyển được viết bởi D. Brent Sandy, *Plowshares and Pruning Hooks*. Ông có một bài viết về việc sử dụng theo nghĩa bóng của từ "đời đời" rất hay, hãy xem trang 99-101. Ông cho rằng nó thường được sử dụng để gia tăng ý nghĩa của ĐỘNG TỪ mà nó bổ nghĩa."

Ê-SAI 60

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Một Si-ôn Được Vinh Danh	Những Dân Ngoại Chúc Phước Trên Si-ôn	Sự Phục Hồi của Giê-ru-sa-lem Vinh Hiển	Tương Lai Vinh Hiển củaGiê-ru-sa-lem	Sự Chói Sáng của Giê-ru-sa-lem
60:1-3 (1-3)	60:1-3 (1-3)	60:1-3 (1-3)	60:1-3 (1-3)	60:1-11 (1-11)
60:4-9 (4-9)	60:4-7 (4-7)	60:4-16 (4-16)	60:4-5 (4-5)	
			60:6-7 (6-7)	
	60:8-9 (8-9)		60:8-9 (8-9)	
60:10-14 (10-14)	60:10-12 (10-12)		60:10-12 (10-12)	
				60:12 (12)
	60:13-14 (13-14)		60:13-14 (13-14)	60:13-18 (13-18)
60:15-22 (15-22)	60:15-16 (15-16)		60:15-16 (15-16)	
	60:17-18 (17-18)	60:17-22 (17-22)	60:17-18 (17-18)	
	Đức Chúa Trời Sự Vinh Hiển Của Dân Sự Ngài			
	60:19-22 (19-22)		60:19-22 (19-22)	60:19-22 (19-22)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Có một sự thay đổi hoàn toàn trong giọng điệu giữa Ê-sai 59 và Ê-sai 60-62.

B. Ê-sai 60-62 hình thành một đơn vị bày tỏ về tương lại vinh hiển của dân sự của Đức Chúa Trời trong một sự mô tả về sự phục hồi của Giê-ru-sa-lem.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 60:1-3

[1] Hãy đứng lên và tỏa sáng ra! Vì ánh sáng ngươi đã đến,
Và vinh quang Đức Giê-hô-va đã chiếu sáng trên ngươi.
[2] Nầy, bóng tối bao trùm mặt đất,
Mây mù che phủ các dân;
Nhưng Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên ngươi,
Vinh quang Ngài hiện ra trên ngươi.
[3] Các nước sẽ tìm đến ánh sáng ngươi,
Các vua sẽ hướng về ánh bình minh rực rỡ của ngươi.

60:1 "Hãy đứng lên, tỏa sáng ra" Hai *Qal* THỂ MỆNH LỆNH khẩn nài dân sự giao ước hãy trở nên những gì họ đã được kêu gọi để trở thành cho chính họ và cho toàn bộ thế giới.

Ánh sáng chính là một ẩn dụ lặp đi lặp lại trong đoạn này để mô tả về:

1. Sự hiện diện của Đức Chúa Trời, Ê-sai 60:1,2,9-20; Khải Huyền 21:23; 22:5
2. Sự thánh khiết thuộc linh, Ê-sai 60:1,3,5,21; 62:1
3. Một ẩn dụ lặp lại trong Ê-sai (Ê-sai 9:2; 58:8; 59:9)

▣ **"vì ánh sáng người đã đến"** Chủ đề của Ê-sai 60:1-22 chính là "Si-ôn" (Ê-sai 60:14), vốn là biểu tượng cho dân sự của Đức Chúa Trời.

ĐỘNG TỪ phổ biến "đến" (BDB 97, KB 112) được sử dụng một vài lần trong đoạn Kinh Thánh này.

1. Đã đến – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:1
2. Đến – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:4
3. Sẽ đến – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:4
4. Sẽ đến – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:5
5. Sẽ đến – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:6
6. Sẽ mang đến – *Hiphil* NGUYÊN MẪU GHÉP, Ê-sai 60:6
7. Sẽ mang đến – giống với #6, Ê-sai 60:11
8. Sẽ đến – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:13
9. Sẽ đến – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, hai lần, Ê-sai 60:17
10. Cũng giống như mục #9
11. Sẽ thiết lập– *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 60:20

Hãy nhớ rằng yếu tố thời gian không nằm trong ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ nhưng trong cách sử dụng nó trong văn mạch.

▣ **"sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va"** Cụm từ này song hành với "ánh sáng" trong dòng 1. Nó được sử dụng trong những chỗ khác trong Ê-sai trong sự liên hệ đến sự sáng/ những nguồn sáng (Ê-sai 24:23; 58:8) và sự thịnh vượng dư dật trong nông nghiệp (Ê-sai 35:2; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Hiển (Từ Cưu Ước *kabod* (Special Topic: Glory (OT *kabod*))).

Từ Hê-bơ-rơ dùng cho "vinh hiển" (BDB 458), bởi vì sự liên hệ của nó với đám mây vinh hiển *Shekinah* (Xuất 13:2122; 14:19,20,24; 19:16-18; 20:21), là biểu tượng cho sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với dân Y-sơ-ra-ên trong suốt thời kỳ của Cuộc Xuất Hành. Ngọn lửa và sự chiếu sáng được liên hệ với sự hiện đến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại ngọn núi Sinai (Xuất 19-20), quá sáng chói đã trở nên một khía cạnh của "sự vinh hiển."

60:2 Câu này có một vài ngụ ý chỉ đến sự tối tăm vật lý của Sáng Thế Ký 1:1-2 hoặc Xuất 10:21-23 hoặc ngay cả Ê-sai 9:2, và sự tăm tối thuộc linh gây ra bởi tội lỗi. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ không cho phép sự tối tăm của Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3), vốn bao trùm toàn bộ nhân loại, có thể tiếp tục tồn tại. Ánh sáng của sự mặc khải và cứu chuộc Ngài sẽ dấy lên (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 280, KB 281).

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Sa Ngã (Special Topic: The Fall)

60:3 "Các nước sẽ tìm đến ánh sáng ngươi" Thật rõ ràng rằng mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên chính là mang cả thế giới đến với Ngài (Ê-sai 61:6,11b; 62:2,11; Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:5-6).

Ở giữa tất cả các tiên khi khác, với một sự ngoại trừ có thể của Mi-chê và Giô-na, chính Ê-sai là người đã nhìn thấy sự ngụ ý toàn cầu của

1. Đức tin độc thần (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism))
2. Các Lời Hứa Tổ Phụ Cựu Ước (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Giao Ước Lời Hứa dành cho Các Tổ Phụ (Special Topic: Covenant Promises to the Patriarchs))
3. Mục đích truyền giáo của Y-sơ-ra-ên

Hãy chú ý Ê-sai 2:3; 45:14,22-25; 49:23. Đây chắc chắn là sự báo trước của Giăng 3:16 (Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:5); 4:42; 1 Ti-mô-thê 2:4; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:1; 4:14. Tân Ước, đi theo sự dạy dỗ của Chúa Jesus, toàn cầu hóa những lời hứa Cựu Ước dành cho Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:5), cho toàn bộ thế giới (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8).

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 60:4-9

[4] Hãy ngước mắt lên nhìn chung quanh;
Tất cả họ họp nhau lại, kéo đến ngươi.
Các con trai ngươi sẽ đến từ nơi xa,
Các con gái ngươi sẽ được bồng ẵm bên hông.
[5] Bấy giờ, ngươi sẽ thấy và được rạng rỡ,
Lòng ngươi vừa run sợ vừa rộng mở,
Vì sự phong phú của biển cả sẽ đổ về ngươi,
Sự giàu có của các nước sẽ đến với ngươi.
[6] Vô số lạc đà sẽ bao phủ xứ ngươi,
Kể cả lạc đà tơ của xứ Ma-đi-an và Ê-pha;
Tất cả những người từ Sê-ba sẽ đến.
Họ đem theo vàng với trầm hương,
Và dâng lời ca ngợi Đức Giê-hô-va.
[7] Tất cả bầy súc vật của Kê-đa sẽ được tập trung nơi ngươi,
Các chiên đực của Nê-ba-giốt sẽ được dùng làm tế lễ
Để ngươi dâng lên bàn thờ Ta, một tế lễ đẹp lòng Ta;
Và Ta sẽ làm cho nhà vinh quang của Ta càng thêm vinh quang.
[8] Những người nầy là ai mà bay như mây,
Như chim bồ câu bay về tổ?
[9] Các hải đảo chắc chắn sẽ trông đợi Ta;
Đoàn tàu Ta-rê-si trước hết sẽ đem con cái ngươi từ xứ xa về,
Cùng với bạc vàng của họ,
Để tôn vinh danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
Vì Ngài đã làm cho ngươi được vinh hiển.

60:4 "ngước mắt lên. .nhìn" Hai *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (Ê-sai 49:18; Giăng 4:35). Những THỂ MỆNH LỆNH thường bắt đầu một khổ thơ mới.

▣ **"Các con trai ngươi sẽ đến từ nơi xa"** Trong những đoạn 60-62, có hai dấu chỉ lai thế học chính yếu nói về sự di chuyển.

1. Dân sự của Đức Chúa Trời sẽ trở về với quê cha đất tổ của họ, được biểu tượng bằng thành Giê-ru-sa-lem
2. Các dân tộc, thay vì mang những kẻ phu tù Do Thái và trục xuất họ, sẽ hòa nhập vào dân sự của Đức Chúa Trời cùng với những lễ vật và sự ngợi khen

60:5 Như một kết quả của sự "nhìn thấy" của một dân sự ăn năn của Đức Chúa Trời (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 906, KB 1157), hãy chú ý những kết quả được đề cập đến của việc nhìn thấy ánh sáng của Đức Chúa Trời (Ê-sai 60:1,4,19,20).

1. Được rạng rỡ – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 626, KB 676
2. Run sợ (nguyên văn run rẩy) – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 808, KB 922
3. Hân hoan – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 931, KB 1210; hãy xem bài viết dưới đây

Lý do cho sự hy vọng và niềm vui này chính là những hành động ân điển của Đức Chúa Trời.

1. sự phong phú của biển cả sẽ đổ về ngươi (tài sản của những dân tộc sống gần biển)
2. Sự giàu có của các nước sẽ đến với ngươi (Ê-sai 60:6-7,11; 61:6)

Những dòng song hành này mô tả về sự biết ơn của các dân tộc đối với Y-sơ-ra-ên

1. Đã bày tỏ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. Đã mang sự hiện diện thật sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến với trái đất
3. Mở một con đường cho sự bao gộp dành cho họ vào gia đình giao ước của Đức Chúa Trời (Ê-sai 56:7)

60:5b

NASB, NRSV, Peshitta	**"hân hoan"**
NKJV, TEV	**"với niềm vui"**
NJB	**"mở rộng"**
REB	**"với sự vui mừng"**
JPSOA	**"run lên"**

Bản MT có hai *Qal* ĐỘNG TỪ THỂ HOÀN THÀNH song hành với nhau.

1. BDB 808, KB 922, "trong sự kinh sợ"
2. BDB 931, KB 931, "trở nên rộng rãi" hoặc "rộng lớn"

Dòng thứ hai là một thành ngữ Hê-bơ-rơ. Nó chỉ đến sự phấn khích của một con bê được thả từ một chỗ quây nhỏ ra một đồng cỏ rộng lớn xanh tươi. Niềm vui có thể được diễn tả với cùng một gốc từ Hê-bơ-rơ tương tự (BDB 923), nhưng UBS Text Project, trang 153, đánh giá cách dùng từ của bản MT một điểm "C" (nghi ngờ đáng kể). Tuy nhiên, ý nghĩa của dòng thơ là giống nhau.

60:6 " (sẽ mang tin lành của những sự) ca ngợi Đức Giê-hô-va" ĐỘNG TỪ này (*Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 142, KB 163) chỉ về một hành động ân điển của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên và toàn bộ các dân tộc (Ê-sai 40:9-10; 41:27; 42:10-13; 52:7). Lẽ nào đây không phải là tin gây kinh ngạc khi nghe về những dân tộc ngoại đạo thờ phượng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên? Đây rõ ràng là mục tiêu thần học của đức tin độc thần (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)). Có một Đức Chúa Trời và toàn bộ nhân loại đã được dựng nên trong hình ảnh và sự giống như Ngài (Sáng Thế Ký 1:26-27) cho mối quan hệ (sự chỉ đến Sáng Thế Ký 3:8; Lê-vi Ký 26:12). Lời hứa của Sáng Thế Ký 3:15 dành cho toàn bộ nhân loại và niềm hy vọng của những phước hạnh giao ước dành cho những gia tộc trên đất trong Sáng Thế Ký 12:3 đã đến để kết quả.

60:7 "Nê-ba-giốt" Từ này chỉ về những bộ tộc Ả-rập, cũng như cụm từ song hành, "bầy súc vật của Kê-ba". Bộ tộc này được nhắc đến trong Sáng Thế Ký 25:13. Họ được gọi là người Nê-ba-giốt bởi người Hy Lạp và người La Mã.

60:8 "Những người nầy là ai mà bay như mây, Như chim bồ câu bay về tổ"
Câu này chỉ về những cánh buồm của những con thuyền từ phía chân trời quay trở về với Giê-ru-sa-lem đã được làm mới và phục hồi (Ê-sai 60:9).

60:9 "Các hải đảo chắc chắn sẽ trông đợi Ta" Từ "các vùng duyên hải" (hoặc "các hải đảo") được sử dụng trong phần này của Ê-sai như một ẩn dụ để chỉ về tất cả mọi Dân Ngoại.

ĐỘNG TỪ "trông đợi" (*Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 875, KB 1082) thường được sử dụng cho sự tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 8:17; 25:9; 26:8; 33:2).

Chú ý cách nó được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Ê-sai 30:18!

▣ "Đoàn tàu Ta-rê-si" Ta-rê-si có thể chỉ đến

1. Phía nam Tây Ban Nha
2. Sardinia
3. Một cách sử dụng thành ngữ để chỉ về cùng trời cuối đất

Chủ Đề Đặc Biệt: Ta-rê-si (Special Topic: Tarshish)

▣ Chú ý những danh xưng giao ước được dùng cho Đấng Thánh (cũng hãy chú ý Ê-sai 60:14,16).

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc)
2. *Elohim* (Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo và chu cấp)
3. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (Đức Chúa Trời giao ước)

Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh, phần C và D (Special Topic: Names for Deity, C. and D)

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh (Special Topic: The Holy One)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 60:10-14

[10] Dân ngoại sẽ xây lại tường thành ngươi,
Các vua của họ sẽ phục vụ ngươi.
Vì trong cơn tức giận, Ta đã đánh ngươi,
Nhưng nay Ta lại thương xót ngươi theo ân huệ của Ta.
[11] Các cổng thành của ngươi sẽ luôn luôn mở,
Cả ngày lẫn đêm đều không đóng lại,
Để người ta đem của cải các nước đến cho ngươi;
Và dẫn các vua của họ về làm tù binh.
[12] Vì dân tộc nào và vương quốc nào
Không thần phục ngươi sẽ bị diệt vong;
Những dân tộc ấy sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn.
[13] Cây tùng, cây sam, cây bách là vinh quang của Li-ban,
Cũng sẽ được đem đến cho ngươi
Để trang hoàng đền thánh Ta;
Ta sẽ làm cho chỗ Ta đặt chân được vẻ vang.
[14] Con cái những kẻ áp bức ngươi
Sẽ cúi đầu đến cùng ngươi,
Mọi kẻ khinh dể ngươi
Sẽ quỳ dưới chân ngươi.
Chúng sẽ gọi ngươi là Thành của Đức Giê-hô-va,
Là Si-ôn của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên.

60:10 "Vì trong cơn tức giận, Ta đã đánh ngươi,
Nhưng nay Ta lại thương xót ngươi theo ân huệ của Ta"

Ở đây, chúng ta nhìn thấy hai hành động chính yếu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Kinh Thánh: ân điển Ngài (lâu dài, Thi Thiên 103:10-14) và cơn giận Ngài (ngắn ngủi, Ê-sai 57:16; Thi Thiên 103:9). Sự đoán phạt Ngài về bản chất như cha mẹ và có mục đích khiến tạo vật của Ngài quay trở về với Ngài (Rô-ma 1-3; Hê-bơ-rơ 12:1-13).

Chủ Đề Đặc Biệt: Tình Cha của Đức Chúa Trời (Special Topic: The Fatherhood of God)

60:11 **"**Các cổng thành của ngươi sẽ luôn luôn mở**"** Cụm từ này được sử dụng để chỉ về

1. An ninh được đảm bảo
2. Sự sẵn sàng (chào đón) là chắc chắn (Khải Huyền 21:25)

60:12 "Vì dân tộc nào và vương quốc nào không thần phục ngươi sẽ bị diệt vong" Lời cảnh cáo này tương tự với giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 12:3 (Sáng Thế Ký 27:29).

60:13 Câu này nói về sự xây dựng nên một Nơi Thánh (đền thờ) với gỗ xẻ tuyệt đẹp đến từ Li-ban.

▣ **"Để trang hoàng đền thánh Ta;**
Ta sẽ làm cho chỗ Ta đặt chân được vẻ vang"

Hòm Giao Ước và Nơi Chí Thánh biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên trái đất. Người Do Thái hiểu về khoảng không gian giữa hai cánh của *Cherubim* như là bệ chân của Đức Chúa Trời (Thi Thiên 99:5; 132:7); Ngai của Ngài ở trên thiên đàng.

Chủ Đề Đặc Biệt: Hòm Giao Ước (Special Topic: The Ark of the Covenant)

60:14 "Si-ôn" Từ "Si-ôn" (BDB 851) đồng nghĩa với Thành Giê-ru-sa-lem. Đền Thờ được xây trên Ngọn Mô-ri-a, nhưng thành phố rất ít khi được nhắc đến bởi tên này (Ê-sai 62:1).
Chủ Đề Đặc Biệt: Si-ôn (Special Topic: Zion)

Chủ Đề Đặc Biệt: Hai"Thành" trong Ê-sai (Special Topic: The Two "Cities" in Isaiah)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 60:15-22

15 Thay vì lãng quên và ghét bỏ ngươi,
Đến nỗi không ai đi qua nơi ngươi,
Thì Ta sẽ làm cho ngươi cao trọng mãi mãi,
Và là niềm vui cho nhiều thế hệ.
16 Ngươi sẽ hút sữa của các nước,
Bú vú của các vua.
Ngươi sẽ biết rằng Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng Cứu Rỗi ngươi,
Và Đấng Cứu Chuộc ngươi là Đấng Toàn Năng của Gia-cốtrang
17 Ta sẽ ban vàng thay cho đồng,
Ta sẽ ban bạc thay cho sắt,
Đồng thay cho gỗ,
Sắt thay cho đá.
Ta sẽ khiến sự bình an trông nom ngươi
Và sự công chính cai quản ngươi.
18 Xứ sở ngươi sẽ không còn nghe nói đến chuyện hung bạo,
Lãnh thổ ngươi cũng không còn cảnh hoang tàn đổ nát.
Ngươi sẽ gọi tường thành của mình là "Sự Cứu Rỗi",
Và gọi các cổng thành mình là "Sự Ca Ngợi."
19 Ngươi sẽ không còn nhờ mặt trời
Soi sáng ban ngày,
Và cũng chẳng còn nhờ mặt trăng
Chiếu sáng ban đêm;
Vì Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời cho ngươi,
Đức Chúa Trời ngươi sẽ là vinh quang của ngươi.
20 Mặt trời của ngươi không còn lặn nữa,
Mặt trăng cũng chẳng còn khuyết;
Vì Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời cho ngươi,
Những ngày sầu thảm của ngươi đã chấm dứt.
21 Tất cả dân ngươi sẽ là công chính,
Và họ sẽ hưởng đất nầy đời đời.
Họ là mầm non chính Ta đã trồng,
Là công việc tay Ta làm để Ta được vinh quang.
22 Người nhỏ nhất sẽ có nghìn con cháu,
Người hèn yếu nhất sẽ trở nên một dân hùng mạnh.
Chính Ta là Đức Giê-hô-va,
Ta sẽ nhanh chóng thực hiện điều ấy đúng kỳ!

60:15-22 Đoạn Kinh Thánh này rất giống với Khải Huyền 21:1-27, vốn mô tả về "Giê-ru-sa-lem Mới." Có hai luồng ý kiến chính về mối liên hệ giữa những lời hứa Cựu Ước với Tân Ước:

1. Chúng có mục đích được hiểu theo nghĩa đen và Giê-ru-sa-lem sẽ được tái xây dựng với đền thờ sinh tế trung tâm, ví dụ, Thuyết tiền thiên hy niên theo định kỳ (tiền thiên hy niên giai đoạn thần thị- dispensational premillennialism).
2. Những đoạn này theo nghĩa bóng để chỉ về hội thánh và sự quan trọng của chúng được nắm bắt trong Tân Ước như một dân mới của Đức Chúa Trời, ví dụ, thuyết vô thiên hy niên (amillennialism).

Cùng một sự mơ hồ có thể thấy trong Ê-sai 61:6, nơi mà Y-sơ-ra-ên được chỉ đến như "những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va" (Xuất 19:6 "một sự hiểu biết của những thầy tế lễ"). Nhưng cùng những từ này được sử dụng trong 1

Phi-e-rơ 2:5,9 và Khải Huyền 1:6 để mô tả về hội thánh. Mục đích của Y-sơ-ra-ên luôn luôn là để mang thế giới đến với Đức Chúa Trời (Ê-sai 62:2,11). Tuy vậy, họ đã thất bại và Đức Chúa Trời đã chọn hội thánh để hoàn tất trách nhiệm này.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tại sao những Lời Hứa Giao Ước Cựu Ước Dường Như Quá Khác Biệt với Những Lời Hứa Tân Ước? (Special Topic: Why Do OT Covenant Promises Seem So Different from NT Covenant Promises?)

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

60:15 "Thay vì lãng quên và ghét bỏ ngươi" Cụm từ này là một thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ đến hôn nhân. Chúng ta có thể thấy cụm từ này được dùng để mô tả về "Lê-a" trong Sáng Thế Ký 29:từ câu 21 trở đi. Cùng một thành ngữ về hôn nhân được tiếp tục trong Ê-sai 62:4-5 và trong Tân Ước về hội thánh trong Ê-phê-sô 5:22-33. "Ghét" là một thành ngữ Hê-bơ-rơ của sự so sánh.

60:17 Đây có lẽ là một sự ngụ ý chỉ về 1 Các Vua 14:26-27 liên hệ đến việc lột khí cụ quý giá bằng kim loại khỏi Đền Thờ để cống nạp cho Ai Cập.

▣ **"Ta sẽ khiến sự bình an trông nom ngươi**
Và sự công chính cai quản ngươi"

Câu này có thể phản ánh về một chính quyền của Đấng Mê-si được nhắc đến trong đoạn 7-14.

60:18 Lời tiên tri này chắc chắn không áp dụng được cho giai đoạn lịch sử kế tiếp của Y-sơ-ra-ên! Điều này có lẽ chỉ về sự biến mất của bạo lực và những nan đề trong Thời Đại Của Đấng Mê-si.

▣ **"sự cứu rỗi"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

60:19-20 Giăng sử dụng hình ảnh này trong Khải Huyền 21:23; 22:5. Sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là ánh sáng thật (Ê-sai 2:5; 9:2; 60:1-2)!

60:20 "Những ngày sầu thảm của ngươi đã chấm dứt" Một ngày mới đã/ sẽ ló rạng, Ê-sai 35:10; 65:19; Khải Huyền 21:4.

60:21 "Tất cả dân ngươi sẽ là công chính" Phước hạnh của Đức Chúa Trời sẽ đến chỉ khi dân sự ăn năn (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự ăn năn (Cựu Ước) (Special Topic: Repentance (OT)). Ngài, chính Ngài, sẽ chu cấp một tấm lòng mới và một tâm trí mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

Loại lời hứa này chính là nguồn gốc của một sự tranh luận thần học về sự tể trị quyền năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do. Loài người sa ngã có thể làm gì về phía sự cứu rỗi của chính họ không hay là tất cả (đức tin, sự ăn năn) đều là một món quà từ Đức Chúa Trời (Công Vụ 5:31; 11:18; 2 Ti-mô-thê 2:25). Những phần Kinh Thánh khác chỉ đến một sự giảng dạy đưa con người đến sự ăn năn (ví dụ, ý chí tự do đáp ứng với một sự mời gọi Thiên Thượng, Ma-thi-ơ 3:8; Lu-ca 3:8; Giăng 1:12; Công Vụ 2:38; v.v…). bằng một cách nào đó, cả hai đều đúng theo Kinh Thánh! Đây là một vấn đề của phương tây với một nghịch lý đông phương!

▣ **"Họ sẽ hưởng đất này đời đời"** Câu này có thể là một sự chỉ đến Sáng Thế Ký 17:8. Từ "đời đời" là một vấn đề giải kinh.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))

▣ **"mầm non chính Ta đã trồng"** Cùng một ẩn dụ được sử dụng trong Ê-sai 61:3. Nó có vẻ phản ánh Thi Thiên 1, nhưng cũng được nhìn thấy trong Ê-sai 11:1. Cựu Ước sử dụng rất nhiều những ẩn dụ trong nông nghiệp.

Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Jesus người Na-xa-rét (Special Topic: Jesus the Nazarene)

60:22 "chi tộc (hàng nghìn)" Từ này có thể có nghĩa là "hàng nghìn." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hàng nghìn (*eleph*) (Special Topic: Thousand (*eleph*))

▣ **"Ta là Đức Giê-hô-va, Ta sẽ nhanh chóng thực hiện điều ấy đúng kỳ"** Lịch sử ở trong tay của Đức Chúa Trời (Ê-sai 45:23; 61:11).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao đoạn này có rất nhiều những ẩn dụ để mô tả về "sự tươi sáng" hoặc "ánh sáng"?
2. Có một sự phục hồi dành cho người Do Thái không hay điều nay chỉ đến Thời Đại của Đấng Mê-si?
3. Tại sao Dân Ngoại lại hòa nhập trôi chảy vào Giê-ru-sa-lem?
4. Mối liên hệ giữa Ê-sai 60:15-22 và sách Khải Huyền là gì?

Ê-SAI 61

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Tôn Cao của Đấng Chịu Khổ	Tin Lành của Sự Cứu Rỗi	Sứ Mệnh của Si-ôn	Sự Giải Cứu của Tin Lành	Sứ Mệnh của Một Nhà Tiên Tri
			(61:1-62:12)	
61:1-3 (1-3)	61:1-3 (1-3)	61:1-4 (1-4)	61:1-4 (1-4)	61:1-9 (1-9)
61:4-9 (4-9)	61:4-7 (4-7)			
		61:5-7 (5-7)	61:5-7 (5-7)	
	61:8-9 (8-9)	61:8-11 (8-11)	61:8-9 (8-9)	Sự Tạ Ơn
61:10-11 (10-11)	61:10-11 (10-11)		61:10-11 (10-11)	61:10-11 (10-11)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Ê-sai 60 mô tả về kết quả cuối cùng, trong khi Ê-sai 61 mô tả về phương cách của những phước hạnh của Đức Chúa Trời.

B. Chúa Jesus sử dụng chính đoạn này để nói về chính mình Ngài trong Lu-ca 4:16-21; 7:18-23. Bởi vì lý do đó, đoạn này chắc chắn phải nói về Đấng Mê-si (Tôi Tớ).

C. Thần Linh của Đức Giê-hô-va ở đây rõ ràng tương tự với (hình bóng chỉ trước về) Thánh Linh của Tân Ước trong nghĩa tam vị nhất thể của Tân Ước.

1. Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)
2. Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Special Topic: The Trinity)
3. Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Đức Thánh Linh (Special Topic: The Personhood of the Spirit)

D. Rõ ràng đây chính là ví dụ của một tình huống lịch sử cục bộ về đời sống của Y-sơ-ra-ên được sử dụng để mô tả về những sự kiện trong tương lai về Đấng Mê-si (kiểu hình luận (typology)). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si (Special Topic: Messiah).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 61:1-3

[1] Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên Ta,
Vì Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho Ta
Để giảng tin lành cho người nghèo.
Ngài sai Ta đến để rịt lành những tấm lòng tan vỡ;
Để công bố tự do cho kẻ bị bắt giữ,
Và cho những người bị cầm tù được ra khỏi ngục;
[2] Để công bố năm thi ân của Đức Giê-hô-va,
Và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta;
Để an ủi mọi kẻ khóc than;
[3] Để ban mão hoa cho những kẻ khóc than ở Si-ôn
Thay vì tro bụi,
Ban dầu vui mừng thay vì tang chế,
Ban áo ngợi ca thay vì tâm linh sầu khổ.
Họ sẽ được gọi là cây công chính,
Là cây Đức Giê-hô-va đã trồng để làm vinh hiển Ngài.

61:1-3 Chú ý chuỗi của những NGUYÊN MẪU GHÉP trong Ê-sai 61:1-3 để mô tả về công việc của Đấng Mê-si.

1. Để giảng tin lành cho người nghèo – *Piel*, BDB 142, KB 163
2. Để công bố tự do cho kẻ bị bắt giữ – *Qal*, BDB 894, KB 1128
3. Để công bố năm thi ân của Đức Giê-hô-va – giống như #2
4. Để an ủi mọi kẻ khóc than – *Piel* BDB 636, KB 688
5. Để ban mão hoa cho những kẻ khóc than ở Si-ôn thay vì tro bụi
   a. ban – *Qal*, BDB 962, KB 1321
   b. cho – *Qal* BDB 678, KB 733
6. một NGUYÊN MẪU GHÉP nhưng hướng về Đấng Mê-si, chính mình Ngài – "để làm vinh hiển Ngài" – *Hithpael*, BDB 802, KB 908

61:1 "Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên Ta" Điều này có thể xảy ra cách rõ ràng nhìn thấy được trong cuộc đời của Chúa Jesus tại thời điểm Ngài chịu báp têm (Ê-sai 11:1-2; 42:1; Ma-thi-ơ 3:13-17; Mác 1:9-11; Lu-ca 3:21,22; Giăng 1:31-34), nhưng Thánh Linh luôn luôn ở cùng với Chúa Giê-xu.

Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Đức Thánh Linh (Special Topic: The Personhood of the Spirit)

Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Linh trong Kinh Thánh (Special Topic: Spirit in the Bible)

▣ **"xức dầu"** Đây cùng là một từ có nghĩa là "Đấng Mê-si" (BDB 602, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si (Special Topic: Messiah)) hoặc Đấng Được Xức Dầu. Đây đã là một dấu chỉ về phước hạnh độc nhất của Đức Chúa Trời và công cụ cho một nhiệm vụ (Thi Thiên 23:5). Trong các sách tiên tri Cựu Ước, các thầy tế lễ và các vua đã được xức dầu như hành động biểu tượng của sự hiện diện độc nhất của Đức Chúa Trời và sự kêu gọi trên đời sống của họ. Từ đó, John Calvin đã suy ra phạm trù ba mặt để mô tả về chức vụ của Đấng Christ là tiên tri, thầy tế lễ và Ngài là vua (Hê-bơ-rơ 1:2-3).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Xức Dầu Trong Kinh Thánh (Special Topic: Anointing in the Bible)(BDB 603)

▣ **"Để giảng tin lành cho người nghèo"** Thông điệp của The Đấng Mê-si sẽ trở thành một niềm hy vọng và sự tha thứ cho những người bị ruồng bỏ, kỳ thị và áp bức xã hội (Ê-sai 35:5-6).

61:2 "năm thi ân của Đức Giê-hô-va" Đây là một sự chỉ đến năm Hoan Hỷ (Lê-vi Ký 25:10). Đây là một năm của sự phóng thích tất cả các món nợ và trả lại tất cả đất đai cho người chủ đầu tiên trong mỗi năm mươi năm. Không có một ví dụ nào trong Cựu Ước răng điều này đã được thực hiện bao giờ chưa trong Cựu Ước.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những kỳ lễ của Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Feasts of Israel (BDB 603))

▣ **"Và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta"** Rất quan trọng cần chú ý rằng năm thi ân và ngày báo thù xảy ra trong cùng một năm. Đối với những người biết Đức Chúa Trời qua Đấng Mê-si, nó là một ngày của phần thưởng. Đối với những kẻ không biết Đấng Christ của chúng ta, nó là một ngày của sự đoán phạt và nỗi sầu thảm kinh khủng. Phải có một tin dữ trước khi có tin lành! (Rô-ma 1-3).

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự đoán phạt trong Tân Ước (Special Topic: Judgment in the NT)

▣ **"an ủi"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự An Ủi (Special Topic: Comfort)

61:3 Hãy chú ý sự tương phản ("thay vì").

1. Mão hoa thay vì tro bụi
2. Dầu vui mừng thay cho than khóc
3. Ban áo ngợi ca thay vì tâm linh sầu khổ

Cũng hãy chú ý sự tương phản tương tự trong Ê-sai 61:7.

1. Hưởng gấp đôi thay vì xấu hổ
2. Vui mừng thay vì sự nhục nhã

▣ **"mão hoa. . .tro bụi"** Đây là những ví dụ của những loại vật dụng được đặt lên đầu (Ê-xê-chi-ên 24:17).

▣ **"dầu vui mừng"** Người cổ đại thiếu sự trang bị cho việc trang điểm, vì vậy, để chuẩn bị chính mình cho những thời điểm vui mừng và lễ hội, họ xức cho mình bằng dầu ô-liu (Thi Thiên 45:7).

▣ **"áo ngợi ca"** Ở đây là một ví dụ Cựu Ước của quần áo được sử dụng như một ẩn dụ cho thái độ và vị thế thuộc linh.

▣ **"cây công chính. . . cây Đức Giê-hô-va đã trồng"** Trong Thi 1 nó chỉ về sự khởi hoạt của tình yêu của Đức Chúa Trời và sự tiếp tục hỗ trợ và chu cấp (Giê-rê-mi 17:7-8). Ở đây nó chỉ về Đấng Mê-si (Ê-sai 60:1-2).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 61:4-9

[4] Họ sẽ xây lại các nơi đổ nát ngày xưa,
Dựng lại các nơi hoang tàn lúc trước;
Trùng tu những thành bị phá hủy,
Là những nơi bị bỏ hoang từ bao đời.
[5] Những khách lạ sẽ đứng chăn chiên cho các ngươi,
Dân ngoại sẽ làm ruộng và trồng vườn nho cho các ngươi.
[6] Còn các ngươi sẽ được gọi là thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va,
Người ta sẽ gọi các ngươi là đầy tớ của Đức Chúa Trời chúng ta;
Các ngươi sẽ hưởng của cải các nước,
Và thu lấy vinh hoa của chúng.
[7] Thay vì sự xấu hổ, các ngươi sẽ hưởng gấp đôi,
Thay vì nhục nhã, sẽ vui mừng về phần bắt thăm của mình;
Các ngươi sẽ có sản nghiệp gấp đôi trong xứ,
Và được niềm vui bất tận.
[8] Vì Ta, Đức Giê-hô-va, yêu sự chính trực,
Ghét sự trộm cướp và gian tà;
Nên Ta sẽ theo lòng thành tín mà đền bù cho dân Ta,
Và lập giao ước đời đời với họ.
[9] Dòng dõi họ sẽ được biết đến trong các nước,

Con cháu họ sẽ nổi tiếng trong các dân;
Mọi người thấy họ sẽ phải nhìn nhận rằng
Họ là một dòng dõi được Đức Giê-hô-va ban phước.

61:4 "Họ sẽ xây lại các nơi đổ nát ngày xưa" Thật khó cho một người không phải là người Do Thái có thể tưởng tượng ra sự nhấn mạnh tăng cường cảm giác trong sự liên hệ với Đất Hứa (Ê-sai 49:8; 58:12; 60:10).

Câu này có liệt kê ra danh sách những điều mà một người được phóng thích tự do sẽ làm.

1. Xây lại những đống đổ nát ngày xua
2. Dựng lại các nơi hoang tàn lúc trước
3. Trùng tu những thành bị phá hủy

Dòng cuối của Ê-sai 61:4 chỉ ra rằng tác giả đang nói đến những kẻ quay trở về từ sự lưu đày Mê-sô-bô-ta-mi.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))

61:5 Câu 5 tiếp theo chủ đề về những người ngoại sẽ đến với Giê-ru-sa-lem với những món quà và sự phục vụ, để thờ phượng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Bởi sự mặc khải Tân Ước, chúng ta giờ đây biết rằng điều này chỉ đến giao ước mới trong Đấng Christ đã sẵn sàng cho tất cả mọi người thông qua sự ăn năn và đức tin (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21)!

Tôi giải nghĩa những lời hứa Cựu Ước dành cho dân Y-sơ-ra-ên như là những lời tiên tri đa ứng nghiệm. Chúng đã chưa bao giờ được ứng nghiệm trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lỗi và sự phản nghịch của họ. Họ chỉ có thể tìm được sự ứng nghiệm ở trong Đấng Christ.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tại Sao Những Sự Kiện Cuối Rốt (Lai Thế Học) lại quá Gây Tranh Cãi? (Special Topic: Why are End-time Events so Controversial?)

61:6 "các ngươi sẽ được gọi là thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va" Y-sơ-ra-ên lẽ ra đã phải trở thành một dân tộc thầy tế lễ, và giờ đây họ đã trở thành! Phi-e-rơ sử dụng một cụm từ giống y hệt để mô tả về hội thánh trong 1 Phi-e-rơ 2:5,9 (Xuất 19:56-6; cũng hãy xem cách sử dụng Khải Huyền 1:6).

61:7 "gấp đôi" Từ này có vẻ chỉ đến của thừa kế của người con trai trưởng trong hệ thống kế tự của người Y-sơ-ra-ên thời xưa (Phục 21:17). Cũng như Y-sơ-ra-ên đã được gấp đôi sự thạnh nội của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 40:2), giờ đây họ được phần thưởng gấp đôi.

▣ **"niềm vui bất tận (sẽ là của họ)"** Lời hứa tuyệt vời tương tự được tìm thấy trong Thi Thiên 16:11. Câu hỏi là khi nào điều này sẽ xảy ra.

1. Nó đã không xảy ra với những người trở về từ sự lưu đày Mê-sô-bô-ta-mi
2. Nó đã không xảy ra với những người Do Thái dưới thời kỳ Hy Lạp và La Mã
3. Nếu là tương lai thì
    a. Y-sơ-ra-ên sau khi Đấng Mê-si đến
    b. Hội thánh
    c. Thiên hy niên
    d. Vườn Ê-đen được phục hồi

Đây là những câu thơ cổ xưa, được thần cảm! Nó không đề cập đến tất cả các câu hỏi hiện đại. Tốt nhất nên quan tâm đến ý nghĩa trung tâm của khổ thơ và xem nó qua sự mặc khải của Tân Ước!

61:8 "Vì Ta, Đức Giê-hô-va, yêu sự chính trực" ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là một Đấng Thực Hữu luân lý, đạo đức. Ngài yêu cầu tất cả những hành động luân lý, đạo đức từ dân sự Ngài!

Chú ý những đặc tính Ngài đã liệt kê ra.

1. Yêu công lý
2. ghét trôm cướp các của lễ (ví dụ, của lễ thiêu)

Những phần Kinh Thánh tuyệt diệu khác mô tả về đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Xuất 34:6; Dân Số Ký 14:18; Nê-hê-mi 9:17; Thi Thiên 86:15; 103:8-14; 145:89!

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Characteristics of Israel’s God)

▣ **"trong của lễ thiêu"** Bản Bảy Mươi và có lẽ một số sự thay đổi trong bản Masoretic đã dùng "với sự gian tà" (cùng những phụ âm). The UBS Text Project đánh giá cụm từ về tế lễ một điểm "B" (một ít nghi ngờ), trang156.

▣ **"Ta sẽ. . . lập giao ước đời đời với họ"** Người Do Thái liên tục phá vỡ giao ước đầu tiên, như khi đọc 1,2 Các Vua và 1,2 Sử Ký sẽ chỉ ra. Vì điều đó, Đức Chúa Trời cuối cùng đã cho phép Giao Ước chấm dứt (Thần Linh Ngài rời khỏi đền thờ; Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem). Mục đích của sự kết thúc này là sự bắt đầu một giao ước mới với sự quan trọng thậm chí cốt yếu hơn về mặt thuộc linh (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))

Chủ Đề Đặc Biệt: Giao Ước (Special Topic: Covenant)

61:9 Đây là một sự chỉ đến Y-sơ-ra-ên như là một dấu chỉ, một thông điệp (một nguồn sáng, Ê-sai 42:6; 49:6; 51:4; Công Vụ 13:47) về bản tính của Đức Chúa Trời dành cho các dân tộc.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 61:10-11

[10] Ta sẽ rất vui vẻ trong Đức Giê-hô-va,
Linh hồn ta mừng rỡ trong Đức Chúa Trời ta;
Vì Ngài mặc áo cứu rỗi cho ta,
Khoác trên ta áo choàng công chính,
Như chàng rể chỉnh tề khăn áo giống thầy tế lễ,
Như cô dâu trang sức ngọc ngà châu báu.
[11] Vì như đất đai làm cho cây cối mọc lên,
Vườn tược làm cho hạt giống nẩy mầm thể nào,
Thì Chúa Giê-hô-va sẽ làm cho sự công chính nẩy mầm
Và lời ca ngợi trỗi vang trước mặt muôn dân thể ấy.

61:10 "Ta sẽ rất vui vẻ trong Đức Giê-hô-va,
Linh hồn ta mừng rỡ trong Đức Chúa Trời ta"

Câu này có thể chỉ đến hoặc dân sự (Ê-sai 12:1-2; 25:9; 41:16) vui mừng trong sự chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Bản AB cho rằng đoạn này có ba người phát ngôn.

1. Vị tiên tri, Ê-sai 61:1-7 (cũng có thể là Tôi Tớ)
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 61:8-9
3. Si-ôn được nhân hóa, Ê-sai 61:10-11 (trang 181)

Điều này chỉ ra sự mơ hồ của những bài thơ cũng như người phát ngôn và khán giả (giai đoạn thời gian). Nhiều nhà giải kinh cho rằng 61:1-3 là Bài Ca Tôi Tớ thứ năm.

Tôi nghĩ rằng Ê-sai 61:10-11 chính là nhân loại được phục hồi và cứu chuộc (Sáng Thế Ký 3:15), vốn được mô tả trong Ê-phê-sô 2:11-3:13; Rô-ma 9-11.

CỤM ĐỘNG TỪ, "Ta sẽ rất vui vẻ," là môt *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TUYỆT ĐỐI và một *Qal* ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ (BDB 965, KB 1314). Nó là một lối ngữ pháp Hê-bơ-rơ để bày tỏ sự tăng cường (ngữ nghĩa).

Dòng tiếp theo song thành và ĐỘNG TỪ "tôn cao" là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 162, KB 189).

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngữ pháp Ngôn Ngữ Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Grammar)

▣ **"Vì Ngài mặc áo cứu rỗi cho ta"** Đây là một ví dụ của sự vui mừng trong một bữa tiệc cưới được sử dụng như một ẩn dụ cho một niềm vui thuộc linh của việc biết Đức Chúa Trời. Ẩn dụ này là một sự nối dài đến Tân Ước để chỉ về các tín đồ như áo choàng của sự công chính của Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 5:21).

61:11 Hãy xem Ê-sai 40:8 và 55:10-11.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Nếu đoạn này chỉ về Đấng Mê-si, tại sao nó lại được diễn đạt trong những từ rất mang tính dân tộc như vậy?
2. Định nghĩa thuật ngữ Đấng Mê-si.
3. Trong nghĩa nào và với mục đích nào Người Do Thái là một vương quốc thầy tế lễ?
4. Tại sao Đức Chúa Trời lại phá vỡ giao ước đời đời của Ngài với dân Do Thái?
5. Tại sao việc sử dụng ẩn dụ về trang phục trong Ê-sai 61:10 lại tối quan trọng? Nó được sử dụng như thế nào trong Tân Ước cho chỗ đứng của các thánh đồ trước Đức Chúa Trời?

Ê-SAI 62

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Vinh Hiển và Tên Mới của Si-ôn	Đảm Bảo Sự Cứu Chuộc cho Si-ôn	Sự Vinh Hiển của Dân Sự Đức Chúa Trời	Sự Rao Truyền Tin Lành	Sự Chiếu Sáng của Giê-ru-sa-lem
			(61:1-62:12)	
62:1-5 (1-5)	62:1-5 (1-5)	62:1-9 (1-9)	62:1-5 (1-5)	62:1-5 (1-5)
62:6-9 (6-9)	62:6-7 (6-7)		62:6-7 (6-7)	62:6-9 (6-9)
	62:8-9 (8-9)		62:8-9 (8-9)	Kết Luận
62:10-12 (10-12)	62:10-12 (10-12)	62:10-12 (10-12)	62:10-12 (10-12)	62:10-11 (10-11)
				62:12 (12)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 62:1-5

[1] Vì cớ Si-ôn, Ta sẽ không nín lặng,
Vì cớ Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ chẳng nghỉ yên,
Cho đến khi sự công chính của nó chiếu ra như ánh sáng,
Và sự cứu rỗi nó rực lên như ngọn đuốc.
[2] Bấy giờ, các nước sẽ thấy sự công chính của ngươi,
Tất cả các vua sẽ thấy vinh quang ngươi;
Người ta sẽ gọi ngươi bằng một tên mới,
Là tên do chính miệng Đức Giê-hô-va đặt cho.
[3] Ngươi sẽ là mão miện đẹp đẽ trong tay Đức Giê-hô-va,
Sẽ là vương miện trong bàn tay Đức Chúa Trời ngươi.
[4] Người ta sẽ không còn gọi ngươi là "kẻ bị ruồng bỏ,"
Chẳng gọi đất ngươi là "đất hoang vu" nữa;
Nhưng ngươi sẽ được gọi là "người mà Ta vui thích",
Và đất ngươi sẽ được gọi là "người có chồng";
Vì Đức Giê-hô-va vui thích ngươi,
Và đất ngươi sẽ có chồng.
[5] Như chàng trai sẽ cưới một trinh nữ,
Thì con cái ngươi cũng sẽ nhận sản nghiệp ngươi;

Như chú rể vui mừng vì cô dâu,
Thì Đức Chúa Trời ngươi cũng vui mừng vì ngươi.

62:1 "Si-ôn. . .Giê-ru-sa-lem" Đây là mối liên hệ song hành trong tiếng Hê-bơ-rơ. Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên bảy ngọn đồi. Ngọn Si-ôn không phải là địa điểm của Đền Thờ, nhưng là địa điểm của lâu đài của Đa-vít và sau đó trở nên một sự chỉ đến cả thành phố Giê-ru-sa-lem.

Chủ Đề Đặc Biệt: Mô-ri-a, Sa-lem, Giê-bu, Si-ôn, Giê-ru-sa-lem (Special Topic: Moriah, Salem, Jebus, Zion, Jerusalem)

▣ Những ĐỘNG TỪ "sẽ nín lặng" (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 364, KB 361) và "sẽ nghỉ yên" (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 1052, KB 1641), DẠNG PHỦ ĐỊNH, liên hệ với thông điệp khích lệ của Ê-sai 61:1. Từ "Ta" có thể chỉ đến vị tiên tri hoặc Tôi Tớ/Đấng Mê-si (Đấng Thánh đã phá tan sự yên tĩnh được đề cập đến trong Ê-sai 42:14; 57:11; 64:12; 65:6). Rõ ràng đoạn 60-62 là một đơn vị văn học.

▣ **"sự công chính. . .sự cứu rỗi"** Hai từ này cũng ở trong một mối liên hệ song hành. Sự công chính nói về vị trí và đời sống của dân sự của Đức Chúa Trời sẽ dẫn đến sự giải cứu thuộc thể khỏi kẻ thù của họ. Trong Cựu Ước thuật ngữ "sự cứu rỗi" trước tiên chỉ đến một sự giải thoát thuộc thể, trong khi Tân Ước thuật ngữ này chỉ đến trước hết sự tha thứ thuộc linh và chỗ đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Ngày mới của Si-ôn (Ê-sai 61:10-11) đã đến và sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ thế giới (Ê-sai 62:2; 60:3)!

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Công Chính (Special Topic: Righteousness)

Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))

▣ **"ánh sáng. . .rực lên"** Một lần nữa sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được liên hệ đến ánh sáng, cũng như nó đã từng (được liên hệ) tại ngọn núi Si-nai (Xuất 19-20).
Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 60:1.

Y-sơ-ra-ên đã phải trở nên "ánh sáng" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA soi ra trong sự tối tăm của sự thờ phượng ngoại giáo và phồn thực sự sinh sản của thiên nhiên. Tuy nhiên, cô ta đã bị bắt giữ bởi chúng. Tân Ước trao cùng một sứ mạng của sự mặc khải (rằng Chúa Jesus chính là sự sáng lớn nhất và cuối cùng của Đức Chúa Trời, Giăng 1:4; 8:12; 12:35) và rao giảng tin lành giành cho các tín đồ (Ma-thi-ơ 5:14-16).

62:2 "Các nước sẽ thấy sự công chính của ngươi" Y-sơ-ra-ên được chọn bởi Đức Chúa Trời để trở thành một nhân chứng cho toàn bộ thế giới để mang họ đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 62:11; 52:10; 60:3; 61:6,11; 1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Đây là ý nghĩa thực sự của cụm từ "một vương quốc của những thầy tế lễ" (Xuất 19:5-6).

▣ **"Người ta sẽ gọi ngươi bằng một tên mới"** Sự truyền rao một danh mới hàm ý chỉ về một thời đại mới của Thánh Linh. Giao ước mới giờ đây đã được nhận ra.

Từ "mới" (BDB 294 I) được sử dụng trong một cách mở rộng trong phần thứ hai của Ê-sai để mô tả về một ngày mới của sự công chính.

1. Những điều mới, Ê-sai 42:9; 48:6
2. Bài hát mới, Ê-sai 42:10 (Khải Huyền 5:9; 14:3)
3. Một điều mới, Ê-sai 43:19 (Khải Huyền 3:12)
4. Một tên mới, Ê-sai 62:2 (Ê-sai 56:5)
5. Những tầng trời mới và đất mới, Ê-sai 65:17; 66:22 (2 Phi-e-rơ 3:13)

Một ngày "mới" (Khải Huyền 21:5) đã, đến trong hiện thực, ngày mà Đức Chúa Trời đã luôn mong muốn dành cho nhân loại, nhưng Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3 đã gây ra một sự gãy đổ kinh khiếp! Hình ảnh theo Kinh Thánh của thiên đàng chắc chắn có thể là Vườn Ê-đen được khôi phục (Khải Huyền 21:2).

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Điều Cũ...Những Điều mới (Special Topic: Old Things...New Things)

62:3 *The Jerome Bible Commentary,* quyển 1, trang 383, đề cập đến việc người phương đông cổ đại tin rằng các vị thần của họ đội một vương miệng có hình dạng giống như thành phố thờ phượng họ.. Nếu như vậy, thì câu này có thể là một sự ngụ ý văn hóa chỉ đến khái niệm này. Quan điểm này phụ thuộc vào

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có phải là Đấng phát ngôn trong đoạn 62
2. Quan điểm ngoại giáo này được biết đến rộng rãi như thế nào

Kinh Thánh sử dụng những hình ảnh ngoại đạo để mô tả và bày tỏ sự vĩ đại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Bốn trong rất nhiều ví dụ có thể là:

1. "Đức Chúa Trời của Thiên Đàng" in Nê-hê-mi
2. Sự ngụ ý chỉ đến vị thần Bái Hỏa Giáo (Zoroastrian) của người Ba Tư, Ma-la-chi 4:2
3. Sự ngụ ý chỉ đến mười hai biểu tượng cung hoàng đạo trong Khải Huyền 12:1
4. Sự ngụ ý chỉ đến cái ác như hình ảnh con rồng

Trong Ê-sai 28:5 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Chính Ngài là vương miện của dân sự giao ước của Ngài. Ngài chính là sự vinh hiển, ánh sáng, sự chu cấp, bảo vệ, và chiến thắng của họ!

In Xa-cha-ri 9:16 dân sự giao ước chính là châu báu trên vương miện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

62:4 "kẻ bị ruồng bỏ. . .đất hoang vu" Câu này mô tả sự giải nghĩa của chính Y-sơ-ra-ên về sự giải nghĩa của Sự Lưu Đày (danh xưng của họ dành cho chính mình). Họ cảm thấy bị bỏ rơi (Ê-sai 54:6-7) bởi Đức Chúa Trời và tự hỏi rằng có thể nào Ngài sẽ yêu mến họ một lần nữa.

▣ **"người mà ta vui thích"** "Vui thích" có thể là danh xưng "Hép-si-ba" (BDB 343, 2 Các Vua 21:1). Đây là sự khởi đầu của một ẩn dụ được sử dụng liên tục về Đức Chúa Trời như một bên của hôn nhân (Ê-sai 62:4-5). Thật khó để mô tả về một Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa Thánh Khiết, vì vậy, chúng ta phải sử dụng những sự tương đồng của con người (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-sai 41:2). Việc mô tả Đức Chúa Trời là Cha, là chồng, là người bà con gần (có quyền cứu chuộc) rất phổ biến trong Kinh Thánh.

▣ **"có chồng"**Từ này có thể được dịch là "Beulah" (BDB 127). Dòng 4 và 5 có thể chính là "tên mới" của Ê-sai 62:2.

ĐỘNG TỪ này (BDB 127, KB 42) được sử dụng bốn lần trong Ê-sai 62:4-5.

1. *Qal* PHÂN TỪ BỊ ĐỘNG, Ê-sai 62:4
2. *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 62:4
3. *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 62:5
4. Giống mục #3

62:5 "trinh nữ" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trinh Nữ (Special Topic: Virgin)

NASB, NKJV	**"thì con cái ngươi sẽ cưới ngươi"**
NRSV	**"thì những kẻ xây dựng ngươi sẽ cưới ngươi"**
TEV	**"Đấng dựng nên ngươi sẽ cưới ngươi"**
NJB	**"những kẻ xây dựng ngươi sẽ cưới ngươi"**
REB	**"thì ngươi sẽ kết hôn với người là kẻ đã xây dựng ngươi"**
LXX	**"thì những con cái ngươi sẽ sinh sống với ngươi"**

Bằng cách đổi cách phát âm của những phụ âm (בניך) "các con trai" sẽ trở thành "người xây dựng" (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Thi Thiên 51:18; 102:16; 147:2, JPSOA footnote), vốn phù hợp với hình ảnh hôn nhân của khổ thơ. The UBS Text Project, trang 156, đánh giá bản MT (NASB) một điểm "A".

The Expositor's Bible Commentary, quyển 1, trang 336, nói về câu này:

> "Câu 5 giới thiệu khá lạ một phép tu từ tương đồng cũng như trong Ê-sai 60:16. Trong cả hai trường hợp có vẻ như nó là một sự phá vỡ nguyên tắc một cách chủ ý trong việc áp dụng phép tu từ tương đồng thông thường, có lẽ bởi vì lợi ích của một ấn tượng sống động. Những phép tu từ tương đồng như vậy gây hóc búa cho chúng ta, nhưng chúng ta không được lãng quên chúng!"

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 62:6-9

[6] Hỡi Giê-ru-sa-lem, trên các tường thành ngươi,
Ta đã đặt lính canh;
Suốt cả ngày đêm,

Họ sẽ không bao giờ nín lặng.
Hỡi những kẻ nhắc nhở Đức Giê-hô-va,
Đừng nghỉ ngơi chút nào.
[7] Cũng đừng để Ngài nghỉ ngơi
Cho đến khi Ngài tái lập Giê-ru-sa-lem
Và dùng nó làm sự ca ngợi trong khắp đất!
[8] Đức Giê-hô-va đã đưa tay phải
Và cánh tay quyền năng của Ngài mà thề:
"Ta sẽ không ban ngũ cốc của ngươi
Làm lương thực cho kẻ thù ngươi nữa;
Dân ngoại sẽ không được uống rượu nho mới
Mà ngươi đã khó nhọc làm ra.
[9] Nhưng những người gặt hái sẽ được ăn hoa lợi mình,
Và ca ngợi Đức Giê-hô-va;
Những người hái nho sẽ được uống rượu
Trong sân của nơi thánh Ta."

62:6 Câu này chỉ về các nhà tiên tri (Ê-sai 52:8; 56:10 [DẠNG PHỦ ĐỊNH]; Giê-rê-mi 6:17; Ê-xê-chi-ên 3:17; 33:7), mặc dầu các ra-bi Do Thái nghĩ rằng chúng chỉ đến các thiên sứ (Xa-cha-ri 1:12-17).

62:6-7 "Hỡi những kẻ nhắc nhở Đức Giê-hô-va. . . đừng để Ngài nghỉ ngơi, cho đến khi Ngài tái lập Giê-ru-sa-lem" Từ "ngươi" chỉ đến "những kẻ canh giữ" trong câu 1. Câu này có thể chỉ đến một lẽ thật thần học rằng Đức Chúa Trời đã giới hạn Chính Ngài cho những lời cầu nguyện của các con cái Ngài (Gia-cơ 4:2). Nó không phải là sự cố gắng vượt qua sự miễn cưỡng của một Đấng Thánh thờ ơ, nhưng nó là một chức vụ cầu thay của dân sự của Đức Chúa Trời công bố những lời hứa của Đức Chúa Trời.

CÁC ĐỘNG TỪ "đặt" và "nhắc nhở" đều là những *Hiphils*.

62:8 "Đức Giê-hô-va đã đưa tay phải Và cánh tay quyền năng của Ngài mà thề" Đây là một cụm từ tu từ hình nhân. Đức Chúa Trời không có một thân thể. Ngài là Thần (Giăng 4:24), nhưng Ngài thề bởi chính khả năng để hành động của Ngài! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đức Chúa Trời Đấng có, muốn, và sẽ hành động trong những đời sống cá nhân cũng như là trên những dân tộc.

Lời thề của Đức Chúa Trời là một lời hứa rất quan trọng (Ê-sai 54:9; Hê-bơ-rơ 6:13-20; 7:20-28). Nó nhắc với chúng ta về

1. Quyền năng của lời của Đức Chúa Trời, 55:11; 66:2d
2. Đặc tính đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, 45:22-23

Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch cứu chuộc cho toàn bộ nhân loại được dựng nên theo hình ảnh và sự giống với Ngài (Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 1 Phi-e-rơ 1:20). Bài Ca Tôi Tớ Chịu Khổ trong Ê-sai 52:13-53:12 chính là cơ cấu cho sự cứu chuộc toàn cầu (Rô-ma 5:12-21). Mối liên hệ tại vườn Ê-đen sẽ được phục hồi dành cho những ai ăn năn và tin nhận Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề Và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: The Problems and Limitations of Human Language)

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan))

▣ **"kẻ thù. . .dân ngoại"** Câu này chỉ về sự xâm lăng Palestine của các dân ngoại bang. Đây là một sự chỉ đến trực tiếp những phước hạnh ngược với những hành động rủa sả trong Lê-vi Ký 26:16 và Phục Truyền 28:30-33. Y-sơ-ra-ên phá vỡ Giao Ước. Y-sơ-ra-ên đau khổ với những hậu quả. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hứa về một ngày tương lại nơi những phước hạnh sẽ trở thành hiện thực.

62:9 "sẽ được uống rượu Trong sân của nơi thánh Ta" Câu này chỉ về bữa ăn thông công giữa Đức Chúa Trời và thành viên giao ước của Ngài (Phục Truyền 12:18). Những người này đã trở về trên vùng đất và đền thờ đã được phục hồi!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 62:10-12

[10] Hãy đi qua, hãy đi qua các cổng thành;
Hãy dọn đường cho dân chúng;
Hãy đắp đường, hãy đắp đường cái,
Hãy dọn sạch đá;
Hãy dựng một ngọn cờ cho các dân.
[11] Nầy, Đức Giê-hô-va đã rao truyền
Đến tận cùng cõi đất:
"Hãy bảo con gái Si-ôn rằng:
'Kìa, sự cứu rỗi ngươi đang đến!
Phần thưởng đi theo Ngài,
Và sự ban thưởng đi trước Ngài.'"
[12] Người ta sẽ gọi họ là "dân thánh",
Là "dân được Đức Giê-hô-va cứu chuộc";
Còn ngươi sẽ được gọi là "thành mà người ta tìm đến",
Tức là "thành không bị ruồng bỏ".

62:10-11 Đây là thông điệp cho dân sự được công bố bởi vị tiên tri thay mặt cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Đây là một chuỗi của tám THỂ MỆNH LỆNH.

1. Hãy đi qua – *Qal*, BDB 716, KB 778
2. Hãy đi qua – giống với mục #1
3. Hãy dọn đường – *Piel*, BDB 815, KB 937
4. Hãy đắp đường – *Qal*, BDB 699, KB 757
5. Hãy đắp đường – giống với mục #4
6. Hãy dọn sạch đá– *Piel*, BDB 709, KB 768
7. Hãy dựng một ngọn cờ – *Hiphil*, BDB 926, KB 1202
8. Hãy nói– *Qal*, BDB 55, KB 65

62:10 "hãy đi qua các cổng thành" Câu này có thể chỉ đến

1. Các cổng thành Mê-sô-bô-ta-mi nơi người Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lưu đày (đặc biệt là Ba-by-lôn)
2. Có thể vượt qua trình tự thời gian và chỉ đến những cổng thành của sự xây dựng lại
   a. Giê-ru-sa-lem (Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi)
   b. Đền thờ

▣ **"Hãy dọn đường cho dân chúng;**
Hãy đắp đường, hãy đắp đường cái"

Đây là một ẩn dụ phổ biến của việc chuẩn bị một con đường cho một cuộc thăm viếng hoàng gia (Ê-sai 35:6-10; 40:3-4; 57:14). Ẩn dụ này được sử dụng một vài lần trong Kinh Thánh.

1. Nó được sử dụng cho sự trở về của những người bị lưu đày
2. Được sử dụng bởi Giăng Báp-tít như một sự định danh chính mình dành cho chức vụ của ông

▣ **"dựng lên một ngọn cờ"** Câu này chỉ về một ngọn cờ của một chi tộc hay một đơn vị quân đội. Chú ý ở đây, ngọn cờ trên "các dân tộc" và Ê-sai 62:11a "cho đến cùng trái đất." Dấu hiệu của Y-sơ-ra-ên giờ đây là ngọn cờ của tất cả những ai tin, nhận và xưng nhận ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

62:11 "cho đến cùng trái đất" Đây chính là khía cạnh toàn cầu của những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để that báo hiệu cho tình yêu và sự cứu chuộc của Ngài dành cho toàn bộ nhân loại, không chỉ là Y-sơ-ra-ên.

▣ **"bảo. . ."** Ở đây có ba lẽ thật được công bố (*Qal* THỂ MỆNH LỆNH).

1. Sự cứu rỗi ngươi đang đến (Ê-sai 49:6; see Chủ Đề Đặc Biệt:Sự Cứu Rỗi (thuật ngữ của Cựu Ước) (Special Topic: Salvation (OT term))
2. Phần Thưởng đi theo Ngài

3. Sự ban thưởng đi trước Ngài (Ê-sai 40:10)

62:12 "người ta sẽ gọi họ là" Đây là một sự ngụ ý chỉ đến "một tên mới" trong Ê-sai 62:2. Những người không phải thuộc dân Y-sơ-ra-ên giờ đây sẽ gọi họ, không phải là "Kẻ Bị Ruồng Bỏ" hoặc "Đất Hoang Vu" (Ê-sai 62:4), nhưng là

1. Dân thánh
2. Dân được Đức Giê-hô-va cứu chuộc
3. Thành mà người ta tìm đến

▣ **"dân được Đức Giê-hô-va cứu chuộc"** "được chuộc" (BDB 145 I, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem)) được liên hệ với khái niệm của từ *Go'el*. Đây chính là người bà con thân nhất có quyền chuộc là người mua lại người thân của mình từ trong sự nghèo đói hoặc bị bắt giữ. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là *go'el* chính là một ví dụ khác của Đấng Thánh được mô tả trong những từ ngữ rất gần gũi mật thiết trong gia đình.

▣ **"người ta tìm đến, tức là "thành không bị ruồng bỏ"** Danh xưng này rất quan trọng, bởi vì nó đề cập đến lẽ thật rằng Đức Chúa Trời đã không chạy khỏi Người Do Thái nhưng Ngài chạy đến với họ!

Chủ Đề Đặc Biệt: Hai “Thành” trong Ê-sai (Special Topic: The Two “Cities” of Isaiah)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải Ê-sai 62 chỉ đến Những Kẻ Lưu Đày Hay nó là một kiểu hình mẫu chỉ đến sự cai trị của Đấng Mê-si?
2. Định nghĩa thuật ngữ Cựu Ước "sự công chính" và "sự cứu rỗi."
3. Tại sao phải nhắc lại với Đức Chúa Trời về những lời hứa Ngài trong Ê-sai 62:6?
4. Có phải Đức Chúa Trời có một tình yêu đặc biệt dành cho Y-sơ-ra-ên mà Ngài đã không có dành cho các dân tộc khác?

Ê-SAI 63

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Báo Trả của Đức Chúa Trời trên Các Dân Tộc	Đức Giê-hô-va trong Sự Đoán Phạt và Cứu Rỗi	Bài Thơ về Sự Báo Trả của Đấng Thánh	Sự Chiến Thắng của Đức Giê-hô-va trên Các Quốc Gia	Sự Đoán Phạt Trên Các Dân Tộc
63:1-6 (1-6)	63:1a (1a)	63:1a (1a)	63:1a	63:1-6 (1-6)
	63:1b (1b)	63:1b (1b)	63:1b	
	63:2 (2)	63:2 (2)	63:2	
	63:3-6 (3-6)	63:3-6 (3-6)	63:3-6	
Những Sự Thương Xót Cổ Xưa Được Nhắc Lại	Sự Thương Xót của Đức Chúa Trời Được Nhớ Lại	Bài Thi Thiên của Sự Cầu Thay (63:7-64:12)	Sự Tốt Lành của Đức Giê-hô-va dành cho Y-sơ-ra-ên	Sự Suy Gẫm trên Lịch Sử của Y-sơ-ra-ên (63:7-64:11)
63:7-14 (7-14)	63:7-10 (7-10)	63:7-9 (7-9)	63:7 (7)	63:7 (7)
			63:8-10	63:8-10 (8-10)
		63:10-14 (10-14)		
	63:11-14 (11-14)		63:11-13a	63:11-14 (11-14)
			63:13b-14	
"Người Là Tổ Phụ Của Chúng"	Một Bài Cầu Nguyện Ăn Năn Thống Hối (63:15-64:12)		Một Lời Cầu Nguyện cho Sự Thương Xót và Giúp Đỡ (63:15-64:12)	
63:15-19 (15-19)	63:15-19 (15-19)	63:15-19 (15-19)	63:15-17	63:15-19b (15-19b)
			63:18-64:7	
				63:19c-64:11 (19c-64:11)

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 63:1-6

[1] Đấng từ thành Bốt-ra của Ê-đôm đến,
Mặc áo đỏ thẫm, trang phục lộng lẫy,
Bước đi oai vệ với sức mạnh vĩ đại,
Đấng ấy là ai?
"Ấy chính là Ta, Đấng phán lời công chính,
Đấng có quyền năng cứu rỗi!"
[2] Vì sao y phục của Chúa đỏ thắm,
Trang phục Ngài như trang phục của người đạp bồn nho?
[3] "Chỉ một mình Ta đạp nơi bồn ép nho,
Trong các dân chẳng ai ở với Ta.
Ta đã đạp lên chúng trong cơn tức giận,
Giẫm nát chúng trong cơn thịnh nộ của Ta;
Máu của chúng như nước nho văng tung tóe lên áo Ta,
Toàn bộ y phục Ta đều vấy máu cả.
[4] Vì lòng Ta đã định ngày báo thù,
Và năm cứu chuộc của Ta đã đến.
[5] Ta nhìn xem, không ai giúp đỡ;
Ta ngạc nhiên, chẳng ai hỗ trợ;
Nên chính cánh tay Ta cứu giúp Ta,
Cơn thịnh nộ Ta hỗ trợ Ta.
[6] Trong cơn tức giận, Ta đã giày đạp các dân;
Ta khiến chúng say vì cơn thịnh nộ của Ta,
Và làm cho máu chúng đổ ra trên đất.

63:1-6 Đây là cuộc đối thoại hoặc chất vấn (câu hỏi-trả lời) giữa nhà tiên tri/ Tôi Tớ và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Nhà tiên tri hỏi câu hỏi đầu tiên, Ê-sai 63:1—ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả như đang Ê-đôm trong phục sức lỗng lẫy, Ê-sai 63:1a-d,2
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán, Ê-sai 63:1e
   a. Phán trong sự công chính
   b. Có quyền năng cứu rỗi
3. Tiên tri hỏi câu hỏi thứ hai, Ê-sai 63:2
4. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trả lời, Ê-sai 63:3-6
   a. Chỉ một mình Ta đạp nơi bồn ép nho (sự đoán phạt)
   b. các dân chẳng ai ở với Ta (Ê-sai 63:5; 59:16)

63:1 "Ê-đôm" dân tộc lân cận này thường xuyên là biểu tượng cho tất cả các dân tộc ngoại bang (Ê-sai 34:5-15) bị đoán phạt bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ê-đôm và Y-sơ-ra-ên (Special Topic: Edom and Israel)

▣ **"Bốt-ra"** Đây chính là thành phố chính của Ê-đôm, thường là thủ đô của đất nước này. Nó thường được nhắc đến trong những lời sấm tuyên phán đoán phạt (Ê-sai 34:6; 63:1; Giê-rê-mi 49:13,22; A-mốt 1:12).

NASB, NRSV, TEV, NJB	**"hành quân"**
NKJV	**"đi chuyển"**
JPSOA	**"tiến lên phía trước"**
REB	**"sải bước dài"**

Trong Ê-sai 51:14 từ này (צעה, BDB 858, KB 1040, *Qal* PHÂN TỪ) được hiểu là "cúi gập," nhưng ở đây nghĩa rộng này không phù hợp. Một vài học giả cho rằng cần một sự hiệu đính của gốc từ, צעד (BDB 857, KB 1040), vốn có nghĩa là "hành quân" hoặc "sải bước." The UBS Text Project, trang 157, đánh giá chữ "cúi gập" một điểm B (một vài nghi ngờ), ở trang 157, nhưng nó không phù hợp với sự song hành.

63:3 "bồn nho" Hình ảnh của sự đoán phạt này cũng được tìm thấy trong Ca Thương 1:15; Giô-ên 3:13; Khải Huyền 14:19,20; 19:15. Đây là Đức Chúa Trời/Đấng Mê-si là Chiến Binh Thần Thánh.

63:4 Chú ý cách của ngày của sự báo trả (Ê-sai 34:8; 35:4,8; 61:2) là một sự báo trước cần thiết của ngày (năm) của sự cứu chuộc!

Ngày của Đức Giê-hô-va và ngày của sự cứu rỗi là hai mặt của điều sẽ đến! Đối với những kẻ trung tín của Đức Chúa Trời đây là một ngày sum họp của mối liên hệ; đối với những người nào không trung tín sự trở lại của Ngài chính là hành động cuối cùng của sự chia lìa và chối bỏ (Ma-thi-ơ 25:3146; Khải Huyền 20:11-15)!

63:5 "Nên chính cánh tay Ta cứu giúp Ta,
Cơn thịnh nộ Ta hỗ trợ Ta"

Câu này liên hệ với dòng 1-2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của bất cứ người nào để mang đến sự cứu chuộc. Ngài và chỉ một mình Ngài có thể làm điều (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Câu này có thể là hình ảnh mà Sứ Đồ Giăng đã sử dụng trong Khải 5, duy chỉ một Đấng xứng đáng để mở quyển sách, chỉ một, Đấng đã bị đóng đinh, Chiên Con sống lại của Đức Chúa Trời/Đấng Mê-si/Tôi Tớ!

63:6 Sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả bằng cách sử dụng ba ẩn dụ (ví dụ, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Chiến Binh Thần Thánh, Ê-sai 59:17; Xuất 15:3).

1. Giày đạp – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 100, KB 115 (song hành với "đạp," được sử dụng ba lần trong Ê-sai 63:2-3)
2. Khiến chúng say – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 1016, KB 1500 (sự đoán phạt như là sự say rượu, Ê-sai 51:22-23; Thi Thiên 75:8)
3. Làm đổ ra (nguyên văn "làm đổ nước của chúng xuống mặt đất") – *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 432, KB 434 (người chết trải dài trên mặt đất)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 63:7-14

7 Tôi xin nhắc lại sự nhân từ của Đức Giê-hô-va,
Và sự ca ngợi Đức Giê-hô-va,
Vì mọi điều Đức Giê-hô-va đã làm cho chúng ta,
Và những ơn phước lớn lao Ngài đã ban cho nhà Y-sơ-ra-ên
Theo lòng thương xót,
Và sự nhân từ vô biên của Ngài.
8 Vì Ngài đã phán: "Thật, họ là dân Ta,
Tức là con cái sẽ chẳng lừa dối."
Và Ngài làm Đấng Cứu Rỗi họ.
9 Mỗi khi dân Ngài bị khốn khổ thì chính Ngài cũng khốn khổ,
Và thiên sứ trước mặt Ngài đã cứu họ.(b)
Vì tình yêu và lòng thương xót,
Chính Ngài đã cứu chuộc họ;
Ngài đã bồng ẵm và mang lấy họ suốt các ngày thuở xưa.
10 Nhưng họ đã nổi loạn
Và làm buồn Thánh Linh của Ngài.
Vì thế, Ngài trở thành kẻ thù của họ,
Chính Ngài chiến đấu chống lại họ.
11 Bấy giờ, dân Ngài nhớ lại

Môi-se ngày xưa và hỏi:
"Đấng đã đem người chăn
Và bầy chiên lên khỏi biển ở đâu?
Đấng đã đặt Thánh Linh của Ngài
Giữa dân Ngài, ở đâu?"
[12] Đấng khiến cánh tay vinh quang Ngài
Đi bên phải Môi-se,
Là Đấng đã rẽ nước ra trước mặt họ,
Để rạng danh đời đời;
[13] Là Đấng đã dìu dắt dân Ngài vượt trên sóng đào,
Như ngựa phi trong hoang mạc mà không vấp ngã.
[14] Thần của Đức Giê-hô-va đã khiến dân Ngài nghỉ ngơi,
Như bầy súc vật xuống thung lũng tìm nơi nghỉ.
Ngài dẫn dắt dân Ngài như thế
Để danh Ngài được vinh quang.

63:7 "sự nhân từ của Đức Giê-hô-va" Đây chính là DANH TỪ giao ước đặc biệt, *hesed*.

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tử tế, nhân từ (*hesed*) (Special Topic: Lovingkindness (*hesed*))

▣ **"tùy theo"** Chú ý cách bản NASB sử dụng từ này ba lần để mô tả ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 7.

1. Sự tốt lành vĩ đại
2. Sự thương xót của Ngài
3. Sự nhân từ vô biên của Ngài

63:8 "họ là dân Ta" Đây là ngôn ngữ giao ước (Xuất 6:7; Ê-sai 51:4).

▣ **"con cái sẽ chẳng lừa dối"** Điều này hoàn toàn trái ngược với Ê-sai 1:2-3 (Giê-rê-mi 3:22).

▣ **"Và Ngài làm Đấng Cứu Rỗi họ"** Chú ý sự tương phản giữa Ê-sai 63:5 và 8b. Mặc dù sự tể trị quyền năng của Đức Chúa Trời được nhấn mạnh, vẫn có chỗ dành cho sự trung tín của Y-sơ-ra-ên!

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Cứu Rỗi của Chúng Ta (Special Topic: Our Savior)

63:9 "Mỗi khi dân Ngài bị khốn khổ thì chính Ngài cũng khốn khổ" Trong tiếng Anh, đây là một thông điệp đầy quyền năng của sự hiệp một giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và tuyển dân giao ước Ngài (Ê-sai 57:15), nhưng bản rất khó để theo dõi.

1. Cụm từ này có thể liên hệ với dòng cuối của Ê-sai 63:8 (NRSV, TEV).
2. Cụm từ này có thể liên hệ với dòng thứ hai của Ê-sai 63:9 (NJB).

Bản MT dùng từ "không" (לא) nhưng các học giả Masoretic cho nằng nó là từ לו, "người" (*Qere*, JPSOA).

▣ **"thiên sứ của sự hiện diện Ngài (thiên sứ trước mặt Ngài)"** Đây là một sự chỉ đến Xuất 23:20-23; 33:14,15 một cách trực tiếp. Nó liên hệ đến những sự kiện trong suốt Thời Kỳ Lang Thang Trong Hoang Mạc. Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên đã khiến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thay chính mình Ngài bằng một kẻ đại diện (thiên sứ của Đức-Giê-hô-va).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khẳng định sự hiện diện cá nhân của Ngài (Phục Truyền 32:9-14).

1. Ngài đã chuộc mua họ – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 145, KB 169
2. Ngài đã nâng đỡ họ – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 642, KB 694
3. Ngài đã mang vác họ – *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 669, KB 724 (Ê-sai 46:3; Phục Truyền 1:31)

Cũng hãy chú ý Ba Ngôi Đức Chúa Trời của Tân Ước trong Ê-sai 63:9-10.

1. Chúa Cha, Ê-sai 63:9a
2. Đấng Mê-si trước-nhập thể, Ê-sai 63:9b
3. Đức Thánh Linh, Ê-sai 63:10b

Chủ Đề Đặc Biệt: Thiên Sứ của Đức Giê-hô-va (Special Topic: Angel of the Lord)
Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Special Topic: The Trinity)

63:10 Chú ý hai ĐỘNG TỪ mô tả về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và hai ĐỘNG TỪ mô tả về phản ứng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (song hành đồng nghĩa).

1. Nổi loạn – *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 598, KB 632
2. Làm buồn Thánh Linh Ngài – *Piel* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 780, KB 864 (Công Vụ 7:51; để xem một bài luận có tựa đề "Đức Thánh Linh trong Cựu Ước Là Ai?' Hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 273-274, cũng như trang 306-307)
3. Ngài đã biến Chính Ngài trở thành kẻ thù của họ – *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*, BDB 245, KB 253, Ca Thương 2:4-5
4. Ngài chiến đấu chống lại họ – *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 535, KB 526

63:11-14 Phần Kinh Thánh này liệt kê ra những điều ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm cho Y-sơ-ra-ên trong suốt Cuộc Xuất Hành.

1. Đem họ lên khỏi biển (Xuất 14-15, sự chơi chữ trên tên của Môi-se)
2. Đặt Thánh Linh của Ngài ở giữa họ (Dân Số Ký 11:17,25,29; A-ghê 2:5)
3. Khiến cánh tay vinh quang Ngài đi bên phải Môi-se (Xuất 6:6; 15:16)
4. Rẽ nước ra trước mặt họ (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các dòng nước (Special Topic: Waters)
    a. Biển Đỏ – Xuất 14-15 (Ê-sai 11:15; 51:10)
    b. Sông Giô đanh – Giô-suê 3
5. Qua Dẫn dắt họ qua những dòng nước sâu (sóng đào) (giống mục #4)
6. Ban cho họ sự yên nghỉ (ví dụ, Thần của Ngài, Giô-suê 21:44; 23:1; JPSOA footnote để nghị một sự hiệu chỉnh thành "hướng dẫn họ")
7. Dẫn dắt dân sự Ngài

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm tất cả điều này cho Y-sơ-ra-ên "để danh Ngài được vinh quang." ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn bày tỏ chính mình Ngài cho toàn bộ nhân loại qua Y-sơ-ra-ên. Những hành động dành cho họ để phục vụ cho một sự tốt lành trọn vẹn hơn (kế hoạch Cứu Chuộc đời đời Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan))

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 63:15-19

15 Từ trên trời, xin Chúa nhìn xuống,
Từ chỗ ở thánh và vinh quang của Ngài, xin Chúa xem!
Lòng sốt sắng và công việc quyền năng của Ngài ở đâu?
Sự xúc động và lòng thương xót của Ngài
Bị ngăn lại rồi ư!
16 Thật, Ngài là Cha chúng con;
Dù Áp-ra-ham không biết chúng con,
Và Y-sơ-ra-ên chẳng thừa nhận chúng con;
Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài vẫn là Cha chúng con,
Danh Ngài là Đấng Cứu Chuộc chúng con từ trước vô cùng.
17 Lạy Đức Giê-hô-va, sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài?
Sao để lòng chúng con cứng cỏi đến nỗi chẳng kính sợ Ngài?
Vì các đầy tớ Ngài và các bộ tộc của cơ nghiệp Ngài,
Xin Chúa trở lại!
18 Dân thánh của Ngài mới sở hữu xứ nầy chưa bao lâu,
Mà kẻ thù chúng con đã giày đạp nơi thánh của Ngài.
19 Đã từ lâu, chúng con như một dân không hề được Ngài cai trị,
Và không còn được gọi bằng danh Ngài nữa.

63:15 "nhìn. . .xem" Đây là hai THỂ MỆNH LỆNH tìm kiếm sự chú ý của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. nhìn – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 613, KB 661, Phục Truyền 26:15
2. xem – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 906, KB 1157, Thi Thiên 80:14

▣ **"từ chỗ ở thánh và vinh quang của Ngài"** Đây là một cách nói chỉ về đền thờ. Đối với người Y-sơ-ra-ên xưa, Hòm Giao Ước chính là bệ chân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, là Đấng ngự trên thiên đàng (1 Sử Ký 28:2; Thi Thiên 99:5; 132:7; Ê-sai 66:1; Ca Thương 2:1; Ma-thi-ơ 5:35; Công Vụ 7:49).

Một sách mới được viết bởi John Walton, *The Lost World of Genesis One,* cho rằng Sáng Thế Ký 1:1-2:3 chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang xây dựng đền thờ Ngài.

Chủ Đề Đặc Biệt: Hòm Giao Ước (Special Topic: The Ark of the Covenant)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy)

Chủ Đề Đặc Biệt: Thiên Đàng và Tầng Trời Thứ Ba (Special Topic: Heaven and the Third Heaven)

▣ **"Sự xúc động và lòng thương xót của Ngài Bị ngăn lại rồi ư"** Hình ảnh thơ ca đầy uy quyền này chính là Giê-ru-sa-lem được nhân hóa đang khẩn cầu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để một lần nữa nhận ra và quay trở lại với cô ta.
Chủ Đề Đặc Biệt: Tấm Lòng (Special Topic: Heart)

63:16 "Ngài vẫn là Cha chúng con" Đây là một sự kết luận lô gic hợp lý từ những Y-sơ-ra-ên được gọi là "con trai" (ví dụ, Ê-sai 1:2). Cụm từ được lặp lại trong Ê-sai 64:8.

Chủ Đề Đặc Biệt: Tình cha của Đức Chúa Trời (Special Topic: Fatherhood of God)

Chủ Đề Đặc Biệt: Tình cha (Special Topic: Father)

▣ **". . . Dù Áp-ra-ham không biết chúng con,**
Và Y-sơ-ra-ên chẳng thừa nhận chúng con"
Các Tổ Phụ sẽ không nhận/ biết những người Giu-đa này bởi vì
1. khoảng thời gian dài giữa các thế hệ
2. tội lỗi của những hậu tự này

▣ **"Đấng Cứu Chuộc"** Hãy xem ghi chú tại Ê-sai 41:14. Để xem về khái niệm của "cứu chuộc" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc (Special Topic: Ransom/Redeem).

▣ **"từ trước vô cùng"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời, Mãi Mãi (‘olam) (Special Topic: Forever (‘olam))

63:17 Hai dòng đầu của câu này mô tả cách mà khái niệm của sự tể trị quyền năng Đức Chúa Trời có thể được sử dụng để giảm bớt trách nhiệm của con người.
Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tuyển Chọn/Sự Tiền Định Và Nhu Cầu Của Một Sự Quân Bình Thần Học (Special Topic: Election/Predestination and the Need for a Theological Balance)
Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tiền Định so với Ý Chí Tự Do Của Con Người (Special Topic: Predestination versus Human Free Will)
▣ **"Xin Chúa trở lại Vì các đầy tớ Ngài"** Đây là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 996, KB 1427) được sử dụng như một lời cầu nguyện.

Chủ Đề Đặc Biệt:Tôi Tớ Ta (Special Topic: My Servant)

63:18-19 Những câu này bày tỏ về cách mà những người Giu-đa đã nhận biết về chính họ.
1. họ đã có đền thờ chỉ trong một thời gian ngắn ngủi
2. kẻ thù đã kiểm soát nó
3. họ đã trở nên giống như "chỉ một dân khác"
4. họ đã trở nên giống như các dân tộc là những dân chưa bao giờ được gọi bởi danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

Ê-SAI 64

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Cầu Nguyện Kêu Xin Sự Thương Xót và Giúp Đỡ	Lời Cầu Nguyện Ăn Năn Thông Hối (63:15-64:12)	Bài Thi Thiên Cầu Thay (63:7-64:12)	Một Lời Cầu Nguyện Xin Sự Thương Xót và Giúp Đỡ (63:15-64:12)	Sự Suy Gẫm trên Lịch Sử của Y-sơ-ra-ên (63:7-64:12)
			63:18-64:7	(63:19b-64:11)
64:1-7 (1-7)	64:1-5 (1-5)	64:1-12		
	64:6-7 (6-7)			
64:8-12 (8-12)	64:8-12 (8-12)		64:8-12	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 64:1-7

[1] Ôi! Ước gì Chúa xé các tầng trời và ngự xuống,
Làm rúng động núi non trước mặt Ngài;
[2] Như lửa đốt củi khô,
Như lửa đun sôi nước,
Để kẻ thù biết đến danh Ngài,
Và các dân tộc run rẩy trước mặt Ngài.
[3] Khi Ngài đã làm những việc đáng sợ mà chúng con không trông mong,
Thì Ngài ngự xuống, và núi non đều rúng động trước mặt Ngài.
[4] Từ xưa, người ta chưa từng nghe nói đến,
Tai chưa hề nghe, mắt chưa hề thấy,
Ngoài Ngài, có Đức Chúa Trời nào khác,
Đã hành động như thế cho người trông đợi Ngài.
[5] Ngài đã đón rước người vui lòng làm điều công chính,
Người đi trong đường lối Ngài và nhớ đến Ngài.
Kìa, Ngài đã nổi giận vì chúng con phạm tội;
Ở lâu trong tội như thế mà còn được cứu sao?(d)
[6] Tất cả chúng con đều trở nên như vật ô uế,
Mọi việc công chính của chúng con như miếng giẻ bẩn thỉu;
Tất cả chúng con đều khô héo như chiếc lá,
Và tội ác chúng con như gió đùa mình đi.

7 Không có ai kêu cầu danh Ngài,
Hay cố gắng nắm lấy Ngài;
Vì Ngài đã ẩn mặt khỏi chúng con,
Để chúng con bị tiêu tan trong tội ác mình.

64:1 Hai dòng đầu được đặt tựa đề giống như 63:19 trong bản MT. Đây là chuỗi của tám THỂ HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ từ Ê-sai 64:18 bởi Ê-sai 64:19.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, là Đấng ngự trên cao, "xé nát" (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 902, KB 1146, Ê-sai 34:4; Khải Huyền 6:14) bầu khí quyển của trái đất (các tầng trời, Sáng Thế Ký 1:1).

Khi Đấng Tạo Hóa tiến đến, các tạo vật rúng động (*Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 272, KB 272 [thể này xuất hiện duy nhất ở đây và trong Các Quan Xét 5:5, vốn là bài ngợi khen/ thi thiên của Đê-bô-ra về sự đánh bại Hát-xo và quân đội của nó], Ê-sai 64:2; Thi Thiên 18:7-15; 68:8; 77:18; 144:5)

Để xem về "các tầng trời" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Tầng Trời (Special Topic: The Heavens)

64:2 "lửa" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa (Special Topic: Fire).

▣ Chú ý mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Danh Ngài sẽ được biết đến và tất cả các dân tộc sẽ run rẩy (hy vọng là trong sự ăn năn, Thi Thiên 99:1-5; Giê-rê-mi 33:9).
Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH)

64:3

NASB, NKJV, NRSV, REB	**"những việc đáng sợ"**
TEV	**"những việc kinh khủng"**
NJB	**"những phép lại thình lình"**
JPSOA	**"những điều kỳ diệu"**
LXX	**"những hành động vinh hiển"**
Peshitta	**"những điều kỳ diệu"**

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 431, KB 432, *Niphal* PHẦN TỪ) nghĩa đen có nghĩa là "sợ hãi," nhưng trong thể này nó có thể chỉ về những phép lạ vĩ đại, kỳ diệu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho Y-sơ-ra-ên (Phục Truyền 10:21; 2 Sa-mu-ên 7:23; 1 Sử Ký 17:21; Thi Thiên 66:3,5-6; 106:22; 145:6).

Trong Thi Thiên 139:14 một vài từ Hê-bơ-rơ khác được sử dụng trong sự song hành.

1. BDB 431 – đáng kinh sợ
2. BDB 811 and 810 – tuyệt diệu

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Điều Tuyệt Diệu (Special Topic: Wonderful Things)

64:4 Câu hỏi giải nghĩa là DANH TỪ "họ" đề cập chỉ đến ai.

1. dân Y-sơ-ra-ên
2. những người trung tín trở về
3. các dân tộc (Ê-sai 64:2)
4. điểm #2 và #3 đi cùng với nhau

64:4 "tai. . .mắt" Sự nổi loạn của dân sự giao ước đã được báo trước bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA in Ê-sai 6:9-10.

▣ **"Ngoài Ngài, có Đức Chúa Trời nào khác"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism).

▣ **"đã hành động. . ."** Từ "hành động" (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 793, KB 889). Đây là sự khác biệt thần học giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và các hình tượng. Chúng không thể thấy, nghe, hành động, nói, nhưng Ngài có thể!

▣ **"cho người trông đợi Ngài"** Cụm từ này mô tả về người có đức tin. Người đó trông (*Piel* PHẦN TỪ, BDB 314, KB 313). Từ này có nghĩa rộng của sự "hy vọng, tin cậy, chờ đợi" Đức Chúa Trời (Ê-sai 8:17; 30:18; Ha-ba-cúc 2:3).

Một từ gốc khác (BDB 875 I) cũng được dịch là "chờ đợi," nhưng thường không có sự quan trọng thần học như từ trên (Ê-sai 25:9; 26:8; 33:2;40:31; Thi Thiên 25:3; 27:14; 37:34; 40:1; 130:5; Châm 20:22).

64:5 "Ngài đã đón rước người**. . .**" ĐỘNG TỪ này (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, BDB 803, KB 910) trong văn mạch chỉ về sự tiếp cận của/cho mối quan hệ và hoặc sự nhân từ, tử tế.

Chú ý loại người mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA "gặp gỡ (đón rước)".

1. người vui lòng làm điều công chính
2. Người đi trong đường lối Ngài và nhớ đến Ngài

Đây là những sự song hành (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ ca Hê-bơ-rơ (Special Topic: Hebrew Poetry)).

▣ Dòng 3-5 hỏi một câu hỏi thật đúng chỗ. Y-sơ-ra-ên chính là một dân sự phá giao ước. Có thể nào một dân phạm tội được "giải cứu" ("giải thoát," BDB 446, KB 448)

1. Khỏi những hậu quả thuộc thể của tội lỗi
2. Khỏi những hậu quả thuộc thể của tội lỗi

Tôi muốn tin rằng, "Có, có, có" (Ê-sai 64:8-9)! Nhưng chỉ có sự thương xót và ân điển thiên thượng (đoạn này là một lời cầu nguyện cho sự can thiệp ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) mới có thể làm điều đó (cách dịch được khuyến nghị của UBS Text Project, trang 164). Hậu quả của Sáng Thế Ký 3 làm kinh ngạc và không thể dừng lại được nữa.

Tuy nhiên, trong văn mạch này (ví dụ, Ê-sai 64:4-7) câu này không phải là sự cứu chuộc nhưng là sự định tội (Ê-sai 64:8-12 là sự kêu khóc cho sự thương xót). Y-sơ-ra-ên phạm tội trong quá khứ và trong hiện. Nếu điều này được chấp nhận thì khi đó ĐỘNG TỪ "giải cứu" (ונושע, BDB 446, KB 448)phải bị đổi thành "và chúng ta là gian ác" (ונרשע, UBS Text Project, trang 163; NET Bible, #16, trang 1283).

NASB	**" Chúng tôi *tiếp tục* trong nó trong một khoảng thời gian dài; Và chúng tôi sẽ được cứu?"**
NKJV	**"Trong những cách này chúng tôi đã tiếp tục và chúng tôi cần được cứu"**
NRSV	**"Bởi vì Ngài đã giấu mặc Ngài chúng tôi vi "**
NJB	**"Giờ đây chúng tôi kiên định trong đường lối Ngài và chúng tôi sẽ được cứu "**
JPSOA	**"Chúng tôi đã bước trên chúng từ những ngày xưa và chúng tôi có thể được cứu?"**
LXX	**"vì thế chúng tôi đã đi mất"**
Peshitta	**" Chúng tôi đã vi phạm nghịch cùng đường lối Ngài Tuy nhiên chúng tôi vẫn được cứu "**

Bản MT không rõ nghĩa. AB đề nghị một sự hiệu đính có ích liên hệ với hai phụ âm, "chúng tôi đã nổi loạn từ lâu" (trang 190).

The UBS Text Project, trang 163-164, có một đề nghị khác liên hệ với sự mơ hồ ngữ nghĩa của ĐỘNG TỪ:

> "Cả câu có thể giải nghĩa như sau:
>
> Ngài đã gặp (ĐỘNG TỪ này có thể được hiểu trong một ý nghĩa tích cực "Ngài đã đồng ý" hoặc trong nghĩa tiêu cực "Ngài đã tấn công." Sự mơ hồ của ngữ nghĩa là cố ý) người là kẻ đã vui mừng trong việc làm điều công chính, (những kẻ ấy) là người đã nhớ ngài, ở trên đường lối Ngài ("Ngài" và "đường lối Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời và đường lối của Ngài). Nhưng ngươi, ngươi đã giận dữ, và chúng tôi đã phạm tội. Bởi những điều này (những sự can thiệp); tuy vậy, chúng tôi luôn được giải cứu."

The JPSOA footnote đề nghị một sự hiệu đính, "Bởi vì Ngài đã ẩn mặt Ngài, chúng con đã vi phạm. Nó dẫn đến Ê-sai 63:17 là một chỗ mà ý tưởng tương tự được diễn đạt (cũng hãy ghi chú È-sai 1:15; 8:17; 45:15; 57:17; 59;2).

64:6-7 Chú ý hậu quả của tội lỗi.

1. của tất cả chúng con – nhìn xa hơn vấn đề (Rô-ma 3:9-18,23; 11:32; Ga-la-ti 3:22)
2. sự ô uế (BDB 379)
3. sự công chính của chúng ta là một tấm áo ô uế (mảnh vải của kỳ kinh nguyệt, BDB 723, Lê-vi Ký 15:19-24)
4. khô héo (BDB 614, KB 663, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 1:30; 34:4) như
5. chúng con như gió đùa mình đi
6. chẳng có ai kêu cầu danh Đức Giê-hô-va (sự thờ phượng)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phản ứng với bi kịch của một tuyển dân giao ước tội lỗi, với mục đích bày tỏ và làm sáng tỏ những đặc tính của Ngài.

1. Ngài đã giấu mặt Ngài (Ê-sai 1:15; 54:8; Phục Truyền 31:18)
2. Ngài phó chúng tôi (từ của bản MT "làm tan chảy," BDB 556, KB 555, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw*, nhưng bản DSS hiệu đính là "Ngài đã làm cho chúng tôi hoàn hảo," vốn không phù hợp với văn mạch) cho năng lực (những hậu quả) của những tội lỗi của chúng tôi (điều này song hành về mặt thần học với Rô-ma 1:24,26,28!)

Những câu này phục vụ cho một sự kêu cầu của sự xưng tội. Không có bất cứ lý do nào để ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nên tha tội/ quên đi, nhưng Ngài đã làm điều đó (Ê-sai 55:6-7)! Chính giao ước mới ở trong góc nhìn này (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giải quyết với họ (Y-sơ-ra-ên) và với cả nhân loại trong một cách mới dựa trên đặc tính của Ngài, hành động của Ngài, những mục đích Ngài và qua chính Con và Thần Ngài!

Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Hiệu Quả (Special Topic: Effective Prayer)

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Cựu Ước) (Special Topic: Characteristics of Israel's God (OT))

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 64:8-12

[8] Thế nhưng, lạy Đức Giê-hô-va, bây giờ Ngài là Cha chúng con;
Chúng con là đất sét, Ngài là thợ gốm;
Tất cả chúng con là công việc của tay Ngài.
[9] Lạy Đức Giê-hô-va, xin đừng quá giận,
Đừng nhớ mãi tội ác chúng con!
Nầy, chúng con xin Ngài đoái xem,
Tất cả chúng con đều là dân Ngài.
[10] Các thành thánh của Ngài đã trở nên hoang mạc,
Si-ôn cũng đã trở nên hoang mạc,
Giê-ru-sa-lem thành chốn điêu tàn.
[11] Đền thánh đẹp đẽ của chúng con,
Là nơi tổ phụ chúng con ca ngợi Ngài
Thì đã bị thiêu hủy;
Tất cả những nơi chúng con quý nhất đều đã bị tàn phá.
[12] Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến nỗi nầy,
Ngài còn cầm lòng được sao?
Lẽ nào Ngài cứ im lặng
Để chúng con đau khổ tột cùng sao?

64:8-12 Đây là lời cầu nguyện của hy vọng rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ nhớ lại giao ước Ngài chứ không phải những tội lỗi của con cái của Ngài

1. Ngài là Cha của chúng tôi (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời là Cha (Special Topic: Fatherhood of God))
2. Ngài là thợ gốm
3. Chúng tôi là việc tay Ngài làm ra (Ê-sai 29:16; 45:9; Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời được mô tả như con người (Special Topic: God Described As Human))
4.

64:9 Có một chuỗi những mạng lệnh trong nghĩa của những lời cầu nguyện thỉnh cầu.

1. xin đừng quá giận – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 893, KB 1124) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 54:7-8
2. Đừng nhớ mãi tội ác chúng con – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 269, KB 269) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 43:25
3. xin Ngài đoái xem, tất cả chúng con đều là dân Ngài – *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 613, KB 661)

Tất cả những điều này đều tương tự với Ê-sai 57:16-17; Thi Thiên 103:8-14.

64:10-11 Tất cả những ĐỘNG TỪ đều là NHỮNG THỂ HOÀN THÀNH ("trở nên" được sử dụng bốn lần). Chúng mô tả sự hủy diệt trọn vẹn của cơn giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Các thành phố Palestine trở nên hoang mạc
2. Giê-ru-sa-lem cũng trở nên hoang vu
3. Đền thờ bị thiêu bằng lưuar (bởi người Ba-by-lôn vào năm 586 T.C. và Titus vào năm 70 A.D.)
4. Mọi điều quý giá của Y-sơ-ra-ên đều bị tàn phá

64:12 Dân sự của Đức Chúa Trời kêu khóc cho sự ngăn trở và sự thương xót. Xin làm ơn, làm ơn, đừng thêm nữa, đừng kêu khóc. Hãy đến với chúng con một lần nữa!

Ê-SAI 65

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Một dân phản nghịch	Sự Công Chính của Sự Phán Xét của Đức Chúa Trời	Sự Trả Lời của Đức Chúa Trời	Hình Phạt của Đức Chúa Trời dành cho Sự Phản Nghịch	Sự Đoán Phạt Sắp Đến
65:1-7 (1-7)	65:1-7 (1-7)	65:1-16 (1-16)	65:1-5	65:1-7 (1-7)
			65:6-7	
65:8-12 (8-12)	65:8-12 (8-12)		65:8-10	65:8-25 (8-25)
			65:11-16	
65:13-16 (13-16)	65:13-16 (13-16)			
Trời Mới và Đất Mới	Tạo Vật Mới Vinh Hiển		Tạo Vật Mới	
65:17-25 (17-25)	65:17-19 (17-19)	65:17-25 (17-25)	65:17-25	
	65:20-23 (20-23)			
	65:24-25 (24-25)			

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Hai đoạn cuối được đặt trong một đơn vị văn học xuyên suốt từ 56 đến đoạn 66. Nó có thể được mô tả là "Một Ngày Mới" hoặc "Thời Đại Mới."

B. Các tiên tri Cựu Ước sử dụng những sự kiện hiện thời để bày tỏ về các sự kiện tương lai. Sự trở về của những người bị lưu đày có vẻ để nói trước về một sự trở về thuộc linh của tất cả mọi tạo vật loài người của Đức Chúa Trời với một mối liên hệ nguyên thủy A-đam của vườn Ê-đen (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:

Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)).

C. Ê-sai 65 có lẽ là một sự đáp ứng với lời cầu nguyện mang tính cộng đồng của Ê-sai kêu xin sự giúp đỡ và thương xót vốn được ghi lại trong Ê-sai 63:7-64:12. Câu trả lời căn bản của Đức Chúa Trời là Ngài luôn luôn sẵn sàng (Ê-sai 55:6-7), nhưng dân sự Ngài luôn quay lưng lại với Ngài (Ê-sai 65:5).

D. Khá thú vị rằng Phao-lô đã sử dụng Ê-sai 65:1-2 trong Rô-ma 10:20-21. Phao-lô giải nghĩa Ê-sai 65:1 như một sự chỉ đến Dân Ngoại và Ê-sai 65:2 như một sự chỉ đến người Do Thái. Trong văn mạch, cả hai đều có vẻ chỉ liên hệ đến sự trở về của người Giu-đa trong thời kỳ Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi. Tuy nhiên, làm thế nào Ê-sai 65:1d, vốn bao gồm cụm từ, "với một dân chưa từng kêu cầu danh Ta rằng," có thể chỉ đến dân Do Thái ngoại trừ khi nó được sử dụng trong một cách châm biếm, mỉa mai và thờ hình tượng.

E. Ê-sai 65 cũng độc nhất trong thể loại tiên tri bởi vì nó đem tư tưởng của tập thể vào trong lãnh vực của sự đáp ứng cá nhân. Cả hai nhóm có thể được nhìn thấy rất rõ trong Ê-sai 65:10c và 11a. Đức Chúa Trời sẽ mang sự phân biệt ở trong dân sự giữa những kẻ biết Ngài và những kẻ chối bỏ Ngài (Ê-xê-chi-ên 18:1-21; 33:10-20; và Giê-rê-mi 31:29-30.

F. Ê-sai 65 đưa đến tột bật sự nhấn mạnh độc nhất của sách Ê-sai vào tình yêu toàn cầu Đức Chúa Trời và sự bao gộp của nó đối với những Dân Ngoại (ví dụ,Ê-sai 2:2-4; 42:6; 49:6; 51:4-5; 56:7; 60:1,3). Ông đi quá xa đến nỗi nói rằng Đức Chúa Trời sẽ thậm chí lập những thầy tế lễ và người Lê-vi là Dân Ngoại. (Ê-sai 66:21). Điều này rất đáng chú ý trong ánh sáng của kết luận rõ ràng của đức tin độc thần Do Thái và sự kêu gọi Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 12:1-3 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Giao Ước Lời Hứa dành cho Các Tổ Phụ (Special Topic: Covenant Promises to the Patriarchs)), vốn cũng đã bao gộp toàn bộ thế giới.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)
Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

G. Thật đáng ngạc nhiên rằng thời đại mới được mô tả mà không có sự ngụ ý nào chỉ đến Đấng Mê-si của đoạn 9 và 11.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 65:1-7

[1] Những người vốn không cầu hỏi Ta, đã cầu xin Ta;
Những người vốn chẳng tìm Ta thì đã gặp được Ta.
Ta đã phán với một dân chưa từng kêu cầu danh Ta rằng:
"Ta đây, có Ta đây!"
[2] Suốt ngày Ta đã giơ tay ra
Hướng về một dân phản nghịch;
Là những kẻ đi trong đường lối không tốt,
Theo ý riêng mình;
[3] Là dân không ngừng chọc giận Ta,
Ngay trước mặt Ta:
Chúng dâng sinh tế trong các khu vườn,
Xông hương trên các đống gạch,
[4] Ngồi trong mồ mả,
Trọ đêm trong nơi kín đáo
Để ăn thịt heo,
Đựng nước luộc thịt ghê tởm trong chén bát của mình.
[5] Thế mà chúng dám nói rằng: "Hãy tránh ra xa,
Đừng lại gần ta, vì ta thánh hơn ngươi!"
Bọn đó là khói nơi mũi Ta,

Như lửa cháy suốt ngày.
[6] Đây là điều đã được ghi chép trước mặt Ta:
"Ta sẽ không nín lặng nhưng sẽ báo trả;
Phải, Ta sẽ báo trả đích đáng
[7] Tội của các ngươi cũng như tội của tổ phụ các ngươi."
Đức Giê-hô-va phán vậy;
"Vì chúng đã xông hương trên các núi,
Và nói phạm đến Ta trên các đồi
Nên Ta sẽ đo lường việc làm trước kia của chúng
Và báo trả đích đáng."

65:1 "Ta cho phép chính mình Ta được tìm kiếm. . .sẽ tìm được" Đức Chúa Trời luôn thực hiện phần khởi hoạt trong những vấn đề thuộc (ví dụ, Giăng 6:44,65). Nhân loại là những kẻ đáp ứng, chứ không phải khởi đầu! Ngay cả khi trong văn mạch này, Ngài cho phép Ngài được tìm thấy, thật sự bày tỏ chính mình Ngài với người Do Thái và Dân Ngoại. Những câu mở đầu này gợi nhắc Rô-ma 11.

▣ **"Ta đây, có Ta đây!"** Sự nhân đôi để nhấn mạnh! Đây là những lời của một thành Hê-bơ-rơ của sự sẵn sàng (ví dụ, 6:8). Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng nhưng dân sự Ngài không đáp ứng ("hỏi," "tìm kiếm").

▣ **"với một dân chưa từng kêu cầu danh Ta"** Trong văn mạch cụm từ này chỉ cả về

1. Dân Do Thái là những người đã kêu cầu thần tượng, đặc biệt những thần của sự sinh sôi của thiên nhiên
2. Những dân ngoại (Rô-ma 10:20-21)

Khái niệm của sự kêu cầu bởi danh của một ai đó chính là ý tưởng của sự đáp ứng với họ. Phao-lô sử dụng cùng một khái niệm tương tự này của sự kêu cầu danh Chúa Rô-ma 10:9-13 (Công Vụ 7:59; 9:14,21; 22:16; 1 Cô-rinh-tô 1:2; 2 Ti-mô-thê 2:22). Điều này được xem như là một hành động của sự tin cậy và thờ phượng.

Chủ Đề Đặc Biệt: "Danh" của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: "The Name" of YHWH)

65:2 "Suốt ngày Ta đã giơ tay ra Hướng về một dân phản nghịch" Đây là phép tu từ nhân hình vốn chỉ ra sự tăng cường và rộng mở của tình yêu Đức Chúa Trời (Rô-ma 10:21). Thường nó là một cử chỉ của sự cầu nguyện nhưng ở đây nó là sự chào đón.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngôn Ngữ Nhân Hình Được Sử Dụng để Mô Tả Đấng Thánh (Special Topic: Anthropomorphic Language Used to Describe Deity)

▣ **"Là những kẻ đi trong đường lối không tốt, Theo ý riêng mình"** Những câu sau liệt kê ra một vài khía cạnh của sự thờ hình tượng vốn đặc tả dân Do Thái. Rất khó để có thể hiểu một cách hoàn toàn mỗi một khía cạnh một cách chi tiết trong thời kỳ lịch sử này (Ê-sai 65:3-7). Một vài người cho rằng tất cả họ đều bị bắt quả tang trong sự thờ phượng trong vườn được đề cập đến trong Ê-sai 65:3, trong khi những người khác phân biệt giữa các nhóm. Thật rõ ràng rằng dân sự Đức Chúa Trời đã quay sang các thần khác.
Một số liệt kê có khả năng của những điểm tiêu biểu của sự thờ hình tượng là

1. Dâng tế lễ trong các khu vườn
2. Dâng hương trên các đống gạch
3. Ngồi trong mồ mả
4. Dành trọn cả đêm trong những nơi bí mật
5. Ăn thịt heo
6. Có nước luộc của thịt không tinh sạch trong nồi của họ
7. Đốt hương trên các núi
8. Nhạo báng Ta trên các đồi
9. dọn bàn cho thần Vận May, Ê-sai 65:11
10. rót đầy rượu pha cho thần Định Mệnh

65:3 "Là dân không ngừng chọc giận Ta,Ngay trước mặt Ta" Đây là ẩn dụ Hê-bơ-rơ của sự bất chấp, coi thường cách công khai và lặp đi, lặp lại đối với Đức Chúa Trời. Sự thờ hình tượng đã trở nên quá phổ biến và được chấp nhận đến nỗi nó thậm chí không được che giấu.

▣ **"Chúng dâng sinh tế trong các khu vườn"** Chúng ta không biết chắc rằng đó có phải là sự sùng bái cây cối thời xa xưa có thể thấy trong Ê-sai 1:29; Ô-sê 4:13 hay đây là sự thờ phượng cá biệt trong bối cảnh một khu vườn (Ê-sai 66:17).

▣ **"Xông hương trên các đống gạch"** Người ta cho rằng từ "gạch" có thể đơn giản chỉ chỉ đến

1. một bàn thờ với những hòn đá được cắt (Lê-vi Ký 20:24-25)
2. các cột của sự thờ phượng *Ba-anh* (Lê-vi Ký 26:1)
3. những gạch ngói mái vốn liên hệ với sự thờ phượng các thiên thể của người Ba-by-lôn
4. bàn dâng hương (hãy xem *IVP Bible Background Commentary: OT*, trang 640)

Rất nhiều khả năng được đưa ra chỉ cho chúng ta thấy một điều đơn giản là chúng ta thực sự không biết rõ điều này có ý nghĩa gì

65:4 "Ngồi trong mồ mả" Cụm từ này có vẻ là một loại thờ phượng hoặc thông linh với người chết, có lẽ qua đồng cốt hoặc sự thờ cúng tổ tiên (hãy xem ghi chú trực tuyến tại Phục Truyền 18:10-12).

▣ **"Trọ đêm trong nơi kín đáo"** Từ Hê-bơ-rơ được dịch là "những nơi kín đáo" (BDB 665) có nguyên văn là "trông giữ," "canh giữ," hoặc "giữ" nhưng ở đây nó có vẻ như chỉ về một bí mật.

1. những điều bí mật, Ê-sai 48:6
2. những nơi bí mật, Ê-sai 65:4 (hoặc các hang động)
3. tư tưởng bí mật, Châm 7:10

Chúng ta thật sự không có bất kỳ ý tưởng nào về những gì điều này chỉ về nhưng nó có vẻ liên hệ với ma thuật trong một cách nào đó.

▣ **"Để ăn thịt heo,**
Đựng nước luộc thịt ghê tởm trong chén bát của mình"

Thường hai hành động này thường đi cùng với nhau bởi những nhà giải kinh mặc dù chúng không rõ ràng. Chúng ta là một sự vi phạm đối với luật về thức ăn trong Lê-vi Ký (Ê-sai 11:7; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Luật về Thức Ăn Cựu Ước (Special Topic: OT Food Laws)). Con heo là vật hiến tế rất phổ biến của những quốc gia lân cận (trong những Văn Bản tiếng U-ga-rít).

Bản MT đùng từ (*Kethiv*) "mảnh" (פרק, BDB 830) nhưng bản BDB cho là (*Qere*) מרק, BDB 600 II, "nước luộc thịt đậm đặc," cùng với bản DSS, LXX, và bản Targum trong tiếng A-ram

65:5 "Thế mà chúng dám nói rằng: "Hãy tránh ra xa,
Đừng lại gần ta, vì ta thánh hơn ngươi!"

Hai ĐỘNG TỪ đầu tiên là những mệnh lệnh.

1. Hãy giữ mình – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 897, KB 1132
2. Đừng lại gần ta – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 620, KB 670 được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH

Chú ý rằng những mạng lệnh đến từ những kẻ thờ hình tượng (Ê-sai 65:2-4,7,11-12), có lẽ là những "thầy tế lễ" của chúng. Họ quan tâm đến

1. Một sự lan truyền của "sự thánh khiết" (Ê-xê-chi-ên 44:19, trong một cách nào đó giảm sút năng lực hoặc uy thế của họ)
2. Một sự lan truyền với một tác động có khả năng tiêu cực đối với những kẻ thờ phượng ngoại đạo phổ biến.

NASB, NKJV	**"Ta thánh hơn ngươi"**
NRSV	**"Ta quá thánh đối với ngươi"**
TEV	**"chúng ta quá thánh để ngươi có thể chạm vào"**
NJB	**"hãy để sự thiêng liêng của ta đến gần ngươi"**
JPSOA	**"Ta sẽ làm cho ngươi trở nên thánh"**
REB	**"sự thánh khiết của ta sẽ ảnh hưởng trên ngươi"**
Peshitta	**"Ta được nên thánh"**
LXX	**"vì ta tinh sạch"**

The UBS Text Project, trang 166, đề nghị một cách phát âm khác, "ta đã thánh hóa ngươi," nhưng đánh cách viết của bản MT, "Ta là thánh cho ngươi" một điểm "B" (một vài sự nghi ngờ), ở trang 166. Chú ý rằng đây là lời của những kẻ thờ hình tượng nói!

▣ **" Bọn đó là khói nơi mũi Ta,**
Như lửa cháy suốt ngày "

Đây là thành ngữ chỉ về sự khó chịu và giận dữ của Đức Chúa Trời đối với loại thái độ và hành động thờ cúng hình tượng này.

Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa (Special Topic: Fire)

65:6 " Đây là điều đã được ghi chép trước mặt Ta:
"Ta sẽ không nín lặng nhưng sẽ báo trả "

Ý tưởng một điều gì đó được "viết xuống" là một sự ẩn dụ cổ xưa để chỉ về sự ghi nhớ của Đức Chúa Trời (Quyển Sách của Những Hành Vi và Sách Sự Sống trong Đa-ni-ên 7:10 và Khải Huyền 20:12-15). Sự thật là là đoán phạt sẽ đến trong một ngày. Đây là một lời mà cả nhân loại cần được nghe. Chú ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ hành động.

1. Ta sẽ không giữ yên lặng
2. Ta sẽ báo trả
3. Ta sẽ báo trả đến tận trọng lòng chúng

Chủ Đề Đặc Biệt: Hai Quyển sách của Đức Chúa Trời (Special Topic: The Two Books of God)

▣ **"Ta sẻ báo trả đến tận tấm lòng chúng"** Ẩn dụ dùng cho từ "tấm lòng" có nghĩa là "Ta sẽ báo trả tội lỗi của chính chúng nó " (Gióp 34:11; Thi Thiên 28:4; 62:12; Pro. 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; 1 Cô-rinh-tô 3:8; 2 Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; 2 Ti-mô-thê 4:14; 1 Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

65:7 " Tội của các ngươi cũng như tội của tổ phụ các ngươi " Đây là một sự kết hợp của tội lỗi của tập thể và cá nhân, và tội lỗi cách cố ý. Chúng ta bị ảnh hưởng không phải chỉ bởi quá khứ, và hiện tại trong phương diện tập thể, nhưng còn bởi quyết định cá nhân trong hiện tại. Chúng ta học được từ Mười Điều Răn trong Xuất 20:5; Phục Truyền 5:9, rằng chúng ta bị ảnh hưởng bởi tội lỗi của cha mẹ đến tận ba, bốn đời. Chúng ta cũng học được từ Ê-xê-chi-ên 18 lẽ thật ngược lại rằng chúng ta phải chịu trách nhiệm chỉ cho tội lỗi của chính chúng ta.

▣ **" Vì chúng đã xông hương trên các núi,**
Và nói phạm đến Ta trên các đồi "

Câu này, theo tiên tri Ô-sê, là một mặt của sự thờ hình tượng của vị thần của sự sinh sôi nảy nở thiên nhiên *Ba-anh* (Ô-sê 4:13-14; cũng hãy xem Giê-rê-mi 2:20; 3:2,6; 17:2).

NASB, NKJV, Peshitta	**"việc làm của chúng trước kia "**
NRSV, REB	**"sự báo trả đầy đủ"**
TEV	**"những hành động trong quá khứ của chúng"**
NJB, JPSOA	**"trong sự đầy đủ"**

Bản NASB đi theo cách viết của bản MT. Các bản NRSV, NJB, và JPSOA đưa ra một sự hiệu đính, ראשנה (BDB 911), có nghĩa là "trước đó," thành ראשׁובה (BDB 1168) có nghĩa là "trong sự đầy đủ" (Lê-vi Ký 6:5) hoặc "trước tiên" (Giê-rê-mi 16:18).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 65:8-12

[8] Đức Giê-hô-va phán thế nầy:
"Khi người ta thấy rượu mới trong chùm nho
Thì nói rằng: 'Đừng làm hư đi,
Vì trong trái đó có phước lành;'
Ta cũng sẽ làm như vậy vì các đầy tớ Ta,
Để Ta không hủy diệt tất cả.
[9] Ta sẽ khiến một dòng dõi ra từ Gia-cốp,
Và một người thừa kế các núi Ta, ra từ Giu-đa;

Những người mà Ta đã chọn sẽ thừa hưởng chúng,
Và các đầy tớ Ta sẽ ở đó.
[10] Đối với dân Ta, những người tìm kiếm Ta,
Sa-rôn sẽ thành đồng cỏ cho bầy chiên,
Và thung lũng A-cô làm nơi nghỉ cho đàn bò.
[11] Còn các ngươi, những kẻ đã từ bỏ Đức Giê-hô-va
Và quên núi thánh Ta;
Là kẻ dọn bàn cho thần Vận May,
Và rót đầy rượu pha cho thần Định Mệnh;
[12] Ta sẽ định cho các ngươi phải bị gươm đao,
Tất cả các ngươi đều phải cúi xuống để bị giết;
Vì Ta đã kêu gọi mà các ngươi không đáp lời,
Ta đã phán mà các ngươi không lắng nghe.
Các ngươi đã làm điều ác dưới mắt Ta,
Và đã chọn điều Ta không hài lòng."

65:8 " thấy rượu mới trong chùm nho " Đây là một ẩn dụ nói rằng ngay cả trong một chùm nho vốn bao gồm mọt vài trái xấu thì luôn luôn có những trái nho tốt. Đây là sự mở đầu của một sự thảo luận đi từ Ê-sai 65:8 đến Ê-sai 65:10 vốn đề cập đến một dân sót của người Do Thái (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Dân Sót, Ba Ý Nghĩa (Special Topic: The Remnant, Three Senses)) sẽ trung tín với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Tuy nhiên, Ê-sai 65:11-13 sẽ chỉ ra sự chối bỏ và đoán phạt hoàn toàn trên những người Giu-đa là những người tiếp tục chối bỏ Đức Chúa Trời.

Đây là sự bắt đầu của một sự nhấn mạnh đau đớn nhưng đúng đắn rằng sự đoán phạt sẽ bắt đầu từ trong nhà của Đức Chúa Trời. Có một hình thức tôn giáo của Y-sơ-ra-ên trong đó Đức Chúa Trời không hề vui hưởng. Đức Chúa Trời nhìn vào trong tấm lòng (Ê-sai 29:13).

Đối với từ "rượu mới" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thái Độ của Kinh Thánh đối với Sự Lạm Dụng Rượu (Special Topic: Biblical Attitudes Toward Alcohol Abuse)

65:10-11 " Đối với dân Ta, những người tìm kiếm Ta…
Còn các ngươi, những kẻ đã từ bỏ Đức Giê-hô-va "

Câu này nhấn mạnh khía cạnh cá nhân của giao ước. Đức Chúa Trời luôn luôn xử lý trong phượng diện tập thể với cả dân sự. Cả dân sự được phước và cả dân sự bị rủa sả (ví dụ, Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 28-29). Giờ đây chúng ta đến với sự tập chú cá nhân hóa của Ê-xê-chi-ên 18:32; 30:10-19 và Giê-rê-mi 31:29-30, nơi mà có một sự phân biệt của Đức Chúa Trời giữa những người nào tin cậy và những kẻ vô tín (Phục Truyền 29:24-28). Sau này trong đoạn 66 sẽ có một sự phân biệt trên toàn bộ nhân loại, giữa những kẻ chối bỏ và những kẻ tiếp nhận ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

65:11 " các ngươi, những kẻ đã từ bỏ Đức Giê-hô-va " ĐỘNG TỪ này (*Qal* PHÂN TỪ, BDB 736 I, KB 806) có nghĩa là "bỏ rơi" hoặc "rời khỏi." Nó thường xuyên được sử dụng cho sự từ bỏ Đức Chúa Trời (Phục Truyền 28:20; 31:16; Các Quan Xét 10:10; Giê-rê-mi 1:16; Giô-na 2:8). Họ bỏ rơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để đến với thần tượng (2 Các Vua 9-22; 2 Sử Ký 36:13-21). Giờ đây ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ bỏ rơi họ (Phục Truyền 31:17; Ê-sai 41:17; 49:14; 54:7).

▣ **" Là kẻ dọn bàn cho thần Vận May,**
Và rót đầy rượu pha cho thần Định Mệnh "

Từ "(Thần) Vận May" (BDB 151 II, KB 176 II) và từ Hê-bơ-rơ "Định Mệnh" ("Meni,"BDB 584, KB 602) là những tên của các thần của người Sy-ri (Ê-sai 62:4), có lẽ liên hệ với sự thờ phượng các vị thần trần tục (Giê-rê-mi 7:18; 44:17), vốn trước kia là sự thờ phượng "nữ vương thiên đàng." Rõ ràng rằng những từ này chỉ về sự thờ phượng hình tượng trong vài loại khác nhau!

65:12 NASB, REB, JPSOA "Ta sẽ định ngươi cho lưỡi gươm "

NKJV	**"Ta sẽ ban số ngươi cho lưỡi gươm "**
NRSV, NJB, Peshitta	**"Ta sẽ định ngươi cho lưỡi gươm "**
TEV	**"Nó sẽ là số phận của ngươi"**
LXX	**"Ta sẽ phó ngươi cho dao găm"**

Chú ý sự chơi chữ trên ĐỘNG TỪ (BDB 584, KB 599, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH với *waw*), vốn được sử dụng cho danh xưng của vị thần giả dối trong Ê-sai 65:11, "Định Mệnh" ("Meni," BDB 584).

▣ **" Vì Ta đã kêu gọi mà các ngươi không đáp lời "** Đây là lời tóm lại của Ê-sai 65:1-7. Đức Chúa Trời đã yêu mến và gọi họ cách liên tục nhưng họ đã từ chối và chối bỏ sự kêu gọi của Ngài (Ê-sai 41:28; 50:2; 66:4; Ô-sê 11:2).

Dòng cuối của Ê-sai 65:12 được lặp lại trong Ê-sai 66:4.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 65:13-16

[13] Vì vậy, Chúa Giê-hô-va phán:
"Nầy, các đầy tớ Ta sẽ ăn,
Còn các ngươi sẽ phải đói;
Nầy, các đầy tớ Ta sẽ uống,
Còn các ngươi sẽ phải khát;
Nầy, các đầy tớ Ta sẽ vui mừng,
Còn các ngươi sẽ phải xấu hổ;
[14] Nầy, các đầy tớ Ta sẽ ca hát vì lòng đầy vui vẻ,
Còn các ngươi sẽ kêu la vì lòng tràn ngập buồn đau,
Các ngươi sẽ than khóc vì tâm linh tan nát.
[15] Tên các ngươi sẽ lưu lại
Để những người được chọn của Ta làm lời nguyền rủa;
Chúa Giê-hô-va sẽ giết ngươi,
Nhưng Ngài sẽ gọi các đầy tớ Ngài bằng một tên khác.
[16] Vì vậy, những ai trên đất cầu phúc cho mình
Sẽ nhân danh Đức Chúa Trời chân thật mà cầu;
Và những ai trên đất thề nguyện
Sẽ nhân danh Đức Chúa Trời chân thật mà thề.
Vì những khổ đau trước kia đã bị quên lãng
Và đã khuất mắt Ta."

65:13-16 Đây là sự nhấn mạnh liên tiếp trên sự tương phản giữa hai loại dòng giống (hậu tự) của Áp-ra-ham tin kính và không tin kính. Trong Tân Ước sự nhấn mạnh này chuyển sang toàn bộ nhân loại (Rô-ma 2:28-29).

65:14 Chú ý sự tương phản giữa

1. Những người trung tín – sẽ ca hát với lòng đầy vui vẻ
2. Những kẻ không trung tín – kêu la với lòng tràn ngập buồn đau, tâm linh tan nát

Đây là một sự chia rẽ giữa nhân loại (Ma-thi-ơ 7:13-14,15-23,24-27; Lu-ca 13:22-30), ngay cả những người có vẻ rất "tôn giáo, sùng đạo "!

65:15 " Tên các ngươi sẽ lưu lại Để những người được chọn của Ta làm lời nguyền rủa " Đây là một sự chơi chữ khác trên từ "tên" (BDB 1027). Đây là ý tưởng về tên của những người không tin sẽ bị nguyền rủa, trong khi những tín đồ sẽ có một danh mới. Trong văn mạch ngay tức thời tại đây chúng ta không biết danh mới mà họ được gọi là gì. Một danh mới cho Đức Chúa Trời được đưa ra trong Ê-sai 65:16-" Đức Chúa Trời A-men," " Đức Chúa Trời của Sự Chân Thật," hoặc "the Đức Chúa Trời của sự thành tín" (Khải Huyền 3:14). Danh mới của tín hữu có lẽ sẽ liên hệ với điều ấy (Ê-sai 56:9; 62:2; Khải Huyền 2:17).

Trong Sáng Thế Ký, lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Áp-ra-ham có kèm theo một sự cảnh cáo và một phước hạnh liên hệ với sự đối xử với Áp-ra-ham như một người đã sử dụng "tên" để đại diện cho chính mình (Sáng Thế Ký 12:2; 18:18; 22:18).

65:16 " Vì những khổ đau trước kia đã bị quên lãng
Và đã khuất mắt Ta "

Trong Kinh Thánh "khi Đức Chúa Trời quên" là một ẩn dụ cho sự tha thứ hoàn toàn. Chú ý ẩn dụ được sử dụng cách liên tục rằng tội lỗi bị ẩn đi khỏi mắt Ngài. Đây là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong Cựu Ước. Khi Đức Chúa Trời tha thứ, Đức Chúa Trời quên đi (Thi Thiên 103:11-13; Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; và Mi-chê 7:19)!

NASB, NKJV, NJB, Peshitta	**" Đức Chúa Trời của sự chân thật"**
NRSV	**" Đức Chúa Trời của sự thành tín "**
TEV	**" Đức Chúa Trời thành tín"**
LXX, JPSOA	**" Đức Chúa Trời chân thật"**
REB	**"bởi Đức Chúa Trời Đấng có danh là A-men"**

Danh xưng dùng cho Đấng Thánh, "Đức Chúa Trời," אלה (BDB 43), thường được sử dụng trong các bài thơ cổ trong Kinh Thánh (Phục Truyền 32:15,17; Gióp 3:4; Thi Thiên 18:32; 50:22; 114:7; 139:19;Châm 30:5; Ê-sai 44:8; Ha-ba-cúc 3:3).

Phần thứ hai của danh xưng (2 Cô-rinh-tô 1:20; Khải Huyền 3:14) là "A-men."

Chủ Đề Đặc Biệt: A-men (Special Topic: Amen)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 65:17-25

17 "Vì nầy, Ta sẽ tạo dựng trời mới đất mới;
Những việc trước kia sẽ không còn được nhớ đến,
Không còn nhắc đến trong tâm trí nữa.
18 Nhưng hãy vui mừng và hân hoan mãi mãi
Về những gì Ta đã tạo dựng;
Vì nầy, Ta đã tạo dựng Giê-ru-sa-lem cho niềm hân hoan,
Và dân thành ấy cho sự vui mừng.
19 Ta sẽ hoan hỉ vì Giê-ru-sa-lem,
Ta sẽ vui mừng vì dân Ta;
Nơi ấy sẽ không còn nghe tiếng khóc lóc,
Hay kêu la đau đớn nữa.
20 Tại đó sẽ không có trẻ con chết yểu,
Cũng chẳng có người già không tròn tuổi thọ;
Vì chết lúc trăm tuổi là chết trẻ,
Và kẻ chỉ sống đến trăm tuổi bị coi như đáng nguyền rủa.
21 Người ta sẽ xây nhà và được ở,
Sẽ trồng vườn nho và được ăn trái.
22 Họ sẽ không xây nhà cho người khác ở,
Chẳng trồng vườn nho cho kẻ khác ăn.
Vì tuổi thọ của dân Ta sẽ như tuổi của cây;
Những người được chọn của Ta sẽ được hưởng công việc tay mình làm.
23 Họ sẽ không nhọc công vô ích,
Không sinh con để gặp tai ương bất ngờ;
Vì họ và con cháu họ
Là dòng dõi được Đức Giê-hô-va ban phước.
24 Ta sẽ nhậm lời họ trước khi họ kêu cầu Ta;
Họ còn đang nói, Ta đã nghe rồi.
25 Muông sói và chiên con sẽ ăn chung với nhau,
Sư tử sẽ ăn rơm như bò,
Còn rắn thì ăn bụi đất.
Sẽ chẳng có ai làm tổn hại hay hủy phá
Trong khắp núi thánh của Ta."
Đức Giê-hô-va phán vậy.

65:17 " Vì nầy, Ta sẽ tạo dựng trời mới đất mới " Văn mạch của Ê-sai 65:17-25 cực kỳ quan trọng bởi vì đây là chìa khóa, không chỉ cho hai đoạn cuối- rằng Đức Chúa Trời sẽ dựng nên tất cả mọi tạo vật mới (Ê-sai 42:9; 48:6; 66:22; 2 Phi-e-rơ 3:13), nhưng trong cả sự thảo luận về Thời Đại Mới của Đấng Mê-si (Rô-ma 8:18-25). Nó cũng hàm ý rằng trật tự bây giờ sẽ bị hủy diệt (Ê-sai 51:6 và 2 Phi-e-rơ 3:10). Cũng có một mối liên hệ giữa Ê-sai 65:16 và 17 rằng Trật Tự Mới sẽ không bao gồm tội lỗi nữa bởi vì họ đã được tha thứ, như sự đề cập đến trong phần sau của Ê-sai 65:16.

Cụm từ "một trời mới và đất mới" là rất phổ biến trong Văn Học Lai Thế Học Do Thái (II Esdras 6:1124; I Enoch 91:16). Cụm từ này trở nên hình ảnh trong 21-22! Đất mới sẽ quay trở lại với tình trạng và mục đích vinh hiển trước-Sáng Thế Ký 3. Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-sai 62:2.

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Điều Cũ. . .Những điều mới (Special Topic: Old Things. . .New Things)

65:18 Dòng thơ đầu tiên có hai THỂ MỆNH LỆNH song hành.

1. Vui mừng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 965, KB 1314, Ê-sai 61:10 (hai lần); 62:5; 64:5; 65:18,19; 66:10,14
2. Hân hoan – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 162, KB 189, Ê-sai 61:10; 65:18,19; 66:10

AB, trang 198, xem đây là những danh hiệu mới cho Giê-ru-sa-lem và những kẻ trở về.

▣ **"mãi mãi"** Từ này (BDB 723 I) chỉ về mối liên hệ mối liên hệ đời đời với Đấng Tạo Hóa và những tạo vật con người của Ngài (1 Sử Ký 28:9; Mi-chê 7:18). Có một sự chơi chữ trên cách phát âm giữa GIỚI TỪ (BDB 723 III và DANH TỪ "mãi mãi" (BDB 723 I), vốn chỉ về một sự đời đời, vĩnh viễn.

65:19 " Nơi ấy sẽ không còn nghe tiếng khóc lóc,
Hay kêu la đau đớn nữa "

Đây là một chủ đề liên tục của Ê-sai rằng Thời Đại Mới sẽ không có sự đau đớn của những tội lỗi-bị rủa sả của thế gian (Ê-sai 25:8; 30:1; 35:10; 55:11). Điều này có vẻ được ngụ ý chỉ đến trong Khải Huyền 7:17 và 21:4.

65:20 " Tại đó sẽ không có trẻ con chết yểu,
Cũng chẳng có người già không tròn tuổi thọ "

Cụm từ nói quá có thể có một trong hai nguồn gốc.

1. Một sự chỉ đến đời sống dài lâu trong Sáng Thế Ký 1-5, và vì vậy chỉ đến sự quay về thời điểm của Vườn Ê-đen
2. Một cách diễn tả Cựu Ước về "thời đại mới," mà chúng ta biết rằng những sự liên hệ với Tân Ước không chỉ được mở rộng trong phương diện cuộc sống thuộc thể nhưng là một sự sống mới đời đời (*zoa*)

Để xem một bài viết tốt thảo luận về đời sống được kéo dài và sự thảo luận Tân Ước về sự sống đời đời, hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 307-309.

65:22 Đây là những ẩn dụ để mô tả về những sự kiện rằng mọi người sẽ sống trong xứ và vui hưởng bông trái của nó. Nó là một sự ngụ ý trực tiếp dành cho những người lưu đày và lời hứa trở về với Palestine.

NASB	**"hao mòn"**
NKJV, NRSV	**"vui hưởng lâu dài"**
TEV	**"vui hưởng trọn vẹn"**
NJB	**"sử dụng"**
REB	**"vui hưởng"**
JPSOA	**"sống lâu"**
LXX	**"trở nên già cả"**
Peshitta	**"ăn"**

MT sử dụng ĐỘNG TỪ (BDB 115, KB 132, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH), vốn có nghĩa là "hao mòn," nhưng trong từ gốc *Piel* nó chỉ về "hao mòn bởi sự sử dụng " hoặc là "đến với sự trọn vẹn." Dân sự của Đức Chúa Trời sẽ vui hưởng cách trọn vẹn phước hạnh và sự ban phước của Ngài (ví dụ, 2 Sa-mu-ên 7:10; 1 Sử Ký 17:9).

▣ Bản Bảy Mươi (Septuagint) xem từ "cây" (BDB 781) như một sự chỉ đến "cây sự sống" trong Vườn Ê-đen, cũng như bản Targums trong tiếng A-ram.

65:24 Đây là lời hứa tuyệt đẹp của sự trả lời ngay lập tức lời cầu nguyện và thậm chí còn mở rộng hơn cả Ma-thi-ơ 6:8.

65:25 " Muông sói và chiên con sẽ ăn chung với nhau " Ở đây một lần nữa bức tranh đồng quê của Đức Chúa Trời và nhân loại ở cùng với nhau trong khung cảnh của khu vườn với muông thú (Ê-sai 11:6-9; Sáng Thế Ký 1,2; Khải Huyền 21:22). Điều này đi cùng với thần học riêng biệt của tôi rằng chúng ta sẽ không đến thiên đàng, nhưng thiên đàng sẽ trở lại thành một mặt đất được tái tạo và tẩy sạch. Nó sẽ trở lại như nó đã từng là!

Chủ Đề Đặc Biệt: Sư Tử trong Cựu Ước (Special Topic: Lions in the OT)

▣ **" Còn rắn thì ăn bụi đất "** Đây có lẽ là một thành ngữ không phổ biến đã được hiểu cách thông thường là thức ăn cho rắn trong ngày đó. Tuy nhiên, nó cũng có thể là một sự chỉ đến

1. Sáng Thế Ký 3:14, nơi chỉ ra sự cám dỗ của Satan sẽ chấm dứt hoàn toàn cũng như là tất cả các sự hảnh hưởng trên nhân loại tin kính và được dựng nên mới
2. Ê-sai 11:8, là một khổ thơ cũng mô tả về thời đại mới

Ê-SAI 66

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thiên Đàng chính Là Ngai của Đức Chúa Trời	Sự Thờ Phượng Thật và Sai Trật	Những Lời Tuyên Phán Kết Luận	Đức Giê-hô-va Đoán Phạt các Dân Tộc	Lời Tiên Tri Trên Đền Thờ
66:1-2 (1-2)	66:1-2 (1-2)	66:1-2 (1-2)	66:1-2 (1-2)	66:1-2 (1-2)
Lời Quở Trách Sự Giả Hình				
66:3-6 (3-6)	66:3-4 (3-4)	66:3-5 (3-5)	66:3-4 (3-4)	66:3-4 (3-4)
	Đức Giê-hô-va Biện Hộ cho Si-ôn			Sự Đoán Phạt Trên Giê-ru-sa-lem
	66:5 (5)		66:5-6 (5-6)	66:5 (5)
	66:6 (6)	66:6 (6)		66:6 (6)
66:7-9 (7-9)	66:7-9 (7-9)	66:7-9 (7-9)	66:7-9 (7-9)	66:7-9 (7-9)
Niềm Vui về Tương Lai của Giê-ru-sa-lem				
66:10-17 (10-17)	66:10-11 (10-11)	66:10-11 (10-11)	66:10-11 (10-11)	66:10 (10)
				66:11 (11)
	66:12-13 (12-13)	66:12-16 (12-16)	66:12-14	66:12a (12a)
	Sự Tể Trị và Phẫn Nộ của Đức Chúa Trời			66:12b-13 (12b-13)
	66:14-16 (14-16)			66:14 (14)
			66:15-16	66:15 (15)
				66:16-17 (16-17)
	66:17 (17)	66:17	66:17-19a	Một Bài Giảng Lai Thế Học
66:18-24 (22-24)	66:18-21	66:18-21		66:18-22
			66:19b-21	
	66:22-23 (22-23)	66:22-23 (22-23)	66:22-24	
				66:23-24 (23-24)
	66:24 (24)	66:24		

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (Hãy xem "Hội thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (chu kỳ đọc lần thứ 3). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba, v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 66:1-2

[1] Đức Giê-hô-va phán:
"Trời là ngai của Ta,
Đất là bệ chân Ta.
Các ngươi sẽ xây nhà thế nào cho Ta?
Nơi nào sẽ làm chỗ nghỉ ngơi cho Ta?
[2] Tay Ta đã làm ra mọi điều nầy,
Và tất cả đều hiện hữu."
Đức Giê-hô-va phán vậy.
"Đây là người mà Ta đoái xem,
Là người khiêm nhường và có tâm linh thống hối,
Người run sợ khi nghe lời Ta phán.

66:1 " Trời là ngai của Ta, Đất là bệ chân Ta.
Các ngươi sẽ xây nhà thế nào cho Ta?
Nơi nào sẽ làm chỗ nghỉ ngơi cho Ta?"

Đây là một sự ngụ ý rõ ràng chỉ đến bài cầu nguyện cung hiến của Sa-lô-môn trong 1 Các Vua 8:27 và một lần nữa được chỉ đến trong Công Vụ 7:47-48.

Thật khó để biết được giai đoạn lịch sử nào câu này liên hệ với. Một số xem nó liên hệ với những người lưu đày và sự tái xây dựng Đền Thờ, vốn có thể theo văn mạch. Tuy nhiên một số người khác cho rằng Đức Chúa Trời không sống trong một công trình được dựng nên bởi tay con người và về thế câu này chỉ đến

1. Đền thờ là thân thể con người mà Đức Chúa Trời đã dựng nên
2. Gia đình của Đức Chúa Trời, dòng dõi đức tin của Áp-ra-ham (Những người tin kính là người Do Thái và Người Ngoại, Rô-ma 2:28-29)
3. Đền thờ cả vũ trụ của Sáng Thế Ký 1, hãy xem quyển, *The Lost World of Genesis One,* được viết bởi John H. Walton

Chủ Đề Đặc Biệt: Các Tầng Trời và Tầng Trời Thứ Ba (Special Topic: The Heavens and the Third Heaven)

66:2 " Tay Ta đã làm ra mọi điều nầy " Chúng ta học được từ Tân Ước rằng Đấng Trung bảo của Đức Chúa Trời trong sự tạo hóa không phải là ai khác hơn chính là Đấng Trước Nhập Thể- Đức Chúa Jesus Christ (Giăng 1:3; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2).

Để xem về "tay" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tay (Special Topic: Hand).

NASB, JPSOA "đến trong sự hiện diện "
NKJV "hiện hữu"
NRSV, LXX "là của Ta"
REB, Peshitta "thuộc về Ta"

Bản MT dùng ĐỘNG TỪ "là" (BDB 224, KB 243, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH với *waw*). The UBS Text Project, trang 168, đánh giá cách sử dụng từ này một điểm "B" (một vài sự nghi ngờ).

Những bản cổ hiểu nó như một khẳng định cho sự sở hữu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì Ngài là Đấng Sáng Tạo nên chúng.

▣ **" Đây là người mà Ta đoái xem,**
Là người khiêm nhường và có tâm linh thống hối,Người run sợ khi nghe lời Ta phán "

Đức Chúa Trời trước hết nhìn vào những động cơ và tính cách của tấm lòng con người. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA biết những suy nghĩ và ý định của tấm lòng (Ê-sai 66:18, 1 Sa-mu-ên 2:3; 16:7; 1 Các Vua 8:39; 1 Sử Ký 28:9; 2 Sử Ký 6:30; Thi Thiên 7:9; 17:3; 26:2; 44:21; 139:1,23; Pro. 15:11; 16:2; 21:2; 24:12; Giê-rê-mi 11:20; 17:9-10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công Vụ 1:24; 15:8; Rô-ma 8:27).

Chúa Jesus cũng biết những suy nghĩ và động cơ trong lòng của con người, hãy xem Giăng 2:24-25; 6:61,64; 13:11!

Cùng một sự mô tả được sử dụng cho sự ăn năn thống hối của Đa-vít trên tội lỗi của mình với Bát-sê-ba (Thi Thiên 51:17); hãy xem Ê-sai 57:15; Thi Thiên 34:18; Ma-thi-ơ 5:3-4; Lu-ca 18:13-14.

Đây cũng là hai sự mô tả rất đẹp và sống động dành cho dân sự chân thật của Đức Chúa Trời.

1. Một dân khiêm nhường và thống hối
2. Những kẻ run sợ trước lời của Ngài (Ê-sai 66:5)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 66:3-6

[3] Còn những ai làm thịt một con bò giống như kẻ giết người;
Kẻ dâng chiên con làm sinh tế giống như kẻ bẻ cổ một con chó;
Kẻ dâng tế lễ chay giống như kẻ dâng huyết heo;
Kẻ xông hương giống như kẻ thờ thần tượng.
Vì chúng đã chọn đường lối riêng cho mình,
Và lòng chúng chỉ ưa thích những việc ghê tởm.
[4] Ta cũng sẽ chọn những tai ương cho chúng,
Sẽ đem đến cho chúng điều chúng kinh hãi.
Vì Ta đã gọi mà không ai đáp lại,
Ta đã phán mà chẳng ai lắng nghe;
Chúng đã làm điều ác dưới mắt Ta,
Và chọn điều Ta không hài lòng."
[5] Hỡi những người nghe lời phán của Đức Giê-hô-va mà run,
Hãy nghe lời Ngài:
"Anh em các con là kẻ ghét các con
Và loại bỏ các con vì danh Ta, từng nói rằng:
'Xin Đức Giê-hô-va được vinh quang,
Để chúng tôi thấy sự vui mừng các người!'
Nhưng chính họ sẽ bị hổ thẹn."
[6] Có tiếng ồn ào vang ra từ trong thành,
Có tiếng phát ra từ đền thờ,
Là tiếng của Đức Giê-hô-va,
Đấng báo trả những kẻ thù Ngài.

66:3-4 Phần Kinh Thánh này chỉ ra chỉ riêng nghi lễ không đem lại sự hài lòng (Ê-sai 29:13; Giê-rê-mi 7), nhưng kết hợp với nghi lễ phải là một sự khiêm nhường và tấm lòng ăn năn. Rằng khi chúng ta lặp đi lặp lại những khuynh hướng sẽ trở nên quen thuộc, nhưng trong lĩnh vực đức tin động cơ của chúng ta chính là then chốt (Ê-sai 66:2).

66:3 " lòng chúng chỉ ưa thích những việc ghê tởm " Câu này chỉ về những tập tục thờ phượng ngoại đạo khác nhau (Ê-sai 65:4,7,11). Họ yêu thích và chọn (BDB 103, KB 119, được sử dụng ba lần trong Ê-sai 66:3-4) tội lỗi (Ê-sai 1:4; 57:17; 65:2; 66:18; Thi Thiên 81:1112)!

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Gớm Ghiếc (Cựu Ước) (Special Topic: Abomination (OT))

66:4

NASB	**"những hình phạt"**
NKJV	**"những ảo tưởng"**
NRSV, JPSOA	**"chế giễu"**
TEV	**"thảm họa"**
NJB	**"chế nhạo chúng "**
REB	**"một việc cố ý"**
Peshitta	**"sỉ nhục"**
BDB	**"những việc lố lăng"**

Từ này (BDB 760, KB 1768) được thấy duy nhất ở đây và Ê-sai 3:4. KB cho là

1. Hành động láu cá (được thực hiên bởi một đưa trẻ từ từ gốc, עולל (BDB 760, từ Ê-sai 3:4, "con nít," với một từ gốc tương tự trong Ê-sai 3:12)
2. Sự chữa bệnh trong câu này (BDB 760 II)

▣ **" Sẽ đem đến cho chúng điều chúng kinh hãi "** Ôi chao! Thật là một sự của sả kinh khiếp từ Đức Chúa Trời (Châm 1:27; 10:24)!

▣ **" Vì Ta đã gọi mà không ai đáp lại "** Ở đây, một lần nữa sự lặp lại của chủ đề này (Ê-sai 41:28; 50:2; 65:12).

66:5 Có một sự đau buồn và căng thẳng ngay giữa chính dân sự của Đức Chúa Trời (Rô-ma 9:6-8). Sự bắt bớ những tiên tri bởi chính những đồng bào Do Thái của họ là một ví dụ tốt cho điều này (Ma-thi-ơ 5:10-12; 10:22). Nhiều điều kinh khiếp đã được thực hiện bởi những người "sùng đạo, tôn giáo" trong danh của Đức Chúa Trời!

Chú ý cách mà dân sự chân thật của Đức Chúa Trời phải đáp ứng trong sự bắt bớ – vui mừng (BDB 970, Ê-sai 51:11; 55:12; 61:7; chú ý 66:10 vốn có nhiều từ đồng nghĩa với sự vui mừng.

1. Hãy vui vẻ – BDB 162
2. Hân hoan – BDB 965 (hai lần)
3. Cả *Qal* THỂ MỆNH LỆNH của "sự vui mừng" (BDB 970)

Có ba thể mệnh lệnh trong Ê-sai 66:5.

1. Nghe lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 1033, KB 1570
2. Xin ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được vinh quang – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 457, KB 455, được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (bản LXX dịch từ này trong THỂ BỊ ĐỘNG)
3. Để chúng tôi thấy sự vui mừng các người – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 906, KB 157, được sử dụng trong một nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ, KHUYÊN BẢO

66:6 Có nhiều sự thảo luận giữa những nhà giải kinh về sự liên hệ giữa câu này với văn mạch. Một số cho rằng nó là một sự kiện lịch sử không được biết, trong khi những người khác cho rằng nó liên hệ trực tiếp với Ê-sai 66:5, vốn bày tỏ về sự đoán phạt những người Do Thái vô tín, kiêu ngạo.

▣ **"thành"** hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hai "Thành" trong Ê-sai (Special Topic: The Two "Cities" of Isaiah)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 66:7-9

[7] Trước khi chuyển dạ,
Người đàn bà đã sinh con;
Trước khi cơn quặn thắt đến,
Nàng đã sinh một trai.
[8] Ai đã từng nghe một việc như thế?
Ai đã từng thấy những việc giống như vậy?
Có đất nước nào chuyển dạ trong một ngày,
Hay dân tộc nào được sinh ra trong một lúc không?
Thế mà Si-ôn mới vừa chuyển dạ
Đã sinh con cái.
[9] Đức Giê-hô-va phán: "Chính Ta đã khiến tử cung người mẹ mở ra,
Lại không cho sinh nở sao?
Hay Ta là Đấng khiến sinh nở lại ngăn tử cung sao?"

Đức Chúa Trời ngươi phán vậy.

66:7-13 Văn mạch này chỉ về Si-ôn được sinh ra một dân tộc trong một ngày vốn bao gồm cả những Dân Ngoại. Một số người cho rằng đây là sự trở về từ sự lưu đày, nhưng trong sự kiện này không có người Ngoại nào được bao gồm. Vì vậy, nó phải mang tính lai thế học (Tân Ước).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 66:10-17

[10] Hỡi tất cả những người yêu mến Giê-ru-sa-lem!
Hãy vui mừng với nó, hãy hân hoan vì nó.
Hỡi tất cả những người than khóc Giê-ru-sa-lem!
Hãy cùng nó hớn hở vui mừng,
[11] Để các ngươi được bú và no nê
Nơi vú của sự an ủi nó;
Để các ngươi được uống và thỏa thích
Từ nguồn sung mãn vinh quang của nó.
[12] Vì Đức Giê-hô-va phán:
"Nầy, Ta sẽ cho sự bình an tuôn chảy đến nó như một dòng sông,
Và vinh quang của các nước tràn ngập như dòng suối;
Các con sẽ được bú, được bồng ẵm bên hông,
Và mơn trớn trên đầu gối.
[13] Ta sẽ an ủi các con
Như người mẹ an ủi con mình,
Các con sẽ được an ủi tại Giê-ru-sa-lem."
Sự cai trị và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời
[14] "Các ngươi sẽ thấy, và lòng hớn hở;
Xương cốt các ngươi sẽ nẩy nở như cỏ non.
Tay Đức Giê-hô-va sẽ được bày tỏ cho các đầy tớ Ngài,
Và Ngài sẽ nổi thịnh nộ cùng kẻ thù Ngài.
[15] Vì nầy, Đức Giê-hô-va sẽ ngự đến trong lửa,
Và chiến xa của Ngài như cơn gió lốc,
Để trút cơn giận của Ngài trong thịnh nộ
Và sự quở trách của Ngài trong ngọn lửa hừng.
[16] Vì Đức Giê-hô-va sẽ dùng lửa và gươm
Mà xét xử mọi xác thịt;
Và nhiều người sẽ chết bởi Đức Giê-hô-va.
[17] Những kẻ dọn mình cho sạch để vào các khu vườn thờ lạy tượng thần giữa vườn, ăn thịt heo, thịt chuột và những vật ghê tởm khác, sẽ chết chung với nhau." Đức Giê-hô-va phán vậy.

66:10 Như một kết quả của những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm để phục hồi dân sự của Ngài trở về Đất Hứa (ví dụ, Sáng Thế Ký 12:1; 15:16), những mạng lệnh là

1. Hãy vui mừng – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 970, KB 1333
2. Hân hoan– *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, BDB 162, KB 189
3. Hãy vui vẻ cực kỳ – *Qal* THỂ MỆNH LỆNH và DANH TỪ, BDB 965, KB 965

66:12 Hình ảnh của tình yêu cha mẹ của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài quá mạnh mẽ trong câu này. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả trong những ẩn dụ GIỐNG CÁI (Ê-sai 49:15; 66:9-13; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Nan Đề Và Giới Hạn của Ngôn Ngữ Con Người (Special Topic: The Problems and Limitations of Human Language)).

Sự thật rằng Đức Chúa Trời đã sử dụng "một người mẹ nuôi con để mô tả về chính mình Ngài trong phần này.

Chủ Đề Đặc Biệt: Phụ Nữ Trong Kinh Thánh (Special Topic: Women in the Bible)

66:13 Từ "yên ủi" (BDB 636, KB 688) được sử dụng ba lần trong câu này.

1. *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (hai lần)
2. Giống #1
3. *Pual* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Điều này nhắc lại một sự sử dụng trong Ê-sai 40:1 (*Piel* THỂ MỆNH LỆNH, hai lần); cũng hãy chú ý 12:1; 53:3 (hai lần),12,19; 52:9; 61:2 (57:18, BDB 637). Đây chính là chủ đề của Ê-sai 40-66. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hành động để tha thứ, quên đi, và phục hồi những kẻ tin cậy nơi Ngài và run rẩy trước lời của Ngài (Ê-sai 66:2,5)!

66:15-16 Chú ý những ẩn dụ khác nhau được sử dụng để mô tả về sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Lửa (BDB 77; see Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa (Special Topic: Fire))
2. Cơn bão lốc (BDB 693 I, Ê-sai 5:28; Giê-rê-mi 4:13)
3. Cơn giận của Ngài (BDB 60 I) với sự thạnh nộ (BDB 404, Ê-sai 42:25; 51:20; 63:3,6)
4. Sự trách phạt với ngọn lửa bừng, Ê-sai 29:6; 30:30
5. Sự đoán phạt bằng lửa
6. Thanh gươm Ngài trên mọi loài xác thịt, Ê-sai 65:12

66:16 " Và nhiều người sẽ chết bởi Đức Giê-hô-va " Câu này chỉ về sự đoán phạt sẽ bắt đầu trong nhà của Đức Chúa Trời. Chúng ta cần nhớ rằng có nhiều người giữa cộng đồng người Do Thái và, nguyện Đức Chúa Trời giúp đỡ chúng ta, ở giữa hội thánh, là những người đã không thực sự biết Đức Chúa Jesus Christ, Đấng Mê-si.

66:17 "dọn mình cho sạch" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết (Special Topic: Holy)

▣ **" để vào các khu vườn "** Cụm từ nảy có vẻ chỉ về một loại thờ phượng ngoại đạo (Ê-sai 65:3).

▣ **" thờ lạy tượng thần giữa vườn "** Từ được dịch là "giữa (trung tâm)" (BDB 1063) cũng được sử dụng cho "cây sự sống" trong Sáng Thế Ký 3:3. Bản Bảy Mươi (Septuagint) xem câu 65:22 như một sự chỉ đến cây sự sống. Ở đây, nó có thể chỉ về những trụ *A-sê-ra* hoặc cây cọc được chạm khắc của sự thờ phượng sự sinh sôi nảy nở thiên nhiên của người Ca-na-an

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thờ phượng Sự Sinh Sản và Sinh Sôi của Thiên Nhiên tại khu vực Cận Đông Cổ Đại (Special Topic: Fertility Worship of the ANE)

▣ **"kẻ ăn. . ."**

1. Thịt heo, 65:4
2. Những vật ghê tởm (BDB 1054, Lê-vi Ký 11:10,11,12,13,20,23,41,42)
3. Chuột (BDB 747, Lê-vi Ký 11:29)

Tôi nghĩ rằng luật về thức ăn trong Lê-vi Ký 11 không phải về vấn đề vệ sinh nhưng là vấn đề tà thuật. Các luật này để giữ Y-sơ-ra-ên khỏi bất kỳ sự liên hệ xã hội hoặc tôn giáo với người Ca-na-an.

Chủ Đề Đặc Biệt: Luật về Thức Ăn (Special Topic: Food Laws)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB): Ê-SAI 66:18-24

18 "Còn Ta, Ta biết việc làm và ý tưởng của họ. Đến kỳ, Ta sẽ tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng; họ sẽ đến và được thấy vinh quang Ta. 19 Ta sẽ đặt một dấu hiệu giữa họ, và sai những người sống sót của họ đến các nước Ta-rê-si, Phun, Lút, là dân có tài bắn cung, đến Tu-banh và Gia-van, đến các hải đảo xa xôi, là nơi chưa nghe nói về Ta và chưa từng thấy vinh quang Ta. Họ sẽ loan báo vinh quang của Ta giữa các nước."

20 Đức Giê-hô-va phán: "Các dân ngoại sẽ đem tất cả anh em các ngươi về từ mọi nước. Chúng chở họ trên ngựa, xe, kiệu, la, lạc đà một gu mà đến núi thánh Ta là Giê-ru-sa-lem, để dâng họ như một lễ vật lên Đức Giê-hô-va; cũng như con dân Y-sơ-ra-ên đem lễ vật trong vật dụng thanh sạch vào đền thờ Đức Giê-hô-va vậy." 21 Đức Giê-hô-va phán: "Ta cũng sẽ chọn một số người trong họ làm thầy tế lễ và người Lê-vi."

22 "Vì như trời mới đất mới
Mà Ta sắp tạo dựng,
Sẽ tồn tại trước mặt Ta thể nào,
Thì dòng dõi và tên tuổi các ngươi cũng sẽ tồn tại thể ấy."

Đức Giê-hô-va phán vậy.
[23] Đức Giê-hô-va phán:
"Từ ngày trăng mới nầy đến ngày trăng mới khác,
Từ ngày sa-bát nọ đến ngày sa-bát kia,
Mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Ta.
[24] Họ sẽ đi ra và thấy xác của những kẻ phản loạn chống lại Ta; sâu bọ trong xác họ không bao giờ chết, lửa thiêu đốt họ không bao giờ tắt, và họ sẽ là vật ghê tởm cho mọi người."

66:18-21 " Đến kỳ, Ta sẽ tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng " Từ "kỳ" được đem đến bởi Eben Ezra tỏng bản dịch của ông từ bản Masoretic Text. Có một số sự mơ hồ ở đây cũng như là bối cảnh chính xác của câu này. ĐỘNG TỪ "biết" không có trong bản tiếng Hê-bơ-rơ.

Đây là một sự chỉ đến trong một cách nào đó sẽ tập hợp tất cả các dân tộc. Có vẻ họ đến để chống lại dân sự của Đức Chúa Trời (ví dụ, "những dân sót"). Nhưng, qua việc Đức Chúa Trời đánh bại họ một lần nữa (Ê-sai 66:24b) một số sẽ đến tin nhận Ngài. Sau đó Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ một dấu hiệu, Ê-sai 66:19 (Ê-sai 11:10,12), đến mỗi dân tộc của họ như những nhà truyền giáo. Và, điều kỳ diệu của những sự kỳ diệu — những kẻ ngoại đạo đáp ứng với thông điệp và trở về với Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem để thờ phượng và Ngài thậm chí còn lập những người trong số họ trở nên những thầy tế lễ và người Lê-vi (Ê-sai 66:21).

Phần này, Ê-sai 66:19-24, thật hoàn toàn đáng kinh ngạc trong sự nhấn mạnh toàn cầu của nó. Điều này gây nên một sự kinh khiếp và hoang mang giữa những ra-bi Do Thái, nhưng trong văn mạch này, nó rõ ràng là sự ứng nghiệm của lời hứa Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 3:15; 12:1-3.
Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

66:18 "(Bởi vì) Ta biết việc làm và ý tưởng của họ " Đức Chúa Trời biết tấm lòng của tất cả mọi người. Hãy xem bài viết đầy đủ trong Ê-sai 1:2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA biết tư tưởng và ý định của tấm lòng (Ê-sai 66:18; 1 Sa-mu-ên 2:3; 16:7; 1 Các Vua 8:39; 1 Sử Ký 28:9; 2 Sử Ký 6:30; Thi Thiên 7:9; 17:3; 26:2; 44:21; 139:1,23; Pro. 15:11; 16:2; 21:2; 24:12; Giê-rê-mi 11:20; 17:9-10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công Vụ 1:24; 15:8; Rô-ma 8:27).
Chúa Jesus cũng biết những ý tưởng và động cơ trong tấm lòng của con người, Giăng 2:24-25; 6:61,64; 13:11!

66:19 " Ta sẽ đặt một dấu hiệu " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Dấu hiệu (Cựu Ước) (Special Topic: Sign (OT)).

66:20 Đây là một trong vài phần Kinh Thánh nói về những Dân Noại sẽ mang lễ vật và của lễ đến với Giê-ru-sa-lem/đền thờ (Ê-sai 2:2-3; 56:7; Thi Thiên 22:27; 86:9; Giê-rê-mi 3:17; Mi-chê 4:1-2).

66:22 Hãy xem bài ghi chú đầy đủ tại Ê-sai 65:17.
ĐỘNG TỪ "tồn tại" (BDB 763, KB 840) được sử dụng hai lần.

1. Trời mới đất mới sẽ tồn tại– *Qal* PHÂN TỪ (hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-sai 62:2)
2. Dòng dõi trung tin sẽ tồn tại – *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Từ này, dù được sử dụng khá thường xuyên trong phần này của Ê-sai (Ê-sai 44:11; 46:7; 47:12,13; 48:13; 50:8; 59:14; 61:5),được dịch là "tồn tại" chỉ một lần duy nhất trong Ê-sai 66:22.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Này, Đời Sắp Đến (Special Topic: This Age and the Age to Come)

Chủ Đề Đặc Biệt: Những Điều Cũ. . .Những Điều Mới (Special Topic: Old Things. . .New Things)

66:23 " Mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Ta, Đức Giê-hô-va phán " ĐỘNG TỪ này (BDB 1005, KB 295) là một *Hishtapael* hiếm (chỉ được thấy duy nhất ở đay). Đây rõ ràng là một sự ngụ ý chỉ về đức tin độc thần. Để xem mọt danh sách về một sự nhấn mạnh toàn cầu này trong Ê-sai hãy xem 45:22.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần (Special Topic: Monotheism)

Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Đời Đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Special Topic: YHWH's Eternal Redemptive Plan)

66:24 Đây là một sự mô tả về những kẻ không trung tín của cả người Do Thái và Dân Ngoại. Tôi không nghĩ rằng một người có thể xây dựng một nền tảng thần học về sự đoán phạt lai thế học dựa trên câu này. Đây có thể là

nguồn gốc của từ *Gehenna* được sử dụng bởi Chúa Jesus, vốn có nghĩa là "trũng của những con trai của Hi-nom," vốn đã là một nơi đổ rác của Giê-ru-sa-lem. Chúa Jesus sử dụng từ đó để mô tả về một sự phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời. Chú ý những yếu tố về sâu bọ không chết và ngọn lửa không tắt. Đó là những ẩn dụ được chọn bởi chính Mình Chúa Jesus để mô tả về số phận của những kẻ chối bỏ tin vào nơi Ngài (Ma-thi-ơ 25:46).

Chủ Đề Đặc Biệt:Người Chết Ở Đâu? (Special Topic: Where Are the Dead?)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Chủ đề trung tâm của Ê-sai 65-66 là gì?
2. Hãy liệt kê những tập tục thờ phượng ngoại giáo trong Ê-sai 65.
3. Ê-sai 65:1 và 2 chỉ đến ai? Tại sao?
4. Điều gì quá độc nhất trong Ê-sai 65 vốn được nhìn thấy cụ thể trong Ê-sai 66:10 và 11?
5. Tại sao Đức Chúa Trời tạo nên trời mới và đất mới?
6. Điều gì đặc biệt trong Ê-sai 66:19-23?

PHỤ LỤC MỘT
GIỚI THIỆU VỀ VĂN THƠ HÊ-BƠ-RƠ

I. PHẦN GIỚI THIỆU
   A. Thể loại văn học này hình thành 1/3 Cựu Ước. Nó đặc biệt thông dụng trong "Bộ Các Sách Tiên Tri" (tất cả (ngoại trừ A-ghê và Ma-la-chi) đều bao gồm thể loại văn thơ) và những phần "Các Sách Văn Thơ" của bộ Kinh Điển Hê-bơ-rơ.
   B. Nó rất khác với văn thơ Tiếng Anh. Văn thơ Tiếng Anh được phát triển từ văn thơ, vốn đầu tiên dựa vào sự phát âm. Văn thơ tiếng Hê-bơ-rơ có rất nhiều điểm chung với văn thơ Ca-na-an. Nó căn bản dựa trên sự cân bằng ý tưởng, những dòng song hành với nhau.
   C. Những sự khám phá khảo cổ học phía bắc của Y-sơ-ra-ên tại Ugarit (Ras Shamra) đã giúp đỡ cho những học giả hiểu được về văn thơ Cựu Ước. Thể loại văn thơ từ thế kỷ thứ 15 TC đã rõ ràng kết nối về văn học với văn thơ Kinh Thánh.

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỂ LOẠI VĂN THƠ
   A. Nó rất cô đọng.
   B. Nó cố để bày tỏ lẽ thật, những cảm nhận hoặc những trải nghiệm qua những hình ảnh.
   C. Nó được viết xuống chứ không phải là đọc lên trước tiên. Nó được cấu trúc một cách cao độ. Cấu trúc này được diễn tả trong:
      1. sự cân xứng của các dòng thơ (Phép song hành)
      2. những sự chơi chữ
      3. những sự chơi chữ qua cách phát âm

III. CẤU TRÚC (Hãy xem quyển, *Introduction to the Old Testament*, được viết bởi R. K. Harrison, trang 965-975)
   A. Giám mục Robert Lowth trong quyển sách của ông, *Lectures on the Sacred Poetry of the Hê-bơ-rơs* (1753) đầu tiên đã mô tả thể loại văn thơ Kinh Thánh như là sự cân xứng của những dòng ý tưởng. những bản dịch hiện đại Tiếng Anh đã được cấu trúc để chỉ ra những dòng của bài thơ.
      1. đồng nghĩa- những dòng thơ diễn tả cùng một ý tưởng trong những lời khác nhau:
         a. Thi Thiên 3:1; 49:1; 83:14; 103:13
         b. Châm Ngôn 19:5; 20:1
         c. Ê-sai 1:3,10
         d. A-mốt 5:24; 8:10
      2. phản đề - những dòng thơ diễn tả những ý tưởng đối nghịch nhau bằng những phương cách của sự tương phản hoặc đề cập đến sự tích cực và sự tiêu cực:
         a. Thi Thiên 1:6; 90:6
         b. Châm Ngôn 1:29; 10:1,12; 15:1; 19:4
      3. tổng hợp – hai hoặc ba dòng tiếp theo phát triển ý tưởng - Thi 1:1-2; 19:7-9; 29:1-2
      4. giao thoa – một cấu trúc của thơ ca diễn tả sứ điệp trong một trật tự tăng lên và giảm xuống. Điểm chính được tìm thấy ở giữa của cấu trúc.
   B. Charles A. Briggs trong quyển sách của ông, *General Introduction to the Study of Holy Scripture* (1899) đã phát triển sang giai đoạn tiếp theo của sự phân tích văn thơ Hê-bơ-rơ:
      1. biểu tượng – một mệnh đề theo nghĩa đen và mệnh đề thứ hai theo nghĩa bóng, Thi 42:1; 103:3
      2. tịnh tiến hoặc nấc-thang – những mệnh đề bày tỏ lẽ thật theo kiểu tăng dần, Thi 19:7-14; 29:1-2; 103:20-22
      3. nội tại – một chuỗi những mệnh đề, thường ít nhất là bốn mệnh đề được liên hệ với cấu trúc nội tại của dòng 1với 4 và dòng 2 với 3 - Thi 30:8-10a
   C. G. B. Gray trong quyển sách của ông, *The Forms of Hê-bơ-rơs Poetry* (1915), đã phát triển khái niệm của những mệnh đề cân xứng một cách sâu hơn bởi:
      1. một sự cân xứng hoàn chỉnh- nơi mà tất cả các từ trong dòng đều được lặp lại hoặc cân xứng

với một từ ở trong dòng thứ hai, Thi Thiên 83:14 và Ê-sai 1:3

2. sự cân xứng không hoàn chỉnh nơi mà những mệnh đề không có độ dài bằng nhau, Thi 59:16; 75:6

D. Ngày hôm nay có một sự tăng trưởng trong sự nhận biết cấu trúc văn học được sắp xếp trong tiếng Hê-bơ-rơ gọi là cấu trúc giao thoa,vốn thường nêu ra một con số của những dòng thơ song hành với nhau (a,b,b,a; a,b,c,b,a) hình thành nên một dạng đồng hồ cát, vốn có dòng (hoặc những dòng) ở trung tâm được nhấn mạnh.

E. Thể loại của cấu trúc theo cách phát âm được hình thành trong văn thơ nói chung, nhưng không thường xuyên trong văn thơ phương đông

1. cách chơi chữ theo bảng chữ cái (thể thơ theo chữ đầu, Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10; Ca Thương 1-4)
2. chơi chữ theo cách phát âm (thể thơ theo sự lặp lại âm đầu, Thi 6:8; 27:7; 122:6; Ê-sai 1:18-26)
3. chơi chữ trên những nguyên âm (trùng âm theo vần điệu, Sáng 49:17; Xuất 14:14; Ê-xê-chi-ên 27:27)
4. chơi chữ trên sự lặp lại của những từ có sự phát âm tương tự với những ý nghĩa khác nhau (sự chơi chữ -paronomasia)
5. chơi chữ trên những từ vốn, khi phát âm, âm thanh giống như những sự vật được đặt tên (tượng thanh-onomatopoeia)
6. sự mở đầu và kết thúc đặc biệt (bao gộp-inclusive)

F. Có một vài thể loại thơ trong Cựu Ước. Một vài thể loại theo chủ đề, một vài thể loại thơ liên hệ theo cấu trúc:

1. bài ca cung hiến - Dân Số Ký 21:17-18
2. bài ca công việc - (được ngụ ý chỉnh ưng không được ghi chép ở trong Các quan xét 9:27); Ê-sai 16:10; Giê-rê-mi 25:30; 48:33
3. bài ca kể chuyện (ballads) - Dân Số Ký 21:27-30; Ê-sai 23:16
4. những bài ca khi uống rượu – tiêu cực, Ê-sai 5:11-13; A-mốt 6:4-7, và tích cực, Ê-sai 22:13
5. những bài ca yêu đương - Nhã Ca, những câu đố đám cưới - Các quan xét 14:10-18, những bài ca đám cưới - Thi 45
6. bài ca thương/bài hát buồn/ tiễn biệt - (ngụ ý chỉ nhưng không được ghi lại trong II Sa-mu-ên 1:17 và trong II Sử ký 35:25)
   II Sa-mu-ên 3:33; Thi 27, 28; Giê-rê-mi 9:17-22; Ca Thương; Ê-xê-chi-ên 19:1-14; 26:17-18; Na-hum 3:15-19)
7. Những bài ca chiến trận- Sáng 4:23-24; Xuất 15:1-18,20; Dân Số Ký 10:35-36; 21:14-15; Giô-suê 10:13; Các quan xét
   5:1-31; 11:34; I Sa-mu-ên 18:6; II Sa-mu-ên 1:18; Ê-sai 47:1-15; 37:21
8. những lời tạ ơn hoặc chúc phước đặc biệt của lãnh đạo - Sáng 49; Dân Số Ký 6:24-26; Phục 32; II Sa-mu-ên 23:1-7
9. những lời ma thuật – Ba-la-am, Dân Số Ký 24:3-9
10. những bài ca thánh- Thi Thiên
11. những bài thơ theo chữ đầu (acrostic) - Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10 và Ca Thương 1-4
12. những sự rủa sả - Dân Số Ký 21:22-30
13. những bài thơ mắng nhiếc - Ê-sai 14:1-22; 47:1-15; Ê-xê-chi-ên 28:1-23
14. quyển sách của những bài thơ chiến trận (Jashar) - Dân Số Ký 21:14-15; Giô-suê 10:12-13; II Sa-mu-ên 1:18

IV. HƯỚNG DẪN GIẢI NGHĨA VĂN THƠ HÊ-BƠ-RƠ

A. Hãy tìm lẽ thật trung tâm của khổ thơ (stanza) hoặc đoạn thơ (strophe) (cái này giống như đoạn văn trong văn xuôi.) Bản RSV là bản dịch hiện đại đầu tiên nhận diện văn thơ bằng những khổ thơ (stanzas). Hãy so sánh những bản dịch khác nhau để tìm những ý tưởng có ích.

B. Nhận diện ngôn ngữ hình bóng và diễn đạt lại bằng văn xuôi. Hãy nhớ thể loại văn học này rất cô đọng, có rất nhiều điều được chừa lại để cho người đọc có thể thêm vào.

C. Hãy chắc chắn nhớ liên hệ những bài thơ dài hơn hướng về một vấn đề với bối cảnh văn mạch (thường là cả sách) và bối cảnh lịch sử của nó.

D. Các Quan Xét 4 & 5 rất có ích để nhìn thấy cách văn thơ mô tả về lịch sử. Các Quan Xét 4 là văn xuôi và Các Quan Xét 5 là văn thơ về cùng một sự kiện (cũng hãy so sánh Xuất 14 & 15).

E. Cố gắng để định dạng được loại song hành được gắn với, dù là đồng nghĩa, phản đề, hoặc tổng hợp. Điều này rất quan trọng.

PHỤ LỤC HAI
GIỚI THIỆU VỀ THỂ LOẠI VĂN HỌC TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

I. GIỚI THIỆU

A. Lời Mở Đầu

1. Cộng đồng tín hữu không đồng ý về cách giải thích lời tiên tri. Các chân lý khác đã được xác lập là loại quan điểm chính thống suốt nhiều thế kỷ, nhưng với điểm này thì không có.
2. Có nhiều giai đoạn về lời tiên tri trong Cựu Ước đã được xác định rõ
   a. tiền quân chủ (trước Vua Sau-lơ)
      (1) các cá nhân được kêu gọi là các tiên tri
         (a) Áp-ra-ham - Sáng thế Ký 20:7
         (b) Môi-se - Dân số Ký 12:6-8; Phục truyền Luật lệ Ký 18:15; 34:10
         (c) A-rôn - Xuất Ai Cập Ký 7:1 (phát ngôn viên của Môi-se)
         (d) Mi-ri-am - Xuất Ai Cập Ký 15:20
         (e) Mê-đát và Ên-đát - Dân số Ký 11:24-30
         (f) Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4
         (g) vô danh - Các Quan Xét 6:7-10
         (h) Sa-mu-ên - I Sa-mu-ên 3:20
      (2) Các đề cập đến các tiên tri như một nhóm - Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5; 18:20-22
      (3) nhóm hoặc phường tiên tri - I Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; I Các vua 20:35,41; 22:6,10-13; II Các vua 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1; v.v.
      (4) Đấng Mết-si-a được gọi là tiên tri - Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15-18
   b. các tiên tri triều đình không có viết thành bản văn (họ tâu với nhà vua) (1) Gát - I Sa-mu-ên 7:2; 12:25; II Sa-mu-ên 24:11; I Sử ký 29:29
      (2) Na-than - II Sa-mu-ên 7:2; 12:25, I Các vua 1:22
      (3) A-hi-gia - I Các vua 11:29
      (4) Giê-hu - I Các vua 16:1,7,12
      (5) vô danh - I Các vua 18:4,13; 20:13,22
      (6) Ê-li - I Các vua 18; II Các vua 2
      (7) Ma-la-chi - I Các vua 22
      (8) Ê-li-sê - II Các vua 2:8,13
   c. các tiên tri có các bản văn chính thống (họ truyền phán cho cả quốc gia cũng như cho nhà vua): từ Ê-sai cho tới Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-ni-ên)

B. Thuật ngữ Kinh Thánh

1. *ro'eh* = tiên kiến (BDB 906), I Sa-mu-ên 9:9. Sự trích dẫn này cho thấy việc chuyển đổi sang chữ *Nabi*, có nghĩa là vị tiên tri và xuất phát do từ gốc có nghĩa là "gọi". *Ro'eh* là từ chữ "nhìn xem" thông thường trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người này hiểu phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn để tìm biết ý Ngài về những việc quan trọng.
2. *hozeh* = tiên kiến (BDB 302), II Sa-mu-ên 24:11; A-mốt 7:12. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của chữ *ro'eh*. Nó xuất phát từ một chữ hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ và có nghĩa là "thấy trong khải tượng." Dạng ĐỘNG TÍNH TỪ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
3. *nabi'* = tiên tri (BDB 611), cùng nguồn gốc của động từ *nabu* trong tiếng Akkadian = "gọi" và chữ *naba'a* trong tiếng Ả Rập = "thông báo". Đây là thuật ngữ thông dụng nhất trong Cựu Ước để chỉ rõ một vị tiên tri. Nó được sử dụng trên 300 lần. Không rõ chính xác từ nguyên , nhưng trong thì hiện tại thì nghĩa "gọi" dường như lựa chọn thích hợp nhất. Để có thể hiểu đúng phải theo cái hình thức (cách) mà Đức Giê-hô-va diễn tả là nhờ A-rôn để Môi-se trao đổi (nói chuyện) với Pha-ra-ôn (xem Xuất Ê-díp- tô Ký 4:10-16; 7:1; Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Tiên tri là người thay mặt cho Chúa để truyền phán với dân sự Ngài (xem A-mốt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên 3:4).
4. Tất cả ba thuật ngữ này được sử dụng cho chức vụ tiên tri trong I Sử ký 29:29; Sa-mu-ên - *Ro'eh*; Na-than - *Nabi*; và Gát - *Hozeh*.

5. Cụm từ *'ish ha - 'elohim* (người của Chúa) có nghĩa rộng hơn cũng chỉ về người phát ngôn cho Chúa. Nó được dùng 76 lần trong Cựu Ước có nghĩa là vị tiên tri.
6. Chữ tiên tri trong Tân Ước có nguồn gốc từ trong tiếng Hy Lạp. Nó gồm có chữ (1) *pro*, có nghĩa là "trước" hoặc là "dành cho" và (2) *phemi*, có nghĩa là nói.

II. ĐỊNH NGHĨA CỦA LỜI TIÊN TRI

A. Thuật ngữ "lời tiên tri" trong tiếng Hê-bơ-rơ có phạm vi ngữ nghĩa rộng hơn trong tiếng Anh. Người Do Thái đặt tên cho những sách lịch sử từ Giô-suê cho đến Các vua (trừ Ru- tơ) là "các tiền tiên tri". Cả Áp-ra-ham (Sáng thế Ký 20:7; Thi thiên 105:5) và Môi-se (Phục truyền Luật lệ Ký 18:18) được xếp vào danh sách tiên tri (cũng như Mi-ri-am, Xuất Ai Cập Ký 15:20). Vì vậy, hãy cẩn thận với định nghĩa tự cho là đúng trong tiếng Anh!

B. "Khuynh hướng tiên tri có thể được định nghĩa cách thích hợp như là sự thấu hiểu về lịch sử, mà trong đó chỉ tiếp nhận ý nghĩa theo những tiêu chuẩn có sự quan tâm thiên thượng, theo mục đích thiên thượng, và có sự tham dự thiên thượng" (*Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 3, trang 896).

C. "Tiên tri là không phải là một triết gia cũng không phải là một nhà thần học hệ thống, nhưng là người trung gian cho giao ước và phân phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài để định hình tương lai của họ bằng cách cải thiện tình trạng hiện thời của họ" ("Các Tiên Tri và Lời Tiên Tri," *Encyclopedia Judaica*, quyển 13, trang 1152).

III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

A. Lời tiên tri là phương cách của Đức Chúa Trời phán truyền cho dân sự của Ngài, cung cấp sự hướng dẫn trong bối cảnh hiện tại của họ cùng với sự trông cậy nơi quyền kiểm soát của Ngài trong cuộc sống của họ và trên các sự kiện trên thế giới. Thông điệp của chúng về căn bản là dành cho tập thể. Nó có ý được dùng để khiển trách, khuyến khích, đem lại đức tin, sự ăn năn và bày tỏ cho dân sự của Chúa về chính Ngài và các kế hoạch của Ngài. Chúng giữ dân sự Chúa luôn trung thành với Giao Ước của Ngài. Nó được thường được dùng để bày tỏ rõ ràng việc Đức Chúa Trời lựa chọn người phát ngôn của Ngài (Phục 13:1-3; 18:20-22). Mục tiêu tối hậu của việc này là chỉ đến hay hướng về Đấng Mết-si-a.

B. Thông thường, vị tiên tri lấy sự khủng hoảng về phương diện lịch sử hay thần học trong thời đại của mình để phóng rọi nó vào một bối cảnh lai thế. Quan điểm về thời kỳ cuối cùng của lịch sử (có mục đích) là độc nhất cho Y-sơ-ra-ên cùng với nhận thức về sự lựa chọn thiêng thượng và những lời hứa giao ước dành cho họ.

C. Chức vụ tiên tri dường như để làm đối trọng (Giê-rê-18:18) và thay thế cho chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm như là một cách để tìm biết ý Chúa. U-rim và Thu-mim được thay thế bởi sứ điệp bằng lời nói từ người phán truyền của Đức Chúa Trời. Chức vụ tiên tri dường như đã biến mất trong Y-sơ-ra-ên sau Ma-la-chi (hoặc thời điểm hoàn thành các sách Sử Ký). Nó không xuất hiện cho đến khi Giăng Báp-tít có mặt khoảng 400 năm sau đó. Không rõ ân tứ "tiên tri" trong Tân Ước liên quan như thế nào với Tiên tri trong Cựu Ước. Những tiên tri trong Tân Ước (Công vụ Các sứ đồ 11:27-28; 13:1; 14:29,32,37; 15:32; I Cô-rinh-tô 12:10,28-29; Ê-phê-sô 4:11) không phải là những người tiết lộ mặc khải mới, nhưng là những người nói ra và nói trước ý muốn của Đức Chúa Trời trong các hoàn cảnh thường xuyên tái diễn.

D. Bản chất lời tiên tri là không phải chủ yếu chỉ dành riêng cho việc tiên đoán. Tiên báo là một trong những cách để xác nhận chức vị và thông điệp của nhà tiên tri, nhưng phải lưu ý "...ít hơn 2% lời tiên tri trong Cựu Ước nói về Đấng Mết-si-a". Ít hơn 5% bày tỏ cách cụ thể về thời kỳ Giao Ước Mới. Ít hơn 1% liên quan đến những sự kiện chưa xảy ra" (Fee & Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 166).

E. Các tiên tri đại diện cho Chúa đến với dân sự, trong khi Thầy Tế Lễ đại diện cho dân sự đến với

Chúa. Đây là sự trình bày tổng quát. Vẫn có những trường hợp ngoại lệ như Ha-ba-cúc nêu lên những câu hỏi với Đức Chúa Trời.

F. Một lý do khiến các tiên tri (trở nên) khó hiểu là vì chúng ta không biết sách của họ được kết cấu như thế nào. Chúng không theo thứ tự thời gian. Chúng dường như là theo chủ đề, nhưng không phải luôn luôn theo cách người ta mong đợi. Thường thì có không có bối cảnh lịch sử rõ ràng, không có khung thời gian, hoặc sự phân chia rõ ràng giữa những lời phán, nên gặp khó khăn (1) khi đọc liên tục suốt cuốn sách chỉ trong một lần (2) hay tóm lược chúng theo chủ đề (3) hoặc xác định chân lý chính yếu hoặc ý định của tác giả trong mỗi lời truyền phán.

IV. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA TIÊN TRI

A. Trong Cựu Ước, dường như có sự mở rộng của khái niệm "tiên tri" và "lời tiên tri". Y-sơ- ra-ên thời kỳ đầu đã phát triển một cộng đồng của các tiên tri, dẫn đầu bởi một nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn mạnh mẽ như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi cụm từ "các con trai của các tiên tri" đã được sử dụng để chỉ nhóm này (II Các vua 2). Các tiên tri nhiều lần được mô tả đặc điểm bởi các hình thức xuất thần (I Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).

B. Tuy nhiên, giai đoạn này trôi qua nhanh chóng để tiến đến thời kỳ của các tiên tri cá nhân. Có những tiên tri (cả tiên tri thật và giả) gắn bó với nhà vua và sống tại cung điện (Gát, Na-than). Đôi khi cũng có những tiên tri độc lập, hoàn toàn không có liên quan với tình trạng hiện thời của xã hội Y-sơ-ra-ên (A-mốt, Mi-chê). Những tiên tri gồm có cả nam và nữ (II Các vua 22:14).

C. Tiên tri thường là người bày tỏ tương lai được dựa vào sự đáp ứng lập tức của một người hoặc của cả dân tộc. Công việc thông thường của vị tiên tri là tiết lộ kế hoạch tầm mức toàn cầu của Chúa cho tất cả tạo vật của Ngài và không bị ảnh hưởng gì bởi sự đáp ứng của con người. Kế hoạch lai thế cho cả hoàn vũ này là độc nhất vô nhị giữa các tiên tri của Y-sơ-ra-ên ở thời Cận Đông cổ đại. Tiên báo và lòng trung thành theo Giao Ước là hai tiêu đề đi chung với nhau trong các sứ điệp tiên tri (xem Fee and Stuart, trang 150). Điều này ám chỉ rằng các tiên tri chủ yếu là chú trọng về tập thể. Họ thường phán với quốc gia Y-sơ-ra-ên (nhưng không phải chỉ dành riêng cho Y-sơ-ra-ên).

D. Đa số những tài liệu tiên tri được trình bày bằng cách truyền miệng. Sau đó nó được phối hợp nhờ vào chủ đề, sắp xếp theo thời gian hoặc theo các cách thức khác của văn học ở vùng Cận Đông mà đã bị thất lạc. Bởi vì nó là truyền miệng nên nó không có cấu trúc như văn xuôi. Điều này làm cho những cuốn sách trở nên khó để có thể đọc qua một lượt và cũng khó hiểu nếu không có bối cảnh lịch sử cụ thể.

E. Các tiên tri sử dụng nhiều kiểu mẫu khác nhau để chuyển tải thông điệp của họ
   1. Quan cảnh tòa án - Chúa kiện dân sự Ngài ra tòa; thường là một vụ ly hôn mà Đức Giê-hô-va bỏ vợ của Ngài (Y-sơ-ra-ên) vì không chung thủy (Ô-sê 4, Mi-chê 6).
   2. Ai ca tang lễ - thể loại sứ điệp bằng loại thơ đặc biệt này (thơ có vần, âm điệu) cùng với lời than đặc trưng "khốn thay" tách nó riêng ra như một hình thức đặc biệt (Ê-sai 5; Ha-ba-cúc 2).
   3. Công bố phước lành theo giao ước - tính chất có điều kiện của Giao ước được nhấn mạnh và các hậu quả (cả tích cực và tiêu cực) được nói rõ ra cho tương lai (Phục truyền luật lệ ký 27-29).

V. CÁC TIÊU CHUẨN KINH THÁNH ĐỂ KIỂM CHỨNG MỘT TIÊN TRI CHÂN CHÍNH

A. Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5 (những tiên báo, dấu hiệu có liên quan đến sự thuần khiết của tôn giáo độc thần)

B. Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-22 (tiên tri giả, tiên tri thật)

C. Cả nam và nữ được chọn và gọi vào chức vụ tiên tri

1. Mi-ri-am - Xuất Ai Cập Ký 15
2. Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4-6
3. Hu-đa - II Các Vua 22:14-20; II Sử ký 34:22-28

D. Trong các nền văn hóa xung quanh, tiên tri được xác nhận bằng cách bói toán. Trong Y- sơ-ra-ên, họ đã được xác nhận bằng
   1. một kiểm chứng thần học - sử dụng danh của Đức Giê-hô-va
   2. một kiểm chứng lịch sử - các lời tiên báo chính xác

VI. CÁC HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI NGHĨA LỜI TIÊN TRI

A. Tìm ý định nguyên thủy của tiên tri (hoặc người biên tập) bằng cách ghi nhận bối cảnh lịch sử và bối cảnh văn học của mỗi lời tiên tri. Thông thường nó liên quan đến việc Dân Y-sơ-ra-ên vi phạm Giao ước Môi-se trong vài cách nào đó.

B. Đọc và giải nghĩa cả lời tiên tri, chứ không phải chỉ một phần, lập dàn ý theo nội dung. Xem nó liên quan như thế nào với những lời tiên tri xung quanh. Cố gắng tóm lược toàn bộ cuốn sách (theo các đơn vị văn học và đến tầm mức của từng phân đoạn).

C. Tạm chấp nhận cách giải thích nghĩa đen của phân đoạn cho đến khi một cái gì đó trong bản văn chỉ ra cách dùng hình bóng; sau đó cố gắng đặt ngôn ngữ hình bóng vào thể văn xuôi.

D. Phân tích hành động biểu tượng theo ý nghĩa của bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Cần nhớ rằng đây là thể loại văn chương cổ vùng Cận Đông, chứ không phải văn học phương Tây hiện đại.

E. Nghiên cứu những tiên báo cách cẩn trọng
   1. Có phải chúng chỉ dành riêng cho thời đại của tác giả không?
   2. Chúng đã được ứng nghiệm sau đó trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên chưa?
   3. Phải chăng chúng vẫn là sự kiện tương lai?
   4. Chúng có được ứng nghiệm hiện thời và sẽ còn được ứng nghiệm trong tương lai không?
   5. Để cho các tác giả Kinh Thánh (chứ không phải tác giả thời hiện đại) hướng dẫn câu trả lời của bạn.

F. Đặc Biệt Quan Tâm:
   1. Sự tiên báo có đòi hỏi đáp ứng có điều kiện không?
   2. Có biết chắc lời tiên tri nói với ai không (và tại sao)?
   3. Về phương diện Kinh thánh và lịch sử thì có thể nào có sự ứng nghiệm nhiều lần không?
   4. Được linh cảm, các tác giả Tân Ước có thể nhìn thấy Đấng Mết-si-a ở nhiều chỗ trong Cựu Ước nhưng chúng ta thì không thấy rõ. Dường như họ sử dụng phương thức hình bóng hoặc cách dùng từ (đặc biệt). Vì chúng ta không được linh cảm nên tốt nhất là chúng ta nên dành riêng cách tiếp cận này cho họ (các tiên tri).

VII. CÁC SÁCH HỮU ÍCH

A. *A Guide to Biblical Prophecy* của Carl E. Armerding và W. Ward Gasque
B. *How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Douglas Stuart
C. *Tôi tớ Tas the Prophets* của Edward J. Young
D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* của D. Brent Sandy
E. *Cracking the Old Testament Code,* D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr.

PHỤ LỤC BA
LƯỢC KHẢO VẮN TẮT LỊCH SỬ

Một lược khảo vắn tắt lịch sử của Những Đế Quốc Vùng Mê-sô-bô-ta-mi (Ngày tháng đều dựa theo quyển *A History of Y-sơ-ra-ên* của John Bright, từ trang 462):

I. Đế quốc A-si-ri (Sáng thế Ký 10: 11)

A. Tôn giáo và văn hóa chịu ảnh hưởng nhiều từ Đế chế của người Su-me, Ba-by-lôn.

B. Danh sách giả định về những người lãnh đạo và những thời điểm ước đoán:

1. 1354-1318 - Asshur-Uballit I:
   a. Chinh phục thành phố Carchemish của người Hittite
   b. Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng Hittite và cho phép A-si-ri phát triển
2. 1297-1266 - Adad-Nirari I (vị vua hùng mạnh)
3. 1265-1235 - Sanh-ma-na-sa I (vị vua hùng mạnh)
4. 1234-1197 - Tukulti-Ninurta I
   - Người đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở phía nam
5. 1118-1078 - Tiếc-la-Phi-lê-se I
   - A-si-ri trở thành một cường quốc ở vùng Mê-sô-pô-ta-mi
6. 1012 - 972 - Ashur-Rabi II
7. 972 - 967 - Ashur-resh-Isui II
8. 966 - 934 - Tiếc-la-Phi-lê-se II
9. 934 - 912 - Ashur-Dan II
10. 912 - 890 - Adad-Nirari II
11. 890 - 884 - Tukulti-Ninurta II
12. 883 - 859 - Asshur-Nasir-Apal II
13. 859 - 824 - Sanh-ma-na-sa III
    - Trận chiến Qarqar năm 853
14. 824-811 - Shamashi-Adad V
15. 811-783 - Adad-Nirari III
16. 781-772 - Sanh-ma-na-sa IV
17. 772-754 - Ashur-Dan III
18. 754-745 - Ashur-Nirari V
19. 745-727 - Tiếc-la-Phi-lê-se III:
    a. Được gọi là Phun theo tước hiệu triều đại Ba-by-lôn, trong II Các Vua 15:19
    b. Vị vua rất hùng mạnh
    c. Bắt đầu chính sách lưu đày các dân tộc bị chinh phục
    d. Vào năm 735 trước Chúa, liên minh "Syro-Ephramatic" được thành lập nhằm thống nhất tất cả các lực lượng quân sự sẵn có của các quốc gia trong vùng lưu vực sông Giô đanh (transjordan) từ sông Ơ-phơ-rát cho đến Ai Cập với mục đích cân bằng lại với sức mạnh quân sự đang nổi lên của A-sy-ri. A-cha, vua của Giu-đa đã từ chối tham gia và bị Y-sơ-ra-ên và Sy-ri xâm lược. Ông làm ngược lại lời khuyên của Ê-sai (xem II Các vua 16; Ê-sai 7-12) mà viết thơ nhờ Tiếc-la-Phi-lê-se III cứu giúp.
    e. Năm 732 Tiếc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm và chinh phục Sy-ri cũng như Y-sơ-ra-ên và đặt Ô-sê làm một vị vua chư hầu trên ngai Y-sơ-ra-ên (732-722). Hàng ngàn người Do Thái thuộc vương quốc miền Bắc bị đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15).
20. 727-722 - Sanh-ma-na-sa V
    a. Vua Ô-sê liên minh với Ai Cập và bị A-sy-ri xâm lược (xem II Các vua 17)
    b. Sa-ma-ri bị bao vây năm 724 trước Chúa
21. 722-705 - Sargon II:
    a. Sau ba năm bao vây lúc đầu là do Sanh-ma-na-sa V nhưng người kế vị của ông là Sargon II đã

chinh phục Sa-ma-ri, kinh đô của Y-sơ-ra-ên. Hơn 27.000 người bị lưu đày đến nước Mê-đi.
b. Đế chế Hittite cũng bị chinh phục.
c. Trong khoảng 714-711, một liên minh khác của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy chống lại A-sy-ri. Liên minh này được biết đến là "cuộc nổi loạn Ashdad." Ngay lúc đầu vua Ê-xê-chia của Giu-đa cũng có tham gia. A-sy-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố của người Phi-li-tin.

22. 705-681 - San-chê-ríp:
    a. Năm 705, một liên minh của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy sau khi Sargon II chết. Ê-xê-chia hoàn toàn hỗ trợ cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm chiếm năm 701. Cuộc nổi loạn đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem đã được cứu thoát qua cách làm của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các vua 18-19).
    b. San-chê-ríp cũng dập tắt các cuộc nổi loạn trong xứ Ê-lam và Ba-by-lôn.
23. 681-669 - Esarhaddon:
    a. Vị vua người A-sy-ri đầu tiên tấn công và chinh phục Ai Cập
    b. Có nhiều thiện cảm với Ba-by-lôn và xây dựng lại thủ đô của nó
24. 669-633 - Ashurbanipal:
    a. Còn được gọi là Ô-náp-ba trong E-xơ-ra 4:10
    b. Anh trai của ông Shamash-shum-ukin đã được phong làm vua Ba-by-lôn (sau đó bị giáng chức phó vương). Điều này mang lại nhiều năm hòa bình giữa A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một mầm mống độc lập nổ ra vào năm 652 dưới sự lãnh đạo của anh trai ông (người đã bị giáng chức làm phó vương).
    c. Sụp đổ của Thebes, năm 663 trước Chúa
    d. Đánh bại Ê-lam, 653, 645 trước Chúa
25. 633-629 - Asshur-Etil-Ilani
26. 629-612 - Sin-Shar-Ishkun
27. 612-609 - Asshur-Uballit II:
    a. Lên ngôi vua trong khi bị lưu đày tại Haran
    b. Sự sụp đổ của Assher năm 614 trước Chúa và Ni-ni-ve năm 612 trước Chúa

II. Đế quốc Tân Ba-by-lôn:

A. 703 - Merodach-Baladan
   - Bắt đầu các cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của A-sy-ri

B. 652 Shamash-shum-ukin:
   1. Con của Esarhaddon và anh của Asshurbanipal
   2. Ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-si-ri nhưng đã bị đánh bại

C. 626-605 Nabopolassar:
   1. Là vị vua đầu tiên của đế quốc Tân-Ba-by-lôn
   2. Ông tấn công A-si-ri từ phía nam trong khi Cyaxares người Mê-đi tấn công từ phía đông bắc
   3. Thủ đô cũ của A-si-ri Asshur sụp đổ năm 614 và thủ đô hùng mạnh mới là Ni-ni-ve sụp đổ năm 612 trước Chúa
   4. Phần còn lại của quân đội A-si-ri rút lui về Haran. Họ còn lập ra một vị vua nữa.
   5. Năm 608, Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) tiến quân về phía bắc để giúp phần còn lại của quân đội A-si-ri với mục đích tạo ra một vùng đệm chống lại cường quốc Ba-by-lôn đang nổi lên. Vị vua Giu-đa tin kính là Giô-si-a (xem II Các vua 23) chống lại cuộc hành quân của quân đội Ai Cập ngang qua xứ Pa-léc-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Megiddo. Giô-si-a đã bị thương và chết (II Các vua 23:29-30). Con trai ông là Giô-a-cha được phong làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đến quá trễ nên không ngăn cản được quân đội A-sy-ri bị tiêu diệt tại Haran. Ông đã tiến đánh quân Ba-by-lôn do thái tử Nê-bu-cát-nết-sa II chỉ huy và bị bại trận thảm hại năm 605 (trước Chúa) tại Carchemesh trên sông Ơ-phơ-rát.

      Trên đường trở về Ai Cập, Pha-ra-ôn Nê-cô dừng lại đánh chiếm thành phố Giê-ru-sa-lem. Ông bắt lưu đày Giô-a-cha (chỉ lên ngôi có ba tháng). Ông đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên ngôi (xem II Các vua 23:31-35).

6. Nê-bu-cát-nết-sa II đuổi theo quân đội Ai Cập về phía nam ngang qua xứ Pa-léc-tin, nhưng ông nhận được tin cha mình chết và trở về Ba-by-lôn để lên ngôi. Cũng trong năm đó ông quay trở lại xứ Pa-léc-tin. Ông vẫn để Giê-hô-gia-kim trên ngôi vua Giu-đa, nhưng lưu đày hàng ngàn người ưu tú trong dân chúng và một số thành viên hoàng tộc. Đa-ni-ên và những người bạn ở trong số những người đi lưu đày lần này.

D. 605-562 - Nê-bu-cát-nết-sa II:
   1. Từ 597-538, Ba-by-lôn hoàn toàn kiểm soát xứ Pa-léc-tin.
   2. Năm 597, Vua Giê-hô-gia-kim liên minh với Ai cập nên ở Giê-ru-sa-lem có thêm một cuộc đi đày nữa (II Các vua 24). Ông chết trước khi Nê-bu-cát-nết-sa II tiến vào. Giê-hô-gia-kin con trai của ông chỉ làm vua được ba tháng rồi bị đi lưu đày sang Ba-by-lôn. Tiên tri Ê-xê-chi-ên thuộc trong số mười nghìn người bị đưa đến ở gần các thành phố Ba-by-lôn bên bờ kênh Kê-ba.
   3. Sau một thời gian thân thiện với Ai Cập, đến năm 586 thành phố Giê-ru-sa-lem bị Nê-bu-cát-nết-sa phá hủy hoàn toàn (II Các vua 25) và rất nhiều người bị đưa đi lưu đày. Sê-đê-kia được đưa lên làm vua thay cho Giê-hô-gia-kin cũng bị đi lưu đày và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm tổng đốc.
   4. Ghê-đa-lia đã bị quân nổi loạn của người Do Thái giết. Quân nổi loạn này trốn sang Ai Cập và bắt Giê-rê-mi đi theo với họ. Nê-bu-cát-nết-sa xâm lược lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và tìm bắt tất cả những người Do Thái còn lại đưa đi lưu đày.

E. 562-560 - Ê-vinh-mê-rô-đác, con trai của Nê-bu-cát-nết-sa, cũng được gọi là Amel-Marduk (trong tiếng Akkadian, "người của thần Marduk")
   - Ông tha cho Giê-hô-gia-kin ra khỏi ngục, nhưng vẫn phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25:27-30; Giăng 52:31).

F. 560-556 - Neriglissar (Nẹt-gan-Sa-rết-sê?)
   - Ông ám sát Ê-vin-mê-rô-đác, là anh rể của mình
   - Trước đây ông là tướng của Nê-bu-cát-nết-sa đã phá hủy Giê-ru-sa-lem (xem Giê-rê-mi 39:3,13)

G. 556 - Labaski-Marduk
   - Ông là con của Neriglissar nắm giữ vương quyền khi còn là một cậu bé, nhưng đã bị ám sát chỉ chín tháng sau đó (Berossos).

H. 556-539 - Nabonidus (trong tiếng Akkadian là "Nê-bô được tôn quý"):
   1. Nabonidus không có liên hệ với dòng dõi hoàng gia nên ông kết hôn với một người con gái của Nê-bu-cát-nết-sa
   2. Ông đã dành hầu hết thời gian xây dựng một ngôi đền cho "Sin" là thần mặt trăng ở Tema. Ông là con trai của nữ thượng tế của nữ thần này. Điều này khiến ông trở thành kẻ thù của các thầy tế của thần Marduk, là vị thần chính của Ba-by-lôn.
   3. Ông đã dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng dập tắt các cuộc nổi dậy (ở Sy-ri và Bắc Phi) và ổn định vương quốc.
   4. Ông đã chuyển đến ở Tema và giao công việc triều chính tại thủ đô Ba-by-lôn cho con trai của mình là Bên-xát-sa (xem Đa-ni-ên 5).

I. ? - 539 – Bên-xát-sa (đồng trị vì)
   -Thành phố Ba-by-lôn đã thất thủ nhanh chóng trước quân đội Ba Tư dưới sự chỉ huy của Gobryas of Gutium làm đổi dòng chảy nên nước của sông Ơ-phơ-rát chảy vào thành phố và họ tiến vào mà không bị kháng cự. Các thầy tế và dân trong thành phố đã xem người Ba Tư là những người giải phóng và phục hồi lại thần Marduk. Gobryas đã được Si-ru II lập làm tổng đốc Ba-by-lôn. Có thể Gobryas là Đa-ri-út Mê-đi trong Đa-ni-ên 5:31; 6:1 "Đa-ri-út" có nghĩa là "người thuộc hoàng tộc."

III. Đế quốc Mê-đi-Ba Tư: Sơ lược về việc nổi dậy của Si-ru II (Ê-sai 41:2,25; 44:28-45:7; 46:11; 48:15):

A. 625-585 - Cyaxares là vua của Mê-đi đã giúp Ba-by-lôn đánh bại A-sy-ri.
B. 585-550 - Astyages là vua của Mê-đi (thủ đô là Ecbatana). Si-ru II là cháu trai của ông, con của

Cambyses I (600-559, Ba Tư) và Mandane (con gái của Astyages, Mê-đi).

C. 550-530 – Si-ru II of Ansham (phía đông Ê-lam) là một vị vua chư hầu nổi dậy:
   1. Nabonidus vua Ba-by-lôn hỗ trợ Si-ru.
   2. Tướng của Astyages là Harpagus dẫn quân đội của ông tham gia cuộc nổi dậy của Si-ru.
   3. Si-ru II hạ bệ Astyages.
   4. Để lập lại sự cân bằng thế lực, Nabonidus đã liên minh với:
      a. Ai Cập
      b. Croesus, vua của Lydia (Tiểu Á)
   5. 547 - Si-ru II đưa quân đánh Sardis (thủ đô của Lydia) và nó đã sụp đổ năm 546 trước Chúa
   6. 539 - Vào giữa tháng mười, cả hai tướng Ugbaru và Gobryas ở Gutium đem đội quân của Si-ru chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự. Ugbaru đã được lập làm tổng đốc nhưng vài tuần sau chết vì bị thương lúc chiến tranh. Sau đó Gobryas đã được lập làm tổng đốc của Ba-by-lôn.
   7. 539 - Vào cuối tháng mười, Si-ru II Đại đế đích thân tiến vào Ba-by-lôn như một người giải phóng. Chính sách thân thiện của ông đối với các các nước đã đảo ngược lại chính sách bắt đi lưu đày đã có trong nhiều năm và nó trở thành chính sách quốc gia.
   8. 538 - Người Do Thái và các dân tộc khác (tham khảo Cylinder Si-ru) đã được phép trở về quê hương và xây dựng lại ngôi đền trong địa phương của họ (xem II Sử ký 36:22,23, E-xơ-ra 1:1-4). Ông cũng đã trả lại những đồ dùng trong Đền thờ của Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy đem vào đền thờ của thần Marduk tại Ba-by-lôn (xem E-xơ-ra 1:7-11; 6:5).
   9. 530 - Con của Si-ru là Cambyses II đã đồng nhiếp chính một thời gian ngắn, nhưng cũng trong năm đó Si-ru đã chết trong một chiến dịch quân sự.

D. 530-522 - Triều đại của Cambyses II
   1. Sáp nhập nước Ai Cập vào đế quốc Mê-đi-Ba Tư vào năm 525 trước Chúa;
   2. Ông cai trị không được lâu:
      a. Một số người nói ông tự sát;
      b. Heroditus cho biết ông dùng kiếm của ông để tự làm mình bị thương trong lúc cưỡi ngựa và chết vì bị nhiễm trùng.
   3. Pseudo-Smerdis (Gaumata) - 522 có chiếm đoạt ngai vàng trong một thời gian ngắn

E. 522-486 - Đa-ri-út I (Hystapes) cai trị
   1. Ông không thuộc dòng dõi hoàng tộc nhưng là một tướng lĩnh quân đội.
   2. Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh giống như kế hoạch của Si-ru (xem E-xơ-ra 5-6, cũng như trong suốt giai đoạn của A-ghê và Xa-cha-ri).
   3. Ông đã đúc tiền giống như Lydia
   4. Ông đã tìm cách xâm lược Hy Lạp nhưng bị đẩy lui.

F. 486-465 - Triều đại của Xét-xe I:
   1. Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập
   2. Dự tính xâm lược Hy Lạp nhằm thực hiện ước mơ của người Ba Tư, nhưng đã bị đánh bại trong cuộc chiến tại Thermopoly năm 480 trước Chúa và tại Salamis năm 479 trước Chúa
   3. Ông là chồng của Ê-xơ-tê cũng được gọi là A-suê-ru trong Kinh Thánh. Ông bị ám sát năm 465 trước Chúa

G. 465-424 - Ạt-ta-xét-xe I (Longimanus) trị vì (xem E-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
   1. Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi gặp phải cuộc nội chiến với người Pelopanisian
   2. Hy Lạp phân chia (Athens - Pelopanisian)
   3. Cuộc nội chiến tại Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
   4. Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được vững mạnh
   5. Triều đại ngắn ngủi của Xét-xe II và Sekydianos - 423

H. 423-404 - Đa-ri-út II (Nothos) trị vì

I. 404-358 - Ạt-ta-xét-xe II (Mnemon) trị vì

J. 358-338 - Ạt-ta-xét-xe III (Ochos) trị vì

K. 338-336 - Arses trị vì

L. 336-331 - Đa-ri-út III (Codomannus) trị vì cho đến trận chiến Issus năm 331 và bị người Hy-lạp đánh

bại

IV. Lược khảo nước Ai Cập:

A. Hyksos (Các vị vua "mục tử" - những nhà cai trị Semitic) -1720/10-1550

B. Triều đại thứ 18 (1570-1310):
1. 1570-1546 - Amosis
   a. Lập thủ đô Thebes
   b. Xâm lược miền nam Ca-na-an
2. 1546-1525 - Amenophis I (Amenhotep I)
3. 1525-1494 - Thutmosis I
4. 1494-1490 - Thutmosis II - kết hôn với con gái của Thutmosis I, Hatshepsut
5. 1490-1435 - Thutmosis III (cháu trai của Hatshepsut)
6. 1435-1414 - Amenophis II (Amenhotep II)
7. 1414-1406 - Thutmosis IV
8. 1406-1370 - Amenophis III (Amenhotep III)
9. 1370-1353 - Amenophis IV (Akhenaten)
   a. Thờ thần mặt trời, Aten
   b. Thiết lập một hình thức thờ lạy thần tối cao (thuyết độc thần)
   c. Những lá thư Tel-El-Amarna có trong giai đoạn này
10. ? Smenkhare
11. ? Tutankhamun (Tutankhaten)
12. ? Ay (Aye-Eye)
13. 1340-1310 Haremhab

C. Triều đại thứ 19 (1310-1200):
1. ? Rameses I (Ramses)
2. 1309-1290 - Seti I (Sethos)
3. 1290-1224 - Ramesses II (Ramses II)
   a. Theo những bằng chứng khảo cổ học, dường như Pha-ra-ôn nầy trị vì khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập
   b. Xây dựng các thành phố Avaris, Pithom và Ramses bởi Habaru (có thể các nô lệ người Semites hoặc Hê-bơ-rơ)
4. 1224-1216 - Marniptah (Merenptah)
5. ? Amenmesses
6. ? Seti II
7. ? Siptah
8. ? Tewosret
9.

D. Triều đại thứ 20 (1180-1065)
1. 1175-1144 - Rameses III
2. 1144-1065 - Rameses IV – XI

E. Triều đại thứ 21 (1065-935):
1. ? Smendes
2. ? Herihor

F. Triều đại thứ 22 (935-725 – Libyan [người Li-bi]):
1. 935-914 - Shishak (Shosenk I hoặc Sheshong I)
   a. Bảo vệ Giê-rô-bô-am I cho đến khi Sa-lô-môn qua đời
   b. Chinh phục xứ Pa-léc-tin khoảng năm 925 (xem Các vua I 14-25; II Sử ký 12)
2. 914-874 - Osorkon I
3. ? Osorkon II
4. ? Shoshnek II

G. Triều đại thứ 23 (759-715 – Libyan [người Li-bi])

H. Triều đại thứ 24 (725-709)

I. Triều đại thứ 25 (716/15-663 [người Ê-thi-ô-bi] Ethiopian, Nubian):
   1. 710/09-696/95 - Shabako Shabaku
   2. 696/95-685/84 - Shebteko Shebitku
   3. 690/689, 685/84-664 - Tirhakah (Taharqa)
   4. ? Tantamun

J. Triều đại thứ 26 (663-525 - Saitic):
   1. 663-609 - Psammetichus I (Psamtik)
   2. 609-593 - Neco II (Necho)
   3. 593-588 - Psammetichus II (Psamtik)
   4. 588-569 - Apries (Hophra)
   5. 569-525 - Amasis
   6. ? - Psammetichus III (Psamtik)

K. Triều đại thứ 27 (525-401 - Ba Tư):
   1. 530-522 - Cambyses II (con trai của Si-ru II)
   2. 522-486 – Đa-ri-út I
   3. 486-465 – Xét-xe I
   4. 465-424 - Ạt-ta-xét-xe I
   5. 423-404 – Đa-ri-út II

L. Một số triều đại ngắn (404-332)
   1. 404-359 - Ạt-ta-xét-xe II
   2. 539/8 - 338/7 - Ạt-ta-xét-xe III
   3. 338/7 - 336/7 - Arses
   4. 336/5 - 331 – Đa-ri-út III

* Để biết niên đại khác nên tham khảo quyển Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia, quyển 2 trang 231.

V. Lược khảo Hy Lạp:

A. 359-336 - Philip II người Ma-xê-đoan:
   1. Lập ra nước Hy Lạp
   2. Bị ám sát năm 336 trước Chúa

B. 336-323 – A-léc-xăn-đơ II Đại đế (con trai của Phi-líp):
   1. Đánh bại Đa-ri-út III là vua Ba Tư tại trận chiến Isus
   2. Chết vào năm 323 (trước Chúa) ở Ba-by-lôn do một cơn sốt khi 32 hoặc 33 tuổi.
   3. Các vị tướng của A-léc-xăn-đơ chia xé đế chế của ông sau khi ông chết:
      a. Cassender – Ma-xê-đoan và Hy Lạp
      b. Lysimicus - Thrace
      c. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
      d. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin
      e. Antigonus - Tiểu Á (không kéo dài lâu)

C. Seleucids và Ptolemies tranh giành quyền kiểm soát xứ Pa-léc-tin:
   1. Sy-ri (những nhà cai trị của dòng họ Seleucid):
      a. 312-280 - Seleucus I
      b. 280-261 - Antiochus I Soter

c. 261-146 - Antiochus II Theus
d. 246-226 - Seleucus II Callinicus
e. 226-223 - Seleucus III Ceraunus
f. 223-187 - Antiochus III Đại đế
g. 187-175 - Seleucus IV Philopator
h. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes
i. 163-162 - Antiochus V
j. 162-150 - Demetrius I

2. Ai Cập (những nhà cai trị thuộc dòng họ Ptolemaic):
   a. 327-285 - Ptolemy I Soter
   b. 285-246 - Ptolemy II Philadelphus
   c. 246-221 - Ptolemy III Evegetes
   d. 221-203 - Ptolemy IV Philopator
   e. 203-181 - Ptolemy V Epiphanes
   f. 181-146 - Ptolemy VI Philometor
3. Lược khảo vắn tắt:
   a. 301 - xứ Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của nhà Ptolemy trong 181 năm.
   b. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes là vua thứ tám dòng họ Seleucid muốn Hy lạp hóa (Hellenize) người Do Thái bằng thậm chí bằng vũ lực nếu cần thiết:
      (1) Xây dựng vận động trường
      (2) Xây dựng bàn thờ ngoại giáo của thần Zeus Olympius trong Đền thờ
   c. 168 - ngày 13 tháng 12 Antiochus IV Epiphanes cho đặt con heo bị giết trên bàn thờ ở Giê-ru-sa-lem. Một số người xem việc này là sự "phá hoại ghê tởm" được đề cập trong Đa-ni-ên 8.
   d. 167 - Mattathias là thầy tế lễ tại Modin cùng với những người con trai nổi loạn. Người nổi tiếng nhất trong những con trai của ông là Giu-đa Mác-ca-bê, biệt danh là "Giu-đa đao búa."
   e. 165 - ngày 25 tháng 12 - Đền thờ được tái cung hiến. Sự kiện này được gọi là lễ Hanukkah hay là "Lễ hội đốt đèn."

Để xem thảo luận hay về những vấn đề của việc định ngày tháng, quy trình thực hiện và những phỏng định nên xem quyển The Expositors Bible Commentary, quyển 4, trang 10-17.

PHỤ LỤC BỐN
BIỂU ĐỒ CỦA TOÀN BỘ CỰU ƯỚC

(xem trang sau)

MALACHI
ẠTTAXÉTXE I (P)
XÉTXE I –ASUÊRU (P)
ĐARIÚT I (P)
CAMBYSES II (P)
SIRU II (P)
BÊNSÁTXA (B)
NABONIDUS (B)
NÊBUCÁTNÉTXA (B)
NABOPOLASAR (B)
ASHURBANIPAL (A)
ESARHADDON (A)
SANCHÊRÍP (A)
SARGON II (A)
SHALMANEZAR V (A)
TIGLATH PILESER III (A)
BATƯ
BABYLÔN
ASYRI
SYRI
PHILITIN
CANAAN
AICẬP
ÊXƠRA 7-10
NÊHÊMI
ÊXƠTÊ
ÁPĐIA
GIÔÊN
AGHÊ
XACHARI
ÊXƠRA 1-6
LƯU-ĐÀY
GIÊRÊMI
ÊXÊCHIÊN
ĐANIÊN
NAHUM
HABACÚC
SÔPHÔNI
GIÔNA
AMỐT
Ô-SÊ
ÊLISÊ
ÊLI
ÊSAI
MICHÊ
YSƠRAÊN
GIUĐA
RUTƠ-
COX
S(SDS)
I & II
SAMUÊN
I & II
CÁC VUA
I SỬ KÝ
II SỬ KÝ
GIÓP
SÁNG
12-50
LÊVI.
XUẤT.
DÂN.
PHỤC.
GIÔSUÊ
SÁNG 1-11
THÁP BABÊN (4)
LỤT ĐỜI NÔÊ (3)
SỰ SA NGÃ LOÀI NGƯỜI (2)
SỰ SÁNG TẠO (1)
TƯỜNG THÀNH GIÊRUSALEM – NEHÊMI
CHUYẾN TRỞ VỀ THỨ BA - ÊXƠRA
CHUYẾN TRỞ VỀ THỨ HAI – GIÊRUBABÊN
CHUYẾN TRỞ VỀ THỨ NHẤT – SẾTBAXA
p – GHÊĐALIA (P)
o – SÊĐÊKIA (J)
n – GIÊHÔAKIN (J)
m – GIÊHÔAKIM (J)
l – GIÔACHA (J)
k – GIÔSIA (J)
j – MANASE (J)
i – ÊXÊCHIA (J)
h – ÔXIA (J)
g – GIÊRÔBÔAM II (I)
f – AHÁP (I)
e – GIÊRÔBÔAM I (I)
d – RÊHÔBÔAM (J)
c – SALÔMÔN (UM)
b – ĐAVÍT (UM)
a – SAULƠ (UM)
DR. BOB UTLEY
BIBLE LESSONS IN'L '96

NHỮNG VỊ VUA CÙNG NHỮNG BIẾN CỐ
CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI BA-BY-LÔN, BA TƯ, VÀ HY LẠP

Năm 612 trước Chúa	Thành Ni-ni-ve sụp đổ trước quân đội nước Tân Ba-by-lôn của Nê-bu-cát-nết-sa
608	Pha-ra-ôn Necho II hành quân đến Carchemesh để ngăn chặn sự bành trướng sức mạnh của đế quốc Tân Ba-by-lôn
	Giô-si-a là vua Giu-đa cố gắng ngăn chặn ông
	Giô-si-a chết và con trai ông là Giô-a-cha lên ngôi.
	Cai trị được 3 tháng thì Pha-ra-ôn Necho II đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên thay ông.
	Pa-léc-tin và Sy-ri-a đều ở dưới sự cai trị của Ai Cập
	Những cải cách của Giô-si-a bị tiêu tan
605	Nabopolassar gửi quân sang đánh quân đội còn sót lại của A-sy-ri và Ai Cập tại Carchemesh
	Nê-bu-cát-nết-sa đã đánh đuổi cho đến vùng đồng bằng của xứ Pa-léc-tin
	Nê-bu-cát-nết-sa được tin cha mình (Nabopolassar) chết vì vậy ông trở về Ba-by-lôn để lên ngôi vua
	Trên đường trở về, ông bắt Đa-ni-ên cùng với những thành viên khác trong hoàng tộc đi lưu đày
605 - 538	Ba-by-lôn cai trị xứ Pa-léc-tin, năm 597 có 10.000 người bị lưu đày đến Ba-by-lôn
586	Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá hủy và rất đông người bị lưu đày.
582	Bởi vì những chiến binh du kích người Do Thái giết Ghê-đa-lia nên có thêm một cuộc lưu đày có rất nhiều người nữa.

NHỮNG NGƯỜI KẾ VỊ NÊ-BU-CÁT-NẾT-SA

562 - 560	Ê-vinh-mê-rô-đác thả Giê-hô-gia-kim (thuộc dòng dõi Đấng Mết-si-a) khỏi nhà giam
560 - 556	Neriglissar
556	Labaski-Marduk trị vì
556 - 539	Nabonidus:
	Dành phần lớn thời gian xây dựng một ngôi đền cho thần mặt trăng, Sin. Điều này gây ra sự thù địch với các thầy tế của thần Marduk.

	Ông dành thời gian còn lại của mình để cố gắng dập tắt cuộc nổi dậy và ổn định vương quốc.
	Ông đã dọn đến Tema và giao công việc triều chính cho con trai của mình là Bên-xát-sa.
	Bên-xát-sa:
	Ông dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng khôi phục trật tự.
	Mối đe dọa lớn đối với Ba-by-lôn là Mê-đi.
	Sự trỗi dậy của Si-ru
585 - 550	Astyages là vua nước Mê-đi (Si-ru II là cháu (ngoại) trai của ông, con của bà Mandane)
550	Si-ru II là vua chư hầu nổi dậy
	Để tạo lại sự cân bằng quyền lực, Nabonidus đã liên minh với: 1. Ai Cập 2. Crecus là vua của Lydia
547	Si-ru đem quân đánh Sardis (kinh đô của Lydia) và chiếm giữ tất cả vùng Tiểu Á
539	Gobiyas chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự nào (Đa-ni-ên 5; Bên-xát-sa và Nabonidus đồng nhiếp chính; cũng có thể Gobiyas là Đa-ri-út người Mê-đi, Đa-ni-ên 5:31).
Ngày 11 tháng 10 năm 539	Si-ru tiến vào như người giải phóng khỏi nữ thần mặt trăng Sin của Nabonidus
	Những vua kế vị Si-ru
530	Cambyses là con của Si-ru kế vị ông
530 - 522	Triều đại của Cambyses (theo bản giấy cói Elephantine Papyri)
	Sáp nhập Ai Cập vào đế quốc Mê-đi - Ba Tư năm 525
522 - 486	Đa-ri-út I lên ngôi cai trị
	Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh (có tổng đốc [tỉnh trưởng] cai trị) theo kế hoạch của Si-ru.
	Ông đã đúc tiền giống như đồng tiền của Lydia
486 - 465	Xét-xe I (Ê-xơ-tê)
	Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập

	Có ý định xâm chiếm Hy Lạp, nhưng đã bị đánh bại trong trận chiến Thermopoly năm 480
	Xét-xe I bị ám sát năm 465
480	Trận chiến tại Thermopoly
465 - 424	Ạt-ta-xét-xe I Longimanus (E-xơ-ra 7-10, Nê-hê-mi, và Ma-la-chi)
	Nước Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi phải đối mặt với cuộc chiến người Pelopanisian
	Chiến tranh kéo dài khoảng 20 năm
	Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được lập lại
423 - 404	Đa-ri-út II
	Cho phép tổ chức lễ bánh không men trong Đền Thờ Elephantine
404 - 358	Ạt-ta-xét-xe II
358 - 338	Ạt-ta-xét-xe III
338 - 336	Arses
336 - 331	Đa-ri-út III

HY LẠP

359 - 336	Phi-líp II người Ma-xê-đoan thành lập nước Hy Lạp
	Ông bị ám sát năm 336
336 - 323	A-léc-xăn-đơ Đại đế (con trai của Phi-líp)
	Đánh đuổi Đa-ri-út II trong trận chiến tại ISUS
	Ông chết vào năm 323 trong xứ Ba-by-lôn do một cơn sốt sau khi chinh phục phía đông Địa Trung Hải và vùng Cận Đông
	Sau khi A-léc-xăn-đơ chết những tướng lãnh chia đế chế của ông để cai trị: 1. Cassasnder – Ma-xê-đoan và Hy Lạp 2. Lysimicus - Thrace 3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn 4. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin 5. Antigonus - một phần nhỏ của Tiểu Á
	Seleucids đối đầu với Ptolemies
301	Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của Ptolemy trong khoảng 100 năm
175 - 163	Antiochus Epiphanes

	Muốn Hy lạp hóa người Do Thái cho xây dựng vận động trường
	Xây dựng những bàn thờ ngoại giáo và những thầy tế lễ bị ngược đãi
Ngày 13 tháng 12, năm 168	Một con heo đã bị giết đặt trên bàn thờ theo lệnh của Epiphanies Antiochus. Một số người xem việc này là sự phá hoại kinh tởm.
167	Mattathias và các con trai nổi loạn. Mattathias bị giết. Giu-đa giữ quyền lãnh đạo.
	Giu-đa Ma-ca-bê thắng lợi bằng cuộc chiến tranh du kích
Ngày 25 tháng 12 năm 165	Đền Thờ được tái cung hiến.

NHỮNG NHÀ CAI TRỊ

BA-BY-LÔN	MÊ-ĐI
626 - 605	Nabopolassar ("Nabu, Kẻ hộ vệ thần Mặt trời") chết
625 - 585	Cyrzares
605 - 562	Nê-bu-cát-nết-sa II ("Nebo, Người bảo vệ biên cương")
	585 - 550 Astyages
562 - 560	Evil Merodack 550 Si-ru II
556	Labaski Marduk
556 - 539	Nabonidus
	Bên-xát-sa
539 -	Gobiyas

MÊ-ĐI - BA TƯ

550 - 530	Si-ru II (538 Mê-đi-Ba Tư hùng mạnh thống trị đế quốc có tên Achaemenian)
530 - 522	Cambyses II (sáp nhập Ai Cập và Cyprus vào đế quốc)
522	Gaumata hoặc Pseudo, Smerdis (trị vì 6 tháng)
522 - 486	Đa-ri-út I (Hystaspes)
486 - 465	Xét-xe I (chồng của Ê-xơ-tê)
465 - 424	Ạt-ta-xét-xe I (E-xơ-ra và Nê-hê-mi về ở trong xứ Pa-léc-tin)
423 -	Ạt-ta-xét-xe II

424 - 404 Đa-ri-út II Nothus

404 - 359 Ạt-ta-xét-xe II Mnemon

359 - 338 Ạt-ta-xét-xe III Ochus

338 - 336 Arses

336 - 331 Đa-ri-út III Codomannus

HY LẠP

359 - 336 Phi-líp II người Ma-xê-đoan

336 - 323 A-léc-xan-đơ Đại đế

323 - Những tướng chia xé đế quốc

1. Cassandea – Ma-xê-đoan

2. Lysimicus – Sy-ri

3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn

4. Ptolemy - Ai Cập
5. Antigonus - Tiểu Á (bị giết năm 301 trước Chúa)

Các vua dòng Ptolemies cai trị xứ Pa-léc-tin, nhưng đến năm 175 - 163 quyền cai trị chuyển sang cho các vua dòng Seleucids

175 - 163 Antiochus IV Epiphanes, vị vua thứ tám thuộc dòng họ Seleucid

* Hầu hết những tên và thời điểm được lấy ra từ quyển *A History of Y-sơ-ra-ên* của John Bright, trang 461-471.

CÁC VUA TRONG THỜI KỲ VƯƠNG QUỐC PHÂN ĐÔI

CÁC VUA GIU-ĐA (I SỬ KÝ 3:1-16; MA-THI-Ơ 1:6-11)					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN			
TÊN&NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN &NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
Rê-hô-bô-am	922- 915	933- 917	931/30-913	I Các Vua 11:43-12:27; 14:21-31 II Sử Ký 9:31-12:16	Giê-rô-bô-am I	922- 901	933- 912	931/30- 910/09	I Các Vua 11:26-40; 12:12- 14:20
A-bi-giam	915- 914	916- 914	913-911/10	I Các Vua 14:31-15:8 II Sử Ký 11:20,22					
A-sa	913- 873	913- 873	911/10- 870/69	I Các Vua 15:8-30; 16:8,10, 23,29; 22:41,43,46 Giê-rê-mi 41:9	Na-đáp Ba-ê-sa	901- 900 900- 877	912- 911 911- 888	910/09- 909/08 909/08- 886/85	I Các Vua 14:20; 31 I Các Vua15:16-16:7; Các Vua.9:9 II Sử Ký 16:1-6 Giê-rê-mi 41:9
Giê-hô-sa-phát	873- 849	873- 849	870/69-848	I Các Vua 15:24; 22:1-51 II Các Vua 3:1-12; 8:16-19 I Sử Ký 3:10 II Sử Ký 17:1-21:1	Ê-la Xim-ri	877- 876 876	888- 887 887	886/85- 885/84 885/84	I Các Vua 16:8-14 I Các Vua 16:9-20
(Giê-hô-ram cùng cai trị)	--------- ---	--------- --	853-848	I Các Vua 22:50 II Các Vua 1:17; 8:16; 12:18	(Tướng Đạo Quân) Ôm-ri (Tướng Đạo Quân)	876- 869	887- 877	885/84- 874/73	II Các Vua 9:31 I Các Vua 16:15-28 II Các Vua 8:26 Mi-chê 6:16
Giê-hô-ram	849-	849-	848-841	I Sử Ký 21:1-20					
(Giô-ram)	842	842		Ma-thi-ơ 1:8					
A-cha-xia	842	842	---------- ----	II Các Vua 8:24-9:29 II Sử Ký 22:1-9	A-háp A-cha-xia	869- 850 850- 849	876- 854 854- 853	874/73-853 853-852	I Các Vua 16:29-22:40 I Các Vua 22:40,41,49,51-53 II Sử Ký 18:1-3,19
A-tha-li (Hoàng hậu)	842- 837	842- 836	841-835	II Các Vua 8:26; 11:1-20 II Sử Ký 22:2-23:21	Giê-hô-ram (Giô-ram)	849- 842	853- 842	852-841	II Các Vua 1:17; 3:1-8:16- 9:29
Giô-ách	837- 800	836- 797	835-796	II Các Vua 11:2-3; 12:1-21 II Sử Ký 22:11-12; 24:1-27	Giê-hu (Tướng Đạo Quân)	842- 815	842- 815	841-814/13	I Các Vua 19:16-17 II Các Vua 9:1-10:36; 15:12 II Sử Ký 22:7-9 Ô-sê 1:4

CÁC VUA GIU-ĐA (I SỬ KÝ 3:1-16; MA-THI-Ơ 1:6-11) [TIẾP.]					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN (TIẾP.)				
TÊN &NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN &NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
A-ma-xia	800-783	797-	796-767	II Các Vua 12:21; 14:1-					
		779		22					
				II Sử Ký 25:1-28					
(Ô-xia	----------	---------	791/90-	II Các Vua 14:21; 15:1-	Giô-a-cha	815-	814-798	814/13-	II Các Vua 10:35; 13:1-
Cùng cai	---	----	767	7		801		798	9
Ô-xia	783-742	779-	767-	II Sử Ký 26:1-23	Giô-ách	801-	798-783	798-	II Các Vua 13:9-13,25
(A-xa-ria)		740	740/39	Ô-sê 1:1; A-mốt 1:1		786		782/81	II Sử Ký 25:17-25
				Xa-cha-ri 14:5					Ô-sê 1:1; A-mốt 1:1
					(Giê-rô-bô-am	---------	----------	793/92-	II Các Vua 13:13;
(Giô-tham	750-742	---------	750-		II Cùng cai	---	----	782/81	14:16,23-29
Cùng cai		----	740/39	II Các Vua15:7,32-					Ô-sê 1:1
Giô-tham	742-735	740-	740/39-	I Sử Ký 5:17					
		736	732/31	II Sử Ký 26:23-27:9	Giê-rô-bô-	786-	783-743	782/81-	A-mốt 1:1; 7:9-11
				Ê-sai 1:1; 7:1	II	746		753	
				Ô-sê 1:1; Mi-chê			743		II Các Vua15:8-12
				1:1	Xa-cha-ri	746-		753-752	
						745			
(A-cha	----------	---------	744/43-	II Các Vua 15:30-16:20	Sa-lum	745	743	752	II Các Vua 15:10,13-15
Cùng cai trị)	---	----	732/31	II Sử Ký 27:9-28:27					
A-cha	735-715	736-	732/31-	Ê-sai 1:1; 7:1ff (từ	Ma-na-hem	745-	743-737	752-	II Các Vua 15:14,16-22
		728	716/15	14:28; 38:8		738		742/41	
				Ô-sê 1:1; Mi-chê 1:1					
(Ê-xê-chia	----------	---------	729-	II Các Vua 16:20; 18:1-	Phê-ca-hia	738-	737-736	742/41-	II Các Vua 15:23-26
Cùng cai	----	----	716/15	20,21		737		740/39	
				II Sử Ký 28:27-Procâu 25:1					
Ê-xê-chia	715-687	727-	716/15-	Ê-sai 1:1; 36:1-39:8	Phê-ca	737-	736-730	740/39-	II Các Vua 15:27-31;
		699	687/86	Ô-sê 1:1; Mi-chê 1:1		732		732/31	16:5
				Ma-thi-ơ 1:9-10					II Sử Ký 28:6; Ê-sai 7:1
(Ma-na-se	----------	---------	696/95-	II Các Vua 20:21-21:18;	Ô-sê	732-	730-722	732/31-	II Các Vua 17:1-18
Cùng cai	---	----	687/86			724		723/22	
				23:12,26; 24:2					
Ma-na-se	687/86-	698-	687/86-	II Sử Ký 32:33-33:20	Sa-ma-ri sụp đổ bởi A-si-ri	724	722	722 T.C	
	642	643	642/41	Giê 15:4ff; II Các 21:18-26		T.C	T.C		
A-môn	642-640	643-	642/41-	II Sử Ký 33:20-25					
		641	640/39	Giê 1:2; Sô-phô-ni I Các Vua 13:2-3					

CÁC VUA GIU-ĐA (TIẾP.)					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN (TIẾP.)				
TÊN &NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN &NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
Giô-si-a	610-609	640-609	640/39-609	II Các Vua 21:24; 22:1-23:30 II Sử Ký 33:25-35:27; Giê-rê-mi 1:2; Sô-phô-ni 1:1 Ma-thi-ơ 1:10-11					
Giô-a-cha	609 (3tháng	609	609	II Các Vua 23:30-34 II Sử Ký 36:1-4					
Giê-hô-gia-kim	609-598	609-598	609-597	II Các Vua 23:34-24:6,19 II Sử Ký 36:4-8 Giê-rê-mi 1:3; 22:18-25:1ff; 26:1ff; 27:1ff; 35:1ff;36:1ff Đa-ni-ên 1:1-2					
Giê-hô-gia-kin	598/97 (3	598	597	II Các Vua 24:6,8-17; 25:27-30 II Sử Ký 36:8-9 Giê-rê-mi 52:31; Ê-xê-1:2					
Sê-đê-kia	597-586	598-587	597-587	II Các Vua 24:17-25:7 II Sử Ký 36:10-11 Giê-rê-mi 1:3; 21:1-7; 24:8-10; 27: 1ff; 32:4-5; 34:1-22; 37:1-39:7; 52:1-11					
Sự Sụp Đổ Giê-ru-sa-lem bởi Ba-by-lôn	586 T.C	587 T.C	587 T.C	Ca Thương					

Để xem một phần thảo luận tốt về những nan đề về niên đại hãy xem quyển *The Mysterious Numbers of the Hê-bơ-rơ Kings* được viết bởi E. R. Thiele.

PHỤ LỤC NĂM
LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thảy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Đấng Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là "một Jêsus khác." Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Đấng Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rủa sả cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

"Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương."